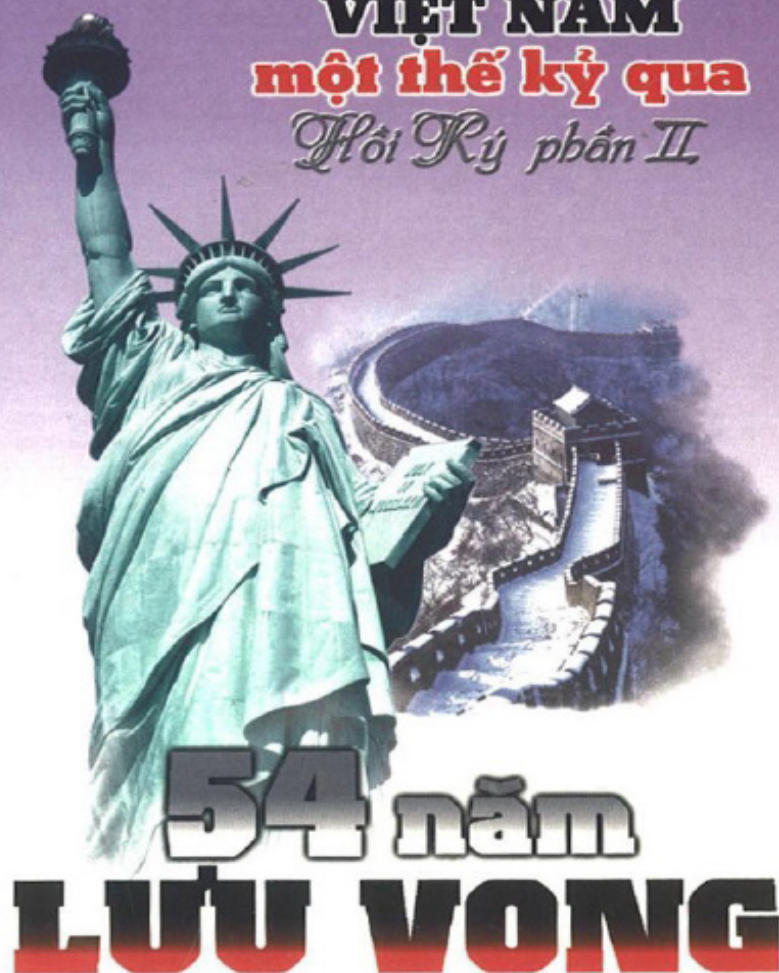


Nguyễn Tường Bách

VIỆT NAM
một thế kỷ qua
Hồi Ký phần II



54 năm
LƯU VONG

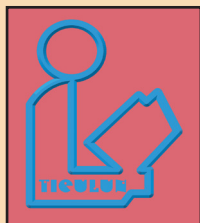
Trung Quốc
1946 - 1988

Hoa Kỳ
1988 - 2000

THẠCH NGŨ xuất bản
2000

**VIỆT NAM MỘT THỂ
KỶ QUA
TẬP 2**

NGUYỄN TƯỜNG BÁCH



MỤC LỤC

Lời Nhà Xuất Bản	11
Thay Lời Nói Đầu	15
Mấy Lời Ngỏ Cùng Bạn Đọc	18
Thêm Vào Lời Nói Đầu Cuốn I	25

A. TẠI TRUNG QUỐC

PHẦN I

TỪ CÔN MINH ĐẾN QUẢNG CHÂU

1946-1949	33
-----------	----

Chương I - Những Ngày Lặn Lội Từ Hà Khẩu Đến Côn Minh	34
--	----

Chương II - Côn Minh, Chặng Đường Đầu - Một Thành Phố, Căn Cứ Địa Của Cách Mạng Việt Nam	58
---	----

Chương III - Tình Hình Trong Nước Biến Chuyển - Đi Quảng Châu	82
--	----

Chương IV - Hội Nghị Hồng Kông 1947 - Chính Kiến Khác Nhau	97
---	----

Chương V - Trên Ngã Ba Đường	109
-------------------------------------	-----

Chương VI - Tang Tóc Đột Nhiên : Anh Long Qua Đời Trên Xe Hỏa	125
--	-----

Chương VII - Đi Nam Kinh Gặp Các Yếu Nhân Quốc Dân Đảng Trung Hoa	135
--	-----

Chương VIII - 1949 - Tìm Con Đường Mới	147
---	-----

Chương IX - Quyết Định Cuối Cùng :

Ở Lại Quảng Châu 161

Chương X - Cộng Quân Trần Tới Quảng Châu.

Dọn Đến Phật Sơn 168

PHẦN II

ĐỊNH CƯ LÀM VIỆC TẠI PHẬT SƠN

DƯỚI CHẾ ĐỘ

CỘNG SẢN TRUNG QUỐC

THỜI KỲ 1949 - 1959 181

Lời Nói Đầu 182

Chương I - Những Tháng Đầu Bất Định Ngồi Tủ 184

Chương II - Tạm Yên Tĩnh. Đăng Ký Ngoại Kiều 193

Chương III - Gặp Anh Em Ở Quảng Châu.

Hồng Kông 207

Chương IV - Tết Lưu Vong Đầu Tiên Tại Trung Cộng
- Được Nhận Vào Làm Bác Sĩ Tại Bệnh Viện 218

Chương V - Cải Cách Ruộng Đất - Ra Hong Kong

Gặp Các Anh Em - Chiến Tranh Triều Tiên 228

Chương VI - Tình Hình Xã Hội Thực Tế Những Cố
Gắng Và Những Lỗi Lầm Của Người Cộng Sản 241

Chương VII - Đời Sống Gia Đình - Vận Động Thanh
Trùng Phản Cách Mạng 247

Chương VII - Cuộc Vận Động «Ba Chồng, Năm
Chồng» - «Đánh Bại Cuộc Tấn Công Điện Cuồng Của

Giai Cấp Tư Sản»	259
Chương IX - 1954-56, Thời Kỳ Êm Lặng Và Thịnh Vượng - Những Làn Sóng Ngầm	279
Chương X - Đại Hội 8 Của Trung Cộng Và Tình Hình Quốc Tế - Những Chuyển Biến Đột Ngột - «Chống Hữu»	289
Chương XI - Từ «Chống Hữu» Cho Tới «Đại Nhảy Vọt» - Đói Lớn	307

PHẦN III

TỪ SỬA SAI ĐẾN ĐẠI CÁCH MẠNG VĂN HÓA BẢO TÁP

1961-1973	326
Chương I - Sửa Sai - Giai Đoạn Ôn Hòa 1961-1964	327
Chương II - Cái Chết Của Nhất Linh Và Của Mẹ - Tang Tóc Lại Vận Động Chính Trị : Tứ Thanh	338
Chương III - Bắt Đầu Nổi Gió Đấu Tranh Về Văn Hóa Tư Tưởng, Thời Kỳ Tiền Cách Mạng Văn Hóa	349
Chương IV - Giai Đoạn Đầu Của Cách Mạng Văn Hóa - Mao Tụ Nắm Quyền - Vệ Binh Đỏ	355
Chương V - Con Bão Táp Tràn Ngập Toàn Quốc	369
Chương VI - «Cách Mạng» Tại Phật Sơn	382
Chương VII - 1967 : Phái Quân Đội Can Thiệp -	

7 | Việt Nam Một Thế Kỷ Qua - Tập 2

Trùng Thanh Hàng Ngũ Giai Cấp, Giáo Dục Cán Bộ	391
Chương VIII - 1969 : Phong Trào Lên Núi Xuống Đồng - Bác Sĩ Chân Đất	403
Chương IX - Đại Hội Thứ 9 Đảng Cs Trung Quốc - Cái Chết Của Lâm Bưu, Kẻ Kế Vị Mao - Tình Hình Quốc Tế	412

PHẦN IV

1973-1988

NHỮNG BIẾN CHUYỂN TẠI VIỆT NAM TRUNG QUỐC DƯỚI ĐẢNG TIỂU BÌNH KẾT THÚC CUỘC LƯU VONG TẠI TRUNG QUỐC

Chương I - Cục Thế Việt Nam Biến Động - Cuộc Tổng Tấn Công Của Bắc Việt Và Sự Sụp Đổ Của Việt Nam Cộng Hòa	425
Chương II - Từ Những Biến Đổi Tại Đông Dương Đến Những Chuyển Động Tại Trung Cộng	437
Chương III - Những Cải Cách Của Đảng Tiểu Bình - Xung Đột Giữa Trung Cộng Và Việt Cộng - Các Con Gái Đi Lấy Chồng...	445
Chương IV - Về Thăm Nước (10.1977)	458
Chương V - Đời Sống Văn Hóa - Đi Thăm Các Nơi	473

Chương VI - Một Giai Đoạn Gay Go - Hoa Kiều Việt Nam Chạy Về Nước - Chiến Tranh Việt Miên-Việt Trung	482
Chương VIII - Thực Chất Về Chính Sách «Cởi Mở» Của Đặng Tiểu Bình	501
Chương IX - Mấy Năm Cuối Cùng Tại Trung Quốc	506
Chương X - Từ Biệt, Trung Quốc !	517
 B. TẠI HOA KỲ	527
Chương I - Những Ngày Đầu Tiên Tại Los Angeles	527
Chương II - Hoa Thịnh Đốn - Virginia - New York - Tượng Nữ Thần Tự Do	539
Chương III - Los Angeles. Quận Cam - Boston - Canada - Về Hoa Kỳ	546
Chương IV - Tình Thế Chung - Biến Động Trên Thế Giới - Hoạt Động Liên Lạc Sự Thành Lập «Ủy Ban Điều Hợp Các Tổ Chức Tranh Đấu Cho VN Tự Do»	556
Chương V - Đòi Văn Bút - Xã Hội Westminster - Mặt Trận Dân Tộc Dân Chủ Việt Nam	565
Chương VI - Hoạt Động Nhân Quyền Và Dân Chủ - Viết Tiểu Thuyết Trên Sông Hồng Cuồn Cuộn	575

9 | Việt Nam Một Thế Kỷ Qua - Tập 2

Chương VII - Tình Thế Chung - Viết Hồi Ký -	
Bà Chi Qua Đời	585
Chương VIII - Hoạt Động Về Nhân Quyền Và Chính	
Trị - Mạng Lưới Nhân Quyền	592
Lời Bạt - Lưu Trung Khảo	601
Phụ Lục	
Trích Trong Cuốn Hồi ức Gia Đình Của Bảo Liên	605
Nguyễn Tường Bách Và Tôi - Mấy Dòng Tâm Sự	605
13. Bạch Hạc Động	608
Phụ Lục	
Thơ Tặng Viễn Sơn Nguyễn Tường Bách	612
Cảm Nghĩ - Những Ánh Sao Mai Trên Bầu Trời Xanh	
Hải Ngoại	613
Ý Kiến Về Con Đường Tương Lai Và Phương Châm	
Đấu Tranh Của Cách Mạng Việt Nam	617
Hoạt Động Kết Hợp	624
Đại Hội Các Tổ Chức Tranh Đấu Cho VNTD	625
Phong Trào Tranh Đấu Cho Tự Do Và Dân Chủ	
Tại Việt Nam	628
Tuyên Cáo - Thành Lập Mặt Trận Dân Tộc Dân Chủ	
Việt Nam	632
Chính Nghĩa - Mười Điểm Chính Sách Của Người	
Việt Tự Do Hải Ngoại	635
Quyết Định Của Đại Hội Nhân Quyền	638
Tiểu Sử Tác Giả	640

Kính dâng

Tất cả những người đã dấn thân và hi sinh
cho tự do, hạnh phúc của dân tộc,

Tất cả những người thân đã kế tiếp nhau ra đi
trong thế kỷ đã qua,

Những người thân đã cùng chung sống với nhau
và cùng trải qua bao khó khăn gian nguy,

Những người đã góp công xây dựng nền văn hóa Việt
Nam,

Tất cả những người cùng chung lý tưởng thực hiện
Tự Do, Dân Chủ, Nhân Quyền trên thế giới,

Với cả lòng khâm phục và cảm ơn của tác giả, mãi
mãi.

Chân thành ghi ơn

Tất cả anh em, bạn hữu đã khuyến khích
và giúp đỡ cuốn sách này ra đời.

Lời Nhà Xuất Bản

Sau khi cuốn Việt Nam Một Thế Kỷ qua - Hồi ký I (1916-1946) ra đời, rất nhiều độc giả gửi thư đến khích lệ và hỏi thăm, khuyến khích việc làm của nhà xuất bản Thạch Ngũ và muốn biết khi nào cuốn Việt Nam Một Thế Kỷ Qua - Hồi ký II sẽ ra đời.

Những lời khen thưởng và khuyến khích đó đã được chuyển đến tác giả Nguyễn Tường Bách. Mặc dù đã cao tuổi và bị những căn bệnh của tuổi già phiền nhiễu, tác giả Nguyễn Tường Bách đã rất cố gắng hoàn thành cuốn Hồi Ký II. Ngày hôm nay cuốn Việt Nam Một Thế Kỷ Qua - Hồi Ký II đã ra mắt độc giả như một cuốn trường thiên tiểu thuyết kể lại cuộc đời lưu vong của một thanh niên nhiệt huyết, một nhà cách mạng yêu nước đã vì tình thế đưa đẩy phải sống xa quê hương đất nước suốt phần đời còn lại. Với bút pháp nhẹ nhàng, đầy cảm tính, tác giả Nguyễn Tường Bách đã diễn tả hết nỗi lòng của một người tha hương khi tuổi còn trẻ, những xung đột nội tâm về lý tưởng cách mạng Quốc Gia của một người Việt Nam nhiệt tình yêu nước và chống ngoại xâm, những quyết định nghịch lý nhưng không khỏi đau lòng khi ở lại Trung Quốc sau khi cộng sản thắng thế. Rồi từ đó, với bối cảnh của một nước

Trung Hoa trên đường thay đổi dưới triều đại Mao Trạch Đông, những sự thật đau thương, sợ hãi, quỷ quyết của chế độ cộng sản Trung Quốc được phơi bày rất tỉ mỉ và xúc động dưới ngòi bút chân thật và xác thực của tác giả Nguyễn Tường Bách. Trung Hoa dưới triều đại Mao Trạch Đông đã được viết rất nhiều qua các sách lịch sử, nghiên cứu hay tiểu thuyết, nhưng để biết ảnh hưởng của chính sách tàn bạo của cộng sản dưới thời Mao Trạch Đông, không gì hay hơn là đọc những trang sách viết về chế độ áp đặt tới mức tột cùng xuống đầu người dân thường ở một tỉnh nhỏ ở Trung Quốc, nơi tác giả Nguyễn Tường Bách đã sống hơn 40 năm. Với những hiểu biết cùng cực về một xã hội Cộng sản Trung Quốc, đời sống của người dân Việt Nam dưới chế độ Cộng sản hiện ra rõ ràng là một ấn bản chậm của Cộng sản Trung Hoa.

Có thể nói những trang sách viết về thời gian của tác giả Nguyễn Tường Bách ở Trung Quốc là những trang sử cận đại của Trung Hoa từ thời Mao Trạch Đông, như thấy rõ nét từ những xáo động và tranh chấp trong cấp lãnh đạo đã ảnh hưởng thô bạo đến đời sống thường ngày của một người dân lành. Từ những cải cách ruộng đất, vận động thanh trừng phản cách mạng, chống hữu, chống xét lại rồi tới vận động tứ thanh và cao điểm là Cách Mạng Văn Hóa, tất cả đều vì tranh chấp quyền lợi

của giai cấp thống trị mà bao nhiêu người dân Trung Quốc vô tội đã phải gánh chịu mọi thảm cảnh bị thương và phi lý, mà mạng người nhiều khi chỉ là một con số trong các bản báo cáo cho đủ chỉ tiêu.

Năm 1988, sau 40 năm sống ở Trung Quốc như một quê hương thứ hai, tác giả Nguyễn Tường Bách lại lưu lạc một lần nữa, vượt Thái Bình Dương tới Hoa Kỳ. Vừa đặt chân tới Hoa Kỳ, tác giả lúc đó đã 72 tuổi, sau một thời gian ngắn gặp gỡ, đoàn tụ với mọi người trong đại gia đình Nguyễn Tường, lại bắt đầu tham gia tích cực vào các hoạt động kết hợp các đảng phái Quốc gia ở hải ngoại, viết rất nhiều bài bình luận và nghiên cứu về Cộng sản và các phương thức đấu tranh với Cộng sản dưới bút hiệu Viễn Sơn (sẽ được gộp lại in thành sách trong tương lai). Tác giả Nguyễn Tường Bách đã di chuyển không ngừng nghỉ ở các thành phố đông dân Việt Nam trên nước Mỹ : hội họp, thuyết trình và vận động cho sự thống nhất và đoàn kết các đảng phái Quốc Gia, và gần đây nhất là hoạt động tích cực trong phong trào vận động Dân Chủ và Nhân Quyền.

Mỗi người đều có một đời sống, nhưng đời sống của tác giả Nguyễn Tường Bách đã gắn liền với vận mạng thăng trầm của lịch sử Việt Nam, đó là số phận nổi trôi của triệu triệu người Việt Nam không chấp nhận Cộng

sản và ngoại bang.

Trong thời gian hoạt động công ích không mệt mỏi, tác giả cũng đã cố gắng sáng tác văn học, như cuốn tiểu thuyết «Trên Sông Hồng Cuồn Cuộn» (1995), cuốn Hồi Ký Việt Nam Một Thế Kỷ Qua, phần I (1998) và nay Hồi Ký phần II, đều do nhà xuất bản Thạch Ngũ cộng tác với tác giả để thực hiện trong những điều kiện khó khăn với sự giúp đỡ quý giá của nhiều thân hữu. Tại đây, nhà xuất bản cùng tác giả xin có lời trân trọng và thành thực cảm tạ tất cả các thân hữu đã có lòng giúp đỡ một cách vô tư. Và mong sẽ còn được sự cộng tác thân tình của tất cả các bạn.

Nhà xuất bản Thạch Ngũ

10-2000

Thay Lời Nói Đầu

(Trong cuốn Hồi Ký đầu tiên xuất bản năm 1981)

Hơn 60 năm trước đây, tôi sinh ra tại một huyện lỵ nhỏ trên con đường xe lửa Hà Nội - Hải Dương, miền Bắc Việt Nam. Lúc đó, không ai ngờ được là ngày hôm nay tôi ngồi tại một thành phố nước ngoài, xa hàng ngàn dặm, để nghiêng xuống dĩ vãng xa xăm của đời mình. Bao nhiêu hình ảnh của đất nước, của gia đình, của xã hội Việt Nam yêu dấu, bao nhiêu sự kiện lịch sử mà tôi đã tự trải qua, lại dồn dập hiện ra như mới một ngày nào.

Cả một thời kỳ trong cuộc đời của một dân tộc, từ những giờ phút tối tăm, bi đát, gần như tuyệt vọng dưới thời Pháp thuộc, cho đến những ngày sôi nổi 1929-1931 và cơn bão táp 1945-1946 mà gia đình tôi và tôi, dù muốn hay không cũng đã bị lôi cuốn vào. Chúng tôi ít nhiều cũng đã đóng một vai trò trên sân khấu lịch sử, đã tham gia vào những phong trào văn nghệ, xã hội, chính trị và những biến cách hồi ấy. Chúng tôi từng gặp những nhân vật lịch sử có một không hai đã góp vào sự quyết định vận mệnh của một dân tộc, đã trải qua những cảnh ngộ độc đáo mà chỉ có thể gặp ở những thời đó. Và ngày nay, chỉ có ngày nay, tôi mới có một tâm

hồn rồi rãi để ôn lại quá khứ.

Viết cuốn Hồi ức này, tôi không muốn gì khác là làm sống lại một phần nào quãng đời đã qua, để hiến cho những ai còn quan tâm đến quá khứ của Việt Nam và những người còn nhớ tới thời thanh niên của mình - và những người trẻ tuổi muốn biết thêm vài khía cạnh của xã hội, về văn nghệ (Tự Lực Văn Đoàn, nhóm Phong Hóa, Ngày Nay), về những diễn biến văn nghệ trước và sau quân Nhật đầu hàng, về sự đấu tranh giữa những phái Quốc Gia và Cộng Sản trong hai năm vật lộn, với sự thất bại cuối cùng của phái quốc gia trong một hoàn cảnh quốc tế thật đặc biệt.

Những sự kiện sẽ thuật lại sự thật hoàn toàn, nhưng tôi không có ý viết lại một cuốn lịch sử. Đương nhiên, người ta có thể đứng vào nhiều khía cạnh khác nhau để nhìn vào các sự kiện. Những cuốn sách lịch sử hay hồi ức đã viết về hồi ấy ở Việt Nam chứng tỏ điều này. Tôi không có ý biện luận với những tác giả quyền uy, cũng không có ý biện bạch cho một quan điểm nào, tuy trong khi viết tôi có thể không tự giác mà đồng tình với những cái gì. Nhưng nếu khi đọc xong cuốn hồi ức này, người xem thu được một cảm tưởng thú vị và có ích, không đến nỗi phí thì giờ, thì tôi tự cho là may mắn quá rồi.

Hồi ức này có liên cập đến rất nhiều nhân vật trong đủ các giới cách mệnh, chính trị, xã hội, văn nghệ của một thời đại. Muốn tránh những sự không tiện có thể xảy ra trên thế giới ngày nay cho một số người, tôi không nêu rõ tên họ hay chỉ dùng tên hiệu thay vào, xin các bạn bè thông cảm. Đánh giá những nhân vật ấy không phải là mục đích của cuốn hồi ức này, và nếu có cũng chỉ là ý kiến cá nhân của riêng tôi.

Nếu có gì sai lầm hay không vừa lòng một ai thì tôi xin lỗi trước, và rất ít khả năng đính chính được.

Tác Giả

Đầu Năm 1980

Mấy Lời Ngỏ Cùng Bạn Đọc

Vào năm 1980, tôi viết cuốn hồi ký đầu tiên, lấy tên là «*Việt Nam những ngày lịch sử - Hồi ký về gia đình Nguyễn Tường*» Với cuốn đó, tôi không có ý viết tường tận về mọi mặt, mà do hoàn cảnh đương sống lúc ấy tại Quảng Đông, Trung Quốc, tôi chỉ kể sơ sài có giới hạn về gia đình anh em tôi và những dữ kiện chung quanh gia đình mà thôi.

Xin nói thêm rằng, không biết vì lẽ gì mà người xuất bản sách, ông bạn Nguyễn Khắc Ngữ (nay đã quá cố) khi in ra đã bỏ đi câu «Hồi Ký về gia đình Nguyễn Tường» mong các bạn hiểu cho, và thông cảm với những điểm thiếu sót hay lầm lẫn trong hoàn cảnh đó.

Tám năm sau đó, tôi đã sang sinh sống tại Hoa Kỳ. May đã gặp được nhiều người thân trong đại gia đình và nhiều bạn hữu cũ và mới. Có một số vẫn ngờ ý muốn tôi viết lại hồi ký cho đầy đủ hơn, từ lúc còn nhỏ cho tới tận nay. Những thân hữu ấy cho rằng trong gần thế kỷ, cuộc đời của tôi và gia đình cũng đã trải qua nhiều cảnh ngộ đa dạng, có những điều đáng ghi nhớ về cả văn nghệ, xã hội, chính trị trong cơn gió lốc kinh hoàng đã cuốn vào cả một dân tộc.

Được khuyến khích, nên dù có bận bịu nhiều thứ, hay dù tuổi đã ngả về chiều - nhiều hơn cả thời hạn mà ông Đỗ Phủ ngày xưa đã ấn định cho mình, tôi cũng cố gắng cầm lại cây bút. Thực ra, với hứng thú viết báo, viết văn từ lúc còn trẻ, dù ở nơi nào, tôi cũng không ngừng viết. Điều này, chắc nhiều bạn cũng biết. Gần đây, để có một sáng tác xứng đáng hơn về mặt nghệ thuật tôi cho ra đời cuốn tiểu thuyết dài «Trên Sông Hồng cuộn cuộn» dâng cho độc giả. Có nhiều người hỏi tôi : đó là tiểu thuyết, hay là hồi ký ?

Tôi đã xin trả lời rằng, đó là tiểu thuyết, không phải là hồi ký, tuy những dữ kiện và nhân vật hư cấu có dựa phần nào trên đời sống thực. Cũng như cuốn «Cuốn theo chiều gió» - *Gone with the wind* - hay «Bác sĩ Zhivago» - *Doctor Zhivago* - mà thôi.

Vì vậy, tôi thấy cũng nên viết lại Hồi Ký, để góp phần làm sống lại một thời kỳ đặc biệt, với những sự kiện mà tôi được biết rõ hơn nhiều người; như thế, cũng có thể giúp cho những ai quan tâm đến quá khứ, có thể thành một ít sử liệu, và hai nữa giúp được người đọc mua vui một vài trống canh, nếu bạn có hứng thú.

Là con người, ai cũng có một quá khứ, dù ngắn hay dài, và cũng luyến tiếc quá khứ. Quá khứ lúc nào cũng theo đuổi chúng ta như hình với bóng, vì quá khứ chính

là mình được tạo thành bởi bao nhiêu cảnh ngộ, bao nhiêu cảm xúc, bao nhiêu đắng cay hay ngọt bùi, ưu sầu hay phấn khởi, thất bại hay thành công, mà chỉ có tự mình mới có thể cảm thấy được. Chỉ có một ngọn cỏ, một cánh hoa, một rặng tre, một chuyến tàu, hay một làn gió thoảng, một ánh mắt, một nụ cười, một tiếng than thở, một giọt lệ gì chỉ có thể cũng là một cuộc sống, đã ăn sâu vào da thịt, vào xương tủy của mỗi con người - mà chỉ có của con người đó thôi. Mà trong quá khứ 80 năm, tôi cũng đã có bao nhiêu cảm xúc, trong bao nhiêu cảnh ngộ !

Hôm nay trời lạnh, mưa rơi trắng xóa làm mờ cả đường phố và các bụi cây bên thềm. Tôi lại nhớ, nhớ da diết đến quá khứ, nhớ đến con đường xa xăm đã phải đi từ thửa còn nhỏ tại quê hương, rồi cứ đi, đi mãi. Thuở ấy, có người lấy số Tử vi cho tôi, bảo là rất tốt, tương lai sẽ tươi sáng, bay nhảy, nhưng không ai đoán đúng được số phận long đong, gian nan thực khó lường của tôi và của nhiều người trong gia đình. Xem ra, vẫn chỉ có nhà thơ Nguyễn Du là nói gần đúng nhất.

*«Bắt phong trần phải phong trần,
Cho thanh cao mới được phần thanh cao».*

Đến bây giờ, tôi vẫn chưa hiểu nổi tại sao cậu bé con ngơ ngác trên phố huyện Cẩm Giàng lầy lội, lại «bôn ba» nơi hải ngoại, và sau gần thế kỷ, lại đến ngồi tại cái đất Nam Cali ấm áp, tại bên bờ Thái Bình Dương, cách quê hương hàng vạn dặm ?

Trong cảnh lưu lạc tha hương, người ta hay nghĩ tới cố nhân. Những lúc cô đơn bước giữa những tâm hồn xa lạ, tôi vô vàn ngậm ngùi nhớ tới những người thân đã sớm bỏ ra đi, vĩnh viễn...

Ngàn năm bạc mệnh, một đời tài hoa...

Biết bao nhiêu người có tâm huyết, biết bao nhiêu tài hoa xuất chúng, biết bao nhiêu anh em... nay nằm ở đâu?

Bao người trong gia đình đã qua đi mà không hề gặp được lại mặt, tôi chỉ biết ở xa mà cúi đầu, hoài niệm.

Những tài hoa yếu mệnh, như Thạch Lam, Vũ Trọng Phụng, Đặng Thế Phong, Hàn Mặc Tử... do tật bệnh cướp đi, - Nguyễn Tường Cẩm - Khái Hưng, đều mất tích, nạn nhân của tội ác. Hoàng Đạo chết trong lưu lạc, Nhất Linh, tự kết liễu cuộc đời. Còn bao nhiêu nhà thơ, nhà văn, nghệ sĩ nữa. Còn bao nhiêu anh em chống đế quốc, chống độc tài, đã hi sinh trên chiến trường hay tại

đất nước người.

Biết bao nhiêu đau khổ, éo le đè nặng trên đầu người dân Việt bé nhỏ. Và đồng thời, trong thế kỷ, cũng đã biết bao nhiêu nhân vật thần kỳ đã xuất hiện rồi biến đi trong những chuyển mình vĩ đại của đất nước. Ôi ! quá khứ triền miên đè nặng trên tâm hồn mỗi người chúng ta, không sao thoát gỡ được. Tôi rất muốn nhắc ngòi bút lên đề tả, nhưng với ngòi bút nhỏ nhoi, yếu ớt của tôi, làm sao mà tả nổi, mà tâm hồn cũng đã cần cỗi.

Làm sao mà tả nổi cả cảnh huống làm than, nghèo cùng, quạnh hiu, bi thương của cả một dân tộc ?

Làm sao mà tả nổi, trong những ngày hầu như vô vọng, đã có bao anh hùng, chí sĩ quật khởi đứng lên chiến đấu, đã có bao hi sinh oanh liệt ?

Làm sao tả nổi những chuyển biến lớn lao trong xã hội Việt Nam, những xô chạm giữa các giá trị văn hóa truyền thống và tân tiến, và ngay dưới ách cùm kẹp của thực dân, một thời - kỳ vàng son của văn chương, nghệ thuật - gồm cả hội họa, âm nhạc, kịch nghệ - có một không ai trong lịch sử ?

Làm sao tả nổi những ngày kỳ diệu, long trời lở đất trước sau tháng tám 1945, và cuộc vật lộn giữa các thế lực đối chọi nhau, đưa tới kết cục bi thảm là lại một thứ công cùm khác lại trùm diệt lên đầu người Việt vô tội ?

Làm sao tả nổi những cuộc chạy nạn chưa từng có, để lại bao tang tóc trên đường và đến tận nay, hàng triệu người bơ vơ, mất gốc, dạt vào bốn phương trời trên thế gian ?

Đau thương, nhục nhã vẫn triền miên cho người Việt chúng ta, và cho bao nhiêu con người khác trong nhân loại ?

Nhưng, cứ cầm bút lên, gắng ghi được phần nào hay phần ấy, để tự an ủi và ít ra, cũng góp phần gọi lại kỷ niệm vì một thời gian đã qua, để không cho mình quên.

Quên khi quá khứ của mình, quên đi đau thương nhục nhã của mình, của đất nước, có nghĩa là quên mất nguồn gốc, và quên mất cả chính mình, trở thành một kẻ không có tâm hồn.

Quá khứ dù đau thương cay đắng đến đâu, nhưng nó vẫn sẽ kích động chúng ta bước lên, chỉ cần quyết tâm nhìn lại chính mình và thoát bỏ được những lầm lỗi, lạc hướng ta đã phạm.

Cuốn Hồi Ký này xuất bản làm hai phần :

* **Phần I**, viết về từ đầu thế kỷ cho tới tháng 8-1946, nội dung chủ yếu thuật về thuở nhỏ, gia đình, đời học trò, thời kỳ làm ăn, làm báo cùng hoạt động của nhóm Phong Hóa, Ngày Nay, Tự Lực Văn Đoàn, những biến chuyển trong xã hội, rồi tới những hoạt động cách mạng chống thực dân với Đại Việt Dân Chính, Việt Nam Quốc Dân Đảng, quân Nhật đầu hàng, Việt Minh cướp chính quyền, cuộc chiến tranh quốc gia cộng sản khốc liệt.

* **Phần II**, viết về từ tháng 8-46 trở đi, cuộc đấu tranh với Việt Minh, một số anh em lưu vong sang Trung Quốc, rồi sang Hoa Kỳ.

Phần vì thời gian quá dài, phần vì trí nhớ suy kém, nên trong cuốn sách tất sẽ có thiếu sót, lầm lẫn, ra ngoài ý muốn của tác giả. Xin hoan nghênh mọi ý kiến phê bình xây dựng, bổ túc hay chỉ chính.

Tác giả

Tháng 12-96

Thêm Vào Lời Nói Đầu Cuốn I

Một ngày cuối tháng 7 năm 1946, toán anh em chúng tôi vượt qua cầu sắt Lào Kai - Hà Khẩu để sang đất Trung Hoa, bắt đầu một cuộc viễn du chưa biết bến bờ ở đâu. Chúng tôi bụi ngùi đứng ở đầu cầu, nhìn lại một lần cuối non sông, quê hương bên bờ bên kia, ẩn hiện sau những rừng núi cao in bóng lên mặt nước chảy xuôi.

Đó cũng là một nơi nước chảy đôi dòng, với hai con sông Nậm Tì và sông Hồng Hà. Dù bụi ngùi, nhưng lúc đó chúng tôi còn hi vọng vào tương lai, sẽ có cơ hội được nhanh trở về nước làm lại cuộc cờ. Những hi vọng ngây thơ nhưng đầy nhiệt huyết ấy đã cổ vũ con đường phiêu lưu của những người tuổi trẻ. Về sau, có thể hi vọng càng ngày càng mờ nhạt, nhưng đối với một số chúng tôi, tin tưởng vào tương lai vẫn còn, dù khó khăn, gian nan ngày càng chồng chất.

Ngày nay, 54 năm sau, có ai ngờ rằng con đường ấy lại đưa chúng tôi tới đất nước Hoa Kỳ, ngồi tại Quận Cam tại đất California ấm áp, trong một căn nhà nhỏ, chung quanh màu hoa hồng, màu nhiều hoa khác rực rỡ dưới ánh nắng trong vắt. Chính tôi cũng lấy làm lạ, vì kỳ tích gì, mà còn sống tới nay, trên đầu đã bạc phơ, tay

run chân chậm, nhưng vẫn cầm được bút ghi lại những quãng đời đã qua.

Tôi không tin ở luật định mệnh, nhưng hình như có cái gì nó xô đẩy chúng tôi vào cõi giang hồ, qua bao nhiêu sóng gió, nhưng vẫn chưa chết. Vẫn là câu thơ Nguyễn Du :

*Bắt phong trần phải phong trần,
Cho thanh cao mới được phần thanh cao...*

Đến nay, tôi vẫn chưa hiểu ai đã bắt, và ai đã cho, nhưng chắc kiếp trước tôi đã phạm cái gì, nên kiếp này mới phải chịu long đong hơn cả thân phận cô Kiều ngày xưa :

Mấy ông bạn bảo tôi :

- «Đời bác kể cũng long đong thực, nên kể ra để mọi người biết, cũng là có ích».

Tuy có ông lại khuyên tôi «bác già quá rồi, nên tĩnh dưỡng hưởng tuổi già, mệt nhọc làm chi».

Cuối cùng tôi khắc phục nỗi do dự, vả lại viết vốn là một «nghệp» của tôi, nên gắng gượng sau cuốn tiểu thuyết thì viết Hồi Ký. Phần I là phần ở quốc nội, phần II là phần lưu vong. Đáng chú ý là phần quốc nội ngắn

ngủ, chỉ có 30 năm thôi, mà phần lưu lạc tha hương lại ít nhất cũng 54 năm rồi. Các vị tiền bối ngày xưa, đã nhiều vị cả đời hi sinh cho dân tộc và suốt đời lưu lạc. Ngày nay, chúng ta chịu đựng có thấm vào đâu ?

Cuối Hồi Ký, phần II này sẽ có hai phần chính. Phần I, từ 1946 đến 1949, tức là trước lúc Trung Quốc bị đảng Cộng Sản chiếm lĩnh. Phần II, 1949-1988 là 39 năm sống tại Trung Cộng. Phần III, từ 1988 đến năm 2000, tức là giai đoạn từ ngày di dân tới Hoa Kỳ cho tới nay.

Trong phần I, sẽ thuật về những hoạt động của một số anh em quốc gia tại Trung Quốc từ Vân Nam cho tới Quảng Đông, Hong Kong, sự hoang mang dưới thời cuộc nghịet ngã, và bế tắc trong đường lối đấu tranh. Bị hãm giữa hai thế lực lớn, Việt Minh Cộng Sản và thực dân Pháp, chúng tôi cố tìm một con đường thứ ba để đưa dân tộc tới độc lập tự do thực sự, nhưng đã không thành. Vì vậy, đa số anh em đã phải về nước trong khu Pháp chiếm. Đó là điều mà tôi thấy không thể làm được, vì lại sẽ sống dưới ách của thực dân, ngược lại với mục đích giải phóng dân tộc. Nên cùng với một số anh em, tôi đã chọn con đường ở lại Trung Quốc, dù biết là gian nan. Bất cứ ở đâu, lúc nào chúng tôi cũng không rời bỏ mục đích mưu độc lập và hạnh phúc cho dân tộc.

Trong phần II, 1949-1988, là 39 năm sống tại Trung Cộng. Đây là một thời kỳ rất đặc biệt. Chúng tôi được thấy sự bắt đầu của một chế độ cộng sản chuyên chính và những chuyển biến kỳ lạ không ngờ dưới thời Mao Trạch Đông. Bên Trung Cộng có cái khác với bên Việt Nam, là vì không có chiến tranh chống đế quốc thực dân, mà tương đối hòa bình để đảng CS có điều kiện cải cách và quản trị xã hội theo chủ trương đấu tranh giai cấp và chuyên chính vô sản. Mấy trăm triệu dân chúng bị tùy ý nhào nặn theo ý chí chủ quan của mấy tay lãnh tụ. Qua nhiều thời kỳ, những cuộc vận động liên tiếp mà cao trào là đại cách mệnh văn hóa - như những luồng gió bão hải hùng đã cuốn theo sinh mệnh hay hạnh phúc của con người vô tội, mà không có chỗ nào để kêu oan.

Là một bác sĩ làm việc chuyên môn và là một ngoại kiều, tôi gần như đứng bên rìa những cơn sóng gió, nhưng lại có thể chứng kiến nhiều thứ. Tất nhiên, không khỏi tránh được những luồng gió tạt ngang qua, nhưng đây là một tình trạng khó tránh và một mặt, lại đem lại cho tôi những thể nghiệm độc nhất vô nhị về một chế độ đã lan tràn tới một phần ba thế giới và cũng đã lôi cuốn được những thành phần khác trên khắp các nơi.

Trong một giai đoạn của lịch sử, lý thuyết Mác đã có sự hấp dẫn rộng lớn không thể phủ nhận, không những đối với những giai tầng nghèo khổ trong xã hội tư bản, mà còn đối với những người bị áp bức dưới các chế độ thực dân. San bằng bất công giai cấp, đưa tới mọi người bình đẳng là hi vọng của rất nhiều phần tử muốn thay đổi. Điều này cắt nghĩa tại sao chủ nghĩa cộng sản lại đã thắng thế trong một thời kỳ khá dài, kể cả ở Âu châu và Á châu, trong đó có Việt Nam.

Thời kỳ tại Trung Quốc, tôi được chứng kiến nhiều sự mâu thuẫn. Thành tâm mà nói, không thể phủ nhận một số chính sách cụ thể ôn hòa lúc đầu đã đưa tới những kết quả đáng kể. Nhưng dần dần bản chất cốt lõi sai lầm và phản khoa học, phản nhân đạo đã gây nên những tai họa khủng khiếp và bất nhân. Nguyên nhân là do thuyết «đấu tranh giai cấp» của Mác căn bản đã sai lầm, và hệ quả «chuyên chính vô sản» do Lenin đưa tới làm trụ cột là hoàn toàn tà giáo, còn hơn thuyết phát xít của Hitler, và đã tạo thành kết quả bất khả kháng - sự tiêu vong của các chế độ độc đảng cộng sản, sớm hay muộn mà thôi !

Cũng như nhiều thứ đạo giáo cực đoan mê muội đã xô đẩy con người vào những cuộc tàn sát, khủng bố lẫn nhau một cách dã man, vô nhân đạo, thì nhiều kẻ mê muội tin tưởng ở chủ nghĩa cộng sản đã làm những

điều ác không thể tưởng tượng được, dưới danh nghĩa là cách mệnh thần thánh. Trên thế giới hiện nay ngoài các nước cộng sản ra, vẫn còn nhiều nước, nhiều nơi mê muội như vậy, giống như mang những tẻ đoạn phong kiến trước kia làm sống lại trong một nhân loại đã tiến vào thời đại khoa học, văn minh, dân chủ, phản bạo lực.

Đến nay, người ta thực sự vẫn không tiêu diệt được hết những tội ác ấy, vẫn không ngăn chặn được những kẻ chuyên chế, tàn bạo, phạm tội đối với nhân loại. Tình trạng ở Việt Nam chẳng qua là một bộ phận của tình trạng chung trên thế giới.

Trong khi Mao Trạch Đông hoành hành trên đầu những người Trung Quốc vô tội, thì cuộc chiến tranh do Cộng Sản Bắc Việt gây nên lại gieo đau khổ cho người dân miền Nam vô tội. Ngày 30-4-1975 cũng là một ngày gây hoang mang cho chúng tôi. Cả hai thế giới Việt - Trung đều là cộng sản cả. Định mệnh đã khiến chúng tôi phải sống trong thế giới ấy.

Đặng Tiểu Bình là một kẻ khôn ngoan. Sau Mao Trạch Đông, để cứu vãn Trung Cộng, Đặng đã đổi mới, cởi mở, phát triển được kinh tế, nới rộng một số quyền lợi xã hội. Nhưng cốt lõi chuyên chính độc đảng vẫn còn nguyên. Khi một con trâu đang nhốt trong chuồng nay được thả ra bãi cỏ rộng nhưng vẫn là con trâu bị

người ta dắt mũi đến đâu cũng được. Có khác là con trâu được thả lỏng một chút, vẫn cam lòng theo chủ và còn khen ông chủ tốt...

Một điều không ngờ tới là chiến tranh giữa những «đồng chí» với nhau. Trước hết là từ Căm Bốt, sau tới quân đội Việt Cộng đánh chiếm nước này, rồi sau là chiến tranh biên giới miền Bắc Việt - Trung Quốc. Chúng tôi lại càng thêm bối rối, và ở trong một vị thế rất tế nhị.

Cũng không ngờ và may mắn là nhờ hậu quả gián tiếp cuộc chiến tranh, gia đình chúng tôi mới có cơ hội sang Hoa Kỳ sinh sống cho tới nay.

Vì thế, do vận thế đưa đẩy, mới có phần III của cuốn sách này, từ 1988 tới nay. Dù là ở Mỹ, cũng vẫn là cuộc sống lưu vong. Song dù vẫn ở tha hương, đất của Nữ Thần Tự Do và sự hiện diện của một tập thể đông đảo đồng bào đã khiến cho chúng tôi tin tưởng hơn, phấn khởi hơn, và tham gia vào những hoạt động có ích, cùng nói lại đời văn chương, một lý tưởng từ nhỏ.

Một điều không ngờ là chỉ một năm sau, từ 1989 trở đi, những biến chuyển kinh thiên động địa đã làm tiêu tán cả một hệ thống cộng sản khổng lồ ở Đông Âu và cả Liên Xô, tương tự như những cuộc biến thiên vào

thời đại Cách Mệnh Pháp 200 năm trước. Sự kiện này đã đem lại hy vọng lớn lao cho hàng trăm triệu người bị chế độ cộng sản cùm kẹp, cho cả những người Việt lưu vong. Nhưng tiếc là sự cùm kẹp đó vẫn chưa được phá vỡ đối với dân chúng các nước cộng sản Á Châu còn lại - trong đó có Việt Nam !

Dù sao, ánh sáng cũng đã lóe ra trong con đường hầm mù mịt. Gian nan vẫn còn, song đã thêm được hi vọng và niềm tin.

Trên đây là mấy điều tâm sự lúc tuổi đã cao. Mong các bạn đọc thông cảm, nếu thấy cuốn sách này có chút giúp ích các bạn về hiểu thêm những dữ kiện lịch sử và thêm phần tin tưởng vào tương lai của dân tộc, thì tôi rất cảm kích. Hoan nghênh mọi ý kiến đóng góp của các bạn.

Tác giả

Tháng 7-2000

A. TẠI TRUNG QUỐC
PHẦN I

TỪ CÔN MINH ĐẾN QUẢNG CHÂU

1946-1949

Chương I - Những Ngày Lặn Lội Từ Hà Khẩu Đến Côn Minh

Một buổi sáng nắng chói tháng 8 năm 1946, tám anh em trong toán chúng tôi, qua cái cầu sắt, từ Lao Kay, Việt Nam, bước sang thị trấn Hà Khẩu (có nghĩa là cửa sông, không phải là Hồ Kiều, như một số sách đã ghi) theo tỉnh Vân Nam, Trung Quốc... Một thị trấn biên cương nhỏ, vắng, với vài dãy phố nghèo nàn, còn nhỏ hơn Lào Kai, Cốc Lếu.

Đây là chốn mà lần đầu tiên chúng tôi lìa bỏ đất nước, bước sang một quốc gia khác trước đây chỉ được nghe thấy nhiều lần; bất giác, không ai bảo ai, chúng tôi đều dừng lại ở đầu cầu, quay nhìn lại thị xã Lào Kai ở bên kia sông, nấp trong thung lũng. Hai bên, những rặng núi xanh tiếp nhau chạy tới xa xa, giữa là con sông Hồng chảy cuộn cuộn về xuôi, quê hương yêu dấu tới nay vẫn còn hình ảnh như mới ngày hôm qua trong đầu óc tôi.

Mọi người còn đương nuôi tiếc chưa muốn rời đi thì bỗng có tiếng gọi làm cho chúng tôi sực tỉnh :

«Anh Bầy ! Chúng ta phải vào ngay làm giấy tờ !»

Anh Toán, đương đứng ở giữa phố, vẫy tay, gọi tới nhà Đốc biện Hà Khẩu làm thủ tục nhập cảnh.

Mỗi người đeo một túi vải lớn, tám «chinh phu» lên đường. Ra khỏi phố, men theo con đường xe Điện Việt, nay chỉ còn nền đường vì đường sắt đã bị bóc từ khi có chiến tranh. Hai bên đường, những làng mạc với lũy tre thưa, những túp nhà tranh núp dưới bóng cau cao, ngoài là đồng ruộng, không khác gì đồng ruộng Việt Nam mấy. Nhưng không lâu sau, thung lũng dần dần hẹp lại bên bờ con sông Nam Ti nước chảy càng ngày càng riết. Có nhiều chỗ thác nhỏ nước đổ xuống trắng xóa, trong veo trông rõ cả những hòn đá cuội nhẵn lì. Đường sắt men theo những vách núi sừng sững hay những đồi cỏ cao rậm rạp.

Không còn xe hỏa nữa, bây giờ chỉ thấy những người gánh gồng đi lại. Ngoài những người Hán - gọi là khách Xạ phang (hạ phương), còn thấy những người Mán ăn mặc sặc sỡ, áo thêu đủ màu, thỉnh thoảng gặp vài người Việt, thường thường hay tụ tập tại các nhà ga.

Về trưa, vẫn còn nắng, vừa nóng vừa khát. May, một nhà ga hiện ra bên đường, trên bờ sông. Một dãy nhà nhỏ nằm gần ga, trong đó có một quán nước, hai mẹ con đơn đả chào mời, bằng tiếng Việt :

- «Mời các ông vào nghỉ chân đã. Uống chén nước cho đỡ khát».

Chúng tôi đặt người trên mấy tấm ghế gỗ, ngả lưng khoan khoái. Tuy là miền núi vắng vẻ, nhưng ở đây có đủ trà, cà phê, bánh mì. Bà chủ giới thiệu cả món trứng luộc; ở những miền này, gà và trứng rất nhiều.

Tôi gọi một ly cà phê đen, và hai quả trứng. Cà phê nóng, pha rất ngon, uống vào cảm thấy tỉnh táo cả người.

- «Các ông định đi đâu mà theo đường này ?» Cô gái tò mò hỏi.

Chúng tôi hỏi đường đi Mông Tự còn bao lâu ?

- «Đi Mông Tự ? Ít ra cũng phải bảy tám ngày là đến Bình Biên rồi lấy ngựa mà ngồi».

Nhưng lúc này chúng tôi còn đương hăng hái, đâu có sợ gì đường xa, trắc trở ?

Ăn uống xong, ra bờ sông rửa chân, nước sông mát rượi giúp chúng tôi lấy lại tinh thần. Mỗi người mua bánh chưng hay bánh giò để phòng đi đường, rồi từ giã hai mẹ con quán nước người Việt. Còn phải vội lên đường, làm sao có thể ngồi lâu hơn để lưu luyến cô gái Việt Nam ở đất sơn dã này ? Cô gái còn nhỏ với đôi mắt mở to, ngơ ngác.

Càng đi xa thì cảnh tượng càng hoang vu hơn, càng ít người đi lại, lời căn dặn của bà chủ quán - cần phải đề phòng thổ phỉ, khiến chúng tôi nơm nớp, tuy trong tay có súng. Ai cũng biết thời đó, quân phiệt và thổ phỉ là hai tai họa lớn nhất bên Trung Quốc, thực ra, thổ phỉ lớn dễ biến thành quân phiệt và ngược lại. Chúng tôi không khỏi rùng mình khi nhìn thấy, ngay bên cạnh đường, trong một hốc đá, một xác chết co ro - hay đúng hơn, là một bộ xương vẫn còn mặc bộ quần áo rách tả toai, cái nón là còn quăng bên cạnh...

Tôi dừng lại, nhìn vài giây. Đây là ai, mà phải bỏ mình tại ngay cạnh đường này ? Vì bị người giết hay vì đói, bệnh không ai cứu vớt ? Và tại sao, lâu vậy không có người mang đi chôn, dù vùi nông một nắm ? Một người chết thực không có nghĩa lý gì đâu trong thời loạn này.

Buổi chiều, tới một quãng sông rộng, chỉ còn trơ mấy cái chân cầu cô đơn... bắt buộc phải dắt tay nhau lội qua sông, may mà cũng không sâu lắm, nhưng rất chật vật, nhiều khi lão đảo cả người. Qua được sông, gặp một trạm công trình xây cầu. Ông kỹ sư ở đây thấy chúng tôi bơ phờ mệt mỏi, bèn niềm nở mời chúng tôi vào nghỉ chân và đãi nước trà nóng. Ông hỏi han và tỏ ra rất có cảm tình đối với những người Việt Nam hoạt động

thường qua lại đường sắt. Cảm tình không ngờ từ người xa lạ khiến chúng tôi cảm thấy được an ủi.

Gần tối, gặp một nhà ga nhỏ. Đêm nay tất phải ngủ ở đây. Chặng ngủ đầu tiên ở đất nước khác. Thông thường, theo phong tục ở đây, lữ khách có thể vào trọ tại các nhà dọc đường không mất tiền. Chúng tôi vào một căn nhà nằm trên bờ sông, cao ráo và rộng rãi, có cả chuồng nuôi ngựa thồ. Chủ nhà dọn một phòng lớn, bày mấy tấm phản. Chúng tôi nhờ ông làm luôn cơm ăn (có hai người trong toán biết nói tiếng quan thoại). Cơm nóng hổi, dọn lên có cả một con gà nấu với bí ngô, và thêm trứng luộc, những thứ này rất dễ kiếm... và rất rẻ tiền. Đương đói mà có bữa cơm đầy đủ thực tuyệt ngon, ai cũng ngon ngiến. Ông chủ cũng hào hứng, liền mang rượu trắng tự chế ra đãi.

Rượu ? Anh H. nắm tay tôi, ghé tai khẽ nói :

- «Ta có nên uống rượu không ?»

Mọi người đưa mắt nhìn nhau, ngần ngại. Tôi mới sực nhớ tới chuyện những «hắc điểm» trong truyện Thủy Hử hay kiếm hiệp ngày xưa, rất có thể bị thuốc mê vào rượu để «thịt»... Song, nghĩ lại, đây là trên đường sắt, nhiều người qua lại, về mặt ông chủ nhà không có gì đáng nghi ngờ. Thôi, cứ uống bữa đi cho lại sức. Rồi

sau sẽ hay.

Cẩn thận, mỗi đêm phải cắt người canh gác, lần lượt mỗi người vài tiếng. Khi anh em đã ngủ say, tôi vẫn còn thao thức không ngủ được. Đây là đêm đầu tiên mình tiến qua đất nước người, trong một nơi xa vắng. Tại sao ? Rồi tương lai sẽ đi tới đâu ? Cục thế trong nước sẽ biến chuyển ra sao, có cách gì xoay đổi ? Con người cảm thấy bất lực trước hiện trạng. Trên bờ sông im vắng này, nằm nghe thấy rõ rệt tiếng nước sông chảy âm ì và vỗ vào bờ đá, cộng với những tiếng kêu của chim muông kỳ lạ từ núi rừng vắng ra, càng khiến cho tôi thấy cô đơn, bối rối. Trần trọc mãi, đến gần sáng cũng phải thiếp đi vì mệt và hai chân đã mỏi rừ.

Sáng hôm sau vừa tỉnh giấc, thì bị anh hướng đạo vội vã hỏi ngay :

«Đường sắt bị nghẽn rồi, anh ạ... Không đi được nữa» anh nói. Vì có mấy quãng đã bị nước ngập khó qua theo lời những người từ phía trên về. Ông chủ nhà cũng được tin như thế, và bảo :

«Chỉ còn có cách là đi theo đường tắt đến huyện Bình Biên, ở đây có đường cái đi tới Mông Tự».

Thấy chúng tôi nhìn nhau có vẻ lo lắng, ông tiếp :

- «Nếu các ông cứ chờ ở đây cũng được, song không biết đến bao giờ. Đi đường tắt thì khó nhọc, nhưng trong 4, 5 ngày sẽ tới».

Chúng tôi quyết định mạo hiểm, để cướp thời gian. Chuyển sang đường tắt sẽ phải lội sông, trèo núi, nhưng nhanh hơn là ngồi đợi. Người con ông chủ nhà, độ hơn hai mươi tuổi, nước da đen sạm vì rám nắng, tự nguyện đi dẫn đường và dắt theo một con ngựa để chở hành lý thuận tiện đi mua gạo và muối. Thấy chúng tôi đưa tiền sòng phẳng, anh rất vui vẻ sắp xếp lên đường ngay.

Song con đường tắt này quả thực là treo leo và vất vả. Nhiều khi đường hẹp và dốc đến nỗi phải bám lấy những gốc cây bên đường để trèo từng bậc. Mà lúc xuống coi thì nhẹ nhàng hơn nhưng lại rất nguy hiểm, không khéo mà tuột chân thì sẽ tuột xuống khe núi. Phải hai, ba người níu tay nhau để đề phòng. Đa số chúng tôi là dân thành thị, chỉ trèo mấy cái dốc thì đã thở hồng hộc, nhưng anh chàng dẫn đường lại ung dung như đi trên đất bằng, vừa dắt ngựa vừa cất cao tiếng hát mấy bài sơn ca, tiếng ngân đặc biệt văng ra xa và vang trên sườn núi. Những tiếng hát đó chỉ ở miền núi rừng mới có thể nghe thấy.

Có chỗ phải chém bớt cây và lau cỏ để lấy đường đi. May mà đến gần trưa thì tới một con suối nước trong

vắt và mát lạnh. Nghi một lát, rồi bắt đầu băng qua suối. Chỗ này không có đường, phải lội theo ven bờ suối hơn một trăm thước tây; theo gót nhau bì bõm trông thực kỳ cục. Được cái chỗ này không có đĩa mà cũng không có con vắt.

Lội suối tuy khó nhọc nhưng cũng chưa khổ bằng khi rời con suối, trèo lên một ngọn đồi trọi khô khan, chỉ có cỏ lơ thơ và những tảng đá đen như than. Đúng lúc này, trời lại nắng chang chang, mồ hôi toát ra như tắm nhưng lại khát khô cả cổ, bình nước đã cạn hết, chỉ còn những vũng chân trâu còn đọng lại ít nước, ai khát quá thì phải liều vốc lên mà uống.

Đứng trên ngọn đồi cao này, có thể nhìn bốn phía, nhìn tận đến biên giới Trung Việt. Rất rõ ràng nhận được ra biên giới, vì bên Vân Nam đồi trọc liên miên, còn bên Việt Nam thì bát ngát rừng xanh, do chỗ người Pháp cấm ngặt đốt rừng.

Độ bốn giờ chiều cả toán rẽ xuống chân đồi, tới một bản nhỏ nằm trong thung lũng, bên cạnh một con suối trong, hai bên cây cối xanh rờn, lẫn với những thửa ruộng bậc thang trồng lúa hay ngô sắn. Khi gần tới bản, nghe thấy tiếng gà gáy chiều, tiếng lợn kêu ụt ịt, tiếng trẻ con nô đùa... những thứ tiếng đầm ấm làm sao đối với những kẻ lữ khách tha hương.

Sương mù đã bắt đầu phủ lên các dãy núi gần xa. Chiều đã về trên nơi rừng núi quanh hiu. Tự nhiên, tôi cảm thấy trong lòng thất lại, tràn ngập trong một niềm cô liêu không bờ bến; lại càng thêm buồn ngủi về thân thế những kẻ lưu lạc giang hồ, không có nhà để trở về.

- «Có ỏi ! Nhiều ỏi quá, các anh !» Tiếng nói reo mừng của một anh em khiến tôi trở lại với hiện thực. Quả nhiên, gần làng, trên sườn đồi, trồng rất nhiều ỏi, quả chín vàng lấp lánh. Ở đây, đất tốt, mà con người lại hiếu khách, nhiệt tình; người làng chất phác, đồ xô ra nhìn chúng tôi bằng con mắt thiện cảm. Chúng tôi tìm được một nhà trọ rộng rãi, cao ráo :

- «Mát lắm, anh ơi !» Anh Lung, một người trẻ tuổi trong toán, vừa vào đến trong nhà, đã vội cởi áo ngoài, chạy ra bờ suối tìm một chỗ không sâu, nhảy xuống vùng vẫy. Rồi mấy người nữa cũng bắt chước. Tắm suối gội rửa được cả bụi bặm và mệt mỏi. Tắm xong, lấy ỏi chín ăn - người chủ không lấy tiền - chưa bao giờ có ỏi ngon như thế.

Bữa cơm chiều lại vẫn bí ngô với thịt gà - món ăn vô tận ở đây, nhưng không tránh được, và có thêm ỏi tráng miệng. Chúng tôi nhìn nhau : giang hồ như thế này thì thú vị thật. «Thôi thì dừng chân ở chốn này, sống một đời âm thầm, xa lánh trần thế... Tại sao không thể thế

được ?» tôi nghĩ.

Nhưng đến hôm sau mọi người mới biết thế nào là mùi leo núi. Con đường quái ác này chỉ có lên và xuống dốc. Cả người, nhất là hai bên xương hông, đau nhức, hai chân như đeo hai tảng đá nặng. Có những thổ dân đi ngang qua nhìn chúng tôi một cách thương hại. Bản lĩnh họ thực cao cường. Đứng ở dưới nhìn lên họ trèo thoăn thoắt, đặc biệt là những cô gái nào cũng có bắp chân, cổ chân to và ngắn, không đẹp lắm, rất cứng cáp, kết quả của sự tôi luyện trăm đời.

Ai đi đường núi nhiều cũng biết, trông thì rất gần nhưng bước rất lâu mới tới đích. Cái bản ở ngay trước mặt, nếu đi đường thẳng thì chỉ độ hơn tiếng đồng hồ, nhưng thường phải đi từ trưa tới chiều mới đến được.

Vì nhức mỏi, chiều hôm ấy chúng tôi quyết định nghỉ sớm ở một làng lưng chừng núi. Ngồi trên nền nhà ở đây, có thể nhìn ra cảnh tượng bao la chung quanh. Nhiều đám mây chiều bay vờn trên các ngọn đồi, nay dưới chân mình, che lấp cả các làng xóm. Tiếng thác đổ ở xa, tiếng chim gõ mõ về chiều từ trong rừng đưa ra. Đồi sống cô quạnh và khắc khổ quanh năm, chỉ có mấy ngày hội hè là náo nhiệt, vui vẻ.

Đương mỗi mệ, may có một thú vị tuyệt diệu. Đó là kéo một điều thuốc ống say sưa. Thuốc lèo màu vàng tươi, nhưng cũng đủ khiến cho mình lơ mơ, bay bổng quên tất cả việc đời. Những điều thuốc say mê mà về sau không thể tìm lại được nữa, dù muốn.

Người làng này không những mang ôi đến cho ăn, mà còn tặng cả thịt phơi nữa. Tuy đầy mùi khói, nhưng để thay đổi vị thịt gà đã ớn, cũng ngon. Đến tối không ngờ lại có mấy người trẻ, cả nam lẫn nữ, đến hỏi truyện. Khi biết lai lịch của chúng tôi, họ tỏ ý đồng tình với dân chúng Việt Nam chống Pháp, và rất thích thú khi nghe chúng tôi tỏ ra hiểu biết về cuộc cách mạng Tân Hợi và nhà cách mạng Tôn Trung Sơn.

Qua ngày hôm sau, đồi núi đã dần dần thấp đi, thung lũng càng rộng, đã xuất hiện mấy làng có vẻ trù phú. Chúng tôi sắp tới huyện lỵ Bình Biên, trạm lớn đầu tiên của cuộc hành trình. Ai nấy đều phấn khởi, đồng ý không nghỉ trưa và đi thẳng một mạch.

Gần chiều, vừa trèo qua một đỉnh đồi cao, thì bỗng thấy tầm mắt rộng hẳn ra, một cánh đồng hiện ra trước mặt, đồng ruộng chạy dài tới tận chân dãy núi xa. Nhiều xóm làng, nhà cửa san sát rải rác. Con đường cái lớn đưa tới một cổng thành cổ trơ vơ giữa bình nguyên, làm cho người ta tưởng tượng đến những thời Xuân Thu,

Tam Quốc.

- «A, a ! Bình Biên, Bình Biên đây rồi !» Anh Toán thốt lên. Ai nấy đều vỗ tay reo mừng. Thế là đã vượt qua chặng đường gian nan nhất. Từ đây trở đi đã có đường cái và những đoàn ngựa thồ luôn luôn đi lại tới Mông Tự.

Thành cổ Bình Biên nay chỉ còn sót lại cổng thành và mấy bức tường đổ nát, giống như thành nhà Hồ tại Thanh Hóa. Tuy chỉ là một huyện lỵ miền núi, nhưng thành phố này lớn hơn và đông đúc hơn Lào Kai. Đông người là đặc điểm của các thị trấn Trung Quốc.

Sau khi trình giấy má xong, chúng tôi tiến vào phố lớn, có nhiều nhà gạch một hai tầng, một số cửa tiệm buôn bán và quán ăn. Nhà trọ cũng thơm mát sáng sủa, phải cái dưới nhà để nuôi ngựa, bề bộn thiếu vệ sinh. Cần ở đây hai ba hôm mới có đoàn ngựa thồ (gọi là mã bang) để cùng đi Mông Tự.

Việc làm trước hết sau khi rửa mặt mũi là đi kiếm tiệm ăn. Món ăn tốt nhất ở đây là món tựa như phở - hay hủ tía ? - nhưng bằng thịt lợn; mùi vị có khác, nhưng cũng nóng sốt và ngon miệng. Xuống dạo phố, lại phát hiện ra một tiệm húi tóc, thực là đúng lúc. Tuy trong một thị trấn hẻo lánh, nhưng xem ra dụng cụ còn tân

tiền hơn cả ở Hà Nội, có ghế ngồi hoạt động, có đủ máy thổi tóc, uốn tóc bằng điện. Chúng tôi ai nấy tự nhìn vào gương đều thấy chết khiếp, tóc râu đều đã quá dài, xồm xoàm gần như anh chàng Robinson Crusoe. Vậy thì cứ cắt tóc, gội đầu, cạo râu thoải mái, rồi thêm vào chút nước hoa rẻ tiền cho dễ chịu.

Nơi này, dân chúng sinh hoạt cũng khá giả. Nhiều nhà nuôi cả ngựa, trâu bò. Có đủ mọi sắc dân, quần áo nhiều màu vẻ. Nhưng chỗ nào cũng thấy bóng dáng binh lính, đa số ăn mặc luộm thuộm, có vẻ lông bông - nói cho đúng, đây chỉ là lính hầu hay lính riêng của mấy tay cường hào địa phương.

Mấy chúng tôi bàn tán với nhau : mộ những bọn lính như thế về làm «chí nguyện quân» cho mình, thì chỉ có hai; vả lại, phần lớn bọn này lại là «lính hai nòng» tức là nghiện thuốc phiện - thì làm sao kiểm soát nổi ! Cái mơ tưởng sẽ mang được nhiều quân chí nguyện về để đánh Việt Minh, mở rộng căn cứ, đã bắt đầu xóa nhạt.

Từ già Bình Biên ! Một số trong chúng tôi tiếc rẻ, muốn nghỉ ngơi thêm nữa tại cái huyện lỵ miền núi này. Nhưng ngay từ sáng sớm, chúng tôi đã phải vùng dậy, thu xếp hành lý, để gia nhập một đoàn ngựa thồ đi Mông Tự. Đoàn này có độ hai trăm con, con nào cũng đeo nặng nhiều túi, có người đi kèm. Một đội lính đi hộ

vệ. Dọc đường này không ít thổ phỉ đe dọa. Mà thổ phỉ lại chính là dân chung quanh, lúc thường là dân, lúc cần làm cướp, có súng ống hăn hoi.

Thuê một con ngựa để mang hành lý, chúng tôi được thoải mái hơn trên một con đường lớn và lát đá, cũng thấy bớt mỏi và đau nhức. Tôi đến, vào một làng lớn, nhà ngói như bát úp, có vẻ trù phú, lại có cả trường học, sân đánh bóng rổ. Chúng tôi xin vào một căn nhà lớn hai tầng, và ở trên tầng lầu cũng sáng sủa. Bữa cơm ở đây còn có cả thịt bò nấu với đu đủ. Nghe nói một phần dân chúng ở đây theo đạo Hồi, chỉ ăn thịt bò, kiêng ăn thịt heo. Đồi món, lại đương đói, ăn ngấu nghiến xong rồi lên gác định đánh một giấc ngủ ngon.

Vừa ngã mình xuống sàn nhà, thì bỗng nghe tiếng kêu :

- «Các anh ! Trông kia kìa ! Họ để gì ngay đầu phòng, bên cạnh lan can».

Giật mình, mọi người đều nhìn ra phía đó. Nhìn kỹ, mới nhận thấy rõ đó là hai cỗ quan tài lớn dựng song song. Tôi rợn mình, không biết trong đó có xác chết thực hay không. Theo tục lệ miền núi rừng, người chết thường được liệm vào quan tài, để một góc nhà hàng tháng rồi mới chọn ngày đưa đi chôn. Sau hỏi ra mới

biết đó chỉ là hai chiếc quan tài không, mua sẵn để hai ông bà cụ chủ dùng. Tuy vậy, đến đêm, ánh trăng lơ mờ chiếu qua cửa sổ vào, mọi người ai cũng thấy ròn rợn lạnh cả xương sống.

Vượt qua mấy thung lũng nhỏ, thì một cánh đồng lớn đã hiện ra trước mắt, càng ngày càng rộng ra.

- «Sắp tới Mông Tự rồi !» anh dẫn đường kêu lên. «Mông Tự nhiều đào ngon lắm !» Và anh chỉ một tòa nhà ở xa «Nhà ga Pít Sếch Trại, đường tàu hỏa đi Khai Viễn đó !» Quả nhiên, từ xa đã vẳng tới tiếng còi tàu quen thuộc, khiến các anh em cảm thấy ấm cúng.

Trên đường, người, ngựa đi lại ngày càng nhiều. Hai bên, nhiều vườn rau, đa số trồng bắp cải. Nhưng bắp cải ở đây to lớn dị thường, tôi chưa từng trông thấy bao giờ. Rau cải, ngô khoai ở Vân Nam dễ trồng và rất lớn. Thứ cây hấp dẫn chúng tôi hơn nữa là cây lựu trồng trong các vườn rộng, trông rất đẹp mắt vì quả lớn, màu đỏ sẫm trĩu chì trên cành. Đào và lựu là hai thứ quả nổi tiếng của vùng Mông Tự, ở Việt Nam ai cũng biết.

Mọi người đương trở mắt nhìn, thòm thòm, thì anh hướng đạo bỗng ung dung bước vào một vườn lựu, và vẫy tay gọi anh em vào. Tôi còn nhìn anh ngơ ngác vì không hiểu, giá tiền ra sao, nếu muốn ăn lựu.

- «Đừng lo ! Giá rẻ lắm, tha hồ mà ăn. Chỉ phải bỏ 5 cắc bạc. Nhưng cấm không được mang ra ngoài vườn. Anh nói. «Nếu muốn mua mang đi thì lại tính giá khác».

Chúng tôi yên tâm. Những quả lựu ở đây thực là to, đẹp. Bóc vỏ rồi, những hạt lựu lớn, mọng, đỏ hồng và trong veo nhiều nước, thực là ngọt và ngon miệng, mát cả cổ.

Nghỉ ngơi một lúc, chúng tôi vào trong thị trấn. Bắt đầu có những phố xá rộng rãi, hai bên nhiều cửa tiệm buôn bán, người đi lại đông đảo. Mông Tự cũng giống như Nam Định bên ta, nhưng đông đúc hơn, là một nơi nhiều người Việt cư ngụ.

Đương tìm tòi địa chỉ đã hẹn, thì bỗng thấy tiếng gọi riu rít từ đằng trước :

- «Đây rồi ! Đây rồi... đến rồi !» Một người từ xa vẫy tay. Một ông đứng tuổi đi trước, sau là mấy thanh niên vừa đi vừa reo. Chúng tôi cũng vội tiến lên, tay bắt mặt mừng. Trong lòng xúc động như gặp người thân cách xa đã lâu, nhất là sau chuyến bộ hành chật vật mười ngày qua.

Sau khi giới thiệu, một người hỏi :

«Sao lâu thế các anh mới đến ? Chúng tôi đợi đã mấy hôm nay rồi !»

- «Cứ lo các anh lạc đường, hay bị thổ phỉ xoi mất rồi...»

Chúng tôi cười :

- «Có thổ phỉ thì mình xoi chúng chứ ai xoi được mình». Sau đó, giải thích là vì đường sắt bị nghẽn vì nước lụt to, nên phải men theo đường núi.

Đến Mông Tự yên lành rồi, tôi cảm thấy nhẹ nhõm, trút được một gánh nặng. Các anh em mọi nơi chắc đương nóng ruột lắm.

Mọi người kéo cả về nhà ông V. Một căn nhà cũng rộng rãi, khang trang, có đủ sập gụ, tủ chè y như ở Việt Nam. Ông làm ăn ở đây đã lâu. Cũng như một số người Việt, trước làm cho công ty Hỏa Xa Vân Nam, có ít vốn rồi ra mở một cửa hàng tạp hóa, cũng kiếm được nên không muốn về nước nữa.

Tối hôm ấy, chúng tôi dự bữa cơm chiêu đãi của một số anh em người Việt. Lần đầu tiên, từ một năm qua, tôi mới dự một bữa cơm thân mật và vui vẻ trong tình thế yên ổn - chỉ tiếc là ở đất nước người. Sau bữa cơm, lại có một số người Việt và cả Hoa kiều Việt Nam trước

đây cũng tới thăm hỏi. Ai cũng quan tâm đến tình thế trong nước, cũng lo ngại về chuyện Pháp trở lại Đông Dương và sự xung đột giữa người Việt với nhau, việc cộng sản khủng bố và tiêu diệt các đảng phái khác.

Tới ngày thứ ba, có anh em từ Khai Viễn xuống đón. Mông Tự có đường xe lửa đi Khai Viễn, đồng thời có con đường xe lửa đi Cô Cự, một vùng mỏ thiếc lớn của Trung Quốc, tại đó cũng có một số ít người Việt cư trú.

Đã lâu lắm mới lại ngồi xe lửa, trông cũng như xe lửa tại Việt Nam, chỉ khác là toa tàu rộng hơn nhiều. Tuy chỉ là ghế gỗ hạng bét, nhưng cũng dễ chịu, có dịp ung dung ngồi ngắm cảnh đồng núi hai bên đường. Những bóng người áo chàm nổi bật trên các đồi cỏ xanh, thỉnh thoảng lại được nghe tiếng cười nói riu rít của phụ nữ mặc áo đủ màu mỗi khi dừng lại trên ga.

Thị trấn Khai Viễn lớn và náo nhiệt hơn Mông Tự nhiều, là một trung tâm tại miền Nam Vân Nam. Nhiều phố ngang dọc, buôn bán thịnh vượng. Ở đây, nhiều người Việt trú ngụ làm ăn.

Chúng tôi được đưa đến nhà một đảng viên để nghỉ ngơi. Sau đó, tôi gặp anh Kh. người phụ trách đảng bộ. Người nhỏ nhắn, có vẻ hiền hậu nhưng tinh nhanh, làm

việc ở đây đã lâu. Anh cho biết đa số anh em đã trở về nước, nhưng vẫn còn một số ở lại đây vì còn gia đình chưa thể xếp đặt được. Người Việt có mấy cửa hàng bán tạp hóa, có cả tiệm phở. Nghe nói, hôm sau, chúng tôi kéo nhau vào tiệm phở ấy, và được nếm mùi vị phở bò Việt Nam thực - chứ không phải hủ tít hay một thứ bún địa phương.

Tức cười nhất là một lần vào ăn trong một tiệm mì người bản xứ. Chúng tôi thèm ăn mì, có người giới thiệu là có món mì gà khá ngon. Vì không muốn các anh em địa phương thất đãi mãi, chúng tôi tự vào tiệm và gọi bát mì. Nhưng nói tiếng Tàu lồm bồm, nói đi nói lại hai chữ «... mì... gà...» vì nói cất quăng nên người tiếp viên chỉ biết gật đầu lia lịa. Một lát sau, anh bung tới một tô mì sợi lớn và một nửa con gà luộc... Chúng tôi nhìn nhau cả cười song cũng ăn được. Thì ra đáng lẽ gọi «mì gà», anh ta đã nghe nhầm là mì và gà... Rút kinh nghiệm, về sau có đi ăn tiệm, tôi lấy sẵn giấy và bút chì để viết cho chắc ăn...

Một trọng tâm từ thời cổ, Khai Viễn còn bảo tồn được bốn cổng thành cũ và mấy bức tường dài gần như nguyên vẹn. Buổi chiều, mặt trời đã xế tà, sương mù đã phủ lên thành quách và đồng núi chung quanh, cảnh cô liêu mung lung không khỏi gợi trong lòng người niếm

hoài cổ bâng khuâng. Đứng trên bờ thành, lại nhớ đến những thời xưa kia trong lịch sử, binh sĩ đồn trú trong những cửa ải xa vắng, những bãi chiến trường khốc liệt, những kẻ bị đi đày tại biên quan. Một nỗi buồn man mác tràn ngập tâm hồn người lữ thứ tha hương. Lại nhớ đến câu thơ Đường bất hủ :

*«Lác đác rừng phong hạt móc sa
Ngàn lau hiu hắt khí thu mờ
Lưng trời sóng gợn lòng sông thẳm
Mặt đất mây dờn cửa ải xa...
Khóm trúc thêm tuôn dòng lệ cũ
Con thuyền buộc chặt mối tình già
Lạnh lùng giục kẻ tay đao thước
Thành quanh gần xa bóng ác tà»
(Không nhớ rõ tên người dịch)*

Ôi ! biệt ly, xa vắng, bị thương...

Tôi và mấy anh em dạo mãi quanh thành cho tới khi tối mịt mới trở về. Tuy nay là thời đại nguyên tử, song cảnh ngộ cũng giống nhau.

Chi bộ Việt Quốc ở đây còn một số đảng viên, ngoài ra còn không ít đồng bào có lòng yêu nước, rất quan tâm đến thời cuộc tại quốc nội, khi nghe biết rõ tình hình, ai cũng không giấu nỗi thất vọng, cùng lo âu về

tương lai đất nước. Tuy vậy, lúc này chưa ai có thể suy đoán ra là chỉ ba năm sau, tai họa sẽ gieo ngay trên đầu họ, và biến chuyển cục thế tại Trung Quốc cũng ảnh hưởng tai hại thế nào tới Việt Nam. Mọi người vẫn còn ôm hi vọng sẽ xoay đổi được tình thế.

Nghỉ ngơi ở Khai Viễn vài hôm, chúng tôi đáp xe lửa lên Côn Minh, cách đây gần bốn trăm cây số về phía bắc. Con đường xe lửa này phần nhiều leo quanh những vách đá cheo leo, bên những con sông thác ghềnh cuộn cuộn, hay những ngọn đồi cỏ cao vút hoang vu. Thỉnh thoảng, thấp thoáng những ngôi nhà đất đỏ, bóng người mặc áo chàm và vài con ngựa thung dung đương gặm cỏ. Đôi khi, có làng mạc nhỏ nằm nép dưới thung lũng, trông như trong tranh thủy mặc.

Sáng hôm sau, tới Nghi Lương, một huyện lỵ nhỏ. Có mấy anh em làm ở đây ra đón ở ga và đưa về chơi, vì xe hoa còn cần lấy nước và than đốt. Đời sống gia đình khó khăn đã không cho phép các anh rời đây về nước, đành phải ngụ cư ở đất người đợi cơ hội tốt hơn.

Gần tới Côn Minh, khí hậu mát lạnh hẳn đi, vì bước vào cao nguyên rộng lớn miền Bắc Vân Nam. Tới địa phận Trình Cống, một mùi thơm dịu đưa ra từ những vườn đào mênh mông cạnh đường xe hỏa, với lá xanh rờn. Người ta bảo rằng, phải vào dịp Tết, nơi này mới

thực là cảnh thần tiên. Tất cả cánh đồng là một dải thảm màu hồng vô tận và thơm ngào ngạt. Rồi đến tháng Năm, vườn đào lại tỏa ra một mùi thơm dị thường với cơ man những quả đào chín đỏ mọng, nặng trĩu giữa lá cây. Đào Vân Nam lớn quả, có tiếng là ngọt và thơm. Đất Điền thực là giang sơn của những trái cây đủ mùi vị : lựu, đào, lê, táo, mận, dâu da...

Qua những vườn đào, đã gần tới Côn Minh, xe chạy bên bờ Điền trì, một cái hồ rộng hàng mấy chục cây số. Nước hồ trong vắt, in rõ màu xanh lam của những rặng núi bốn bên. Cảnh non, nước thực là đẹp, hoang dã như trong tranh, nếu không có những chiếc thuyền đánh cá từ xa trông nhỏ lẫn tăn như những chiếc lá tre bập bênh. Bầu không khí trên hồ cũng trong vắt, thoáng nhẹ, không ẩm ướt nặng nề như miền dưới. Trời, nước cũng gây cho người ta một cảm giác dễ chịu lạ thường.

Chung quanh Côn Minh có những đồng cỏ mênh mang, lại có cánh đồng ruộng thẳng cánh cò bay. Những làng mạc đông dân, trù phú báo hiệu sắp tiến vào thành phố. Chúng tôi ai cũng nóng ruột thò cổ ra khỏi cửa sổ để xem đã tới chưa. Càng lên, thời càng phải đổi áo dần, từ áo kép cho tới áo len, mà chỉ mấy tiếng trước đây vẫn chỉ mặc áo mỏng. Trong lúc này, Lao Kai chắc đương nóng cháy như thiêu.

- «Côn Minh ! Tới rồi, anh em ơi !» Mấy anh trẻ cùng kêu lên. Đứng trước đã xuất hiện một thành phố với những dãy phố dài, mấy kiến trúc cao nổi lên ở chân trời. Xe từ từ chạy chậm lại. Hành khách ai nấy đều vội vã sắp lại hành lý. Đối với nhiều người ở những miền xa, được bước tới tỉnh lỵ là một vui sướng hiếm có. Và đối với chúng tôi, Côn Minh là mục đích đầu tiên phải tới, trong một cuộc hành trình chưa biết còn kéo dài tới đâu. Riêng đối với tôi, tới đây lại càng thêm ưu tư : sẽ làm gì, có đạt tới mong muốn không ? Nhiều dấu hỏi lẩn quẩn trong đầu.

Nhà ga cuối cùng đã tới. Anh em vừa vui mừng vừa hồi hộp. Xe từ từ đỗ. Trên thềm ga có rất nhiều người đứng đợi. Nhìn xuống, đã thoáng thấy mặt các anh em : anh Tam, anh Xuân Tùng, anh Long, anh Trần Đức Thi, và một số anh em nữa...

Xuống xe, mọi người chạy tới đón, tay bắt mặt mừng. Vì thời thế biến chuyển, không ngờ lại gặp gỡ nhau ở đất này. Tất cả đều vui mừng vì chúng tôi đã bình an tới nơi, sau một cuộc lữ hành dài hơn là dự tính. Nhưng cũng không khỏi buồn ngủi, băn khoăn.

Dù sao, tới nơi này, cũng sẽ bắt đầu một cuộc hành trình khác. Sẽ còn nhiều thử thách, tương lai còn mờ ảo, nhưng vẫn nhiều hi vọng. Con đường đấu tranh

cách mệnh còn dài, dù gặp ghênh, nhưng cũng phải tiến bước đi lên.

Ai cũng bảo chúng tôi đều gầy và đen sạm. Thì cũng là một thứ rèn luyện. Và đến đây, theo như Thế Lữ nói «tạm nghỉ bước gian nan». Tôi tự cười thầm nghĩ - đích là gian nan thực, đã qua 1500 cây số, đâu có phải là thứ gian nan lãng mạn trong tưởng tượng của nhà thơ ?

Rồi còn gặp nhiều gian nan nữa. Với ý nghĩ thầm ấy, tôi cùng mọi người bước ra khỏi cổng ga, vào thành phố Côn Minh.

Chương II - Côn Minh, Chặng Đường Đầu - Một Thành Phố, Căn Cứ Địa Của Cách Mạng Việt Nam

Từ nhà ga vào đến phố chính của thành phố không xa lắm : phố Kim Bích. Phố rộng, hai bên là những nhà hai ba tầng, nhưng mặt đường hơi gập ghềnh, lát bằng những tảng đá, tựa như một số thành phố Âu Châu. Đặc điểm chỗ này là tại giữa phố có một công trào lớn, để hai chữ Kim Bích, kiến trúc rất đẹp, xây đã mấy chục năm qua. Buôn bán khá phồn thịnh và tấp nập, hai bên hè đường cũng bày nhiều hàng bán vật. Chúng tôi để ý tới nhiều gánh hàng bán lê, một thứ lê to quả, màu trắng hay vàng, gọi là «Páo chú lý, mùa này rất rẻ, ăn ngon và nhiều nước.

Không lâu, rẽ vào một phố nhỏ, tới trụ sở lâm thời của Hải ngoại bộ. Một ngôi nhà theo lối cổ Trung Quốc, rất rộng, do một đảng viên nhường cho một nửa để lấy chỗ làm việc... Ít lâu sau, đảng bộ mới dọn tới trụ sở chính thức ở ngoại thành.

Côn Minh, thành phố cao nguyên, có tiếng về khí hậu «bốn mùa như xuân» Bây giờ là mùa hè, nhưng cũng phải mặc áo kếp hay áo len, giống như ở Chapa... Nghe nói, mùa đông cũng không quá lạnh, thỉnh thoảng mới

có tuyết rơi. Phải cái có vài tháng hay mưa, gió thổi mạnh cát bay mờ cả đường đi.

Thành phố này không lớn bằng Hà Nội, nhưng cư dân thì đông đúc hơn nhiều. Chỗ nào cũng đông nghịt người và người, nhiều khi như một ngày hội ở bên ta. Phần lớn dân chúng đều mặc quần áo màu xanh sẫm, rất hiếm người mặc Âu phục. Phụ nữ thường mặc áo dài truyền thống Trung Quốc, dài đến tận đất. Miền này, không rõ tại sao phụ nữ thường đều thấp nhỏ, vai xuôi và chân lại ngắn, hình thù như một cái chai không lấy gì làm yếu điệu, ngoại trừ một ít thiếu nữ, học sinh, có lẽ chỉ sống ở thành phố. Cũng còn sót lại không ít đàn bà bó chân, nên dáng đi rất đặc biệt. Tôi cũng cố tìm, nhưng ít thấy ai có «gót sen thoăn thoắt» như trong tiểu thuyết về đời cô ?

Đường phố ở đây nhiều chỗ dốc lên xuống nên những xe cộ công cộng chở khách trông cũng ỳ ạch và vất vả ngồi trên rất sóc. Nhưng bên cạnh những khu phố cũ, cũng đã có mấy khu mới bằng phẳng hơn, với những tòa nhà bốn năm tầng, phần nhiều là ngân hàng hay công ty lớn, bên cạnh những quán ăn lộng lẫy, những rạp chớp bóng tân thời. Nhờ mấy năm kháng chiến vừa qua, nhiều cơ quan chính phủ, trường đại học phải dọn về đây, nên Côn Minh đã phát đạt hơn nhiều. Ban đêm,

có mấy chợ trời đông đúc, đèn đuốc sáng choang, bán đủ mặt hàng rẻ tiền, nhiều nhất là hàng viện trợ của Mỹ. Chúng tôi cũng mua được mấy cái áo da nhà binh của Mỹ, mặc rất ấm áp.

Không như ở Hà Nội, thói quen người ở đây là dậy trưa. Nhiều cửa hàng mãi tám, chín giờ mới mở cửa. Chỉ có những cửa tiệm ăn sáng là sớm một chút, có thức ăn rẻ và bổ như sữa đậu nành ăn với «dầu cha quẩy» tức bột mì cho vào chảo rán phồng. Vì lạnh, nên buổi sáng họ cũng thường ăn mì hay «vằn thắn» cho đủ no. Mà một bát mì ở đây thường rất to, ăn không xuê.

Muốn đổi mùi vị, thì vào các quán Việt Nam, thức ăn Âu hóa hơn với cà phê sữa, bánh mì, có thể gọi thêm «xúc xích» giò chả tùy túi tiền. Có nơi bán phở Việt Nam, hay cơm tây. Lớn nhất thường là mấy tiệm cao lâu Quảng Đông, như Đông Hưng Viên ở Hà nội. Một lần, có bạn mời đi ăn tại tửu lâu «Quán Sinh Viên». Mới đầu, tôi tưởng là một quán ăn cho sinh viên, nhưng thực ra đây là tên một công ty cao lâu Quảng Đông.

Côn Minh, đã từng là nơi trú ngụ của những nhà ái quốc Việt Nam ở Trung Quốc, cũng như là Nam Ninh và Quảng Châu. Rất nhiều người Việt sống về quán ăn, quán cà phê, Ở đó không ít nhà cách mệnh lưu trong vong. Ở đây, lại có đường xe lửa Điện Việt về tận biên

thuyền, con đường dễ dễ lén vào quốc nội như Lào Kai, Hà Giang, và bắt dây liên lạc trong ngoài.

Nếu nói về món ăn thì không thể quên được mấy món đặc biệt. Một là món «bún qua cầu», một món bún cần một nồi canh lớn, trong có nhiều thứ thịt như gà, gan, thịt nạc, nấu sôi lên sùng sục - tựa như «tạp pí lù» bên ta. Khi ăn, cho bún vào trong nồi rồi vớt bún từ nồi sang bát mình với các thứ thịt, vì thế đặt tên là «bún qua cầu»...

Còn một món nữa, đặc biệt do dân Hồi hồi mở cửa hàng riêng. Một lần, đi ngang qua một tiệm ăn, ngoài cửa treo mấy tảng thịt bò lớn đến một phần ba con bò, tôi chưa hiểu là món gì thì anh Th. một anh em ở đó, lôi tôi vào trong :

- «Ta vào đây, để anh thử món thịt bò này cho biết mùi !»

Quả thực, một mùi thơm ngát từ trong đưa ra, hình như có mùi hồi và tiêu. Thực ra là món thịt luộc với nhiều gia vị. Muốn ăn chỗ nào thì cứ ra trở vào tảng thịt, họ sẽ thái và đưa tới chỗ với một thứ nước chấm đặc biệt, lại thêm một bát canh nóng rất ngọt. Có thể gọi cơm hay mì, với một ly rượu trắng càng tuyệt. Giá tiền lại rẻ, hợp với túi tiền bình dân. Nên nhiều khi chúng tôi

kéo nhau đến các tiệm này. Đến bây giờ tôi nhớ rõ tại sao trong truyện Thủy Hử, người ta vào quán ăn lại gọi hàng cân thịt. Có một điều cần ghi nhớ là không bao giờ nên mang thịt lợn - kể cả lap sườn, hay bánh có nhân thịt - vào trong cửa hàng Hồi hồi, kỵ nhất.

Để tiện công việc, chúng tôi mượn một căn nhà ở ngoại thành, khu gọi là Phục Hưng Tân Thôn, phía Tây thành phố. Nhà rộng, có gác, đủ cả phòng họp và phòng ngủ, nằm bên con đường đi Đại Quan Lâu, một thắng cảnh ở đây. Hai bên đường trồng thông và cây bạch hoa cao vút. Khi họa sĩ Nguyễn Tường Lân (trùng tên với Thạch Lam) còn ở đây, anh thường thường vác giá gỗ ra phác họa cây bạch hoa. Sau này, anh về nước lúc nào tôi cũng không biết, chỉ nghe nói là khi bước xuống sân bay Gia Lâm, thì bị Việt Minh bắt, không rõ tung tích ra sao.

Mấy anh em bàn luận về tình thế nội ngoại và chương trình hoạt động ở hải ngoại. Tình hình rất khó khăn. Ở trong nước Yên Bái đã thất thủ, Lào Kai, Bảo Hà gặp áp lực nặng, chắc cũng không đứng được bao lâu. Các đảng phái quốc gia đã phải rút vào bí mật, và gặp đàn áp từ hai phía, Việt Minh cùng quân đội Pháp. Ngay ở Hà Nội, số anh em còn lại ở trong trạng thái nguy hiểm, dù còn vài đại biểu trong chính phủ.

Ở ngoài, vận động ngoại viện trông mong vào sự giúp đỡ của chính phủ Tưởng Giới Thạch và việc mộ tuyên «chí nguyện quân» ở địa phương này. Song Nam Kinh còn bận đối phó với cuộc tấn công của Hồng quân Mao Trạch Đông ở miền Đông Bắc và miền Diên An. Không diệt nổi Cộng quân, Tưởng Giới Thạch đồng ý đàm phán để đưa lại hòa bình và thống nhất. Nhưng chúng tôi cũng thấy, hòa đàm «Quốc Cộng» dù có đi tới tuyên ngôn «tinh thần đoàn kết» hay «Quốc Cộng hợp tác» thế nào đi nữa, thì cũng sẽ tái diễn kinh nghiệm Việt Nam mà thôi. Dù có giúp đỡ cái gì, thì cũng sẽ chỉ là tượng trưng nho nhỏ cho người quốc gia Việt Nam.

Về việc mộ quân chí nguyện, thì ý kiến mọi người đa số phản đối. Binh lính nhan nhản ở các nơi, ngay trên thành phố này. Tướng tá cũng đếm được hàng trăm. Họ đều có súng. Chỉ cần có lương và lộ phí. Nhưng, lính này cũng gần như thổ phỉ, đi tới đâu sẽ làm bậy tới đấy và phản trắc bất thường...

Việc cần làm trước hết, là tổ chức lại Hải Ngoại Bộ, thành cơ cấu lãnh đạo ở ngoài nước để gây lại các cơ sở địa phương và tiến hành công tác ngoại vận. Trong tình thế này, không còn con đường nào khác để dọn lối lại trở về Việt Nam, anh Tam giữ chức vụ chủ nhiệm, phần ngoại vụ do anh Long, phần tổ chức do tôi giữ và kinh

tài do anh Xuân Tùng phụ trách.

Trong cuộc hội nghị đảng viên ở Côn Minh, chúng tôi trình bày về tình hình chung, về nỗi khó khăn hiện thời. Xem ra, mọi người đều thông cảm; nhưng có người tỏ ra thất vọng. Khó mà ngờ được rằng, mấy anh Vũ, anh Tam vừa mới rời Côn Minh được một năm, mà nay anh Tam lại phải quay trở lại và anh Vũ thì bị khốn tại vùng biên giới Lào Kai. Làm thế nào để xoay đổi được tình thế nguy nan bây giờ ?

Với tâm tình đó, việc tiếp tục xã giao đầu tiên của chúng tôi là đến dự một đại hội được tổ chức nhân ngày sinh nhật cô con gái ông Đường Kế Nghiêu, nguyên tỉnh trưởng Vân Nam tại dinh thự bên Thúy Hồ, một công viên giữa thành phố. Đường Kế Nghiêu tuy đã về hưu nhưng vẫn còn uy thế lớn, giống như Ngô Tam Quế trước kia được nhà Thanh phong cho làm trấn thủ ba tỉnh Tây Nam. Dinh thự rất lớn, có vườn rộng chung quanh trồng nhiều cây hoa quý, như Hoa Lan và hoa trà. Phòng khách, phòng ăn trang trí toàn những đồ đạc quý giá. Bữa tiệc cũng rất long trọng, đủ mặt anh tài văn võ, một số ít người ngoại quốc trong đó có chúng tôi do đảng bộ T.Q. Quốc Dân Đảng Vân Nam giới thiệu tới. Chủ nhân tiếp đãi rất niềm nở. Ái nữ ông Đường, người hơi mập tươi cười hỏi chuyện và cho người dẫn chúng

tôi đi ngắm hoa trong vườn. Nhiều người cũng quan tâm và tỏ ra hiểu biết về tình hình Việt Nam. Trong âm nhạc du dương, khiêu vũ bắt đầu. Nhưng chúng tôi đâu có tâm tình gì để hội nhập vào dạ hội; giữa cảnh xa hoa, hưởng thụ, đâu có thể quên được muôn vàn người dân sống trong loạn ly, đói khổ - nên xin thoái thác về sớm.

Vài hôm sau, với danh nghĩa Hải Ngoại Bộ, tôi cùng anh Th. đi gặp ông bí thư tỉnh ủy Vân Nam của TQ. Quốc Dân Đảng. Trong phòng giấy giản dị, ông rất lịch sự và tỏ ý chú ý nghe ngóng những lời trình bày của chúng tôi. Đến trưa, trong bữa tiệc khá thịnh soạn, khi rượu đã ngà ngà, ông thổ lộ tâm tình :

- «Cả hai đảng, hai nước chúng ta đều có những vấn đề chung. Chúng tôi hết sức ủng hộ công cuộc giành độc lập của nhân dân Việt Nam. Nhưng...»

Tôi biết ông nghĩ gì, bèn hỏi về tình hình chiến sự. Ông ngẫm nghĩ một lát, rồi đáp :

- «Cũng khả quan. Chúng tôi đang mở cuộc tấn công, vì Cộng Sản rất xảo trá, một mặt đàm phán, một mặt vẫn lấn đất chúng tôi. Hiện nay, binh đoàn Hồ Tông Nam đang bao vây Diên An... Chiến sự có thể chấm dứt trong vòng 6 tháng».

Ông càng nói càng hăng hái. Ông hứa là đầu năm 47 sẽ chiếm được Diên An, sào huyệt Hồng quân. Sau đó chính phủ sẽ giúp những gì các ông muốn.

Tuy nghe những lời hứa lạc quan như vậy, nhưng chúng tôi cũng được những tin tức không lạc quan tại mặt trận Đông Bắc (Mãn Châu) và ngay ở vùng Diên An. Cộng quân đã rút lui tạm thời, nhưng chủ lực vẫn chưa bị diệt. Tôi lại nhớ tới cuốn sách bàn về «chiến tranh du kích» của Mao... và về chiến lược «vận động chiến». Điều quan trọng nhất không phải là chiếm được đất đai, mà là phải diệt được sinh lực của địch.

Chúng tôi đã gặp các nhà chức trách ở đây mấy lần, và được nghe không ít hứa hẹn tốt đẹp. Nhưng chỉ không tới nửa năm sau, sau khi đã tiến chiếm Diên An và ăn mừng thắng lợi, binh đoàn Hồ Tông Nam đã bị Cộng quân xoi gọt từng miếng - hai trăm ngàn quân Q.D.Đ đã bị bốn mươi ngàn quân CS đánh cho đại bại và khi rút chạy không còn đến một nửa quân số !

Phải công nhận là quân đội Chu-Mao rất thiện chiến và có kỷ luật hơn. Cục thế ngày càng suy sụp đối với quân đội 8 triệu của Tưởng Giới Thạch trước 1 triệu rưỡi Hồng quân.

Việc đại bại ở Diên An đã có ảnh hưởng lớn, làm rung động cả thế giới, và là bắt đầu một chuyển biến cực kỳ nghiêm trọng trong tình thế Á Châu dẫn đến sự thành hình một nước Trung Hoa Cộng Sản khổng lồ, và do đó ảnh hưởng sâu xa tới cả vận mệnh của Việt Nam - trong đó có chúng tôi.

Song, lúc đó chúng tôi chỉ mới cảm thấy hoang mang, chưa thể đoán rằng Trung Hoa quốc gia sẽ bị diệt vong.

Để điều chỉnh lại đảng vụ, tôi đáp xe hỏa rời Côn Minh đi một chuyến xuống miền Nam. Trước hết, tới ga Nghi Lương, huyện lỵ xinh xắn đã kể ở trên. Con đường dẫn từ ga đến thị trấn nghe nói khá khủng bố, thỉnh thoảng vẫn có đầu thổ phỉ bị hành quyết bên trong rọ bên đường hay ở cổng thành, y như trong các truyện ngày xưa bên Tàu. Mấy anh em ở đây vẫn làm cho ty hỏa xa, hay buôn bán nhỏ. Nghi Lương có tiếng vì có nhiều suối nước nóng, tắm xong cảm thấy trong người dễ chịu, khoan khoái.

Rời Nghi Lương, tới Pu Si, một trạm ga lớn vùng giữa Vân Nam. Chung quanh là đồi núi, nhưng cũng có nhiều đồng ruộng phì nhiêu, nhiều làng mạc phồn thịnh, phần lớn theo đạo Hồi. Bước vào trong những làng này, ta cũng ngạc nhiên vì rất ngăn nắp, sạch sẽ. Anh em người Việt ở vùng này cũng khá nhiều, vì dễ

kiếm ăn. Người vừa mới tới thì đi làm công, như làm nghề húi tóc, hay họp nhau nấu bánh đậu xanh để bán, cũng tạm đủ sống, với sự giúp đỡ của Việt kiều vốn đã ở đây.

Tổ chức đảng có quy củ nhất là tại Khai Viễn. Đời sống mọi người cũng tạm được ổn định.

Bản khoản chính cho tất cả là vấn đề tương lai không những là tương lai của đảng, mà còn tương lai của đất nước, tương lai của những người Việt còn trú ngụ tại đây, bao gồm cả những anh em mới tới. Bao nhiêu khó khăn dồn dập ! Chính ngay Hải Ngoại Bộ cũng chưa có một quyết sách rõ rệt, một chương trình hành động cụ thể. Chúng tôi còn phải đợi tin tức đầy đủ từ các phía gửi về mới có thể quyết định được.

Trong những giờ nhàn rỗi, anh em địa phương đưa chúng tôi đi dạo những thắng cảnh ở đây. Thúy Hồ vừa kể trên là một công viên rất nên thơ, với nhiều cây, hoa lạ; trong hồ nuôi nhiều cá vàng to con, rất đẹp mắt. Công viên Viên Thông ở gần ngoại thành được dựng trên một ngọn đồi trồng thông, chung quanh đồi là những vườn đầy hoa anh đào như ở Nhật Bản. Tôi chưa trông thấy thứ hoa này bao giờ. Đến mùa xuân có dịp trèo lên đồi, nhìn xuống cảnh rực rỡ ở dưới như một tấm thảm lớn màu hồng thực là kỳ quan. Trong vườn này cũng có

mấy quán uống trà, thêm hạt dưa hay lạc rang, người ta thường hay đến đây chuyện gẫu hay đánh cò, những thú vui thanh nhả.

Nhiều cảnh nên thơ như Đại Quan Lâu, bên bờ Điền Trì, có cầu chín khúc; xa nữa, đi Tây Sơn chùa dựng trên sườn núi; Hắc Long Đàm, một miếu cổ với cây tùng ngàn năm từ đời Tống, cùng một gốc mai từ đời Đường, phong cảnh chung quanh im vắng như xa lánh trần thế. Thứ nhất là thuê xe ngựa ngồi ung dung nhàn nhã, tiếng nhạc ngựa loong koong như lui về thời Trung Cổ.

Ở đây còn có trường Đại học Vân Nam, một trường rộng lớn cũng nằm trên mấy đồi, một trường học có tiếng vì tại thời kháng chiến, sinh viên các nơi đổ dồn về đây học. Tôi cũng quên nhắc là Liên, người bạn gái nhỏ cũng từ Hà Nội sang Côn Minh học môn Văn chương ở trường này đã khiến chúng tôi gặp lại nhau ở đất Vân Nam này; sau khi biệt tin tức mấy tháng trời. Một sự ngẫu nhiên đã gắn bó chúng tôi lại trong cảnh lưu vong cô đơn.

Cũng cần chú ý rằng, Pháp còn ảnh hưởng tại tỉnh này. Vẫn còn một tòa lãnh sự Pháp, thường theo dõi hoạt động của cách mạng Việt Nam ở đây để tìm cách lung lạc hay phá hoại... Ngoài ra, còn một bệnh viện

của người Pháp - bệnh viện Doumer. Một điều kỳ cục sau này, là có người định giới thiệu tôi vào làm bác sĩ nhà thương đó; và cũng có vài bạn học ở trường Y Khoa Hà Nội đương hành nghề ở đây.

Nghĩ cũng lạ. Nếu là người khác thì vào làm ở đó cũng tốt, đủ sống phong lưu trong cảnh êm ả ở đây. Chỉ cần thuê xe ngựa đi rong chơi những ngày nghỉ, rồi ghé vào các quán trà, kéo một chiếc thuốc ống thì trên đời không có gì tuyệt hơn,

thần tiên hơn. Nhưng, cũng như trong câu thơ của anh Thế Lữ :

*«Ta là một khách chinh phu,
Dấn bước chân trên khắp hải hồ....»*

thì dù muốn tạm nghỉ bước gian nan cũng không được.

Cái nghiệp của mình còn phải chuân chuyên nhiều nữa, hơn là Thế Lữ có thể tưởng tượng. Và đâu có cái cảnh :

*«Trong khi lật đật dải sông Mê
Trận gió heo may đuổi nhận về».*

vì chúng tôi nếu có lật đật, thì cũng bằng xe lửa, máy bay, hay kém nhất cũng bằng xe ngựa lúc này.

Mấy tháng sống trong yên tĩnh tương đối tại thành phố này để chờ đợi một lối thoát cho mọi người, nhưng trong lòng tôi không sao tìm được bình tĩnh.

Kể về sinh sống hằng ngày thì không khó khăn lắm. Một ngày, ở trụ sở có hai bữa cơm «cách mệnh» thường chỉ có đậu sị, hay một thứ củ cải dầm đen gọi là «ca la thầu», cùng ít rau cải. Thỉnh thoảng lắm mới có một bữa thịt lợn hay thịt bò. Chốn cao nguyên này rất ít có cá, thường chỉ ăn cá mặn hay cá hộp; trong những bữa tiệc mới nhìn thấy cá, còn đắt hơn thịt gà nhiều. Có khi bà con địa phương đến rủ chúng tôi đi uống cà phê, ăn bánh mì, hay uống sữa đậu nành.

Mấy tháng đã qua. Ngày 19 tháng 12, đột nhiên được nghe tin xung đột đã nổ ra giữa quân Pháp và quân Việt Minh tại Hà Nội. Cuộc kháng chiến thực sự đã bắt đầu. Việc này hãm chúng tôi vào một cảnh khó xử. Vì dù là Việt Minh, cũng là quân Việt Nam chống quân xâm lược thực dân Pháp.

Đứng trên nguyên tắc dân tộc không thôi mà nghĩ tất cả người Việt Nam đều phải đoàn kết, hợp tác để đánh đuổi quân Pháp. Nhưng trên thực tế, Cộng Sản Việt

Nam không bao giờ bỏ ý đồ tiêu diệt những phe chống đối; vì vậy sự đoàn kết Quốc Cộng không thể thực hiện được, dù muốn.

Thực trạng chua xót là, ở trong nước, những phái quốc gia đều phải rút vào bí mật, đều phải trốn tránh. Việt Minh rất dễ dàng dùng cái mũ Việt gian chụp lên đầu họ, và thủ tiêu dần, trừ phi đầu hàng CS. Một số lãnh tụ quốc gia đã phải lánh ra ngoại quốc, và chưa có khả năng để về nước xây dựng quân đội hay căn cứ kháng Pháp tại miền Bắc. Việc mộ chí nguyện quân cũng không đi tới đâu, vì những bọn lính đánh thuê đó đâu có tinh thần đấu tranh chân chính ?

Trong tình hình ấy, anh Tam, Long đã đi Quảng Châu để tìm gặp lại cụ Nguyễn Hải Thần và các bạn trong Việt Nam Cách Mệnh Đồng Minh Hội, cùng một số người từ miền Nam ra. Cụu Hoàng Bảo Đại lúc đó vẫn ở tại Hong Kong. Sau đó, anh Tam lại đi Nam Kinh để vận động thành lập một mặt trận chống Cộng Sản, nhưng đã không thành công.

Về mặt quốc nội, tình hình quân sự đã tới chỗ nguy ngập. Quốc Dân Quân đã phải rời Lào Kai đến tấn công miền Phòng Thô, lúc đó do quân Pháp chiếm. Tàn quân Pháp lại hoạt động mạnh để hỗ ứng với quân Pháp tại miền Trung Du. Đầu năm 1947, một số anh em từ biên

giới tới Côn Minh. Tình thế khó khăn, thêm vào đó, chiến sự Quốc cộng tại Trung Quốc không được thuận lợi; Cộng quân, quân đội của một số quân phiệt lại quấy nhiễu nhiều địa phương, ngay tại Vân Nam, Côn Minh, bọn tướng lĩnh quân phiệt vẫn có thái độ hai mặt. Một số báo chí công khai nói tốt cho CS, thỉnh thoảng tại các trường cũng có truyền đơn CS rải.

Mặc dầu có sự cố gắng để tiếp tế lương thực và đạn dược cho bộ đội ở biên giới, nhưng số lượng rất ít ỏi. Tháng 4 năm 1947, anh Vũ Hồng Khanh lại trở về Vân Nam. Một buổi họp bí mật tại Khai Viễn về tình hình chung, cho thấy chóng chầy anh em cũng sẽ phải rút qua biên giới. Vì vậy, khuynh hướng đấu tranh chuyển hướng sang phía Đông với giải pháp tạo thành một tập hợp chính trị tương đối lớn tại miền Quảng Đông, Quảng Tây, Hong Kong rồi tìm cơ hội về nước hoạt động, gây lại lực lượng cơ sở, đã thành ra một con đường sinh lộ mới, tuy thực ra chưa biết rõ có thể thực hiện hay không. Vấn đề là một lực lượng thứ ba có thể sinh tồn ở khu Việt Minh hay ở khu Pháp chiếm hay không ?

Tình thế bế tắc đã khiến cho một số anh em không muốn chờ đợi lâu nữa. Hải Ngoại Bộ đã chưa đưa ra được một giải pháp rõ rệt về tương lai gần. Đối với một số anh em bày tỏ thắc mắc, tôi chỉ biết trả lời là cần đợi

quyết định của Trung ương sẽ họp vào giữa năm, với ý kiến của anh Vũ, anh Tam và các anh còn ở lại trong nước. Có lẽ, những anh em này muốn tìm cách về nước để hoạt động, hơn là cứ ngồi ở chỗ thâm sơn cùng cốc. Vì sinh kế, đảng bộ đã phải xếp đặt đảng viên ở một số địa phương để kiếm việc làm.

Một buổi sáng, tôi bỗng thấy anh L... đến tìm, vẻ mặt hơi khác thường :

- «Có việc gì đó, anh ?» tôi hỏi.

- «Mấy anh T... đã bỏ đi rồi !»

Tôi ngạc nhiên. Các anh ấy bỏ đi đâu ? Anh L... bèn đưa tôi một bức thư. Đến nay tôi còn nhớ mấy dòng tha thiết của mấy người đã cùng ở chiến khu, trong đó có vài anh em đã cùng sát cánh với tôi trên con đường chật vật từ Hà Khẩu cho tới đây.

«Anh Bấy,

Anh thứ lỗi cho chúng em buộc lòng bỏ đi mà không nói trước với anh. Nhưng chúng em thấy không thể ở lại chốn này mãi. Không thể chịu đựng được nữa.

Chúng em đi với mục đích là về trong nước, ra sao thì ra, cũng còn hơn ở đất nước người.

Mong sẽ gặp anh ở trong nước sau này.

Chúc anh thành công trong việc dìu dắt các anh em ra khỏi tình cảnh ngày nay».

Cầm tờ giấy trên tay, tôi ngậm ngùi ngồi yên lặng. Đúng, là những người cầm đầu tổ chức, chúng tôi đều có trách nhiệm nặng nề về cảnh ngộ hiện nay. Những lời tâm huyết như trên, đến nay, vẫn còn như mới hôm qua. Lại thêm biết bao người đã phải lánh nước ra đi cầu trú nơi quê người. Nhưng bao giờ mới trở về được trong bình an và danh dự ? Chưa thấy thành công đâu cả, tuy một nửa thế kỷ đã trôi qua, mà chỉ thấy thất bại, lưu vong, thống khổ.

Những anh em đó, tôi chưa từng gặp lại được, cũng không biết sống chết ra sao, trên con đường về quê hương, hay trong cơn bão lốc sau đó. Mệnh vận của con người sao mà xót xa như vậy ? Và con người tại sao lại bất lực trước mệnh vận ?

Làm thế nào đây ? Cũng không phải chỉ có mấy người đó đã tự rời đi. Hiện trạng khiến tôi không thể không suy nghĩ ngày đêm. Sự thất bại của phe quốc gia, sự chia rẽ trầm trọng trong nội bộ dân tộc trước kẻ xâm lăng, việc bọn đế quốc thực dân lại đặt gót sắt lên trên người dân Việt một lần nữa, tất cả những cái đó là

tại sao ? Và tại sao số phận lại đè nặng lên đầu những thanh niên yêu nước đã dần thân vì dân tộc ?

Người cộng sản đã nhanh chân cướp được chính quyền, và nay cũng đương chống đối với quân Pháp, lấy được tín nhiệm của dân chúng và dựa vào đó để khủng bố tất cả những đảng phái nào không chịu thần phục. Điều gì đã khiến cho họ thắng lợi ? Nhưng sự thắng lợi của đảng Cộng Sản sẽ có đưa lại độc lập tự do cho đất nước không ?

Tương lai Việt Nam sẽ phải như thế nào, và sẽ phải theo một đường lối ra sao, để trước hết đánh đuổi bọn thực dân rồi sau xây dựng đất nước ?

Tất cả những vấn đề trên, không thể chỉ có ý nguyện tốt đẹp mà giải quyết được. Với tâm sự bối rối và phức tạp, tôi tự cảm thấy mình còn thiếu sót nhiều quá, và các anh em trong Trung ương xưa nay cũng chưa nghiên cứu và suy xét sâu sắc vấn đề sách lược then chốt, chỉ có những chủ trương từng bước để ứng phó với thời cuộc. Nên bao giờ cũng bị hãm vào thụ động.

Nhiều khi, lúc nhàn rỗi một chút, một mình tôi dạo gót trên những con đường vắng ngoại thành, dưới bóng rặng cây bạch hoa lấp lánh ánh nắng. Trời trong sáng, gió thổi nhẹ qua cành lá. Chung quanh đời sống sao mà

êm ả thế ? Sao mình không được sống như những người dân hồn nhiên và chất phác chung quanh đây ?

Tôi cũng tìm vào các tiệm sách và thư viện ở đây. Có rất nhiều thứ sách tiếng Anh, tiếng Pháp, và ngay tác phẩm của người quốc gia Trung Hoa cho đến của Mao Trạch Đông, Lưu Thiếu Kỳ, Staline. Do đó, được hiểu thêm về quy luật, phát triển nhân loại, các xã hội xưa và nay, các dân tộc, quốc gia, giai cấp, quy luật tiến hóa của loài người từ Đông sang Tây, đặc điểm của chế độ tư bản nay đương chiếm ưu thế trên thế giới, căn nguyên xã hội của phong trào Cộng Sản quốc tế...

Vấn đề của mỗi dân tộc cần phải xem xét không những trên những nhân tố nội bộ, mà còn phải phân tích được tương quan của nội bộ dân tộc với những nhân tố quốc tế, thì mới có thể nhận định được quy luật tiến triển ra sao, để làm nền tảng cho một đường lối hoạt động. Nếu chỉ bằng lòng sốt sắng, ý chí chủ quan, thì hoạt động sẽ không phù hợp với thực tế, và tất sẽ gặp thất bại.

Đó chính là nguyên nhân sự thất bại nặng nề của phía quốc gia trong thời kỳ trước sau 1945. Thiếu đường lối kiến đảng xác đáng, tổ chức rời rạc, không thống nhất, thiếu kỷ luật nghiêm minh. Không chú trọng phát động quần chúng mọi giai tầng, chỉ giới hạn trong một số tầng lớp. Quá y lại vào sự giúp đỡ của nước ngoài, không chú

trọng việc đào tạo lực lượng vũ trang hay lập khu căn cứ. Trong những năm 44-45, thời cơ nghìn năm có một, đã không có hành động mạnh dạn để đẩy động toàn dân hưởng ứng. Không có kế hoạch nắm được chính quyền bằng mọi cách. Và đã chủ quan, khinh địch, coi thường đảng Cộng Sản; ngay đến tháng 7 năm 1946, khi được tin Việt Minh họp đại hội tại Thái Nguyên, và Nhật Bản sắp đầu hàng, phe quốc gia đã không kịp thời tổng hành động tiến tới khởi nghĩa. Một lỗi lầm chí mạng nữa là chủ trương đẩy lui hành động, chờ quân đội Trung Hoa tới tiếp quản và các nhân sĩ từ hải ngoại trở về nước, trong khi Việt Minh đã tuyên truyền khắp nơi cờ đỏ sao vàng.

Trước tình thế bế tắc, sự phân hóa trong nội bộ tổ chức đã bắt đầu bằng cách này hay cách khác, tuy Hải Ngoại Bộ vẫn cố gắng cổ vũ các anh em giữ vững niềm tin. Việc đầu tiên là sự nứt rạn giữa một số anh em Đại Việt với một số anh em Việt quốc; gây nên xích mích. Có những tin đồn gây hoài nghi đến ngay cả những người lãnh đạo. Nhưng theo chỗ tôi thấy, thì các anh em trong bộ lãnh đạo chung không hề có thắc mắc gì, trừ những khi bày tỏ ý kiến về chương trình hành động, có ý kiến bất đồng cũng là sự thường.

Anh Trương Tử Anh, rồi sau tới anh Khải Hưng đã mất tích, chưa ai biết số phận ra sao. Ở trong nước, trong số anh em Trung ương chung, còn có anh Phan Trâm Nguyễn Tiến Hỷ (bạn học dưới tôi một khóa tại Đại học Y Khoa), và anh Phạm Khải Hoàn - mãi tới sau này tôi mới gặp lại ở Hong Kong. Anh Phan Trâm và anh Hoàn là Đại Việt, nhưng tôi cảm thấy không có gì phân biệt giữa chúng tôi, mặc dầu những cơ sở tổ chức ở dưới vẫn riêng biệt.

Riêng đối với tôi, dù biết các anh em vốn thuộc hệ phái nào, trước đây ở trong nước hay ở hải ngoại về, tôi cũng coi như anh em một nhà, vẫn tín nhiệm như nhau. Nhưng, những xích mích cục bộ cũng khiến cho tôi lo âu. Anh Xuân Tùng cũng vậy, song anh tin rằng những cái đó chỉ tạm thời và sẽ dàn xếp được nếu khi công việc chung được cải tiến.

Đôi khi, anh Xuân Tùng, tôi, cùng vài anh em quan tâm đến tương lai, rủ nhau ra một quán nước trà bình dân tại bên bờ Thúi Hồ hay vườn hoa Viên Thông, ngồi nhấp tách trà, kéo mấy hơi thuốc lá, để nói chuyện tâm sự. Ai cũng lo âu và mong chóng có sự thay đổi nào. Nhưng một điều phấn khởi là không có ai chán nản, bi quan, ai cũng vẫn tin tưởng là thế nào dân tộc cũng sẽ giành được độc lập, hạnh phúc. Rõ ràng là đã phạm

hiều lầm lỗi nghiêm trọng, nhưng chúng tôi vẫn quyết tâm theo đuổi mục tiêu thực hiện lý tưởng, hoài bão của một con dân Việt Nam yêu nước. Chúng tôi tin rằng qua những ngày vật lộn, thử thách trầm trọng, rồi cũng tìm thấy con đường thích đáng.

Chủ nghĩa Tam Dân của Tôn Trung Sơn có nhiều điểm hay, nhưng cũng có nhiều điểm không thích hợp với trào lưu thế giới hiện thời và với tình thế Việt Nam, chủ nghĩa Duy Dân hay Dân Tộc sinh tồn không được đáp ứng được đầy đủ với nhu cầu và nguyện vọng của dân chúng Việt Nam; chủ nghĩa Cộng Sản dựng lên học thuyết Mác-Lênin, cổ xúy đấu tranh giai cấp, từ bỏ chủ nghĩa tư bản, và chủ trương chuyên chính vô sản, rất hấp dẫn vì mong ước xóa bỏ bóc lột, mọi người đều bình đẳng, nhưng trên thực tế áp dụng chuyên chế bạo lực, tiêu diệt dị kỷ, vậy thì cần có một lý thuyết thế nào cho hoàn mỹ hơn, có khả năng đưa đến độc lập dân tộc và đoàn kết quốc dân trong tự do, hạnh phúc ?

Đa số trong những người thường suy nghĩ về vấn đề này thường có khuynh hướng một lập trường dựng trên độc lập, dân chủ và bình đẳng xã hội - một thứ chủ nghĩa dân chủ xã hội như ở nước Anh hay Bắc Âu. Tất nhiên, trong giai đoạn này vấn đề giải phóng dân tộc khỏi ngoại xâm là cấp thiết nhất. Nhưng trước lập

trường bài tha của Việt Minh, làm sao có thể đoàn kết mọi lực lượng dân tộc để tăng cường kháng chiến ?

Mâu thuẫn nhất là, trong công cuộc kháng chiến, các đảng phái quốc gia đều bị khủng bố hay bị gạt sang một bên, bị kẹp giữa hai thế lực địch đối, nên từ Bắc vào Nam, đã không chiếm được địa bàn đủ rộng, cũng không có đủ lực lượng để chống lại với cả hai thế lực đó.

Chương III - Tình Hình Trong Nước Biển Chuyến - Đi Quảng Châu

Vào giữa năm 1947, tình hình quốc nội bước vào một cục thế giằng co. Quân Pháp đã chiếm Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định và một số tỉnh ly miền đồng bằng Bắc Bộ. Quân đội Việt Minh đã phải lùi vào miền núi Trung Du và Thượng Du, với phương thức chủ yếu là du kích chiến. Tuy thắng thế, nhưng Pháp vẫn chưa tiêu diệt nổi địch thủ. Ngay nhiều vùng thôn quê đồng bằng cũng bị Việt Minh quấy nhiễu. Phải công nhận là chiến tranh du kích có thể kiên trì được, nguyên nhân chính là do đa số nhân dân ủng hộ, không ủng hộ quân Pháp.

Chỉ có một số người quốc gia muốn tránh sự khủng bố của cộng sản, trở về tạm lánh trong các miền Pháp chiếm. Thực dân Pháp lúc đó cần lấy lòng người Việt, nên cũng dễ yên, nếu không có hành động gì phá hoại nền quản trị của Pháp.

Song song với mặt quân sự, người Pháp mở mặt trận chính trị, hầu mong lôi kéo được một số dân chúng theo về với họ, đồng thời được cả một số những thành viên phe quốc gia. Cũng như tại Nam Bộ, họ mong sẽ lập được một chính quyền người Việt hợp tác với họ để

chống lại Việt Minh.

Âm mưu dùng người Việt đánh người Việt không phải dễ dàng mà thực hiện được. Mặc dầu đương bị Việt Minh dồn vào trong thế bế tắc, dù nhiều thành viên đã bị Việt Minh khủng bố, sát hại, nhưng đa số người quốc gia chân chính đều hiểu rằng cộng tác với quân xâm lược Pháp để chống với dân mình đương kháng chiến là trái với lập trường dân tộc. Điều này càng làm cho những người cầm đầu các đảng phái quốc gia chống Pháp bị hãm vào một thế mâu thuẫn, khó khăn.

Người Pháp cần phải tìm được một nhân vật tiêu biểu để quy tụ được những người theo họ. Nhưng những nhân vật quốc gia có uy tín lúc đó không ai muốn đứng ra làm việc này. Chỉ có một nhân vật có bề thích hợp : cựu hoàng Bảo Đại. Ông này cũng đương ở trong một tình thế đặc biệt. Sau lưng không có lực lượng chính trị làm hậu thuẫn; trở về làm cố vấn tối cao cho chính phủ Hồ Chí Minh thì ông không muốn; về mặt tài chính lại gặp khó khăn. Bảo Đại hiện đương trú ngụ tại Hong Kong.

Do đó, một số chính khách Việt đã từ trong nước và từ Trung Quốc đến Hong Kong. Các anh Tam, Long, cụ Nguyễn Hải Thần và một số nhân vật trong Việt Cách gặp nhau tại Quảng Châu để bàn luận về việc có nên

gặp Bảo Đại hay không ?

Thực ra lúc này tình thế cũng rất phức tạp, rất khó mà quyết đoán được toàn diện vấn đề. Con đường tốt nhất vẫn là chống cả Pháp lẫn Việt Minh, gây dựng lại lực lượng để thiết lập những khu căn cứ độc lập của mình, hoặc kiên nhẫn lui vào bóng tối chờ đợi thời cơ. Nhưng khó khăn chồng chất, cơ hồ không thể thực hiện được trước sự đàn áp của cả hai phía. Nếu hợp tác với Cựu Hoàng để đòi hỏi được một số nhượng bộ đáng kể từ phía Pháp - như tự trị rộng rãi, có quân đội của mình, thì cũng là một lối thoát, tuy đầy nguy hiểm. Điều quan trọng là đi ngược với cương lĩnh cách mạng, và phải trực tiếp đương đầu với Việt Minh, cùng sẽ bị đa số quốc dân lên án.

Ông Nguyễn Hải Thần tỏ ý muốn đi tham dự Hội Nghị Hong Kong với điều kiện là Pháp sẽ phải nhượng bộ rộng rãi. Vì thế các anh Tam, Long cũng đồng ý ra đó để quan sát tình hình. Điều kiện của Việt Quốc tối thiểu là :

1. Yêu cầu Pháp phải để Việt Nam có một nền độc lập, tự chủ thực sự với cả quyền về quân sự và ngoại giao trong khuôn khổ Liên Bang Pháp.

2. Tạo được điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của đảng về sau này.

Bức thư mật của anh Tam gửi về Hải Ngoại Bộ khiến cho tôi đầu bống nóng lên, hăm vào mấy phút trầm tư. Chưa bao giờ tôi cảm thấy bối rối như vậy. Vì, dù có đưa ra những đòi hỏi như trên thực chất, như thế là ta sẽ hợp tác với Pháp và sẽ phải đối đầu với quốc dân đương đổ máu để kháng chiến, dù chính phủ Hồ Chí Minh do đảng Cộng Sản lãnh đạo.

Chiến sĩ cách mệnh chống thực dân nay lại bắt tay với chính thực dân ? Thực khó mà chấp nhận ? Song, còn con đường nào khác để đi ?

Việc này, chưa thể đưa ra công khai. Tôi đáp xe hỏa xuống ga Pu Si để gặp anh Xuân Tùng và liên lạc với anh Vũ Hồng Khanh lúc đó ở miền Nam Vân Nam. Tôi đưa bức thư đó cho anh Xuân Tùng. Xem xong, anh trầm ngâm một lát, rồi đưa mắt nhìn tôi. Hai người ngồi im một lúc :

- «Việc này khó quyết định lắm». Anh lắc đầu, cau mày.

- «Vậy thì ý anh ra sao ? Có nên ra dự hội nghị không?» Tôi hỏi lại.

«Đi với Pháp, sợ các anh em không đồng ý... Rất khó giải thích...» Ý anh cũng muốn tìm một lối thoát nào ra khỏi bế tắc, nhưng quá mạo hiểm và sẽ bị dân chúng rời bỏ.

Một đảng viên kỳ cựu ở Khai Viễn đưa ra câu hỏi :

«Thưa các anh, như thế có phải là chủ trương hợp tác với Pháp không ? Có phải là đầu hàng không ?»

Tôi và anh Xuân Tùng giải thích rằng chúng ta có ra Hong Kong cũng chỉ để gặp Bảo Đại và một số nhân vật phe quốc gia, xem có một đường lối nào thoát khỏi bế tắc hiện nay không, không phải là công tác với Pháp. Nhưng xem ra lối giải thích này cũng chưa đủ để giải tỏa những nỗi thắc mắc của anh em.

Còn anh Vũ Hồng Khanh cũng đồng ý một cách dè dặt. Theo ý anh, còn có thể dựa vào Quốc Dân Đảng Trung Hoa để gây lại lực lượng, mặc dầu lúc đó chính phủ Tưởng Giới Thạch đã gặp nhiều khó khăn từ chỗ Hồng Quân đã bắt đầu phản công và tình hình kinh tế tệ hại, các tướng quân phiệt các nơi vẫn chưa hoàn toàn thuần phục chính phủ - điểm chí mạng của Quốc Dân Đảng.

Tình thế rõ rệt là các đảng phái quốc gia hiện nay bị kẹt giữa hai thế lực lớn, đó là Việt Minh CS và Pháp thực dân, và ở trong tình hình rất khó khăn.

Theo đúng nguyên tắc đoàn kết dân tộc chống xâm lăng, thì cần đoàn kết với Việt Minh để kháng chiến, vì lúc đó chính phủ Hồ Chí Minh đang cầm đầu cuộc chiến tranh chống Pháp. Nhưng như vậy, chủ trương của CSVN là tiêu diệt hoặc chi phối hoàn toàn các phái khác với mình phải thân phục họ, nên đoàn kết không thể thực hiện được. Một mặt, nếu cùng với Bảo Đại đi vào con đường hợp tác với Pháp để chống lại Việt Minh đứng kháng chiến, thì tất sẽ rơi vào chỗ phản lại dân tộc, và bị dân chúng ruồng bỏ.

Tuy vậy, xét cho kỹ, lúc đó cũng có thể tìm ra lối thoát, tuy rằng rất gian nan :

Một là tập hợp các lực lượng quốc gia, đi con đường thứ ba, đợi thời cơ tốt mới sẽ hoạt động nổi.

Hai là, lợi dụng chỗ yếu của Pháp - thiếu hậu thuẫn dân chúng - đòi hỏi được điều kiện tối thiểu về một nền độc lập cho Việt Nam, để dần dần phát triển lực lượng chống lại với CS. Tập hợp những lực lượng chống Pháp ở miền Nam thành một mối cũng có thể là một cách cứu vãn tình thế.

Theo quyết định của Trung ương, các anh Tam, Long từ Quảng Châu ra Hong Kong để chuẩn bị dự Hội nghị, Cùng ra Hong Kong còn có cụ Nguyễn Hải Thần. Do đó, trong hội nghị sẽ có bốn nhân vật trong Chính phủ Liên hiệp Kháng chiến VN cũ, đó là Phó chủ tịch Nguyễn Hải Thần, Tối cao Cố vấn Vĩnh Thụy, Bộ trưởng Ngoại giao Nguyễn Tường Tam, và Bộ trưởng Kinh tế Nguyễn Tường Long.

Ngoài ra còn một số nhân vật miền Nam, như Nguyễn Văn Sâm nguyên khâm sai Nam Bộ thời chính phủ Trần Trọng Kim, Nguyễn Bảo Toàn đại biểu đảng Xã Hội Dân Chủ, và đại biểu Cao Đài, Bình Xuyên, Hòa Hảo v.v...

Khi sắp họp, tôi nhận được điện toại sang ngay Quảng Châu. Thú thực, tôi không muốn tham dự hội nghị này, vì dè dặt với mục đích thương lượng với Pháp. Tôi chủ trương đi con đường của mình. Song vì quyết định chung nên ra Hong Kong để tiếp xúc với các phái khác, tìm cách tổ chức lại lực lượng, nên đầu tháng 7 năm 1947, tôi rời Công Minh đến Quảng Đông.

Đã ở qua đất này gần một năm, tôi không khỏi bịn rịn khi từ giã cái thành phố đáng yêu, với khí hậu quanh năm mát mẻ, với những thắng cảnh xinh đẹp, những người dân chất phác và nhiệt tình. Song đây cũng chỉ là

một trạm tạm nghỉ trên đường. Song, nếu có một ngày nào sau đây, tâm hồn rồi rãi thanh thoi, tôi sẽ lại về thăm đất này.

Máy bay chỉ là một phi cơ chở hàng nhỏ kiêm chở hành khách. Vẫy tay từ biệt anh em ra tiễn, tôi có linh cảm là lần ra đi này có lẽ không còn gặp được nhau nữa. Vì sau này đã biết mình ở chốn nào đâu ? Thế giới quá là rộng rãi, thời thế quá là bấp bênh. Tuy vẫn ở Trung Quốc, nhưng tôi không có dịp trở lại Côn Minh. Mà các anh em ở đây đa số đã đi nơi khác hay về nước.

Lòng tôi như se lại. Ngoài anh em ra, còn có Liên, vẫn còn học tại trường Đại học Vân Nam, và vẫn gắng theo đuổi học nghiệp (hoàn cảnh biến đổi rất nhanh sau này, thúc đẩy cô cũng sang Quảng Châu; đó là chuyện về sau).

Từ cửa sổ máy bay nhìn ra, chỉ thấy núi non ngàn trùng bập bênh trong mây; thỉnh thoảng mới thấy vài thung lũng xanh tươi với làng mạc ẩn hiện. Từ Vân Nam tới Quảng Tây, là một vùng rừng núi bao la.

Máy bay xuống thành phố Liễu Châu để lấy xăng. Liễu Châu, một thị trấn quan trọng, lại có quan hệ mật thiết với phong trào cách mệnh Việt Nam tại hải ngoại. Từ đây trở đi, đồi núi thấp dần, đã có nhiều cánh đồng

phì nhiêu và thị trấn.

Quá trưa, thì tới Quảng Châu, sân bay Bạch Vân, lấy tên theo dãy núi nhỏ. Có xe hơi đưa hành khách đến tận trung tâm thành phố. Lần đầu tiên, tôi thấy một thành phố rộng lớn và đông đúc như vậy. Những dãy phố to, hai bên nhà cửa nhiều tầng san sát, so với Côn Minh thì lớn và phồn thịnh gấp bội, chứ không nói đến Hà Nội lèo tèo.

Xe hơi đỗ chúng tôi xuống thêm một tòa nhà nhiều tầng, cao nhất Quảng Châu thời ấy - khách sạn Ái Quần, vị trí bên bờ sông Châu Giang. Có một anh em ra tiếp đón, gọi xe xích lô đi đến chỗ ngụ cũng không xa, ở Hoàng Xá, gần nhà ga xe lửa cùng tên.

Ngõ Hoàng Xá này ở phía Tây Nam Quảng Châu, ngay bên cạnh một trường trung học, gần ngã ba sông Châu Giang. Cạnh đó, lại có một nơi trú quân Quốc Dân Đảng.

Nhà chúng tôi ngụ là căn nhà một tầng, giản dị - vì tiền thuê nhà rẻ. Như nhiều nhà lúc đó, ở trong chỉ dùng ván gỗ ngăn ra làm phòng khách, ba phòng ngủ nhỏ.

Đây là một xóm nghèo, chỉ có ra tới phố to mới thấy nhiều cửa hàng buôn bán. Nhưng được cái, ngay gần có

một nơi phong cảnh đẹp, một lạch nước nhỏ và trong, hai bên bờ trồng toàn cây vải - nên có tên là Lê Chi Loan. Nên biết, vải ở Quảng Đông có tiếng là ngon, múi dày và ngọt lịm, không như vải ở bên ta. Về đời Đường, Dương Quý Phi đã chẳng bắt kỵ sĩ ngồi ngựa ngày đêm không nghỉ để xuống tận đây lấy vải cống rồi đưa lên tận Trường An để bà ta hưởng dụng ? Trên Lê Chi Loan, lại có một bể bơi giản dị, chung quanh có nhiều tiệm ăn uống; người Quảng Đông ở chỗ nào cũng phải ăn uống.

Lúc tôi đến, thì các anh Tam, Long đã ra Hong Kong. Trong nhà chỉ còn mấy anh em từ Quảng Tây tới, trong số những người tập trung tại Ninh Minh. Các anh em cũng đương đợi tình thế ra sao và quyết định từ ở trên. Trong lúc đợi tin tức, họ đưa tôi đi xem thành phố.

Quảng Châu không xa lạ lắm đối với người Việt Nam. Trong lịch sử cách mệnh, thành phố này có quan hệ mật thiết với các phong trào của người Việt yêu nước, thường là một nơi để trú ngụ và hoạt động của nhiều chí sĩ như Tôn Thất Thuyết, Phan Bội Châu và nhiều vị khác. Liệt sĩ Phạm Hồng Thái sau khi ném tạc đạn định giết tên Toàn quyền Merlin, nhưng không thành - tại khách sạn Victoria, đã phải nhảy xuống đầm Bạch Nga (sông Châu Giang) ở ngay gần đó. Nguyễn Ái Quốc đã

sáng lập ra Việt Nam Thanh Niên Cách Mệnh Đồng Chí Hội, tiền thân của đảng Cộng Sản Đông Dương - ở đây. Quảng Châu trong thời kỳ gần đây đã là nơi hoạt động của nhiều chiến sĩ chống Pháp, chống Nhật.

Trong suốt một thời kỳ dài, nhân dân Trung Quốc đã đồng tình và ủng hộ cuộc đấu tranh cho độc lập của dân tộc ta. Đó là một sự thực lịch sử; nếu không có điều kiện này, những phần tử ái quốc Việt Nam sẽ khó có chỗ dung thân. Chính nghĩa cách mệnh cao cả đã vượt qua những quan niệm hẹp hòi về quốc gia dân tộc cực đoan. Không những sự hỗ trợ lẫn nhau là cần thiết để đối với những thế lực đế quốc, thực dân, mà hiện nay để đối với các thế lực độc tài, chuyên chế để thực hiện dân chủ và tự do.

Trước hết, chúng tôi đã viếng mộ liệt sĩ Phạm Hồng Thái nằm ở xé trước cổng Hoàng Hoa Cương (sau đó mộ đã được đưa vào trong Hoàng Hoa Cương), là lăng mộ của 72 liệt sĩ Trung Quốc bị quân phiệt sát hại). Liệt sĩ yên nghỉ trong một nấm mộ lớn, hình tròn, nằm trên sườn núi dưới bóng thông reo. Trên mộ có đề chữ son «Phạm Hồng Thái liệt sĩ chi mộ», bên có khắc đề tựa của ông Tỉnh trưởng Quảng Đông.

Chúng tôi cắm hương trên mộ và đứng lặng mình rất lâu để tưởng niệm vị anh hùng dân tộc, trong lòng mỗi người bùi ngùi vô hạn. Số phận của những nước nhược tiểu thực là bi đát, sức người cảm thấy nhỏ bé quá trước những tai nạn kinh khủng đương đè nặng trên đầu người dân vô tội.

Ngồi bên mộ một hồi, chúng tôi sang thăm Hoàng Hoa Cương. Lãng rất rộng, có cổng lớn và trang nghiêm. Một cái sân rộng, hai bên trồng toàn bách diệp. Trên cổng có chữ đề của Tôn Trung Sơn, nhà sáng lập ra Dân Quốc Trung Hoa. Trong tòa nhà chính, có một pho tượng Tôn Trung Sơn rất lớn, ngồi ở giữa.

Trên đường về, chúng tôi đáp xe công cộng đến Sa Diện, chỗ trước là tô giới quốc tế, có khách sạn Victoria, nơi Phạm Hồng Thái đã ném tạc đạn. Đây là một cái đảo bên bờ sông, kiến trúc theo kiểu Tây phương, nên nhà cửa rất chỉnh tề, sạch sẽ, đường phố đều có trồng nhiều cây cổ thụ. Khách sạn Victoria, một tòa nhà hai tầng, vẫn y nguyên như cũ, kể cả phòng họp đã đón tiếp Merlin. Gần đó, có một phòng đọc sách của lãnh sự quán Pháp.

Anh em rủ nhau ra tận bờ sông. Trước mặt là ngã ba sông mênh mông, bàng bạc, mà người ta quen gọi là đầm Bạch Nga; nước chảy cuộn cuộn ra khơi. Tưởng

tượng như anh hồn liệt sĩ vẫn còn phảng phất đâu đây, Phạm Hồng Thái đã hi sinh vì dân tộc. Nhưng chúng tôi đã làm được gì để theo gương người ? Đúng là một người Việt Nam chân chính, dù sao cũng không thể thỏa hiệp, đầu hàng với Pháp. Sẽ phải làm như thế nào đây. Lúc trở về nhà, trong đầu óc tôi bao nhiêu câu hỏi rối reng !

Quảng Châu lại là một thị trường lớn nhất ở Hoa Nam. Những dãy phố lớn dài hàng nhiều cây số, hai bên các cửa hiệu to san sát, đầy ắp hàng hóa. Người mua kẻ bán tấp nập lạ thường. Chỉ nhìn vào các cửa hàng bán vải, lụa cũng đủ thấy sợ. Những cửa hàng tại Hàng Đào, Hàng Ngang tại Hà Nội chỉ là một góc nhỏ xíu so với đây.

Một đặc điểm khác là nhan nhản các tiệm ăn, tiệm cao lầu rất lớn, nhiều tầng, lúc nào cũng đầy người ăn hay uống trà, ăn điểm tâm. Phong tục Quảng Châu ai cũng một ngày ra uống trà 2, 3 lần, để bàn chuyện làm ăn, buôn bán, chơi bời, và cả việc mỗi manh, xem mặt, hẹn hò nữa. Người Quảng Đông có tài về buôn bán và cả về nấu ăn nữa. «Ăn ở Quảng Châu» là một câu tục ngữ có tiếng.

Người Việt mình gặp nhau thường chào hỏi sức khỏe, nhưng ở đây người ta chào mình bằng câu hỏi «đã ăn cơm chưa ?» hay «buôn bán có khá không ?» Nhiều khi tôi cũng thấy tức cười, và tự hỏi mình đương buôn bán gì đây ?

Chúng tôi cũng đi thăm nhiều chỗ phong cảnh đẹp như núi Việt Tú, Bạch Vân, và đến thăm các trường đại học có tiếng như trường Trung Sơn, trường Lĩnh Nam, rất rộng lớn, kiến trúc rất đặc sắc, quy mô gấp mười lần trường đại học Hà Nội. Ngoài ra, nền giáo dục cũng tương đối phát triển với mấy chục trường trung học lớn.

Vị trí Quảng Châu cũng đặc biệt là dễ thông thương với Hong Kong, Ma Cao và ngoại quốc. Sự ra vào cũng dễ dàng. Thêm vào đó, Hoa Kiều ở ngoại quốc cũng phần lớn từ Quảng Đông, Phúc Kiến ra. Tình thế kinh tế phồn thịnh này có lẽ khiến đa số dân chúng chỉ chú ý đến làm ăn, làm giàu, thiếu hứng thú đối với chính trị. Nhưng một mặt, cũng vì thế những trào lưu tư tưởng tự do, phóng khoáng, bình đẳng cũng lan tràn, và Quảng Châu lại là một nơi dấy động lên nhiều phong trào cách mệnh dân tộc và dân chủ, như cuộc cách mệnh Tân Hợi. Và tại đó, năm 1927 do đảng Cộng Sản Trung Quốc thành lập, đã xuất hiện cái gọi là «Công Xã Quảng

Châu», theo lối Công Xã Paris năm 1870, nhưng đã thất bại rất nhanh.

Chương IV - Hội Nghị Hồng Kông 1947 - Chính Kiến Khác Nhau

Đến Quảng Châu vài hôm, thì nhận được điện của anh Tam giục ra Hong Kong để bàn việc. Ý riêng tôi vẫn là không muốn trực tiếp tham dự Hội Nghị ở đó, không phải là vì e ngại trước việc chính phủ Hồ Chí Minh lên tiếng kết án hội nghị; mà vì tôi nhận thấy hội nghị chỉ có thể thỏa mãn những yêu sách của Pháp hay lượm được những nhượng bộ ít ỏi vô ý nghĩa. Những nhóm tới họp không có hậu thuẫn đáng kể, và có thành phần phức tạp, thiếu chủ trương chính trị đúng đắn khả dĩ hiệu triệu được quần chúng. Như thế là giúp cho sự tái xâm lăng của Pháp hợp pháp hóa. Nhưng theo quyết định chung, tôi cũng phải ra đó để quan sát tình hình và góp ý kiến với các anh về thái độ của các đảng bộ các nơi.

Hong Kong là thuộc địa của Anh do nhà Thanh phải nhường sau chiến tranh nha phiến, với thời hạn 99 năm. Thành phố này cách Quảng Châu gần 200 cây số; ngồi xe lửa 4 tiếng đồng hồ thì tới Thâm Quyến, một thị trấn biên thùý. Qua cầu sắt La Hồ thì bước vào địa phận Cửu Long.

Ngồi trên xe, khi sắp tới, đã nhìn thấy những bãi biển nhỏ, đã cảm thấy mùi vị đặc biệt của gió biển thổi vào. Tuy là thuộc địa Anh nhưng sự đi lại với nội địa vẫn được tự do, không cần có giấy má gì. Chỉ về sau, chính phủ Cộng Sản thành lập, thì đi lại mới phải xin giấy. Và lại chúng tôi bề ngoài có khác gì người Hoa đâu. Chỉ có khi xuống ga Cửu Long, rồi mới có sự khám xét hành lý, mà không phải ai cũng bị khám. Có khám thì trong vali chúng tôi bắt quá là mấy bộ áo cũ. Tình thế này cho ta hiểu tại sao Hong Kong xưa nay vẫn là chỗ dung thân của đủ hạng người.

Dưới sự quản trị của người Anh, Hong Kong trở thành một thành phố phồn thịnh, tân tiến bậc nhất ở Đông Á. Đường phố rộng lớn, gọn ghẽ, hai bên nhà cửa nhiều tầng, nhiều xe hơi và xe bus tới tận hai tầng. Đạp vào mắt là cảnh sát Hong Kong khá nhiều, nhưng thái độ cũng không đến nỗi hung ác.

Có anh em ra đón, đưa đến bến tàu thủy đưa qua eo biển để sang bên đảo chính. Đứng ở bên Cửu Long mà nhìn sang bên Hong Kong, thấy rõ toàn cảnh thành phố dựng trên sườn núi, phố xá cao thấp khác nhau như bát úp, và nhô lên nhiều tòa nhà chọc trời. Thực là một thành phố tới tận; so với đây, Hà Nội chỉ được coi là một tỉnh lỵ nhỏ vắng, lạc hậu.

Dù là kẻ thực dân hà khắc, nhưng cũng phải nhận là người Anh có tài biến những nơi hẻo lánh như Hong Kong, Singapore thành ra những thương cảng phồn thịnh. Còn người Pháp thì chỉ chiếm được những chỗ kém phát đạt.

Cập bến Hong Kong, chúng tôi được đưa tới chỗ trú ngụ tại một phố gần trường đua. Qua đường phố chính ở đây cửa hàng san sát, kiến trúc tối tân, người đi lại đông đúc. Xem cách ăn mặc thì có vẻ sung túc hơn nội địa. Xe điện, xe buýt, nhiều xe taxi rất thuận tiện.

Chúng tôi ở một phòng trên gác, nhìn ra trường đua ngựa, cũng đủ tiện nghi. Dưới phố, có nhiều hàng ăn Tây, Tàu đủ cả.

Hội họp đã tiến hành được mấy hôm. Cao ủy Pháp Bollaert - tự cho mình đang ở thế mạnh, đã đưa ra những điều kiện khắt khe, chỉ nhường cho Việt Nam một thể chế tự trị trong trong Liên Bang Đông Dương mà không nói đến độc lập thực sự; ngoại giao, quân sự phải nằm trong tay người Pháp. Một số trong những người Việt đến họp vốn đã có khuynh hướng thân Pháp thì tán thành chấp nhận; nhưng đa số, trong đó có các đại diện của các đảng phái Quốc Gia - Quốc Dân Đảng, Duy Dân, Việt Cách thì cho là không đủ bảo đảm cho độc lập của Việt Nam, và biến các phái quốc gia thành

công cụ để tiêu diệt kháng chiến. Cụ Nguyễn Hải Thần, anh Nguyễn Tường Tam, Nguyễn Bảo Toàn, và Nguyễn Văn Sâm v.v... đều thuộc về phe sau.

Còn tôi, chỉ đến thăm Hội nghị một lần với tư cách quan sát viên. Hôm ấy, cũng khá đông đủ, nhưng không tiến tới một quyết định chung nào. Nhưng bọn Pháp cũng khá giỏi về tuyên truyền; trên mặt báo, họ rêu rao đây là một hội nghị những kẻ «ái quốc chân chính» và nêu tên tôi là đại diện của quân kháng chiến (?) từ Côn Minh tới.

Một sự bất ngờ xảy ra khiến chúng tôi hoài nghi tội Pháp và tội cầm quyền ở Hong Kong có liên lạc, thông đồng gì với nhau không ? Vì ngay một buổi sáng sau đó, tôi, anh Tam và một anh em đương ngồi bàn chuyện, bỗng có người gõ cửa gấp rút. Cửa mở, hai người bước vào, một người mặc cảnh phục Hong Kong, người Hoa, còn một người nữa, người Anh, mặc thường phục. Về mặt nghiêm nghị, gần như sát khí đằng đằng.

Họ đến làm gì vậy ? Chúng tôi hơi ngạc nhiên. Vì đây là một «cảng tự do» mà ! Anh Tam tiến lên, nói bằng tiếng Anh :

- «What do you want ?» Tôi không ngờ anh cũng nói trôi chảy. (Các ông muốn gì ?)

- «What do we want ?» Tên người Anh cười gằn, có vẻ xách mé, hỏi lại. (Chúng tôi muốn gì !)

Người cảnh sát nói thêm bằng tiếng Quảng Đông :

- «Mời các ông theo chúng tôi về Sở Công An có việc!»

- «Việc gì ?»

- «Đến sở thì biết ! Xin các ông theo tôi !» Anh ta ra lệnh.

Lúc này có hỏi thêm nữa cũng vô ích. Ở đây là đất thực dân đế quốc, mà mình lại là người chống thực dân. Anh - Pháp cấu kết với nhau là thường, thì tất chúng phải làm khó dễ chứ ? Tội cách mạng Việt Nam này nhất định là không được hoan nghênh (indésirables)...

Song, nghĩ lại, dù sao mình cũng lấy danh nghĩa dự một hội nghị có quan hệ với Pháp, thì Hong Kong không có lẽ gì mà trù mệnh. Nhiều lắm là ngồi tù một dạo, hay bị trục xuất.

Tới một tòa nhà cao, lên gác, vào một căn phòng. Đã có mấy tên thực dân ngồi sau mấy bàn giấy, mắt nhìn cằm cằm. Nhưng chúng tôi cũng đâu phải là vừa, rất điềm đạm ứng phó với những câu hỏi hắc búa của họ,

phải khai lý lịch :

- Tên tuổi, nguyên quán.
- Nghề nghiệp.
- Từ đâu đến, đến đây làm gì ?
- Có ai quen biết ở đây không ?
- Định ở đây bao lâu ?

Tốt nhất là cứ như thực mà khai, tùy họ xử trí. Cuối cùng, đạt đến mục đích, họ trách chúng tôi vào Hong Kong không có giấy nhập cảnh, ở đây cần phải tuân thủ pháp luật không được làm hại đến trị an, và khi rời khỏi, phải báo cho họ. Một điểm đáng ghi là, khi thấy rõ mình là những người tranh đấu để giành độc lập tự do cho dân tộc, thái độ mình bình tĩnh và tự tin, hai người trong đó lại tỏ ra có vẻ hòa dịu, dễ chịu, còn đưa chúng tôi ra tận cửa.

- «Chắc bọn chúng chỉ muốn hù dọa mình thôi !» Một anh em nhận xét. Điều này cũng có lý; nhưng mặc, việc mình mình cứ làm.

Hội nghị tiếp tục. Trong dịp này, tôi được tiếp xúc với mọi nhân vật. Tôi chỉ gặp qua cựu hoàng Bảo Đại và nói chuyện vài câu về tình hình chiến khu quốc nội

và về chủ trương của các anh em yêu cầu Pháp phải nhượng bộ nhiều hơn thì mới có thể giải quyết vấn đề. Nếu Pháp không nhượng bộ thì việc hợp tác với họ sẽ bất lợi cho lợi ích của dân tộc và sẽ không hô hào được dân chúng, sẽ dễ dàng bị Việt Minh tố cáo là Việt gian.

Đến giai đoạn cuối cùng của hội nghị, do ý kiến bất đồng, sự nứt rạn rõ rệt. Quốc Dân Đảng, Việt Cách, và một số thành phần nữa phản đối những điều kiện tự trị hẹp hòi của Pháp. Một số không có quyết định rõ rệt, chỉ muốn ngả theo đa số; còn một số nữa thì chấp nhận những điều kiện ấy, trong số đó có những người hiện đã hợp tác với Pháp ở miền Nam. Nên nhớ, lúc đó Việt Minh đã tuyên bố kết án hội nghị Hong Kong là bán nước và những kẻ tham dự đều bị xử án vắng mặt tử hình !

Trong những ngày ấy, tôi có nói chuyện nhiều lần với một số người từ trong Nam ra. Thường thường, tôi hay dạo phố với anh Nguyễn Văn Sâm, nguyên khâm sai Nam Bộ. Người cao lớn, vóc mập, nhưng có tính cách hiền hậu, vui chuyện và ít kiêu cách. Có lần ngồi ăn mì tại một quán bên hè, anh tâm sự với tôi là tuy biết đi với Pháp là không hay và nguy hiểm, song nếu không dựa vào lực lượng của Pháp thì không có cơ sở để hành động. Tôi không đồng ý với anh, tôi cho rằng nếu mình

không có sức để kháng chiến, thì cũng không thể giúp Pháp đánh người Việt đương kháng chiến, thà cứ hành động bí mật đợi thời cơ, có nghĩa là đi con đường thứ ba... Sau đó, anh về Sài Gòn, và không bao lâu sau, nghe tin anh bị ám sát.

Anh Nguyễn Bảo Toàn, thuộc đảng Dân Chủ Xã Hội, Hòa Hảo, là một người vui tính, có tính tình cởi mở. Về quan niệm xã hội, anh có nhiều điểm giống chủ trương của chúng tôi, nên khi trò chuyện cũng khá tương đắc. Anh có vào Quảng Châu thăm chúng tôi, và bàn chuyện về tương lai đất nước. Trong tình hình phức tạp tại miền Nam, anh cảm thấy rất khó khăn vì đứng giữa hai luồng đạn, Việt Minh và Pháp; và cũng không thấy ổn thỏa phải sống trong khu Pháp chiếm. Chúng tôi cũng thông cảm với tình thế khó khăn đó.

Một nhân vật hoạt động khác nữa là anh Lưu Đức Trung, có cơ ngơi và nhà cửa tại Hong Kong. Tôi chỉ liên lạc với anh qua việc vận động tổ chức một «Liên Minh Quốc Gia Chống Cộng» để kết hợp mọi lực lượng quốc gia tại hải ngoại, đồng thời vẫn hy vọng được sự giúp đỡ của chính phủ Nam Kinh Tưởng Giới Thạch. Thực sự, đối với một mặt trận như vậy, chúng tôi không mong chờ gì nhiều. Một là lực lượng quốc gia phân tán, yếu ớt, hai là chính phủ Nam Kinh lúc đó rất bối

rồi trước sự tấn công của Cộng quân tại miền Bắc và Thiểm Tây, uy hiếp Diên An mà quân Tưởng vừa chiếm lại được. Sau đó, quân Tưởng bị vây khốn rồi phải bỏ chạy; việc này làm rung động cả Trung Quốc và thế giới.

Trước đây mới một năm, tại Việt Nam, đã có cả một mặt trận quốc gia lớn, có quân đội, có chiến khu, có mặt quân Tưởng, mà rút cuộc cũng phải thất bại, thì một mặt trận hải ngoại như thế sẽ khó gây được gì. Trên thực tế, một số người vẫn muốn lợi dụng việc này để có con bài trong tay giao thiệp với Pháp mà thôi.

Thái độ của Hoa Kỳ lúc đó cũng khó dò. Tuy trên lý thuyết, Mỹ chủ trương trả lại độc lập, tự do cho các nước bị đô hộ, nhưng không có một chính sách cụ thể. Vả lại, Pháp là một nước Đồng Minh, lại là một thế lực rất có tác dụng để ngăn ngừa sự bành trướng của Cộng Sản ? Ngay Trung Hoa Quốc gia cũng đang gặp uy hiếp lớn, Hoa Kỳ tự cảm thấy bất lực.

Chính phủ Hồ Chí Minh, trước sự tấn công ở đồng bằng miền Bắc của Pháp, phải rút quân về miền Trung Du; nhưng quân Pháp sau khi tiến được một đạo, cũng không sao tiêu diệt được quân đội Việt Minh chống chọi theo lối đánh du kích, và dựa trên quần chúng. Việt Minh còn hi vọng trông vào Liên Xô, Trung Cộng,

và vẫn kiểm soát được nhiều vùng rộng lớn. Dân chúng ủng hộ ai mà có thể lãnh đạo kháng chiến, dù lúc đó chính sách khủng bố của CS đã lộ ra, gán cho tất cả những ai phản đối họ cái mũ «Việt gian» để dễ trừ khử.

Ai giành được quyền lãnh đạo kháng chiến chống thực dân là có ưu thế tuyệt đối trong lòng người dân. Những người Việt Nam Quốc Gia đã không hiểu rõ quy luật này, nên đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn vô cùng bối rối.

Vì không thể đồng thuận trong bảng Tuyên Ngôn của Hội Nghị với lời lẽ mập mờ, như tập trung các lực lượng quốc gia để điều đình với Pháp, tranh thủ độc lập tự do.

Trong một ngày gần cuối, chúng tôi gặp cụ Nguyễn Hải Thần. Lúc này mắt cụ đã kém, nhưng lập trường vẫn vững cùng chúng tôi, cụ cảm thấy mình không có hậu thuẫn mạnh, nếu về nước cũng sẽ chỉ là những con bài trong tay Pháp :

- «Bọn Pháp lúc này thấy cần phải lợi dụng tên tuổi của mình để lôi cuốn dân chúng chống lại Việt Minh» cụ nói. Vì trong số đông những người từ trong nước ra họp, có những phần tử thân Pháp ra mặt, và chính phủ Nguyễn Văn Xuân ở Nam Bộ thì ai cũng rõ là thế nào.

- «Nhu thế, ý cụ định ra sao ?» Chúng tôi hỏi.

«Tôi nghĩ, không thể chấp nhận những điều kiện của Bollarert, người ta sẽ cho mình là đầu hàng Pháp», rồi cụ chép miệng, «Dù sao, từ trước tới nay chúng ta đã là chống Pháp, nay lại đi với Pháp thì mất chính nghĩa».

Chúng tôi tỏ ý đồng tình với cụ, và sẽ không ký vào bản tuyên ngôn. Sau đó, cụ trở về Quảng Châu trú ngụ. Chính phủ Trung Cộng sau này có lẽ vì thấy cụ là một nhà ái quốc can trường, với lại cũng không có hại gì cho họ, nên đã cung cấp nhà ở và một số tiền sinh hoạt, con cái cũng được đi học và đi làm. Cụ mất năm 1957 ở Quảng Châu. Mọi người Việt tại đây đều ngậm ngùi và nuối tiếc trước sự qua đời của một nhà chí sĩ lưu lạc lâu năm, và cuối cùng cũng phải ra đi trong lưu vong.

Để lấy ý kiến của đảng bộ ở hải ngoại, chúng tôi liên lạc với các anh Xuân Tùng, Vũ Hồng Khanh ở Vân Nam, và anh Vũ Văn Đức ở Quảng Tây. Ngoài ra, còn có mấy đại diện lực lượng bí mật ở trong nước ra (không phải là những người ra hoạt động công khai trong khu Pháp chiếm). Tuyệt đại đa số đều đồng ý không thể thỏa hiệp với Pháp được, và cũng chủ trương tạm thời chĩnh đốn hàng ngũ, tích súc lực lượng để đợi một thời cơ tốt hơn. Một mặt, dù có vài anh em chủ trương tìm cách hợp tác với Việt Minh, để thúc đẩy việc giải phóng

dân tộc trước hết, nhưng mọi người đều nhận thấy phải kháng chiến, nhưng không thể đi với cộng sản được.

Đảng vẫn giữ tên chung là Quốc Dân Đảng Việt Nam, căn cứ trên sự kết hợp năm 1945 của Việt Nam Q.D.Đ và của Đại Việt Q.D.Đ. Rồi in phát nhiều truyền đơn, tuyên bố lập trường chiến đấu của mình phản đối việc thỏa hiệp với thực dân Pháp, hiệu triệu dân chúng cho nền độc lập thực sự của tổ quốc, và phản đối chính sách chuyên chế khủng bố.

Đó là kết quả việc đi dự Hội nghị Hong Kong.

Từ đó về sau, ở ngoài nước, chúng tôi không còn liên lạc với cựu hoàng Bảo Đại và những người đi theo ông.

Chúng tôi trở về Quảng Châu, vẫn ngụ tại gian nhà nhỏ trong ngõ Hoàng Xá. Ở đây còn có anh Đỗ Đình Đạo và mấy anh em từ Vân Nam sang hay từ Quảng Tây tới.

Những năm ở Quảng Châu, sống lưu vong trong một thành phố xa lạ, lại là thời kỳ quan trọng có tính chất quyết định đối với anh em chúng tôi.

Chương V - Trên Ngã Ba Đường

Cũng như những nhà chí sĩ xưa kia, phải rời bỏ đất nước trước sự khủng bố của thực dân Pháp, đa số đã lánh sang đất Quảng Đông này, chúng tôi vẫn tạm trú ở đây. Vì nơi này giao thông, liên lạc với mọi chỗ đều tiện lợi, nếu cần ở lại trước khi có dịp về nước.

Nói về lực lượng ở ngoài, thì Quốc Dân Đảng vẫn còn một số chi bộ tại Vân Nam, Quảng Tây, một số đảng viên tại Quảng Châu, Hong Kong, Việt Cách có một số thành viên ở đây và Quảng Châu Loan. Nhưng quan trọng nhất là tìm một con đường đi, một đường lối hoạt động thích hợp và hữu hiệu lúc này, đồng thời cũng phải kiểm điểm lại thời gian vừa qua, để tìm thấy nguyên nhân của sự thất bại nặng nề của toàn phe quốc gia.

Đời sống thường ngày không đến nỗi thiếu thốn, nhưng rất là thanh đạm. Một ngày hai bữa rau đậu, một ít thịt cá kho mặn. Buổi sáng thì có cháu hoa ăn với «dầu cha quảy» lúc nào trong túi đầy một chút thì đi uống trà, hưởng thụ một ít «tím sấm» (điểm tâm). Điểm tâm trong các tiệm thường rất rẻ tiền và lúc nào cũng đông nghịt khách tầng lớp nghèo, thợ thuyền. Buổi trưa, có món ăn đặc biệt của Quảng Châu món «mì vằn thắn»

hay «mì bò kho», rất bình dân. Những hiệu cao lâu ở đây nhiều cái rất lớn, rất sang trọng, nhưng chúng tôi không dám bén mảng, từ khi có ông bạn người bản xứ có nhã ý mời.

Tuy vậy, có những phút êm đềm nơi đất lạ. Có khi đi dạo bên bờ sông Châu hay trèo lên núi đồi tại ngoại thành hoặc đi bơi tại Lệ Chi Loan. Buổi chiều, sau bữa cơm, ra ngoài hiện hóng mát, ngay trước cửa nhà. Anh Tam mang cái kèn hắc quản (clarinette) ra thổi, những bản nhạc du dương như Khúc Mộng Áo, Dạ Khúc, hay những bản nhạc Việt Nam mà anh thích như Con Thuyền Không Bến, Biệt Ly... nghe náo ruột, lôi cuốn những người láng giềng chất phác bắc ghế ra ngoài cửa nghe. Có lẽ họ chưa được nghe âm nhạc réo rắt nhưng lạ tai như thế bao giờ. Và họ cũng ngơ ngác, không hiểu tạo sao lại mấy người ngoại quốc này tới đây làm gì ?

Song hấp dẫn hơn đôi với họ, có lẽ là mấy bài anh Đạo thổi ? Phải công nhận là anh Đạo thổi hay hơn anh Tam - trong gia đình anh nhiều người có khiếu về âm nhạc, mà anh lại chơi những bản quen thuộc hơn như Lưu Thủy Hành Vân, nhất là bài «Tô Vũ Mục Dương» du dương mà người ở đây hầu hết đều biết.

Lúc này, cần nói riêng là - nếu quý độc giả không cho là nhầm tai - tôi đã lập gia đình với Liên, cô bạn từ Hà Nội, đương học tại trường Đại học Côn Minh. Giữa năm 1947, cô cũng sang Quảng Châu : Chúng tôi thuê một căn gác nhỏ ở Sá điện để trú ngụ, và tới mùa đông rét mướt, đưa con gái đầu gàn lòng đã ra đời tại một sản viện cũng gần đó.

Sản viện này cũng tương đối sạch sẽ và chu đáo. Tuy là con so, nhưng cũng may mắn, mẹ tròn con vuông. Người trong đó cũng ngạc nhiên khi biết tôi là bác sĩ và cũng góp ý kiến trong việc đỡ đẻ. Lại càng ngạc nhiên hơn nữa khi thấy hai bác đưa con vào tận buồng thăm hỏi : phong tục ở đây, đàn ông không đi thăm người đẻ...

Mùa đông năm đó lại rét kinh khủng, rét hơn ở Hà Nội nhiều. Tôi mặc âu phục cả «ba đờ suy» mà ra ngoài cũng rét - run, tay chân, tai lạnh cóng. Ở đây, người ta phải mặc áo quần bông dày mới chịu nổi. Song may thêm áo bông lại khó khăn tốn kém; tôi đành phải bán vài thứ để lấy tiền mua.

Tôi còn nhớ, một hôm, có một anh em từ Vân Nam sang, không đủ quần áo rét, cứ run lên cầm cập. Tôi phải chia cho anh một áo len cụt tay, nhưng cũng chưa đủ. May có người mách mua áo bông cũ ở chợ trời rất

rẻ; mọi người góp tiền để anh đi mua một cái. Rẻ nhưng hơi rộng, anh mặc vào trông như anh chàng ngô nghê, nhưng không phải run như trước nữa. Có một số anh em không có tiếp tế từ trong nhà ra, ai nấy cũng đều túng quẫn; tình cảnh lưu lạc xa nhà chỉ có trải qua mới hiểu thấu nổi.

Đầu năm 1948, tất cả dọn sang Bạch Hạc Động một làng ở bên kia sông. Chỗ này có hai trường trung học có tiếng, có cả giáo viên người Anh, Mỹ, và có ca nô chờ tới Sà điện.

Chúng tôi thuê một gian nhà trong làng, gần chợ, tiện mua bán, nấu ăn. Hồi đó, có lẽ vì mệt mỏi, anh Tam mắc chứng suy nhược thần kinh, hay mất ngủ, lo âu, nên hoàn cảnh ở đây yên tĩnh, rất thích hợp. Trong khi đợi chờ anh em các nơi tới hợp, chúng tôi lợi dụng thời giờ để đọc sách, nghiên cứu về mọi mặt xã hội, chính trị, trau dồi thêm kiến thức cần thiết cho hoạt động.

Tôi hay la cà ở các hàng sách cũ, tìm những cuốn sách có giá trị. Dưới thời Quốc Dân Đảng Trung Hoa, sách được bán tự do, kể cả những sách Mác-Lê lý luận chủ nghĩa cộng sản, sách của các nước Liên Xô, Đông Âu v.v... lẫn vào trong những sách bàn về tự do, dân chủ. Nhờ đó, tôi cũng hiểu thêm được

90 NGUYỄN TUỜNG BÁCH

hiều. Cũng còn đến lê mồn đưng quần ở thư viện của Pháp, thư viện các giáo hội. Suy nghĩ, nhận xét về trào lưu tiến hóa của xã hội, về các cuộc cách mệnh dân tộc trong xã hội, về mọi kinh nghiệm thành công hay thất bại, đã giúp cho chúng tôi nhận thức quy luật của mọi trào lưu, và kết hợp với tình trạng thực tế của Việt Nam, mong tìm ra một con đường, một lối thoát của dân tộc... ít ra cũng là một sự mong muốn chủ quan.

Thất bại, lưu vong, bế tắc... Không khỏi đưa tới bàng hoàng, thất vọng, nhưng chúng tôi vẫn lạc quan, vẫn cố gắng theo đuổi công cuộc, và vẫn tìm thấy thú vui trong đời sống.

Phong tục ở đây không khác nhiều với Việt Nam. Cũng ăn Tết, cũng qua Tết Đoan Ngọ - người ta ăn bánh trưng, còn đến Trung Thu thì có bánh nướng, hoa quả, rước đèn. Năm ấy qua Tết, chúng tôi gói ít bánh trưng mua ít hột sen, mút bí. Cổ Tết không đầy đủ; chỉ có ít thịt ninh, ly rượu trắng. Mấy anh em nâng ly rượu chúc Tết lẫn nhau, được khỏe mạnh, may mắn trong năm nay và... cách mệnh sẽ thành công !

Lại nhớ đến câu thơ của Thế Lữ :

*Rũ áo phong sương trên gác trọ,
Lặng nhìn thiên hạ đón xuân sang.*

Phong sương thì phong sương thực rồi, nhưng bên lòng còn «ngổn ngang trăm mối». Tâm tình của người đấu tranh thực tế đâu có lãng mạn như khách giang hồ trong thơ ? Và người chiến sĩ xung đột với địch, đâu có phải như ai «Trong khi lật đật giải sông Mê»... người cách mệnh thực đâu có lật đật giải sông Mê để làm gì.

Có khi tôi thoáng nhớ tới Thế Lữ, Song Kim, Tú Mỡ, Vũ Hoàng Chương, Đinh Hùng, Đoàn Phú Tứ... Không rõ thân phận các anh ấy ra sao ? Chỉ là những nhà văn, nhà thơ thôi. Chúng tôi lo ngại nhất là về anh Khái Hưng, anh Chu Bá Phượng... và những người thân trong gia đình. Còn có gì để che chở nữa ? Đến nay, cũng vẫn chưa biết đích thực tung tích ra sao.

Về tình hình các anh em ở bên Vân Nam, từ khi toàn bộ rút từ trong nước ra ngoài, nhiều người phải ở rải rác các nơi. Một vấn đề khó khăn là sinh kế, tuy có Hải Ngoại Bộ và những đảng viên địa phương giúp đỡ phần nào, nhưng cũng rất lao đao. Anh Xuân Tùng, anh Trần Đức Thi, và về sau có anh Vũ Hồng Khanh lên Côn Minh, cố gắng xếp đặt công việc làm hay nghề. Sau đó, giao thiệp với chính phủ Nam Kinh, xin được cho một số anh em thanh niên vào học trong trường Hoàng Phố.

Tạm yên ổn một phần rồi, để anh Xuân Tùng ở lại coi công việc bên đó, đầu năm 1948, anh Vũ qua Quảng Châu để bàn về phương hướng hoạt động của đảng trong tình thế mới. Cùng lúc, có anh Phạm Khải Hoàn từ Hải Phòng ra, cũng tới Quảng Châu. Anh có đường dây buôn bán nên đi lại có vẻ dễ dàng.

Như vậy, tập hợp ở đây đã có năm Ủy viên Trung ương. Trong nước, chỉ còn một ủy viên nữa - anh Phan Trâm Nguyễn Tiến Hỷ, là có thể bắt liên lạc được. Các anh Trương Tử Anh, Khải Hưng đều mất tích, xem ra đã bị Việt Minh sát hại. Về phần anh Chu Bá Phương, chúng tôi chỉ nghe nói sang năm 47, anh vẫn còn giữ chức trong chính phủ Hồ Chí Minh, rồi sau rút về chiến khu. Rồi sau đó, anh bị biệt giam tại Lào (?), không ai, kể cả người nhà, biết đích xác về số phận anh Phương ra sao... Còn về anh Nghiêm Kế Tổ, Nguyễn Văn Chấn, Phan Văn Hề, thì không rõ tin tức.

Căn nhà đơn sơ trong làng Bạch Hạc Động đã trở thành trụ sở của Trung ương Quốc Dân Đảng. Hai gian giữa là chỗ ngủ của các anh em, và cũng là chỗ trú ngụ của một số đảng viên từ các nơi tới. Hai vợ chồng tôi và đứa con bé đầu lòng ở một phòng bên cạnh. Con bé đó đã trở thành một niềm vui đối với mọi người trong cảnh thất bại và lưu vong. Khi lớn một chút, mặc váy,

nó lò dò ngơ ngác chạy trên ngõ, vì trắng trẻo xinh xắn, đã làm những người láng giềng để ý và hay đùa với nó.

Có một điều là chắc trong bụng họ lấy làm lạ, không hiểu bọn người khác thường này là người gì, ở đâu tới đây, làm gì đây ? Lại cứ luôn luôn đi Quảng Châu, ra Hong Kong. Trong thời chiến tranh Quốc Cộng, nhất định chúng tôi đã bị liệt vào hạng «khả nghi» !

Gần làng này, có hai ngôi trường Trung Hoa lớn và kiến trúc rất đẹp, trường Chấn Quang, nữ trường Bồi Anh, nam. Học sinh toàn là được chọn lựa, có vẻ quý phái. Thêm vào đó, có một số giáo sư người ngoại quốc. Có lần cùng đáp tàu ra Quảng Châu, họ thấy tôi cầm cuốn sách tiếng Pháp, liền bắt chuyện. Đây là hai vợ chồng người Pháp, thấy có người nói tiếng Pháp trôi chảy, họ rất thích thú. Chuyện trò rất vui vẻ, không ngớt miệng; xong chuyện xong, họ cũng không biết chúng tôi là người thế nào. Nếu là thời bình, mình xin vào trường một chân giáo viên dạy tiếng Pháp cũng hay.

Tình thế chiến tranh tại Trung Quốc càng ngày càng khiến cho phe quốc gia lo ngại. Khó có thể ngờ rằng, chỉ hơn hai năm, một đội quân 8 triệu người của ông Tưởng Giới Thạch, với đủ tàu bò, tàu bay, đại bác và nhiều danh tướng đã phải lâm vào thế bí. Tại miền Mãn Châu, tướng Lâm Bưu đã dồn quân Q.D.Đ vào mấy

thành phố cô lập. Tại miền Tây Bắc, Bành Đức Hoài chiếm lại được căn cứ Diên An và Thiểm Tây, uy hiếp đến cả Tây An (Trường An cũ). Sư đoàn 74 do tướng Trương Linh Phổ chỉ huy là một đội quân tinh nhuệ nhất của Tưởng - bị vây diệt tại Sơn Đông, làm chấn động toàn Trung Quốc. Ngay Bắc Kinh cũng đã bị uy hiếp. Đặng Tiểu Bình, Lưu Bá Thành tiến đến Đại Biệt Sơn, đe dọa Hán Khẩu và cả thủ đô Nam Kinh.

Chiến lược vận động chiến của Cộng quân xem ra rất có hiệu quả, vì rất linh động; hơn nữa kỷ luật nghiêm minh hơn quân Q.D.Đ, đa số là lực lượng của bọn quân phiệt. Đi tới đâu, Cộng quân cũng nêu khẩu hiệu giúp đỡ dân nghèo, đánh đổ quân phiệt tham nhũng, nên rất được lòng dân.

Bộ hạ của Tưởng Giới Thạch đa số là quân phiệt, mỗi ông hùng cứ một phương, không chịu cứu đỡ lẫn nhau ngay khi bị vây khốn, nên dễ dàng bị quân Mao Chu cắt ra từng mảnh để diệt dần. Các nơi chưa đủ lực lượng lớn, thì họ đánh du kích, quấy rối hậu phương : Miền Nam sông Dương Tử đã bắt đầu cáo cấp; và ngay tại Quảng Đông là chỗ yên ổn nhất, cũng đã nghe thấy tiếng súng.

Thất bại về quân sự không thể tách rời với những bê bối về mặt quản trị và suy kiệt về kinh tế, nhất là ở vùng nông thôn. Dân gian nghèo khổ, chết đói là thường ở nhiều tỉnh phía trên. Quan trường hủ bại, tham nhũng khiến dân chúng bất mãn. Giá cả hàng hóa tăng lên vùn vụt mỗi ngày khiến tiền «quan kim» biến thành mớ giấy lộn. Tại đây, người ta phải dùng tiền Hong Kong để mua bán. Lương bổng cũng vậy, hoặc là trả bằng gạo... Nhà buôn thì không sao, chỉ khổ cho các công chức hay dân lao động.

Những tệ hại trên đã là điều kiện thuận lợi cho cuộc cách mệnh «Tân dân chủ» - tức dân chủ do đảng Cộng Sản lãnh đạo, chủ trương giai đoạn đầu là một chế độ «nhân dân dân chủ chuyên chính», trong một xã hội do công nông là chủ chốt. Những giai cấp tiểu tư sản, trí thức, tư sản yêu nước và hợp pháp - được tồn tại trong một phạm vi nào đó, nguyên tắc là phải tuyệt đối phục tùng giai cấp công nhân lãnh đạo và phải tiếp thụ cải tạo dần dần. Còn giai cấp địa chủ, phú nông và tư sản bất hợp pháp thì phải tiêu diệt (giai cấp) - cá nhân phải cải tạo cho đến lúc được nhận vào hàng ngũ nhân dân; chưa cải tạo tốt vẫn bị coi là hàng ngũ kẻ địch, phản động.

Trên thực tế, những khái niệm ấy tất nhiên khiến quân phiệt, địa chủ, quan liêu, tư sản lớn lo sợ. Họ là hậu thuẫn của Q.D.Đ; song một số cảm thấy nguy hiểm, đã tìm cách trốn ra ngoài nước; và đông nhất là tại Hong Kong, Áo Môn, Đài Loan.

Xét cho kỹ, nhìn lai lịch, cách mệnh cộng sản trái với lời phán đoán của K. Marx - đáng lẽ phải xảy ra tại các nước tư bản phát triển nhất, nơi mà mâu thuẫn đã đến tột độ, nhưng lại xảy ra tại các nước lạc hậu, nghèo cùng, đa số do giai cấp phong kiến, quân phiệt, hay do thực dân thống trị mà ra. Căn cứ vào đó, người ta có thể hiểu tại sao, như tại các nước Cộng Sản Á Châu, chế độ độc tài ấy có thể đứng vững được khá lâu.

Mặt khác, khách quan mà xét, chế độ Quốc Dân Đảng hồi ấy tuy độc tài, song cũng là tương đối tự do. Ngoài việc buôn bán, đi lại dễ dàng; về ngôn luận xuất bản, tập hợp sự hạn chế không đến nỗi quá khắt khe, trừ việc thông đồng, nói tốt cho cộng sản. Sự chia rẽ hủ bại, tham nhũng, đặc quyền... đã khiến cho một nước lớn nhất châu Á, dân số đông nhất toàn cầu, một tập hợp dân tộc có nền văn minh cổ sơ và phát đạt nhất trước đây - lâm vào nguy cơ rơi vào ách chuyên chế cộng sản, ách chuyên chế tàn bạo nhất. Ảnh hưởng khốc liệt của sự kiện này không thể lấy gì để đo lường được nó để

giam hãm cả hơn tỉ người dưới vòng cùm kẹp cho tới nay, kể cả Việt Nam, mà chưa dứt !

Ngày đó, chúng tôi chưa ước đoán được việc cả một phần thế giới «biến thiên», nhưng đã cảm thấy bàng hoàng trên một ngã ba mờ mịt, giữa những thế lực đối địch hung ác, như đương đứng dưới một vực thẳm. Mong tưởng về sự giúp đỡ của Trung Hoa quốc gia nay đã gần tàn.

Là một phần tử của dân tộc, đứng trước sự tái xâm lăng của thực dân Pháp, đồng thời lại là một đảng phái ái quốc có lịch sử, thì nghĩa vụ đầu tiên phải là kháng chiến chống Pháp. Không thể cộng tác với Pháp được dưới bất cứ danh nghĩa nào, vì như thế là phản bội với dân tộc. Nhưng sự thực trước mắt là, hiện giờ, Việt Minh đương kháng chiến, mặc dầu đó là một chính phủ do đảng Cộng Sản độc tài lãnh đạo.

Mâu thuẫn lớn nhất tại chỗ, trước chủ trương tiêu diệt mọi phái khác của Việt Minh, không còn khả năng cộng tác với nhau nữa. Mà lúc này lực lượng phái quốc gia không còn bao nhiêu. Làm thế nào đây ?

Nguy kịch. Nhưng chúng tôi không bị quan. Buổi chiều, khi ăn cơm xong, đi dạo mát trên con đường giữa hai trường

học, hay ra bến tàu, đứng nhìn thuyền bè qua lại trên con sông Châu rộng mênh mang, nước chảy xiết ra cửa biển, nhưng không đủ màu phù sa như sông Hồng. Nhất là khi, bóng chiếc tàu dần dần nhỏ đi lại ngoài khơi. Chỉ còn làn khói trắng phát phơ trên nền trời, thì lại càng thêm gợi nỗi nhớ quê hương tha thiết. Thân thể mình chẳng khác gì những người ngày xưa phải lánh mình ra ngoại quốc dưới thời Pháp thuộc. Như cụ Nguyễn Hải Thần cả một đời lưu vong, đến ngày Nhật đầu hàng tưởng rằng có thể về ở lại quê hương yêu mến, nhưng éo le, chưa tới một năm đã phải trở lại quê người. Đời sống thực bất công đối với những người tận tụy, có lòng với đất nước như thế.

Sau khi trao đổi ý kiến với anh Xuân Tùng và những anh em đại diện các nơi - Vân Nam, Quảng Tây; với anh em trong nước qua anh Phạm Khải Hoàn, chúng tôi mở cuộc họp Trung ương đặc biệt. Trong tình thế lúc này, không thể triệu tập một hội nghị đại biểu rộng rãi, vì đường sá xa xôi, giao thông bất tiện, tốn kém vô ích và còn nhiều nguy hiểm.

Buổi họp do anh Vũ Hồng Khanh chủ tọa. Sau khi phân tích tình hình nội ngoại, ai nấy đều cảm thấy khó khăn, vì lực lượng của đảng càng ngày càng ít đi. Một số đã tự bỏ về nước, vào khu Pháp chiếm, hợp tác với

nhóm thân Pháp, một số ở lại ngoài nước làm ăn.

Sau hai ngày bàn cãi sôi nổi, toàn thể đồng thuận trên nguyên tắc là không hợp tác với Pháp, hay với Việt Minh, nhưng không chỉ trích cuộc toàn dân kháng chiến dưới sự chỉ phối của đảng Cộng Sản. Chính đôn lại các đảng bộ, không phân biệt hệ phái, gạt bỏ mọi hiềm khích có hại giữa Việt Nam Quốc Dân đảng và Đại Việt Quốc Dân Đảng, giữa những thành phần quốc nội và hải ngoại. Trên chủ trương dân tộc và hướng tới dân chủ, công tác quốc nội giữ bí mật, tại quốc ngoại có thể công khai.

Danh xưng của đảng vẫn lấy tên là Quốc Dân Đảng Việt Nam, khi mà VNQDDĐ và ĐVQDDĐ hợp nhất, hai bên đều đã thỏa thuận năm 1945. Vì tình thế đặc biệt, cần tính giản cơ cấu lãnh đạo, chỉ lập một Ủy ban Trung ương, Trung ương cử anh Phan Trâm (Nguyễn Tiến Hỷ) làm tổng thư ký; ở ngoài anh Vũ Hồng Khanh và anh Nguyễn Tường Tam cùng phụ trách Hải Ngoại Bộ. Ủy viên có anh Xuân Tùng, Nguyễn Tường Long và tôi; anh Phạm Khải Hoàn là ủy viên liên lạc giữa trong và ngoài nước.

Cơ cấu này chỉ có tính chất tạm thời, vì tình hình biến chuyển không lường. Nhưng việc thành lập cũng đã tỏ rõ một điều : trên cấp tối cao, không có sự xung đột

giữa các anh em Việt Quốc và Đại Việt cũ, mặc dầu có những tin đồn về sự bất hòa giữa đôi bên ở Vân Nam. Theo chỗ tôi thấy, từ những ngày mới kết hợp, chúng tôi không hề có phân biệt giữa các đảng viên. Trong công tác Trung ương, các anh em Đại Việt không ra công khai, nhưng tất cả đã bầu anh Trương Tử Anh làm chủ tịch, anh Vũ làm bí thư trưởng. Khi có việc quan trọng, chúng tôi thường họp bí mật với cả anh Phan Trâm, anh Phạm Khải Hoàn. Trong hoàn cảnh chiến đấu gay go, đạt được sự thỏa thuận như vậy là kết quả của sự tin tưởng lẫn nhau trong sự nghiệp chung.

Còn sau này, khi đại đa số đã về nước, do thời thế xu đẩy, hai hệ thống Việt Quốc và Đại Việt đã tách ra và hoạt động riêng rẽ, điều đó tôi không rõ lắm.

Do chính anh Vũ chủ tọa hội nghị ở căn nhà Bạch Hạc Đông và do tôi là thành viên của hội nghị, thì rõ ràng không có vấn đề - như một số người nói - mâu thuẫn về danh xưng, cũng không có vấn đề thừa nhận chức Bí thư trưởng của anh Vũ lúc này.

Hải ngoại bộ Q.D.Đ sau đó, có ra một bản tuyên ngôn đại ý nói kiên quyết chống Pháp và không chấp nhận những điều kiện đầu hàng do Cao ủy Pháp đưa ra, cùng hô hào toàn dân kháng chiến.

Chủ trương này được đại đa số anh em tán thành, nhưng trên thực tế, chưa tìm thấy một sách lược nào để thực hiện và hành động.

Chương VI - Tang Tóc Đột Nhiên : Anh Long Qua Đời Trên Xe Hỏa

Mỗi khi tôi chợt nhớ tới giai đoạn sống tại Quảng Châu, hay định cầm bút viết lại thời kỳ ấy, thì trước mắt tôi, hình ảnh người anh thân thiết, hiền từ, nhưng vô cùng kiên cường trong sự nghiệp, người anh tài hoa nhưng mất sớm của tôi - lại hiện ra, rõ rệt như ngày hôm qua.

Tình anh em giữa chúng tôi không phải chỉ thấm thiết trong tình cảm gia đình, mà còn về văn chương, còn về cùng chung trải qua những tháng ngày gian nan, vật lộn, lưu vong. Có lẽ ít thấy một gia đình như chúng tôi, mấy anh em đều hoạt động tranh đấu cùng chung một lý tưởng. Cũng còn vì anh em chúng tôi có thể gọi là đều «tài hoa» nhưng lại cùng gặp nhiều bất hạnh.

Anh Thạch Lam đã mất đi khi mới 33 tuổi khi tài mới đương lên, với cảnh nghèo nàn đơn sơ trong mái nhà tranh bên bờ hồ Tây. Rồi khi anh Hai, anh Cẩm, nghe nói đã bị Việt Minh bắt đi rồi mất tích. Anh Hai có tội gì đâu; anh chưa từng tham gia hoạt động chính trị nào...

Còn nhiều anh em nữa, đã ra đi hay đã mất tích... tan tác mọi nơi.

Tháng 8 năm đó, 1948, nhân dịp chị Long từ trong nước sang Hong Kong, anh ra ngoài đó và dự tính ở độ nửa tháng. Ra vào Hong Kong rất là dễ dàng đối với chúng tôi, vì ở ngoài ấy còn một số bạn hữu, trong đó anh Nguyễn Gia Trí, anh Trương Bảo Sơn.

Lúc đi, anh Long xem ra vẫn khỏe mạnh như thường. Ngày thường cũng rất ít ốm đau, chỉ nghe nói trước kia có lần anh choáng váng hay ngất đi. Mười hôm sau, nhận được thư anh gửi, nói là sắp trở về, không có gì lạ. Thường thường sớm, chậm vài hôm cũng không có gì đáng để ý.

Không ngờ, một hôm vừa ăn cơm trưa xong, thì một người ở bên Quảng Châu sang, báo là nghe tin có một người Việt Nam đột nhiên chết trên tuyến xe lửa từ Hong Kong về, không rõ tên họ. Nghe tin đó, chúng tôi giật mình, đưa mắt hỏi nhau. Không ai dám ước đoán người đó là ai. Nhưng người Việt đi lại trên đường này không nhiều, mà lại đúng vào ngày giờ này....

Chúng tôi nhìn nhau, chắc cùng nghĩ như nhau, và cùng một linh cảm như nhau. Vừa định sang Quảng Châu để hỏi tin 8 ga, thì gần chiều lại có tin người khác đưa đến là người lâm nạn họ Nguyễn tên Phúc Văn, chừng độ 40 tuổi !

Họ Nguyễn, 40 tuổi. Sao lại có thể đúng như thế. Dù chưa xác định được hẳn, nhưng không có gì nghi ngờ nữa ! Tôi thấy sôi lên trong trái tim, đêm đó không sao ngủ được. Còn anh Tam thì cũng bồn chồn suốt đêm.

Do chỗ phải 5-6 người đi ga Thạch Long, một huyện lỵ nhỏ cách Quảng Châu độ 80 cây số, nên Liên vội chạy đi Quảng Châu để mượn tiền một cô bạn học, có nhà ở đấy. Sau khi đáp thuyền, xe vất vả, và giao thiệp người bạn cho vay 500 đồng HK, mãi tối mịt mới về đến làng.

Sáng sớm hôm sau, anh Tam, anh Vũ, tôi và hai anh em - Lộc và Hùng, vội đi tới ga Quảng Châu; Liên và cháu bé ở lại coi nhà. Ngồi trên xe lửa, không ai muốn nói một câu gì, chỉ nhìn một cách im lặng vào phong cảnh đồng ruộng trôi dạt bên đường sắt.

Xuống ga Thạch Long, chúng tôi vào hỏi ngay ông xếp ga. Thấy chúng tôi, biết là người Việt đến tìm, ông rất niềm nở kể lại rằng, ông hành khách đột ngột gục xuống ở chỗ ngồi, khi còn đương xem báo. Trên xe không có cách cứu chữa nổi, và khi khiêng xuống ga thì đã tắt thở từ lâu. Hiện đã đưa đến nhà quàn, tại mộ địa ở gần ga, để đợi người nhà tới lĩnh xác. Nếu quá ba hôm mà thấy không có người đến nhận, thì ở đây sẽ đưa an táng, cũng ở ngay nghĩa địa ấy.

Lo sợ và hồi hộp, năm anh em vội chạy đến nhà quán, cách đây không xa. Đây là một ngôi đền cổ mọc rêu, chung quanh là bãi tha ma với nhiều ngôi mộ lớn nhỏ, ngồn ngang có nhiều mộ cỏ mọc um tùm, không thấy hương khói gì.

Ai cũng mang trong lòng một tia hi vọng cuối cùng, người đó không phải là anh Long, mong đợi một kỳ tích. Tia hi vọng này đã tan ngay khi người ta mở nắp quan tài : chúng tôi nhận được ngay ra anh, không phải vì gương mặt, vì mặt đã sưng phù, biến dạng - mà vì bộ đồ áo tây anh mặc. Mọi người đều đứng lặng. Đây chính là anh, mới đây ít lâu còn vui vẻ nói cười mà nay đã nằm trơ trong cái quan tài, gổ mong manh, trong cái nhà quán thô lương này... Ôi ! Tại sao vậy ? Các anh em đều đứng rơi lệ, đã khóc người anh, một nhân tài xuất chúng của đất nước, một người bạn cùng chiến đấu, cùng chịu mọi sự gian nguy, đau khổ, cùng chia sẻ nỗi lưu vong, nhưng vẫn đầy nghị lực, lạc quan, không bao giờ sờn lòng.

Tôi không trách gì số phận, nhưng số phận thực là bất công đối với những con người suốt đời đã dấn thân, hy sinh cho lý tưởng cao cả.

Càng nhìn kỹ càng thấy lòng mình như sắt lại. Tuy mới mất hơn hai hôm, nhưng mặt anh đã sưng vù, tím

bầm, không trông rõ được hai con mắt. Toàn thân, kể cả đôi vành môi, tay chân cũng sưng to.

Nghi vẫn người ta phải đặt lúc đó không thể giải đáp được vì không có cách nào thi hành được kiểm nghiệm: anh chết đột nhiên vì có gì ? Rất có thể vì bệnh cấp kích, nhưng vẫn phải chú ý đến khả năng một sự ám hại, vì ở đây chẳng có những kẻ địch hung ác ?

Sau này, theo lời các anh em ở Hong Kong thì chưa thấy có một dấu tích nào về sự đầu độc. Phân tích thời gian từ lúc lên xe hỏa cho tới gần Thạch Long, anh không tỏ ra triệu chứng gì lạ cả, vẫn ngồi đọc báo. Người ngồi trước mặt anh bỗng thấy anh gục xuống ghế, bỏ rơi tờ báo rồi bất tỉnh nhân sự rất nhanh. Xem thế thì khả năng lớn nhất là bệnh gấp - thí dụ như bệnh ứ máu tim chẳng hạn, hay là đứt mạch máu ở não.

Người xót thương hơn cả là anh Tam, mặt anh tái đi, anh phải quay mặt đi không dám nhìn, chúng tôi phải dìu anh ra ngoài ngồi. Vì anh không lớn tuổi hơn anh Long mấy, vẫn chơi, học với nhau từ thuở bé. Hai người lại cùng sáng lập nên sự nghiệp văn chương, cùng công tác với nhau trên con đường sự nghiệp văn chương, cùng cộng tác với nhau trên con đường đấu tranh cách mạng đã hơn 15 năm. Nên tuy đã được rèn luyện như sắt đá trong chiến đấu, anh cũng không thể chịu đựng

được vết thương quá nặng nề này.

Mọi việc đều do anh Vũ thu xếp. Giấy má, tiền nong trong người anh Long vẫn còn nguyên, do nhà ga trao lại. Một anh em mua hương nến về, đốt cắm chung quanh quan tài. Nhưng sau rớt, khi liệm quan, mọi người đều phải vây quanh để nhìn mặt anh một lần cuối cùng, trước khi đóng lại nắp quan tài.

Rồi, buổi chiều hôm ấy, một buổi chiều trời mây u ám, bảy người chúng tôi lặng lẽ theo sau quan tài để đưa anh tới chỗ yên nghỉ cuối cùng. Chúng tôi đứng lặng bên bờ huyết đào nông, nhìn mấy người phu xúc đất đổ xuống. Chúng tôi cũng đổ mấy xéng đất trên mặt quan tài. Lướt đất cuối cùng đã vĩnh viễn ngăn cách anh với chúng tôi, với cả những người thân còn ở lại cố hương, với cả thế gian đầy đau khổ này.

Vĩnh biệt anh Long ! Vĩnh biệt ! Mong anh được an bình, sung sướng yên nghỉ ở nơi này !

Chôn cất anh xong, chúng tôi vào thị trấn để tìm chỗ trọ một đêm. Thạch Long là một thị trấn nhỏ cũng giống như Phủ Lý hay Bắc Ninh ở bên ta, nhưng đông đúc hơn, buôn bán thịnh vượng hơn.

Sau bữa cơm chiều, chúng tôi ra ngoài phố và vườn hoa nhỏ ở đây cho khuây khỏa. Khi về đến quán trọ, cùng ngồi trước ngọn đèn dầu lơ mờ trên gác, chung quanh vắng lặng mọi người đều như thấy chìm vào một nỗi buồn mênh mông vô hạn - buồn về tang tóc, buồn về cảnh ngộ, buồn về tương lai mờ mịt, và về bao nhiêu chua cay dồn dập - đã làm sòn lòng bao nhiêu chiến sĩ can trường xưa nay.

Anh Lực đề nghị mua ít rượu và nhắm với lạc rang để giải sầu trong lúc không ai có thể chợp được mắt. Anh em tán thành ngay, phái hai người ra phố mua rượu trắng. Ai ngờ chính vì thế mà đã gây ra tai họa bất ngờ.

Hai anh đó đi mua rượu đến nửa tiếng mà vẫn chưa thấy về. Lạ quá. Hay là vì tối nên lạc đường. Tôi và anh Văn vừa định xuống nhà ra phố tìm thì bỗng nghe thấy dưới nhà có tiếng ồn ào, la hét bằng tiếng quan thoại. Quân lính ở đây đến khám xét lữ quán là thường, nhưng tại sao lại rầm rộ thế ? Quả nhiên, mấy tay lên gác, vào buồng chúng tôi, đi đầu là một viên Trung úy quân đội Quốc Dân Đảng. Họ lôi theo hai anh Lực và Sáu trong tay vẫn cầm chai rượu. Họ hùng hổ hỏi ngay giấy má và lai lịch chúng tôi. Thì ra họ gặp hai chàng ở ngoài phố, và thấy hai người đều mặc quần áo kaki màu vàng như quân phục, chỉ khác là không có lon. Họ ngờ là lính đào

ngũ, đến hỏi thăm, thì hai chàng ú ớ nói thứ tiếng phổ thông ba rọi, không thành câu. Lập tức, họ tóm lại và đưa về nhà trọ tra hỏi.

Nên nhớ thời đó là chiến tranh Quốc - Cộng, tình thế phức tạp. Dù anh Vũ có đưa giấy thông hành của chúng tôi và nói rõ lai lịch là người Việt Nam, đến đây để làm gì nhưng anh chàng trung úy trẻ ngạo mạn này vẫn không tin, vẫn mời cả bọn chúng tôi - những người lạ đáng nghi - về bộ chỉ huy để điều tra thêm.

Sở chỉ huy thiết trong một cái đình lớn. Người chỉ huy là một ông đại úy doanh trưởng, ông này có thái độ ôn tồn hơn. Sau khi xem giấy má và hiểu rõ lý do tới đây của chúng tôi - cả thị trấn đều biết cả, ông tỏ ra hòa nhã. Song ông bảo rằng đã mời các ông vào đây thì phải thỉnh thị cấp trên mới có thể mời chúng tôi ra... Trong lúc đợi lệnh của ông đoàn trưởng, chúng tôi tạm vui lòng ở lại đây một đêm, đợi đến sáng hãy về.

Buộc lòng, chúng tôi phải ngủ lại tại một gian bên cạnh trong đình. Đây không phải là một nhà giam, có giường chiếu sạch sẽ, lại có cả nước trà nóng, và nước rửa mặt. Cũng may, có thể gọi đây là một nhà trọ không mất tiền. Mà ông doanh trưởng (tiểu đoàn trưởng) này cũng tò mò hỏi chúng tôi về tình hình Việt Nam ra sao ? Thừa cơ chúng tôi lý luận rất hăng hái về cuộc kháng

Pháp rất anh dũng của toàn dân Việt Nam, và nói rằng cũng vì chống đế quốc Pháp nên mới sang đây hoạt động, ông ra vẻ gât gù...

Tôi thao thức suốt đêm về việc anh Long mất và về bao nhiêu việc xảy ra, gần đến sáng mới chợp được mắt. Mọi anh em cũng vậy. Sáng hôm sau, có lệnh của đoàn trưởng, họ mời chúng tôi ra, và trả lại tất cả giấy má, hành lý. Có lẽ họ cũng sợ phiền vì bắt giữ một số người ngoại quốc vô can. Thực là hủ vía, vì thông thường nếu bị quân Quốc Dân Đảng Trung Hoa tóm được thì đừng hòng được tha sớm. Nếu các ông tướng này vu cho mình là thổ phỉ hay cộng sản để mề nheo cái gì, thì rất khổ. May mà chúng tôi toàn là kẻ nghèo, hành lý lại không có gì...

Ra khỏi doanh bộ này, chúng tôi thở dài khoan khoái. Không ngờ có nhiều người biết chuyện, đến vây lấy chúng tôi hỏi han. Khi biết rõ nguyên nhân, họ tỏ vẻ đồng tình với mấy người Việt Nam lưu lạc này. Ở đâu cũng có những người tốt, có lòng.

Quay trở về mộ địa, chúng tôi đặt một cái bia đá, và mướn người khắc chữ. Buổi chiều, một bia đá trang nghiêm đã được trồng trên đầu mộ, ghi chú mấy dòng chữ :

NGUYỄN TƯỜNG LONG

Người Việt Nam

Sinh năm 1906, mất năm 1948

Yên nghỉ ở đây

Sau khi cắm mấy nén hương cuối cùng trên mộ anh, chúng tôi cúi ngùi vô hạn, lê gót trở về quán trọ rồi đáp xe hoa về thành phố Quảng Châu.

Trên con đường xa xôi mà chúng tôi đã đi qua, đã bao nhiêu anh em, bao nhiêu người thân ngã xuống rồi, nhưng chúng tôi vẫn không thể tin được là người anh thân mến đã chỉ dẫn tôi từ lúc còn thơ ấu, một nhân tài xuất sắc của đất nước, đã đi tiên phong trong phong trào văn học, đã từng bị giam trong trại tập trung của thực dân Pháp, một người có phẩm chất bình dân, khiêm tốn nhưng cương quyết không thỏa hiệp với đế quốc, với độc tài, không bao giờ mưu toan danh lợi cá nhân, lại đã chết và nằm xuống thâm lặng ở một góc nhà ga xa lạ trên đất khách quê người.

Vĩnh biệt, anh Long !

Chương VII - Đi Nam Kinh Gặp Các Yêu Nhân Quốc Dân Đảng Trung Hoa

Cái chết của anh Hoàng Đạo lại làm cho cảm giác về bế tắc trong con đường đi thêm nặng nề. Cảm thấy thêm khó khăn trong việc xây dựng lại lực lượng thứ ba : về khu Pháp chiếm thì phải khuất phục trước thực dân mà về khu kháng chiến thì trên thực tế, không có chỗ đứng chân, rất có cơ bị diệt.

Giữa năm 1948, tình hình chiến sự trong nước đang ở trạng thái cầm cự. Quân Pháp tuy chiếm đóng được các thành phố lớn và nhiều tỉnh lỵ tại miền Bắc, nhưng không sao diệt nổi quân Việt Minh được dân chúng ủng hộ và áp dụng chiến thuật du kích, cùng được Trung Cộng giúp đỡ. Một số thành viên các phái quốc gia phải trở về khu Pháp chiếm để sống còn.

Lúc đó, tình thế của quân đội Tưởng Giới Thạch cũng đã bi quan. Tám triệu dân Quốc Dân Đảng phải lùi bước khắp nơi trước quân Mao Trạch Đông, đã tăng tới hai triệu người. Quốc quân thua lớn ở Đông Bắc, Hoa Bắc, chỉ còn giữ được những thành phố lớn và đường giao thông, trước chiến thuật vận động của Hồng Quân. Ngay đến Bắc Kinh, Thiên Tân cũng bị bao vây. Hồ Bắc, An Huy, Giang Tô bị uy hiếp nặng nề và ngay

cả Nam Kinh, thủ đô nữa. Tưởng Giới Thạch cầu cứu ở Mỹ, nhưng Mỹ lúc đó không dám thẳng tay can thiệp vào nội bộ Trung Quốc, sợ không đủ lực lượng và Nga Sô mượn cớ can thiệp. Hoa Kỳ chỉ đứng ra để điều đình nhưng đã quá muộn, Trung Cộng không đại gì mà «hòa hợp hòa giải» với phe quốc gia. Trước tình hình này, Trung Ương Quốc Dân Đảng Việt Nam quyết định phái anh Vũ Hồng Khanh và tôi đi Nam Kinh để «cầu viện» trong khi Trung Quốc còn sức mạnh và cũng để thăm dò tình thế thực tế ra sao, để tính toán tương lai.

Ý riêng tôi thì không tán thành việc này cho lắm, song qua hành động ngoại vận lần cuối cùng, có thể biết rõ tình hình các mặt hơn.

Chúng tôi quyết định đi đường xe lửa, vì hồi ấy đi máy bay rất hiếm. Trời vẫn còn nắng gắt, trong tiết tháng 9 ở Quảng Đông. Xe lửa bên Trung Hoa tiêu chuẩn quốc tế các toa rất rộng rãi và ngăn nắp, không nhỏ hẹp như xe lửa bên ta. Để biết cảnh Trường Giang, chúng tôi đáp xe tới Hán khẩu rồi đáp tàu thủy về Nam Kinh.

Đất đai Trung Quốc thực mênh mông. Đồng ruộng đồi núi liên tiếp nhau. Xe qua Hành Dương, rồi tới Trường Sa, thủ phủ tỉnh Hồ Nam (quê hương Mao Trạch Đông). Trước khi tới Hán Khẩu, con đường sắt men qua bên bờ Động Đình Hồ, cái hồ có tiếng và rộng mênh mông,

hiều chỗ trồng đầy sen. Hoa sen ở đây rất đẹp và hạt sen cũng lớn. Dọc đường chỗ nào cũng bán chè hạt sen.

Không khỏi nhớ tới bài thơ Đường của Thôi Hiệu tả về lầu Hoàng Hạc. Hiện nay vẫn còn lầu Nhạc Dương, một danh tích cổ. Trước cảnh mây, nước mênh mông, không khỏi chạnh lòng :

*«Hoàng hạc nhất khứ bất phục phản
Bạch vân thiên tải không du du»*

Dịch sang tiếng Việt :

«Ngàn năm mây trắng lững lờ còn bay»

Bài thơ Đường số 1 này quả là tuyệt diệu. Người đời xưa làm thế nào mà có được những cảm xúc như thế và sáng tác được những câu như thế ? Những câu thơ ấy - nói cho đúng - những cảm xúc sâu xa ấy đến tận nay vẫn còn làm rung động người đời.

Xe tới thành phố Vũ Xương rồi phải qua phà sang Hán Khẩu, lúc đó chưa có cầu bắc ngang. Đây là một thành phố lớn và thịnh vượng nhất ở miền Trung nước Tàu, giống như Quảng Châu, nhưng cũ kỹ hơn. Vật giá cũng rất rẻ nhất là thịt bò và thịt cừu, và các thứ quần áo, kể cả áo bông hay áo lông. Chỉ ăn một bát mì là đủ no. Nhưng chắc đa số dân lao động ở đây vẫn rất nghèo,

trong thời buổi loạn lạc này. Khách ngồi ăn ở cửa hàng, nhiều khi bị đám ăn mày vây kín.

Hai hôm sau, chúng tôi đáp tàu thủy xuôi dòng xuống Nam Kinh trên con sông Dương Tử Giang. Con sông có tiếng mà tôi đã nghe tả nhiều. Sông rộng mênh mang, đứng bờ bên này không trông thấy rõ bờ bên kia. Nước chảy cuồn cuộn, nhiều chỗ chảy xiết rất mạnh. Ngồi trên boong tàu, trông về xuôi, có những cánh buồm nhỏ xa tít tận chân trời. Đúng như câu thơ của Lý Bạch :

*«Cô phàm viễn ảnh bích không tận,
Duy kiến Trường Giang thiên tải lưu....»*

Tạm dịch nghĩa :

*«Cánh buồm cô đơn in bóng tại nền trời xanh xa thăm
Chỉ thấy nước Trường Giang chảy muôn đời.»*

Chỉ hai câu mà mở cả một khung cảnh trời nước, người bao la trước mặt chúng ta. Ai đã đi trên Trường Giang - hay những sông rộng bao la khác - đều thể hội được tâm tình con người trước thiên nhiên.

Hai bên bờ sông, tàu thủy đi ngang qua bao nhiêu di tích lịch sử : Hoàng Hạc lâu, bãi Hán Dương, chiến trường Xích Bích, Côn Hạ, Ô Giang nhắc tới những thời lịch sử Tam Quốc, Xuân Thu... Lại có những nơi

hai bờ sông sát lại với nhau, lòng sông hẹp, nước chảy như thác. Trên đỉnh núi cao chót vót, những đền miếu cổ xưa. Buổi chiều, đứng trên sàn tàu, nhìn cảnh hoàng hôn xé dần trên mặt sông, nước chảy về chân trời xa tắp.

Đến tối, tàu đi qua những thành phố với ánh đèn xa lạ như An Khánh, Cửu giang, trên những giải bờ sông dài, ánh đèn điện như sao sa giữa một bầu trời tối đen vô tận. Cuộc phiêu lưu trên dòng sông Dương Tử đã để lại những hình ảnh in sâu vào óc tôi tới nay vẫn chưa quên được. Cảnh tượng, và muôn triệu con người sống âm thầm bên hai bờ sông, không khỏi làm cho tôi suy nghĩ đến ý nghĩa của đời người.

Ba hôm sau cặp bến Nam Kinh, thủ đô Trung Quốc. Một bến tàu lớn san sát thuyền bè. Một thành phố rộng lớn, nhà san sát như bát úp nhưng cũ kỹ. Đứng xa, bóng một tường thành cổ. Xuống tàu, có người bạn làm ở bộ Ngoại Giao ra đón, tạm về nhà nghỉ ngơi. Đây là ông Tạ, bạn cũ ở Hà Nội, gặp nhau tay bắt mặt mừng.

Vài hôm sau, theo giấy giới thiệu, chúng tôi đến nhà chiêu đãi của bộ Ngoại Giao nằm trong khu những cơ quan nhà nước. Chỗ này đường xá rộng và chỉnh tề, có nhiều cây cối trồng bên hè. Nhà chiêu đãi có đủ tiện nghi. Trong lúc đợi, chúng tôi đi xem thành phố. Khu

trung tâm phố xá rất tấp nập với nhiều cửa tiệm lớn, nhưng không phồn thịnh bằng Quảng Châu. Lăng Tôn Trung Sơn ở đây có qui mô rất lớn, cao rộng, nhưng tôi thích lăng Minh Hiếu hơn. Đây là một lăng từ đời nhà Minh, có vẻ cổ kính âm u, nằm giữa một rừng cây to rợp bóng. Ngoài ra, còn có hồ Huyền Vũ, rất rộng, êm đềm và nên thơ; có thể mướn những chiếc thuyền có mái che để dạo ra ngoài khơi, cũng giống như Hồ Tây ở Hà Nội.

Nhớ đến bài thơ Đường trứ danh «Tần Hoài dạ bạc» chúng tôi nhờ bạn đưa tới bên sông Tần Hoài để tự mình vào trong cảnh bến sông trăng và nước mơ mộng vẫn thường tưởng tượng :

*«Yên lung hàn thủy, nguyệt lung sa,
Dạ bạc Tần Hoài cận tửu gia
Thương nữ bất tri vong quốc hận,
Cách giang do xưởng Hậu đình hoa»*

Nhưng ngày đó, con sông Tần Hoài chỉ còn là một lạch nước cạn không nên thơ chút nào. Chung quanh không thiếu tửu gia tầm thường, mà vì không có thì giờ đi tìm, cũng chưa nghe thấy cô thương nữ nào hát bài «Hậu đình hoa» tân thời : «Hà nhật quan tái lai» (Bao giờ anh trở về) cả. Nhưng thương nữ thời nay không biết hận mất nước là gì - thì ở đâu chẳng có ?

Rời khỏi trung tâm thành phố, thì tới chân bức thành cổ Nam Kinh, có mấy đoạn còn nguyên vẹn. Thành rất cổ, theo những bậc đã mòn, trèo lên mặt tường có thể nhìn ra rất xa, đồi núi bao la, đồng ruộng, cả thành phố dưới chân và mặt nước lấp loáng của dòng sông Dương Tử mệnh mang chảy về phía Đông.

Chợt nhớ đến câu thơ :

«Nhất giang xuân thủy hướng đông lưu...»

Nước sông Trường Giang chảy ra biển Đông, đó là một câu mà người Trung ai cũng biết. Dòng sông chảy không biết tự bao giờ, nhưng thành cổ Nam Kinh bất quá chỉ độ một ngàn năm mà đã tiêu tàn.

Chúng tôi tiếp xúc với một số nhân vật có tiếng trong ban bí thư Quốc Dân đảng, cùng trong Liên Minh chống Cộng thế giới; dự mấy bữa tiệc và trao đổi ý kiến với nhau. Cuối cùng, được hẹn gặp Phó Tổng thống Lý Tôn Nhân, là người thay ông Tưởng Giới Thạch tạm quản lý công việc lúc đó. Có lẽ đây là một cử chỉ an ủi, vì đã không giúp được gì thực tế cho một đảng bạn trong việc chống đế quốc hay Cộng Sản.

Ông Lý là một viên tướng tài, nổi danh về cầm đầu Lộ quân thứ 19 và thắng quân Nhật một trận lớn ở Đài

Nhi Trang Một ông già, người không cao lắm nhưng to ngang, da mặt ngăm đen nhưng răn rỏi, tỏ ra đã bách chiến sa trường. Ân nói chậm rãi, ông tỏ ý đồng tình với sự chiến đấu chống Pháp của dân Việt Nam, nhưng nói là sẽ đưa sang Trung ương nghiên cứu để quyết định cụ thể.

Song điều này cũng không làm cho chúng tôi ngạc nhiên, vì đã qua quen với mọi lời hứa hẹn từ mọi cấp. Anh Vũ Hồng Khanh và tôi trịnh trọng ngỏ lời cảm ơn, rồi ra về trong im lặng. Thực sự, tình thế quân sự đã đòi bại đến mức Quốc Dân Đảng đã tính dời đô từ Nam Kinh xuống Quảng Châu. Cộng quân đã áp lực vào Từ Châu, chỉ cách Nam Kinh mấy trăm cây số. Chiến dịch ở vùng đó, với tên là chiến dịch Hoài Hải - lớn nhất trong lịch sử chiến tranh Trung Quốc, với mỗi bên tới gần triệu quân. Các báo ngày nào cũng đăng những đầu đề lớn báo tin «chiến sự khốc liệt» hay «Quốc quân rút lui chiến lược», có nghĩa là quốc quân đang bị thiệt hại nặng và phải chạy dài.

Trên bề mặt, phố xá vẫn làm ăn buôn bán như thường, nhưng luôn luôn có những quân thanh niên tập luyện chạy trên đường, để đưa ra chiến trường. Ông bạn chúng tôi lắc đầu cho là tình thế khó cứu vãn được. Một số cơ quan chính phủ đã bí mật dọn đi Đài Loan, và chính

ông cũng đã được lệnh chuẩn bị. Một số quan lại và nhà giàu cũng đã dời Nam Kinh. Vật giá tăng lên vòn vọt mà gạo thì rất hiếm.

Nhân tâm bàng hoàng. Đó là cảm giác chung của mọi người. Đứng trước cảnh tượng ấy, người quốc gia Việt Nam thấy không còn hi vọng gì về sự giúp đỡ của Trung Quốc nữa. Điều khiến tôi suy nghĩ nhiều là tại sao một đảng kỳ cựu, có 8 triệu quân trong tay, mà phải thua một đảng CS lúc đầu chỉ có mấy trăm ngàn quân ? Nguyên nhân chính ở đâu, quân sự hay chính trị ? Nếu là chính trị, thì tại sao ?

Không còn cách gì khác là về Quảng Châu để tính toán đối phó với thời cục. Ông bạn chúng tôi cũng quyết định bỏ chức để cùng đi xuống Quảng Châu. Do nhã ý của một ông Đại tá đã từng có liên hệ tốt trước đây và cũng rất nhiệt tình đối với công cuộc chống xâm lăng của người Việt, một bữa tiệc tiễn hành vui lẫn buồn được tổ chức trong đó có ông Cốc Chính Đình, bí thư trung ương và tổng thư ký Liên Minh Chống Cộng Á Châu.

Có mấy món ăn khá đặc sắc của miền này : vịt quay Nam Kinh, thịt dầy và đậm mùi, khác với vịt quay Quảng Đông hay Bắc Kinh; món cua lông, những con cua bể nhỏ vỏ dầy nhưng thịt rất ngọt, với một thứ bánh

bao nhỏ. Mọi người bịn rịn chia tay, khiến chúng tôi thấy, dù sự việc không hoàn thành, nhưng ở đâu cũng có nhiều bạn hữu cùng ý nghĩ, cùng chia sẻ với mình.

Chúng tôi đáp xe hỏa từ Nam Kinh đi Thượng Hải. Đường xe qua một vùng trù phú nhất Trung Quốc, với những thành phố có tiếng như Thường Châu, Vô Tích, Tô Châu. Tô Châu nổi tiếng có con gái đẹp, «Trên trời thiên đàng, hạ giới Tô Châu»

Câu thơ bất hủ của nhà thơ Trương Kế tuy giản dị nhưng vẫn làm rung động lòng người cho tới nay lại vắng bên tai :

*«Cô Tô thành ngoại Hàn Sơn Tự,
Dạ bán chung thanh đảo khách thuyền»*

dịch nôm :

*«Thuyền ai đậu bến Cô Tô,
Nửa đêm nghe tiếng chuông chùa Hàn Sơn»*

Tô Châu là nơi có nhiều thắng cảnh, đền đài, cung điện chỉ tiếc là không có thì giờ nên không thể xuống du ngoạn và nhìn tận mắt những cô gái Tô Châu xem đẹp thế nào... Nghe nói, con gái ở đây đa số mặt trái soan, da như trứng gà bóc, và yếu điệu dịu dàng (như con gái Hà Nội, theo chỗ tôi tưởng tượng).

Thượng Hải, thành phố lớn và hiện đại nhất Trung Quốc, với nhiều phố lớn đầy cao ốc, buôn bán sầm uất. Phố Nam Kinh có nhiều tiệm bách hóa lớn, gấp mấy chục lần nhà Gôđa ở Hà Nội. Nhưng trên đường không khí cũng căng thẳng, quá nhiều binh lính, thương binh đầy dẫy trông rất thảm hại. Chiến tranh sắp lan tới nơi này. Ở đây, gặp anh Lưu Đức Trung từ Hong Kong lên. Nhiệm vụ của anh là tổ chức một Mặt Trận các tổ chức chống Cộng, nhưng đã quá muộn.

Chúng tôi dời Thượng Hải đi Hàng Châu, nơi có nhiều thắng cảnh có tiếng, nhất là Tây Hồ. Hàng Châu phồn thịnh vì nghề dệt tơ lụa. Nhưng đã đến tháng 11 tây rồi, gió rét buốt tới xương trong mưa rơi tầm tã, khiến chúng tôi phải nằm co trong nhà trọ, không thể đi ngoạn cảnh ở Tây Hồ được. Thực là tiếc vì không còn cơ hội nào khác; mà dù nghe nói con gái Hàng Châu cũng có tiếng là mỹ lệ, cũng không có điểm phúc được gặp một mỹ nhân nào đáng chú ý. Hai anh em đành nhìn nhau, nuối tiếc, rồi ra ngồi co ro tại nhà ga, đợi xe tới. Nằm đắp áo lông trên ghế gỗ nhà ga, không sao chợp mắt. May mà vì thế, gần sáng, xe tới, chúng tôi nhanh chân chạy ra, và chiếm được chỗ ngồi tốt. Nếu chậm chân một chút là phải đứng suốt ngày đêm ! Ngay một ông ủy viên Trung ương của Quốc Dân Đảng T.Q vì lên chậm cũng phải chịu đứng khổ sở. Cả trên chỗ để

hành lý ở trên cũng đầy người nằm.

Qua nhiều ga, cảnh tượng chạy loạn cũng rối loạn và âm ỉ. Chúng tôi thường phải im lặng ngồi yên để giữ chỗ. «Ngồi suốt đêm ngày không nói năng» vì ai cũng đang suy nghĩ về câu hỏi : Sau này sẽ ra sao đây ? Và phải làm như thế nào đây ?

Mỗi người đều sẽ phải tìm ra câu trả lời riêng của mình.

Chương VIII - 1949 - Tìm Con Đường Mới

Cuối năm 1948, khi chúng tôi trở về tới Quảng Châu, tình hình Việt Nam vẫn còn phức tạp, khó khăn. Quân Pháp đã tiến chiếm thêm một số tỉnh miền đồng bằng, nhưng không tiến được vào miền đồi núi, và Việt Minh vẫn còn kháng chiến mạnh. Chiến thuật du kích làm cho quân đội Pháp chỉ quen đánh lối dàn trận phải bối rối, và bị mắc kẹt trong các thị trấn. Đại đa số dân chúng vì tình tự dân tộc nên ủng hộ Việt Minh. Tuy vậy, vì chính sách chuyên chế và khủng bố những phần tử nào không chịu thuần phục, nên đã có một số người đã từ bỏ vùng kháng chiến để trở về khu Pháp chiếm sinh sống.

Lúc đó, Pháp đưa ra một số nhượng bộ về chính trị, trong việc giao thiệp với cựu hoàng Bảo Đại, với hứa hẹn sẽ cho Việt Nam «độc lập» trong khuôn khổ Liên Hiệp Pháp. Một số chính khách chung quanh Bảo Đại rục rịch thành lập một chính phủ «quốc gia» nhưng trong đó không có một người có uy tín xứng đáng nào hay một chí sĩ kỳ cựu nào chịu tham dự vào. Ngay cụ Nguyễn Hải Thần cũng vẫn giữ khí tiết nhà nho, không về với Pháp, vẫn ở lại Quảng Châu và sau này mất ở đó, dưới thời chính phủ Cộng Sản Trung Quốc.

Đứng trước thời cục bế tắc đối với các phái quốc gia, khi trở về Quảng Châu, Hải Ngoại Bộ Quốc Dân Đảng VN có họp để bàn luận về sách lược hoạt động, để đối phó với thời cục. Tại quốc nội, các anh em trong đảng vẫn chỉ tập hợp trước một số ít trong khu Pháp chiếm, không hoạt động được mà cũng không có cách gì phát triển tại các khu kháng chiến. Ở ngoài nước, thì lực lượng càng ít hơn do việc khó duy trì tổ chức các nơi, một số anh em đã tự ý trở về trong, thậm chí có người do Pháp giúp đỡ tiền bạc lôi kéo về... Việc kết hợp trong một «Mặt Trận Hải Ngoại Liên Minh Chống Cộng» chưa thành hình, anh Vũ ra Hong Kong gặp Lưu Đức Trung để thực hiện. Nhưng sau đó, anh lại đi Quảng Tây để mong thu thập lại những đảng viên ở Vân Nam, Lưỡng Quảng, cùng xin Bạch Sùng Hi - một quân phiệt lớn vùng Trung Nam Trung Quốc - cấp cho người và vũ khí.

Song lúc đó, cục thế Quốc Dân Đảng Trung Hoa đã quá nguy ngập, Cộng Quân đã bắt đầu tấn công bắc ngạn Trường Giang, uy hiếp Nam Kinh, Thượng Hải, bao vây Hán Khẩu. Mao Trạch Đông đã đưa ý kiến «đình chiến» cho Tưởng Giới Thạch - thực chất là phải đầu hàng, dành cho Tưởng một chức vị Phó Chủ tịch nhà nước... Các tướng tá Quốc Dân Đảng đã sửa soạn dọn đi Đài Loan, hoặc lánh tại Hong Kong, Hoa Kỳ.

Trong khi ấy, sức khỏe anh Tam đã suy yếu, mắc bệnh suy nhược thần kinh, không có khả năng đối phó với những thử thách nghiêm trọng. Mọi người đồng ý để anh tạm ra Hong Kong để tịnh dưỡng một thời gian. Và lại, ý anh vẫn là không thể đi với Pháp được dù là tạm thời, và cũng không thể đi với Cộng Sản dù là kháng chiến. Nhưng xem ra, con đường thứ ba chưa có cách nào thực hiện được cụ thể.

Trước cảnh bế tắc đó, tôi và một số anh em đã quyết tâm cùng nhau thảo luận để tìm ra một con đường mới, một con đường xác đáng, không những có thể đưa tới độc lập dân tộc, mà còn phải đưa tới một xã hội công bằng, không có áp bức và bóc lột, không thể là một chế độ chuyên chính, vô sản hay không.

Từ trước tới nay, tôi vẫn hay suy nghĩ và nghiên cứu về các vấn đề lý luận hay hoạt động thực tiễn. Các đảng phái quốc gia thì nhiều, nhưng lý thuyết, chủ trương khác nhau, có nhiều chỗ không thích hợp với tình thế Việt Nam, cũng không phù hợp với trào lưu tiến hóa của nhân loại.

Có những phái quốc gia chủ trương thuần túy dân tộc chủ nghĩa, mà không chú ý tới nguyện vọng và lợi ích riêng của mỗi giai tầng, đặc biệt là những giai tầng lao động nghèo khổ. Có đảng còn chủ trương độc tài,

với sự thống trị của một thiểu số. Việt Nam Quốc Dân Đảng dựa vào chủ nghĩa Tam Dân của Tôn Trung Sơn, tuy có bộ phận đề xướng dân chủ, nhưng có nhiều điều không thích hợp với đặc điểm dân tộc Việt Nam.

Vì thế, các đảng phái quốc gia đã không đi sâu vào lòng dân, và không phát động được đông đảo quần chúng, một khuyết điểm cơ bản đã khiến cho phong trào Việt Minh Cộng Sản được tràn lan dễ dàng. Quốc Dân Đảng Việt Nam nay trong thất bại, lại đã chia rẽ thành nhiều nhóm hành động trái ngược nhau. Điển hình nhất là một số công khai ra hoạt động dưới dù bảo hộ của kẻ địch : quân Pháp. Điều này khiến cho đảng mất chính nghĩa và mất tín nhiệm của dân chúng.

Đã có lần, vào cuối năm 1945, cảm thấy đảng khiếm khuyết một cương lĩnh chính trị cơ bản hợp thời và có thể thích hợp đa số quần chúng, không rơi vào hai cực đoan độc tài phát xít và cộng sản chuyên chính, các anh em Trung ương đã ủy tôi soạn thảo một bản cương lĩnh với nguyên tắc dân tộc độc lập, chính thể dân chủ và công bằng xã hội. Bản cương lĩnh ấy đã đăng trên tờ Việt Nam để quảng bá khắp nơi; trong đó có những điều khoản như tiết chế tư bản, bảo đảm quyền lợi thiết thực của công, nông, bên cạnh những quyền tự do căn bản và tự do bầu cử. Tiếc rằng, độ ấy xung đột gay go

giữa những đảng phái Quốc-Cộng đã khiến cho thời cục xoay đổi nhanh chóng thành một cuộc chiến tranh quyết liệt.

Mang ý kiến này ra Hong Kong để bàn với các anh Tam, Vũ thì anh Vũ vừa rời đi Quảng Châu. Cũng tốt là vừa đúng anh Xuân Tùng từ Côn Minh sang. Nguyên cơ Cộng Quân tiến vào Vân Nam khiến nhiều anh em phải rời về nước hay chạy sang bên Quảng Đông, Hong Kong. Tôi thấy anh Xuân Tùng gầy và đen hơn trước, nhưng anh càng ngạc nhiên vì thấy tôi cũng quá gầy xanh. Có lẽ vì lo nghĩ quá nhiều chăng ? Một số anh em nay tan tác khắp nơi, một số đã hi sinh, chưa biết nên làm thế nào ?

Anh Tam vẫn ở một căn nhà gỗ đơn sơ trên đồi, bên cạnh một con suối con nước chảy róc rách. Một người ngồi trên bờ suối, dưới gốc thông reo vi vu, nhìn xuống đường phố dưới chân quanh bãi Quân Ngựa. Và xa nữa, những bãi cát trắng xóa, mặt biển xanh thẳm đến tận chân trời. Thỉnh thoảng có mấy chiếc tàu thủy phun khói lướt ra xa.

Tâm hồn chúng tôi cũng rạt rào như làn sóng biển. Cuộc đời thay đổi quá nhanh. Từ những ngày học hành, làm báo làm văn ở quốc nội, cho đến chiến đấu, chiến tranh rồi lưu vong. Có lẽ vì đã là nhà văn nên đã thất

bại, vì thiếu một tâm hồn sắt đá ? Vì đã thiên nhiều về tình cảm ?

Bất giác, tôi nhìn sang anh Xuân Tùng : vẻ mặt chất phác, bình dân như một nhà nông, nhưng đã vật lộn bao nhiêu năm trong cách mạng. Anh thấy người Việt Nam đánh lẫn nhau không có ý nghĩa gì, song anh không đi được với cộng sản. Anh muốn trở về nước, vì ở trong nước mới có cơ sở hoạt động; nhưng anh cam đoan với chúng tôi là sẽ không hợp tác với Pháp. Ở vị thế của anh, làm thế thì được, nhưng đối với anh Tam và tôi thì rất khó khăn. Trong công tác, anh thương mến chúng tôi, nên lúc chia tay, anh đã lặng yên, chúc cho chúng tôi sớm trở về.

Đối với ý kiến của chúng tôi đi tìm một con đường mới để thoát khỏi bế tắc, anh Tam không biểu lộ ý nghĩ cụ thể, không tán thành hay phản đối việc chúng tôi làm. Xưa nay, anh không ép buộc ai phải theo ý muốn của mình cả, có thể vì thế mà anh không tổ chức được hàng ngũ đấu tranh có kỷ luật chặt chẽ. Chúng tôi chia tay.

Trở về Quảng Châu, trên con đường xe hỏa định mệnh của anh Hoàng Đạo, tôi suy nghĩ rất nhiều. Đây là thời khắc quyết định tương lai của tôi, một xoay chuyển với quá khứ, có thể đưa tới những khó khăn, bất trắc không

lường. Nhưng, một nam nhi, một chiến sĩ không thể theo vết xe cũ, miễn là có một mục đích cao thượng và độc lập, hạnh phúc của dân tộc.

Xe chạy qua ga Thạch Long. Bất giác tôi cố nhìn vào cái mộ địa hoang liêu ở gần ga, với những phần mộ cô đơn nằm rải rác... Cỏ đã úa vàng trên nhiều ngôi mộ. Anh Long hiện nằm ở đâu ?

*«Xếp xanh nếp tử xe châu,
Vùi nông một nắm, mặc dầu cỏ hoa.».*

Anh đã nằm xuống ở đây, nhưng giấc mộng từ xưa vẫn chưa thành. Tại sao ? Số phận lại ác nghiệt đối với một người anh hiền hậu, tài hoa, một chiến sĩ anh hùng?

Còn tôi, cũng chắc phải bước vào một cuộc phiêu lưu vô định, chưa biết đi tới những chân trời nào ? Nhưng có những điều nó an ủi ta, nó thúc đẩy ta tiến bước :

*«Bao nhiêu bão táp như sồn gỏi,
Ngàn năm lý tưởng gấn đau thương.».*

Thêm anh Văn Đạo, một cán bộ từ Quảng Châu đến cùng với mấy anh em khác, qua thảo luận ráo riết, chúng tôi đã đồng ý trên mấy điểm cơ bản sau :

- Đồng ý về cương lĩnh chính trị : thực hiện dân tộc độc lập, dân chủ tự do, và công bằng xã hội; tiết chế tư bản, bảo đảm quyền lợi công, nông. Phản đối chuyên chính vô sản cũng như sự bóc lột tàn bạo của tư bản. Thực hiện một chế độ «xã hội chủ nghĩa» nhưng không độc tài theo lối ở Bắc Âu.

- Về chương trình hành động : giải trừ chế độ thực dân và giải trừ chế độ chuyên chính của Việt Minh Cộng Sản. Phương pháp hoạt động chính là truyền bá dân tư tưởng trong dân chúng, tạo nên phong trào quần chúng dần dần đi tới toàn dân nổi dậy cướp chính quyền, trên nguyên tắc, trong giai đoạn này, phải ủng hộ cuộc kháng chiến của toàn dân.

Chúng tôi dự định thành lập một nhóm đấu tranh mới gọi là nhóm «Cách Mệnh Xã Hội». Vì thế, để tránh mâu thuẫn, tháng 3 năm 1949 chúng tôi quyết định thoát ly Quốc Dân Đảng, nhưng vẫn giữ quan hệ hữu hảo với Quốc Dân Đảng và các phái quốc gia chống Pháp khác.

Vẫn ở lại căn nhà cũ trong làng Bạch Hạc Động. Thực ra, ở đây không có một cái động nào cả và cũng chưa trông thấy hạc trắng hay hạc vàng nào. Thỉnh thoảng một vài con cò trắng đậu ở bãi sông hay ở trên đồi ngay sau làng.

Trong giai đoạn này, vì như gần đứt liên lạc với trong nước nên đời sống có phần cô độc và bất định về tương lai. Riêng gia đình tôi còn Liên và đứa cháu nhỏ mới hơn một tuổi. Nhưng nó cũng đủ lớn để khắp khiêng đi trong ngõ làng, mọi người chung quanh cũng thích nó vì dáng điệu ngộ nghĩnh và mặc quần áo không giống những trẻ con trong xóm. Tuổi thơ ấu của nó cũng lạ, sinh ra tại Quảng Châu, xa quê hương mấy ngàn dặm, rồi lại dọn đến một làng quê bên sông này, rồi sau sẽ đi tới đâu ?

Thiếu các nguồn tiếp tế, và mấy anh em đều nghèo, ở các nơi tới có khi không đủ quần áo mặc. Có một ông bạn người Tàu ở Hong Kong, trước đây có hợp tác trong công việc, rất khảng khái thường có giúp ít nhiều, nhưng chúng tôi không muốn làm phiền ai, vẫn kiên quyết chịu đựng. Có khi phải bán cả tư trang và quần áo để sống qua một giai đoạn đặc biệt này. Tuy có người nhà tại Nam Định và bà mẹ tôi giục trở về Hà Nội, song Liên vẫn nguyện ý ở gần tôi để giúp đỡ lẫn nhau trong lúc gian nan, và bao giờ cũng tán thành những chủ trương tôi đưa ra, mặc dầu rất bấp bênh, vì chúng tôi không nói ra cũng đã «đồng thuận» trên nguyên tắc không vì danh lợi cá nhân, mà vì công cuộc chung.

Để tiết kiệm, chúng tôi chỉ thuê lại hai buồng, đủ cho mọi người ở, bữa nào cũng ăn rau. Chúng tôi phát hiện một nguồn đồ ăn rất phong phú : ra câu cua ở bờ ruộng. Ở đây không ai ăn cua đồng cả, nên cua rất nhiều và rất dễ mắc câu. Chỉ cần lấy một sợi dây nhỏ, đầu buộc một vật gì cũng được, nhử trước lỗ cua là có cua đớp ngay. Câu một lúc đã có một rổ đầy. Mang về, rửa sạch, cho chảo gang rán lên, phi hành mỡ mùi thơm nức, là đã có một món ăn ngon lành. Mấy người láng giềng thấy mùi thơm lạ, tò mò đến xem. Họ trở mắt khi thấy chúng tôi ăn cua đồng, mà cả đĩa con chúng tôi cũng nhai rau rầu ngon lành (nhiều con cua rạm đương lột rất mềm). Ở đây, cua chỉ để cho vịt ăn thôi...

Có điều lạ là có lẽ vì kiếp trước ở hiền nên nay hay gặp lành, có người tự nhiên giúp đỡ. Người Việt Nam thì đã đành có, nhưng cả dân làng ở đây cũng vậy. Có lần ra chợ, định mua thịt bò nhưng phiên nổi trong túi chỉ có mấy cắc, không đủ tiền. Làm thế nào bây giờ. Đương do dự đứng trước cửa hàng, bỗng nghe có tiếng nói :

- «Ông muốn mua thịt à ?»

Ngoảnh lại thì ông chủ hàng đương gọi tôi, miệng cười có vẻ thân thiện. Tôi vừa lắc đầu thì ông bảo, một cách chân thành :

- «Không sao, ông cứ lấy một phần, bao giờ có tiền trả lại tôi cũng được».

Xem ra, ông không có vẻ gì là chế giễu, tôi bèn đáp :

- «Hiện giờ chúng tôi nghèo lắm, chưa có tiền....»

- «Không sao, ông cứ lấy trước». Vừa nói ông vừa dúm vào tay tôi một miếng thịt bò to, rồi quay ra với khách hàng khác, làm tôi không khỏi cảm động. Tôi thầm phục ông ta dám tin tưởng một người không quen biết - ông ta đâu có rõ tung tích mình thế nào ?

Tôi còn nhớ một lần cần mua áo bông cho cháu Lan vì trời đã trở rét, cái rét ở đây cũng giá buốt tận da như ở Hà Nội. Còn đương lo toan thì trên khu tô giới cũ Sa Điện, lại gặp ngay một ông bạn người Phi Luật Tân, một người chơi đàn trong một đội âm nhạc mà tôi đã từng gặp ở Côn Minh khi đi nghe Trình diễn. Nên biết rằng người Phi rất sành về âm nhạc Tây phương, và có rất nhiều đội âm nhạc người Phi trên thế giới. Ông sốt sắng đưa tôi tới một tiệm khiêu vũ khá sang; đãi tôi một bữa cơm đàn hoàng; vừa ăn ngon vừa được nghe ca nhạc. Chỉ tiếc lúc đó tôi không có hứng thú gì về nhảy. Khi nghe biết chúng tôi lưu lạc ở đây vì không muốn về với thực dân Pháp, nên tuy chỉ là một nhạc sĩ, ông cũng tỏ vẻ đồng tình và mến phục. Vì ông đâu có giàu tiền,

nên tôi nghĩ ra một cách, nhờ ông bán hộ cái hắc quản (clarinette) của bạn để lại. Tôi vẫn luyện tiếc cái hắc quản này, không những vì nó với tôi trong một thời gian đặc biệt mà còn là của người bạn chiến đấu nay đã về nước - anh Đỗ Đình Đạo. Anh Đạo hay anh Tam thường thổi những bản cổ điển hay dân nhạc, những buổi chiều ngồi bên ngõ hay đường làng đưa ra bờ sông. Khi thổi bản Tô Vũ Mục Dương, một dàn ca rất phổ cập trong dân gian, thì những người chung quanh thường kéo nhau đến yên lặng nghe rất lâu.

Nhờ ông bạn bán giúp cái kèn đó bằng một giá 50 đồng Hong Kong - tương đối là cao hồi ấy, nên chúng tôi có đủ tiền sống trong vài tháng... Tuy vợ tôi đã phải bán cái vòng vàng duy nhất, nhưng chưa đến nỗi phải bán cái áo «ba đời suy» (pardessus) và có tiền mua ít giấy, mực để in báo sắp cho ra đời.

Ngoài vật lộn về tài chánh, do tình hình Trung Quốc căng thẳng, việc trú ngụ tại đây không phải không có phiền toái. Những kẻ lạ mặt, tung tích mơ hồ như chúng tôi, nhất định là dẫn sự chú ý của đương cục địa phương và có thể, của cả đối phương nữa, vì thế lực cộng sản đã tràn mạnh khắp nơi.

Một đêm, đã rất khuya, mọi người trong nhà đều đã ngủ, đột nhiên có tiếng gõ cửa ròn rập. Kiểm tra hộ khẩu, những lần trước điều tiến hành lúc ban ngày. Nghĩ rằng chuyện khác thường, một mặt một anh em ra mở cửa, một mặt chúng tôi vội giấu những sách có tính chất dễ bị hoài nghi vào chỗ đã xếp đặt từ trước. Mấy tay cảnh sát này, trông vẻ cũng không hung hăng lắm, tay đi đầu hỏi :

- «Chúng tôi đến kiểm tra hộ khẩu. Các người có hộ khẩu không ?» vì lúc đó, không ít người đến ở mà không đăng ký.

Sự thực ra, chắc chắn không phải là có chính, vì họ đưa mắt nhìn khắp nhà, rồi bắt tất cả ra phòng ngoài để trình diện. Họ còn lục lọi rất kỹ càng, nhưng có gì đáng nghi đâu ? May vợ tôi đã có linh tính báo trước, đem sách giấu ở đồng củi dưới gầm giường trên chát đầy củi.

- «Xin lỗi đã làm phiền các ông...» cần đãi bồi một câu, vì họ thừa biết chúng tôi là ai.

Một sự kiện khác nữa, khó giải thích hơn; có người đến mượn một số sách có nội dung khác với những sách như Tam Dân chủ nghĩa. Người này do một người bạn giới thiệu tới, nói là thích nghiên cứu về những lý thuyết mới. Thoạt đầu, chúng tôi cũng không tin lắm;

nhưng sau, qua trò chuyện, nhận thấy ông ta rất thành thực và rất đồng tình với cảnh ngộ chúng tôi, nên cuối cùng cũng đưa ra mấy cuốn sách của Marx, Lê nin và cuốn «Tân dân chủ» của Mao Trạch Đông, cũng như cuốn nói về chủ nghĩa xã hội Bắc Âu. Không rõ ông ta nghiên cứu để làm gì, nhưng về sau trước khi đi, ông chủ tiệm hàng xén kiêm hiệu trưởng một trường tiểu học tư thục ở vùng này - mang nguyên số tới trả lại, và cảm ơn rồi rút. Chắc ông cũng không hiểu chúng tôi đích xác là người thế nào, và tại sao đến ở đây.

Có ra ngoài nhiều, thì mới biết trên đời có những người khác thường và cũng có những người bạn không ngờ.

Chương IX - Quyết Định Cuối Cùng : Ở Lại Quảng Châu

Báo «Cách Mệnh Xã Hội» vẫn cố ra được mấy số. Mới đầu in bằng thạch, rất khó đọc về sau đổi bằng lối khắc chữ khó nhọc hơn, nhưng rõ nét và dễ đọc hơn nhiều, và in được nhiều số để gửi cho các nơi như Vân Nam, Quảng Tây, Hong Kong và nhờ anh em mang về trong nước.

Đường lối chính của tờ báo được một số đồng bào tán thành, nhưng nội dung có chỗ trái ngược với nhau. Mà vấn đề then chốt là quan niệm rõ rệt về kháng chiến, Việt Minh Cộng Sản dù có chuyên chế, nhưng họ vẫn kháng Pháp thực sự lúc này. Vậy nên liên lạc với họ để cùng hợp tác hay làm riêng ? Kinh nghiệm đã cho thấy không thể hợp tác với CS được, nếu về khu kháng chiến chỉ có nghĩa là hoàn toàn đầu hàng.

Nếu làm riêng thì chưa thấy có chỗ đứng giữa hai khu Pháp và CS, chưa thấy khả năng tổ chức được một lực lượng độc lập. Nghe nói anh Vũ Hồng Khanh về Quảng Tây hợp tác với Lưu Đức Trung, Hoàng Nam Hùng, định tìm một số «chí nguyện quân» để đưa về nước. Nhưng đối với những quân gọi là «chí nguyện» người Tàu đó, chúng tôi cũng biết là những nhóm tách rẽ từ

những đám quân phiệt đương tan rã, ai có tiền là họ theo, làm sao có thể dùng được, mà còn nguy hiểm nữa.

Tình hình chiến sự dồn dập của Quốc Dân Đảng Trung Hoa, quân Mao đã vượt qua sông Dương tử, uy hiếp Hồ Nam, sắp tới Lưỡng Quảng. Quân du kích CS cũng hoạt động mạnh ngay tại Quảng Đông, dưới danh hiệu bộ đội Đông Giang. Nhiều nhân vật chính gốc Quốc Dân Đảng đã rời khỏi nước, đi Hong Kong, Đài Loan.

Thế thì những người Việt Nam nay còn rớt lại Trung Quốc phải tính ra sao đây, bỏ đi hay ở lại ? Đã đến lúc phải quyết định.

Nhiều người Việt Nam từ các nơi đã đổ dồn tới đây, hi vọng ra Hong Kong tìm lối thoát. Riêng nhóm chúng tôi lại nhận được nhiều thư từ dồn dập : từ bạn hữu, gia đình trong nước, đa số muốn chúng tôi ra Hong Kong tạm lánh. Cũng có kẻ viết thư khuyên nên về hợp tác với Bảo Đại, hoặc cảnh cáo chúng tôi chớ nên đi lầm đường...

Một số người cũng quyết định ở lại Quảng Châu. Một hôm, tôi ra Quảng Châu tìm cụ Nguyễn Hải Thần, ngụ tại một phòng nhỏ trong một lữ điểm cùng với vợ con. Trông cụ đã già quá, gầy yếu, lại mắt kém, đọc sách rất khó khăn. Trong lòng tôi cảm thấy ái ngại.

- «Cụ đã quyết định ra sao chưa ? Có muốn đi đâu không ?» Tôi hỏi.

- «Tôi à... chưa thấy có chỗ nào tốt để mình đi». Cụ chậm rãi nói. Có thể là đúng. Có nơi nào tốt đâu ? Nhưng nguy hiểm sắp tới, gần kề.

«Hồng quân đã gần tới Trường Sa rồi» - tôi nói. «Chỉ còn nhiều lắm là nửa năm thôi».

«Tôi già rồi, thôi cũng đành ở lại, nghĩ cũng không sao. Bảo Đại có cho người liên lạc, nhưng tôi nghĩ ta không thể về với Pháp được».

Tôi gật đầu đồng ý với cụ. Hai người bàn với nhau về một con đường thứ ba, nhưng cụ không có ý kiến rõ ràng. Vậy chỉ còn đợi chờ mà thôi. Cùng với cụ ở Quảng Châu, còn có một số nhân vật kỳ cựu, gia đình ở đây đã lâu, chưa muốn chuyển đi nơi khác. Các cụ này đều muốn giữ khí tiết nhà nho, đã chống Pháp mà đi thì nay sao có thể chạy về với Pháp thực dân được ?

Mấy tháng giữa năm 1949 thực là bước ngoặt của cuộc đời chúng tôi, và của cả lịch sử Trung Quốc. Những ngày nắng hè là ngày tàn của chế độ Tưởng Giới Thạch.

Chúng tôi không khỏi bồi rối, phải suy nghĩ riết ráo. Có khi buổi chiều, dạo chân ra bến tàu, nhìn con sông Châu Giang mênh mang chảy ra bể khơi, hay bên sườn đồi quanh co, dưới chân là xóm làng rải rác nằm êm đềm... không khỏi chạnh lòng nhớ tới những ngày còn thơ bên cạnh sông Hồng với những làng xóm Việt Nam ẩn nấp sau rừng tre và ngàn dâu xanh ngắt bên bãi cát vàng.

«Ôi quê hương, biết bao tình mến» câu ca trong bài hát của tác giả nào lại văng vẳng bên tai. Chợt nghĩ, thôi thì ra sao thì ra, ta về với cố quốc gia hương, còn hơn lưu lạc mãi tha phương... Nhưng tổ quốc - nay đâu có chỗ đặt chân cho ta ?

Tâm tình bồi rối ngổn ngang, biết bao đêm không chợp được mắt. Một buổi tôi một mình đáp thuyền sang Quảng Châu, đi lang thang không mục đích trên đường phố, xen lẫn vào đám đông người, hay ngồi lặng dưới bóng cây um tùm, đi quên cả giờ giấc đến nỗi đến khuya không còn thuyền trở về nhà nữa. May sao, đến gần nửa đêm, trên đường bờ sông gặp một anh em người Việt - anh Vương vẫn còn ở lại Quảng Châu. Gặp nhau thực mừng. Anh cũng mang một tâm tình nặng như tôi. Hai người đưa nhau vào một quán ăn đêm, gọi cốc rượu vang, nhấp nhấp chuyện trò đến tận sáng. Tôi trông anh

ái ngại, gầy và đen trong cảnh lưu lạc, và chắc tôi còn gầy hơn anh nữa.

Anh tán thành chủ trương không về nước của chúng tôi, vì dù sao tôi cũng là đã công khai hoạt động. Riêng ý anh thì muốn tìm cách về nước. Anh nói bằng một giọng thành khẩn :

- «Em về nước, nhưng xin thề với anh em sẽ không bao giờ làm trái với lương tâm, phụ lòng tin của các anh đâu. Còn nếu anh ở lại, thì em tin rằng anh sẽ tìm được con đường mới... Chúng em không bao giờ quên các anh».

Những lời cáo biệt chí tình của bao anh em lúc đó khiến tôi cảm động và ngậm ngùi. Tôi thấy mình đã phụ lòng tin cậy của bao nhiều thanh niên yêu nước, nay lâm vào cảnh lưu lạc không thấy tương lai. Các anh em ấy hiện nay về nước, nhưng số phận sẽ ra sao ? Đi con đường nào ?

Sáng hôm ấy, tôi đến tìm anh Văn Đạo, lúc đó đang học môn Văn chương tại trường Lĩnh Nam Đại Học, một trường có tiếng tại miền Nam Trung Quốc. Buổi chiều, quay trở về Bạch Hạc Động, trong lúc đợi thuyền, chúng tôi ngồi trên bờ sông ở Sa Điện, dưới gốc một cây cổ thụ. Trước mắt là giải nước sông mông mênh

lấp lánh nắng chiều của đầm Bạch Nga, nơi mà liệt sĩ Phạm Hồng Thái đã gieo mình xuống 25 năm trước đây. Không rõ tại sao, ngày nay chúng tôi lại ngồi đứng ở chỗ này ?

Gần xa, bao nhiêu thuyền tàu xuôi ra cửa biển, mắt hút tận chân trời xa. Cảnh tượng vẫn bình thường, nhưng đây sẽ là một sự đổi dời lịch sử : một chế độ sẽ mất đi và một chế độ mới sẽ thay vào. Thế giới mới này sẽ xuất hiện, cũng như nó đã xuất hiện trên một phần ba hoàn cầu với những đặc biệt của nó, và những cái bí hiểm chưa ai biết được hết.

Mặc dầu có những vấn đề thắc mắc, thế giới ấy có đúng là của những kẻ bị áp bức, bị bóc lột không ? Có phải là của muôn vàn nhân dân lao động nghèo cùng không ? Là nơi nương tựa của các dân tộc nhỏ yếu, bị đế quốc đô hộ không ?

Điểm chính ở đây không phải là nơi nào mạnh, nơi nào yếu, mà là đối với những người chân chính vì dân vì nước, đâu là con đường chính xác có khả năng đưa dân tộc tới độc lập và hạnh phúc thực sự ?

Vẫn còn là những thanh niên bông bột; giàu lý tưởng, không muốn đi những con đường tầm thường, và giàu mạo hiểm, để đi tìm chân lý, nguy hiểm, khó khăn

chúng tôi cũng đã trải qua... Dù có thể nào nữa, mục đích của chúng tôi vẫn là vì tương lai của dân tộc, hạnh phúc của dân chúng. Chúng tôi vững tin rằng, nếu mình chân thành thì ở đâu người ta cũng sẽ hiểu, dù ở trong một xã hội khác lạ đầy bất trắc.

Ngồi rất lâu trên bến tàu, lúc đứng lên chúng tôi đã quyết định : ở lại đất này để tìm hiểu những cái mới lạ và một mặt sẽ thăm dò khả năng tham gia vào công cuộc kháng chiến chống Pháp.

Không ngờ, sự quyết định này đã thay đổi hẳn cuộc đời và đưa chúng tôi vào một cuộc sống lưu vong dài dằng dặc trong những cảnh ngộ kỳ lạ, hơn cả trong tiểu thuyết phiêu lưu và cuối cùng tới những bờ bến không bao giờ tưởng tượng nổi.

Nhưng, đã đâm lao thì phải theo lao.

Chương X - Cộng Quân Trần Tới Quảng Châu. Dọn Đến Phạt Sơn

Mang một tâm trạng nặng trĩu và băng khuâng như sắp đi vào một tương lai bất định, nhưng đã có quyết tâm, tôi trở về nhà và bàn chuyện với Liên, đương lo lắng vì tại sao đi qua đêm không về.

Thực ra, Liên cũng đã biết việc này đã lâu, khi chúng tôi ở lại Quảng châu, không ra Hong Kong và nàng cũng đồng ý không về nước lúc này, dù gia đình ở trong có giục dã. Mạo hiểm hay nguy nan, khó khăn Liên cũng sẵn sàng chịu đựng, muốn ở lại bên chồng trong những lúc đặc biệt này. Tin tưởng và gắn bó trong cuộc đời là ý niệm đã đưa tới quyết định chung; mặt khác, không muốn trở về khu Pháp chiếm, mà nàng vẫn cho là khu thực dân, dù thế nào, Trung Quốc cũng là tổ quốc, là nguồn gốc của người Hoa. Và cũng như một số anh em, Liên tin rằng quyết định ở lại là đúng, tin rằng tôi đã suy xét và cân nhắc kỹ lưỡng theo đúng nguyên vọng có ích cho dân tộc, xã hội.

Tháng 9 năm 1949, quân Trung Cộng đã tràn gần tới biên giới Quảng Đông. Mấy tướng Trương Phát Khuê, Du Hán Mưu - tỉnh trưởng - đã phải chạy dài không rõ đi đâu. Nhà tài phiệt Tống Tử Văn nghe đồn đã bay đi

Pháp. Tướng Bạch Sùng Hi phải rút về Quảng Tây, gần biên cảnh Việt Nam.

Tin tức đồn dập làm cho dân chúng Quảng Châu bàng hoàng, xôn xao... Nếu quân Quốc Dân Đảng cố thủ, thì sẽ xảy ra một cuộc chiến khốc liệt, sẽ có tàn phá, đổ máu, như trước đây trên Nam Kinh, Thượng Hải. Xem ra, ở lại động Bạch Hạc này sẽ không yên ổn. Nhưng dọn đi chỗ nào ?

Đương lúc băn khoăn, thì may gặp ông Dinh, một người bạn Hoa kiều Việt Nam, hiện làm giáo viên tại một thành phố nhỏ cách Quảng Châu 20 cây số. Ông khuyên chúng tôi dọn về đó, trước hết để tránh chiến sự đã, ngoài ra ông nói có thể giới thiệu Liên làm giáo viên trong một trường tiểu học.

Có chỗ ở tạm, lại có việc làm, thực là nhất cử lưỡng tiện. Anh Văn Đạo cũng tỏ ý tán thành, vì tuy rời Quảng Châu, nhưng liên lạc dễ dàng vì có đường xe hỏa và đường thủy.

Một ngày ẩm áp giữa tháng 9, chúng tôi bịn rịn rời bỏ căn nhà Bạch Hạc Động, nơi trú ngụ gần hai năm trời, và đã xảy ra bao thay đổi. Anh Đạo, vài anh em và bạn hữu tại Quảng Châu đến giúp. Gia sản đơn sơ lúc đó có gì đâu ? Một tám giường gỗ, mấy cái ghế tre, nồi niêu...

và nhiều nhất là sách vở, tài liệu, được đưa ra bãi sông dưới con mắt hiếu kỳ của những người hàng xóm có thiện cảm. Họ không rõ chúng tôi là ai, từ đâu đến và bây giờ lại bỏ đi.

Tôi và Văn Đạo, mấy anh em đứng tại mũi thuyền, nhìn về bến cũ quen thuộc đã lùi xa trên dòng sông chảy xiết ra biển. Tạm biệt Bạch Hạc Động ! Tạm biệt Quảng Châu ! Từ chốn tha hương này lại tới chốn tha hương khác. Tuy trong lòng có buồn ngủi, nhưng chúng tôi thấy bình tĩnh, không lo lắng. Và lại, có gì khó khăn thì muốn ra Hương Cảng hay cùng lắm, trở về Việt Nam cũng có thể được. Nhưng thôi, đã quyết định đi con đường mạo hiểm thì cứ đi đã. Chỉ có cái không ngờ được là chuyến đi này đưa đến chỗ tạm cư - Phật Sơn - rồi cứ tạm cư đến bốn mươi năm ! Phật Sơn, núi Phật - một đất chắc là lành... nhưng lại chính là nơi mà chúng tôi chứng kiến sự bầm sinh của một nước Trung Hoa hoàn toàn mới, và kinh lịch những cảnh ngộ ít có trên thế giới này.

Rẽ vào một chi nhánh sông nhỏ hơn, hai bên bờ là ruộng lúa và trồng mía rất êm đềm, đi ngay qua những làng xóm nhỏ có vẻ trù phú, sau gần hai tiếng đồng hồ thì cập bến Phật Sơn. Đây là một thành phố cũ kỹ, những đường phố không to rộng, hai bên phố có nhiều

nhà hai, ba tầng cao, tương tự như Hải Phòng. Nghe nói Phật Sơn là một trong bốn thị trấn có tiếng ở Trung Quốc, rất phồn thịnh và có nhiều thứ thủ công nghiệp phát đạt, nhưng gần đây đã bị quân Nhật tàn phá không ít.

- «Đến rồi ! Ta lên bờ». Ông Dinh bảo. Chúng tôi lịch lịch dọn đồ đạc lên hai cái xe bò đã đợi sẵn.

- «Tại nhà ông hiệu trưởng, đã dọn sẵn một gian buồng cho anh chị», ông Dinh tiếp, «cũng tạm đủ ở và tiền thuê rất rẻ». Chúng tôi chỉ mong có thể.

Từ ngoài phố rẽ vào một cái ngõ nhỏ, cuối ngõ là một cổng lớn bằng đá, có mấy hàng chữ lớn «Ngõ Vinh Hoa». Mọi người đều thấy lạ vì cái tên này, cũng hay, nhưng hơi mỉa mai. Có lẽ, về sau, biết đâu không vì cái tên này mà chúng tôi tìm được vinh hoa phú quý ?

Qua cổng, tới một vườn rộng trồng nhiều cây cối, tòa nhà rất lớn, như nhiều kiêu nhà thời ấy. Chúng tôi vào căn chính, qua phòng khách rộng, tới một buồng nhỏ tận trong cùng, tuy không sáng sủa lắm nhưng được cái yên tĩnh hơn những phòng ở ngoài.

Xếp dọn xong xuôi dưới sự chỉ dẫn của ông hiệu trưởng, chủ tòa nhà và cũng kiêm làm bảo trưởng (khu

phô) ở đây. Việc chúng tôi tới đây không ai lấy làm ngạc nhiên lắm, vì thời loạn, người ta đã quá quen thuộc với những chạy loạn, thất nghiệp rồi.

Ngay ở một phòng ngủ, cũng có một gia đình thất nghiệp từ Thượng Hải chạy về, bữa rau, bữa cháo. Ông hiệu trưởng khá giả hơn, nhưng lại nghiện ngập, bà vợ chịu khó tần tảo mới đủ ăn. Một cụ già yếu, một mình ở riêng, tất cả phải tự lo liệu lấy. Bên kia sân, một gia đình nghèo, ngày nào ông chồng cũng gánh hai thúng hàng vất ra chợ bán hay tìm công việc vất. Thực là một xóm nghèo, bình dân, tiêu biểu cho những tầng lớp dưới của Trung Quốc. Nếu ở đất Quảng Đông này mà còn nghèo thế, thì ở các tỉnh khác còn nghèo cùng đến đâu ? Dần dần tiếp xúc với họ, tôi cảm thấy tuy nghèo, nhưng đều có tâm địa hiền lương. Xóm Vinh Hoa này có thể thành đề tài cho một cuốn tiểu thuyết tả về đời sống bình dân, trong đó có nghèo khổ, có lo sầu, nhưng cũng có những phút vui tươi giản dị.

Mà chính tôi - một bác sĩ - cũng lại là thất nghiệp, lạc loài, với một người vợ còn trẻ, một đứa con thơ. Mặc dầu ngậm ngùi, tôi cảm thấy dễ thông cảm, dễ hòa nhịp với họ, không phải chỉ vì lòng trắc ẩn, và chính là vì cũng cùng những cảm tình với nhau. Và chính là những ngày đầu ở đây, tôi mới nhận thấy là trước kia mình vẫn

còn là «trường giả» là xa rời dân chúng quá nhiều.

Tôi đến, vào trong phòng nhỏ, chung quanh đều im vắng, cháu bé đã ngủ say, chúng tôi mới cảm thấy cô đơn. Hai vợ chồng nhìn nhau không nói gì, nhưng chắc đều thấy ngộ nghĩnh tại sao lại rủ nhau đến chốn này, trong cái phòng chật hẹp ?

May mà, vài ngày sau, bắt đầu khóa học, Liên được gọi làm giáo viên trưởng Tiểu học số 6, ngay đầu đường bên đê, chỉ phải đi bộ độ năm phút là tới. Lương là tối thiểu, với giá hơn một tạ gạo một tháng, tính ra tiền Hong Kong, chứ không bằng tiền quan kim của chính phủ Quốc Dân đảng, đã mất giá quá nhiều. Một tạ gạo, cũng tạm đủ tiền ăn, tiền nhà. Lúc đó rau, thịt cũng còn rất rẻ. Còn tôi, bác sĩ thất nghiệp, thì đành ngày ngày ở nhà trông con và nấu bếp. Chẳng ai chê cười cả, còn giờ ngón tay lên khen tôi chịu khó. Họ tò mò hỏi tôi sao hay bắc ghế ra ngoài sân, ngồi ngay bên cạnh giếng - nước để xem sách. Sau đó họ mới hiểu được dụng ý của tôi là, giếng nước là nơi nguy hiểm nhất cho trẻ con, ngồi ở đấy là chỗ canh phòng tốt nhất.

Những buổi chiều, gió đã hơi lạnh, tôi mang cây đàn măng đô lin ra ngồi dưới gốc cây gầy vài bài, Việt hay Pháp, để tự an ủi. Người ở đây chỉ thích âm nhạc Quảng Châu, không thương thức âm nhạc khác, dù réo rắt như

«Serenade» hay «C'est à Capri», hoặc «Con thuyền không bến», «Biệt ly nhớ nhung từ đây». Nhưng họ cảm hứng thú với những bài Lưu Thủy, Hành Vân... Tô Vũ Mục Dương... tuy nghệ thuật của tôi quá tồi.

Có vài tối, hưởng ứng tiếng đàn của tôi, một số thanh niên vác đèn nhĩ, vác sáo đến hòa với nhau, nghe inh ỏi cũng vui tai. Đến Tết Trung Thu, ngày rằm tháng tám, trẻ con tụ họp, rước đèn ngoài phố, tiếng cười ròn rã khiến người lớn tạm quên cảnh loạn ly và những đe dọa sắp tới gần.

Ngày nghỉ chúng tôi đi dạo thành phố Phật Sơn, qua mấy phố lớn. Tại nơi trung tâm, buôn bán cũng tiêu điều. Nhiều nhà giàu, địa chủ đã chạy đi nơi khác. Một đường phố trước đây rất thịnh vượng, nhiều cửa hiệu buôn vàng bạc nay đã đóng cửa kín mít.

Các tiệm ăn cũng vậy. Đói bụng, rẽ vào một quán ăn khá lớn. Nhưng buổi trưa vắng ngắt, thấy mấy người khách lạ vào người tiếp bàn đơn đã chạy ra mời chào. Song không khỏi thất vọng vì túi tiền chúng tôi không đầy, chỉ gọi được ít mì xào. Thì có cũng còn hơn không.

Lúc ra về, ngẫu nhiên được mục kích một cảnh lạ mắt. Vừa đúng lúc gần tới cổng tòa nhà thị sảnh thành phố, thì một chiếc xe hơi ra khỏi cổng, trên ngồi một vị

trông oai phong quan dạng, hai bên bờ xe lại có cảnh vệ tay cầm súng tiểu liên, và tiền hô hậu ủng. Người qua đường bảo cho biết :

- «Đây, ông trấn trưởng đây ?» Lúc đó Phạt Sơn là một thị trấn, nên gọi ông ta là trấn trưởng. Tôi nghĩ thầm, một ông trưởng trấn mà đã uy phong thế, những ông quan cấp cao Quốc Dân đảng thì không biết thế nào ? Song nghĩ lại, bây giờ là thời chiến, cũng có lý do được lính theo hộ vệ.

Thời cuộc biến chuyển nhanh hơn người ta tưởng. Cộng quân đã chiếm được gần hết lãnh thổ Trung Quốc. Chỉ còn vài miền ở Tứ Xuyên, Vân Nam, Quảng Tây và một phần tỉnh Quảng Đông, với đảo Hải Nam là chưa mất, song chỉ là vấn đề thời gian. Chính phủ Nam Kinh đã không còn. Các yếu nhân trong chính phủ đều bỏ sang đảo Đài Loan.

Ngày 1 tháng 10 năm 1949, một sự kiện lịch sử quan trọng tại Trung Quốc đã làm cho cả thế giới rung động : Mao Trạch Đông tại Quảng trường Thiên An Môn, Bắc Kinh, tuyên bố thành lập nước Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa.

Chúng tôi nghe được tin này qua đài phát thanh ngoại quốc. Thế là vương triều nhà Tưởng - Trung Hoa Dân

Quốc đã sụp tan, chỉ còn tồn tại trên hòn đảo Đài Loan. Vương triều nhà Mao đã tới.

Dân chúng bắt đầu hoang mang, xao xuyến. Nhiều người đã bỏ chạy, đa số đi Hong Kong hay Áo Môn. Nhưng cũng nhiều người đã quen loạn ly, bất trắc, cho rằng Cộng Sản hay Quốc Dân Đảng cũng chẳng khác gì nhau mấy, cũng phải chịu đựng để mà sống thôi. Và lại, sự tuyên truyền của cộng sản kêu gọi dân chúng giữ bình tĩnh, cứ làm ăn như thường cũng có hiệu quả. Thí dụ, ngay trong tòa nhà tôi ở, ông hiệu trưởng kiêm bảo trưởng vẫn thấy bình chân như vại, không thấy động đậy gì. Về phần chúng tôi, tất nhiên cũng lo ngại, nhưng đã tới đây rồi thì chỉ còn xem tình thế ra sao thôi.

Chiến sự đầu tháng 10 đã lan tới gần Quảng Đông. Trên các ngã đường từ Quảng Châu tới phía Tây, tức là phía Quảng Châu Văn, đảo Hải Nam và Quảng Tây, cả ngày lẫn đêm toàn là binh lính Quốc Dân Đảng rút qua. Tò mò, tôi dắt cháu bé ra cạnh đường xem cảnh rút lui có «trật tự» này. Thôi thì nào người, nào ngựa, nào xe, gồng và gánh kế tiếp nhau, hót hơ hót hải, chen lẫn nhau, vừa om sòm vừa lếch thếch, dưới sự quát tháo bất lực của mấy tay võ quan chỉ huy.

Thực là «bại quân như núi lở». Tôi chợt nghĩ tới bốn năm trước, khi Hồ Chí Minh tuyên bố thành lập nước

«Dân Chủ Cộng Hòa Việt Nam» và ba năm trước đây, đạo quân nhỏ yếu Quốc Dân Đảng Việt Nam cũng thua chạy, rút lui từ Việt Trì lên Yên Bái, Lào Kai.

Lịch sử đã diễn lại tại Trung Quốc, và ở Bắc Triều Tiên, nước Lào, như một nạn Hồng thủy. Tại sao ?

Sau ngày 10 tháng 10, bỗng một tiếng nổ lớn : tiếng nổ phá cầu Hải Châu nối liền hai bờ Châu Giang, mục đích để ngăn chặn Cộng quân tiến nhanh về phía Nam. Như vậy, quân giải phóng đã sắp tới gần kề.

Một bầu không khí khác thường trùm lên thành phố Phật Sơn. Mấy hôm nay không còn bóng Quốc quân rút qua nữa. Đường xá vắng tanh. Người ta thấy ngột ngạt, như trong những ngày đứng gió im lìm báo hiệu cho cơn bão táp sẽ đổ tới.

Thành phố bỏ trống. Đêm đến càng đáng sợ, nghe nói có cướp bóc, dân chúng phải tự tổ chức tự vệ đi tuần. Các cổng ngõ đều đóng chặt không cho người lạ ra vào. Chỗ nào có động thì đánh chiêng um lên để báo cho láng giềng đến giúp bên láng giềng cũng đánh theo. Thành thử có khi cả một vùng đánh chiêng tán loạn, song chẳng biết giặc ở đâu. Có ngày suốt đêm không ngủ, càng khiến mọi người thần kinh căng thẳng, kể cả chúng tôi trong đó... Chưa bao giờ trải qua những ban

đêm kỳ cục và hồi hộp như vậy. Thực ra, chúng tôi có gì để sợ cướp đâu ?

Lạ là có người lại muốn cho Cộng quân đến nhanh hơn, khỏi phải sống trong cảnh lo sợ pháp phòng này.

Mặc dầu tình thế khẩn trương, nhưng xe hỏa vẫn chạy từ Quảng Châu tới, tuy rất vắng khách. Hành khách qua lại cho biết Quốc quân không có ý giữ Quảng Châu, nên sẽ không có trận đánh lớn. Sau đó, quả nhiên chỉ nghe thấy tiếng súng thưa thớt đằng xa, rồi im hẳn. Cộng quân đã tiến vào thành Quảng Châu, thành phố quan trọng nhất ở Hoa Nam. Nghe nói, tướng cầm đầu toán quân này là Diệp Kiếm Anh, nguyên Tổng Tham mưu trưởng Hồng Quân, và là một tay cầm đầu cuộc nổi dậy Quảng Châu Công Xã chống quân phiệt năm 1927 (sau này Diệp là chủ tịch nhà nước Trung Quốc CS).

Cộng quân chỉ nay mai sẽ tiến đến Phật Sơn. Ai cũng lo âu về những gì có thể xảy ra. Dựa vào những tiếng đồn, thì quân đội này có kỷ luật, đối đãi quân chúng tốt, mua bán sòng phẳng, không xâm phạm đến tính mệnh và tài sản của dân. Mà quân Quốc Dân Đảng thường nghe thấy hay hà hiếp, dọa nạt, mua quýt, thậm chí còn có khi cướp cả gà vịt, tiền bạc... Song đó mới chỉ là tin đồn hay tuyên truyền, còn sự thực ra sao, chưa dám chắc. Phải đợi đến lúc tiếp xúc, mới có thể biết rõ, vì

trong lúc chiến tranh rối loạn, thì quân đội nào cũng có thể dễ dàng vi phạm kỷ luật.

Một điều mà chúng tôi thắc mắc, trong tình thế đặc biệt của mình, là vấn đề chính sách của Trung Cộng đối với những người ngoại quốc, nhất là những người đã có thời kỳ chống lại Cộng Sản - dù là CS Việt Nam, như chúng tôi và một số người Việt khác. Điều đáng chú ý ở những người này là đã từng chống đế quốc Pháp, không tán thành thỏa hiệp với Pháp. Họ tán thành công cuộc kháng chiến của Việt Minh, và không muốn trở về vùng Pháp chiếm, nêu nguyên ý chấp nhận cuộc sống một thời gian dưới chế độ mới do Trung Cộng thiết lập. Rất có thể sẽ bị làm khó dễ, hay trục xuất, hoặc thậm chí bắt đi cải tạo, cái gì cũng có thể xảy ra. Nhưng phải chấp nhận mạo hiểm...

Ngày Song thập (10 tháng 10), ngày Quốc khánh của Trung Hoa dân quốc im lặng đi qua không ai nhắc tới. Bốn ngày sau, ngày 14 tháng 10 năm 1949, buổi sáng trời nắng đẹp, bỗng mọi người trong ngõ xôn xao, lại có tiếng động vọng tới từ xa.

Một nhóm người từ trong ngõ chạy xô ra đường cái; tiếp theo là những tiếng hô lớn :

«Quân giải phóng !»

Chúng tôi cũng chạy ra cạnh đường. Đằng xa, từ bờ sông tới, một toán lính mặc binh phục màu vàng, đầu đội mũ lưỡi trai, vác súng trường, từ từ tiến vào phố.

Đây là toán đầu tiên của Đệ tứ đã chiến quân do Lâm Bưu chỉ huy, vào chiếm Phật Sơn. Một cảm giác lạ lùng bỗng trỗi lên cả người tôi.

Đây là biểu hiệu của một thế giới khác thay vào thế giới cũ đã tiêu tan. Một thế giới hoàn toàn mới - trong đó sẽ có chúng tôi.

Tương lai sẽ ra sao đây ? Chúng tôi nghênh đón thế giới này với tâm tình phức tạp và mâu thuẫn, nhưng vẫn bình tĩnh và thư thả.

PHẦN II
ĐỊNH CƯ LÀM VIỆC TẠI PHẬT SƠN
DƯỚI CHẾ ĐỘ
CỘNG SẢN TRUNG QUỐC

THỜI KỲ 1949 - 1959

Lời Nói Đầu

Từ tháng 10-1949, chế độ Cộng Sản - hay gọi là Xã hội chủ nghĩa - bắt đầu thiết lập tại Trung Quốc, Liên vẫn làm giáo viên tiểu học, không thay đổi. Tôi xin được giấy lưu trú tại thành phố này. Tháng 3 năm 1950, tôi được vào làm bác sĩ tại bệnh viện thành phố. Có công việc sinh nhai, lại có thêm hai đứa con gái, mà tình hình trong nước chưa cho phép về được khu kháng chiến cũng như không thể về khu Pháp chiếm, gia đình tôi tạm ở lại Phạt Sơn để xem tình thế biến chuyển ra sao.

Phần II của tập II này sẽ thuật về đời sống trong 10 năm đầu với những kinh lịch, mắt thấy tai nghe dưới chế độ CS Trung Quốc, với mọi mặt xã hội, kinh tế, văn hóa, chính trị, nhất là các cuộc vận động cải tạo chính trị liên tiếp không ngừng như cải tạo dân chủ, cải cách điền địa, trừng thanh phản cách mệnh, ba chống năm chống, cải tạo tư sản, phản hữu, công xã nhân dân, đại nhảy vọt, kinh tế suy sụp v.v..

Phần III 1960-1976 sẽ thuật về giai đoạn sửa sai 1960-1964, vận động «tứ thanh», đại cách mệnh văn hóa v.v... cho tới cái chết của Châu Ân Lai, Chu Đức, Mao Trạch Đông, dẫn tới việc lên nắm quyền của Đặng Tiểu Bình với cuộc cải cách khai phóng mới.

Phần IV sẽ thuật về giai đoạn 1976-1988 với tình hình Trung Quốc và của gia đình chúng tôi, cuối cùng kết thúc giai đoạn lưu vong tại nước này với sự di dân sang Hoa Kỳ.

Còn tập III sẽ nói về đời sống tại Hoa Kỳ bắt đầu từ 1988 trở đi.

Chương I - Những Tháng Đầu Bất Định Ngồi Tù

Đây là lần đầu tiên tôi gặp Hồng quân Trung Quốc, mà trước đây tôi đã nghe nói nhiều như một lực lượng thần bí. Tỉnh Cương Sơn, căn cứ địa Giang Tây, Trường Chinh 25,000 dặm, Thiểm Tây Diên An, kháng Nhật. Những tác phẩm của Mao Trạch Đông về các khu căn cứ, về chiến tranh du kích, về chủ nghĩa Tân Dân Chủ v.v... tôi cũng đã đọc. Không thể không công nhận rằng Mao có tài tổng kết được những kinh nghiệm cả về quân sự lẫn chính trị để làm kim chỉ nam cho đảng CS và quân đội.

Tôi chú ý đặc biệt tới giai đoạn đầu của cuộc chiến đấu của Hồng quân trước sự vây đánh của quân Quốc Dân Đảng đông gấp bội, vì là những kinh nghiệm của kẻ yếu đứng trước địch thủ hùng mạnh, có thể áp dụng cho cuộc chiến đấu tại Việt Nam.

Nhưng nay, quân đội Cộng Sản Trung Quốc đã biến thành một đội quân lớn mạnh đáng kể ngay cả trên thế giới, tuy về mặt khí giới, kỹ thuật vẫn còn đơn sơ, thấp kém. Họ lại được Liên Xô giúp đỡ, tiếp tế, và có những đồng minh tại Đông Âu, Bắc Hàn, Việt Nam. Trông trên bản đồ Á Châu, hai phần ba đã nhuộm màu đỏ. Tại

sao như thế chỉ bốn năm sau khi thế chiến thứ hai kết thúc. Rõ ràng, quan trọng nhất không phải là thế lực quân sự, mà là những cái gì đằng sau chi phối và lãnh đạo quân sự. Không có gì là lạ nếu nhóm Đồng Minh đứng đầu là Mỹ, Anh, phải kinh sợ và gấp rút tổ chức một trận tuyến, một vòng đai ngăn ngừa sự lan tràn của làn sóng đỏ. Việt Nam, Đài Loan, Nam Hàn chính là những cột trụ trong vòng đai ấy.

Hãy trở lại với hiện thực : toán lính mặc binh phục màu vàng, đeo súng trường, thỉnh thoảng lắm mới có một cỗ súng máy nhỏ. Quần áo đã cũ, phôi bạc, có chỗ đã sờn hay vá, họ đi vôi vàng, hàng ngũ không chỉnh tề lắm. Phần nhiều gầy, da mặt rám nắng, có vẻ mệt mỏi, có thể vì đi bộ đã quá nhiều. Họ đã từ phía bắc Trường Giang tiến đến tận đây. Song trên tinh thần thì khác hẳn quân Quốc Dân Đảng vì là kẻ chiến thắng. Thỉnh thoảng giơ tay vẫy chào dân chúng, thái độ trông cũng hiền hậu, nhất là có nhiều người còn trẻ măng.

Nhiệm vụ của nhóm này là đuổi rượt quân Quốc Dân Đảng, nên phải bước nhanh. Lâu lắm, mới có một chiếc xe Jeep, trên ngồi vài cán bộ, ăn mặc như hệt binh sĩ. Về sau, tôi mới biết rằng áo sĩ quan có bốn túi, còn binh lính chỉ có hai. Song đều không thấy lon hay dấu hiệu về cấp biệt trên cổ áo.

Có lẽ người ta thất vọng khi xem ra, toán quân này không uy phong diêm dúa như quân đế quốc hay sắt đá ngạo mạn như quân Nhật, nhưng ai cũng không thể coi thường vẻ rắn rỏi và dày dạn trên nét mặt còn quê mùa. Họ đã được huấn luyện cả về quân sự lẫn ý nghĩa của cuộc chiến.

Quân đội giải phóng đó chiếm những cơ quan, công sở thành phố, nhưng qua đêm chưa nghe thấy sự ồn ào đặc biệt nào. Mọi người vẫn ở trong chờ đợi.

Tới buổi trưa, vừa ăn cơm xong, bỗng có tiếng gọi cửa bằng tiếng quan thoại Bắc Kinh. Mọi người điều giật mình, ngơ ngác. Ai đây ? Ông chủ nhà lo lắng nhìn chúng tôi, rồi đánh bạo đi ra phía cổng, để tiếp nhận một sự gì có thể rất đáng sợ sắp xảy ra. Tôi cũng phải nín thở, chờ đợi. Mọi người đều đưa mắt để cổ võ ông chủ nhà.

Cổng mở ra, ba bốn binh sĩ đương đứng đợi nhưng khác với dự đoán, thái độ của họ cũng bình thường không có vẻ đe dọa, hống hách, khiến mọi người trút được gánh nặng. Người đi đầu, ôn tồn nói với chủ nhà muốn mượn chỗ ở tạm trong một thời gian ngắn, vì nhà cũng rộng rãi. Họ giảng giải về chính sách kỷ luật, sẽ không làm phiền nhiều ai, mượn đồ gì sẽ trả lại, mua bán sòng phẳng v.v... Kỳ thực, chẳng cần nói gì,

ai chẳng phải cho mượn chỗ ngủ, dù không muốn có người lạ vào trong nhà mình.

- «Ông cho chúng tôi vào xem nhà». Một người đeo súng ngắn bên hông, chắc là sĩ quan, theo vào xem xét mọi nơi. Vừa đứng nhà này có một phòng trống và một phòng khách lớn. Thế là họ chia nhau quét dọn sạch sẽ cả trong ngoài, tháo cánh cửa sổ làm giường, lấy chăn trải lên, lấy túi làm gối, cũng ngăn nắp và sạch sẽ. Họ mượn nồi niêu để thổi cơm, mượn cả kim chỉ, mọi thứ đều có biên lại đằng hoàng.

Những cử động đó đều được mọi người trong nhà chăm chú theo dõi, vì thấy lạ. Xong việc, họ chơi đùa với mấy đứa trẻ một cách tự nhiên, cho nên dần dần, ai cũng thấy yên tâm. Chỉ có cái là họ bắt phải mở cửa nhà không được đóng để tiện ra vào, song nếu có binh lính đóng thì còn sợ gì cướp bóc nữa ?

Chúng tôi không khỏi ngạc nhiên về thái độ hòa nhã, không có thô bỉ, không cợt nhả với phụ nữ, như thường nghe với những quân đội khác. Ta nên nhớ rằng, ở Trung Quốc xưa nay, ai cũng sợ quân lính hay làm bậy vì cây có cây súng. Có nơi, quân lính thực là giặc. Đảng Cộng Sản huấn luyện được kỷ luật như vậy thực không phải là chuyện dễ dàng, mà đây là điều mà chúng tôi tai nghe mắt thấy. Chính vì thế mà họ được lòng dân, dù ai cũng

nghi ngờ cộng sản.

Với tiếng Bắc Kinh võ vễ, tôi bắt đầu chuyện với mấy người lính để hiểu rõ thêm họ nghĩ những gì, ý kiến rất mộc mạc, song người nào cũng nhất trí tin vào đảng CS và Chủ tịch Mao. Còn về vấn đề Việt Nam, đa số cho rằng, chỉ có kháng chiến đánh đuổi thực dân Pháp mới là cách mạng. Đối với chế độ xã hội chủ nghĩa sau này, họ chỉ có ý thức lơ mờ là giai cấp công nông được giải phóng, xã hội sẽ được bình đẳng. Họ ghét Quốc Dân Đảng, cho là sự thống trị của bọn địa chủ quan liêu.

Không ngờ, một buổi, khi tôi vác cái đàn măng đô lin cũ kỹ ra gảy mấy bài nhạc Trung Quốc và Âu Mỹ cổ điển, thì anh đội trưởng (đoán là vậy) tỏ ra thích thú. Vì có lẽ anh ta xuất thân là học sinh, chứ không phải là nông dân.

- «Ông cho tôi mượn cái đàn đánh một bài được không ?

- «Rất hài lòng» Anh ta bèn gảy bài «Đông Phương Hồng» bài hát chính thức ca tụng Mao và đảng Cộng Sản là «đại cứu tinh», bài mà toàn dân sau này ai cũng phải học và biết hát. Nhưng chính bài này ca tụng cá nhân, lại đi ngược với chủ trương tập thể và vai trò của nhân dân mà chính đảng đề xướng. Ảnh hưởng của sự

ca tụng cá nhân vô cùng tai hại, như ta thấy với Stalin, Mao, Kim Nhật Thành, Hồ Chí Minh v.v...

Nói chung, ấn tượng của mọi người đều tốt. Lúc đi, họ trả lại tất cả mọi thứ đã mượn, quét dọn sạch sẽ và tỏ lời cảm ơn, cáo biệt vui vẻ.

Nghe nói ở đây đã thành lập một «Ủy ban quân quản» để giữ trật tự và duy trì công việc hằng ngày. Đời sống đã trở về bình tĩnh. Tạm thời không có gì thay đổi ? Chợ búa, nhiều cửa hàng đã mở cửa lại, chỉ trừ mấy ngân hàng và tiệm vàng bạc. Nhưng tôi đến phố xá vắng tanh. Có tin cướp bóc tại vài nơi.

Vợ tôi vẫn đi dạy vì trường đã mở cửa lại, lương vẫn trả bằng gạo. Tôi vẫn chức vụ «thất nghiệp» và «giữ trẻ». Xem ra chưa có gì gay gắt lắm thì bỗng một hôm, tai bay vạ gió, tôi phải ngồi tù cộng sản.

Kể ra thì cũng giản dị. Buổi sáng hôm đó, hai người lính tiến vào trong nhà để kiểm tra hộ khẩu. Nguy thật ! Chế độ hộ khẩu có từ đời Quốc Dân Đảng. Lúc đến đây, chúng tôi đâu có nghĩ đến đăng ký. Không có hộ khẩu, lại không có việc làm, thì phải theo họ về chỗ giam giữ để tra hỏi. Chính mình bây giờ thuộc về loại này.

Nhưng tôi không cô đơn. Ra đến ngoài phố, đã thấy một chuỗi dài người đương đứng đợi, già có, trẻ có, đủ mọi hạng người. Chỉ trông vào những cặp mắt ngơ ngác, lo âu nhìn nhau, cũng đủ thấy thương hại.

- «Không chính mình trông cũng thế !» Vừa bực vừa tức cười, tôi tự nhủ. Tại sao lại đến đây để bị tóm về một việc hộ khẩu lắm cằn. Thà là vì việc gì to tát hơn.

Song, nghĩ lại, mình có gia đình hằn hoi, vợ có công việc. Mình có làm gì hại cho họ đâu. Đây cũng là một dịp để tìm nói chuyện với họ. Thôi, cũng liều nhắm mắt đưa chân.

Chỗ giam là một tòa nhà trống không, chia làm mấy buồng rộng. Mọi người bị dồn vào các buồng, ngồi ngay trên đất xi măng. Nhờ trời còn nóng, nên cũng đỡ khổ. Đưa mắt nhìn chung quanh, thì đa số đều thu mình ngồi ủ rũ, chẳng ai buồn nói chuyện gì, và cũng không tiện nói gì. Mỗi người một góc gác, một cảnh ngộ. Có lẽ cảnh ngộ của tôi là kỳ cục nhất, từ mãi Việt Nam tới ngồi ở đây !

Tôi tìm một chỗ ngồi trong góc, để trầm tư và quan sát. Tôi chắc người nhà và người cùng nhà sẽ đến tìm và kiếm cách giải quyết.

Chẳng có ai hỏi han gì hết. Đến trưa, bỗng có người gọi tên mình, đột ngột, tưởng được thả ra song mới chỉ là người nhà đưa cơm đến và thêm quần áo để qua đêm. Bụng nghĩ cứ thế này thì khổ thực, muốn nằm nhưng không đủ chỗ, những con muỗi quái ác lại cứ vo ve bên tai. «Tù không ra tù» tôi nghĩ. Nhưng cũng có thể tự hào là đã ngồi tù rồi - một thành tích «cách mạng» đáng kể...

Chiều xuống, trời đã hơi tối. Tôi dự tính sẽ ngồi co ro suốt đêm trong nhà tù, đương nhắm mắt lim dim thì lại giật mình khi nghe có người gọi đến tên. Chắc lần này sẽ bị gọi lên tra vấn gì đây. Đương chuẩn bị trong óc để có một phong cách đàng hoàng xứng đáng với một người Việt Nam tranh đấu, đối phó với Cộng quân Trung Hoa, thì tiếng gọi lại tiếp theo, một giọng ôn hòa không ngờ :

«Thu xếp mọi vật, ra về !»

Thực là hú vía ! Nghe tiếng không khỏi mừng rơn, như mở cờ trong bụng, trút được gánh nặng trên ngực và những con muỗi quỷ quái, tôi vội vàng cuộn gói, rào bước ra ngoài ánh sáng, dưới con mắt hâm mộ của những người còn ở lại.

Liên và một giáo viên ở trường đã đợi sẵn. Mới biết rằng các giáo viên liên danh bảo lãnh là người tốt, thì họ tha ngay, chẳng cần giữ lại làm gì cho tốn công. Thế là bao tính toán, mưu kế để đối phó với tình thế đều trở thành vô dụng.

Về tới nhà, cháu bé Lan vội ôm chặt lấy tôi. Nó ngờ ngác không hiểu vì sao mà bố hôm nay đã không ở nhà để trông nó ?

May mà từ đó trở đi, tôi không còn phải vào ngồi tù nữa.

Chương II - Tạm Yên Tĩnh. Đăng Ký Ngoại Kiều

Tình hình tạm thời yên tĩnh. Quân đội Quốc Dân Đảng đã rút xuống đảo Hải Nam để chờ kéo đi Đài Loan. Một phần rút qua địa hạt Vân Nam và sang trú ngụ tại Miến Điện - nơi gọi là Tam Giác Vàng, chuyên trồng cây á phiện. Long Vân, Lư Hán đã đều đầu hàng. Trung Cộng đã gần như bình định được toàn quốc, thực là :

«Bốn phương phẳng lặng, hai kinh vững vàng»

Hai kinh đây là Bắc Kinh và Nam Kinh.

Tất nhiên, còn nhiều tàn dư Quốc Dân Đảng tại nhiều nơi và nhất là thổ phỉ vẫn hoành hành ở những miền núi rừng.

Không thấy hỗn loạn xảy ra trong thành phố, nhưng cướp bóc thì thường xuyên, và còn có những vụ đánh úp quân đội ở ngay ngoại thành. Cộng quân phải tăng binh để «dẹp tắt». Phải nói rằng công việc này họ làm rất hữu hiệu, không những ở các thành thị, mà còn khắp các nơi nông thôn hay rừng núi. Một việc mà trước đây Quốc Dân Đảng không thể làm nổi - vì lẽ đa số quân đội cũng là từ quân phiệt mà ra; thổ phỉ, quân phiệt và

quân đội đều có cầu kết với nhau.

Hơn tháng sau, ngẫu nhiên khi ra phố mua đồ lật vặt, tôi được mục kích một vụ chưa bao giờ được thấy : Tiếng hô của lính đương áp giải một số tù nhân ngồi trên xe bò. Đến gần, nhìn kỹ mới thấy ai cũng bị trói giật khuỷu tay, sau lưng cắm một thanh gỗ dài, trên viết tên phạm nhân, nhưng trông không rõ. Dân chúng đổ ra hai bên đường xem. Tôi không rõ là chuyện gì, nhưng chắc là nghiêm trọng khác thường. Trong đám đông. có tiếng xì xào :

- «Mang đi xử bắn đây !»
- «Tội gì nặng thế ?»
- «Tội thô phi phá hoại. Viết rõ ràng...»

Đúng với tin đồn cướp bóc, lại có tin có kẻ tấn công vào một trụ sở của Ủy ban quân quản. Bất giác, tôi bước theo đám đông. Lần đầu tiên, để xem xử tử phạm nhân ra sao. Trước đây, có lần được trông thấy cảnh khủng khiếp bêu mấy cái đầu trong rọ treo tại cổng thành. Y như trong những tiểu thuyết tả thời phong kiến man rợ ngày xưa.

Tất cả là bốn người, ngồi gục đầu xuống. Đột nhiên không ai ngờ, trong đó có một người ngẩng đầu lên hô to :

- «Tuồng Giới Thạch vạn tuế !»

Tiếng hô đó làm mọi người sửng sốt, đưa mắt nhìn nhau, người này cũng có gan thực, dám hô lên trước cái chết sắp đến. Lập tức, một bóng súng choảng mạnh vào lưng, vào đầu. Một người lính nữa lấy ngay nắm giẻ nhét chặt vào mồm tội nhân.

Qua cầu, tới vườn hoa Trung Sơn, một nơi có bãi rộng, có nhiều cây cổ thụ trước một tòa nhà lớn. Bốn người đó bị trói chặt, đưa lên đứng cúi gằm mặt trên thềm. Binh lính dàn chung quanh. Tôi cũng theo đám đông ngồi ngay trên bãi cỏ. Một sĩ quan tuyên bố tội trạng vắn tắt rồi tiễn hô hậu ủng đưa tội nhân ra bờ đê đằng sau công viên để chấp hành tử hình.

Mỗi phạm nhân do một người lính cầm đầu dây trói đi đằng sau. Đến trên đê, phạm nhân đi đầu tiên bị ép quỳ xuống bờ cỏ, rồi một tay súng đứng đằng sau gi mũi súng vào gáy. Tuy ở hơi xa, nhưng chúng tôi đã thấy rõ và nín thở nhìn trong sự im lặng rùng rợn. Tiếng súng nổ đầu tiên như xé cả bầu trời và đập mạnh vào ngực của những người đứng trông. Tôi thấy có cái gì

đề nặng lên tất cả người, tuy không phải là chưa trông thấy cái chết. Phạm nhân ngã gục ngay xuống đất, và một phát súng tiếp theo luôn để cho chắc chắn. Thế là xong một đời người !

Có lẽ vì điều kinh ngạc, nên một điều không ai ngờ tới đột xảy ra : một phạm nhân bỗng giằng thoát được dây thừng ở tay người lính đang trốn và chạy vội qua mặt đê. Nhưng dù có dây chết cũng vô ích, vì bàn tay bị trói không chạy được nhanh, nên chỉ một phút sau đã bị lôi lại và bắt quỳ ngay tại chỗ, để rồi chung số phận với đồng bạn xấu số vừa từ già cõi đời.

Không biết rõ là thổ phỉ hay là gì, nhưng không nhẫn tâm đứng trước cảnh tàn khốc ấy, tôi lặng bỏ ra về. Chiến tranh, hận thù, tang tóc. Nước Trung Hoa rồi đây sẽ thống nhất được, thổ phỉ, quân phiệt có thể bị tiêu diệt, nhưng có thể tiêu diệt được hận thù, xung đột hay không ? Còn phải nhìn về tương lai. Và tại Việt Nam, hiện thời vẫn còn chiến tranh liên miên, giữa người Việt và bọn thực dân Pháp, và ngay cả giữa người Việt với nhau. Kết cục sẽ ra sao ?

Ủy ban quân quản ngoài việc giữ an ninh, bắt tay vào việc quản lý thành phố. Cán bộ từ một số ở quân đội điều sang, còn hấp thụ một số thanh niên ở ngay địa phương, như công nhân và học sinh, vì người trẻ rất

dễ theo những cái mới lạ. Chủ nghĩa cộng sản hay chủ nghĩa xã hội với chủ trương công bằng xã hội, xóa bỏ giai cấp, rất hấp dẫn đối với họ.

Tùy theo từng ngành, họ phân thành nhiều tổ gồm đại diện các giới, để học tập chính trị và đường lối của chính phủ mới ! Học tập chính trị là một phương pháp quan trọng bậc nhất của cộng sản để thống nhất tư tưởng. Khổ nổi là tối nào cũng phải đi học, mà ai ngày cũng đã làm việc mệt mỏi. Liên cũng vậy, tối nào cũng để lại công việc nhà và đưa con cho tôi. Học tập chính trị tất nhiên là một việc nhồi sọ, và uồn nắn không ai có thể khước từ được, trừ khi ốm.

Phải nói rằng, người CS tổ chức giỏi và đã chuẩn bị sẵn nhiều tài liệu căn bản, như «chủ nghĩa Tân Dân Chủ» một thứ lý luận hỗn tạp lợi dụng cả chủ nghĩa Tam Dân của Tôn Dật Tiên và ít điều căn bản về vai trò của giai cấp công nông, và phê phán về vai trò của giai cấp địa chủ, phú nông, tư sản. Song đây nói chỉ là những buổi học tập hiền lành, gọi là «gió nhẹ mưa phùn» mà thôi, có thể để làm mào đầu dẫn đến những cuộc vận động chính trị kịch liệt sau này. Ai có thắc mắc, nghĩ vẫn chỉ bị phê bình nhẹ nhàng mà thôi, nên người cán bộ cộng sản cũng gây được ấn tượng tốt trong dân chúng. Rất ít nghe thấy những cuộc bắt bớ hay «cải tạo» hà khắc; đó

là sự thực vào lúc ấy.

Riêng về mặt kinh tế, thì có nhiều khó khăn. Loạn lạc, rồi đến nhiều người, nhiều chủ tiệm bỏ đi, khiến không ít người thất nghiệp. Ngay cùng trong nhà với chúng tôi, một đôi vợ chồng lâm vào cảnh thiếu đói. Anh chồng chạy suốt ngày tìm việc phu phen ở bến tàu cũng không có, phải xoay ra làm bánh rán, sáng sáng vác chảo ra ngoài được để bán cho học trò ăn sáng, nhưng không sao đủ nuôi được hai miệng. Có khi chúng tôi cũng mua giùm vài cái bánh để giúp. Sau đó có người quen giới thiệu ra Quảng Châu làm thợ, tuy anh ta đã đỗ bằng Trung học.

Đương cục không vội vã làm xáo trộn ngay xã hội. Với sự khôn khéo, họ duy trì những tiệm buôn, xưởng máy, chỉ bắt nộp thuế mà không có tịch thu hay giải tán; nhờ vậy, kinh tế dần dần khôi phục lại. Do tình hình an ninh tốt hơn trước, việc giao thông, buôn bán được phát triển. Lương công nhân được bảo đảm. Thành phố Phật Sơn vốn phần lớn là công nghiệp, nên duy trì dễ dàng hơn, chủ nhân cũng không phải xếp vào loại tư sản. Vì thế đời sống được ổn định, mọi người ít ta thán.

Tác phong của bọn cán bộ mới cũng có vẻ bình dân hơn các ông Quốc Dân Đảng trước kia. Ông thị trưởng lâm thời, với cấp sư trưởng - ra ngoài đường công tác

đi xe đạp, với một hay hai người hộ vệ, cũng đi xe đạp. Bắt buộc tôi phải so sánh với ông trấn trưởng Quốc Dân Đảng chễm chệ trên chiếc xe hơi, hai bên có hai tay súng trường, tiền hô hậu ủng, đi đến đâu mọi người đều tránh sang hai bên, vài tháng trước đây.

Đã đến lúc phải trực tiếp tiếp xúc với đương cục cộng sản, nếu muốn còn ở lại đây. Tôi ra Quảng Châu tìm gặp anh Văn, anh Thành, và một số người Việt vẫn còn ở đó. Tình hình của Văn khiến tôi yên tâm, vì dù nhà trường biết anh là người Việt, trước ở trong Việt Nam Quốc Dân Đảng, và đã từng chống đối Việt Minh. Có ít kẻ quá khích cho rằng Việt Nam Quốc Dân Đảng cũng là phản động, chủ trương không cho học ở trường Đại học Trung Sơn nữa, nhưng ban giám đốc nhà trường và sở Công An thành phố thì cho rằng, anh Văn tham gia vào Việt Nam Quốc Dân Đảng cũng là một người ái quốc chống đế quốc, lại chỉ là sinh viên, nên vẫn chấp nhận cho theo học.

Cùng lúc, một số người Việt trước đây cũng chống Cộng như cụ Nguyễn Hải Thần, ông Hoàng Nam, cũng vẫn được yên lành, vì họ ủng hộ kháng chiến, không theo Pháp, và ngổ ý xin cư ngụ, tuân thủ pháp luật Nhà nước mới.

Riêng tôi, không phải là việc xin «tỵ nạn chính trị», mà tôi thấy có thể nói chuyện trên hai điều căn bản. Một là tán thành việc đoàn kết kháng chiến, không thỏa hiệp với thực dân Pháp. Hai là trên chủ trương xã hội công bằng, chống bóc lột và áp bức, mặc dầu tôi không tán thành chuyên chính. Là một con người hay suy nghĩ, tìm tòi, tôi muốn được thấy những sự thay đổi trong một quốc gia lớn nhất và quan trọng ở Á Châu, có giúp được những nhận xét gì cho một đường lối cách mạng thích hợp với dân tộc Việt Nam không ? Những suy nghĩ này lúc đó có thể là không thực tế, là quá lý tưởng nhưng tôi tự tin rằng với mục đích chính đáng, tôi không phải là tìm một chỗ để sinh sống hay vì khuất phục trước bạo lực nào, hay là thấy kẻ mạnh thì a dua.

Nếu đã tự cho là một người dân thân vào đấu tranh vào sinh ra tử thì còn có gì đáng sợ nữa ? Có thắm gì đâu với những bậc tiền bối bôn ba hàng mấy chục năm tại xứ người ? Cùng lắm là bị trục xuất hay ngồi tù... đến đâu hay đến đó. Tôi quyết định xin cư ngụ tại đây.

Trước hết, ai cũng phải đăng ký hộ khẩu lại. Hộ khẩu là một biện pháp tốt để kiểm soát dân chúng, để phân phối lương thực và... mọi nghĩa vụ. Song song với việc đăng ký hộ khẩu, là việc đăng ký những người ngoại quốc nếu có. Tôi nhận được giấy gọi ra sở công an, nằm

ở gần nhà, trên một phố buôn bán phồn thịnh.

Dưới thời Quốc Dân Đảng hỗn độn, thường chẳng phải giấy má gì, nhất là người cũng mũi tẹt da vàng, thì đi lại dễ dàng, ít khi có ai tra hỏi gì. Chưa biết luật lệ của nước Trung Hoa Cộng Sản thế nào ?

Từ phòng truyền đạt, người ta đưa tôi đến trước bàn giấy của ông trưởng phòng. Người cộng sản vốn rất trọng bề ngoài, sợ ảnh hưởng tới danh dự của đảng. Một lát sau, ông trưởng phòng từ trong ra, thái độ cũng đàng hoàng, nhã nhặn, có lẽ vì tôi là người Việt Nam chăng ? Ông mời ngồi, còn rút một điều thuốc lá ra mời hút. Tôi phải cố giữ thái độ lịch sự, mỉm cười cảm ơn. Hai người nhìn nhau, chắc chắn đều phải giữ miếng. Về phần tôi thì cần phải dự đoán xem công việc sẽ ra sao, có đáng lo ngại không ? Còn về phần ông ta thì chắc muốn qua thái độ tôi, dò biết xem cái anh chàng người Việt này tại sao lại nhẩy tới đất này để xin đăng ký ? Những người làm công việc công an, mà nhất là cộng sản, đối với ai xa lạ cũng trước tiên phải hoài nghi - người thế nào ? Phản tử phản động ? Phá hoại ? Hay gián điệp ? Ít ra, hiện thời, trên bề mặt, ông này cũng tỏ ra điềm đạm, lịch thiệp - một cán bộ chính trị, tôi nghĩ.

- «Xin lỗi, ông là Nguyễn Tường Bách ?»

- «Vâng, đúng vậy».

- «Ông đã từng tốt nghiệp bác sĩ y khoa ?» Ông đưa con mắt dò xét tôi có phải là bác sĩ thực không, và nếu là bác sĩ, thì tại sao bây giờ lại phải ở đây ?

Tôi phải giải thích cụ thể, là tuy tốt nghiệp bác sĩ, nhưng đã bước vào con đường chống đế quốc Pháp, và rồi sau vì chiến tranh, phải chạy sang Trung Quốc, nấn ná ở đây.

- «Ông còn muốn về nước tham gia kháng chiến không ?» Ông hỏi một cách hơi ngờ vực.

Tôi giảng cho ông rõ rằng, tôi muốn về tham dự, nhưng đường xá xa xôi, không liên lạc nổi, vả lại còn gia đình và con thơ nên chưa có dịp, vậy xin ở lại một thời gian. Có lẽ vì đó là sự thực, tôi nói rất tự nhiên, mà vợ tôi lại là một người Hoa kiều Việt Nam, ai cũng biết, nên dần dần nét mặt ông trưởng phòng đã dịu. Cuối cùng, ông đưa cho một mẫu đơn khai đăng ký của người ngoại quốc, đồng thời cũng đưa một bản điều lệ lâm thời về quy tắc cư trú ngoại kiều.

- «Ông điền xong xin sẽ giao lại cho tôi. Còn quyền phê chuẩn hay không còn phải tùy cấp trên. Việc quan trọng nhất là ông tự nguyện theo đúng điều lệ cư trú và

tôn trọng pháp luật của nước chúng tôi».

Bản điều lệ - có thể phỏng theo cách thức Liên Xô - thực là quá khe khắt. Như chỉ được cư trú trong một thời gian ngắn, đến hạn lại phải xin thêm; đi ra khỏi thành phố, xuất nhập cảnh đều phải xin giấy thông hành. Gần như một thứ giam lỏng. Nhưng đã muốn ở lại thì không còn cách gì khác. Trung Quốc muốn hạn chế sự hoạt động của ngoại kiều. Mãi về sau này, điều lệ mới dần dần nới lỏng, và cho phép người ngoại quốc tới thăm nhiều nơi không cần phải có giấy phép. Và nói cho đúng thực tế, nhiều người Việt Nam ở lâu rồi có thể đi lại, làm ăn những vùng chung quanh mà không ai kiểm soát, vì không thấy cần thiết.

Một tuần lễ sau, tôi lại có giấy gọi đến nói chuyện. Đó là vào đầu năm 1950. Lần này có vẻ trang trọng hơn. Trừ ông trưởng phòng ra, còn hai người đứng tuổi từ Quảng Châu tới. Thái độ họ nghiêm túc, song cũng lễ phép và lịch sự như cần đối với một người ngoại quốc có học thức. Lý lịch của tôi đại khái họ đã rõ. Họ biết tôi không phải vì kiếm ăn mà tới đây. Mục đích của tôi họ cũng đã hiểu. Họ cần phải tỏ ra rằng, cán bộ của nước Tân Trung Quốc rất biết điều và khách quan.

Trong khi nói chuyện, họ tỏ ra rất am hiểu về tình hình Việt Nam và Đông Dương. Họ khen ngợi đảng Cộng Sản Việt Nam và ông Hồ Chí Minh về việc chống Pháp, nhưng qua nói chuyện, họ cũng không tỏ ra nhiệt tình lắm đối với Việt Nam - đương thời có những bất đồng về nhiều chính sách quốc tế. Về việc tôi bày tỏ là muốn có dịp học hỏi về kinh nghiệm xây dựng một xã hội mới, họ cũng không có ý kiến gì. Họ nói :

- «Việc ông nghĩ cũng là chính đáng. Song theo chính sách, ngoại kiều không được tham dự vào công cuộc chính trị bản quốc, không vào các đảng phái chính trị. Ngoại kiều có thể tham gia vào công đoàn hay những đoàn thể có tính cách xã hội, văn hóa. Ông có thể quan sát những gì xảy ra trong xã hội, nhưng ông cần phải giữ bí mật, không được tuyên dương ra ngoài».

Những yêu cầu kể trên kể cũng là đúng. Và về sau, theo những nguyên tắc đó, tôi vào làm bác sĩ trong bệnh viện, ngoài xem bệnh ra, tôi vẫn tham gia học tập chính trị và ngay cả một số cuộc vận động, như là một người dự thính.

Cuối cùng, tôi nói :

«Nếu chính phủ chấp thuận cho chúng tôi cư trú, thì tôi xin thay mặt gia đình tỏ ý cảm ơn. Còn nếu chính

phủ không hoan nghênh, thì xin cho một thời hạn để chúng tôi sửa soạn rời đi nước khác. Tạm thời, chúng tôi chưa muốn về Việt Nam ở dưới bóng cờ đế quốc».

Mấy người đó đưa mắt nhìn nhau, ý như đến lúc kết thúc câu chuyện. Một người đứng tuổi, có vẻ chừng chạc, về sau tôi mới biết là trong ban Tỉnh ủy Quảng Đông, chậm rãi trả lời :

«Rất hân hạnh thấy ông cho rõ lý lịch và tình hình của ông hiện thời, đó là điều kiện cần thiết để quyết định việc cư trú của một người ngoại quốc. Chính phủ Nhân dân vừa mới thành lập không lâu, nên mọi sự đều cần rất thận trọng, chắc ông cũng hiểu.».

Ngừng một lúc, ông nói tiếp : «Ông là một nhân vật quan trọng của Việt Nam. Đối với chúng tôi, điều quan trọng là ông đã từng tham gia chống đế quốc, mặc dầu nhiều khúc triết, nhưng nay ông vẫn ủng hộ kháng chiến và muốn học hỏi về xây dựng xã hội chủ nghĩa. Chúng tôi tỏ ý hoan nghênh ông cư trú ở đây. Mong ông theo đúng luật pháp của nước chúng tôi. Ông là một bác sĩ, nếu ông muốn góp sức vào việc kiến thiết nước Trung Hoa mới, thiết tưởng là một việc có ích. Mọi thủ tục sẽ do địa phương hoàn tất»

Công việc đầu tiên thế là xong xuôi, cũng tương đối thuận lợi. Sau đó, họ cấp cho một giấy cư trú lâm thời, sau đổi ra giấy cư trú chính thức - một thẻ ngoại kiều, với hạn kỳ là hai năm. Thường là như vậy, ở đây không có giấy cư trú trường kỳ hay thường trú như tại Hoa Kỳ.

Chương III - Gặp Anh Em Ở Quảng Châu. Hong Kong

Tình hình của những người Việt Nam còn ở lại Quảng Châu ra sao ? Nóng ruột, và cũng để xem ý kiến của các bạn hữu thế nào, tôi đáp xe hỏa tới ga lớn Quảng Châu rồi đáp xe công cộng đến tìm ông Hoàng, trước có chân trong Việt Nam Cách Mệnh Đồng Minh Hội. Ông vẫn dạy tại một trường Trung học, lương cũng đủ tiêu, đời sống được yên ổn.

Ông rất vui mừng bắt tay tôi, cả hai không nói ra nhưng trong bụng chắc đều ngạc nhiên khi gặp lại nhau.

- «Anh vẫn ở Phật Sơn ?» Ông hỏi.

Tôi kể lại tình hình cho ông rõ. Thì ra ông cũng vừa đăng ký ngoại kiều. Và số người Việt đăng ký ở Quảng Châu không ít, có tới gần bốn chục người, phần lớn cũng chỉ là làm ăn thường. Ông Nguyễn Hải Thần và gia đình vẫn ở lại đây. Nhưng một số khá đông đã bỏ đi nơi khác hay về nước.

Bà Lý Phương có chút vốn, đã mở một cửa tiệm chữa xe đẹp ở gần Hoàng Hoa Cương, và dung nạp được mấy anh em trẻ, có người từ Vân Nam, Quảng Tây chạy đến. Có đêm, Văn và tôi cùng nằm với họ trong cửa

tiệm, trải chiếu lên nền nhà, mua ít lạc rang hay bắp nướng nhấm nháp để tâm sự suốt đêm. Mọi người đến từ bốn phương, nhưng thân thế cũng như nhau. Và bốn bề đều là huynh đệ. Tôi bùi ngùi nghĩ đến tương lai. Con đường nào đây để ra khỏi bế tắc ? Và làm được gì đây để giúp đỡ các anh em ? Các anh em cũng hiểu tình thế, không ai than thân hay trách móc gì, và cũng thông cảm với tình thế của tôi. Chỉ còn có thể khuyên như anh em giữ riêng lý tưởng chống đế quốc và giành độc lập, tự do cho dân tộc, và dù ở đâu cũng tìm cách thực hiện lý tưởng cao cả đó.

Anh em ở Quảng Châu triệu tập một buổi họp ở khu Đông Sơn. Tối hôm đó, tôi và anh Văn tới chỗ hẹn, vừa rẽ dần vào đầu phố, thì bỗng nghe tiếng quát :

- «Đi đâu, làm gì ! Đứng lại !»

Không khỏi giật mình. Ba người lính đã đứng ngay trước mặt. Chắc anh Văn đã quen với cảnh này rồi, nên anh điềm tĩnh đáp :

«Chúng tôi là sinh viên, trường Đại học Trung Sơn, ra phố mua ít đồ...» Anh chuẩn bị rút thẻ sinh viên ra, nhưng mấy người đó trông thấy mình cũng nhe nhả, không có gì khả nghi, nên vẫy tay cho đi.

Đền hợp có mười mấy người, trong vài phe phái. Có ít nước trà và kẹo vùng. Cùng một cảnh ngộ, trò chuyện rất thẳng thắn và thân mật với chủ đề là thái độ trước tình thế cần như thế nào và nên ở hay nên rời đi.

Vấn đề vẫn như trước, tức là ai cũng tán thành kháng chiến, nhưng không ai thấy có thể hợp tác với Việt Minh, không ai muốn đi với Bảo Đại. Có người đề nghị hãy cứ bí mật tìm về khu kháng chiến, để tìm ra những chỗ có thể hoạt động được. Một ông cao tuổi nghĩ hãy sang Thái Lan ở, rồi tìm cách về nước sau, vì ở Thái có rất nhiều người Việt mà có đường xâm nhập vào trong nước. Song những con đường như thế rất khó thực hiện.

Phần lớn anh em đó đã lục tục rời về Hong Kong. Vừa lúc ấy, có tin một anh em trong nước ra muốn gặp, tôi gắng ra Hong Kong một chuyến. Hồi đó, đi lại còn dễ dàng, không cần có giấy xuất cảnh chính thức, chỉ cần một tờ chứng minh từ khu phố là có thể qua được cầu La Hò sang Cửu Long.

Từ Cửu Long đáp tàu qua Hong Kong phong cảnh vẫn đẹp như xưa với muôn ngàn ánh sáng đèn đủ màu chiếu xuống mặt biển. Lần này, tôi lại ngồi taxi đến chón cũ, khách sạn Victoria, gần Quần Ngựa, nơi cựu hoàng Bảo Đại từng trú ngụ. Gặp lại anh Phạm Khải Hoàn thực là vui mừng, vì được biết tình hình trong

nước. Anh giả dạng một nhà buôn, từ Hải Phòng tới. Mà trông anh tròn trĩnh, phúc hậu, lại thêm bộ râu mép, giống nhà buôn thực, trông anh ai biết là một nhà cách mạng trong ban lãnh đạo Quốc Dân Đảng Việt Nam ?

Cầm ly cà phê nóng, anh trầm ngâm, lắc đầu :

- «Phức tạp và khó khăn lắm... Chúng ta rất khó hoạt động».

Anh cho biết, trước tình thế mới, do sự thắng lợi của Trung Cộng, quân Pháp đã gặp trở lực mới, Việt Minh bắt đầu phản công, nhất là tại biên giới. Một số người quốc gia buộc phải đi với Pháp để có chỗ dung thân. Vì thế, Pháp cố đồ diệt cho kháng chiến Việt Nam toàn là cộng sản, và tìm cách dụ nhiều người về với mình, đồng thời lôi kéo Mỹ, Anh tới giúp. Chính phủ Bảo Đại đã được thành lập sau khi hiệp ước vịnh Hạ Long được ký, nhưng không được dân chúng ủng hộ vì núp sau lưng lê của Pháp để đánh bại dân mình thì rất khó ăn nói. Nhưng một mặt, chính sách khủng bố của Việt Minh và đời sống quá khó khăn tại khu kháng chiến cũng khiến cho một số quần chúng phải trở về thành.

Anh Phan Trâm vẫn phải tránh trong tòa Lãnh sự Dân Quốc Trung Hoa tại Hà Nội. Tin tức cho biết, anh Vũ Hồng Khanh cùng Hoàng Nam Hùng, Triệu Việt Hưng

mộ được mấy ngàn chí nguyện quân Tàu đã đưa vào vùng Lạng Sơn, Bắc Giang, nhưng không có kết quả gì, một là vì đó chỉ là một số ô hợp không mục đích rõ rệt, hai là bị sức ép từ hai bên, Việt Minh và Pháp, không có chỗ đứng. Chóng chầy thì cũng phải tan hàng hoặc theo về với Pháp. Sau đó, ai cũng biết, anh Vũ đã theo chính phủ Bảo Đại, để rồi giữ chức Bộ trưởng Bộ Thanh Niên trong chính phủ bù nhìn Nguyễn Văn Tâm.

Anh Hoàn cho biết, gia đình mọi người tại khu Pháp chiếm vẫn sống yên ổn, tuy rất chật vật.

Hôm sau, chúng tôi gặp anh Tam và vài anh em ở Hong Kong để bàn thêm về thời cục và đường lối hoạt động, làm sao gây được lực lượng của mình trong tình thế rối ren này. Anh Hoàn có gợi ý khả năng dựa vào một số lực lượng, quân sự tại miền Nam, bề mặt đi với Pháp, nhưng có thể hoạt động biệt lập nếu có cơ hội. Mọi người cũng đồng ý về kế hoạch này, vì trên thực tế lúc đó - tại khu Pháp còn có khả năng hoạt động trong một phạm vi hạn hẹp, nhưng tại khu Việt Minh thì không làm nổi. Song thực hiện được điều đó đâu phải là dễ dàng.

Đây là lần cuối cùng tôi gặp anh Phạm Khải Hoàn. Chúng tôi đồng ý để anh Tam hãy ở ngoài tỉnh dưỡng, cho khỏi bệnh suy nhược thần kinh, đợi có cơ hội tốt sẽ

hay.

Trước khi về lại Phật Sơn, tôi qua Cửu Long để thăm một số người Việt sinh sống tại đây. Những anh em này vì nhiều nguyên nhân phải đến Hong Kong để làm ăn. Toàn là thợ thuyền hay làm công lật vật, chỉ đủ tiền ở chung mấy gác xép hay căn nhà lợp bằng tôn trên sườn núi nắng chang chang trong những xóm cùng đinh nhan nhản tại ngoại thành. Họ không có mục đích chính trị rõ ràng, nhưng đều muốn thấy nước nhà độc lập, sớm được trở về. Mỗi khi tôi đến, đều vui vẻ tụ họp với nhau trong một quán ăn nghèo để uống trà hay ăn bát mì, bát phở bò kho rẻ tiền. Tôi cũng góp vài đồng Hong Kong, để chung một bữa ăn cởi mở, thân mật, đã quên cả ưu sầu, lo âu trong cuộc đời lưu lạc. Họ đều biết tôi và rất mến tôi, vì đâu cũng sống cuộc đời giống như họ.

Tôi đến, về nhà một anh em, trải chiếu xuống sàn, nằm tâm sự :

- «Trông anh, ai biết là bác sĩ, nhà báo, lại là một nhân vật cách mạng ?» Một người trẻ tuổi nói.

- «Thì có như thế, anh ấy mới nằm ở đây với chúng ta !»

Nhưng một người đứng tuổi nói, có vẻ tiếc rẻ :

- «Ừa trời ! Nếu anh chịu ở đây, rồi mở phòng khám bệnh thì chắc kiếm được nhiều tiền lắm !»

- «Nếu để làm bác sĩ kiếm tiền thì anh ấy đã làm ở Việt Nam rồi, việc gì phải tới đây ?» Một anh xen vào. «Mỗi người một hoài bão, không thể ví được !»

- «Bao giờ anh trở về Việt Nam ?» Một người hỏi.

- «Muốn thì muốn lắm, nhưng hiện thời chưa thể về được...» tôi đáp.

- «Còn chúng em thì «tứ hải nhất gia» - bốn phương đâu cũng là nhà. Trở về cũng chẳng ích gì cho ai !»

Mỗi người một cuộc đời, ai cũng có hoài bão riêng của mình. Vận mệnh đã xô đẩy chúng ta đến đất này. Và tương lai sẽ ra sao, hay chỉ là bèo nước tương phùng, rồi dạt đi nhiều ngả.

40, 50 năm sau không ngờ vẫn được nghe câu hỏi như thế, và thường tôi cũng trả lời như thế và vẫn chỉ trả lời được như thế. Song, không bao giờ tôi quên được những anh em chất phác nhưng đầy nhiệt tình tôi đã từng gặp, ở Hong Kong cũng như ở nhiều nơi khác, những người Việt đầy hoài bão, hay ngay cả những người nước khác.

Một ông bạn người Hoa ở Cửu Long, có một xưởng nhuộm vải, tuy không quen biết nhiều, nhưng vì mến ý chí của những người Việt yêu nước, nên mỗi khi tôi ra, ông cũng khấn khoản mời đến tận nhà tạm trú. Và khi tôi từ biệt, ông sốt sắng gói cho tôi ít quà và tặng một số tiền. Không muốn nhận tiền tặng, nhưng trước vẻ chân thành của ông, tôi đành lấy một số nhỏ. Nghĩ đến chân tình của ông bạn, và nhớ đến khuôn mặt tin cậy của các anh em, tôi không khỏi rung rung nước mắt.

Tôi vẫn còn nhớ tới tận ngày nay, ông hàng thịt không quen biết ở Bạch Hạc Đông, không chịu mua cái áo khoác của tôi, mà tự động cắt cho tôi một miếng thịt khá lớn, bảo tôi cứ lấy trước rồi bao giờ có tiền trả lại cũng không muộn. Ông còn thêm một câu : «Trời còn lạnh đấy, ông cần áo mặc».

Nhưng điều lạ hơn nữa, là việc này lại tái diễn ở Phật Sơn. Hơn tháng trước đây, vì số tiền lương giáo viên của Liên quá ít ỏi, không đủ trang trải mọi thứ chi tiêu, tuy đã rất tận tiện. Một lần ra chợ phố An Ninh, qua hàng thịt bò, tôi suy nghĩ nhà hết thịt mà cháu bé đương cần ăn, định mua một miếng nhưng sờ túi tiền quá ít tiền. Đương ngần ngại thì ông hàng thịt, còn rất trẻ tuổi, vui vẻ lên tiếng :

- «Ông muốn mua thịt à ?»

«Vâng, đúng thế. Nhưng tôi không mang đủ tiền.». tôi miễn cưỡng đáp. Không ngờ, ông lôi luôn một miếng từ trên móc xuống, đưa vào tay tôi.

- «Không hề gì. Ông cứ lấy trước, rồi sau này có dịp ông trả tiền cũng không sao».

Tôi ngạc nhiên. Vì dù tôi có đến mua mấy lần, xong ông chẳng biết tôi là ai, ở chỗ nào ? Thì sao ông lại tin ở tôi. Rất có thể tôi không quay trở lại nữa. Tôi bèn cầm lấy thịt, và cảm ơn ông, nói sẽ trả tiền ngày mai. Ông xua tay :

- «Không quan hệ, không quan hệ gì. Việc nhỏ».

Thái độ chân thật của ông đến bây giờ tôi vẫn còn nhớ. Cũng kỳ lạ, mấy tháng sau, khi tôi đã vào làm bác sĩ tại bệnh viện, chúng tôi lại gặp nhau. Lần nay, ông là một bệnh nhân. Lúc khám xong, tôi cười bảo ông :

- «Bây giờ tôi không còn rồi để đi mua thịt bò nữa.».

Cả hai đều cười thích thú. Ông nói :

- «Biết rồi mà, trước đây tôi không ngờ ông là bác sĩ, nhưng tôi biết ông là người đàn ông đáng tin.».

Về sau, ông và gia đình trở thành bệnh nhân chăm chỉ của tôi; đi đến đâu cũng nói bác sĩ Nguyễn là người tốt.

Nhưng không rõ ông có nói với ai tôi là người đã mua chịu hàng của ông không ?

Nghĩ cho cùng, nếu không trải qua những cảnh ngộ đặc biệt thì không bao giờ gặp những người đặc biệt. Những sự tao ngộ ấy đã đúc lại lạc quan cho tôi, ở trong những ngày gian nan, và tôi tin chắc trên đời vẫn có nhiều người tốt, nhiều người có lòng người. Đó là điều đã khiến cho tôi đứng vững được qua nhiều cơn sóng gió, mà không bao giờ cảm thấy tuyệt vọng ?

Dù ở đâu, trong hoàn cảnh nào, người ta cũng cần sống một cách lạc quan, vui tươi. Mùa đông gió lạnh tại Quảng Đông, có khi trời rét như cắt, tê cả tại, còn rét hơn ở Hà Nội nhiều. Gió thổi vù vù trên đường phố ảm đạm. Trên con sông Phân Giang lạnh lẽo, ánh đèn le lói hắt ra từ những con thuyền nhỏ đậu bên bờ ban đêm. Tiếng còi xe hỏa xa theo gió tạt về trên các nóc nhà, sao giống như tiếng còi xe hỏa cũ năm xưa, khi sắp tới ga Cẩm Giàng nằm cô đơn giữa đồng ruộng - nó đã diết xói vào tim của người phiêu bạt.

Cũng có lúc, ngồi bên bờ sông, tôi tự hỏi sao lại tới đây và để làm gì ? Tại sao lại chọn một con đường lạ lùng, khó khăn và nguy hiểm, đi tìm một lý tưởng nào đây ? Những thất bại cay đắng trong giai đoạn lịch sử vừa qua, nỗi đau thương của bao người, bao thanh niên

đầy nhiệt huyết đã dần thân, nhưng đã mất đi hay bị vận mệnh đẩy ra khỏi tổ quốc - cũng không có cơ hội để trực tiếp chiến đấu chống đế quốc thực dân; tất cả những cái đó dồn dập trong đầu óc tôi. Nhưng không thể, không còn thể ủy mị, bàng hoàng. Chỉ có thể tiến lên, theo con đường đã định.

Chương IV - Tết Lưu Vong Đầu Tiên Tại Trung Cộng - Được Nhận Vào Làm Bác Sĩ Tại Bệnh Viện

Đêm giao thừa năm nay tuy trong thời kỳ mới, song cũng tới một cách yên bình. Người cộng sản cũng chủ trương ăn Tết như thường, không có cấm đoán gì, trừ tụ họp đông người ở đường phố. Các cơ quan được nghỉ ba hôm liền, đó là điều ít ai ngờ tới.

Chiều 30, ngoài chợ và các phố cũng có cảnh đào thủy tiên, chậu quất, hoa cúc, tuy không náo nhiệt cho lắm. Vùng này qua Tết, người ta ăn những bánh rán nhỏ, không có tục ăn bánh trung, nhưng có có hạt sen, mứt. Chúng tôi cũng dắt nhau ra phố mua ít hoa, bánh cùng thịt gà, cá về kho lồi Việt Nam. Cố tìm mãi, mới thấy mấy cái bánh trung nhỏ lồi Quảng Châu.

Về đến nhà, không khí rộn rịp, tung bừng khác thường. Nhà nào nhà ấy quét dọn sạch sẽ, dán những câu đối viết trên giấy màu đỏ. Mùi thơm phức bay ra từ các chảo rán bánh. Mấy gia đình cùng nhà mang bánh đến tặng, khiến bé Lan cười sung sướng. Chúng tôi cũng lấy hoa quả tặng lại. Nửa đêm, tiếng pháo nổ ran, tuy thừa thớt vì Ủy ban quân quản khuyến cáo nên hạn chế vì tình thế và nhiều nhà giàu đã bỏ đi.

Sáng hôm sau, mùng một, ai nấy đều dậy sớm, mặc quần áo đẹp nhất, rồi chúc Tết nhau phát tài, mạnh khỏe. Người lớn thì phát «lì xì» - phong bao cho trẻ em; đương nhiên bé Lan cũng được mấy phần.

Vui nhất, là chuyến xe lửa sớm đưa anh Văn và hai bạn học người Cao Ly từ Quảng Châu tới thăm và «xông nhà». Họ mang mứt và hoa quả tới sau khi đi dạo phố một hồi, về nhà ăn bữa cơm «quốc tế» đặc biệt - vì sáu người mà có những ba quốc tịch : Việt, Trung, Hàn. Thêm vào đó, có rượu mùi Quảng Đông đậm đà, bữa cơm này cũng đủ phong phú để đều no say.

Cơm xong, thì tới phần ca hát. Tiếng đàn măng đô lin đệm những giọng hát Việt, Hàn quái lạ, nhiều khi sai sai điệu và nghe như lệnh vỡ, nhưng cũng hấp dẫn được một số đông thính giả trẻ con vây quanh trở mắt nhìn ra vẻ thưởng thức. Thời thế ra sao, hãy tạm quên một bên. Hãy vui chơi đã. Chung quanh hàng xóm có người thấy lạ, chạy sang nhòm mặt bọn người kỳ quặc này không biết ở đâu tới ?

Đã quyết định ở lại thì việc cần thiết trước mắt là tìm việc làm. Một thử thách khá gay go. Lúc này, cái nghề cách mạng hay viết báo ở đây thực là vô dụng. Tiếng Quảng Đông của tôi nói còn tầm tầm nghe được, nhưng viết chữ Hán thực là phiền phức. Tôi đâu có học viết

theo lối chính quy, nên chữ viết lệch lạc như gà bới. Bây giờ nghề làm thầy thuốc lại có dụng, nếu trước kia học Luật chẳng hạn thì chỉ có thể đi làm thợ thuyền hay bán hàng.

May không ngờ. Khi vợ tôi ngỏ ý với ban giáo dục trong ban quân quản yêu cầu một chân bác sĩ cho tôi, thì họ tỏ vẻ hoan nghênh. Có lẽ lúc đó các bệnh viện đều cần người, nên không bao lâu sau, tôi được gọi làm tại một bệnh viện cấp tỉnh ở đây - Đệ Tam Y Viện. Tôi đương lo vì lúc ấy chỉ một bằng bác sĩ do bác sĩ Hồ Đắc Di ký tên, đại diện cho trường Đại học Y Khoa Hà Nội, nhưng lại không có ảnh ! Thì cứ liệu gửi đến Bộ Y Tế Trung Ương ở Bắc Kinh xét xem và cấp chiếu (tức license). Tháng sau, thì nhận được cấp chiếu y sư chính thức từ Bắc Kinh gửi về, thế là xong xuôi. Trên thực tế, khi có được cấp chấp chiếu chính thức rất ít. Nhiều y sĩ trong thành phố đều chỉ được cấp chấp chiếu lâm thời, và còn phải qua một kỳ thi. Cũng kỳ cục là tôi được cử vào ban giám khảo !

Tháng 2 năm 1950, tôi bắt đầu làm việc tại bệnh viện. Cũng phải sắm vài bộ quần áo, vài đôi giày soàng soàng cho ra vẻ một ông thầy thuốc. Được cái, không ai chú ý lắm, vì đều phải theo trào lưu công nông, bình dân hóa.

Bệnh viện nằm ngay bên bờ sông, tuy cũ kỹ song cũng khá rộng, trang bị không tân tiến lắm, chỉ đủ ứng phó với những trường hợp không quá phức tạp. Không có giám đốc, lúc này chỉ có một bà đại diện ban quân quản - mỗi cơ quan lớn đều có một đại diện, coi như chính trị viên trong quân đội. Bà tỏ vẻ vui mừng thấy tôi tới, có lẽ đúng lúc có một bà bác sĩ nghỉ đẻ, thiếu bác sĩ nhi khoa.

Lúc đầu, không nặng nhọc lắm, vì bệnh nhân không nhiều kẻ cả trong phòng bệnh. Khó khăn nhất là về ngôn ngữ, nhiều khi khó giải thích cho người bệnh rõ. May mà có một cô y tá là Hoa kiều từ Nam Dương về, người nhỏ nhắn và nhảnh nại, giúp tôi bớt lúng túng. Dần dần, dân chúng cũng đồn có một ông bác sĩ người Việt Nam, thái độ tốt; có người gọi tôi là bác sĩ nước bạn... người đến khám ngày càng tăng lên.

Vậy, điều quan trọng nhất là tiền lương thì thế nào ? Tôi thấy chính sách «lưu dụng» những nhân viên cũ của Trung Cộng cũng tốt, họ vẫn giữ lại những người cũ, trừ một vài người «có vấn đề» bị đào thải hay tự bỏ đi. Mức lương vẫn giữ đại khái như trước, mà lương nhân viên y tế thường cao hơn các đơn vị khác. Cho nên tôi cũng bằng lòng với số lương là 3 tạ gạo một tháng, thuộc hạng trung bình, gấp đôi số lương giáo viên của

Liên, lúc đó đã được tăng lên một tạ rưỡi. Lương hải người cộng lại tạm gọi là đầy đủ.

Hôm đầu, về đến nhà, mọi người đều đổ xô ra mừng ông. bác sĩ mới. Tuy ở trong cảnh bèo nước giang hồ, chúng tôi không khỏi xúc động. Mà họ toàn là những người nghèo, buôn bán vặt, làm thợ húi tóc, hay đương thất nghiệp. Ai cũng mến chúng tôi, có lẽ vì thấy chúng tôi cũng cùng cảnh ngộ, và cũng dễ dãi bình dân như họ, mặc dầu họ vốn chưa biết rõ lại lịch. Và cho đến về sau, mãi mãi họ vẫn là những người bạn tốt, có người là bệnh nhân thường xuyên của tôi, lại tuyên truyền không công cho tôi.

Vào làm trong bệnh viện, chúng tôi tưởng chỉ sẽ làm nhiều nhất là hai, ba năm, rồi sau đó sẽ về nước. Không ngờ, vì hoàn cảnh khách quan, cứ làm ở Phật Sơn này ba năm, năm năm, rồi mãi mãi, kéo dài tới gần 40 năm. Và chúng tôi cũng không từng nghĩ tới, sẽ được gặp, sống trong những kinh lịch kỳ lạ, không thể tưởng tượng được dưới thời Mao Trạch Đông. Đó là chuyện về sau.

Tuy công việc không nặng nhọc lắm, nhưng bắt đầu gặp một nỗi khổ nhất của chế độ cộng sản - đó là chế độ học tập chính trị. Đối với đảng CS, học tập chính trị là quan trọng nhất, với mục đích uốn nắn tư tưởng của mọi người theo chủ trương «cách mạng» chung - tức

chủ nghĩa Mác-Lê, tư tưởng Mao, và vào một khuôn phép duy nhất.

Từ thứ hai tới thứ sáu, tối nào cũng phải học tập hai tiếng đồng hồ, không được khuyết tích trừ khi ốm. Chế độ này thực là giết người, vì ban ngày đã làm mệt phờ bảy tám tiếng, nhưng đến tối lại phải trở về đơn vị ngồi hai tiếng đồng hồ ! Đọc văn kiện khô khản, rồi thảo luận lải nhải một chiều, không ai dám nói ngược lại cả, thành thử nó buồn tẻ lạ thường, xem ra ai cũng buồn ngủ riu cả mắt, kể cả tôi. Cả bà đại diện quân quản có khi cũng phải lấy tay che mồm để ngáp trộm.

Ai cũng phải chịu đựng. Nhưng một hôm, một anh chàng trẻ tuổi làm trong phòng thí nghiệm, chắc là chán ngán và tức tối đến cực điểm - khi thảo luận đến vấn đề bóc lột địa chủ và giai cấp tư sản, bỗng lớn tiếng nói :

- «Theo chỗ tôi nghĩ, còn một thứ bóc lột nữa...» anh ta dừng một giây, mọi người ngơ ngác trở mắt nhìn «đó là bóc lột thời gian của người khác... như hiện nay, mỗi tối bắt buộc học thêm giờ học tập không lương... mà chẳng có hiệu quả gì»

Im lặng. Vẻ mặt bà quân quản lúc đó thực khó tả, sắc mặt như tím lại, đôi môi mím chặt. Nhưng chẳng lẽ nổi cơn giận, quát tháo - thì mất phong độ nhà lãnh đạo...

Nén giận, bà ngắt lời anh và giảng dạy một tua về sự cần thiết của học tập, sợ học tập chính trị là lạc hậu, là thiếu giác ngộ cách mạng v.v... Hôm sau, anh được mời riêng vào phòng giấy để bà huấn thị rất lâu. Kết quả là anh không nói ngang ngửa nữa, nhưng lúc học tập cũng khó cầm được anh ngáp trộm, chảy nước mắt. Một điều lạ nữa là, không lâu sau, khi tuyên tổ trưởng học tập chính trị, đa số đều giơ tay bầu tôi, và ngay bà quân quản cũng giơ tay đồng ý. Bà nói, dù là người ngoại quốc, nhưng cũng có thể làm tổ trưởng vì chúng tôi tín nhiệm ở ông. Lý do : tôi am hiểu ít nhiều về vấn đề chính trị, và người ta muốn đẩy cho tôi cái gánh nặng không ai thích gánh. Kỳ thực, học thuộc vanh vách mấy mớ lý luận đâu phải là khó lắm, còn mình nghĩ sao thì lại là chuyện khác.

Có lẽ thấy tính tình tôi giản dị và cởi mở, những đồng sự trong bệnh viện đều rất mến. Khi vợ tôi sắp đến ngày sinh cháu thứ hai, biết chúng tôi không có họ hàng thân thích, bệnh viện vui lòng cho vào nằm sớm tại khoa sản. Cảm động nhất là biết chúng tôi nghèo, các đồng sự tự động tổ chức quyền góp để giúp đỡ sinh nở. Tuy chúng tôi hết sức thoái thác và cảm tạ, họ cứ cho đại diện đến mang tiền đưa tận tay. Số tiền không là bao, nhưng rất có ý nghĩa vì phần lớn họ cũng nghèo cả. Sự giúp đỡ tận tình này đưa lại niềm an ủi và khuyến khích

cho chúng tôi trong lúc cô đơn, và càng thấm thía thấy rằng bất cứ ở đâu, dân tộc nào cũng có những người tốt.

Dù đã lâu không đụng đến ông nghe, tôi tự thấy cần phải trau dồi kỹ thuật để ứng phó với công việc và một mặt cần phải tận tâm chăm sóc người bệnh. Ở đây, dân chúng mến những bác sĩ nào vừa có y thuật vừa có y đức. Nếu mình cố gắng làm tròn nhiệm vụ, thì bệnh nhân rất nhớ ơn. Tôi còn nhớ một lần, vừa tan tầm, buổi chiều sắp bước ra khỏi cửa nhà thương thì có hai vợ chồng vội vã bế một đứa bé gái độ 8, 9 tuổi vào phòng thường trực. Y sĩ gác hôm đó xem qua thấy bệnh quá nặng, đứa bé gần tắt thở vì bệnh yết hầu và bảo chuyển ngay tới bệnh viện lớn ở xa. Hai vợ chồng lay van xin cứu ngay. Ông y sĩ hỏi ý kiến tôi; theo chỗ tôi thấy nếu mà chuyển đi chỗ khác thì có cơ tắt thở dọc đường (lúc đó bệnh viện không có xe cấp cứu) - chỉ có cách là mổ cổ họng là có thể cứu ngay được, và thủ thuật này cũng giản dị, chỉ cần lấy mũi dao nhọn, rạch đôi cuống họng là sẽ thở được ngay. Lập tức do cô y tá chính dẫn vào phòng mổ, lấy con dao và một ống dẫn hơi, sau khi tiêu độc, rồi tôi rạch ngay một vết. Cùng với hơi đờm và ít máu từ trong phun ra, con bé nay thở bằng vết mổ đó, rất nhanh khôi phục được tỉnh táo, sắc mặt từ xám biến thành hồng, mở được mắt nhìn mọi người dưới con mắt vui mừng không thể tả nổi của bố mẹ.

Vấn đề ở đây là một số y sĩ không được huấn luyện về những kỹ thuật cấp cứu giản dị và hữu hiệu, hai nữa, họ có thói quen là nếu thấy hơi nặng là đẩy đi nơi khác. Cách mổ cuống họng kẻ trên ai cũng có thể làm được, chỉ cần biết qua giải phẫu. Còn có thể cứu người khi có vật gì làm nghẽn cổ họng.

Chín năm sau, đứa bé này đã trở thành một thiếu nữ, và đến xem bệnh với vết sẹo ở cổ. Tôi hơi ngờ ngợ, thì ông bố đã bước vào, cúi đầu chào và nói đùa :

«Con có biết không ? Chín năm trước đây, bố mẹ định vứt con ở nhà thương này, coi là mất rồi; toàn nhờ bác sĩ Nguyễn nhặt lại trả cho bố mẹ đây !» Vừa nói ông vừa rơm rớm nước mắt.

Tình cảm của người bệnh nhiều khi đáng quý. Một thí dụ : một bà cụ mắc bệnh ung thư đã đến kỳ không có cách chữa. Nhưng thấy bà cụ đi lại khó khăn, mỗi chiều thứ bảy tôi thường đến tận nhà khám bệnh và cho thuốc an ủi, đỡ đau. Bỗng một hôm, người con tới bệnh viện tìm tôi, vừa khóc vừa bảo là mẹ anh đã qua đời; trước khi mất bà để lại di chúc bảo anh ta phải đến tìm bác sĩ Nguyễn và viết một bức thư cảm tạ.

Một lần, đương ngồi ở phòng khám bệnh, thấy ngoài buồng đợi có người xúm xít quanh một nông dân, trông rõ mới biết là ông này gánh hai bó mía rất to. Hỏi ra thì ông định mang mía tới tặng tôi và mấy người y tá, vì đã chữa khỏi bệnh cho con ông. Tặng quà cũng là thường hồi đó nhưng vác hai bó mía khó nhọc từ nông thôn tới quả là ít thấy. Chúng tôi không thể từ chối được tấm lòng chân thành của người bệnh, bèn phải nhận và mang mía phân chia cho mỗi người một cây, ai nấy đều vui vẻ. Ai cũng cảm động mà mía cũng rất ngọt.

Đời làm bác sĩ nhiều lúc vất vả, nhưng có những an ủi riêng, những nghề khác không có. Cho nên, dù là chỉ có tính toán tạm thời, dần dần tôi cũng thấy yêu nghề hơn, cũng thấy những con người bình dân ở đây đáng mến hơn, và gần mình hơn.

Giữa năm đó, khu vực Hoàng Hà, tỉnh An Huy miền Trung Trung Quốc mắc lụt lớn, thiệt hại và chết chóc rất nhiều. Các nơi có một cuộc quyên tiền và đồ vật. Chúng tôi, tuy sống còn eo hẹp, cũng gắng quyên đôi chút, gọi là góp chút ít vào dân chúng bị tai nạn.

Chương V - Cải Cách Ruộng Đất - Ra Hong Kong Gặp Các Anh Em - Chiến Tranh Triều Tiên

Giữa năm 1950, có mấy sự kiện quan trọng đánh dấu thời kỳ đó. Một là, tại miền Nam Trung Quốc, đảng Cộng Sản phát động vận động cải cách thổ địa. Hai là chiến tranh bùng nổ ở bán đảo Triều Tiên, giữa Bắc Hàn, với Trung Cộng, Nga Sô một phía, và Nam Hàn, với Hoa Kỳ, một số nước Đồng Minh tại phía Nam. Ba là, tại Việt Nam, do sự giúp đỡ của Trung Cộng, quân đội Việt Minh đã lấy lại chủ động và sửa soạn tấn công vào miền Cao Bằng - Lạng Sơn. Bốn là, một chính phủ lâm thời đã được thành lập tại miền Nam. Cục thế chung đương ở vào một giai đoạn chuyển tiếp sẽ đưa tới biến động mạnh.

Tôi rất quan tâm đến vấn đề cải cách ruộng đất. Vì đây là một cuộc cải cách căn bản của chế độ cộng sản, với mục đích tiêu diệt giai cấp địa chủ và chia ruộng cho nông dân, bước đầu để tiến tới tập thể hóa, thành lập hợp tác xã. Tiêu diệt được địa chủ và phú nông, coi như là kẻ địch ở nông thôn đã hết, chính quyền cách mạng sẽ có cơ sở vững chắc vì chỉ còn có trung nông, bản cố nông tồn tại. Bước sau nữa, sẽ là tiêu diệt giai cấp «tư sản mại bản» ở thành phố, tức là giai tầng tư sản

nhưng lũng đoạn kinh tế và có quan hệ mật thiết với tư bản ngoại quốc. Còn đối với giai cấp «tư sản dân tộc» bậc trung, thì chính sách sẽ là cải tạo dần dần bằng cách «chuộc lại» theo kiểu Lênin đề xướng.

Sau khi bình định toàn quốc, tiêu diệt thổ phỉ, bây giờ là bắt đầu thời kỳ vận động chính trị và cải tạo xã hội.

Cải cách ruộng đất, chia đều ruộng đất, không phải chỉ có các nước CS mới thực hành. Nhiều quốc gia cũng đã làm, nhưng chỉ là bớt một ít ruộng của điền chủ lớn, không có ý đồ tiêu diệt giai cấp địa chủ, và không dùng cách đấu tố. Tôi không phản đối cải cách ruộng đất lỗi này, vì chính tôi cũng đã mục kích cảnh nghèo cùng và khốn khổ của nông dân, cùng sự xa hoa, tàn ác của một số địa chủ, ác bá.

Học tập chính trị nay chuyển sang nội dung chính là về cải cách ruộng đất. Điều cơ bản về vấn đề này là học tập để hiểu rõ tính chất, tội ác, vị trí phản động của địa chủ, phú nông trong xã hội theo nguyên tắc lý thuyết Mác-Lê. Tiếp đó là bản «Luận thổ địa cải cách» do Lưu Thiếu Kỳ soạn, trong đó có quy định rõ ràng thế nào là địa chủ, phú nông, và địa phú là kẻ địch của cách mạng, không thể thương hại. Cách làm chính là phát động và tổ chức hàng ngũ bần cố nông đứng lên tố khổ», bắt địa, phú phải nhận tội trước nông dân. Tịch thu ruộng đất

của địa-phú, chỉ để một mảnh vừa đủ cho làm ăn.

Trên lý thuyết, thì nghe cũng không đến nỗi ghê gớm quá. Nhưng tôi cũng đã được nghe nói về những sự đầu tở, hành hạ khủng khiếp, những án tử hình đối với bọn cường hào, ác bá hay những phần tử ngoan cố, phá hoại (hay bị gán là thế), và về cuộc cải cách ruộng đất tại Nga Sô với bao nhiêu kẻ chết oan uổng hay bị đẩy đoạ.

Muốn để biết tận chốn, mắt thấy tai nghe, tôi ngỏ lời với ban quân quản, xin đi tham dự vào một đội y tế trong đoàn thổ cải, để phục vụ cho nhiệm vụ quan trọng này. Nhưng ban quân quản không đồng ý, nói là ở thành phố hiện nay rất cần bác sĩ. Tất nhiên, họ không nói ra rằng không thể để một người ngoại quốc tham dự trực tiếp vào nội bộ, mà đây là một vận động đặc biệt.

Đành vậy, tôi chỉ có thể biết qua về cuộc cải cách theo những báo cáo, những tin tức bên lề đường và những tin đồn lan tràn trong xã hội. Nên nhớ rằng, nhiều người ở thành thị có gia đình là địa-phú ở nông thôn. Cho nên, ít nhiều, cũng có những chuyện về cách tổ khổ, đấu tranh, đánh đập dã man, xử tử, và tự sát - luôn được đồn đại. Chỉ có một lần, tôi mục kích một số người bị trói giật khuỷu tay, đứng trên xe hơi, diễu qua phố, nghe nói là đưa đi xử án tại huyện Nam Hải, sát cạnh Phật Sơn. Nhưng ngay trong thành phố, không thấy có mấy xáo

trộn.

Cuộc vận động này kéo dài độ gần một năm.

Đời sống gia đình chúng tôi nay thêm khó khăn với sự ra đời của một cháu gái nữa - cháu Hứa Linh. Được cái nó bụ bẫm và lại ngoan ngoãn. Vì cả nhà đều phải đi làm suốt ngày, tôi phải học tập, nên chúng tôi phải mướn người vú già để trông coi hai đứa trẻ và nấu ăn. May mà nhân công dạo ấy quá rẻ, nhiều người thất nghiệp, nên cũng còn gánh nổi. Và cũng may, đến cuối thu, các cơ quan nhà nước đều xét lại lương bổng cho đúng quy tắc.

Tiền lương tạm thời của tôi mọi người đều bình là quá thấp. Và đồng sự lại bình cho tôi cao hơn nhiều vị đã làm lâu năm, chỉ kém ông chủ nhiệm một bậc. Cấp trên quyết định là bẫy tạ gạo, sau đổi trả bằng tiền «nhân dân tệ» - xem ra họ cũng không bạc đãi. Tiền lương của Liên cũng được thăng hai bậc; sung túc hơn trước. Chúng tôi bèn dọn nhà, đến thuê ở một nơi rộng rãi sáng sủa hơn.

Bỗng có tin từ ngoài cho biết, một số anh em ở Vân Nam trong đó có anh Xuân Tùng, đã rời Côn Minh bằng đường bộ qua Quảng Châu, Quảng Tây, sau một cuộc hành trình cực nhọc đã ra tới Hong Kong.

Tôi nhớ tới những anh em Quốc Dân Đảng Việt Nam còn ở lại Vân Nam, gồm cả những người mới tới năm 1946 và những người kỳ cựu vẫn ở đây từ trước. Khi cộng sản tới, tất nhiên các khu bộ đều phải ngừng hoạt động. Một vài đảng viên công khai đã bị công an xét hỏi, nhưng nghe nói chưa có bắt giữ ai. Một số anh em kiếm cách về nước; còn một số có gia đình vẫn ở lại làm ăn sinh sống, mặc dầu có thể bị làm khó dễ.

Thời cục không ngờ biến chuyển nhanh như vậy. Tôi lại phải ra Hong Kong một lần nữa để gặp gỡ nhau, nhất là đối với anh Xuân Tùng, đã từng cộng tác trong những ngày gian nan.

Lần này phải xin giấy thông hành của ban quân quản Tới Thâm Xuyên biên giới, phải ngủ lại một nhà trọ vừa ồn ào, vừa nhiều muỗi, khiến tôi trần trọc không sao ngủ được. Bao nhiêu anh em, nay phân tán mỗi người một ngả. Bèo trôi bao ngả, biết là về đâu ?

Về nước, nhưng về khu nào đây ? Ở lại Hong Kong, đâu có phải dễ sống ? Ở lại Trung Quốc, đời sống tạm ổn định, nhưng tương lai sẽ ra sao. Ngón ngang trăm mối bên lòng.

Hong Kong có vẻ đông vui hơn trước, có lẽ vì nhiều người từ Trung Quốc chạy sang lánh nạn. Tuy là thuộc

Anh Quốc, nhưng người Anh cũng không khát khe quá, và sinh sống, buôn bán cũng còn có điều kiện tốt.

Đã ba năm rồi mới gặp lại anh Xuân Tùng, từ ngày chia tay ở xóm Phục Hưng Tân Thôn. Tuy gầy và đen, nhưng anh vẫn còn điềm tĩnh, nói năng vẫn từ tốn. Một con người đã được rèn luyện trong mấy chục năm, nên dù quá khó khăn, gian nan, anh vẫn thản nhiên. Tài năng lãnh đạo của anh không xuất chúng, nhưng ý chí và kiên nhẫn anh có thừa.

Hai người ôm lấy nhau. Anh nhìn tôi, kinh ngạc kêu lên :

- «Anh gầy quá đi ! Tại sao vậy ?» Bây giờ tôi mới tự thấy là mình quá gầy. Vì suy nghĩ quá nhiều chăng ? Chứ đời sống ăn uống gần đây đã ổn định. Từ ngày mới gặp tới nay, như một người anh lớn anh vẫn cổ vũ và giúp đỡ tôi trong công việc từ lúc còn ở Hà Nội cho đến khi ra ngoài nước. Khi chúng tôi sang Quảng Châu, anh vui lòng nhận trách nhiệm nặng nề Hải Ngoại Bộ.

Ăn xong bữa cơm ngồi bên sườn đồi, nghe suối chảy róc rách, nhìn ra đồi núi, mặt biển xa xa, bàn chuyện có anh Tam, anh Gia Trí, anh Xuân Tùng, cùng với vài anh em khác. Có nhiều ý kiến khác nhau, tóm lại cũng là vấn đề có nên về nước lúc này không, và về đâu ?

Nếu ở lại, nay tình thế đã đổi khác. Trung Quốc đã về tay cộng sản, người quốc gia đã không còn hậu thuẫn. Có thể nói cả Trung Quốc và Việt Nam đã nhuộm đỏ, kết thành một khối, liên tiếp với Nga Sô và cả Bắc Hàn. Trung Quốc Quốc Dân Đảng chỉ còn có Đài Loan nhỏ bé. Mà Việt Nam, phần không cộng sản lại ở trong tay thực dân Pháp, lực lượng của phe Bảo Đại còn rất yếu và vẫn bị chi phối bởi quân đội Pháp. Người quốc gia chân chính không thể đi với quân xâm lăng.

Anh Tam, anh Gia Trí và một số anh em lúc đó vẫn thấy không thể về nước trong khu Pháp chiếm. Tôi cũng chủ trương ở ngoài quan sát tình hình mọi phía rồi mới quyết định hẳn sau. Anh Xuân Tùng ngỏ ý muốn trở về nước, hoạt động âm thầm; anh cho rằng hoạt động ở khu Pháp còn có hi vọng gây lực lượng riêng của mình, miễn là không đi hẳn với bọn thực dân. Điều anh nghĩ cũng thực tế vì anh là người không nổi ra ngoài, có về cũng không có ảnh hưởng lớn. Nếu như anh Tam một người có danh tiếng, nay lại trở về thì dân chúng sẽ coi là một người đi ngược với lý tưởng dân tộc.

Mấy ngày gặp gỡ vui mừng trên đất Hong Kong nhưng quá ngắn ngủi, rồi cũng phải ngậm ngùi chia tay. Đoàn chim Việt này, qua bao năm sát cánh chiến đấu, nay đã tản mác bốn phương. Ngày mai, tôi sẽ phải trở

lại lục địa Trung Hoa, sẽ khó còn cơ hội gặp mặt nhau nữa. Anh Vũ Hồng Khanh cũng đã về Hà Nội rồi. Mỗi người một ngả.

Sở dĩ hồi ấy, nhiều người từ nước ngoài hay từ khu kháng chiến bỏ về khu Pháp, không phải là vì thân Pháp, mà chủ yếu do chính sách độc tài hà khắc của đảng CSVN. Việt Minh khủng bố, giam giữ, và thủ tiêu nhiều người trong các phía khác, hay do xuất thân là quan lại, địa chủ, hay chỉ là vì hoài nghi có ý kiến hơi khác. Nếu có một chính sách đoàn kết rộng rãi hơn, cởi mở hơn thì công cuộc kháng có thể thắng lợi đã lâu, và đâu có nhiều người theo Pháp hay Bảo Đại ?

Điều này chứng tỏ ngay trong thời kỳ đầu tiên chống Pháp, CSVN đã chấp hành chủ trương vô sản chuyên chính, tiêu diệt tất cả những thành phần nào không hoàn toàn thuần phục, đã chấp hành ngay chế độ độc tài. Chủ trương dựa trên bạo lực này có thể đưa tới thắng thế một thời, song đã đưa đến tai họa cho cả dân tộc và là nền tảng của sự suy đồi cho cả chế độ ấy sau này.

Trở về Phật Sơn, đời sống gia đình, làm ăn của chúng tôi vẫn yên ổn như trước. Nhưng toàn Trung Quốc đã sôi động về cuộc chiến tranh mới, sự đụng độ giữa những đồng minh cũ trong thế chiến thứ hai - chiến tranh Triều Tiên.

Giữa năm 1950, Bắc Hàn, do Kim Nhật Thành lãnh đạo, đã đột nhiên phát động cuộc chiến tranh tấn công vào Nam Hàn. Cậy có Liên Xô và Trung Cộng làm hậu thuẫn, lấy cớ để thống nhất quốc gia, quân đội Bắc Hàn rất nhanh đã đánh bại quân Nam Hàn và chiếm gần hết miền Nam. Trước cuộc xâm lăng trắng trợn này, Liên Hiệp Quốc mở cuộc hội nghị khẩn cấp vào quyết định tổ chức một đạo quân quốc tế để ngăn chặn xâm lăng. Bộ đội quốc tế này - chủ yếu là quân Mỹ - đã đánh thọc sườn quân Bắc Hàn và rất nhanh, không những đẩy lui được quân cộng sản qua tuyến 38, còn tiến nhanh tới phía - biên giới Bắc Hàn - Trung Quốc.

Bắc Hàn có cơ hội diệt vong. Chiến tranh cũng có cơ uy hiếp đến miền Đông Bắc Trung Cộng. Trong tình thế khẩn cấp, để cứu nước cộng sản bạn, Trung Quốc quyết định tổ chức một đạo «chí nguyện quân», vượt qua biên giới, tấn công vào quân Liên Hiệp Quốc. Đạo quân này khá lớn, gần một triệu người, vũ khí do Liên Xô giúp đỡ. Một cuộc chiến tranh lớn bùng nổ lên, tại miền Đông Bắc Châu Á, làm rung động cả toàn cầu.

Một cuộc vận động dân chúng toàn quốc lấy tên là «Kháng Mỹ Viện Triều» được đẩy lên khắp các nơi. Đâu đâu cũng phải học tập ráo riết, về ý nghĩa cuộc chiến này là để phản kháng lại phe đế quốc - đứng đầu

là đế quốc Mỹ - muốn tiêu diệt Bắc Hàn, tấn công vào trận doanh cách mạng - tức Trung Cộng và Liên Xô và cuối cùng tiêu diệt trận tuyến chủ nghĩa xã hội.

Và cần nhắc cho mọi người nhớ rằng bọn Tưởng Giới Thạch nằm ở Đài Loan vẫn lăm le phản công đại lục, cho đặc vụ lén vào trong nước để cấu kết với những tội «phản động» phản cách mạng, âm mưu phá hoại quốc gia non trẻ. Những giai cấp phản động không bao giờ chịu nằm im. Vì thế, nhân dân cần phải cảnh giác cao độ.

Phần quan trọng nhất của học tập là nơi người đến phải «tỏ quyết tâm», «sẵn sàng hành động» để bảo vệ tổ quốc. Người trẻ thì đăng tên tham gia vào quân chí nguyện, người khác quyết tâm tăng gia sản xuất, nhân viên y tế có thể vào những đội y tế tự nguyện đi phục vụ nơi nào cần đến. Quyên tiền quyên đồ vật thì không thể thiếu.

Một công việc đặc biệt, chưa từng thấy trên thế giới, là «đề phòng chiến tranh vi trùng» mà «bọn đế quốc» sẵn sàng tung ra khi chúng thất bại. Muốn vậy, cả nước phát động cuộc «tổng vệ sinh ái quốc», phải quét dọn làm sạch các nơi và bảo trì «bốn hại» là ruồi, muỗi, rệp, chim sẻ và chuột. Toàn dân phải tham gia.

Kể thì người CS Trung Quốc cũng có tài phát động và tổ chức. Họ nói là làm được. Ai ai cũng phải quét dọn nhà cửa, phố xá, vườn tược, cống rãnh. Nhân viên y tế phải đi đầu, phải kiểm tra, thực là khổn khổ, vì thường phải làm thêm trong những giờ nghỉ. Là một bác sĩ, ngoài giờ làm việc, tôi cũng phải tham gia vào. Phải đi đập ruồi, nửa đêm phải đặt bẫy chuột, và phải định kỳ báo cáo chiến quả : bao nhiêu ruồi, bao nhiêu chuột. Và cả ông bí thư thành ủy đảng, ông thị trưởng và các viên chức lớn nhỏ, ngày nghỉ cũng phải vác chổi đi quét chợ, vác vĩa đi đập muỗi.

Thực chất đây là một sự cưỡng bách lao động. Nhưng dù sao, có những đảng viên lãnh đạo tham gia, ai ai cũng làm như nhau, cũng được đôi chút an ủi. Và kết quả cũng rõ rệt : biến một vùng bản thú, luộm thuộm thành ra một nơi sạch sẽ, gọn ghẽ, ruồi muỗi bệnh tật giảm bớt rõ ràng. Nhiều khu phố không còn thấy rác rưởi trên đường, và đã tuyên truyền ráo riết cấm không được làm bản, một miếng giấy cũng phải nhặt lên và cho vào thùng rác !

Thành phố tôi ở khi kiểm tra toàn tỉnh, được liệt vào hạng cao, và được bằng khen toàn quốc. Sau đó đường phố được sửa sang, còn trồng thêm cây, hoa cỏ, nhiều gia đình được khen là «chiến sĩ tiên phong». Một kết

quả kỳ lạ đối với tôi là tôi cũng được khen thưởng và được «liệt tịch» vào đại hội «chiến sĩ», được tuyên làm một đại diện của thành phố và sau này tham dự đại hội «chiến sĩ tổng vệ sinh yêu nước» toàn tỉnh Quảng Đông.

Ai cũng còn nhớ, với chiến thuật «biển người» ồ ạt, quân chí nguyện Trung Quốc dù thiệt hại rất nặng, đã đẩy lui quân Liên Hiệp Quốc tới vĩ tuyến 38, nơi chia ranh giới giữa Nam và Bắc Hàn. Đã có độ quân Trung Cộng và Bắc Hàn lại tiến đến sát Hán thành - thủ đô Nam Hàn, khiến tướng Mac Arthur phải kêu lên dùng bom nguyên tử ! Rút cục, hai bên lập chiến tuyến để cầm cự lẫn nhau cho mãi tới năm 1953, một cuộc đình chiến mới được ký kết.

Cuộc chiến tranh này được xem như một thắng lợi lớn của Trung Cộng đứng trước một đạo quân tinh nhuệ, võ trang tối tân của Mỹ và nhiều nước khác. Tướng Bành Đức Hoài được coi như một anh hùng dân tộc. Và nhà độc tài Kim Nhật Thành nhờ đó mà còn đứng vững. Đa số người dân Trung Hoa quen sống dưới thống trị chuyên chế, phong kiến, quen với thái độ nhu nhược của các lớp thống trị trước sự ức hiếp của bọn đế quốc Tây phương hay Nhật Bản, và chưa hiểu rõ bản chất của chế độ cộng sản - cũng tỏ ra tự hào trong tinh thần dân tộc. Nước Trung Hoa Cộng Sản đã giành được một

vị thế quan trọng ở Châu Á, có tiếng nói trên sân khấu quốc tế.

Sự lớn mạnh của Trung Cộng cũng ảnh hưởng không ít tới cục thế Việt Nam. Về quân sự, quân Pháp đã phải lui dần trước sự tấn công ngày càng mạnh của Việt Minh. Sự viện trợ của Hoa Kỳ không đủ để đánh bại kháng chiến Việt Nam. Về chính trị, chính phủ Bảo Đại không đủ cơ sở chính nghĩa để lôi cuốn được dân chúng, cũng không thấy một nhân vật quốc gia có uy tín nào ra mặt đứng vào hàng ngũ thân Pháp. Tình thế đó sẽ đưa tới chiến dịch Điện Biên Phủ và sự chia cắt tạm thời thành hai miền Bắc, Nam Việt năm 1954.

Chương VI - Tình Hình Xã Hội Thực Tế Những Cố Gắng Và Những Lỗi Làm Của Người Cộng Sản

Mục đích của người Cộng Sản khi chiếm được chính quyền là thực hiện chủ thuyết Mác-Lê, tiêu diệt những giai cấp bóc lột và xây dựng một xã hội không còn bóc lột : Giai đoạn một chủ nghĩa xã hội. Khi xã hội chủ nghĩa xã hội đó tiến tới mức cao, mới thực hiện dần chủ nghĩa cộng sản, trong đó về kinh tế, đã tới trình độ mãn túc những nhu cầu rộng rãi của con người, cơ cấu quốc gia sẽ tiêu vong dần, và nền chuyên chính vô sản sẽ không cần thiết nữa.

Như vậy, một chương trình cải tạo xã hội sâu rộng trong một thời gian dài cần phải tiến hành từng bước một, nhất là tại một nước lớn, đông người, phức tạp và lạc hậu như Trung Quốc. Trái lại với sự phân tích của Mác, những nước cộng sản, kể từ Liên Xô trở đi, đã được thành lập tại những quốc gia không phải là tư bản đã tới thời kỳ cuối cùng của nó, mà tại những quốc gia tương đối công nông nghiệp đều lạc hậu, thậm chí những nước chưa thoát khỏi trạng thái phong kiến như Việt Nam, Bắc Hàn, Cuba, Trung Quốc.

Trên thế giới, lúc đó, Liên Xô là một mô thức điển hình cho tất cả các đảng CS noi theo. Nhưng rõ ràng, qua mấy chục năm, nền chuyên chính vô sản bắt đầu đã tạo nên một Liên Xô hùng mạnh, nhưng lại đầy đầy mâu thuẫn, tệ đoan dưới bàn tay sắt máu của Stalin. Với Mao Trạch Đông, một đệ tử trung thành của đường lối stalinít, đảng CS Trung Quốc sẽ ngoan cố đi theo con đường sắt máu để tiêu diệt các giai cấp họ gọi là phản động và bất cứ ai chống đối lại họ. Họ tin rằng chỉ có thế mới tạo nên được xã hội chủ nghĩa - con đường lên Thiên đàng.

Nhưng khách quan mà xét, người CS Trung Quốc cũng đủ óc khôn ngoan và thực tế để theo những giáo huấn của Lênin : cần có thủ đoạn khôn khéo, và biết nhường một bước để tiến hai bước về sau, miễn là nắm vững được quyền lực tối cao.

Điều này được chứng tỏ bằng những chính sách lúc đầu : trước hết ổn định an ninh, ổn định và phát triển kinh tế để làm cho dân chúng an tâm và tin tưởng. Việc cải tạo xã hội cũng làm từng bước; trước hết là cải cách ruộng đất ở nông thôn, khiến đa số nông dân đều có một số riêng nhất định để trồng trọt. Sau đó, cuộc cải tạo ở các thành phố cũng tiến hành từng bước. Đối giai cấp tư sản, chủ yếu là dùng chính sách «chuộc lại» không tức

khắc tịch thu ngay tất cả tài sản của bọn tư bản.

Trong tay chính quyền thống nhất, đảng CS đã thực hiện được những điều mà chính quyền Quốc Dân Đảng không sao làm nổi.

Nạn quân phiệt hùng cứ các nơi đã bị xóa bỏ. Thỏ phi hoành hành hàng ngàn năm, nay dưới cuộc «tiểu phi» toàn quốc, rất khó khăn nhưng rất kiên quyết, đã không còn sau ba năm gắng sức. Nhờ đó dân chúng được an cư làm ăn, đối với người dân, ai thống trị thì cũng phải chịu thôi.

Ngoài ra, nạn cờ bạc, nạn thuốc phiện cũng dần dần giảm bớt. Chính phủ kiên quyết bắt phạt tất cả những người vi phạm. Người nghiện bắt buộc phải vào tập trung để cai thuốc. Cán bộ bản thân không đánh bạc, cũng không có ai nghiện, khác hẳn với những bọn quan liêu trước đây chính lại mở sòng bạc hay mua bán thuốc phiện để làm giàu.

Về mặt kinh tế, chính quyền chưa đả động gì đến những tiệm buôn, xí nghiệp nhỏ. Buôn bán lặt vặt cũng được khuyến khích. Cho nên, đa số dân chúng đều có công việc, dù thu nhập rất thấp. Dần dần, bộ mặt thành phố đã náo nhiệt hơn và xem ra phồn thịnh hơn trước. Máy người thất nghiệp chung quanh chỗ chúng tôi ở

nay cũng đã tìm được việc làm. Theo chỗ chúng tôi nghe thấy, những lời ta thán đã bớt đi.

Song - đây mới là quan trọng nhất, những cuộc cải tạo cũng được khai triển dần dần. Càng ngày càng nhiều cuộc họp tập và hội họp, theo sau là một số buổi đấu tố. Người dân dần dần hiểu biết thế nào là sự lãnh đạo của đảng CS, và đảng sẽ bắt mọi người đi vào một con đường như thế nào, không ai có thể tránh khỏi.

Trước đây, trong lúc còn chiến tranh, tại các khu căn cứ, cũng đã nghe thấy về mấy tiếng học tập, vận động, kiểm thảo, phê phán, đấu tố. Không những đối với kẻ địch, hay những kẻ có nghi vấn, mà còn ngay đối cả với cán bộ các cấp. Đã có nhiều cán bộ cao cấp CS đã bị ra đấu tố, xử lý, khai trừ hay ngồi tù. Cũng đã có một số bỏ trốn hay tự sát.

Tiện đây, nên nói rõ thêm là, trong các cuộc vận động, không thể đồng tình với những kẻ có tội, lập trường phải vững chắc, không thể «tả khuynh» hay «hữu khuynh». Tả khuynh có nghĩa là quá khích, quá trớn, phê oan, đấu oan, có thể gây nên phần uất trong quần chúng. Nhưng hữu khuynh lại càng không thể, vì nếu đồng tình, thương hại kẻ có tội thì tức là mất lập trường giai cấp vô sản. Thành ra ai ai cũng phải tránh «hữu khuynh» đấu tố bừa bãi, kịch liệt chỉ tỏ ra mình đứng vững lập

trường cách mạng.

Do đó, trong các cuộc vận động, thường xảy ra trường hợp những người bị oan uổng, hay trong lúc bị đấu tố, bång hoàng, lo sợ; nhiều người không chịu nổi đấu tố lăng nhục, thậm chí bị đâm đá, kéo tóc, hành hạ như con vật. Một số đã tự sát để tránh khỏi ô nhục, hành hạ. Vì là bác sĩ, nên tôi thường thấy những cảnh bi thương. Nhưng đối với những kẻ tự sát, cũng không thể tỏ ra thương tiếc, đồng tình, vì sẽ bị gán cho là thiếu lập trường. Một số kẻ tự sát cũng bị phê phán là «sợ tội» «trốn trách nhiệm», và «phản bội cách mạng» dù đã chết.

Trong các cuộc vận động, bao giờ cũng có những kẻ vô lương tâm, cố sức kết tội, tố cáo người khác để lấy công, rồi sau đó dễ thăng quan tiến chức. Những kẻ đó được đảng tín nhiệm, và giao phó cho những chức vụ lãnh đạo, đè đầu cưỡi cổ người dưới. Dần dần, tạo thành một giai tầng những kẻ cậy quyền, một giai tầng quan liêu, áp bức nhân dân, và dễ phạm tham nhũng, hủ hóa. Giai tầng này chính là cơ sở quyền lực của chế độ cộng sản.

Thực ra, nhìn chung, trong giai đoạn đầu, từ 1949 tới 1956, nước Trung Hoa Cộng Sản đã thống nhất ổn định, an ninh; kinh tế có phát triển, đời sống người dân được cải thiện so với thời Quốc Dân Đảng. Ảnh hưởng của

Trung Quốc tại Á Châu đã mạnh hơn.

Mặt khác, một số vận động như cải cách thổ địa, thanh trừ phản cách mạng, ba chống năm chống, cải tạo tư sản - đã phạm một số lỗi lầm lớn vì quá khích, cực đoan, tạo nên sự bất tín nhiệm trong quần chúng, thậm chí tâm lý sợ hãi trước nền chuyên chính vô sản. Vì là cộng sản, đi ngược với trào lưu tiến hóa, chuyên chế cùng dựa trên bạo lực, nên không những phải đối đầu với các nước dân chủ tự do trên thế giới, mà còn đối đầu ngay cả với dân chúng bị áp bức. Bản chất độc tài của chế độ sẽ đưa tới những hậu quả vô cùng tai hại sau này.

Mặc dầu vậy, thời kỳ này là một thời kỳ tương đối ổn định, dễ sống, và có uy thế dân tộc trước quốc tế, nên người dân cũng chấp nhận và những người Hoa sống ở ngoại quốc cũng tin tưởng. Không ít gia đình Hoa kiều trở về sống tại Hoa Lục hay cho con em về học hành. Người ta cũng mong ước sao cho đời sống được dễ chịu và tiến bộ hơn nữa, chế độ cộng sản dần dần bớt độc tài, bớt dựa trên bạo lực và trở nên nhân đạo hơn.

Nhưng đó chỉ là mong ước. Người Cộng Sản không nghĩ thế.

Chương VII - Đời Sống Gia Đình - Vận Động Thanh Trùng Phản Cách Mạng

Chúng tôi phải dọn nhà, vì vợ tôi dời sang một trường học - Đệ Tam tiểu học, ở vùng giữa thành phố. Còn tôi cũng dời từ bệnh viện của tỉnh sang một bệnh viện của thành phố, cũng ở ngay vùng đó.

Nhà cũng dễ tìm. Có hai phòng lớn, có phòng khách, sân rộng. 1952, lúc đó Trung Quốc chưa hạn chế sinh đẻ, đưa con gái thứ ba ra đời. Đó là cháu Loan, nó cũng xinh xắn dễ thương. Có ba đứa con nhỏ, đời sống khó khăn và vất vả hơn. Buổi tối đi làm về, thường bị chúng quấy rầy không đủ ngủ. Chúng tôi phải mượn một người vú già để trông nom và nấu ăn. May mà nhân công độ ấy rẻ như bèo - có lẽ ảnh hưởng của cuộc cải cách ruộng đất.

Có người nhà ở trong nước phê bình chúng tôi sao lại để lắm thế, trong hoàn cảnh xa lạ bấp bênh. Chúng tôi cũng biết vậy, nhưng đã để ra rồi, biết làm sao đây. May sao, lương tôi độ ấy đang tăng lên, đủ để chi tiêu - trong số các bác sĩ công, thì lương tôi không phải là thấp, gần bằng ông thị trưởng... Vả lại, mình ở lại đây, đâu có phải để mong nhiều lương ?

Những người Việt vẫn còn ở lại Quảng Châu. Anh Văn vẫn thỉnh thoảng về thăm. Không rõ có phải bị một thiếu phụ có một gian nhà rộng và một vườn hoa rất đẹp - hấp dẫn hay không, nhưng có khi được nghỉ lâu, theo lời mời của cô ấy anh thường ra tạm trú, nói là để ôn tập bài vở cho tĩnh. Hai bên xem ra cũng vui vẻ. Nhưng tiếc là về sau anh Văn được nhà trường giới thiệu đi làm cho đài phát thanh Bắc Kinh (môn tiếng Việt), lâu lắm không có tin tức gì.

Không bao lâu sau, một vận động chính trị quy mô đầu tiên được phát động ở các thành phố. Phật Sơn tất cũng không tránh được. Đó là cuộc «thanh trừ các phần tử phản cách mạng».

Đối tượng của cuộc vận động này là phản cách mạng. Nhưng thực tế thế nào là «phản cách mạng»? Người thường có thể hiểu đây là những kẻ chống đối đảng Cộng Sản, chống đối chủ nghĩa xã hội, bao gồm cả từ quá khứ và hoạt động ở hiện tại. Những đảng viên Quốc Dân đảng hay một số đảng phái cũ, hay đoàn thanh niên quốc gia, nhân viên công an cũ, và tất cả những kẻ nào mà về hành động cũng như về ngôn luận đã giúp cho Quốc Dân Đảng, đều là đối tượng chính.

Trên chính sách, họ có phân biệt đối xử, xét trên cấp bậc hay trên tội trạng nặng nhẹ, cùng trên nguyên tắc

thú thực thì giảm tội, che giấu thì xử nặng hơn.

Riêng tôi, thì tuy là ngoại kiều, nhưng có thể tùy ý tham dự để học tập và hiểu thêm về chủ trương của đảng. Và lại, thực sự cũng không có gì bí mật, đối với mình cũng không có quan hệ gì.

Học tập lần này không khí có bề nghiêm trọng và căng thẳng hơn nhiều. Vì bây giờ là vấn đề «địch, ngã» không phải là mâu thuẫn trong nội bộ nữa.

Cùng với tất cả nhân viên trong bệnh viện - trước hết, tôi đến nghe «đại báo cáo» do viên bí thư thành ủy đọc trước độ một nghìn cán bộ, chức viên thành phố. Các giới khác thì tiến thành riêng.

Báo cáo dài hơn ba tiếng đồng hồ, nói về ý nghĩa, chính sách, kế hoạch. Và cuối cùng yêu cầu mỗi người đều phải tự kiểm thảo, viết thành bản văn, kể như lý lịch, gia đình, bạn hữu, quan hệ ở trong nước hay ở Hong Kong, Đài Loan, ngoại quốc, đã từng làm những gì, thái độ đối với cách mạng thế nào v. v...

Tôi được miễn phải kê khai vì là ngoại kiều, và họ cũng đã biết lai lịch của mình rồi. Nhưng chung quanh, tôi thấy nhiều người có vẻ lo âu, khẩn trương, đặc biệt là những người tuổi trung niên trở lên. Vì dù không có

hành động gì, nhưng trong những gia đình phức tạp, hay trong một xã hội cũ, thế nào chẳng có những điểm đáng nghi ?

Qua giai đoạn «tự thú» thì chuyển sang giai đoạn «tố cáo», tức là báo cáo tất cả những điều gì, kể cả việc làm hay ngôn ngữ, mà đáng nghi ngờ; và bất cứ về ai, dù cấp cao đến đâu, mà không sợ báo thù. Tất nhiên, đó chỉ là trên lý thuyết. Một là vì sợ tai vách mạch rừng, hai là vì sợ oan uổng cho người khác nếu không biết đích xác. Trong những cuộc vận động như thế này, nhiều khi chỉ là bắt bóng bắt gió, hay nhờ đoán mò, suy xét theo kiểu trinh thám - Sherlock Holmes - thậm chí chủ quan, bức cung.

Mấy giai đoạn này hãy còn tương đối gió êm, sóng nhẹ. Nhưng mỗi người đều đã có tính toán riêng của mình - v không ai rõ mình hơn chính mình. Vấn đề gay cân nguy trước mắt là, có nên thú thực không ? Và nếu thú, thì có nên thú hết không ? Có mấy người đã lo lắng ra mặt. Đây không phải là chuyện chơi...

Trong các cuộc vận động, người cộng sản rất chu đáo và rất triệt để. Khẩu hiệu «bắt toàn thắng, bắt thu bình» được treo nhan nhản khắp các đơn vị. Không ai có thể tránh được sự kiểm soát, muốn bỏ việc xin đi chỗ khác cũng không được. Cách tổ chức thực là chặt chẽ.

Sau khi đã phân tích mọi tài liệu «tự thú» và «tố cáo», ban lãnh đạo bắt đầu chọn một số hoài nghi là đối tượng để tiến một bước truy vấn. Họ chia làm một số tiểu đội, rồi giao những người đó cho «quần chúng» tức là những chức viên không có vấn đề - tra hỏi. Ai cũng có quyền đặt nghi vấn, nhất là về những đoạn kê khai mập mờ.

Để tỏ ra mình tích cực, sốt sắng, nhiều người thường hỏi những câu hắc búa, hay với thái độ cứng cỏi dọa nạt, càng làm không khí căng thẳng và người bị hỏi luống cuống, hoang mang, không biết trả lời ra sao, nhất là khi có người đã dính dáng tới Quốc Dân Đảng, hay chính quyền, quan lại cũ, hay quân phiệt, nếu không khai được gì cụ thể, càng làm tăng sự hoài nghi và càng làm tăng sự phần nộ của quần chúng.

Có một bà, độ 40 tuổi, trước đây đã làm thư ký trong văn phòng một viên chức cao cấp Quốc Dân đảng bị truy vấn đến nỗi, hết giờ, vẫn ôm mặt ngồi đó khóc nức nở, trông thực thảm thương. Còn một người trẻ, nhưng có gia đình tại Đài Loan, bị nghi ngờ là thông với «giặc» không khai rõ quan hệ thế nào, quá lo sợ, phải đến xin tôi ít thuốc an thần. Nhưng theo đúng quy định, tôi chỉ được phép viết đơn có ba viên là nhiều nhất..., với vài lời an ủi.

Qua giai đoạn thứ ba, mới là kịch liệt, vì đã gạn lọc, nay chỉ còn sót lại mấy người đáng nghi nhất; những người khác đều đã được giải phóng, vui mừng ra mặt.

Nói cho đúng, được tiếp nhận vào làm viên chức, cán bộ trong cơ quan nhà nước, cũng đã qua mấy lần kiểm soát rồi. Nên đối tượng ở đây cũng không nhiều, so với các bộ môn khác hay ngoài xã hội. Song dù sao, ban lãnh đạo cũng phải cố moi ra một số để phù hợp với yêu cầu ở trên, nếu không sẽ bị cho là bất lực, thiếu cảnh giác, hay «hữu khuynh», và mất thế lực, địa vị. Điều này tạo nên trạng thái ai cũng phải có thái độ «tả» càng tả càng tốt, không thể có những ngôn luận đồng tình với các «bị cáo» chứ không nói đến phê bình lãnh đạo cực đoan, quá tả. Trạng thái này chung cho tất cả mọi cuộc vận động chính trị, và gây ra nhiều sai lầm, oan ức, với nhiều kết quả tai hại.

Bước vào giai đoạn đấu tố này, người ta được mục kích những cảnh tượng đặc biệt. Tôi vẫn là một người «liệt tịch» để dự thính, mà cũng có quyền chất vấn kẻ bị tố. Nhưng thực ra, đối việc đấu tố tôi làm gì có hứng thú ? Mục đích của tôi là quan sát mà thôi.

Hội trường bố trí trang nghiêm, với những khẩu hiệu như «Đả đảo phản cách mạng», «Nhân từ đối với địch nhân là tội ác đối với nhân dân», «Không để lọt lưới

một tên địch» v.v... Tập hợp tất cả nhân viên y tế trong thành phố, trừ những người thường trực. Không khí nặng nề. Mọi người im phăng phắc khi cán bộ lãnh đạo vận động, một phó bí thư thành ủy bước tới bàn chủ tọa. Ông này đồng dục tuyên bố khai mạc và căn dặn mọi người phải nghiêm túc, tập trung tinh thần vào việc truy nã kẻ địch.

Kế đó, các đối tượng, độ mươi người, được dẫn vào hội trường, có một nhóm «bảo vệ» đi kèm. Già có, trẻ có, nhưng đa số từ trung niên trở lên. Có một phụ nữ, trông rất ủ rũ, người nào người ấy cúi đầu, mặt tái xanh. Được xếp đặt ngồi một hàng ngay dưới đài chủ tọa - một sân khấu, vì đây là một rạp hát lớn.

Cả hội trường vang lên khẩu hiệu, thúc giục các bị cáo thú thực, cải tà quy chính. Khẩn trương nhất khi gọi tên một người nào, thì do hai tay bảo vệ dẫn lên sân khấu. Trước hết phải tự thú đã có những tội gì phạm với cách mạng ? Đã tham gia vào những đảng phái, tổ chức phản động nào ? Đã có những ngôn hành gì sau khi «giải phóng» ?

Người đầu tiên là một ông y sĩ chừng năm mươi tuổi, cúi gầm mặt, giọng nói run run, có khi nghe không rõ, bị người ta quát mắng mấy lần :

- «Nói to lên ! Anh định giấu tội phải không ?»

Chuyện ông này rút lại cũng chỉ là một thầy thuốc, nhưng hay giao thiệp, đi lại với một số quan Quốc Dân Đảng, nên làm giàu được và hay ra mặt hách dịch. Bị truy hỏi túi bụi về quan hệ của ông với Quốc Dân Đảng, ông ấp úng không nói lên lời. Có người tức quá, sấn lên tóm áo và nắm tóc, quát tháo :

- «Mày giấu giếm, định tránh tội phải không ? Mày không nói, để người khác tố cáo cho mày nghe !»

Thế là lần lượt có mấy người lên vạch tội ông này cầu kết với những ai, ra vào những chỗ nào, đi đánh bạc với những tướng tá nào... Cuối cùng, mọi người hô to đả đảo; ông bị lôi vào hậu trường để tiếp tục viết bản tự thú.

Trông rất thê thảm, nhưng thực ra tội người này cũng không phải là lớn lắm, nên đến khi kết thúc vận động, chỉ bị cảnh cáo và giáng cấp.

Ngược lại, một anh trẻ hơn, dáng dấp nho nhã, làm việc kế toán, lúc khai không nói là có tội gì, chỉ có sai lầm trên tư tưởng thôi. Bị mấy người truy vấn gắt gao, cũng khai thêm một số ngôn luận «nhâm lẫn».

- «Mày nghĩ kỹ chưa ? Tội nặng thế mà quên bằng rồi à ? Mày chạy tội !»

Anh này có vẻ ngấm ngấm, nói như khóc :

- «Thưa các vị, tôi rất thành thực, một lòng theo Đảng, không bao giờ dám nói dối... !»

Vừa nói xong, một người trên bàn chủ tọa quát :

- «Nhắc lại câu vừa nói !»

- «Không bao giờ dám nói dối !» Bị cáo ngược mắt như van xin, cầu khẩn.

Tức thì, người trên bàn đứng dậy, chỉ vào mặt :

- «Mời tất cả, nghe đây ! Mày nghe đây !» Đợi mấy giây, ông ta chậm rãi tuyên bố :

- «Tên này đã từng giữ chức... đồn phó cảnh sát tại (tên một địa phương), 5 năm trước đây !»

Mọi người sửng sốt, đều «òà» lên một tiếng rộn khắp hội trường. Lập tức, có hai người tiến tới, lấy còng sắt còng luôn hai tay bị cáo. Chủ tọa tuyên bố :

- «Một tay phản cách mạng ngoan cố ! Giải sang cục Công An để đợi đưa ra tòa !»

Bị cáo bị lôi đi trước con mắt kinh ngạc của đám đông. Tôi cũng cảm thấy đột ngột và hơi rùng rợn. Chuyện này có thực hay không ? Chưa thể đoán chắc, nhưng ít ra, nó cũng kích động thần kinh của những kẻ nào có vấn đề mà chưa khai báo...

Lần họp sau, vì bận, tôi không đi dự, nhưng nghe kể lại còn có một con «hổ» lọt lưới, đã bị bắt được. Đó là một ủy viên cấp khu bộ của Quốc Dân Đảng ngay ở huyện Nam Hải bên cạnh. Cuộc vận động đã có thành tích lớn ! Còn một số tép riu như đã từng là bảo trưởng, hay khoa trưởng trước thời cũ, hay đoàn viên thanh niên Tam Dân chủ nghĩa, hay từng làm thổ phỉ v.v... thì đếm không xuể !

Một buổi trưa, tôi đương ngồi ở nhà, vừa ăn cơm xong thì bỗng có người gõ cửa. Một anh công an. Cũng hơi giật mình vì tại sao đột ngột đến hỏi thăm, thì anh này rất lễ độ nói :

- «Bác sĩ Nguyễn, chúng tôi có việc muốn nhờ bác sĩ giúp ?»

Thì ra, cục Công An muốn mình giúp khám nghiệm một xác chết, nghi là tự sát vì bị truy tố trong việc vận động. Lúc đó, thành phố thiếu bác sĩ có kinh nghiệm về việc nghiệm thi, không có ai học qua pháp y học. Tôi

thì trước cũng có học qua đôi chút.

Xác chết được vớt từ sông đặt lên bờ. Khám cẩn thận, thấy có hai vết ở cổ - một vết tròn, rõ ràng là tự cổ áo, một vết chéo, không rõ lắm, nhưng nếu tinh ý thì tìm thấy. Vị bác sĩ trước đoán định là chết đuối, không rõ vì có gì, nhưng căn cứ trên hai thứ vết, tôi đoán là người này đã từng treo cổ trước khi xuống sông. Quả nhiên, bờ bên kia có một cái đình nhỏ bỏ hoang, có xà nhà, và tại một góc, tìm ra được một đoạn dây thừng đã đứt. mấy tay công an nhìn nhau, rồi lại nhìn tôi, có vẻ khâm phục... Một cuộc tự sát đặc biệt.

Những vụ tự sát như thế, càng ngày càng nhiều, và công việc «pháp y» của tôi cũng đâm ra bận rộn. Từ cải cách điền địa, cho tới trừng trị phản cách mạng, cho tới «ba chống, năm chống» luôn luôn có những vụ tự tử bằng đủ mọi cách. Tuyệt đại đa số là những người sợ bị kết tội, hay không chịu được đấu tố, sỉ nhục, tuyệt vọng mà quyên sinh. Có dịp, tôi sẽ kể thêm về sau này.

Mỗi cuộc vận động đều bế mạc bằng một đại hội tuyên bố vận động «thắng lợi» đã truy tìm ra một số phần tử phản cách mạng «đội lột chức viên nhà nước». Và do «uy lực» của đảng, nhiều phần tử đã biết hối cải, được khoan hồng, cho trở về làm việc. Một số nhỏ sẽ bị giao cho cơ quan công an điều tra thêm để đợi luận

tội. Nhưng đáng buồn nhất là mấy người không chịu nổi đầu tố và dọa dẫm đã tự sát trong tuyệt vọng, để lại vết thương sâu hận vĩnh viễn trong lòng người thân, và cũng để lại ấn tượng khủng bố sâu xa trong óc dân chúng. Mà đại đa số xét cho cùng, chẳng có tội gì hết.

Chương VII - Cuộc Vận Động «Ba Chống, Năm Chống» - «Đánh Bại Cuộc Tấn Công Điện Cuồng Của Giai Cấp Tư Sản»

Đừng nên hiểu giản dị «ba chống năm chống» chỉ là một cuộc chống tham ô, lãng phí và quan liêu, hay chống đầu cơ trục lợi, trốn thuế. Mà phải hiểu sâu hơn nữa, dưới sự chỉ dẫn của chủ nghĩa Mác xít, đây là một chiến dịch toàn quốc của giai cấp vô sản để đánh bại sự phản công của giai cấp tư sản chống chính quyền cách mạng.

Phải công nhận rằng Trung Cộng có tài về tuyên truyền, về công tác tư tưởng, công tác nào họ cũng gán một ý nghĩa cách mạng cao cả cho nó, khiến cho mọi người cảm thấy tính chất nghiêm trang, không phải trò đùa, và cho người ta cảm thấy mình cũng có một vai trò quan trọng, cống hiến cho cách mạng, cho nhân dân. Đồng thời, cũng làm cho người ta ghét hận những kẻ phạm tội lỗi.

Người ta cần nhìn thấy rằng người CS rất coi trọng công tác tư tưởng và tuyên truyền trong công việc. Tư tưởng đi trước, hành động đi sau - phương thức này là một trong những pháp bảo thành công của họ.

Giai cấp vô sản, khi đã chiếm được các thành thị, có những chính sách chống bóc lột, giảm bớt lợi tức của những bọn tư sản, bênh vực quyền lợi của công nhân, - tất nhiên, phải kích động mạnh và vào bản chất «duy lợi thị đồ» chỉ biết vụ lợi của giai cấp đó. Do không thể công khai chống đối, giai cấp tư sản phải tìm cách lợi dụng mọi sơ hở của chế độ cách mạng để đầu độc và hủ hóa hàng ngũ cách mạng, và dần dần làm hàng ngũ cách mạng biến chất, dần dần đi tới tan rã, thậm chí đi ngược lại với mục tiêu chủ nghĩa xã hội, đảng và quốc gia sẽ có nguy cơ diệt vong !

Một mặt, giai cấp tư sản phải khai man, trốn thuế, lậu thuế, đầu cơ tích trữ...một mặt phải hủ hóa cán bộ. Cán bộ nhập thành rồi không chống nổi với sự cám dỗ, bị những «viên đạn bọc đường» bắn trúng, tất sa ngã, biến thành «tù binh» của bọn tư sản. Ba thứ nọc độc chính là quan liêu, tham ô và lãng phí. Quan liêu là thủ phạm chính, vì không có quan liêu thì khó mà tham ô hay lãng phí.

Vì vậy ý nghĩa «cao cả» của cuộc «ba chống năm chống» là để đánh lui cuộc phản công điên cuồng của giai cấp tư sản, để tránh được nguy cơ mất đảng, mất nước.

Lý luận này, được một nhân vật quan trọng trong bộ Chính Trị là Bạc Nhất Ba, diễn giải trong một bài diễn văn đọc cho toàn quốc, làm cho ai cũng phải coi trọng cuộc vận động : đây là một cuộc đấu tranh giai cấp sinh tử.

Ôc «đấu tranh giai cấp» thực sự đã đưa tới những nhận xét cực đoan, tàn bạo.

Tất cả cán bộ các ngành, gồm cả ngành y tế chúng tôi, đều phải tham gia vào vận động. Ban lãnh đạo do những nhân viên cao cấp trong thành ủy đảng đảm nhiệm.

Lần đầu tiên, tôi chính thức dự vào cuộc vận động này, vì đây không phải chủ yếu là về chính trị, không phải điều tra về lịch sử cá nhân hay tư tưởng chính trị mỗi người.

Đầu tiên là phải nghe báo cáo trong một đại hội long trọng, với không khí khẩn trương. Báo cáo kêu gọi mỗi người phải tập trung tinh thần, phải liên hệ tới chính mình, phải thành thực. Khẩu hiệu «thú thực sẽ được khoan hồng, ngoan cố sẽ bị nghiêm trị, tố cáo sẽ được khen thưởng» được nhắc đi nhắc lại.

Giai đoạn đầu tiên là tấn công quan liêu, đối tượng là các cấp lãnh đạo. Mới đầu, người ta cũng còn sợ

sệt, nhưng dần dần theo đà, và được ban lãnh đạo hứa là ngăn cấm nghiêm khắc mọi sự trả thù, nên cũng có nhiều người phát ngôn, vạch ra những khuyết điểm của lãnh đạo. Thời đó, so sánh với tác phong quan liêu và hủ hóa của phần lớn quan chức Quốc Dân Đảng, thì đa số cán bộ cộng sản bình dân, sống giản dị, gần gũi với dân chúng thường hơn. Người dân chưa đủ trình độ để nhận xét về ách chuyên chế cộng sản, họ đã quen với thống trị chuyên chế đã lâu rồi.

Thực tế là, cảnh tượng những ông to đầu, ngời im thin thít để nghe và ghi những điều quần chúng nói ra, và phải trả lời nghiêm túc, cũng khiến cho tôi ngạc nhiên. Nhiều sai sót, lầm lỗi của cán bộ đã đưa tới hiện tượng tham ô, lãng phí làm người ta phải giật mình. Thí dụ, như vì lười biếng, chỉ huy cứu lụt không kịp thời để đưa tới lụt lớn và thiệt hại tài sản, và cả sinh mạng nữa. Hàng trăm tấn thóc bị để mục trong kho, trong khi ở ngoài thiếu gạo ăn. Tác phong quan liêu của cán bộ y tế đã gây ra những trường hợp cứu cấp không kịp thời, chết oan ức v.v...

Mấy người bị cáo giác, phải qua mấy lần kiểm thảo và bảo đảm sẽ không tái phạm, mới được «thông quá» và trở về chức vụ cũ. Tuy cũng gian nan, nhưng chưa đến nỗi gây cản quá. Vì quan liêu hay lãng phí, vẫn

còn thuộc về phạm vi «nội bộ nhân dân», không dùng những biện pháp kịch liệt.

Tham ô thì khác hẳn, đây là vấn đề phạm pháp, thuộc «mâu thuẫn địch ngã» cần phải dùng tới những thủ đoạn kịch liệt.

Người Cộng sản Trung Quốc cũng có đặc điểm của họ. việc gì cũng có cương lĩnh, lý luận, phương pháp và kế hoạch chu đáo. Vận động nhất định đều rập theo khuôn mẫu chung đã hoạch định từ trước.

Chính sách thì vẫn là khoan hồng đối với những kẻ biết thú tội, hối cải, nghiêm trị đối với những kẻ ngoan cố, giấu tội.

Qua giai đoạn học tập chính sách, thì tới giai đoạn «kiểm cử» tức là tố cáo tham ô. Cổ võ mọi người «đại đảm hoài nghi tức là có chút nghi vấn nào cũng mạnh dạn nói lên, để tiến hành điều tra, mà không sợ bị trả thù. Ai cũng được phát giấy để viết ra.

Đối tượng chính nhất định là những người dính líu đến tiền bạc, vật chất, hay có quyền, có cơ hội lạm dụng, tham ô vật chất. nên rất nhanh, trong các tổ học tập, họ đã cô lập dần những người bị hoài nghi. Những người này bị tách riêng vào những tiểu tổ đặc biệt, chuyên

môn ngồi đó để tự thú. Những người khác thì chuyên môn kiểm cử, hay được phái đi điều tra, kiểm soát vật chất, sổ sách, tài sản vv...

Những kẻ tham ô bị gọi là «hồ», hồ lớn hồ con đủ cả. Và căn cứ trên tài liệu đã điều tra được, cán bộ, chức viên thường không có nghi vấn được tổ chức thành những đội «săn hồ». Mỗi đội được trao cho một số hoài nghi là hồ để truy nã ! Chính tôi tuy không trực tiếp dính dáng đến cuộc săn bắn này, nhưng cũng phải «hội nhập» vào như các người khác để tố cáo những hành vi mà mình đã biết.

Tất nhiên, tôi không có hứng thú trong việc tố cáo hay đấu tố ai, nhưng trong quá trình vận động tôi cũng đã trông thấy nhiều thứ chưa từng thấy.

«Mưa thuận gió hòa», nhẹ nhàng - đó là tình cảnh lúc đầu khi mọi người còn e dè, khách khí, chỉ truy hỏi một cách ôn tồn người bị chất vấn. Song, dần dần hội trường biến thành một cuộc đấu tố thực sự. Vì đối tượng nhiều khi bị hỏi những câu hắc búa, đầu óc hốt hoảng, rối loạn, nên thường trả lời lúng túng, trước sau mâu thuẫn, càng làm cho mọi người nổi cáu. Thêm vào đó - trong cuộc vận động nào cũng vậy - có những kẻ muốn tỏ ra tích cực để được khen thưởng nên hay bới sâu tìm vết, hỏi những câu tỉ mỉ rất khó trả lời. Càng lúng túng càng

quần bách, bị hàng chục cái mồm quát tháo, hàng chục bàn tay xía xói, đồ rết là ngoan cố, là giầu tội... Trông người đó thực là thiếu não, mặt tái xanh, rọt giỏ mồ hôi, nhưng có khi thực là tức cười, vì những câu khai đầu Ngô mình Sở... Mọi người thấy vậy, lại càng truy vấn mạnh, vì đỉnh ninh đây tất là một «con cọp lớn» đương nằm phục.

Mấy lần, quá tức giận về thái độ ngoan cố của «bị cáo» toàn tổ quyết định làm một «đêm không ngủ» để truy vấn kẻ khôn khổ kia. Chỉ tội cho những người khác, buồn ngủ đến riu mắt, nhưng vẫn làm ra vẻ hăng hái để «bồi tố» đến cùng... nếu không, sợ bị chê là «hữu khuynh», «đồng tình kẻ địch» thì nguy.

Có ngày, tôi bị vướng vào cảnh như vậy, cũng đành phải gượng thức đến nửa đêm; mệt quá, phải xin phép về nghỉ vì ngày mai phải thường trực ở bệnh viện. May anh tổ trưởng cũng thông cảm.

Những phương thức «học tập» trên tuy thiếu nhân đạo nhưng còn kém xa với giai đoạn chính thức «săn hổ» tiếp sau, mới thực là khủng khiếp. Tôi không rõ tại Việt Nam, cuộc «ba chống năm chống» có giống như ở đây không ?

Nhưng ở đây, tôi đã có cơ hội biết mùi thế nào là đầu tở qua những cảnh mà tôi đã mục kích. Quả là phong ba bão táp và quả là kinh khiếp đối với những kẻ bị coi là «hồ».

Một số «bị cáo» đã bị «cách ly» tức là giam lỏng tại một chỗ riêng, không được tiếp xúc với người khác, để tự sám hối và kê khai tội ác của mình. Tra vấn họ là mấy nhóm «chuyên án» chuyên hạch hỏi, ngày đêm lúc nào cũng được. Còn tệ hơn là bị công an thẩm vấn. Sáng sớm, nửa đêm, lúc nào muốn lôi ra hỏi cũng được, bắt chấp người đó có chịu đựng nổi không. Vì nhiệm vụ là phải sẵn cho được cọp, nên bọn chuyên án thường tức mình, giận dữ quát tháo, lôi tóc, thậm chí bắt quỳ, đấm đá, không cho ăn uống, coi như một con vật.

Nhiều người không chịu nổi cách hành hạ như vậy, chỉ muốn sớm được ngã lưng, ngủ một giấc, và thoát được khủng bố, nhục nhã, bèn khai bừa, khai láo những hành động mà mình không phạm, hay tố cáo bừa những người khác. Việc này khiến cho nhiều người khác bị nghi oan và dẫn đến những sự điều tra quá trớn, tạo nên những án oan. Vì nhóm chuyên án ai cũng muốn lập công, nên thường thường chưa đủ chứng cứ đã vội kết tội là tham ô.

Không những có người bị hàm oan, bị đầu tố, thậm chí tù tội, mà thâm hiểm nhất là có người đã tự sát - bằng đủ mọi cách có thể dùng - tôi sẽ thuật ở sau. Tàn tệ nhất là, đối với những người tránh khốn khổ tự tử này, bọn lãnh đạo lại kết tội họ là trốn vận động, là phản bội cách mạng, là hèn nhát, không cho người khác đồng tình họ.

Đáng sợ nhất là dùng phương pháp uy hiếp, dọa nạt - những phương pháp cực đoan để đánh vào tinh thần của mọi người. Tức là mở đại hội đấu tranh, trong đó tuyên dương tinh thần «khoan hồng» và «nghiêm trị» cho tất cả theo gương.

Một buổi tối, đại hội mở tại sân vận động thành phố. Đến tham dự rất đông, tới mấy nghìn người. Trên khán đài, mắc đèn sáng trưng. Các cơ quan đến dự đều phải xếp hàng, nghiêm trang tiến vào chỗ đã vạch trước. Cùng với các đồng sự y tế, tôi cũng ngồi xuống cỏ, cách khán đài không xa. Bụng nghĩ, cuộc đời cũng khá kỳ lạ, sao mình lại đến đây ngồi trên bãi cỏ này để xem người ta đấu tranh tham ô ? Nhưng dù sao, đây cũng là một thứ kinh lịch - hay kinh nghiệm, để biết người cộng sản Trung Quốc định cải tạo xã hội như thế nào. Đưa việc chống tham ô thành một phong trào toàn quốc, cũng có mặt tích cực, khác hẳn với xã hội đầy tham ô những lạm của Quốc Dân Đảng trước kia. Nhưng cách làm, thì tôi

không thể đồng ý.

Chủ tọa, viên bí thư thành ủy, tuyên bố cuộc vận động này là tuyệt đối chính xác, cần thiết, tham ô ở đây đích xác nghiêm trọng, đích xác có nhiều hồ chú không phải oan uổng, và chính sách của đảng tuyệt đối nghiêm chỉnh. Mọi cọp con, cọp lớn, đều phải sớm phủ phục đầu hàng, mới mong có lối thoát, bằng không đừng mong thoát khỏi «thiên la địa võng» của quần chúng. Sau ông ta ra lệnh :

- «Đưa chúng nó lên đây !»

Mấy tay cảnh vệ cầm gậy xua một chuỗi người bước lên, xếp hàng đứng trên sân khấu. Già có, trẻ có, nam nữ đều có đều đứng cúi gằm mặt. Tiếng hô khẩu hiệu vang lên từ đám đông ngồi trên cỏ, thúc giục.

- «Thú tội, khoan hồng !»

Bắt đầu, có một người bước ra trước, thú tội. Đây là một ông viện trưởng phó một bệnh viện, khai đã lạm dụng chức quyền để tham ô một số tiền lớn, còn lợi dụng cả bệnh nhân để làm ăn riêng. Khi khai xong, chủ tọa tuyên bố đã biết khai tội, tuy chưa triệt để, tạm tha về cơ quan để suy nghĩ thêm.

Rồi đến một người làm kế toán một công sở lớn, khai đã tham ô một số tiền không ít. Chủ tọa cũng tuyên bố cho về cơ quan để tiếp tục khai báo và hỏi lỗi.

Người thứ ba, phụ trách một cơ quan tài chánh, ra thú tội nhưng lập tức, có một số người đứng ra tố cáo, cho là hoàn toàn không thành thực, và đưa ra những tài liệu nặng nề, kể cả việc tư thông với một phụ nữ đồng sự để ăn gian nhiều vụ. Ông này bị đẩy phải quỳ xuống, chịu đựng xỉa xối, ngay cả bà đồng sự vừa kể. Bà này được khen là lập công. Cuối cùng ông ta bị tuyên bố là phạm tội, lập tức còng tay dẫn sang nha Công an để xét xử thêm.

Cảnh khủng bố này chắc đã ảnh hưởng lớn đến tâm lý mọi người. Chung quanh tôi, trên sân rộng, đều im phăng phắc. Ai cũng nín thở. Nhất là nhóm «cọc» đã bị điểm danh trong các đơn vị, kể cả bệnh viện tôi làm. Mấy người đó mặt đã tái - tuy trời tối. Chắc họ chỉ mong chóng về nghỉ, cho thoát nợ.

Nhưng, một lệnh đánh thép đã truyền từ khán đài xuống :

«Bắt đầu thẩm vấn !»

Thế là, mỗi đơn vị họp thành một nhóm, ngồi vòng quanh. Tổ trưởng đẩy luôn mấy đối tượng ra ngồi ở giữa vòng để cho quần chúng «đấu tranh». Trước hết, vài tay cốt cán tuyên đọc lý lịch và tài liệu về tội tham nhũng của mấy người này. Rồi gọi từng người ra bắt thú tội, và ai cũng có quyền chất vấn. Mà lần này thì dữ dội, không như khi còn ở đơn vị. Quát mắng, chửi rửa, xoay vặn, túm áo, túm tóc đủ cả. Đã run sợ nên lại càng luống cuống, trả lời ấp úng không rõ ràng, lại càng dẫn tới hoài nghi, giận dữ, và dùng tới chân tay để «bức cung» Không thể hình dung nổi cảnh đấu tố này và tình trạng thê thảm của mấy người bị đấu.

Có lẽ chỉ có tôi là người tỉnh táo nhất. Tôi thấy cách «săn hồ» này quá ư tàn ác và thiếu nhân đạo. Con người dù có tội, cũng không thể hành hạ và làm nhục như vậy, dù mục đích là để truy nã tội phạm. Và cách làm như vậy, rất dễ gây nên oan ức và sai trái.

Hai hôm sau, hãy còn sáng tờ mờ, hơn năm giờ, tôi bỗng bị người đập cửa phòng, gọi gấp :

- «Bác sĩ Nguyễn, dậy chưa ?»

Tôi vội ngồi dậy. Có chuyện gì đây ?

- «Mời bác sĩ tới ngay nha Thị Chính. Có người tự tử!»

Lúc đó, chưa có xe hơi cứu hộ, khoác áo ngoài, chân xỏ ngay đôi giày vải, vừa xuống gác để chạy ra ngoài. Người đến gọi là một nhân viên trong tòa Thị Chính, tôi cũng quen biết.

«Ai thế ? Tự tử bằng cách nào ?» tôi hỏi.

«Bà họ Đàm, kế toán viên. Bà ấy nhảy xuống giếng tự sát, lúc nửa đêm... Đã vớt lên rồi... không cứu được nữa. Nhưng thị trưởng nói phải mời ông tới để khám nghiệm cho rõ !»

À, ra thế. Không phải một «ca» cấp cứu. Tôi thở phào, nhẹ nhõm. Nhưng đồng thời lại cảm thấy ngậm ngùi và tức giận. Đối với nhân viên trong Thị Chính, tôi đều biết vì biên chế của tôi cũng thuộc vào đó, và các nhân viên thường đến chỗ tôi xem bệnh. Nghe nói bà này tham gia công tác đã lâu, tính tình cũng hòa nhã, dễ dãi. Mới mấy ngày trước đây còn gặp, tin này quá đột ngột đối với tôi.

- «Hôm qua, bà ấy bị tố suốt ngày vì tham ô !» anh bạn lắc đầu, có vẻ mèn tiếc và không tin bà ta tham ô lớn.

Dù là bác sĩ, dù đã quen với nhiều cảnh tương tự, tôi cũng thấy trong ngực sôi lên, khi thấy bà nằm dài trên mặt đất, cách giếng không xa. Bà vẫn mặc bộ quần áo cán bộ bằng vải xanh. Không có chồng con, vì bận đi theo «đảng» làm cách mạng, có thể gọi là tận tụy. Nhưng sao lại có tham ô ?

Không phải nhiệm vụ của tôi để trả lời những câu hỏi đó. Khám nghiệm không phát giác điều gì khả nghi. Có lẽ vì lo sợ, hay uất ức quá, sợ tù tội, nên trong một phút bàng hoàng, bà đã lìa rời trần thế. Nghĩ cho kỹ, những người làm việc tài chính trong tay quá nhiều tiền, nhất định là đối tượng quan trọng nhất của cuộc vận động. «Tha hồ hoài nghi», cứ hoài nghi đã không sợ, là một khẩu hiệu của vận động.

Nếu bà kiên cường một chút, thì về sau, giai đoạn cuối của vận động, nếu thực ra không có bằng chứng gì, thường thường cũng chỉ phạt khiển trách mà thôi. Đại đa số «cọp lớn, cọp con» bị đấu tố đều được cho trở về làm việc cũ.

Nhưng tôi vẫn không thể chịu được cái lời dọa nạt, khủng bố của người Cộng Sản Trung Quốc trong mọi cuộc vận động. Đối đãi với «con người» họ xuất phát từ những quan niệm «cứu cánh biện hộ cho thủ đoạn».

Một cảnh thê lương khác nữa, là một lần, tôi được phái tới một đơn vị để «giám định» về tình trạng của một đối tượng. Anh chàng này bị nghi ngờ là giả điên để tránh đấu tố. Đây là một người trẻ, chưa tới ba mươi. Khi tôi đến thì ngồi co ro, ủ rũ trong góc một phòng trống, chỉ có một cái giường gỗ trên vút lung tung quần áo. Đầu tóc bù xù che cả gáy như không cắt đã lâu, râu mọc tua tủa trên môi và cằm. Nước da mặt tái xạm, đôi mắt ngược lên nhìn đầy vẻ sợ hãi, quần áo thốc thếch bẩn thỉu, trông thật thảm thương. Nếu không phải là điên thật thì chắc chắn cũng đã chịu đả kích như thế nào.

Trong lòng tôi bỗng rộn lên một thứ cảm giác đặc biệt hay một lòng trắc ẩn cho con người. Sao lại đến nỗi thế này. Nhiều người yếu đuối, không chịu nổi tra hỏi, đe dọa, thì phát điên cũng không có gì lạ lắm. Khi mấy người chúng tôi vào phòng, tươi cười và vẫy tay với anh, thì anh vội chấp hai tay vái lia lịa, đôi mắt van lơn khó tả. Khi hỏi, thì quả nhiên đã tỏ ra loạn óc. Nhưng dù sao, đối với bệnh nhân, không thể ha ngay chẩn đoán là «điên», «tinh thần phân liệt», cho nên cuối cùng, mọi người đồng ý đưa anh tới một bệnh viện tinh thần gần Quảng Châu để chữa chạy.

Hội họp, học tập, công việc bận rộn suốt ngày, kể cả chủ nhật, và những trường hợp bất thường khiến cho tôi có rất ít thì giờ về thăm nhà. Thành thử không giúp đỡ gì được gia đình, vợ với ba đứa con gái. Không hiểu tại sao trong một thời kỳ đặc biệt như vậy, mà cứ để sòn sòn, kể như hai năm một đứa. May mà vợ tôi không phải chính thức dự vào vận động, vì các trường đều được miễn, chỉ phải tăng thêm giờ học tối mà thôi.

Hai đứa con lớn được đưa vào vườn Ấu Trĩ Viện. Ở nhà có một người u già giúp việc coi đứa con út và việc bếp núc, tiền công cũng thấp. Mỗi khi về đến nhà, tôi chỉ lăn ra mà ngủ. Bụng nghĩ suốt ngày cứ vận động thế này thì quá khổ. Những có dự mới hiểu rõ xã hội mới này.

Năm 1953 này, nhiều người Việt ở ngoài đã về nước, tuyệt đại đa số về khu Pháp chiếm. Chính phủ Bảo Đại - Nguyễn Văn Tâm dựa vào quân đội Pháp để tồn tại. Nhưng, dần dần quân Việt Minh chiếm ưu thế, dưới sự giúp đỡ của Trung Cộng và Nga Sô -, quân Pháp phải lui về giữ những khu đồng bằng và các thành phố.

Một sự kiện đáng ghi nhớ nữa là sự qua đời của Stalin, nhà độc tài đỏ ngự trị Liên Xô và các nước chư hầu ở Đông Âu. Đối với các nước Xã hội chủ nghĩa, Stalin là một vị chúa tể, lại là một nhân vật thần kỳ, một đồ tể

khát máu. Hồi đó, những người ở Á Châu không hiểu nhiều về tội ác của Stalin, và còn bị mê muội bởi chủ nghĩa cộng sản và công lao của Stalin trong việc đánh bại Hitler, nên vẫn coi ông như một nhân vật lịch sử vĩ đại.

Toàn Trung Quốc để tang. Chỗ nào cũng làm lễ truy điệu. Đài phát thanh thành phố dành thời gian để quảng bá, cử nhạc «Hồn tử sĩ» trong mấy phút mặc niệm. Chúng tôi hơi ngạc nhiên trước vụ Beria bị bắt và xử tử hình, song không được rõ về những lộn xộn sau đó. Mãi tới về sau, tới Đại Hội Đảng Cộng sản Liên Xô năm 1956, qua báo cáo của Khroustchev, ai cũng ngã ngửa người ra, không thể tin được những sự khủng khiếp trong nội bộ các đảng Cộng sản và trong hàng ngũ xã hội chủ nghĩa, sự nứt rạn và đánh phá nhau quyết liệt đến thế. Song đó là chuyện về sau.

Qua độ ba tháng vận động mãnh liệt, lãnh đạo tuyên bố đã hoàn toàn thắng lợi cả về mặt giáo dục cán bộ, quần chúng cũng như về chiến tích «săn hổ». Trong đại hội kết thúc, một lô «phần tử tham ô» được dẫn ra trình diện, và lập tức bị còng tay giao sang tòa án xử tội. Tham ô thì nhất định là có, nhưng những con số tiền tham ô được công bố quá lớn, nhiều chỗ khó tin. Về sau, một số ít bị kết tù, còn lại tổng đi các trại cải tạo.

Trong bệnh viện tôi làm, chỉ có hai người bị giáng cấp và do đơn vị giám sát.

Một sự bất ngờ cho chúng tôi, trong buổi họp kết thúc vận động toàn tuyến Thị Chính để tổng kết, là được chứng kiến việc xử lý một số cán bộ.

Sau khi viên bí thư thành ủy tổng kết, nói lên mọi thành tích và thắng lợi to lớn (như thường lệ), và biểu dương một số phần tử tích cực, có công trong việc săn cọp, thì ông bỗng dừng lại, đổi sang nét mặt trang nghiêm, tuyên bố :

- «Trong cuộc vận động này, ngoài những tội phạm kinh tế ra, còn phát hiện được một số phần tử bất lương, thậm chí phần tử đối địch, đã lén chui vào hàng ngũ cách mạng với mưu đồ phá hoại hay che giấu tội lỗi của mình, chờ cơ hội...!»

Mọi người đương ngờ ngác nhìn nhau, thì ông ra lệnh:

- «Gọi chúng nó ra đây !»

Lập tức, mấy tay bảo vệ đọc tên từng bị cáo và xuống các hàng ghế lồi lên trên khán đài. Việc này quá đột ngột, nên tôi thấy chính mấy người đó cũng ngờ ngác, sửng sốt, chỉ còn cách là ngoan ngoãn theo lên trên. Có một người ở ngay trong đơn vị tôi, ngồi cách tôi không

xa. Tôi thấy rõ ông ta mặt tái mét, mắt đầy vẻ sợ hãi và kinh ngạc. Đây là một người làm trong ban quản lý bệnh viện, độ 40 tuổi, ngày thường ít nói, ít khiến người chú ý đến !

Chắc là có gì giấu diếm... vấn đề lịch sử nào đó. Hay là một tay phản động nằm vùng ? Tôi băn khoăn nghĩ. Hay là có ai thù ghét, vu cáo ? Cái gì cũng có thể xảy ra.

Trong lúc ấy, độ tám người đã đứng xếp hàng ngang bên bàn chủ tọa, toàn là cán bộ lớn nhỏ các sở. Họ liền bị lột mũ và lột đi thẻ cán bộ ghim trên ngực, rồi cũng bị bảo vệ dẫn ra ngoài.

Bầu không khí biến thành nặng nề. Vì đây là một hành động bất ngờ và có ý nghĩa chính trị. Cũng bất ngờ, nhưng một cách khác, là ông bí thư tuyên bố bế mạc, sau bế mạc sẽ có bữa cơm do nhà Thị Chính thiết và có chương trình văn nghệ, mong mọi người tham dự, vui vẻ chúc mừng vận động thắng lợi.

Mọi người đều nhẹ nhõm thở phào, và tôi cũng vậy, như trút gánh nặng. Bữa cơm hôm nay có thịt gà luộc, thịt bò xào... như vậy cũng là hậu hĩnh lắm. Hội xong, trở về nhà, trở lại đời sống bình thường.

Nhưng dù sao, tôi cũng phải suy nghĩ, những kẻ bị đưa ra xét xử, có thực là đều có tội hay không, trong phương cách đặc biệt đấu tố như thế ? Phương thức tiến hành vận động có ảnh hưởng thế nào tới tâm lý quần chúng. Còn những kẻ xấu số đã tự kết liễu đời mình, làm sao có thể bù đắp được những tang tóc ấy; gia đình, người thân họ nghĩ sao ?

Tôi đã tham dự, đã mắt thấy tai nghe mấy cuộc vận động cải tạo của người Cộng sản Trung Quốc. Chắc sau này, sẽ còn nhiều vận động như thế nữa. Cuộc sống chắc sẽ khó được hoàn toàn bình thường.

Còn về phần «năm chống» tôi chỉ được biết rằng cũng khá kịch liệt. Đối tượng ở đây là những nhà tư sản đầu cơ, hối lộ, gian lận. Như một số nhà kỹ nghệ đã gian lận trong việc bán thuốc và đồ băng cấp cứu gửi sang mặt trận Cao Ly, giá trị tới hàng triệu đồng. Họ đã bị kết án tù nặng.

Tuy vậy, nói chung tham nhũng và gian lận, hối lộ đã giảm bớt sau cuộc «ba chống, năm chống».

Chương IX - 1954-56, Thời Kỳ Êm Lặng Và Thịnh Vượng - Những Làn Sóng Ngầm

Xã hội Trung Quốc bước vào một giai đoạn tương đối ít sóng gió, sau những cuộc vận động vừa qua. Đồng thời, tại Việt Nam, sau chiến thắng Điện Biên Phủ về hiệp định Geneve, chia đất nước làm đôi, tiếng súng đã tạm im.

Lưu Thiếu Kỳ đã nói : «Giai đoạn bão táp của cách mạng đã qua». Chiến tranh Cao Ly đã tạm ngừng với bản đình chiến, hai nước Cao Ly lấy vĩ tuyến 38 độ làm ranh giới. Như vậy, trên thế giới có ba quốc gia bị chia rẽ, một bên Quốc, một bên Cộng. Còn phải kể Trung Quốc, Quốc Dân Đảng còn chiếm giữ một hòn đảo. Đài Loan - nhưng không còn là uy hiếp lớn đối với Trung Cộng nữa.

Thế giới chiến tranh đã khiến cho dân tộc Đức, Hàn, Việt, phải xẻ làm đôi, trong cảnh gia đình ly tán, kẻ Bắc người Nam, kẻ Đông người Tây, mà không biết đến bao giờ mới đoàn tụ được. Vận mệnh thực là đắng cay cho những dân tộc ấy, và số phận sẽ ra sao, không ai lúc đó có thể đoán được.

Đời sống gia đình chúng tôi cũng được yên ả. Tôi vẫn có thể Ngoại kiều, cứ hai năm phải xin lại một lần, cũng không có gì trở ngại. Vì vợ là người bản quốc, lại có bốn đứa con gái. Vào năm 1955, thêm đinh : Nguyễn Hứa Anh, có thể gọi là Tứ Long Công Chúa; gánh nặng gia đình khiến chúng tôi chật vật mới ứng phó được. May mà vài năm sau, có lần «bình» lại lương, cả hai đều được tăng một ít.

Nhớ nhà, nhớ quê hương da diết. Nhớ đất sinh ra đời chôn rau cắt rốn, Cẩm Giàng nghèo nàn im tĩnh, với những lũy tre xanh kéo dài trên đồng lúa. Cả hai vợ chồng đều nhớ tới Hà Nội, hồ Gươm, cầu Thê Húc, phố Tràng Tiền, hàng Đào, hàng Ngang náo nhiệt,... đường Quan Thánh, Cổ Ngư, Yên Phụ, ngôi nhà tranh nằm trên bờ Hồ Tây nước vỗ suốt đêm.

Những người thân, bạn hữu, nay tan tác bốn phương. Đôi khi, cũng nghĩ đến về miền Bắc, song làm sao được. Rồi về Nguyễn Tường đã vào miền Nam cả; bên vợ tôi, thì còn miền Nam, lúc đó còn đương bấp bênh, chưa ổn định ? Gia đình một số nấn ná ở lại Nam Định. Nhưng ý mọi người, như của bà mẹ, của anh Tam thì lại cho rằng tạm thời không nên về vội, vì còn nhiều rối ren, nếu đời sống bên Trung Quốc vẫn được yên ả... và còn gia đình...

Được nghe tin anh Đỗ Đình Đạo đột nhiên mất tại Hà Nội, nguyên nhân vì bị trúng độc. Tôi sững sốt và buồn ngùi thương tiếc người bạn thân tình, đã từng sát cánh chiến đấu và cùng lưu vong bao năm. Lại nhớ đến những ngày tại Vĩnh Yên, cái tỉnh lỵ nhỏ bé, tại Quảng Châu, khi nghe tiếng thổi Charinette (hắc quản) du dương của anh mỗi buổi chiều tại khu phố xa lạ, khi cùng anh nằm trên phản đánh cờ tướng không bàn cờ... Ôi ! biết bao nhiêu anh em đã qua đời ! Biết bao đau thương, song không còn nước mắt để khóc người đã đi xa, hay để khóc cho tình cảnh tha hương của mình.

Hai hôm sau, vào ngày chủ nhật, trời tạnh, tôi dắt đứa con lớn ra ngoại thành, đi trên con đường thẳng tắp, qua sông, đến mấy ngọn đồi, rồi ngồi dưới gốc thông, nhìn xuống giòng nước xanh lững lờ trôi dưới chân. Sông, núi, đồng ruộng, những con người đương lao động đàng xa, sao giống như cảnh bên ta quá, nhưng vẫn có cái gì xa lạ.

- «Ba, ba nhìn gì vậy ?» cháu bé bỗng hỏi. Tôi sực tỉnh. Phải quay về với hiện thực thôi. Làm sao đây ? Ở đây mãi sao ? Với câu hỏi không thể trả lời trong đầu, chúng tôi lững thững lê gót trở về thành phố.

Tình thế nội ngoại đã được ổn định. Trung Cộng soạn bản Hiến Pháp đầu tiên của nước Cộng Hòa Nhân Dân

Trung Hoa. Qua các cuộc vận động, nội bộ được chỉnh đốn. Trung Cộng có thể tuyên bố đã chiến thắng quân Đế quốc Mỹ tới tận và đồng lõa Liên Hiệp Quốc. Uy tín của đảng và của Mao Trạch Đông đã lên rất cao. Dù đây là một chế độ độc tài, nhưng trong nước được yên ổn, thổ phỉ cướp bóc được quét sạch, nạn cờ bạc, thuốc phiện đã tiêu diệt hết. Vì thế, việc làm ăn phát đạt hơn trước. Một số nhà máy mới đã dựng lên. Công nhân được yên tâm làm lụng.

Thực tế trước mắt là kinh tế thịnh vượng, đời sống dễ dàng hơn trước. Đảng Cộng sản vẫn khuyến khích thủ công nghiệp, và cho phép buôn bán nhỏ - trong giai đoạn quá độ này. Giai cấp tư sản vẫn còn giữ được một phần nhỏ trong các xí nghiệp, vẫn được bỏ tiền vốn vào đầu tư và kiếm một số tiền lời nhỏ - và được gọi là «tư sản dân tộc». Do đó, vì không phá hoại ngay các cơ sở kinh doanh cũ, nên kinh tế được phát triển. Đó là thực hiện chính sách gọi là «năm thành phần kinh tế» chung sống với nhau trong giai đoạn quá độ từ «Tân dân chủ chủ nghĩa» tới «Xã hội chủ nghĩa».

Cần phải công nhận là người Cộng sản Trung Quốc rất khôn khéo khi tránh những biện pháp quá cực đoan, cả về kinh tế lẫn chính trị. Theo cuốn «Luận Tân nhân dân chủ» của Mao Trạch Đông, hai giai cấp cần tiêu

diệt đầu tiên là giai cấp địa chủ và phú nông. Cuộc cải cách thổ địa quả nhiên đã tàn bạo và gây nhiều oan ức, nhất là đối với con cháu người địa chủ. Nhưng dù sao cũng chỉ là một số nhỏ, lớp trung nông và bản cổ nông chiếm đại đa số. Họ được chia một số ruộng nhỏ để cấy cấy, thuê má tương đối nhẹ hơn, không phải lệ thuộc vào địa chủ nữa. Tại các xã, chính họ đã hợp thành hợp tác xã, do cán bộ đảng quản lý. Nói chung, đời sống tuy vẫn còn rất nghèo, đặc biệt ở các vùng núi hay các vùng đất cằn cỗi, nhưng theo chỗ tôi thấy, đã sung túc hơn trước đôi chút đã ít thấy những kẻ ăn xin, lam lũ.

Còn về chính trị, người dân đã quen sống dưới ách độc tài hàng thế kỷ, kể cả của Quốc Dân Đảng, nên còn chịu đựng được ách thống trị của đảng Cộng sản, và tình hình được ổn định hơn, ít tham nhũng hơn. Thêm vào đó, khác với Quốc Dân Đảng, việc tuyên truyền của Cộng sản rất giỏi, đứng trên chủ trương «giai cấp công, nông là giai cấp lãnh đạo», họ tiếp xúc với công, nông nhiều hơn và hứa hẹn cũng nhiều.

Một mặt, chủ nghĩa Mác Lê có vẻ lôi cuốn hơn chủ nghĩa Tam Dân của Tôn Dật Tiên, đưa hy vọng về xã hội chủ nghĩa thiên đường tương lai, tiêu diệt bóc lột, thế giới đại đồng v. v...

Đối với giới tiểu tư sản, trí thức, họ cũng cho hy vọng vào tương lai, nhưng cần phải cải tạo, gột rửa những tư tưởng «tư sản».

Hồi đó, có thể nói là phong trào Cộng sản đã lên tới đỉnh cao. Cộng sản đã chiếm cả Đông Âu, Liên Xô và Bắc Hàn, Bắc Việt Nam trên thế giới. Liên Xô được hào quang về chiến thắng Đức - Nhật. Trung Cộng cầm cự được với cả quân Mỹ và Liên Hiệp Quốc. Stalin đã chết, trong hàng ngũ Đệ Tam Quốc Tế, Mao Trạch Đông trỗi hẳn lên như một thần tượng, át cả Khrouchev, Malenkov v.v... vì Mao là một người kỳ cựu, sáng nghiệp, đồng thời viết rất nhiều tác phẩm lý luận, như «Luận thực tiễn», «Luận về chiến tranh du kích» v.v... Cho nên, Mao đã trở nên vị thần bất khả xâm phạm được cho người Trung Quốc, đặc biệt là với óc chủ nghĩa dân tộc, họ coi Mao là một vĩ nhân lịch sử kể cả của nhân loại.

Cũng chính vì vậy cả Mao, đảng Cộng sản Trung Quốc, và những người mù quáng tin theo, ngay từ lúc này đã «đầu não phát sốt», tự cho mình là «đỉnh cao trí tuệ» của cả loài người (lạ nhất, là ông cộng sản nào cũng tự cho là đỉnh cao của trí tuệ cả - tác giả ghi chú), nên đã đi tới chỗ cuồng nhiệt, mất lý trí, và sau đã bước vào những hành động điên rồ, gây tai họa khủng khiếp mà họ gọi là «cách mạng vô sản!». Đó là truyện về sau.

Của đáng tội, trong số cầm đầu đảng, có người sốt không cao như thế. Dù vẫn là chuyên chế, độc tài, nhưng họ thực tế hơn, muốn ăn chắc hơn, muốn tránh khỏi phản ứng mạnh của dân chúng. Đó là mấy người như Lưu Thiệu Kỳ, Châu Ân Lai, Chu Đức, Bành Đức Hoài v.v... Họ cũng đồng ý rằng «những cơn bão táp trong phong trào cách mạng đã qua rồi», và muốn khởi đầu một thời kỳ không quá cực đoan, có trật tự để kiến thiết đất nước. Họ có thể lực trong đảng : Lưu, Châu, Chu Đức đều là phó chủ tịch đảng, Đặng Tiểu Bình nắm chức Tổng thư ký. Lại toàn là đồng chí nổi khổ của Mao.

Trong số người ấy, Lưu Thiệu Kỳ có uy tín hơn cả, chỉ đứng đằng sau Mao. Lý do là Lưu đã hoạt động ở trong khu vực thành phố với công nhân, được giới này ủng hộ, đồng thời đã có những tác phẩm coi như giáo điều như «Luận sự tu dưỡng của người Cộng sản», lý luận về sự kiến thiết đảng v.v... Nếu so sánh, thì Lưu có vẻ ôn hòa hơn, Mao dữ dằn hơn và nhiều thủ đoạn, - chắc chắn vì đã đọc Đông Chu Liệt Quốc, Tam Quốc Chí hay cả Kim Bình Mai (truyện Võ Tòng) và cả Thủy Hử. Có người nói, Mao từng bảo các đồng chí là nếu không xem các truyện ấy thì không đủ tư cách làm lãnh tụ...

Nên nhớ rằng, chính trị, kinh tế, văn hóa, tất cả đều là vũ khí của cộng sản trong cách mạng và kiến thiết. Mặt nào, họ cũng đều có cương lĩnh và quy định rõ ràng, không ai có thể vượt ra ngoài phạm vi đã ấn định. Báo chí, sách vở, điện đài, truyền hình, tất cả là của nhà nước hay là do nhà nước kiểm soát chặt chẽ. Không có một tiếng nói tư nào, hay là tiếng nói ở ngoài vào mà có thể công khai được, nếu không có phép của chính phủ, Có thể gọi đây là một nhà tù truyền thông không có giới hạn.

Không những bị ngăn ngừa về nói, về viết, người ta còn bị ép buộc cả về lối nghĩ - tư tưởng. Bị luôn luôn rót vào tai những quan niệm chính thức, và luôn luôn bị nhắc nhở phải uốn nắn mình, phải gạt bỏ những tư tưởng tư sản, phản động, để thành một con người «mẫu mực» theo lối Mác-Lê. Tệ hơn nữa, là ngay người trong nhà, cũng không thể nói thực cả những điều muốn nói - sợ tải vách mạch rừng, đến tại công an, tại nhà chức trách. Sự bung bít và kiểm tỏa chặt chẽ tinh vi này là một nền tảng đảm bảo sự vững chắc của bộ máy chuyên chế cộng sản.

Ngày xưa, các ông Hoàng Đế ngồi lẫm liệt trong Tử Cấm Thành, để trị vì thiên hạ. Bây giờ, có Hoàng Đế kiêu mới, nhưng hung bạo và tinh vi hơn nhiều, tự

phong mình là đại diện chân chính của giai cấp vô sản. Sự thực là ngoài quyền lực vô song, toàn bộ tài sản của dân chúng coi như là tài sản của nhà nước, thực tế là do một nhóm cầm đầu đảng Cộng sản chi phối.

Cuộc chiến cách mạng đã kết thúc. Đảng Cộng sản đã tiêu diệt được các đối thủ, thống nhất được Trung Quốc. Ổn định đã thực hiện nói chung. Các giai cấp phản động - địa chủ, phú nông, tư sản - không còn dám quấy rối. Toàn quốc đã được dồn ép trong cái khuôn «cách mạng vô sản», «nhân dân chuyên chính» với mục tiêu là xây dựng «chủ nghĩa xã hội», dưới sự lãnh đạo độc tôn của đảng. Cái khuôn mẫu này cũng giống như thể chế các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu, tuy chi tiết cụ thể có khác. Nước Trung Quốc cộng sản đã thành một thành viên mới, hùng mạnh của xã hội chủ nghĩa thế giới, theo gương mẫu của nước đàn anh Liên Xô - hình tượng tương lai của Trung Quốc hay Việt Nam.

Để tổng kết giai đoạn chiến đấu đã qua và kế hoạch giai đoạn kiến thiết sắp tới, Trung Cộng triệu tập Đại Hội Đảng lần thứ 8, mong thống nhất quan niệm của hàng triệu đảng viên, tiến nhanh và vững chắc tới một xã hội mới, bước đầu dẫn tới một thiên đàng hạ giới. Với những thành tựu lớn lao kể trên, Mao Trạch Đông đã thành một vĩ nhân của thời đại, một vị thần đối với

đa số dân chúng chỉ nhìn thấy hiện tượng bề mặt, mà không thấu hiểu bản chất của chế độ sẽ đưa tới tai họa thế nào.

Bề mặt an tịnh như thế đã che lấp nhiều mâu thuẫn, nhiều xung đột sâu xa, sản phẩm tất nhiên của một chế độ chuyên chế toàn diện đã làm rối loạn tiến trình chuyển biến tự nhiên của nhân loại. Mâu thuẫn về nội bộ xã hội, giữa kẻ bị tr và kẻ thống trị, mâu thuẫn về sự xâm phạm quy luật tự nhiên về kinh tế, mâu thuẫn về đường lối quốc tế cực đoan với truyền thống của dân tộc và lợi ích của nhân dân, mâu thuẫn giữa ý chí cực đoan chủ quan của ban lãnh đạo và thực tế xã hội. Tất cả những cái đó kết thành những luồng sóng ngầm trong xã hội mới. Mà lỗi lầm to lớn, chí mệnh nhất của người cộng sản là không nhận thấy những mâu thuẫn ấy, hoặc giải quyết bằng những phương pháp cực đoan, thô bạo.

Người Cộng sản thường tự khoe mình là nắm được «biện chứng pháp», nên có thể hiểu và ứng phó với mọi sự vật «bách chiến bách thắng». Nhưng chính các vị «vĩ nhân» cộng sản đã bị «biện chứng pháp» đánh cho toi bời hoa lá. Lịch sử các nước «xã hội chủ nghĩa» đã chứng tỏ điều này.

Chương X - Đại Hội 8 Của Trung Cộng Và Tình Hình Quốc Tế - Những Chuyển Biến Đột Ngột - «Chống Hữu»

Bài quốc ca hồi đó chính thức là bài «Nghĩa dũng quân tiến hành khúc», một ca khúc từ đời chống Nhật. Nhưng bài ca phổ biến nhất là bài «Đông Phương Hồng» ca tụng Mao Trạch Đông như một đại cứu tinh. Đại ý là :

*«Đông Phương Hồng, mặt trời mọc lên
Tại Trung Quốc xuất hiện một Mao Trạch Đông,
Người là đại cứu tinh của nhân dân
Người dìu dắt nhân dân dành được giải phóng...»*

Thế đủ biết, lúc đó, cái «mê tín cá nhân» đã lan tràn, dù người Cộng sản chủ trương chủ nghĩa tập thể. Một tệ đoạn tại hại nhất.

Cùng lúc, cũng có một bài ca trong đảng với đầu đề «Không có đảng Cộng sản thì không có Tần Trung Quốc», nhưng không phổ cập bằng bài Đông Phương Hồng.

Tại Việt Nam, cũng có bài «Hồ Chí Minh muôn năm». Nhưng CSVN lại đề xướng khẩu hiệu «Chủ nghĩa Mác Lênin, tư tưởng Mao Trạch Đông», đủ biết họ sùng bái

Mao Trạch Đông đến mức nào. Thực ra, về lý luận, đối chiếu với những vấn đề đặc biệt ở Á Châu Mao Trạch Đông đã có một số trước tác, có lẽ còn nhiều hơn cả Stalin. Đó là «Luận mâu thuẫn, «Luận thực tiễn», «Chữ nghĩa Tân Dân Chủ», thuyết «Nhân dân dân chủ chuyên chính». Tình cảm «vô sản» giữa hai đảng thực là thấm thiết. Chỉ cần nghe bài hát «Việt Nam - Trung Quốc» là đủ rõ. Chắc những bạn đã từng sống ở Bắc Việt cũng đã từng nghe :

*«Việt Nam, Trung Hoa
Núi liền núi, sông liền sông
Sáng sớm nghe tiếng gà gáy cùng.
... Nhân dân ta ca muôn năm,
Hồ Chí Minh, Mao Trạch Đông...»*

Cả hai bên đều sặc mùi cá nhân. Cũng giống như tại Bắc Hàn, có lãnh tụ vĩ đại, đồng chí Kim Nhật Thành, cha già của dân tộc.

Song, mối tình duyên Trung Sô, Trung Việt thấm thiết và vĩ đại như nhau, chẳng bao lâu sẽ theo thời gian mà «cuốn theo chiều gió».

Đại hội đảng có hai nhiệm vụ : một là tổng kết quá khứ hai là quyết định đường lối kiến thiết. Trước hết, là thông qua bản hiến pháp đầu tiên của nước Cộng Hòa

Nhân dân Trung Hoa, mà cốt lõi vẫn là chuyên chính dân chủ nhân dân - một giai đoạn đầu của chuyên chính vô sản; và sự lãnh đạo độc tôn của đảng Cộng sản.

Đại hội do Mao chủ tọa, nhưng đọc báo cáo lại là Lưu Thiếu Kỳ. Một quan điểm cơ bản là nay thời kỳ bão táp cách mạng đã qua rồi, giai cấp đấu tranh tuy còn nhưng không phải là chủ yếu, mà trọng tâm phải chuyển sang phát triển kinh tế, nâng cao sức sản xuất, để đuổi kịp những nước phát triển trên thế giới.

Quan điểm này được đa số đảng viên và dân chúng ủng hộ, vì những biện pháp «cách mạng» đấu tranh cực đoan đã làm cho người ta chán ghét và sợ hãi, nay cần phải hòa hoãn một chút cho dễ thở ? Quan điểm này đã làm cho Trung Quốc tạm lắng đọng một thời gian ngắn, xã hội an định, kinh tế phát triển, đời sống người dân dễ chịu hơn. Đó là nhờ ở chính sách ôn hòa của Lưu và phe phái.

Đời sống gia đình của chúng tôi cũng thoải mái hơn. Đồng lương ổn định, vật giá tương đối thấp, trị an tốt, thất nghiệp ít. Dù còn ách độc tài kèm chế trên đầu, nhưng dân chúng cảm thấy dễ thở. Theo chỗ tôi còn nhớ, các xưởng, các xí nghiệp phát triển, thiếu người làm; chính phủ phải cổ động phụ nữ. Xưa nay vẫn quen làm nội trợ - ra làm việc. Có lẽ đó là thời kỳ tốt lành

nhất trong cả mấy chục năm chúng tôi sống ở Trung Quốc. Cũng vì thế, một số Hoa Kiều tại ngoại quốc cũng đã lục tục trở về sinh sống tại trong nước.

Tôi nghĩ rằng, thực là rất tiếc, duy trì chính sách ôn hòa và thực tế ấy không được bao lâu. Nếu không, thì Trung Quốc chắc đã sớm có tiến bộ, và không đến nỗi phải chịu đựng những tai họa tàn phá khủng khiếp trong hai, ba chục năm sau đó. Chỉ khổ cho hàng mấy trăm triệu người Hoa - đủ các sắc tộc, sẽ gặp những cơn bão táp kinh hoàng mà phải nói là một phần do chính họ đã giúp vào việc gây ra, bằng sự mê muội của người dân chỉ nhắm mắt hô to «Mao chủ tịch vạn tuế !»

Đại hội thông qua một đường lối xây dựng chung gọi là «Tổng lộ tuyến xây dựng chủ nghĩa xã hội» và một chương trình cụ thể «Kế hoạch kiến thiết năm năm» - hai văn kiện cơ bản. Chúng tôi đều có tham gia học tập hai văn kiện này. Đường lối và kế hoạch xem ra cũng không đến nỗi quá ư cực đoan. Nhưng vì nó dựa trên nguyện vọng chủ quan và sao chép các nước Liên Xô, Đông Âu, nên không trông thấy sự thực tồi tệ tại các nước đó, khác hẳn với sự tuyên truyền rầm rộ một chiều, nên thất bại là cái chắc.

Một mặt, ngược lại, có một số đảng viên cấp tiến hơn cho là chưa đủ mùi vị cách mạng, quá ư bảo thủ. Mao vẫn thấy không ổn. Vì Lưu Thiếu Kỳ có vẻ lẩn át. Lưu được bầu làm Chủ tịch nhà nước và nắm được đa số các hệ thống đảng, hơn cả Châu Ân Lai. Châu vẫn giữ chắc Tổng Lý, thái độ có vẻ trung dung. Mao Trạch Đông vốn rất mê đọc những truyện sử thời phong kiến xưa, nhiều hoàng đế thành công rồi quay lại sát hại công thần cũ - như Hán Cao Tổ đối Hàn Tín.

Các đảng Cộng sản thường bùng bít tất cả mọi tin tức bất lợi cho họ, cho nên dân chúng không biết gì về những sự xáo trộn hay chống đối trong các nước cộng sản khác.

Ba tháng sau cái chết của Stalin, tại Đông Đức, Bá Linh năm 1953, công nhân đã kéo xuống đường đến hàng trăm ngàn để đòi quyền lao động, đòi cải thiện sinh hoạt, rồi tiến tới đòi giải tán chính phủ cộng sản, bầu lên một chính phủ toàn dân. Đương cục Cộng sản Đức không đủ sức ngăn cản, phải nhờ đến quân đội và xe tăng của Nga Xô tới đàn áp, gây ra mấy trăm người chết, hàng ngàn người bị bắt, rồi mấy chục người bị xử quyết tàn nhẫn. Cái gọi là chuyên chính vô sản lại chém giết ngay người vô sản một cách đẫm máu !

Tại Đại Hội thứ 20 của đảng Cộng sản Liên Xô, Khrouchev kịch liệt tố cáo chính sách tàn ngược của Stalin. Nhưng cả Bắc Kinh hay Hà Nội đều không tán thành và không cho dân chúng biết. Việc này đã dẫn đến sự chia rẽ trong hàng ngũ cộng sản quốc tế. Mao Trạch Đông sau đó lên án Khrouchev là phạm «chủ nghĩa xét lại», đi trái với chủ nghĩa Mác Lênin. Đây là nguồn gốc của sự xung đột Trung-Xô sau này và cũng là một cơ để Mao phát động cuộc «đại cách mạng văn hóa» tây trời 10 năm sau, mà Lưu Thiệu Kỳ và nhiều lãnh tụ cao cấp sẽ là nạn nhân đáng thương.

Cùng năm 1956, cuộc cách mạng đòi tự do dân chủ vĩ đại tại Hung Gia Lợi đã lôi cuốn xuống đường hàng triệu công nhân, trí thức, công chức, nông dân biểu tình để đòi độc lập thực sự, đòi xóa bỏ độc tài, thiết lập tự do dân chủ. Cả đến cảnh sát và quân đội cũng tỏ ý đồng tình và không can thiệp. Đủ biết dân Hung phần uất đến bực nào đối với đảng Cộng sản Hung và quân chiếm đóng Nga. Cuộc nổi dậy chính nghĩa này bị đảng cộng sản lên án là phản cách mạng, là âm mưu phá hoại của bọn đế quốc tư bản. Chính quyền Cộng sản đã gần như tan rã, và lại do chiến xa Nga can thiệp, đàn áp và tàn sát ác liệt.

Hiển nhiên, những chế độ «xã hội chủ nghĩa» này đều đã hoàn toàn trái lòng dân. Nhưng những tay cầm đầu như Mao Trạch Đông hay Hồ Chí Minh run sợ, cảm thấy nguy cơ và thấy cần phải xiết chặt thống trị để phòng ngừa. Tại Việt Nam, là cuộc cải cách điền địa, và vụ trấn áp Nhân Văn Giai Phẩm. Tại Trung Quốc, Mao tung ra một cuộc vận động chính trị, chống lại với xu hướng hữu khuynh tư sản, mà Mao cho là đại hội thứ 8 của đảng đã phạm. Điều này cũng là một mũi dùi chống phe ôn hòa và Lưu Thiếu Kỳ.

Lập luận của Mao là, do nói lỏng tư tưởng cách mạng, dưới ảnh hưởng của một số tư sản tàn dư và một số cán bộ tiêm nhiễm «tư tưởng xét lại», đã xuất hiện những ngôn luận chỉ trích đảng cộng sản là chuyên chế, đòi nói rộng tự do tư tưởng và tự do ngôn luận, đòi các tổ chức như Công đoàn thoát ly sự lãnh đạo của đảng v.v... Nếu để yên thì sẽ có ngày sinh ra hỗn loạn, nguy hiểm, dẫn tới «vong đảng», «vong quốc». Mao cảnh cáo toàn đảng phải mau tỉnh ngộ, kịp thời ngăn ngừa tai họa.

Đường lối cực đoan của Mao lại thắng thế, vì bị con «ngáo ộp» Bá Linh, Hung Gia Lợi đe dọa, ai dám hé răng ? «Đừng quên sự phản công của giai cấp tư sản!» Mao nhắc lại, và đề ra mở một cuộc vận động gọi là «phản hữu khuynh» để quét sạch những trào lưu phản

động, phản cách mạng kẻ trên.

Thế là, người dân Trung Quốc muốn yên thân một chút cũng chưa được. Chúng tôi đã được hưởng tạm một năm dễ chịu, học tập không khẩn trương quá, ngày nghỉ có thời giờ đi chơi, đi bơi, hay đi xem xi nê, ăn bát mì «vằn thắn», mà đầu óc ít bận rộn. Thì cứ thế mà tiến lên, tôi nghĩ. Đạo ấy, còn nhớ «luận điểm» của Lenin về vai trò của quốc gia : khi xã hội đã tiến đến một mực nào đó, thì vai trò của chính phủ sẽ giảm bớt, không cần phải thực hành chuyên chính nữa, mọi người đều tự giác tuân theo kỷ luật xã hội - đó sẽ là thiên đảng cộng sản chủ nghĩa.

Nhưng tất cả đều vỡ mộng. Mao đập bàn, thét lên một tiếng : «Đừng mơ ngủ nữa ! Đấu tranh giai cấp vẫn còn đó. Mơ ngủ là chết !» Sự thực là Mao quá hoảng sợ cho mình, vì chung quanh đâu cũng thấy kẻ địch, kẻ cả những «chiến hữu» thân mật nhất cũng có thể là địch. Mao không thể cho ai vượt lên trên mình cả. Chứ thực ra tuyệt đại đa số những người bị lên án là «phái hữu» hồi đó đâu phải muốn lật đổ đảng Cộng sản, dù trong thâm tâm họ không ưa. Và từ cuộc «chống hữu» trở đi, đường lối cực đoan của Mao chiếm ưu thế tuyệt đối, không ai dám hé răng phản đối, đưa tới những lỗi lầm khủng khiếp và những tội vạ lớn trên đầu người dân vô

tội.

Bao giờ những cuộc vận động chính trị cũng bắt đầu một cách ôn hòa, một bộ mặt dịu dàng để cho mọi người không - chú ý, mắc vào tròng. Nào là «đề ý kiến để giúp đảng cải tiến công việc», nào là «chữa bệnh cứu người» nào là «thẳng thắn nói ra, nói nhiều, nói lớn» - Hình thức chính là giao tâm (trao tim) trên những «đại tự báo» tức là bích báo, càng nhiều càng tốt, ai viết nhiều thì được tuyên dương. «Ngôn giả tận ngôn, ngôn giả vô tội» - nghĩa là «nói thì nói hết cái mình nghĩ, người nói không có tội»

Những kẻ ngây thơ - chiếm đại đa số - tưởng thật, vì vậy cố gắng viết, từ những việc nhỏ vô thưởng vô phạt, rồi đến cả những khuyết điểm của đảng, của đảng viên, của lãnh đạo, rồi đến cả những vấn đề lớn hơn, như tham nhũng, đặc quyền, độc tài v.v...

Vận động bắt đầu từ Trung ương trở xuống. Đối tượng là cấp cán bộ, chức viên, phần tử trí thức, các người tư sản, và cả sinh viên đại học nữa.

Vì là một bác sĩ trong một bệnh viện công lập, coi như một cán bộ, tôi cũng thuộc vào mấy hạng đó. Tôi tự nguyện tham dự vào học tập, mục đích là để hiểu rõ tiến trình của cuộc vận động như thế nào, và thái độ của

dân chúng đối với đảng Cộng sản ra sao. Mặt khác, có những vấn đề thắc mắc, tôi cũng muốn nhân dịp đưa ra để xem thái độ của đảng ra sao. Thực sự, qua cuộc «học tập» này, tôi đã học được rất nhiều.

Nhưng đến giai đoạn hai thì mục đích chính của vận động mới lòi ra. Các tờ bích báo được xếp đi hết, chỉ để lại một phần được chọn lọc. Tác giả số bích báo ngơ ngác nhìn nhau. Không hiểu ra sao. Nhưng trong số đó, không có những tờ tôi viết.

Họp đại hội, Ủy ban lãnh đạo học tập lên tiếng khen tính tích cực của mọi người, đã sốt sắng giúp đảng.

- «Song...» Ông lãnh đạo nói, dẫn giọng, «có những phần tử thừa cơ đảng muốn tiếp thụ ý kiến, để công kích đảng, xuyên tạc sự thật, đả kích lãnh đạo, thậm chí muốn lôi kéo đảng sang con đường đầu hàng giai cấp tư sản, đầu hàng chủ nghĩa đế quốc...»

Phê bình những hiện tượng tiêu cực, phê bình lãnh đạo chủ quan, lạm quyền - đáng lẽ là nên mừng, nên hoan nghênh Nhưng những phê bình đó, vì đụng chạm đến lãnh đạo, làm mất thể diện hay uy tín, nên đã bị gán ngay là đả kích lãnh đạo, công kích đảng viên, có nghĩa là công kích đảng ! Có tư tưởng hữu khuynh, phản động!

Có lúc trong thành phố đồ ăn thiếu thốn, những con gà, vịt gây nhom cũng bày ra bán. Có người ví là bán cò cho dân chúng ăn. Đó là sự thực. Nhưng cũng bị gán luôn là «nói xấu chủ nghĩa xã hội» - phái hữu.

Cao hơn nữa, nếu đề nghị đảng cởi mở hơn, mở rộng tự do ngôn luận, cho phép người dân hội họp, hay mở rộng phạm vi tuyển cử các cấp hội đồng, chính phủ... những ý kiến xem ra hợp lý - nhưng là phạm tội lớn, bất mãn với đảng, mưu mô tước quyền lãnh đạo của đảng - phái hữu nghiêm trọng, phải trừng trị nghiêm khắc.

Vì óc giáo điều cứng nhắc, ở trên cho chỉ tiêu xuống, bình quân là có 5% trong cán bộ, công chức là phái hữu, tất cả các cơ quan đơn vị đều phải đạt chỉ tiêu đó, nếu không sẽ bị khiển trách là tiêu cực trước bọn phá hoại. Cho nên, dù trong đơn vị mình, chẳng thấy có ai có chứng cứ là phái hữu cả cũng phải tìm cách moi móc, thổi phồng sự thực, và qua đấu tố bức cung, để tìm ra đủ số «phái hữu» trình lên trên. Điều này đã tạo nên biết bao kẻ oan ức, bị kết tội là phái hữu chỉ vì vài ý kiến rất thông thường, hay nhẹ ra cũng bị cho là có tư tưởng phản động hay phần tử bất mãn.

Trong đơn vị tôi làm, có một cô y tá trẻ, nguyên là Hoa Kiều từ Nam Dương về, tưởng là đảng rất cởi mở, muốn nghe lời khuyên của quần chúng, nên có gợi ý là

không nên đối xử kỳ thị với con cái các địa chủ hay tư sản. Bị ngay mấy kẻ lãnh đạo chớp ngay lấy, lên án là bất mãn, bêu xấu các vận động chính trị, đồng tình với các giai cấp địch và bị «cách ly» riêng một chỗ để hỏi cái, và bị phong là phái hữu. Uất ức quá, đã có lần lấy thuốc ngủ tự tử, may có người phát giác và cứu được. Tuy vậy, cô vẫn bị đưa ra phê phán là trốn tránh vận động, bất mãn chính sách của đảng. May vì là «Hoa kiều yêu nước», nên chỉ giáng chức, giáng lương và điều đi nông thôn làm việc.

Những kẻ không may bị kết là phái hữu, thì tùy nặng nhẹ mà trừng phạt. Nếu tội danh là bất mãn về đường lối chính trị, đòi cởi mở tự do hay gỡ tội cho gia đình địa chủ, tư sản, thì sẽ phải đi tập trung cải tạo vài năm. Có người bị tống lên miền Bắc, tuyết gió lạnh lòng, và lâu năm mới được về.

Ấn tượng sâu xa đối với tôi là cảnh một bà bác sĩ, viện trưởng một nhà thương sản phụ khoa, kỹ thuật cũng khá cao, ngày thường rất khiêm tốn, hiền hậu, nhưng đến hôm đại hội tuần cuối, bà bỗng bị gọi đích danh và bắt lên ngồi một góc hội trường dành cho bọn «phái hữu» ! Trông nét mặt bà lúc đó vừa ngơ ngác, vừa sợ hãi, vừa thảm thương. Bà bị tuyên bố cách chức viện trưởng, tống đi học tập ở xa... khi mọi người đã rời hội trường

ra về, tôi vẫn thấy bà ngồi ủ rũ trên ghế, không nhúc nhích, mãi đến khi có người đến kéo ra ngoài.

Về sau, có người nói rằng vì bà đã không khai hết về gia đình quan lại cũ của mình và đã viết một số ý kiến phê bình bà bí thư chi bộ đảng...

Nhưng, những cuộc đấu tố và thanh trừng ghế góm nhất phải là ở cấp cao nhất, cấp Trung ương. Những nhân vật «phái hữu» này toàn là nặng ký cả, mà phần lớn là những người có địa vị trước kia nghe theo tiếng kêu gọi «đoàn kết» của đảng và bây giờ cũng thực lòng «đề ý kiến để giúp đảng».

Sau giai đoạn viết bích báo, đề ý kiến, tờ «Nhân Dân Nhật Báo» - cơ quan của đảng Cộng sản Trung Quốc tại Bắc Kinh, đăng lên một bài xã luận sấm sét «Thế là tại làm sao ?» khiến người ta bàng hoàng.

Bài này kêu lên, trong khi mọi người có thiện ý giúp đảng, thì lại có một thiểu số những kẻ có ác ý, thừa cơ lên tiếng đả kích đường lối, chính sách của đảng, kêu oan cho các giai cấp phản động, phục hồi xã hội cũ với mục đích, mưu đồ đặt lại chính quyền của bọn địa chủ, tư sản. Và những phần tử «phái hữu» này là phản động, là kẻ địch của cách mạng !

Đối tượng là một số đông những tướng lãnh, tỉnh trưởng hồi Quốc Dân Đảng cũ, những người cầm đầu các đảng phái bù nhìn, những người có chân hội Hiệp Thương chính trị (tựa như Mặt Trận Tổ Quốc tại Việt Nam), đều vì quá tin ở hứa hẹn «ngôn giả vô tội» của Cộng Sản nên đã nói lên những điều ngược với quyền lợi lãnh đạo độc tôn của đảng, như đòi đa đảng, luân lưu chấp chính, mở rộng tự do ngôn luận v.v... Trong đó, có cả Long Vân, cựu Tỉnh trưởng Vân Nam của Quốc Dân Đảng, mà ta đã gặp trong cuốn này, và nhiều nhà trí thức có tiếng, nhiều nhà văn hay học giả.

Thực là dở khóc dở cười. Có người không chịu, tố cáo đảng Cộng sản là lừa bịp, là đặt cạm bẫy để hãm hại những người có ý kiến khác mình. Nhưng những biện hộ sĩ thì bác lại rằng, đảng mời các ông các bà tới đề ý kiến giúp, nhưng ông bà lại đưa ý kiến giết đảng. Cũng giống như một con bệnh, đáng lẽ phải cho thuốc để chữa chạy thì lại cho bệnh nhân uống thuốc độc !

Qua cuộc vận động này, mọi người đều hú vía, may mà mình không bị kết tội. Có cho ăn bánh, lần sau cũng không ai đại mà phê bình đảng hay cấp lãnh đạo nữa. Từ đó trở đi, trong mọi cuộc vận động, không ai còn nói thực ý nghĩ của mình nữa. Và cũng do đó, Trung Cộng cho là toàn dân đã ủng hộ mình, nên Mao đã thúc đẩy

những chương trình cực đoan, nông cuồng, bất chấp kết quả tai hại trên đầu dân chúng bị đè nén.

Thực là đáng thương cho những nạn nhân của vận động «chống hữu». Tù đầy, đi cải tạo, học tập, cách chức xuống làm công nhân hay đuổi về quê làm ruộng, nhẹ thì phê bình, quản thúc tại cơ quan. Nhiều người đã tự sát. Tự sát là một sản phẩm của những cuộc vận động quá khích và vô nhân đạo, khiến người ta có cảm tưởng uất ức và sợ hãi, và đảng Cộng sản không coi con người ra cái gì.

Riêng về phần chúng tôi thì thế nào ? Có bị ảnh hưởng gì không ? Ít nhiều người ta cũng chú ý đến lai lịch, đến quá khứ của mình, như đối với tất cả các viên chức khác. Và người ta cũng thấy tôi không ưa những gì quá khích, cực đoan, cũng không bao giờ phỉnh nịnh lãnh đạo. Tôi ủng hộ chủ nghĩa xã hội, vì nó hứa hẹn trừ bỏ bóc lột, trừ bỏ bất công, mọi người bình đẳng và cùng xây dựng xã hội. Tôi không có cảm tình đối với giai cấp địa chủ, quan liêu, hay tư sản phê phỡn nhưng tôi cũng không tán thành dùng phương pháp bạo lực, đấu tố, tù đầy hay kỳ thị cực đoan để cải tạo họ.

Những bích báo tôi viết cũng chỉ đưa ý kiến xây dựng về công việc, không đả động tới chính trị - lĩnh vực cấm kỵ cho một người ngoại kiều. Nhưng qua tham dự

vận động, tôi cũng hiểu rõ nhiều hơn về chính sách của đảng Cộng sản, về tư tưởng của mọi hạng người, về phản ứng chân thực của quần chúng, và cũng làm tôi suy nghĩ tới tình trạng tại quốc nội - Việt Nam, so sánh các quan niệm và chế độ, nhìn vấn đề một cách khách quan và toàn diện hơn.

Thực ra, việc chính ở đây không phải là bệnh vực chủ nghĩa xã hội, bảo vệ chủ nghĩa Mác Lê, mà là đề đề phòng sự nổi loạn chống độc quyền của đảng Cộng sản - hay nói cho sát sự thực hơn nữa, là để xác bảo quyền độc tôn của Mao và phe phái.

Từ đó, không còn ai dám thách thức ý kiến, đường lối của Mao đưa ra, dù biết rằng sai lầm và có hại. Tình trạng này, với những sự kiện cụ thể khác nhau, cũng diễn ra ở Việt Nam với vụ Nhân Văn Giai Phẩm, nhưng làm sao bì được với quy mô khủng khiếp ở Trung Cộng?

Theo thống kê không chính thức, thì trên toàn quốc, có tới năm triệu người bị đầu tở, hai triệu người bị đầy ải, cải tạo, hay quản thúc. Nếu không bị trừng phạt như thế, khi đã bị hoạch định là «phái hữu» do ban lãnh đạo học tập quyết định, thì bị coi là kẻ địch, bị tước quyền công dân, không được dự mọi cuộc hội họp, không được hưởng nhiều thứ phụ cấp - coi như một con hủi trong xã

hội. Tội nhất là khi nào có vận động chính trị tới, lại là đối tượng để hoài nghi, tra vấn. Con cái cũng bị kỳ thị : không vào được đảng, thanh niên đoàn, rất khó lên học Đại học hay kiếm được những chức vụ cao.

Các bạn thường nghe tại Trung Quốc, có loại «năm đen», tức thành phần đối địch trong xã hội, coi như bị tước quyền công dân và đối xử tàn tệ.

Đó là «địa, phú, phản, hoại, hữu» - địa chủ, phú nông, phản cách mạng, phản tử xấu, phái hữu. Gia đình nào mà đội một trong năm cái mũ đó thì chịu ngược đãi thâm.

Ngược lại, qua mỗi cuộc vận động chính trị, tất có một số người được thăng quan tiến chức, vì đã tỏ ra rất tích cực trong việc bênh vực đảng, bênh vực lãnh đạo, tỏ ra rất trung thành và có «giác ngộ» cao... nhất là trong việc moi móc được các phần tử «hữu» ra, và đấu tố kịch liệt, không thương xót... Quy luật trong xã hội Cộng sản là đào tạo những bọn nô tài răm rắp theo lời đảng và dẫm chân lên đầu những người khác để bước lên. Có nhiều kẻ tài năng chuyên môn kém, nhưng được cái tích cực trong vận động, được cử làm trưởng ty, giám đốc hay viện trưởng, thái độ hồng hách và chuyên quyền, không ai dám nói trái lại. Chỉ «chuyên» mà «bất

hồng», nhất định bị coi rẻ, và không thể giữ chức vụ cao, dù tài năng đến đâu. Đây cũng là một nguyên nhân của sự chậm tiến của Trung Quốc, vì nó giết hết cơ hội để tinh thần sáng tạo có thể nảy nở.

Chương XI - Từ «Chống Hữu» Cho Tới «Đại Nhảy Vọt» - Đói Lớn

Sau vận động chống hữu khủng khiếp, cả nước bước vào một thời kỳ êm lạng hơn. Đường lối cực đoan của Mao thắng thế sau khi Mao tuyên bố là đã giải trừ được uy hiếp lớn cho đảng, đã dẹp hết «ong trong tay áo». Bây giờ là lúc phải chuyển sang việc kiến thiết. Ai cũng mong là sẽ được dễ thở một chút, và có cơ hội xây dựng một quốc gia ổn định, với kinh tế tốt đẹp hơn, để đuổi kịp các nước phát triển trên thế giới. Khẩu hiệu «Siêu Anh, đuổi kịp Mỹ» chính là do Mao Trạch Đông đề ra, nghe có vẻ hấp dẫn và hợp lòng dân.

Năm 1957, một đóa hoa vàng nữa lại đến với gia đình đã động con của chúng tôi, và chúng tôi cũng chẳng chú ý gì đến việc «kế hoạch sinh dục», dù biết là thêm con thì càng chật vật về kinh tế. Đứa con gái này đặt tên là Nguyễn Hứa Chân. Từ lúc nhỏ, nó đã xinh xắn, mặt thanh mi tú, vì thế những người hàng xóm hay trêu nó là «con bé xinh». Hai đứa bé nhất lại là xinh nhất nhà, ra ngoài đường không thể làm được.

Vì chúng tôi đều là công chức nhà nước, và mẹ chúng nó lại là giáo viên, nên mấy đứa đều cũng được ưu đãi nhận vào «vườn trẻ» thành phố - gọi là Ấu Trĩ viện và

được giáo dục tương đối tốt, nên khi lên tiểu học chúng nó thường ít tuổi hơn các bạn học khác.

Đời sống vật chất eo hẹp, nhưng cũng đủ ăn đủ mặc theo tiêu chuẩn thấp tại các nước Cộng sản. Mọi người sống đồng đều, quần áo vải giản dị, mùa rét thường chỉ có áo bông hay áo len xoàng. Còn ăn uống thì theo khẩu phần, ai cũng chỉ được phân phối theo đầu người, gạo bị hạn chế, thịt thì rất ít không đủ dinh dưỡng. Nếu ít người, lương cao một chút thì có thể mua thêm một ít cá nhỏ hay tôm tép. Họa hoằn lắm mới có một bữa thịt gà no nê. Chỉ có bọn cán bộ có quyền thế, thì mới chạy được «cửa sau», thêm một phần cá, thịt.

Chợ búa lèo tèo, tiêu điều, trên quầy chỉ bày có mấy tảng thịt. Sữa, đường cũng đều phải có phiếu. Tình hình ở nông thôn còn tàn tệ hơn, thường chỉ có rau dưa, đậu phụ. Cả xã hội đều có vẻ ảm đạm cả về vật chất lẫn tinh thần.

Thời kỳ đó, tại miền Nam Việt Nam, đã xuất hiện một nước Việt Nam Cộng Hòa non trẻ, với Ngô Đình Diệm làm Tổng Thống. Thoát thai từ sự thống trị của Pháp ra, chế độ này không khỏi mang nhiều thiếu sót, và còn yếu ớt. Vì cuộc bầu cử dự định tại Hội nghị Geneve, đã không thực hiện được, thế tất phải có tình trạng đối địch bất ổn giữa hai miền. Chính quyền Cộng sản Bắc Việt

thế tất sẽ tìm cách thôn tính miền Nam để áp đặt chế độ độc đảng lên toàn quốc.

Tuy rằng, miền Nam thịnh vượng hơn và có nền dân chủ tương đối khác với nền chuyên chế độc đảng ở miền Bắc, nhưng nhiều nhược điểm nghiêm trọng khiến người ta lo ngại. Một là ngay tại miền Nam, đã sẵn có những lực lượng kháng chiến còn tiềm tại, một số dân chúng nghiêng về Việt Minh, và nội bộ phức tạp, không được thống nhất. Khi Pháp rút, người Mỹ vào giúp, nhưng điều này lại là một cớ để Cộng sản Việt Nam dấy động dân chúng tham dự việc «chống Mỹ cứu nước». Miền Nam luôn luôn nằm trong tình thế bị động.

Đối với chúng tôi ở ngoài, biết là như vậy, nhưng tin tưởng rằng mọi người vẫn còn được hưởng yên ổn, chưa có biến đổi mạnh trước mắt, nên cũng an tâm chờ xem tình thế có gì thay đổi. Dù sao, cũng còn hơn là cả nước đều bị áp đặt dưới quyền thống trị cộng sản.

Những ngày nghỉ, thú vui của gia đình vẫn là kéo nhau ra công viên Trung Sơn, cho mấy đứa trẻ chạy nhảy trên bãi cỏ, hay vào tiệm làm mấy cốc nước ngọt. Có khi, tôi dẫn hai đứa lớn dạo ra ngoại thành, bước chậm trên con đường đá, giữa hai rặng cây cao, nhìn ra đồng ruộng và mấy xóm làng bên cạnh. Có khi, ngồi bên một con sông nước chảy lặng lẽ, lại nhớ tới những

con sông quê hương, con sông Sen nhỏ êm đềm, con sông Hồng cuộn cuộn chảy, con sông Thương man mác nước chảy đôi dòng... biệt ly, xa cách, mỗi bên một nẻo không bao giờ còn trở lại nữa.

Ôi ! Quê hương ! biết bao giờ ta mới gặp lại được quê hương !

Tổng Lộ Tuyến Và Đại Nhảy Vọt - Học Tập

Nhưng, cuộc đời hiện tại vẫn phải sống, vẫn phải hy vọng, vẫn phải có mục đích.

Hình như đảng Cộng sản không muốn cho dân được ngồi yên, bao giờ cũng phải «động», không được «tĩnh». Vừa mới thở hơi một chút, lại bị lôi cuốn vào một cơn gió lốc khác, kỳ lạ có một không hai.

Cơn gió «lốc» này là một kiệt tác nữa trong trí óc của Mao Trạch Đông. Ông ta thực là có tài như một phù thủy huy động thiên binh vạn mã cuồng nhiệt múa nhảy theo sau...

Bây giờ bước vào giai đoạn «kiến thiết». Kiến thiết theo lối Mao Trạch Đông. Nghĩa là phải theo một con đường gọi là «tổng lộ tuyến» : nhiều, nhanh, tốt, kiệm để xây dựng chủ nghĩa xã hội. «Phải động viên toàn thể nhân dân với cách dùng tận nhân lực, vật lực. Động

viên là một pháp bảo quan trọng của các chế độ cộng sản.

Nếu chỉ nhìn vào mấy khẩu hiệu ấy thì cũng chưa có gì quá đáng. Nhưng khi mấy khẩu hiệu đó bị thúc đẩy một cách mù quáng, phản khoa học, bất kể điều kiện khách quan hay sức người có hạn - thì nó sẽ trở thành nhiều nhưng xấu, nhanh nhưng tồi và lãng phí nhân lực, vật lực, gây nên những kết quả lạ lùng và khủng khiếp có một không hai trên thế giới - đặc biệt là với cuộc «đại nhảy vọt» (đại nhੁợc tiến) vào hai năm 58-59.

Người cộng sản mắc bệnh quá tự tín, kiêu căng, tự cho mình là có thể tùy ý thay đổi xã hội, thế giới theo ý muốn chủ quan của mình. Thêm vào đó, Mao muốn tỏ ra mình là «thiên hạ đệ nhất», hơn cả Liên Xô và coi khinh Khrouchev.

Của đáng tội, nói chung, người dân Trung Quốc ít ra cũng không phản đối những chương trình trên, tuy biết là hơi quá đáng và khó thực hiện. Nhưng khi bước vào thực tế mới thấy khổ...

Tất cả các cơ quan nhà nước, kể cả các cán bộ trong những xí nghiệp, nhà máy, và trong ban quản lý các hợp tác xã nông nghiệp, các trường học, đều phải tham dự học tập.

Học tập lần này kinh khủng hơn các lần trước về thời gian : Mỗi tối phải học ba tiếng đồng hồ, kể cả chủ nhật cũng phải đi học, ít nhất nửa ngày. Nghe báo cáo dài dòng văn tự, rồi đều nhai đi nhai lại những văn kiện khô khan; lúc thảo luận, ai cũng nói y hệt như nhau, ai cũng tán đồng, và phát biểu quyết tâm của mình trong công cuộc xây dựng thần thánh này. Mỗi người đều phải viết một bản quyết tâm và bảo đảm mình sẽ cố gắng thế nào, thế nào... Tất cả những bài đó đều được dán lên tường để bình xem ai viết hay nhất, có quyết tâm nhất. Không những thế, không biết ở đâu bày ra trò làm thơ để ca tụng cuộc kiến thiết chủ nghĩa xã hội, người nào cũng phải làm thơ dù dốt chữ.

Những bài thơ này được tấm tắc khen là còn tuyệt hơn của Lý Bạch hay Bạch Cư Dị, vì là thơ «cách mạng» cao xa, còn thơ Lý, Bạch chỉ là sông nước, chim hoa và sắc mùi phong kiến.

Đã phải làm việc cả ngày, mà tối nào cũng thế, không khỏi mệt mỏi, buồn ngủ riu rít, lắm lúc phải che mồm ngáp, hay ngất ngư. Khổ nhất là các bà có con, về nhà còn phải làm việc nội trợ, ai nấy đều như đần đờ, song cũng phải cố gắng làm ra hăng hái, phấn khởi.

Chưa hết. Đã gọi là «đại nhảy vọt» thì ai cũng phải làm gấp bội. Mỗi ngày tăng hai tiếng làm việc - học

tập vẫn như cũ. Thế là ngày nào cũng phải dậy từ 6 giờ sáng, 7 giờ đến sở làm, buổi trưa nghỉ chút ít, làm tới 6 giờ tối ăn cơm rồi 7 giờ là ngồi vào bàn học ! Chẳng bao lâu ai cũng đâm ra hốc hác, mệt rũ, nhưng không ai dám than phiền.

Đã là viên chức «nhà nước» tôi cũng phải làm theo họ, tuy có khi họ cũng ưu đãi cho về sớm hơn vì có... con mọn. Và lại, nếu không đủ tinh thần sẽ ảnh hưởng đến việc khám bệnh.

Toàn Dân Luyện Gang Thép

Muốn vượt Anh, đuổi kịp Mỹ, cần nhất là phải nhảy vọt về sản xuất công nghiệp. Mà sắt, thép là nền tảng của công nghiệp, vậy phải tăng sản xuất thần tốc mới được.

«Toàn dân luyện thép» là một phát minh mới của Mao Trạch Đông, để đạt mục tiêu trên. Đây cũng như là một cuộc «chiến tranh nhân dân». Tất cả mọi ngành, mọi đơn vị, đều phải tham gia, dù là các công sở, cửa hàng, bệnh viện, trường học.

Không đủ nguyên liệu thì phải vơ vét khắp các nơi có đồ sắt cũ, như máy móc, nhà cửa, xe cũ v.v... để đưa ra lò. Than đá không đủ, thì lấy củi, gỗ bất cứ từ đâu đến.

Tệ hại nhất là trên toàn quốc, các nơi đua nhau lên núi, vào rừng chặt cây bừa bãi để mang về đun. Kết quả là nhiều núi, rừng đã thành ra núi, đồi trọc, khi mưa sẽ gây thành lụt lớn tai họa, ảnh hưởng mùa màng lâu dài, và thiếu gỗ để dùng sau này.

Thường thì trong các nhà máy, thép được luyện tại những lò đúc cao. Nhưng tại dân gian thì ở đâu người ta cũng đắp lên những lò đúc nhỏ sơ sài. Cho nên hai bên đường cái, đường sắt, hay trên đồng cỏ rộng, thường thấy rất nhiều lò đúc nhỏ, đến đêm đèn đuốc như sao sa, trông lạ mắt và náo nhiệt.

Khắp nước Trung Hoa mênh mông chắc có đến hàng triệu lò đúc như thế, trông rất ngoạn mục. Tin chiến thắng đưa đến dòn dập. Chỉ trong vòng vài tháng, sản lượng thép đã tăng lên gấp năm lần - theo thống kê của Bắc Kinh báo cho cả thế giới biết.

Sự thực thì như thế nào ? Hãy nhìn vào mấy lò đúc ở ngay địa phương tôi ở, trong đó có người trong bệnh viện của tôi tham gia.

Lò đúc này dựng trên bãi cỏ, sân một trường Trung học, cao độ ba mét. Người trẻ thì đi vận tải sắt, củi hay than. Người nhiều tuổi - như hạng tôi - thì làm công việc nắn than thành quả bòng, hay giúp xếp củi, trong

lửa. Cũng không đến nỗi quá nặng nhọc, nhưng vừa bần thủ, vừa nóng nực, khói mù cả mắt, có khi phải làm ca đêm. Hy vọng đúc được nhiều thép tại những đồng sắt vụn rỉ ra.

Song, thất bại thực bi thảm, là kết quả của một công cuộc điên rồ, do một trí óc cực đoan độc đoán và chủ quan, phí phạm biết bao sức người, bao của ! Thống kê cho thấy, có tới 90% sắt đúc ra đều là đồ vứt đi. Nếu tính về phí tổn, thì mỗi tấn sắt đúc ra đắt gấp trăm lần đúc ở các xưởng máy ra !

Lòng dân bất mãn lên tới cực điểm, thêm vào đó, nông nghiệp đã xuất hiện thiếu lương thực. Mao phải đẩy Châu Ân Lai ra đứng mũi chịu sào để kiểm thảo và nhận lỗi là «tốn của hại dân» cho êm chuyện. Nhưng bọn Mao, Châu vẫn y nguyên giữ vững quyền lực, vì đâu có ai dám đứng ra để tố cáo và đòi trừng phạt họ ?

Nhân Dân Công Xã Và Đại Nhảy Vọt Về Nông Nghiệp ! Nạn Đói Kinh Khủng.

Phải vượt quá mức tập thể hóa nông nghiệp của Liên Xô ! Bọn cuồng điên Trung Nam Hải nhất quyết là phải tập thể hóa, nông dân vào hợp tác xã, ruộng đất, hồ ao đều phải xung công, và chia từng mảnh cho nông dân cày cấy, coi như làm công, không còn quyền sở hữu

ruộng đất và các công cụ nông nghiệp chính. Tiến một bước nữa, cho là quy mô của các hợp tác xã không đủ lớn, Mao bèn động viên thành lập «Công xã Nhân Dân» do nhiều hợp tác xã hợp thành. Quy mô đại khái như một huyện ở bên ta.

Bắc Kinh rêu rao «Công xã» có hai ưu điểm «Nhất đại nhì công» nghĩa là lớn, thì có thể tập trung lực lượng cày cấy lớn, sử dụng máy móc tối tân. Công thì tránh được tình trạng tiểu nông, cấy từng thửa ruộng, không có kế hoạch, mạnh ai nấy làm, và phát huy được tính tập thể, khắc phục bản chất bo bo vì lợi nhỏ của nông dân.

Khẩu hiệu «Xã hội chủ nghĩa là thiên đàng, công xã nhân dân là thiên thai / bức thang tiên») lan truyền khắp nước. Ai nghe cũng thấy bùi tai, kể cả tôi cũng nghĩ... như vậy ! Tập trung đất đai và nhân lực để làm lớn, thay đổi lối làm ăn cá lẻ hàng nghìn năm, để theo kịp thời đại...

Nhưng, trên thực tế, thì Công xã lại hoàn toàn thất bại, và là một bức thang không những không dẫn tới thiên đàng, mà còn dẫn tới phá sản, đói kém, nếu chưa nói là đưa tới địa ngục. Kế hoạch tốt đẹp, nhưng rời xa điều kiện thực tế về con người, về vật lực, về kỹ thuật, năng lực quản lý, ấy là chưa kể cái tật quan liêu, mệnh

lệnh chí mệnh của chế độ cộng sản, cán bộ dốt nát, chủ quan lại kiêu căng.

Thứ nhất, vào công xã giờ giấc làm việc như trong xưởng máy, không thích hợp với đặc điểm nghề nông.

Thứ hai, tiền công ai cũng như nhau, làm nhiều làm ít cũng vậy, thành ra đại đa số làm biếng, ra đồng ai muốn làm gì thì làm, nhất luật lĩnh công.

Thứ ba, muốn tăng công với đảng, các nơi đều lập «nhà ăn công cộng» ngày cơm ba bữa không mất tiền, tỏ ra rằng công xã đúng là thang lên thiên đàng. Gạo thì lấy ở trong kho ra, rau, cá sẵn có. Thành thử, người nào cũng chỉ đi làm lấy lệ. Ngồi ăn núi lở, đồng ruộng gần như bỏ hoang, mất mùa, cuối cùng kho cũng cạn, nhưng không ai lo đến, vì là của công.

Thứ tư, muốn lấy công, phải báo sản lượng bìa.

Chẳng lẽ ở công xã nhân dân mà sức sản xuất lại không tăng lên ? Chỗ nào cũng báo cáo là tăng sản, mặc dầu mất mùa. Kỳ khôi nhất là xã nào cũng phải có mảnh «ruộng thí nghiệm» dùng đủ mọi cách để có thể «đẩy mạnh sản xuất». Đáng lẽ ra cải tiến cách trồng trọt, dùng phân bón tốt thì không sao. Nhưng bọn cán bộ muốn lập công, nhận thưởng, dùng những phương

pháp lạ lùng nhất trên thế giới như gieo mạ, trồng lúa quá dày hay gần đến lúc kiểm tra, bèn nhổ lúa ở các mảnh ruộng khác cắm dồn vào mảnh ấy. Bọn ở trên đều đâu có biết, chỉ tấm tắc khen, rồi được đăng lên báo là sản lượng mỗi mẫu đã tăng gấp ba, gấp bốn, phá kỷ lục thế giới...

Đào Chu, tỉnh trưởng tỉnh Quảng Đông, một tỉnh giàu, đồng dặc tuyên bố «Chúng ta đã tiêu diệt được nghèo đói ! Từ thời cổ tới nay, lần đầu tiên toàn dân Trung Quốc được no ấm, ăn cơm không mất tiền, không phải lo âu. Đây là chứng cứ hùng hồn về tính chất ưu việt của chủ nghĩa xã hội !»

Nhân có dịp đi làm việc ở nông thôn, tôi quan sát các làng mạc, dân tình. Không có gì thay đổi với trước, chỉ có cái là mọi người đều phải ra đồng đúng giờ, song về nhà rất sớm, rồi đến nhà ăn chung. Đến bữa ai cũng được phát một khẩu phần, có đủ cơm, rau và một miếng cá hay thịt nhỏ. Đạo ấy mới bắt đầu có công xã. Sau đó, ngồi ăn núi lở, ruộng cấy bừa bãi, không chăm nom, trâu bò chăn chung, gầy gò ốm yếu. Mất mùa, phá sản, kho hết gạo, thực đường phải đóng cửa, bắt đầu phải ăn cả đến thóc giống, khoai ngô. Lợn gà thiếu thức ăn, thì đem làm thịt. Đói !

Tình trạng ngày càng thê thảm. Mỗi người chỉ còn một ít ngô, cám để ăn. Muốn cứu vãn, phải lấy thóc trong kho của tỉnh hay của quân đội để ăn cầm hơi, trong lúc đợi mùa sau. Nhiều nơi phải gắp trồng khoai, sắn, rau để bù vào. Vùng chúng tôi ngụ chưa đến nỗi có người chết đói, nhưng yếu ốm gầy rạc, mặt, chân bị sung - phù sưng vì thiếu dinh dưỡng và nhiều bệnh tật lan truyền... Chúng tôi phải chữa bệnh bằng cách cho ăn cám... tranh với lợn...

Tại vùng Quảng Châu còn đỡ, tại những vùng núi non hay những tỉnh khác, tình hình tệ hại. Có nơi nạn đói hoành hành, đã có nhiều người chết. Cuộc đại nhảy vọt đã trở thành nhảy vọt xuống giếng. Đào Chu không còn dám hé răng nữa, tuy vì báo cáo láo, đã được thăng lên vào bộ Chính Trị Trung Ương... Và Trần Nghị, một nguyên soái có danh, đương kim Bộ trưởng Bộ Ngoại Giao, khi sang thăm Ấn Độ, bị ký giả hỏi về nạn đói ở Trung Quốc, vẫn thản nhiên đáp : «Tại Trung Quốc không có nạn đói !»

Đó là thói quen của những người cộng sản - nói láo không đở mặt. Nhưng dân chúng thì ai cũng chịu khổ hằng năm, kể cả chúng tôi ở thành thị.

Tại Phạt Sơn, trước hết số gạo cung cấp phải giảm đi từ 1/4 đến 1/3, đặc biệt đối với những người không làm việc chân tay. Mỗi tuần một người chỉ được 1/4 kí thịt, và không có tôm, cá. Thành ra ai cũng không đủ ăn, gạo thịt phải nhường một phần cho người đi làm. Có chút tiền thì ra chợ đen mua, với giá cắt cổ. Mỗi kí thịt giá bằng 1/2 tháng lương, một nửa kí khoai lang bằng hai, ba ngày lương.

Ảnh hưởng sự thiếu thức ăn đã trông thấy rõ. Đại đa số đều trở thành gầy ốm. Các ông bụng phệ đã tuyệt tích, một kỳ tích chưa từng có. Mặt bụng da chì, không đủ sức khỏe, lúc nào cũng như buồn ngủ, không ai có hứng thú đi học tập nữa.

Thế còn gia đình chúng tôi thì sao ? Sinh sống ở đó nhất định không thể thoát khỏi ảnh hưởng của nạn thiếu ăn. Tuy lương hai vợ chồng gộp lại không đến nỗi thấp, nhưng lại đông con, không có tiền để mua thêm tại chợ đen. Thành ra, ai cũng cảm thấy đói, thèm ăn thịt cá; người lớn phải nhường nhịn cho trẻ con. Người chịu ảnh hưởng nhiều nhất là Liên, cũng mắc bệnh bị phù ở chân. Có khi chúng tôi phải ra ngoại thành, tìm đến chỗ chợ nhỏ, mua thêm một ít khoai hay tôm tép...

Có những truyện thê thảm, cũng có những truyện đáng tức cười, nhưng không ai dám cười to vì sợ đụng

chạm tới thể diện của đảng cộng sản.

Đề tự bào chữa, Trung Cộng không những không nhận lỗi mà còn đổ cho tai hại tự nhiên như hạn hán, gió bão, lụt lội trong suốt mấy năm, tuy chẳng thấy có báo cáo nào về những việc ấy. Lại còn một «nguyên nhân chủ yếu» khác, là do Liên Xô trở mặt đòi nợ, vì Trung Quốc không chịu theo đường lối gọi là «xét lại» của Khrouchev. Thực tế là tức cười, vì ngay ở Quảng Đông này, có thấy tai họa nào lớn đâu ? Và trả nợ Liên Xô làm sao đến nỗi cả nước thiếu đói ?

Vì thiếu dinh dưỡng, nên họ nghĩ ra cách làm bánh bằng cám, để dành cho những người ốm. Phải có phiếu mới được lĩnh bánh cám ! Có người nói đùa «Chúng ta hiện nay không bằng con lợn, vì ăn cám cũng phải có phiếu !» Lại có người nghĩ ra cách lấy lá cây để lọc ra ít chất «lòng trắng trứng» (albumin) thêm vào đồ ăn.

Sữa, đường cũng phải hạn chế nghiêm ngặt, chỉ cho người ốm hay trẻ con nhỏ. Vì là bác sĩ của đơn vị tôi được nắm quyền «sinh sát» trong tay, tức là quyền phân phối những phiếu ưu đãi trên, mà nhiều nhất là bánh cám. Do đó, chúng tôi cũng được hưởng ít... cám.

Lại còn thuốc lá nữa, cũng khan hiếm, cũng phải phiếu, cũng do tôi phân phát. Tiếc rằng độ ấy tôi không

biết hút thuốc. Phải qua đề cử những tay nào xứng đáng, rồi mới quyết định. Nhưng thường chưa đến đầu tháng các vị đó đã đặt hàng từ sớm, phải xếp hàng để xin... Những phần của tôi được hưởng theo tiêu chuẩn, vì là một bác sĩ cao cấp, tôi cũng nhường một phần cho các đồng sự nào sinh sống có khó khăn, họ tỏ ra rất cảm kích.

Trong tình thế thiếu đói, nhiều người phải tìm cách tự cứu, như bán đi những đồ vật quý để lấy tiền. Một cách phổ biến nữa là cầu giúp đỡ từ ngoài nước. Đây là một điều mà chính quyền không ưa vì xấu hổ, nhưng không dám ngăn cấm. Nhiều nhất là từ thân hữu tại Hong Kong, Áo Môn, hay các nước chung quanh, gửi tiền giúp tay từng thùng dầu lạc, mỡ, đường, thịt ướp, thuốc men, và cả từ Hoa Kiều bên Việt Nam nghèo xác xơ, nhưng chưa đến nỗi đói quá như Trung Quốc.

Không biết mấy ông Mao, Châu...nghĩ thế nào khi thấy dân đói kém đến nỗi phải ngửa tay đi xin ở ngoài. Còn gì là xã hội chủ nghĩa và đại nhảy vọt nữa ?

Một hậu quả thâm hiểm của chính sách điên cuồng và ngu xuẩn của Trung Cộng là làn sóng người vượt biên để tị nạn đói sang Hong Kong, Áo Môn, và cả Việt Nam và vài nước chung quanh như Thái, Miến Điện.

Họ liều mạng vượt qua biên giới. Một số không ít đã bỏ mạng trên đường biển hay qua biên giới bị bắn chết; số đông thì bị bắt và lòi về cải tạo vài năm.

Một lần, không biết vì cố ý hay nhầm lẫn, đương cục tuyên bố mở biên giới trong ba hôm, cho ra vào Hong Kong tự do, kết quả có mấy chục ngàn người tụ tập ở biên giới, lũ lượt, xô đẩy nhau để tranh vào Hong Kong, hỗn loạn và bị thương vô số... Trong đó, có những cán bộ cộng sản nữa. Tình thế loạn đến nỗi nhà chức trách Hong Kong phải đóng cửa biên giới.

Đàn Áp Phê Bình - Bành Đức Hoài Bị Đả Kích

Thiên đàng đã trở thành địa ngục đói kém. Tình thế trầm trọng, nguy kịch. Trung ương đảng Cộng sản thấy không thể ngồi im được nữa.

Năm 1958, Bành Đức Hoài, nguyên soái, bộ trưởng bộ Quốc phòng, ủy viên bộ chính trị, cùng Tham mưu trưởng Hoàng Khắc Thành, đứng đầu một nhóm bất đồng ý kiến với đường lối của Mao, và dâng một thư thỉnh nguyện cho Trung ương và Chủ tịch Mao Trạch Đông. Bức thư phê bình đường lối kiến thiết của Mao là có tính chất «tiểu tư sản cuồng tín», ngược với chủ nghĩa Mác Lê, và yêu cầu trở lại bình thường như trước

«đại nhảy vọt». Ý kiến rất đúng, nhưng nói Mao là tiểu tư sản và cuồng nhiệt, Mao làm sao chịu nổi ? Vì ông ta vẫn tự cho mình là người Mác Lê số 1 trên thế giới, và thần thánh bất khả xâm phạm !

Mao nổi giận, lập tức triệu tập Hội nghị Trung ương ở Lư Sơn, dùng thế lực của mình ép đa số Trung ương kết tội nhóm Bành là phản đảng, phản động, phá hoại cuộc cách mạng vô sản. Nhóm này bị trục xuất ra khỏi Trung ương, và giải nhiệm mọi chức vụ. Một vị tướng có công lớn như Bành, đã từng cầm quân đánh nhau với Mỹ tại Triều Tiên, một trong những người sáng lập ra đảng Cộng sản từ lúc đầu, bị truất làm Giám đốc công việc thủy lợi, đê điều... Lưu Thiếu Kỳ, Châu Ân Lai... tuy không đồng ý với quyết định của Mao, nhưng để bảo vệ tư thân, không dám hé răng để mặc Mao và bọn cực đoan đẩy đưa một vị «anh hùng Triều Tiên».

Vì chính sách cực đoan ngu xuẩn, lại chuyên chế tiêu diệt mọi phê bình, tình trạng càng ngày càng thê thảm.

Sau đó, dân chúng khắp nước ta thán, có nơi đã nổi lên cướp bóc, làm loạn. Trong đảng cũng nhiều tiếng phản đối. Mao thấy không thể làm ngơ được nữa, bèn đùn cho Tổng Lý Châu Ân Lai lại đứng ra kiểm thảo, nhận lỗi, sửa sai, kết thúc cuộc thí nghiệm thất bại và tai hại khủng khiếp «nhảy vọt lớn».

Những bọn cầm đầu CS có chung một đặc điểm là không bao giờ chịu nhìn nhận là đảng sai lầm, và chủ nghĩa Mác Lê sai lầm, những lỗi lầm nếu có cũng chỉ là do chấp hành sai mà thôi. Và đầu óc độc tài của họ bao giờ cũng cừ hận những người nào đã phê bình họ. Vì vậy, dù có sửa sai, nhưng bản tính khó đổi, những việc về sau sẽ còn khủng khiếp hơn nữa.

PHẦN III

TỪ SỬA SAI ĐẾN ĐẠI CÁCH MẠNG VĂN
HÓA BẢO TÁP

1961-1973

Chương I - Sửa Sai - Giai Đoạn Ôn Hòa 1961-1964

Bộ ba Lưu Thiếu Kỳ, Châu Ân Lai và Đặng Tiểu Bình đứng ra cứu vãn tình thế. Họ phê bình đường lối nhảy vọt lớn là «quá tả» «mạo hiểm», và thực hành chính sách thắt lưng.

Tóm tắt, là từ «lớn và công» lùi về «nhỏ và tư». Có thể gọi là lùi về chủ nghĩa tư bản phần nào. Về công nghiệp, trước hết là dẹp việc «toàn dân luyện thép» và các cơ sở công nghiệp quá lớn, quá tập trung, như các mỏ dầu ở Đông Bắc, Tân Cương. Tại các thành phố, cho phép người dân được buôn bán lẻ, làm ăn lao động chân tay riêng, mở những cửa tiệm nhỏ mà không sợ bị gán là tư sản. Do đó, các xí nghiệp ở thành phố dần dần khôi phục được, và người dân thường cũng kiếm được sống, đời sống tại thành phố dần dần khá hơn.

Thay đổi tại nông thôn, cũng đưa lại kết quả tốt, vì chính sách «xuống thang» bỏ dần mô thức Công Xã Nhân Dân quá lớn, trở về hình thức «hợp tác xã» nhỏ. Ruộng đất không cấy chung nữa, mà chia cho các gia đình nông dân, giao khoán cho trồng trọt, chỉ cần nộp một số thu hoạch cho nhà nước. Nông dân ngoài số lúa quy định ra, có thể tự do trồng trọt khoai màu, nuôi súc

vật. Một số sản phẩm có thể mang ra bán trên thị trường tự do. Cái thực đường công cộng cũng bỏ hết. Nhà nông nếu làm ăn cần mẫn thì kiếm được và rau, thịt càng ngày càng rẻ. Không còn cảnh «xếp hàng cả ngày» để mua một miếng thịt hay một con cá tép.

Có kẻ công kích chính sách này là trở về tư sản. Bất chấp nghị luận, Đặng Tiểu Bình đưa ra câu nói bất hủ «Không cần biết là mèo trắng hay mèo đen, bắt được chuột là mèo tốt» bị người ta phê phán là mất lập trường giai cấp.

Mọi người không phải tranh nhau bánh đúc cám hay ngô khoai nữa. Như gia đình tôi, đủ gạo ăn, có thịt cá nhiều hơn, thỉnh thoảng ra phố ăn bát mì hay phở cũng không đến nỗi quá đắt. Tôi còn nhớ hai năm trước, ra Quảng Châu có việc, vào các tiệm ăn phải xếp hàng dài, lâu hay đứng vòng quanh hàng giờ bên cạnh các bàn để đợi đến lượt mình... lĩnh được một đĩa cơm có vài miếng thịt lợn mỏng như giấy - là sung sướng lắm. Lấy thẻ ngoại kiều thì vào khách sạn Đông Phương gần ga, món ăn đầy đủ nhưng giá «cắt cổ» ăn một lần là phải chạy... Bây giờ thì rẻ hơn nhiều.

Những sản phẩm công nghiệp thường dùng như quần áo xe đạp, máy khâu v.v... cũng được thấy nhiều loại và giá hạ hơn. Sự nhờ vả họ hàng hay bạn hữu ở ngoài

nước cũng giảm nhiều, Trung Cộng cũng bớt mất mặt.

Về mặt chính trị, cũng đã nói rộng hơn. Tạm đình những cuộc vận động nặng nề và nghiêm ngặt. Học tập ít hơn. Khuynh hướng «phi chính trị hóa» ngóc đầu, trái lại với chủ trương của Mao. Bây giờ thì «cứ làm công tác cho tốt là ủng hộ chủ nghĩa xã hội, ủng hộ đảng» Bầu không khí bao trùm đã được dễ thở phần nào.

Tuy nhiên, cũng vẫn còn có những thứ học tập chính trị do Mao đề xướng để giải trừ hệ thống tư tưởng «xét lại» do Liên Xô chủ trương với Khrouchtchev. Xét lại, ở đây có ý nghĩa là phản bội tư tưởng Mác-Lênin chính cống, rơi vào con đường tư bản hóa và thỏa hiệp với chủ nghĩa tư bản Tây phương. Trung Cộng, Albanie là hai nước ngoan cố về mặt này và đối đầu với Liên Xô. Trong quốc tế Cộng Sản nghiêm nhiên chia ra thành ba phái : Liên Xô, Trung Cộng và một phái đứng giữa, lừng khừng.

Hồi 1960, Việt Cộng ra mặt đứng về phía Liên Xô, tuy không đồng ý việc phê phán và kết án Stalin. Trong đơn vị tôi làm, một hôm ông hiệu trưởng - lúc đó tôi tạm thời điệu tới một học trường lớn - nói với tôi :

- «Từ hôm nay, tạm thời, ông không phải dự vào các buổi học tập chính trị nữa». (Trước đây, tôi vẫn tham dự

với danh nghĩa một công chức, tuy là ngoại kiều).

Tôi cũng không lấy làm ngạc nhiên lắm, vì do các sự phân rẽ trong hàng ngũ của đảng CS trên thế giới, mỗi đảng có những chính kiến khác nhau. Tôi là người Việt Nam, nếu tham dự vào học tập, khi thảo luận tới những vấn đề mâu thuẫn, thậm chí có người phê bình CSVN, thì cũng không ổn. Đây không phải là một nước tự do, ai muốn nói gì thì nói.

Tôi nghĩ bụng, càng tốt, vì thoát được cái khổ tôi phải đi học chính trị, bây giờ mỗi tuần ba lần. Trong suy nghĩ của tôi, không tán thành chuyên chính vô sản, độc tài độc đảng, mà tán thành mở rộng và chuyển hóa dần sang một thể chế tự do dân chủ. Trên một mặt nào đó, tôi đồng ý với đường lối của Khrouchtchev đã vạch trần những tội lỗi trong nền chuyên chính Stalin, đã chủ trương cởi mở xã hội và hòa hoãn với Tây phương. Thế thì, đích xác tôi là một «phần tử xét lại» dưới con mắt bọn Mao-ít cực đoan, và họ không muốn tôi tham gia học tập cũng là quá tự nhiên mà thôi.

Khi về đến nhà, nói cho bà vợ biết, Liên chỉ mỉm cười nói :

- «Càng tốt chứ sao ! Đỡ phải cãi cọ với họ phiền toái. và anh có nhiều thời giờ ở nhà trông con hay ra phố dạo

mát. Còn Liên vẫn phải đi học tập như mọi người khác. Nói cho đúng, cô cũng là thuộc về hạng «xét lại» nhưng không nói ra mà thôi. Và đại đa số cán bộ, chức viên có lẽ cũng thế cả.

Chắc mọi người trong đơn vị của tôi cũng thêm thường hoàn cảnh của tôi, không còn phải học tập chính trị nữa, lại còn được phiếu ưu đãi ra mùa hàng tốt hơn tại một tiệm đặc biệt dành cho Hoa kiều từ ngoài về hay người Hong Kong, ngoại quốc. Kể cũng là một sự hên.

Nhưng, đã hơn mười năm ở lại đất Trung Hoa Cộng Sản rồi. Sinh sống không đến nỗi khó khăn. Ở trong khuôn khổ một chế độ cứng nhắc, tiếp xúc với thế giới ở ngoài rất ít, vì tin tức bị bùng bít, dân chỉ biết được những cái gì mà nhà cầm quyền cho biết thôi.

Theo thói quen, trên thế giới vẫn chia làm ba : thế giới tư bản, thế giới cộng sản, và thế giới thứ ba - thế giới này gồm những nước nghèo, yếu đương phát triển. Bắc Kinh vẫn tự cho mình thuộc thế giới thứ ba và là một nước lãnh đạo thế giới này, đồng thời lại có tham vọng làm mình chủ trận chiến cộng sản, dẫn đầu cuộc cách mạng thế giới đi tới tương lai : chủ nghĩa xã hội.

Trong mười năm này, chính tôi đã tự thân trải qua những sự biến đổi trong xã hội Trung Cộng, mà cũng

đã tự thân dần vào trong những cuộc thí nghiệm cải tạo xã hội chủ nghĩa. Đã biết bao nhiêu cảm xúc, suy nghĩ, và cả chấn động đến với tôi, một con người muốn thấy được con đường nào tốt nhất, mang được tự do và hạnh phúc thực sự cho con người, và cho dân tộc.

Con đường theo chuyên chính vô sản hẳn là không được, vì nó ngược lại với tinh thần, lý tưởng của tình thường nhân loại, của ý niệm bình đẳng và tin tưởng lẫn nhau để xây dựng tương lai. Tôi tin rằng không thể lấy ác để xây dựng cái thiện, cái mỹ được. Và việc dùng bạo tàn để tiêu diệt giai cấp, trên thực tế đã gây ra những vết thương không bao giờ hàn gắn được.

Không phải trong những hành động của cộng sản TQ, không có những thứ tốt : như phản tham ô, lãng phí, quan liêu, phản các tệ nạn xã hội và đưa lại an ninh cho mọi người. Công việc tuy khó nhọc và tiền công thấp, song trái lại được ổn định, ít thất nghiệp, và cũng có những phúc lợi bảo đảm cho cuộc sống, như bệnh, sinh đẻ, về già nếu được cung cấp tối thiểu không phải lo lắng; đại đa số trẻ em được có điều kiện đi học. Theo chỗ tôi thấy, thì giai đoạn bước vào kiến thiết sau đại hội đảng CS thứ 8, kiến thiết phát triển, không có vận động chính trị lớn, là thời kỳ yên bình nhất, mặc dầu vẫn có guồng máy thống trị độc tài của đảng ở trên.

Dân tình có thể chấp thuận, sau hàng mấy chục năm hỗn loạn, chiến tranh, và có vẻ tin tưởng ở hứa hẹn về tương lai của đảng.

Tuy nhiên, chính nền độc tài, chuyên chế, quan liêu đó đè nặng nề và giết hết mọi sáng kiến, đóng góp từ dân gian tới. Do chỗ không bao lâu sau, những cuộc vận động chính trị cực đoan và tàn bạo, cộng vào những hành động mệnh lệnh quá trớn trong cuộc «đại nhảy vọt» đã làm tan vỡ mọi hi vọng của người dân vào chủ nghĩa xã hội, vào «thiên đàng cộng sản».

Riêng tôi, thú thực, tôi vẫn tin tưởng ở chủ nghĩa xã hội như ở Bắc Âu một thứ chủ nghĩa xã hội ôn hòa dân chủ mà sự thành công không nhất định phải lo bạo loạn hay đổ máu tạo thành. Đáng tiếc là, kể cả ở Trung Cộng cũng như ở Bắc Việt đảng CS không có dấu hiệu gì là chuyển sang đường hướng ấy. Có chăng một chút hi vọng khi tại Liên Xô, với Khrouchtche chính sách cực đoan của Staline đã bị xóa bỏ, và một chính sách ôn hòa hơn đã được thực hiện. Vấn đề là tuy vậy, chế độ độc đảng lãnh đạo vẫn được duy trì, và những thế lực bảo thủ vẫn còn muốn kéo lui xã hội về chỗ cũ.

Dù sao, những năm 60-61 trở đi, đời sống đã dễ thở hơn. Người ta đã cho phép trọng «chuyên» (chuyên môn) hơn không cần phải qua «hồng» (theo đúng đường

lỗi của đảng, trong chính trị) như trước. Những phân tử trí thức cảm thấy dễ chịu hơn, có chỗ ăn nói hơn, không phải cúi gầm mặt trước mấy ông cán bộ giáo điều trẻ măng mà hay lên mặt dạy đời. Thực ra, có lẽ chỉ có tôi là «chuyên» một chút song không cúi mặt trước mấy ông lãnh đạo, vì nếu đọ sức về lý luận, tôi còn thuộc lòng hơn họ nhiều. Chắc chắn là họ không mấy ưa tôi, nhưng vì tôi không dự học tập chính trị nên không có cơ hội xô xát. Nếu nói về «xét lại» chủ nghĩa Mác-Lê, thì tôi chắc 80% nhân viên là xét lại tuốt, nhưng không dám nói ra mà thôi.

Năm đó, chúng tôi có 5 đứa con gái, tính theo lỗi ở đây thì là Ngũ thiên kim tiểu thư - hay là 5 nghìn vàng, hay gọi một cách khác, là 5 đóa hoa vàng... Tiếc rằng, đây không phải là vàng thật, nên càng nhiều đóa tài chính càng khó khăn. Vả lại, nếu chỉ có tiểu thư thôi thì cũng hơi buồn, người ta hay nói ra nói vào... bực mình. Cho nên phải cố gắng, kết cục tới năm 63, thêm được một cậu công tử, thỏa chí bình sinh. Lúc ấy, người ta không khuyến khích những «mẫu thân anh hùng» (để nhiều) nữa, nhưng chưa chấp hành kế hoạch sinh đẻ một con như sau này.

Không biết từ đâu nảy ra những sáng kiến kỳ lạ, để từ đó bắt buộc người ta làm việc như nô lệ, lại chuyển

sang để làm tốt, làm đẹp cuộc sống, mục đích có thể đề đền bù những thứ khổ sở trong cuộc «đại nhảy vọt» - thí dụ như tổ chức đi du ngoạn tập thể các nơi phong cảnh, khuyến khích phụ nữ mặc quần áo đẹp, đủ màu (và các cửa hàng bán vải, lụa rẻ cho công nhân, cán bộ), khuyến khích thể dục, đánh bóng, đi bơi. Những năm ấy thể dục, âm nhạc, nhảy múa rất phát triển. Bệnh viện chỗ tôi làm, có những buổi chiều cho nghỉ sớm để đi bơi ở các hồ bơi hay sông ngòi. Vì tôi cũng biết bơi nên thỉnh thoảng được đưa một số đồng sự ra bể bơi tập tành khoan khoái.

Về mặt nghệ thuật cũng phong phú hơn. Nhưng văn học quá ư giáo điều, một chiều, ép theo đường lối chính trị. Không có tự do ngôn luận, tự do sáng tác. Nên suốt mấy chục năm dưới thống trị cộng sản, không có được một tác phẩm ra hồn, vì nó khô khan, gò bó, thoát rời hiện thực. Những cuốn phim được ra nhiều hơn nhưng là tuyên truyền, ca tụng đảng và Mao nhiều hơn là nghệ thuật. Trong các nước CS, Mao Trạch Đông và Kim Nhật Thành là hai vị thần sống, vĩ đại, cha già dân tộc. Mao còn tự nhận là lãnh tụ vĩ đại của nhân loại tiên bộ... Xem ra, Hồ Chí Minh còn kém một bậc, tuy cũng là một «cha già», một «bác Hồ yêu quý».

Có một điều mà ai cũng phải công nhận là người CS có biệt tài về việc nhồi sọ và tẩy não người dân, làm cho dân chúng mê tín thực sự và thực sự tuân theo lãnh tụ và đảng; về điểm này, cũng cần thấy rõ là đại đa số dân chúng còn kém nhận thức, còn bị truyền thống phục tùng cũ chi phối, không có suy nghĩ độc lập và cũng bị bung bít không được hiểu thêm cái gì ngoài thứ nhà cầm quyền cho biết.

Đời sống thường ngày được thoải mái hơn trong giai đoạn tạm yên bình này. Nhưng, phiền não và đau buồn lại không quên đến ám ảnh cuộc sống tha hương.

Được biết, tại Việt Nam, trước đó, chính trường đã tạm ổn định dưới chính phủ Ngô Đình Diệm. Chúng tôi chỉ biết cơ sở về việc những phái đối lập võ trang đã bị dẹp, mà miền Bắc cộng sản chưa đe dọa mạnh tới miền Nam. Hoa Kỳ cũng đã bước vào hỗ trợ. Đã có lần chúng tôi tính tìm cách về nước, xem có thể làm được cái gì không, nhưng anh Tam và một số anh em khác khuyên không nên về, vì tình hình bất ổn. Lúc ấy có phong trào chống Ngô; về sau tôi mới rõ là anh Tam là một trong những người cầm đầu. Và đồng thời, cộng sản đã bắt đầu hoạt động cùng xâm nhập miền Nam. Mặt Trận Giải Phóng miền Nam đã được thành lập.

Mắc vào một tình thế và hoàn cảnh đặc biệt, về thì chưa được, nước nhà chưa hòa bình thống nhất. Hi vọng vào cuộc tổng tuyển cử theo hiệp định Genève thì đã thành mây khói. Song, chẳng lẽ cứ ở mãi đất Trung Hoa này ? Thử thách và kinh lịch cũng đã đủ rồi. Tương lai sẽ ra sao đây ?

Chương II - Cái Chết Của Nhất Linh Và Của Mẹ - Tang Tóc Lại Vận Động Chính Trị : Tứ Thanh

Ở trên đời có những biến cố không ngờ. Trong cuộc đời phiêu lưu và chạt vật, đầy ưu tư, lại thêm những sự kiện đau thương. Biết bao người thân, bạn hữu đã kế tiếp rủ nhau ra đi. Như các anh Khái Hưng Đỗ Đình Đạo, Nghiêm Kế Tổ.

Còn nhớ, năm 1948, tháng 7, tin đột ngột về anh Hoàng Đạo mất trên đường xe lửa đã làm xúc động tới mỗi thớ tim của những người xa nước. Thì, một ngày, cũng là tháng 7 nhưng là năm 1963, tôi bỗng nhận được một bức điện tín từ Thượng Hải đến, do anh Văn gửi - Văn hiện dạy tại trường Ngoại Ngữ Học Viện. Ai ngờ, trong thư câu đầu là :

« ... được tin buồn là anh Nhất Linh Nguyễn Tường Tam đã qua đời...»

Tin này anh Văn cắt tại tờ báo «Nhân Đạo» - Humanité - xuất bản tại Paris, đại ý nói «Nhà văn và nhà chính trị Nguyễn Tường Tam do vướng vào một vụ án chính trị, đã tự sát. Ông đã từng là Bộ trưởng Bộ Ngoại Giao trong chính phủ Liên Hiệp Việt Nam năm 1946...»

Tin bất ngờ này khiến cho tôi lặng người, không nên được nổi đau thương trong lòng. Sao lại có thể như thế được Một người em thân yêu, một chiến hữu thân mật trong sự nghiệp văn chương và cách mạng, đã từng sống với nhau bao phút vui buồn, trong an bình cũng như trong gian truân, lưu lạc, có quan hệ không những là ruột thịt mà còn là sinh tử, đương còn hi vọng sẽ gặp lại nhau một ngày nào trong tổ quốc - nay đã mất người anh thân yêu, lỗi lạc, một anh tài đất nước, mà không thể về để nhìn lại mặt anh một lần cuối cùng.

Để giấu nỗi đau thương, chỉ có đến đêm khuya tôi mới khóc người anh đã mất. Nếu có ông Trời, thì ông Trời cũng thực bất công. Tại sao những người trung trực, tài hoa, có lòng hi sinh với dân tộc, những tinh hoa của đất nước - lại đã gặp vận mệnh bị thương như vậy ? Ba người anh thân yêu của tôi đã kế tiếp nhau ra đi, còn tôi vẫn sống lưu lạc ở nước người. Hình ảnh các anh luôn luôn hiện ra trong óc tôi.

Anh Cẩm, với bóng dáng cao, hiền hậu; tôi nhớ rõ nhất là những cơn suyễn dữ dội, phải đốt những thoi thuốc khói um để giảm bớt. Anh Tam, với những ngày sống lưu vong tại căn nhà nhỏ, trên một ngọn đồi tại Hong Kong, bên cạnh con suối nhỏ chảy róc rách. Anh Long, bình tĩnh và lúc nào cũng lạc quan, ngâm cái tàu

thuốc lá ngồi bên bờ sông Châu Giang, lặng nhìn về những rặng núi xa phía cổ hương. Ôi ! Còn bao giờ nhìn lại mặt những người thân nữa.

Anh Nhất Linh đã tự mình từ giã cõi đời. Cách giải quyết này, trong thâm tâm tôi không tán thành lắm. Nghe nói, trong đám tang anh rất lớn, dân chúng đổ ra đường để tiễn đưa một tinh anh của dân tộc. Nhưng đám tang dù lớn, dù đông đến đâu, cũng chẳng có ý nghĩa gì nữa, khi con người đã qua đời.

Điều an ủi lớn cho tôi là dù sao, tên tuổi của anh Nhất Linh, Hoàng Đạo, Khái Hưng... vẫn là những ngôi sao sáng soi đường cho các thế hệ sau trên con đường văn chương hay tranh đấu.

Tiếp đó, không lâu sau, lại một tin đau thương nữa, đó là tin bà mẹ thân yêu xa cách gần hai mươi năm đã qua đời. Lại nhớ tới cái phố huyện nhỏ bé, nghèo nàn ngày xưa khi tôi mới ra đời, gian nhà tranh nhìn ra những lều chợ xác xơ. Mẹ tôi với cái cửa hàng xép nhỏ, để duy trì gia đình có một mẹ già và bảy đứa con. Một bà mẹ với lòng kiên nghị và chịu đựng, nuôi con cho đều thành người. Gia đình chúng tôi bị lôi cuốn vào dòng lịch sử đầu thế kỷ, trong đó dù không muốn, chúng tôi đã đóng vai trò đặc biệt. Vai trò ấy, có nhiều hào hứng, nhưng cũng nhiều gian khổ và sau rốt, đã thất bại, chia ly, âm

dương đôi ngả :

«Ngàn năm bạc mệnh, một đời tài hoa...»

Luôn luôn vùi đầu vào học hành, viết lách, đấu tranh, vật lộn, chúng tôi làm gì còn thì giờ để báo đáp mẫu thân ? Bà đã phải chạy loạn, rồi vào Nam, với cuộc đời giản dị, eo hẹp. Chính tính tình kiên định của bà đã góp rèn lên khuynh hướng quật cường của các con.

Tôi cũng chỉ còn biết khóc thầm mà thôi. Bây giờ gia đình chỉ còn lại anh Cả, chị Năm và tôi. Vẫn chỉ có thể liên lạc bằng thư từ. Chưa biết bao giờ mới có thể đoàn tụ tại nước nhà ?

Dù ở đâu chẳng nữa, dù trong hoàn cảnh thế nào, người ta cũng phải sống - sống có lý tưởng, có giá trị. Không bao giờ có thể đi trái lại với lý tưởng của mình.

Chúng tôi quan niệm rằng, làm tốt công việc mình, công việc một bác sĩ và một nhà giáo, giúp đỡ người bệnh và đào tạo học sinh ngoan, là phục vụ cho dân chúng, dù là người. Hoa hay người Việt. Người ở đây rất coi trọng thầy thuốc và nhà giáo, chúng tôi được dân chúng ở đây tín nhiệm. Thêm vào đó, gia đình chúng tôi đặc biệt - một gia đình Việt Hoa, con cái có thể gọi là được ưu đãi, vào học những trường tốt Chúng nó cũng

ngoan và học được. Tất nhiên, con mắt nghi ngờ của nhà đương cục là điều không thể tránh được, mình vẫn phải giữ gìn để tránh những rắc rối phiền phức. Cần nhất là giữ vững quan niệm lập trường của ta. Trong nội bộ gia đình chúng tôi, không có treo ảnh Mao Trạch Đông, cũng không có ảnh Hồ Chí Minh. Không bao giờ có khẩu hiệu «Mao chủ tịch vạn tuế !» cũng không có khẩu hiệu «Hồ chủ tịch muôn năm !» Cái mà tôi, với đầu óc dân chủ và bình đẳng, ghét nhất là tôn thờ lãnh tụ cá nhân, như một vị Hoàng Đế ngồi trên đầu bách tính.

Phải chịu đựng, phải nhẫn nại lắm. Khó khăn nhất là cả hai nước Việt, Trung đều là cộng sản chuyên chế cả. Miền Nam Việt Nam lại đương loạn, chiến tranh, không thể đưa cả một gia đình tám người về được. Nhà đương cục không chắc đã đồng thuận...

«Cây muốn lặng mà gió không ngừng», một câu tục ngữ dân gian thực đúng với cuộc sống trong các nước cộng sản. Qua ba năm sửa sai, mọi người đang được thở thoải mái một chút, dù dưới ách độc đảng, thì bỗng nổi cơn sóng gió. Học tập, kiểm soát đương được nói lỏng, thì một hôm, giữa năm 1964.

Trong một buổi họp tối, ông viện trưởng - không phải là đảng viên - bỗng tuyên bố bà chỉ đạo viên - đảng viên

- có việc trọng yếu cần tuyên bố.

Với vẻ mặt nghiêm nghị khác thường, bà nói :

- «Chiều thứ bảy này, tất cả mọi người, trừ thường trực ra, đều phải tới Nhà Hát Thành Phố, tham dự đại hội chính trị».

Đã lâu lắm không có đại hội như vậy. Mọi người nhìn nhau, có vẻ ngơ ngác, và mang dấu lo âu, không có phần của tôi, vì đây là chính trị. Nhưng cũng phiền là vì lẽ phải thay vào gác... Khổ nhất là buổi đại hội ấy lại mở vào ngày chủ nhật, thành thử tôi bị mất oan một nửa ngày nghỉ quý báu.

Đây là bắt đầu chính trị «tứ thanh», tức làm sạch tư tưởng, sạch chính trị, sạch tổ chức, sạch kinh tế trong hàng ngũ nhân viên.

Ở trên phái những tổ công tác xuống chỉ huy. Rồi liên miên báo cáo, kiểm thảo, kiểm tra, phân tích mọi mặt. Nhưng trọng điểm là vấn đề tái hoạch định thành phần, giai cấp xuất thân sau 15 năm giải phóng, với mục đích làm cho hàng ngũ được sáng sủa và chỉnh đốn lại tổ chức, không chú trọng vào việc đả kích hay trừng trị cá nhân, trừ những trường hợp đặc biệt.

Nhưng Mao tuyên bố một câu bất hủ «Đừng có quên đấu tranh giai cấp !» Ý muốn nói là vì quá chăm chú sửa sai, đời sống vật chất, nên người qua đã quên mất chính trị. Cứ như thế này nữa tất sẽ «vong đảng, vong quốc» ! Ý đồ của Mao đã rõ ràng, mũi dùi đã chĩa vào bọn Lưu Thiếu Kỳ, Đặng Tiểu Bình, những bọn bị hoài nghi là «xét lại».

Ai ai cũng cảm thấy lo sợ. Lại đấu tranh, khủng bố chính trị đây. Song mới chỉ thấy mưa nhỏ, chưa thấy bão to. Một số rất ít người phải trừng phạt nhẹ nhàng. Như một ông Đông y già trong bệnh viện tôi, vì đã nuôi ong để bán mật ong, hay quảng cáo thuốc Bắc «100% Vitamin» để kiếm tiền trái phép, lấy thêm tiền riêng bệnh nhân cho, đã bị «mời» đứng lên bàn đánh bóng bàn để tra vấn, rồi bị giáng cấp. Vài người khác ăn nói lung tung không giữ gìn, cũng phải kiểm tra và cảnh cáo.

Chưa có bão lớn, nhưng ai cũng cần phải cẩn thận, liệu hồn đừng có cái gì khiến người khác nghi ngờ. Không khí có vẻ sạch hơn, lặng hơn thực, nhưng là không khí nặng nề. Ai mà chú ý cũng đoán được rằng, bây giờ Mao Trạch Đông đã nắm lại được thế lực chính thống và sắp có gió bão tới. Không biết mấy ông Lưu, Đặng, Đào Chu có cảm thấy nguy hiểm gần kề không ?

Trên quốc tế, lúc đó chính là Liên Xô đã chuyển sang một chế độ hòa hoãn hơn, bớt nghiệt ngã - mà Mao và bọn tùy tùng gọi là «chủ nghĩa xét lại»; chủ nghĩa này sẽ đưa lại nguy cơ giai cấp tư sản cướp lại chính quyền. Trung Cộng chính đương phê phán bọn «xét lại hiện đại». Và nghe nói tại Việt Nam cũng đương làm như thế.

Nội bộ Trung Cộng theo những triệu chứng kể trên đã thấy nứt rạn, mâu thuẫn. Mao đương như con mèo nấp chỗ nào để rình bắt chuột. Những con chuột đáng thương này, ôi ! lại là những «chiến hữu thân mật» nhất đã từng vào sinh ra tử với ông. Và trong những năm 1964-65 này, tuy đã qua vận động «bốn sạch», những chiến hữu hình như không có cảnh giác gì cả. Họ có nằm mê cũng không ngờ được số phận con người lại kỳ lạ đến thế ?

Đối với người dân thường và ngay kể cả đa số đảng viên lớp dưới đảng Cộng Sản, thì vận động «bốn sạch» cho như là hợp lý và chịu đựng được, và sau «bốn sạch» chắc sẽ không cần có vận động nào nữa. Lúc đó, việc sản xuất và kiến thiết cũng đã khôi phục, đời sống tạm no ấm. Kỹ thuật và khoa học đã tiến nhanh; Trung Quốc đã cho nổ quả bom nguyên tử đầu tiên. Tuy vẫn là chuyên chế độc đảng, song có vẻ hiền từ hơn.

Riêng tôi, qua những điều đã kinh lịch, đã có kinh nghiệm về nhiều mặt, tôi nghĩ rằng chính sách bây giờ của Trung Cộng, sau khi đã khắc phục một số quá trớn, cực đoan, là tương đối ôn hòa hơn.

Tình thế ổn định, trị an tốt.

Sản xuất tăng gia. Khoa học kỹ thuật cải tiến.

Mức sống tạm đầy đủ, giáo dục phổ cập.

Tất cả những cái đó, so với thời Quốc Dân Đảng trước đây, thì đã tiến bộ hơn. Thế giới cũng phải công nhận.

Tất nhiên, về mặt kiểm chế chính trị, thì vẫn còn hà khắc, không có tự do ngôn luận, tự do báo chí, hội họp; hoạt động tôn giáo bị hạn chế eo hẹp. Người dân cảm giác vẫn có cái gì úp trên đầu, và mong muốn cởi mở thêm nữa.

Ở trên đời, người ta hay sống bằng hi vọng. Người ta hi vọng rằng kiểm chế sẽ dần dần nhẹ đi, theo lời tuyên bố của Lưu Thiều Kỳ năm 1956 : thời kỳ bão táp của cách mạng đã qua, bây giờ phải là mưa thuận gió hòa.

Chính tôi cũng đã có những tư tưởng và hi vọng như thế. Tôi cũng mong rằng theo đà này, quyền lực của quốc gia đối với người dân sẽ bớt dần, theo đúng như lý

thuyết của Lênin : Khi mà sản xuất đã tăng tới một mức cao đủ để có một đời sung túc, không phải cạnh tranh với nhau, không còn mẫu thuẫn giai cấp nữa, và dân trí, đã mở mang đều, thì cái gọi là quốc gia sẽ tiêu vong dần trong tiến trình dân chủ xã hội cấp cao.

Trên thế giới, phải nói là rất nhiều, phân tử trí thức cũng có niềm tin như vậy. Nhưng chẳng bao lâu, sự thực đã trả lời họ một cách phũ phàng. Còn tôi thì mong rằng tương lai sẽ tốt đẹp hơn, kể cả ở Trung Cộng cũng như tại Việt Nam cộng sản, có thể tạo điều kiện để mình về nước trong một khung cảnh mọi người bình đẳng, tự do, mức sống cao, và không còn bóc lột, áp bức nữa. Mong tưởng của tôi từ khi tham gia đấu tranh - không phải vì mình, mà vì đồng bào - có thể thành sự thực không ? Hay cũng chỉ là ảo tưởng mà thôi ?

Cục thế toàn cầu vẫn còn phức tạp. Hàng ngũ cộng sản giới đã tách ra làm hai : phe đổi mới Liên Xô, và phe bảo thủ Trung Cộng. Từ bất đồng về chính kiến, hai bên đã tiến một bước sang thành thù địch sống chết. Xét lại tức là phản bội Mác-Lênin, bọn Mao Trạch Đông lên án bọn Khrouchev.

Cộng Sản Việt Nam hăm vào cảnh lúng túng vì đều cần dựa cả vào Bắc Kinh hay Moscow trong lúc đang đánh nhau với miền Nam Việt Nam và Mỹ. Hồ Chí

Minh chủ trương mềm dẻo, đứng giữa đóng vai trò điều giải, nhưng Lê Duẩn lại dứt khoát hơn, ngả hẳn về phía Trung Cộng. Năm 1963, một bài luận văn của Lê Duẩn coi bọn xét lại như những kẻ đầu cơ cần phải kiên quyết phản đối.

Vì vậy, những Việt kiều ở Trung Cộng cũng bớt bị nghi kỵ như trước, và Trung Cộng vẫn còn giúp đỡ Việt Cộng trong chiến tranh, vẫn còn tự phong là «hậu phương» rộng rãi của Bắc Việt, và vẫn còn hát bài «Việt Nam, Trung Hoa, núi liền núi, sông liền sông» sáng sáng nghe tiếng gà gáy cùng «nghe có vẻ thân thiết... và nhất là câu theo sau «nhân dân ta ca muôn năm, Hồ Chí Minh...» đầy mùi giáo điều, mê tín cá nhân.

Chỉ còn cách là chờ đợi, xem cục thế xoay vần ra sao.

Chương III - Bắt Đầu Nổi Gió Đấu Tranh Về Văn Hóa Tư Tưởng, Thời Kỳ Tiền Cách Mạng Văn Hóa

1965. Tại Quảng Đông vẫn còn gió im sóng lặng. Song những lộn xộn về đấu tranh văn hóa, tư tưởng đã bắt đầu gây bối rối. Trước hết, là vấn đề tranh cãi do một vở kịch nhan đề «Hải Thụy bãi quan» được diễn.

Thực ra, câu chuyện Hải Thụy rất cũ trong lịch sử, và dân gian ai cũng biết đó là một ông Ngự sử có tiếng là thanh liêm, trung trực, một trung thần, dám thẳng thắn đưa lời can gián lên vua. Nhưng nhà vua không nghe, mà nghe theo bọn nịnh thần, bãi chức Hải Thụy và tống đi làm quan ở biên cương. Không cần thông minh lắm, ai cũng biết là để ám chỉ vụ nhóm Bành Đức Hoài mấy năm trước bị cách chức và tống đi làm quan coi đê.

Do một thời kỳ nói lỏng, nên một số tác phẩm văn nghệ ôn hòa, có tính chất trung dung được ra đời, khác với những tác phẩm cực đoan chính trị, ca tụng Mao và Đảng như trước kia. Con mắt cú vọ của Mao đã trông thấy nguy cơ «phản công của giai cấp tư sản» kết quả của trào lưu «xét lại» trong hàng ngũ cộng sản, và Mao cho rằng nếu không ngăn cấm ngay thì sẽ lôi cuốn sang con đường vong quốc. Một mặt khác, vì không cam tâm

đã thất bại sau vụ «đại nhảy vọt» vì thấy thực quyền chuyển dần sang tay kẻ khác, ông cần lợi dụng việc này để tấn công địch thủ, ngay trong nội bộ.

Mao Trạch Đông là một người có tài năng cao cường và có kế mưu thâm độc. Hắn có tài che giấu quỷ kế của mình dưới những chiêu bài cách mạng. Biết rõ là hiện thời không nắm được đa số trong Hội nghị Trung ương đảng, thì cần phải có kế hoạch dần dần xây dựng thế lực tuyệt đối. Vì khác với trước kia, đối tượng cần hạ bệ là người ngoài đảng, nay thì lại là người trong đảng, những chiến hữu của mình.

Qua sự chuẩn bị dư luận bằng đưa ra hai con ngáo ộp «xét lại» và «phản công của giai cấp tư sản», đồng thời do việc ủy nhiệm Lâm Bưu nắm quyền chỉ huy quân đội, gây áp lực mạnh, Mao đã thành công trong âm mưu của mình. Trong việc phê phán mọi luồng tư tưởng tư sản trong văn nghệ, vợ ông, Giang Thanh, lại là một tay đắc lực, có biệt tài về chỉ trích và phê phán, cùng đi tới những sự kết tội, chụp mũ khác nghiệt. Bộ ba, Mao Trạch Đông, Lâm Bưu, Giang Thanh đã làm mưa làm gió.

Sau khi đã dọn đường dư luận, để xác định tính chất tối cáo vô thượng của chủ nghĩa Mác - Lê và tư tưởng Mao Trạch Đông, coi như là chân lý tuyệt đối không

cho phép ai hoài nghi cuộc «đại cách mạng văn hóa» được chính thức phát động.

Quyết định ngày 16 tháng 5 năm 1966 của Trung ương Cộng sản Trung Quốc đề ra 16 điều về nguyên tắc tiến hành cuộc đại cách mạng.

Tinh thần chính của bản quyết định này là «chống chủ nghĩa xét lại và phê phán những người cầm quyền đi theo con đường tư bản». Đó là trên bề mặt. Nhưng nếu xét kỹ thì có một điều mới mẻ, là dùng quần chúng trực tiếp phê phán và tố cáo ngay các cấp ủy ban đảng và chính phủ. Sẽ có điều kỳ lạ là một ông chủ tịch đảng lại hô hào quần chúng công kích ngay các cấp đảng của mình, song chỉ trừ có mình ông mà thôi.

Và tiêu chuẩn đúng hay lầm chỉ có một : là có theo đúng tư tưởng Mao Trạch Đông hay không. Trên thực tế, đây có nghĩa là tố cáo những cán bộ nào mà ý kiến có phần không giống với Mao hay đã từng chống đối Mao, hay không hoàn toàn phục tùng Mao. Với tiêu chuẩn như vậy, không ai có thể tránh khỏi bị phê phán, vì trong bao năm công tác, trong công việc hay trong lời nói, thế nào chẳng có chỗ người khác có thể bới móc hay xuyên tạc ?

Nguyên tắc thì nghe rất đẹp dễ, rất cách mạng. Sự thực, thì chỉ là một trò lường bịp vĩ đại, một cạm bẫy lớn. Cuộc cách mạng vĩ đại này lại được tiến hành với hai thứ vũ khí lợi hại, ác tập của bọn cộng sản, đó là «bối lông tìm vết» và «vô hạn thượng cương»: các bạn cứ để ý và suy nghĩ một chút là bọn cộng sản nào cũng dùng hai thứ vũ khí đó, kể cả Việt Cộng.

Một là «bối lông tìm vết», tức cố moi ra những điều rất nhỏ, hay hầu như không có để có cớ mà thổi phồng lên được. Hai là «vô hạn thượng cương» tức là đưa những sự rất nhỏ, rất bình thường, không có ý nghĩa chính trị gì lên thành lỗi lầm chính trị nặng nề. Thí dụ, có người nói «bây giờ thịt, cá hiếm», đó là sự thực ai cũng công nhận, nhưng có thể bị tố cáo là bêu xấu chế độ xã hội chủ nghĩa. Có người vô tình xé một tờ báo trên có hình Chủ tịch Mao, thì bị gán một tội tày đình là thù hận Mao, thù hận đảng. Cho nên hàng triệu người sau này bị đầu tố, trừng phạt oan ức là kết quả tất nhiên.

Vì quá đông người mê muội, coi Mao và đảng như thần thánh bất khả xâm phạm, nên cuộc «đại cách mạng» này đã đưa toàn quốc đến sự náo loạn và xung đột, gây tổn hại về tinh thần và vật chất kinh khủng cho cả một thế hệ người Trung Hoa và còn ảnh hưởng sâu rộng đến cả tình hình thế giới. Trên thực chất, phải nói nó là một

cuộc «phản cách mạng» mới đúng, vì nó đưa người ta về những thứ lạc hậu, đã man ngược lại với trào lưu tiến hóa của nhân loại, và phá hoại nặng nề những tiến bộ về xã hội và văn hóa.

Lúc đầu còn mưa thuận gió hòa. Tại cấp Trung ương thành lập một «tiểu tổ lãnh đạo đại cách mạng văn hóa» do Trần Bá Đạt làm tổ trưởng và Giang Thanh làm phó. Ngoài ra, còn thiết lập những «đội công tác» tại các cấp đảng ủy.

Nhưng chẳng bao lâu, Mao không vừa ý về công việc của các đội công tác, vì lẽ giản dị là các đội ấy làm ăn chậm chạp, không sốt sắng trong việc đả kích những kẻ đi con đường tư bản. Nguyên nhân là đa số các đảng ủy lúc đó còn do phe Lưu Thiếu Kỳ, Đặng Tiểu Bình nắm.

Tại các địa phương, như tại chỗ chúng tôi ở, thì người ta lại thích mưa thuận gió hòa. Ai cũng sợ và ghét những cái vận động, đầu tổ rồi. Kể cả các cán bộ và đảng viên, mà lần này lo sẽ đến lượt họ chịu đựng. Nhưng không ai dám nói ra, vì sợ sẽ bị bới lông tìm vết.

Tất cả mọi người đều nơm nớp, và mong chờ cho mưa gió sẽ qua một cách êm thấm. Chúng tôi cũng chỉ mong chóng trở về tình trạng bình thường, làm ăn thoải mái hơn. Thực ra, chúng tôi - và nhiều người dân

thường - nói cho đúng chẳng thấy cần gì phải đả kích chủ nghĩa xét lại, và đều đồng tình với bọn xét lại - vì ít ra bọn này cũng không cực đoan và hung ác quá như bọn chính cống.

Nhưng chẳng ai, kể cả Mao, có thể ngờ tới sự việc xảy ra một cách kỳ lạ có một không hai trên lịch sử thế giới !

Chương IV - Giai Đoạn Đầu Của Cách Mạng Văn Hóa - Mao Tự Nắm Quyền - Vệ Binh Đỏ

Phê phán lỗi làm việc bàn giấy, quan liêu của bọn Lưu Thiệu Kỳ, Mao tự nắm quyền lãnh đạo cuộc vận động bằng cách giải tán các đội công tác cũ; và phát động quần chúng tham dự, chiến đấu.

Mọi giới, đặc biệt là công nhân, sinh viên, trí thức đều có thể tự động hợp thành những «đội chiến đấu» với mục đích bảo vệ cách mạng, bảo vệ Chủ tịch Mao. Những đội đó được mệnh danh là «Hồng vệ binh» (Vệ binh đỏ), thụ quyền từ Mao, lãnh tụ tối cao, và có thể phê bình, đấu tố tất cả các cấp lãnh đạo, cán bộ nào mà họ thấy là đi trái với chỉ thị, tư tưởng của Mao.

Do đó, người ta có thể hiểu tại sao Vệ binh đỏ lại có quyền lực lớn, có thể hoành hành bất chấp sự cản trở của các cán bộ, có thể làm mưa làm gió; đồng thời lại dùng danh nghĩa quần chúng để hoạt động, chứ không phải là do Mao chỉ dẫn. Cái gì cũng có thể đổ cho quần chúng.

Khi đã có những đội chiến đấu rồi, Mao bắt đầu mở cuộc vận động một cách rầm rộ chưa từng có. Một rừng người cuồng tín, hò reo những khẩu hiệu «cách mạng»

đứng đầy quảng trường Thiên An Môn để đợi «Tổng thống soái» kiểm duyệt và ban bố mệnh lệnh. Nhiều người kéo từ tỉnh xa đến, chỉ với nguyện vọng tối cao là được nhìn thấy mặt lãnh tụ vĩ đại. Khi Mao được toàn bộ nhân viên trong cục chính trị đảng tháp tùng, tất cả đều mặc quân phục màu xanh lá mạ, oai phong bước ra đứng trên thành tường, thì muôn ngàn như một đồng thanh la to «Mao chủ tịch vạn tuế», y như đối với một vị Hoàng đế. Rồi hò reo vang cả quảng trường, rồi khóc lóc, nhảy múa. Rồi thề chết thề sống bảo vệ Mao chủ tịch... Quả là một sự sùng bái cá nhân có một không hai, bỏ qua rất xa Lenin, Stalin và còn hơn cả Hitler, Mussolini. Về mặt này Mao quả là một thiên tài. Nhưng cũng đáng tức cười cho những kẻ mê muội, mù quang không biết là mình đang bị lợi dụng. Lại đáng buồn cho những kẻ lãnh đạo cộng sản vẫn tự xưng là theo duy vật, theo khoa học và tinh thần tập thể. Bản chất của bọn Mao và các nhóm cộng sản khác đã bại lộ rõ như ban ngày.

Tinh thần sùng bái cá nhân đã lên đến tột điểm, và gây tai họa cho biết bao nhiêu người...

Thấy thời cơ đã tới, Mao bèn cho ra bài «Nã pháo vào bộ Tư lệnh» cổ vũ Vệ binh đỏ công kích ngay vào ban lãnh đạo tối cao của đảng. Theo ý Mao, ngay trong ban

này cũng đã có những phần tử xét lại, khiến bộ Tư lệnh chia làm hai, một «bộ Tư lệnh vô sản» cách mạng, và một bộ «Tư lệnh tư sản» đã biến chất, cần phải lột trần.

Mao nói, đây là cuộc đấu tranh về đường lối có quan hệ sinh tử với tương lai của đảng, để che giấu mục đích tối tăm và bài trừ những cá nhân có thể đe dọa đến quyền lực tối cao của hắn.

Những mũi dùi tấn công vào bộ Tư lệnh ở Bắc Kinh dần dần tập trung đến mấy nhân vật cao cấp nhất, như Lưu Thiếu Kỳ, Đặng Tiểu Bình, Bành Chân, La Thụy Khanh (Tổng tham mưu trưởng), Đào Chu (Bộ Chính Trị). Rất nhiều bích báo viết ra trong các trường học, trong các cơ quan nhà nước, trong đảng bộ, trong nội bộ các đảng gọi là «dân chủ» - bù nhìn, các công đoàn.

Một khẩu hiệu chung để bọn vệ binh đỏ dục vào mà hoành hành là «tạo phản hữu lý» làm phản có lý. Vì có lý, nên có thể chỉ trích, đấu tố, thậm chí đánh đập, hành hạ bất cứ ai, hay xông vào bất cứ nơi nào để lôi bất cứ ai ra... Mỗi khi làm thế họ lại giơ lên cuốn sách đỏ «Trích lời Mao chủ tịch» rồi vin vào đó để kết tội bất cứ ai.

Ở đây, tất có người hỏi : tại sao những người như Lưu Thiếu Kỳ, Đặng Tiểu Bình v.v... là có địa vị có quyền thế, lại nắm được các đảng bộ, mà lại chịu ngồi yên để

bị đưa ra phê phán, đấu tố ?

Rất có thể là vì có kỷ luật và phục tùng đối với chủ tịch đảng, và cũng vì họ không thể ngờ tới âm mưu hiểm độc của Mao muốn triệt hạ những đối thủ của mình; dù đó là những «chiến hữu» mấy chục năm cùng vào sinh ra tử. Họ đã quên mất bài học ở Liên Xô với hung tinh Stalin đã từng giết bao nhiêu đồng đội. Họ không tưởng tượng được một lãnh tụ đảng Cộng Sản lại hành động ác hơn Kiệt, Trụ, Tần Thủy Hoàng, Hán Cao Tổ, Võ Tắc Thiên, Chu Nguyên Chương (Minh Thái Tổ), Từ Hi Thái Hậu. Họ vẫn ngây thơ tin rằng chẳng qua chỉ sẽ phê phán, kiểm thảo qua loa là xong !

Chính họ, những người cầm đầu đảng, cũng chưa hiểu thế nào là «chuyên chính vô sản», mà số phận của họ lại sẽ phải nếm mùi chuyên chính vô sản !

Còn những người dân thường, trừ những kẻ a dua, mù quáng hay lợi dụng nước đục béo cò, thì đều phải rúng động. bàng hoàng trước cái đại họa chuyên chính vô sản, không biết lúc nào sẽ rơi trên đầu mình.

Tùy theo cục thế phát triển, không khí tại Quảng Đông và địa phương chúng tôi ở - Quảng Châu, Phật Sơn - cũng căng thẳng và nặng nề dần lên. Sinh viên và công nhân ở Quảng Châu bắt đầu hội họp, bắt đầu tổ

chức Hồng vệ binh.

Nhiều bích báo đã được viết lên khắp các nơi, chĩa vào các bọng cầm đầu trong đảng ủy để vạch ra những tay «xét lại» Nhưng đồng thời cũng chĩa vào những phần tử «phản động» trong xã hội - địa chủ, tư sản, phái hữu, và những người xuất thân trong các giai cấp đó. Vì vậy, vận động không những chỉ là chống xét lại, mà còn mở rộng ra với nhiều đối tượng khác nhau, trở thành một cuộc xáo trộn chưa từng có.

Nếu là công nhân, nông dân hay sinh viên thì không bị coi là đối tượng đấu tranh. Công nhân, sinh viên còn được giao nhiệm vụ «chủ lực», nghĩa là tay sai đắc lực.

Về phạm vi, đối tượng đấu tranh được tóm tắt trong ba chữ «phong, tư, tu». Phong, tức là phong kiến, tư tức là tư sản, và tu là tu chính, tức «xét lại». Tất cả những thứ và người thuộc ba loại đó đều có thể bị đả kích.

Mở đầu, ở Phạt Sơn, có những đội công tác từ cấp trên phái xuống, để tổ chức cán bộ, chức viên phê phán, chỉ trích các cấp lãnh đạo đảng ủy ở đây xem có khuynh hướng xét lại hay những lỗi lầm nào khác. Cũng có bích báo, tố cáo một số cán bộ, nhưng còn tương đối ôn hòa. Song, vận động nào cũng phải có những vật tế thần. Một vài kẻ không may, thế cô, bị đưa ra tố và điệu đi

nơi khác.

Vì không tham dự vào học tập, nên tôi không biết cụ thể về kết quả ra sao. Còn vợ tôi chỉ là giáo viên tiểu học. Tuy xuất thân là «tư sản» nhưng lại là Hoa kiều và học sinh ái quốc, nên cũng không phải là hạng đối tượng, mà còn cần tranh thủ. Tất nhiên, không thể liệt vào hạng tin cậy.

Vệ Binh Đỏ Xuất Hiện

Đương còn bình tĩnh thì không khí đột ngột thay đổi thành phố này, khi xuất hiện những bọn «vệ binh» đầu tiên.

Tuy cùng là vệ binh đỏ, nhưng do sự họ tự động thành lập, nên không có tổ chức thống nhất và quan điểm cũng không nhất trí, trừ việc tôn sùng tư tưởng Mao Trạch Đông. Thậm chí lại còn có khi đối lập, đụng chạm lẫn nhau; dần dần về sau, những đội vệ binh đỏ lẻ tẻ kết hợp thành «binh đoàn» cho có bề thế. Hai binh đoàn lớn nhất là Hồng Tổng (tổng đoàn) và Hồng Kỳ (cờ đỏ), đối lập lẫn nhau vì Hồng Tổng gồm những người xuất thân tốt - từ giai cấp công nông hay trí thức «cách mạng» con Hồng Kỳ gồm những người xuất thân giai cấp xấu - tuy cũng là sinh viên hay công nhân cả.

Các đội vệ binh đỏ tự cho các sứ mệnh đi truyền bá tư tưởng Mao, giúp lập đội ngũ các nơi, giúp việc đả kích «phong, tư, tu» kể trên. Nên họ thường đi khắp chỗ và liên lạc với nhau, bắt mối - gọi là việc «xuyên liên».

Hoạt động kể trên thường tạo ra hỗn loạn, như các ngũ tranh giành ảnh hưởng, hay loạn bắt người ra đấu tố, có khi một người một ngày bị ba bốn chỗ lôi ra đấu tố, hay đội này lôi đi lại bị đội kia bênh vực, thành ra bị giằng co một cách đáng thương.

Đội nào cũng tự cho là mình mới là «cách mạng chân chính» còn đội kia là giả mạo, hay phản Mao. Do đó, thường gây ra những cuộc xô xát, thậm chí đâm máu như về sau này. Lại có những loại chuyên quấy rối, để làm cho dân chúng hoang mang, ngờ vực, bất mãn.

Một hôm, trên một phố lớn, bỗng có tiếng huyền nào tiếng hô khẩu hiệu. Một toán vệ binh đỏ, toàn là thanh thiếu niên, trai có gái có, đều mặc quần áo như quân nhân, màu xanh, bên tay trái đều đeo băng đỏ, bước trên hai bên hè. Khẩu hiệu «Mao chủ tịch vạn tuế !» «Cách mạng văn hóa vạn tuế !» «Đả đảo địa chủ, tư sản !» vang lên.

Họ dừng bước trước một cửa hàng, trong bày mấy pho tượng Phật, Tiên cổ. Lập tức xông vào tịch thu

trước nét mặt sợ hãi của chủ nhà, rồi mang ra đập tan ngay trước cửa. Một tấm biển có chữ Tài lớn, lập tức bị gổ xuống, đập gãy. Một tòa nhà trên tường cổ chạm trổ rồng, phượng bằng gổ - lối kiến trúc truyền thống - họ trèo lên đập phá ngay, hay bắt chủ nhà, phải tự mình phá. Đây là hành động «tiêu trừ dư tích phong kiến, tư sản», họ nói.

Không ai dám hé răng nói một điều gì. Nếu chống lại, sẽ bị gán tội phá hoại cách mạng, nguy hiểm lắm.

Sau tới những đền chùa vô tội vạ cũng bị phá phách. Một số tượng Phật, Bồ tát, hay thần tiên bị hủy hoại. May là danh thắng chính của thành phố. Tổ Miếu, xây từ đời nhà Tống, được lệnh của Tiểu tổ cách mạng tỉnh bảo hộ. Song, một bức tường Long Bích, chạm trổ hai con rồng mới, bị gán là «phục cổ», một toán Hồng vệ binh đến phá thành từng mảng nhỏ rồi bắt mấy tay bí thư thị ủy, mỗi người khiêng một miếng đi điều phố cho dân chúng xem dưới con mắt kinh ngạc của mọi người, và dưới sự áp tải của mấy tay «nhãi con»... Đáng chú ý nhất là mấy tay bí thư đó, ngày thường uy phong quan dạng, nay phải gằm mặt rằm rắp theo lệnh. Kể cũng là đảo ngược thể thống.

Học trò thực quỷ quái ranh ma. Chúng nghĩ ra những trò lạ để làm khó dễ người khác; họ chia ra từng toán ngồi ở các đầu đường, tay cầm một cuốn «thánh kinh đỏ» (trích lời Mao). Mỗi người đi qua đều bị bắt đứng lại, bắt cùng hô khẩu hiệu với chúng, và đáng sợ nhất là bắt mỗi người phải đọc ra được một câu nào đó. Nếu không đọc được câu nào, thì bị mắng mỏ tàn tệ rồi bị phạt cầm chổi quét đường cho sạch. Thực đáng thương hại và cũng đáng tức cười về lối «giáo dục cách mạng» này.

Rồi sau, có người khôn ngoan đọc thuộc lòng sẵn vài câu để ứng phó khi ra phố. Có những câu ngắn gọn như «Phục vụ nhân dân» hay «Phải quan tâm chính trị» dễ nhớ. Chính tôi một lần ra phố cũng gặp trường hợp khó xử này, nhưng tôi cũng đã thuộc lòng câu «Phục vụ nhân dân» nên thoát được nạn. Hú vía !

Nên biết rằng, chính Lưu Thiếu Kỳ, nhân vật số 2 trong đảng, đã luống cuống ấp úng khi một «tiểu tướng» bắt đọc mấy câu của Mao, và đã đọc sai bét, bị bọn nhãi ranh quái ác chế giễu và chê bai. Đó là một cơ để chúng vịn vào để đầu tố ông ta sau này, cho là ông ta khinh miệt chủ tịch.

Trên kia, chỉ là những trò chơi hiền lành.

Vài hôm sau, khi tan giờ làm, trên đường về nhà, tôi rẽ qua một phố. Một cảnh lạ đập ngay vào mắt. Ngay giữa đường một đám đông người đã tụ tập, trong đó có ló nhô một số vệ binh đỏ, tò mò, tôi dừng lại.

Một bục gỗ cao được dựng trên mặt đường. Trên bục, một người đứng ở giữa, cúi gằm mặt, quần áo tả tơi. Sáu bảy anh vệ binh đỏ cầm cuốn sách đỏ và cầm gậy đứng chung quanh, đương quát tháo chát vắn. Nhìn kỹ, mới biết là một ông ở gần nhà tôi, trước đã từng làm bảo trưởng (trưởng khu phố) dưới thời Quốc Dân Đảng. Trên ngực, treo qua cổ một bảng gỗ đề chữ «Phản tử phản cách mạng lịch sử». Chúng bắt ông đọc vài lời dạy của Mao, bắt ông khai tội, lúc thì xĩa xói vào mặt, lúc thì lấy gậy đập vào lưng. Chắc vì run sợ và cuống quýt nói không ra lời liền bị chúng lớn tiếng mắng là ngoan cố, không biết hối lỗi, nhận tội. Sau rốt, bị chúng bắt quỳ xuống, túm tóc, dìm đầu, trông thảm thương như một con súc vật. Cuối cùng, một tay vệ binh đỏ chỉ bằng tuổi cháu, giáng cho ông một cái tát như trời giáng, đứng ở xa cũng nghe tiếng tiếng kêu.

Mọi người đều im lặng. Dù có cho là tàn bạo, dã man, dù có uất hận thế nào đi nữa, cũng không ai dám can ngăn, vì sợ bị gán là phá hoại vận động. Nhưng lại có một số nhỏ vỗ tay reo hò, hoan nghênh hành động cách

mạng «của các tiểu tướng». Thực là vô pháp vô thiên và táng tận lương tâm !

Sau cùng, chúng bắt ông đeo bảng lớn đỏ đi điều phố. Một tay dắt thùng trời ông như dắt chó, bốn tay cầm gậy vòng kèm hai bên, thỉnh thoảng lại dùng gậy đập vào lưng, vào đầu ông, bắt phải tự xưng tên và là phần tử gì. Hai bên đường phố, nhiều người hiếu kỳ xúm lại xem.

Cái gọi là chuyên chính vô sản tàn bạo cùng với cái phong kiến dã man là một sản phẩm quái gở nhất trong lịch sử để hành hạ con người vô tội.

Ca Múa Tụng Mao Trạch Đông

Cái gì cũng đỏ cả, cũng hồng cả. Đặt tên cũng chọn chữ hồng hay Đông.

Như bài ca thịnh hành nhất - bài Đông Phương Hồng.

Những đội chiến đấu thì lấy tên là Đông Hồng, Hồng Kỳ, Hồng giang sơn, Hồng sắc tự vệ đội; tên cá nhân cũng lấy Hướng Đông, Vệ Đông, Học Đông, Trung Đông v.v... nhan nhản khắp nơi. Con mới đẻ ra cũng đua nhau đặt tên là Đông hay Hồng... Lại có một thanh niên, học sinh xin đổi tên cho đúng một. Một sự a dua cuồng tín và mê muội, đúng như những con vẹt, hay

những con khi hay bắt chước người.

Người cộng sản rất tài giỏi trong việc dùng đủ mọi cách tuyên truyền. Báo chí, truyền đơn bích báo, quảng bá, ca múa, diễu hành với đủ kèn trống. Thịnh hành nhất là điệu «Múa trung thành» chỗ nào cũng phải múa. Ở ngay chỗ tôi làm, buổi sáng, mọi người trước khi làm việc phải đến sớm đọc kinh «Mao ngữ lục» và nhẩy «Trung tự vũ». Chỉ có tôi là được miễn, vì là người ngoại quốc, họ biết rằng với tính tôi, họ có rủ tôi cũng không tham dự. Tiện đây nói thêm là tôi cũng không đọc lời của Mao - trừ có một câu «Phục vụ cho nhân dân», vì nó không sai trái. Họ muốn nhìn tôi bằng cặp mắt gì hay nghĩ thế nào về mình, tôi cũng không chú ý. Vả lại, nói cho đúng, đại đa số viên chức thường cũng chẳng ai ưa những ca múa ấy, nhưng không tham gia thì cũng không thể được.

Nhiều tôi tôi đứng nhìn các đồng sự múa hát một cách ngộ nghĩnh, không khỏi tức cười, phải quay mặt sang phía khác. Trừ bọn trẻ trông còn coi được, nhưng mấy ông bà già, móm mém mà gân cổ lên giọng ca, hay giơ tay giơ chân nhẩy múa loạn quạng thì thực là một kỳ cảnh trên thế gian này. Tiếc độ ấy chưa có máy video để chụp lại...

Trong mỗi ý nghĩ khác, những kẻ khiêu vũ ấy đâu có biết đương nhảy múa để ca tụng những bạo hành gì ? Có thể gọi những ca múa đó là «nhảy múa của Diêm Vương» hay của quỷ Satan dẫn dắt là đúng nhất.

Một ông Đông y đã 60 tuổi, rất sốt sắng về ca múa; trong một cuộc diễu hành, ông lại ngồi trên chiếc xe bò tay đánh trống hăng hái, tay cầm cuốn «sách đỏ» mồm không ngớt gào khẩu hiệu cách mạng. Nhưng đâu có ngờ, không lâu sau, khi vận động lan vào các bệnh viện, thì chính ông lại bị «quần chúng cách mạng» lôi ra đấu tố vì lịch sử và ngôn luận của ông, bắt đứng trên bàn đánh bóng, rồi bị giam vào «chuồng bò», và đưa đi diễu phó ! Lần này đầu phải đội mũ cao bằng giấy đen, mặc áo rách, cổ treo bảng đề «phản động quyền uy» (tức trí thức có danh nhưng phản động), cúi gằm mặt mà đi dưới sự áp tải của ngay mấy đồ đệ của ông. May mà không đến nỗi bị giam tù, đến nỗi tự sát - rồi sau này được cho làm việc lại, nhưng cũng đã bẽ bàng.

Những cơn gió đầu đó từ Bắc Kinh, Thượng Hải thổi tới các tỉnh gần xa, bắt đầu làm rung động xã hội toàn Trung Quốc. Mọi người đều hồi hộp chờ đợi một cơn bão táp không tiền khoáng hậu, đợi chờ những mệnh lệnh quái đản từ «Tối cao Thống soái» Mao Trạch Đông và «Tur lệnh bộ của Giai cấp vô sản» - Chính trị bộ đảng

Cộng Sản. Và có thể nói là đa số không muốn thấy có gì xảy ra, mong cơn bão sẽ không tới. Nhưng có ai hiểu rõ được Mao Trạch Đông, kể cả những vị trong Bộ Tư Lệnh.

Và chính tôi, cũng không thể ngờ tình thế sẽ biến chuyển ra sao. Tôi không mong có bão táp, vì dân Trung Quốc đã chịu quá nhiều đầy đọa, đau khổ rồi, những kẻ tự cho là «cách mạng» lại muốn giữ cách gì nữa đây ? Nếu cách mạng là một công cuộc vì con người, vì hạnh phúc của chúng dân, thì tại sao lại cứ buộc dân chúng đánh lẫn nhau, vì cái gọi là «chủ nghĩa Mác Lê thuần túy ?» mà họ muốn độc quyền ?

Trên thế gian, ít khi cuộc đời xoay chuyển theo ý muốn, dù mong ước rất giản dị và hiền lành. Có những kẻ không muốn cho người khác sống yên ổn. Cho nên :

*Cũng liêu nhắm mắt đưa chân,
Để xem con Tào xoay vắn đến đâu*

(Nguyễn Du)

Chương V - Cơn Bão Táp Tràn Ngập Toàn Quốc

Sau lần tập hợp hàng trăm ngàn sinh viên đứng đặc cả quảng trường Thiên An Môn với sự xuất hiện của Tới Cao Thống Soái và Bộ Tư Lệnh Vô Sản ngồi xe Jeep đi kiểm duyệt Vệ binh đỏ, cả nước Trung Cộng sôi sục hẳn lên.

Khẩu hiệu chính của cuộc cách mạng đại văn hóa là tiêu diệt chủ nghĩa xét lại, đả đảo bọn phản đảng, tức bọn cán bộ chạy theo con đường chủ nghĩa tư bản. Muốn thế, cần cổ động quần chúng vạch mặt, vây tiễu và đập ngã những bọn Khrouchev lớn nhỏ đương nép trong hàng ngũ cầm quyền, vô luận ở trung ương hay ở địa phương, các tỉnh.

Chủ lực của cách mạng là sinh viên, thanh niên, công nhân, trí thức giác ngộ. Đối tượng đấu tranh là trừ những bọn xét lại, phản bội kẻ trên, tất cả những kẻ nào chống lại đảng, chống lại chủ nghĩa xã hội và chống lại cuộc cách mạng văn hóa này.

Như vậy, những đối tượng sẽ bị đấu tranh có mấy loại. Loại thứ nhất là một số cán bộ lãnh đạo các cấp. Loại thứ nhì là những phần tử xuất thân từ những giai

cấp địa chủ, phú nông, tư bản gia. Loại thứ ba là những phần tử bản thân đã «đen» rồi, tức địa, phú, tư bản hay phái hữu v.v... bọn này mỗi khi có vận động mới thế nào cũng phải mang vào «xào nấu lại» hay «bôi tể» cho thêm rằm rộ. Còn một loại nữa, không thuộc về một giai cấp xấu nào, nhưng lại bướng bỉnh, hay nói, không chịu nịnh nọt, cũng dễ bị liệt vào hạng ngoan cố để chịu tội oan, hay dễ bị tố cáo vì thù ghét.

Ngày nay, xem lại kỹ càng những sự việc hỗn tạp trong giai đoạn ấy, người ta mới thấy rõ rằng Mao Trạch Đông là một tay mưu lược tàn bạo và quỷ quyệt nhất trong lịch sử. Mao giỏi đặc biệt là ở chỗ che đậy mục đích của mình sau những bình phong lý luận cách mạng quyền rũ.

Mục đích văn hóa đại cách mạng, theo Mao, là để bảo vệ cách mạng vô sản thế giới, để bảo vệ chủ nghĩa xã hội, bảo vệ sự sống còn của chế độ, bảo vệ lợi ích của nhân dân và tương lai của dân tộc. Nếu không thành công, nhất định sẽ trở về những ngày đen tối trước kia dưới sự áp bức dã man sẽ thụt lùi về đời Trung Cổ. Mao vượt hẳn qua bọn Hitler, Mussolini và cả Stalin về chỗ biết đưa ra những viễn vọng về tương lai huy hoàng của chủ nghĩa cộng sản, khiến mọi người đều tuân phục như trong một đạo giáo và thề sống chết, làm bất cứ cái

gì để thực hiện, dù phải hy sinh.

Phải có những bọn cuồng tín và mê muội như thế mới gây được những xáo trộn và tai họa với quy mô chưa từng có trong một dân tộc thực ra từ trước tới nay chưa bao giờ tỏ ra quá cuồng nhiệt. Chưa bao giờ trên thế giới đã có nhân vật nào cổ động được hàng trăm triệu con người trong một trào lưu hành động vĩ đại như vậy.

Nhiều khi, đứng giữa luồng gió bão, tôi cũng tự hỏi, tại làm sao mà có nhiều người cuồng tín như thế? Hitler, Stalin dựa vào bạo lực, khủng bố làm chính, nhưng Mao Trạch Đông hơn một bậc vì đã vận dụng được bạo lực của con người, của quần chúng. Gạt bỏ mục đích và kết quả ra, những phương pháp vận động quần chúng của người cộng sản khiến chúng ta phải suy nghĩ. Vì chính là lực lượng quần chúng lại sẽ lật đổ chế độ cộng sản - như ở Đông Âu.

Những Mũi Dùi Đầu Tiên

Cơn bão táp bắt đầu ở thủ đô Bắc Kinh và những thành phố quan trọng khác. Các cuộc đụng độ đã xảy ra trên một quy mô rộng lớn và giữa các nhân vật quyền thế nhất.

Tại Bắc Kinh, trước hết, tiểu tổ lãnh đạo vận động gồm có Trần Bá Đạt, Giang Thanh (vợ Mao) chĩa mũi dùi vào một số trí thức tiêu biểu của họ cho là có tư tưởng tư bản và xét lại. Ba nhà trí thức có tiếng Đặng, Liêu, Ngô - nhóm gọi là Tam Gia Thôn - bị kêu tội là phản đảng, là tiên phong trong sự tấn công của giai cấp tư sản về văn hóa, và đưa ra làm điển hình trên toàn quốc. Họ bị đầu tố, cho đi diễn phở trên xe hơi và giam cầm hành hạ dã man bởi các tiểu tướng.

Đặng Thác, kiêm bí thư thành ủy Bắc Kinh không chịu nổi hành hạ, đã tự tử chết, làm cho bao người kinh ngạc và ngậm ngùi. Nhưng người cộng sản chẳng những không thương tiếc gì mà còn nguyên rửa kẻ tự sát là «phản đối vận động» tự sát để tránh tội, hèn nhát. Hàng triệu người đã từng tự sát qua các cuộc vận động, vì không chịu nổi sỉ nhục và đau đớn. Chính tôi, một bác sĩ - đã từng chứng kiến bao cảnh thê thảm ấy, cũng phải rùng mình và ghê rợn trước thái độ lạnh lùng man rợ của bọn đồ tể. Đó là lòng nhân đạo của những kẻ tự coi mình là nhân bản nhất, là vị tha nhất với chủ nghĩa cộng sản và thiên đường cộng sản ra sao ?

Sau đó hàng ngàn nhà trí thức đã bị tố cáo, đấu tranh khắp các nơi, trong đó có những người có danh tiếng và có công lao đối với văn hóa, khoa học. Theo đà ấy, bọn

Vệ binh đỏ thừa thế, với sự hậu thuẫn của tiêu tổ lãnh đạo, tấn công vào ngay đảng bộ Bắc Kinh, một đảng bộ quan trọng bậc nhất, sau đảng bộ Trung ương.

Tại đây, người bị công kích dữ dội nhất là Bành Chân, một thành viên Bộ Chính Trị, đệ nhất bí thư, một đảng viên kỳ cựu có nhiều công lao, song lại đứng về phe ôn hòa Lưu Thiếu Kỳ. Lôi được Bành Chân ra là một thắng lợi lớn, vì từ đó sẽ lôi dần ra các nhân vật xét lại khác.

Do bọn Vệ binh đỏ hoành hành không ai có thể ngăn được, trừ Mao bản thân, nên một nhân vật như Bành Chân cũng bị đầu tó, lột mũ, rút tóc, quần áo tả tơi. Nghe nói ông bị tra vấn suốt đêm không cho ngủ về việc phản Chủ tịch Mao. Cuối cùng, không chịu đựng nổi, liền nhảy từ trên gác xuống sân, may không chết, nhưng gãy một chân. Về sau này đi đầu cũng phải chống nạng trông rất thê lương. Như luồng gió lớn tràn ngập không ai ngăn trở, mấy tay lớn trong Chính Trị Bộ, toàn là những lương đồng từ thời mới lập đảng, có công lớn trong việc dựng lên chế độ, dần dần lâm nạn.

Bành Đức Hoài, nguyên soái chiến thắng trong trận chiến tranh Triều Tiên, Ủy viên Bộ Chính Trị, bị lôi ra về tội phê bình Mao là cuồng nhiệt những năm «đại nhảy vọt» hồi 1960. Hạ Long, nguyên soái, có công sáng lập căn cứ địa, bị tố là bất mãn với đảng. Bành và

Hạ đều bị nhốt vào «chuồng bò» bỏ mặc cô đơn lạnh lẽo ở đó như những tên phản cách mạng; cấm không cho người nhà đến thăm. Rồi sau chết một cách thảm thương, không biết chôn ở đâu, không ai đến viếng. Mao không có một lời thăm hỏi. Mao và tay chân đối đãi như thế ngay với những chiến hữu từ lúc còn hàn vi, chết sống với nhau !

Còn đại tướng La Thụy Khanh thì may mắn hơn một chút. La là một chiến hữu thân mật, đương kim Tổng tham mưu trưởng quân đội, La cũng không chịu nổi đấu tố, cũng liêu nhảy từ bao lớn trên gác xuống, bị què một chân mà thôi.

Người ta nghi ngờ vai trò của nguyên soái Lâm Bưu trong những việc này. Lâm theo sát Mao và tiểu tổ lãnh đạo, còn đề xướng toàn dân học tập cuốn sách đỏ trích lục các câu nói của Mao. Đi đâu Lâm cũng cầm một cuốn sách đỏ để giơ lên cho mọi người thấy.

Lưu Thiếu Kỳ Bị Đấu Tố

Khi một số cường địch như trên đã bị loại bỏ, quyền lực đã vững vàng ở ngay Trung ương hay ở các địa phương, Mao bèn cất nhắc Lâm Bưu lên làm phó Thống soái trên cả Lưu Thiếu Kỳ, Đặng Tiểu Bình, Chu Ân Lai.

Đây là mưu kế quỷ quyết của bọn Mao, để nắm lấy quân đội làm hậu thuẫn và để gạt dần địch thủ đáng gờm nhất - Lưu Thiếu Kỳ, ra khỏi vòng quyền lực.

Lưu Thiếu Kỳ, nhân vật số 2 trong Ban Thường Vụ, đứng sau Mao, lại là Chủ tịch nhà nước, vốn nắm việc đảng, nên cán bộ đa số theo ông và ngay các đảng bộ địa phương và dân chúng cũng ưa ông hơn Mao. Nên Mao phải cô lập hóa Lưu và đôi khi uy thế của mình lên cao tột điểm, mới tính cách hạ ông.

Trong mấy lần duyệt binh (Hồng vệ binh), địa vị của Lưu, Đặng Tiểu Bình xuống thấp dần, từ hạng 2, 3 xuống tới hạng 4, 5 rồi tới 6, 7. Lâm Bưu đã theo sát Mao, còn Châu Ân Lai vẫn giữ hạng ba. Châu là một người cực kỳ khôn khéo, không bao giờ phê bình Mao, lại có uy tín khá cao, nên Mao không dựa vào Châu. Vai trò của Châu bị nhiều người chế trách, vì đường đường là một Thủ tướng, mà phải khuất phục sau Lâm Bưu. Có lẽ vì sợ, nên Châu có làm ngơ trước việc Mao, Lâm, Giang Thanh đẩy dọa Lưu Thiếu Kỳ và bao chiến hữu vào sinh ra tử của mình. Nếu Châu có can đảm bênh vực Lưu, Đặng, Bành thì có thể đã tránh được tai nạn văn hóa cách mạng dữ dội như vậy.

Nghe nói, Lưu cũng không ngờ mình lại có thể bị mang ra đấu, và coi như kẻ địch như thế. Chủ trương của ông tương đối ôn hòa, giảm nhẹ dần đấu tranh giai cấp và chú trọng vào kiến thiết. Chính vì thế mà Mao sợ ông có thể lấn quyền của mình, và nhân cơ hội lên án ông là «xét lại», là người số 1 chạy theo con đường tư bản, là nguy hại nhất cho cách mạng xã hội chủ nghĩa, là «Khrouchev của Trung Quốc». Theo đường của Lưu, tất sẽ vong đảng, vong nước. Trong tác phẩm «Luận về sự tu dưỡng của đảng viên cộng sản» ngày trước là sách phải đọc, bọn Vệ binh đỏ tìm bói ra được rất nhiều tư tưởng phản lại tư tưởng Mao !

Một ngày chủ nhật. Đại hội trường Trung Nam Hải, trụ sở Trung ương đảng Cộng Sản Trung Quốc, ngồi chật ních người Vệ binh đỏ mặc quân phục màu xanh, cán bộ. Nhiều tên bảo vệ mặt dữ dằn đi đi lại lại. Mọi người đều nín thở chờ đợi. Bàn chủ tọa trên sân khấu, đúng giờ khai mạc đại hội phê phán những kẻ xét lại. Chủ tọa đồng dục tuyên bố :

- «Đưa tên phản bội Lưu Thiệu Kỳ ra phê phán !»

Một làn sóng làm rung động cả ngàn người, cùng phát lên một tiếng «À» vang động cả hội trường. Ai nấy đều ngẩn cổ lên nhìn cho rõ.

Chủ tịch nhà nước họ Lưu từ trong bước ra, do bốn tiểu tướng hộ tống. Lưu mặc bộ quần áo cán bộ màu xanh lam, đầu đội mũ vải, chân cũng đi giày vải. Bị buộc đứng ở giữa sân khấu.

Một người chủ tọa có lẽ còn có lòng thương hại Lưu tuổi già, sức yếu, cho phép ngồi xuống một cái ghế gỗ. Chắc là đã qua mấy lần phê phán nội bộ, nên xem có vẻ bơ phờ, đôi mắt lơ lơ nhìn thẳng về phía trước. Đầu còn là lúc oai phong lẫm lẫm, lúc tinh thần tranh đấu của một «lãnh tụ cách mạng».

Cho đến lúc này, chắc Lưu cũng vẫn chưa hiểu được tại sao lại đến nỗi này ? Tại sao chiến hữu nổi khổ là Mao lại để cho mình bị đấu tố như thế này ? Và có lẽ, Lưu đương hồi tiếc không kịp thấy rõ bản chất của Mao, và tự trách mình sao lại mù quáng tin ở Mao, mà không tìm cách tự vệ ? Lúc biết mình quá ngu, thì đã muộn rồi.

Thế rồi, Vệ binh đỏ, cán bộ, lần lượt lên sân khấu tố cáo tội ác của Lưu là bất mãn, là phản đối Mao, là dẫn đảng đến con đường tư sản, là hư hóa cán bộ, làm hỏng các cán bộ địa phương, là theo bọn Khrouchev và xét lại Liên Xô, phá hoại quốc tế cộng sản. Bao nhiêu chất vấn, câu hỏi dồn dập, nhưng chỉ được Lưu phủ nhận. Bọn tiểu tướng tức quá, chửi rửa Lưu là ngoan cố, là

kiên quyết phản đảng, là muốn đoạt quyền từ tay Mao... Chúng giận dữ lật mũ Lưu, nắm tóc ông, và đâm túi bụi vào người ông, đến nỗi Lưu khụy xuống, ngồi xếp xuống sàn, quần áo tả tơi như một kẻ ăn mày thô thảm, giữa những tiếng hò hét man rợ : «Đả đảo Lưu Thiếu Kỳ !» «Đả đảo Khroutchev của Trung Quốc !»

Những cảnh đó, ai đã thấy không bao giờ quên được. Một thứ vận động quần chúng dã man. Nhưng Mao và tay sai chắc đương vỗ tay, ăn mừng thắng lợi, không chút thương hại trắc ẩn.

Lưu Thiếu Kỳ sau đó, di chuyển tới một nơi tại Hà Bắc, bị giam trong một nơi hẻo lánh, không được tiếp xúc, liên lạc với ai. Số phận của Lưu sẽ ra sao, còn đợi ở sự tùy hứng của Chủ tịch đảng.

Hùm thiêng khi đã sa cơ cũng hèn.

Văn Đấu, Vũ Đấu

Đấu tranh như cơn bão táp lan xuống các tỉnh. Một số cán bộ cao cấp xấu số đã bị điểm danh vào sổ đen. Phần lớn là những cán bộ kỳ cựu, có công lao với đảng, nhưng đều thuộc phái ôn hòa, không sắt máu, theo Lưu, Đặng, bị đưa ra đấu tố.

Tại Quảng Đông, thường thường người ta không ưa kịch liệt quá. Nhưng tại nhiều tỉnh miền Bắc, không những đấu tố tàn ác, mà còn xung đột dữ dội giữa các phái hệ, như trên đã thuật, sinh viên, học sinh, công nhân chia làm mấy phe, mỗi phe tố cáo một lãnh đạo, hay bênh vực một số chống lại phe khác, tạo thành một tình trạng hỗn loạn, không biết chỗ nào mà mò. Ngay cả các tiểu tổ lãnh đạo vận động cũng hoang mang, cũng bị lôi ra tố cáo....

Tình hình ngày càng loạn, ra khỏi sự kiểm soát của ngay tiểu tổ lãnh đạo trung ương. Nhóm nào cũng lấy danh nghĩa bảo vệ Chủ tịch Mao đề hành động. Mới đầu còn đấu khẩu, đấu nhau bằng truyền đơn, sau đến bằng đâm đá, gây gộc. Cuối cùng bằng gươm đao. Có chỗ kéo bè đến hàng ngàn người, cướp cả súng của quân lính để bắn lẫn nhau. Đó là vũ đấu, tất nhiên có người bị thương, có người bị chết. Có nơi còn đốt cháy cả nhà, cả một dãy phố, như ở Quảng Tây Ngô Châu. Ở Quý Châu Tứ Xuyên, vũ đấu cũng khủng khiếp, đến nỗi phải nhờ đến quân đội giới nghiêm.

Còn nữa, nhân lúc hỗn loạn, cướp bóc, hiếp dâm, báo tư thù tất nhiên phải xảy ra. Những bọn địa chủ, phú nông, tư sản thường bị đưa ra đấu tố, giam cầm một cách vô tổ chức. Tại nông thôn, nhiều chỗ ruộng đất bị

bỏ hoang, gây ra nạn đói. Gạo, mì, đồ ăn càng hiếm và đắt, sinh hoạt càng khó khăn.

Vùng chúng tôi ở Phật Sơn, Quảng Châu chưa đến nổi hỗn loạn như các tỉnh khác. Đất Quảng Đông xưa nay vẫn chú trọng về làm ăn, buôn bán, cũng như ta thấy ở những Hoa kiều gốc Quảng Đông sống ở nhiều nước. Ý thức đấu tranh chính trị không nồng hậu, dù đã ở dưới sự thống trị của cộng sản đã mười mấy năm. Họ cũng không muốn xô xát với nhau quá đáng.

Tổ cáo trên từng cao nhất là tỉnh ủy với Triệu Tử Dương, điệu từ miền Bắc tới để cải tiến kinh tế (sau này đã lên ngôi Tổng bí thư Trung Cộng). Triệu cũng bị các nhóm vây bắt, phê phán kịch liệt, nhưng chưa dữ dằn quá. Máy tay chớp bu tỉnh ủy cũng đều bị đấu tố, cho lên xe hơi đi điều phố, vài người cho vào chuồng bò. Rồi cứ thế lan dần xuống các cơ quan hành chính, xí nghiệp, trường học, bệnh viện, công đoàn v.v...

Thành phố Phật Sơn không tránh khỏi tai nạn. Các cơ quan hành chánh thường đóng cửa mấy ngày để «học tập». Một ủy ban lãnh đạo học tập gồm có cả một số cán bộ «cách mạng» và Vệ binh đỏ nắm toàn quyền. Trong bệnh viện tôi làm cũng lập một tiểu tổ, gồm có đảng viên và nhân viên trẻ Viên trưởng, bí thư chi bộ đều phải ra rìa, chỉ được làm công việc y tế chuyên môn

mà thôi. Thường thường tất cả phải đi học tập mỗi ngày đến khuya, có khi cả ngày chủ nhật phải đi dự đấu tố hay nghe báo cáo.

Riêng tôi thì được «miễn» nhưng cũng đủ khổ vì phải gác thêm mấy buổi, nếu người thường trực bắt buộc phải đi học tập. Dù bận, nhưng cũng thấy dễ chịu, ở chỗ không phải đi họp những buổi đấu tố âm ỉ và lộn giọng, có khi thê thảm.

Chương VI - «Cách Mạng» Tại Phật Sơn

Một ngày chủ nhật, tôi và một ông bạn được rồi rủ nhau ra phố chơi xem cảnh tượng ra sao, và xem các tờ bích báo giăng ở các phố. Bích báo cũng khá nhiều, về chính trị cũng có mà về những việc riêng tư cũng có.

Như có tờ công kích mấy ông cán bộ lạm quyền, tham nhũng, có vợ bé dấm dúi. Một ông bí thư thị ủy bị vạch ra là có mối nối cũ, bỏ người vợ cũ ở quê xa để lấy một cô vợ mới duyên dáng tân thời hơn. Một tay nữa bị tố là có đặc quyền, khi đi dưỡng bệnh thì có một y tá nữ riêng chăm sóc (gọi là đặc biệt hộ lý) và cùng bơi thuyền với nhau thong dong trên hồ... Còn nhiều chuyện khác nữa không tiện kể ra ở đây... Thực ra, có dịp để vạch ra những cái đó cũng là tốt thôi, chỉ sợ là sau này, kết thúc vận động, người viết có gặp những gì không ? Mặc dầu, lệ luật trong vận động là viết gì cũng được, không ai được báo thù.

Tới một ngã tư đông đảo, một đám đông đương xúm xít ngay trước cửa một rạp hát lớn. Chúng tôi len vào tò mò xem. Trên một bàn gỗ, mấy tay Vệ binh đỏ đương chỉ trở vào một bà tuổi trung niên, mặc váy đầm, đầu đội mũ đầm màu vàng, chân đi tất dài bằng lụa, khoác

qua cổ trên ngực một đôi giày da cao gót, lưng thắt một đôi thắt đàn bà màu nâu, tất cả những thứ lạ mắt và sang trọng. Thoạt tưởng là một bà «tư sản» nào, nhưng nhìn kỹ mới nhận thấy là bà Phương... một bà phó bị thư thị ủy thành phố, đảng viên kỳ cựu, đã từng tham gia đánh du kích chống Nhật. Bà đã từng nổi tiếng về câu nói về nông dân «nông dân như thể một con chim, bóp chẹt quá thì nó sẽ chết, mà bỏ lỏng quá thì nó sẽ bay mất» bị phê bình là nói xấu giai cấp nông dân. Lần này thì bà bị bọn học sinh chất vấn về tác phong tư sản, bà đã lợi dụng một chuyến đi công việc ở Hong Kong để hưởng thụ phê phỡn và mua quần áo tân thời nước hoa, phấn sáp... Nhìn kỹ, mới thấy mặt bà đánh phấn trắng, môi thoa son đỏ, trông rất tức cười và đáng thương vô hạn, chỉ biết cúi gằm không dám ngẩng đầu lên.

Đương cơn giận dữ, một tiểu tướng nắm ngay vào tóc bà. bắt ngẩng đầu lên để cho mọi người nhìn thấy son phấn của bà bí thư «tư sản» này. Không muốn nhìn thêm, chúng tôi vội quay đi - tôi cũng hơi quen bà ấy, đã có khi đến xem bệnh - vì không chịu được những cảnh đầy dọ, dù chúng tôi không ưa cán bộ cộng sản nhiều khi kiêu ngạo này.

Đương ở trong cảnh ăn trên ngồi chốc, tác yêu tác quái, mà bị lôi xuống quật cho một trận, tất nhiên là

khô. Nhưng bọn đó đã từng sướng, từng oai phong một thời. Thảm thương nhất là số phận của những phần tử đen (địa chủ, phú nông, tư sản phần tử phản động cũ, phái hữu), của một số trí thức bất hạnh, và chua chát nhất là những thanh thiếu niên không may sinh ra trong các giai cấp trên. Đầu tổ, đầy đoạ, kỳ thị, bất công đè nặng trên đầu như một gông cùm vô hình, không thể nào thoát nổi. Phải có sức chịu đựng ghê gớm mới sống nổi trong các xã hội cộng sản.

Cơn sốt khủng bố, theo sau những kèn trống inh ỏi, những tiếng hát ca tụng thần thánh, những báo cáo dài hàng nửa ngày, nay đã tràn tới các tầng lớp dân chúng thường.

Tại các trường học, một loạt bích báo xia vào các ông giáo đáng nghi ngờ, đa số có tỳ vết trong lịch sử cá nhân, xuất thân từ các giai cấp đen, có quan hệ với các đảng phái cũ, với các tôn giáo, những người đã ở nước khác về, nhất là Đài Loan, Hong Kong. Không những bị nghi oan là tư sản, là bất mãn, mà còn là tư thông với ngoại quốc, là gián điệp, mật vụ. Ai cũng có thể bị vu cáo, mà không cần có chứng cứ. Thế là bị mang ra đầu tổ, hành hạ, khám nhà, thậm chí đưa sang công an - mà không cần qua thủ tục pháp luật nào, hoàn toàn do dự tưởng tượng và quyết định của một nhóm hung thần.

Một ông giáo hơi già, họ Đỗ, trước là Hoa kiều tại Hà Nội, cũng là người yêu nước, về đây từ năm 1949. Ông vốn hiền hậu, ít nói, đáng lẽ không việc gì, nhưng đột nhiên, một buổi họp, ông bị tuyên bố «giám quản» - tức là vào chuồng bò, cùng với vài người khác «cùng một nhóm». Ông bị đấu tố, tra tấn một cách tàn nhẫn với tội danh là đặc vụ Hong Kong (!) làm mọi người sùng sốt, ông bị hỏi là giấu mật mã, tài liệu, giấy ủy quyền, điện đài và cả vũ khí ở đâu ? Bọn tra vấn nói là đồng đảng của ông đã khai ra hết cả rồi, nếu ông không chịu khai thì cũng sẽ bị kết tội gián điệp - có thể là tử hình.

Không chịu nổi hành hạ suốt ngày đêm, ông bèn khai bừa chỗ giấu những vật đó. Thế là bọn công an hí hửng vác cuốc, xẻng tới nhà ông, cuốc xới khắp các gầm giường, đáy bếp, lật cả gạch ngói nhưng chẳng thấy gì cả. Tức quá, họ lại về đấu ông dữ dội hơn và thêm cho một tội nữa là «lừa dối cách mạng» ! Thực không biết đáng khóc hay đáng cười. Ông bạn Hoa kiều đó sau còn sống sót được là may quá, vì trong số bạn ông, đã có người từ bỏ cuộc đời.

Có một điều là ông đã khai man, và cũng không ngờ là ông đã bị vào chuồng bò, bị đấu gần chết - chỉ vì một lời khai báo của một người nào khác cùng cảnh ngộ.

Cảnh thương tâm nhất là cảnh bị đưa đi điều phố. Một lần, tôi đã gặp một toán diễn hành lớn, đến hàng trăm người thuộc hệ thống Văn Giáo (văn hóa, nghệ thuật, giáo dục, y tế). Hàng trăm người già có, trẻ có, quần áo lam lũ, rách rưới, có người mặc áo tơi, toàn đội mũ cao đen, đi chân đất, trối với nhau bằng thùng, do mấy tên vệ binh đỏ dắt. Mỗi người đều có một cái biển đề tên tuổi, thuộc hạng nào; tay cầm một cái loa con, vừa đi vừa gõ và tự giới thiệu. Nếu không sẽ bị bọn vệ binh đi kèm lấy gậy đập vào đầu hay vào lưng. Trông vẻ mặt mỗi người cũng cho người ta không biết nên khóc hay cười.

Trong số này, có nhiều người tôi biết, là những giáo sư bác sĩ hay nghệ sĩ có tiếng ở đây. Trông đến họ, tôi không thể không liên tưởng đến những người Do Thái trước kia cũng bị treo bảng và áp đi điều phố dưới thời Hitler. Có những người rất tốt, rất ái quốc, nhưng bất hạnh đã gặp tai họa tày cho mình và cho cả gia đình. Vợ con những người xấu số sẽ phải sống những ngày tủ nhục, đau khổ !

Không có thống kê nào rõ rệt về số những người đã tự sát, đã chết, hay đã bị ngục tù, nhưng trong thành phố này chắc chắn phải đến hàng ngàn. Tuy vậy, chưa đến tột điểm của tai nạn.

Trở lại vũ đấu giữa các đội vệ binh đỏ, các đội công nhân chiếu đấu, các nhóm tự xưng là bảo vệ Mao, thì càng ngày càng quyết liệt khi bước vào giai đoạn thứ hai : «giai đoạn đoạt quyền». Mao lý luận là sau giai đoạn đầu là tố cáo và quật ngã bọn xét lại trong các đảng bộ thì các tổ chức cách mạng quần chúng «cần phải đoạt lấy chính quyền và đặt vào trong tay những «cán bộ chân chính cách mạng» - có nghĩa là trung thành với tư tưởng Mao.

Do sự tranh đoạt quyền chính ở các nơi, do sự các đảng bộ cũ đã mất quyền lực, gây ra một thế trống không chính trị, trong đó các phe xung đột lẫn nhau, không rõ ai là chính ai là tà. Mao thì cho đó là một dịp tốt để cho rắn, giun lòi mặt ra (dẫn xà xuất động), để dễ tiêu trừ rồi lập lại trật tự.

Song, các bọn «xét lại» cũng không phải là ngu, ngời mà đơì chết. Họ cũng hô to Bảo vệ Chủ tịch Mao ! Và kéo các nhóm vệ binh đỏ về để hộ vệ mình. Chẳng biết ai là xét lại, ai là cách mạng nữa. Đánh lộn nhau lung tung. Tuy vậy, phe chính thống - có nghĩa phe những kẻ xuất thân từ giai cấp tốt công, nông, cán bộ, thường chiếm ưu thế. Để chống lại, những kẻ xuất thân từ các giai cấp đen, cũng tập hợp lại cùng nhau để có lực lượng tự bảo vệ.

Cảnh đầu lẫn nhau tại Phật Sơn ngày càng gay gắt tuy chưa dùng đến súng ống hay dao gươm, mới chỉ bằng gậy gộc mà thôi. Đã có một số ít kẻ đầu xết lại. Ban đêm lại càng lo sợ, vì còn sợ bọn du đảng đánh hôi, cướp bóc; cảnh sát không đủ lực để ngăn ngừa, mà cũng không dám ngăn ngừa.

Những bệnh viện trong thành phố, đến đêm, đã tự đóng cửa, trừ những nơi có đội tự vệ gác. Bệnh viện tôi làm cũng vậy. Dù có ai đánh nhau đến vỡ đầu sút tai đi nữa cũng phải làm ngơ, vì sợ nhóm này nhóm kia tràn vào đập phá lung tung và có thể vác bác sĩ, y tá ra đầu tó vì cứu chữa cho bọn phản động.

Một hôm, vào buổi chiều, có điện thoại từ Nha Thị Chính gọi, nói là một ông bí thư trưởng đương đau bụng nặng cần cấp cứu, nhưng lại nói thêm rằng ông đó đang bị một nhóm về binh đồ vây đầu. Mấy ông y sĩ, kể cả ông thường trực, nghe nói đều sợ xanh mặt, không ai dám đi. Thấy vậy, tôi cũng quyết định tự mình thay vào vì biết ông này bị bệnh loét da dày, chậm trễ có thể nguy hại tính mệnh. Một cô y tá mạnh dạn cũng tình nguyện đi theo.

Giữa sảnh đường, ông bí thư đương nằm dài trên ghế gỗ miêng kêu rên. Thấy chúng tôi bước vào, một tay học sinh bước ra nói lớn «Nó giả vờ đau để tránh đầu

tranh đây ! Ông đến làm gì ?» Tuy vậy tôi cũng tiến tới, và chỉ cho họ thấy da mặt tái xanh, trán đổ mồ hôi của ông ta, và bảo :

- «Ông này đích thực đau dạ dày. Các anh muốn đấu, thì tốt nhất là chữa cho ông ta đã, mới ăn thua chứ ? Bây giờ ông ta không nghe thấy gì, đấu cũng vô ích.».

Trong bọn học sinh đã có người nhận được tôi, và nói với nhau : bác sĩ Nguyễn là một người tốt, và nói có lý. Họ để yên cho tôi khám bệnh và bảo cô y tá tiêm cho một ống đỡ đau.

Bọn này đấu ông ta vì có ba năm trước đây, ông có hiệu triệu họ đi nông thôn «tiếp thụ giáo dục» và hẹn hai năm sau sẽ được trở về, nay đã quá hạn. Sau khi được tiêm, cơn đau cũng giảm dần, bọn học sinh hiểu rõ là có đau thực, và quay ra xúm lấy tôi hỏi han về mọi thứ tật bệnh, còn bắt tay tôi khen là giỏi... Không biết ông này có thực là «xét lại» hay không nhưng chắc là nhớ đời buổi đấu tố này.

Bên cạnh những đấu tố, diễu phó, tự sát vũ đấu, phải kể thêm rằng cũng có những thứ vui vẻ hơn. Đó là phong trào đi các nơi để liên lạc và hỗ trợ lẫn nhau của các vệ binh đỏ, của học sinh, sinh viên, và một số công nhân - gọi là phong trào «xuyên liên». Vì các trường

bạn về «vận động» nên học sinh rồi rãi đi chơi, ngồi xe, tàu không mất tiền; mà đâu đâu cũng có những trạm tiếp đãi ăn uống đầy đủ. Bề mặt thì là đi truyền bá tư tưởng Mao Trạch Đông, đến đâu cũng có thể hoạt động, tham dự đấu tố, nhưng thực chất là đi du lịch, để chơi không mất tiền. Thời kỳ này thực là kỳ lạ đối với bọn học sinh. Mấy đứa con tôi cũng nhân dịp này được đi du lịch nhiều tỉnh không tốn kém.

Lại có một số người nhân dịp nằm nhà nghỉ ngơi. Không phải đi làm hay tham dự học tập mà vẫn ăn lương, gọi là phái «tiêu diêu». Nhiều xí nghiệp, nhà máy thì thực hành một chế độ «làm nửa ngày» hay «làm từ từ», khiến mức sản xuất toàn quốc sút giảm lớn.

Tình thế hỗn loạn, xung đột và vũ đấu lan rộng toàn quốc. Chết chóc càng nhiều. Kinh tế xuống thấp. Xem ra cũng đã đủ, Mao Trạch Đông thấy cần phải ra tay chấn chỉnh.

Chương VII - 1967 : Phái Quân Đội Can Thiệp - Trùng Thanh Hàng Ngũ Giai Cấp, Giáo Dục Cán Bộ

Dù là ngoại kiều, những cũng là một bác sĩ làm trong bệnh viện nhà nước, là một «cán bộ y tế» không hoàn toàn tách hẳn ra ngoài hệ thống công chức, nên tôi cũng không tránh được làn sóng bích báo đề cập tới. Vì ai cũng có quyền viết và đề ý kiến đối với bất cứ ai, trừ Chủ tịch Mao.

Điều này cũng dễ hiểu, vì người ta biết tôi từ Việt Nam tới, và đã hoạt động chính trị. Từ lúc tới đây, tôi lại có tham gia học tập chính trị, mãi tới 1959 mới kết thúc vì vấn đề chia rẽ Sô -Trung. Tại vài cơ quan, xuất hiện mấy bích báo đưa nghi vấn về tôi, như chất vấn chính phủ sao lại trọng dụng tôi, và còn một tờ đặt thắc mắc về việc tôi có cùng một số đồng sự nào bàn luận những quan điểm «xét lại». Kỳ thực, họ nghi ngờ cũng đúng, nếu xét về quan điểm, đích thực tôi thuộc về phái tự do, cởi mở, phản đối bạo lực, đấu tố. Chỉ không thể nói ra mà thôi. Cũng phải nói thêm, chính vì thế mà nhiều đồng sự, cán bộ hay trong dân chúng, có cảm tình với mình.

Những tờ bích báo ấy, tôi không được xem tận mắt, nhưng nhân viên công an, phụ trách về ngoại kiều thì đều đã xem cả. Họ với tôi có quan hệ trong công việc, và rất nhiều là bệnh nhân của tôi.

Một hôm, có một người đến xem bệnh, ho và cảm, khi cầm đơn thuốc, anh mỉm cười :

- «Ông có biết người ta viết những gì về ông không?»

- «Tôi có biết gì đâu». Tôi lắc đầu nói.

- «Họ bảo ông theo chủ nghĩa xét lại» Anh vẫn cười.

- «Thế thì chết, quá nghiêm trọng...» Tôi cũng cười đáp. Anh vừa cầm đơn thuốc đứng dậy, rồi bắt tay tôi thực chặt :

- «Thực ra chẳng có gì là nghiêm trọng cả. Họ muốn viết gì thì viết, có sao đâu. Chúng tôi có trách nhiệm giải thích cho họ, vì ông là một bác sĩ tốt, rất tận tâm, ai chẳng biết !»

Có lời nói của anh chàng công an này, cũng hay. Vì nghe nói tại Quảng Châu, có vài người ngoại kiều, trong đó có người Việt, cũng đã bị làm phiền nhiễu vì các tiểu tƯỚNG.

Còn vợ tôi, cũng không tránh nổi có bích báo nêu ra vấn đề - vì xuất thân, vì tư tưởng không chính xác... nhưng tựu trung cũng nhẹ nhàng như đối với nhiều giáo viên khác, nên cũng yên tâm.

Lúc này, quân đội đã được phái đi các nơi để quản trị các phái cho nhất trí với nhau, dần dần giảm bớt được hỗn loạn. Tuy thế, nhiều nơi các phái vẫn kháng cự, cho là ba phải, phản bội cách mạng. Vũ đấu vẫn tiếp diễn, trong đó có một số binh sĩ tử thương, vì không dám thẳng tay bắn vào đám vệ binh đỏ hay học sinh.

Đồng thời, Lâm Bru thừa cơ nắm lấy quyền chỉ huy quân đội, với âm mưu riêng. Sau này, Lâm toan làm đảo chính, đoạt quyền, song Mao và Châu Ân Lai đã phát giác. Lâm và vợ con phải ngồi máy bay chạy sang Liên Xô, nhưng tới Mông Cổ thì phi cơ thất sự, phải táng thân trên thảo nguyên. Đó là một sự kiện ly kỳ khó hiểu nhất. Tại sao nhân vật số 2, người kế vị của Mao lại làm phản và chết đột ngột như thế ?

Với cái chết kỳ quái của Lâm, cùng với cái chết bi thảm của Lưu Thiếu Kỳ và nhiều công thần của Trung Cộng, Mao Trạch Đông qua cái gọi là «đại cách mạng văn hóa» đã đập qua bao xác chết và bao đau khổ đạt tới mục đích là giữ vững được địa vị tối cao vô thượng của mình tại Trung Quốc và tiến tới ngôi vị số một trong

hàng ngũ Quốc Tế Cộng Sản, và là người kế vị của Mác - Lênin !

Dưới sự quản trị của quân đội, tình thế hỗn loạn dần dần cũng bớt đi. Các nơi thành lập những Ủy ban cách mạng, ổn định trật tự. Công nhân phải trở về nhà máy, học sinh, sinh viên trở về trường học «làm cách mạng tại chỗ». Các cán bộ, viên chức, trừ một số có hồ sơ nặng, dần khôi phục chức vụ cũ, kể cả một số đã bị đầu tó hay đi diều phố.

Thực đáng tiếc và đáng thương cho những kẻ đã tự sát, hay đã bị thương tích, hay đã chết trong các cuộc vũ đấu, tất cả đã chết oan uổng với khẩu hiệu «bảo vệ tư tưởng Mao Trạch Đông»

Thanh trừng được những kẻ «xét lại» rồi, mọi người đều cảm thấy vận động sẽ chấm dứt, bước vào giai đoạn tổng kết. Nhưng cây muốn đứng mà gió vẫn thổi. Một cơn bão táp khác lại tiếp đến, mệnh danh là «trừng thanh đội ngũ giai cấp». Một cuộc khủng bố quy mô lớn lao vào khủng khiếp lại giáng xuống đầu những kẻ vô tội, bị kết án là kẻ thù giai cấp.

Trong giai đoạn vừa qua, chủ yếu bị thanh lọc là đảng viên, cán bộ, cho nên dân thường cũng chưa e sợ lắm. Lần này, trực tiếp nhắm vào những người có xuất thân

xấu, những người đã từng bị đấu tranh trong mọi vận động, những người phải hữu, hoặc những kẻ bị coi là «bàn tay đen» (hắc thủ) đã có hành vi phá hoại.

Với chủ trương như thế, cả những thanh niên, học sinh thuộc các giai cấp xấu, mặc dầu còn trẻ và không làm gì có hại cho chế độ, cũng bị lôi ra phê đấu hoặc gạt sang một bên, bị kỳ thị và cô lập. Đáng lẽ là những người cần tranh thủ, thì lại đẩy họ vào hàng ngũ thù địch. Đó là tính chất cực tả cực đoan của cộng sản, và đã làm cho đại đa số quần chúng xa rời càng sợ hãi.

Từ trên còn đưa ra một chỉ thị quái gở để hướng dẫn quần chúng là theo thống kê bình quân, trong 100% số dân chúng, thì có tới 5% kẻ xấu, đối tượng để điều tra, vấn tội hay đấu tố. Nếu trong vận động không tìm ra được 5% thì có nghĩa là phạm hữu khuynh không cảnh giác. Luận điểm máy móc này khiến cho nơi nào cũng khăn chương phải tìm ra đủ số đó, nếu không đủ sẽ bị cấp trên quở trách.

Sự thực làm gì có thể có tới 5%, và thế nào là phần tử xấu hay phản động cũng không có tiêu chuẩn gì rõ rệt nên các đơn vị đều cố moi móc những người xuất thân giai cấp tư sản, địa chủ, dù không có lỗi lầm gì. Hậu quả là rất nhiều người lại bị đấu tố oan uổng.

Giai đoạn đầu tiên là học tập, rồi đến «tự thú» mình có tội gì không, và «kiểm cử» tức là báo cáo những kẻ khả nghi cho ban lãnh đạo. Thường thường là loạn kiểm cử để tỏ ra mình trung thành với đảng, hay để dâng công, thậm chí để hãm hại kẻ thù.

Sau đó, mở cuộc đại hội, để đấu tố và làm gương cho những kẻ ngoan cố. Tất cả cán bộ, chức viên đều xếp hàng ngồi trên cỏ, chờ đợi hồi hộp. Không biết ai là kẻ phản động, kẻ phá hoại ?

Chủ tọa nói vài câu, rồi tuyên bố thực thi chuyên chính đối với một số kẻ địch núp trong hàng ngũ. Mọi người ngơ ngác nhìn nhau, trừ một số đã có kế hoạch sẵn. Thế là, đột nhiên, trong mỗi đơn vị, có người lập tức bị còng tay, kéo ra khỏi hàng ngũ, trước con mắt hãi hùng của những đồng sự ! Còn kẻ bị còng tay nhất định hốt hoảng, mặt tái mét, vì họ chưa bao giờ được nói trước cho biết. Rồi những kẻ xấu số này bị đưa sang bên, xếp thành hàng, mặt cúi gằm không dám nhìn thẳng, chẳng biết mình phạm tội gì ?

Có mấy ông Viện trưởng, bác sĩ Tây y, Đông y có danh tiếng, đột nhiên bị còng tay và lôi ra xếp hàng, rồi bị tuyên bố là «kẻ thù giai cấp» - một danh từ tối nguy hiểm và sỉ nhục. Có người bị đeo luôn cái bảng «phản cách mạng» hay «phản động quyền uy». Trong

khi đó, trên khán đài, một số kẻ địch trọng yếu bị dẫn lên và chịu đầu tở bởi một số thanh niên phụ trách kết tội. Cũng quát hỏi, cũng bắt quỳ, cũng lôi tóc, đấm đá - như trước kia, bị hành hạ dã man. Kẻ thù giai cấp còn bị khinh bỉ hơn là súc vật...

Trong bệnh viện tôi làm có một ông Đông y già, với một quá khứ hơi phức tạp, nên bị đưa ra tra vấn trong nội bộ. Ông ta chắc sợ quá, và sợ bị nhục trước công chúng, nên một tối thứ bảy, biết rằng hôm sau sẽ mở đại hội, ông tỏ vẻ lo lắng bồn chồn. Vì bị tra vấn, ông phải ở lại bệnh viện qua đêm.

Tối hôm đó, đứng vào phiên tôi gác, lúc đó thiếu người nên thường tôi phải gác thay. Vì mệt nên đến nửa đêm tôi ngủ thiếp đi. Nhưng độ bốn, năm giờ sáng tôi bị đánh thức bởi một tiếng động đặc biệt, như có vật gì nặng rơi từ trên gác rơi xuống đất. Tiếp theo là tiếng rên đau đớn và tiếng gọi ầm ĩ của những người ở tầng dưới. Có người đập cửa buồng tôi, gọi lớn :

- «Ông Nguyễn, ông Nguyễn, mau xuống dưới để xem ông Lâm bị thương ra sao ?

Tôi vội ngóc dậy, hỏi :

- «Làm sao, ông Lâm thế nào ?»

- «Ông ấy nhảy từ gác hai xuống đất, có thể là gãy chân»

Y sĩ Lâm tự sát ? Tôi thấy đột ngột và thương cảm. Tuy vậy, tự sát không phải là sự lạ trong các cuộc vận động. Tôi vội chạy xuống dưới. Người ta đã khiêng ông ta đặt vào một bàn khám bệnh. Thì ra, ông đã nhún mấy tay bảo vệ ngủ gật, mở cửa sổ nhảy liêu xuống sân, cũng không cao lắm.

May mà ông vẫn tỉnh. Vết thương ở đầu không nặng, nhưng cổ chân trái thì sưng vù không động đậy được, ông rên ra trong lúc được băng bó. Tôi nhìn vào đôi mắt ông, một đôi mắt dờ dẩn trông thực đáng thương, như mắt một con thú bị dồn vào đường cùng. Tự nhiên, trong ngực tôi nhói lên vì lòng trắc ẩn đối với ông đồng sự già, thường ngày tính rất hiền hậu.

Tôi bảo ông chính trị viên của bệnh viện cần đưa ông Lâm đi bệnh viện chuyên về khoa xương để chữa chạy. Tôi vẫn băn khoăn, có phải ông muốn trốn tránh «đấu tranh» không ? Dù sao, cũng nên để cho ông tĩnh dưỡng một thời gian đã.

Nhưng, điều mà tôi không ngờ, và cũng không bao giờ quên được, là chỉ 3 tiếng đồng hồ, ông chính trị viên đã chỉ huy ngay một cuộc đấu tranh tại chỗ. Năm sáu kẻ

vây quanh người bị thương. Một anh tra hỏi :

- «Anh nhảy qua cửa sổ có mưu đồ gì, hả ?»

Ông Lâm trả lời không nổi. Vì hành vi tự sát được coi như một hành vi trốn trách nhiệm, chạy tội, phản bội, không đáng thương mà chỉ đáng hận.

- «Anh là đồ ngoan cố ! Đối kháng đến cùng !»

- «Trôn tránh cái tạo. Sợ tội tự sát !»

Họ tranh nhau si vả vào mặt ông, chỉ tránh có đánh đập, vì đương bị thương.

- «Khiêng nó ra đấu tranh tại đại hội !» Một anh đề nghị. Tất cả đều giơ nắm tay lên, tán thành rầm rập.

Tôi không ngờ họ lại dã man như thế, đối với một người tuyệt vọng, đã bị thương, mà cũng không tha. Trái lại, họ lại lấy làm thích thú vì có đối tượng để đấu tố. Tôi mượn cớ trở ra tầng ngoài và kéo anh ủy viên chính trị ra dặn là nếu không đưa được đi bệnh viện chuyên môn thì cũng nên đừng quấy nhiễu ông ta, có thể gây ra nguy hiểm.

Ông Lâm, dù sao, cũng không phải đưa ra đại hội, nhưng về sau, tối nào ông cũng bị lôi ra đấu. Cũng may, vì chân sưng, nên không bị kéo ra diễu phố.

Những cảnh đầu tố công khai, trói đi diễn phở, hay tự sát nhiều quá, đã quá nhàm. Nhiều nhà trí thức, chuyên môn giáo sư giỏi đều bị chung số phận ấy. Ấn tượng khủng bố và man rợ quá thời Trung cổ đã gây ấn tượng không thể xóa mờ được về đảng Cộng Sản và Mao Trạch Đông, đã phạm bao nhiêu tội ác nhân danh cách mạng vô sản.

Nhưng cũng để ngao cổ bảo toàn cái bề mặt cách mạng ấy, người cộng sản không bao giờ chịu nhận tội, chịu sám hối, nếu có thì cũng chỉ nhận lỗi qua loa, cho là vô ý sai lầm, để có cơ duy trì quyền lực độc tôn của đảng, như ta thấy ở Trung Quốc, Việt Nam bây giờ.

Thời kỳ khủng bố này mãi tới năm 1969, sau khi các «ủy ban cách mạng liên hợp» thay thế cho các Ủy ban quân quản, mới kết thúc, Ủy ban cách mạng có nhiệm vụ xử lý những vụ án còn lại. Ai bị coi là có tội nặng thì bị đưa đi đây, để cải tạo ở xa, một số bị đuổi về nguyên quán lao động, một số thì cho làm việc lại nhưng bị quản thúc. Còn lại những tép riu thì được khôi phục công việc như cũ, trong đó có ông Lâm kể trên.

Mọi xí nghiệp, nông trường, trường học, cơ quan đều lực tụt trở lại bình thường. Nguyên tắc chỉ đạo là «nắm cách mạng thúc đẩy sản xuất» vì thực sự kinh tế trì trệ đã lâu, ngân sách thiếu hụt, trình độ giáo dục hỗn loạn.

Để củng cố thành quả của cách mạng văn hóa, tiến hành giáo dục xã hội chủ nghĩa, một số công nhân được tổ chức thành đội «tuyên truyền công nhân» đi các đơn vị tiến hành tuyên truyền tư tưởng Mao Trạch Đông. Ngoài ra một số cán bộ không có vấn đề lớn, nhưng bị coi là lạc hậu, hay buồng bình, thì bị gửi đi vào những trường «5-7 cán hiệu», tham gia lao động để cải tạo tư tưởng, gột rửa đầu óc tư sản.

Vợ tôi được coi là một phần tử trung dung trong cuộc thuộc vào hạng cần đi trường 5-7. Tôi có bày tỏ ý kiến khi bà cách mạng văn hóa, lại ở ngoại quốc về, tất nhiên là cũng hiệu trưởng đến giải thích, và nói rõ ở nhà còn có con nhỏ, không tiện. Nhưng bà vẫn nhai theo luận điệu «cán bộ đi học ở trường 5-7 là vinh quang, là theo sát Chủ tịch Mao, không có gì là kỳ thị cả» nhưng cần khắc phục khó khăn nhỏ trong một thời gian. Chúng tôi đành phải mướn một người vú già, để trông coi đứa bé út và làm bếp.

Nói cho đúng thì tại trường này lao động cũng cầm chừng cho có lệ - và cánh mấy kẻ lãnh đạo cũng muốn như vậy. Như xuống ao bắt cá, thì khổ thực, nhưng rồi sau được mẻ cá lớn, mang cả về nấu nướng, tối uống rượu say xưa, chẳng ai can thiệp. Còn ra ngoài đồng thì nhỏ ít cỏ làm vì, ngồi nghỉ, chuyện gẫu đến giờ kéo

nhau về.

Học tập đáng lẽ phải chú trọng nhất, nhưng cũng qua loa, lúc thảo luận thì ba hoa, có lúc ôm bụng cười lớn, chuyện lung tung cho đến hết giờ. Chưa bao giờ học tập chính trị lại thoải mái như vậy.

Mỗi hai tuần được về thăm nhà. Trường chỉ cách Phật Sơn 40 cây số. Đến chiều thứ sáu là một cuộc chạy đua xem ai nhanh chân. Chưa đến giờ nghỉ mọi người đã vội thu xếp hành lý để lên đường bằng xe công cộng hay tự đạp xe. Lại còn đèo thêm gà, vịt hay cá, hoa quả mua với giá rẻ mạt ở đây. Thực là một lớp học độc đáo và nếu ai có hỏi về kết quả học tập ra sao, thì học viên ai cũng nhất trí là «học được rất nhiều, hiệu quả rất lớn...»

May mà đã đến lúc đảng CS thấy rằng cứ đấu tranh học tập mãi cũng không ổn, nên không lâu sau, số cán bộ này được dần dần gọi về làm việc như cũ.

Chương VIII - 1969 : Phong Trào Lên Núi Xuống Đồng - Bác Sĩ Chân Đất

Mao Trạch Đông có biệt tài về mặt nghĩ ra được những kế sách và phương thức để làm cho dân chúng phải quay cuồng, qua những cuộc vận động, những phong trào do đảng CS lãnh đạo và chỉ huy. Mục đích chung, theo ý Mao, là gạt bỏ ảnh hưởng của tư tưởng giai cấp tư sản và xây dựng nền tảng của tư tưởng vô sản.

Nếu mục đích của cuộc văn hóa đại cách mạng là đánh bại trào lưu xét lại, đã đạt được qua ba năm vận động, thì bây giờ đã thành công. Giai cấp vô sản đã nắm vững giang sơn. Nhưng nhiều thành phần tại các thành phố vẫn còn nặng các quan niệm tư sản, đặc biệt là thanh niên, học sinh.

Mao định đưa toàn bộ học sinh tốt nghiệp Trung học vào phong trào «thượng sơn hạ hương» để tiếp thu sự «tái giáo dục» của giai cấp bản cổ nông, một giai cấp cơ bản của xã hội.

Trên thế giới, đã có nhiều sách báo nói về vấn đề này. Ở đây chỉ xin thuật về các sự kiện tại chỗ chúng tôi ở.

Lúc mới nghe tới phải lên núi xuống đồng, và phải đi xa gia đình, học sinh và các gia trưởng ai cũng lo sợ. Mặc dầu, trên mặt chính thức tuyên truyền đây là một hành động cách mạng, là rèn luyện ý thức vô sản, là vinh quang v.v... và phong trào có chính sách hợp lý - như nhà con một, hay bệnh tật hoặc có vấn đề đặc biệt thì không phải đi - song ai cũng biết là sẽ phải đi làm ruộng, cấy cấy, chân lấm tay bùn, ăn ở thiếu thốn khổ sở, mưa nắng, rồi nhiều rắn, nhiều đĩa... những kẻ thừa sinh ở thành phố làm sao chịu nổi ? Đây là một viễn tượng hãi hùng, không rõ mình sẽ bị phái đi nơi nào, và cũng không biết ngày nào mới được gọi trở về...

Vì thế, có nhiều gia đình cố tìm mọi cách để tránh cho con phải đi, tất nhiên là giả mạo có bệnh tật hay chạy chọt với cơ quan quản lý «văn phòng thanh niên trí thức».

Nếu phải đi, thì có quyền lựa chọn, như đến những hợp tác xã phường ở nông thôn, hay đến những nông trường quốc doanh, như các đồn điền cao su có điều kiện sinh hoạt tốt hơn, nhưng lại ở xa tận đảo Hải Nam.

Từng đợt thanh niên được tiễn đưa tung bồng, cò quạt, kèn trống huyền thuyên. Mỗi người được gắn một bông hoa đỏ, một số quần áo, khăn mặt, một số tiền an trí. Nhưng nhìn chúng, vẻ mặt của kẻ đi, người ở đều

chẳng thấy gì là phần khởi.

Việc đi cũng gây mâu thuẫn trong các gia đình đông con. Ai đi, ai ở thành vấn đề khó giải, cha mẹ cảm thấy khó khăn khi quyết định. Đa số cha mẹ muốn giữ con trai lại và cho con gái đi, vì lẽ thấy cần dựa vào con trai hơn, con gái cũng coi như là đi lấy chồng. Đầu óc trọng nam khinh nữ còn nặng nề quá. Ngay trong phố chúng tôi ở, một gia đình có ba trai, hai gái, nhưng cả hai con gái đều phải đi cả. Con gái dễ khuyên nhủ hơn, con trai thì ích kỷ. Người con gái thứ tư đáng lẽ không phải đi, vì mới có 16 tuổi, nhưng rồi cũng phải ứa nước mắt để đi đến tận một nông trường nhựa cao su. Hãy tưởng tượng những người con gái bé, nửa đêm một mình trong rừng, mỗi người cách xa nhau hàng mấy trăm mét, sự gì cũng có thể xảy ra. Cho nên, nhiều khi các cô phải nhờ vào những chàng trai gần đấy bảo hộ, và những mối tình duyên éo le đã xảy ra, với hậu quả nhiều khi không tốt đẹp.

Số phận các thanh niên tại các hợp tác xã đồng ruộng cũng chẳng may mắn gì hơn. Họ bị xếp đặt vào những gia đình nông dân hay những gian lậu tập thể. Ăn uống thì kham khổ, thường chỉ có dưa mặn, rau, xì dầu. Khổ sở về vật chất chưa đủ, cô độc về tinh thần lại càng cay đắng hơn.

Nông thôn độ ấy nghèo xác xơ. Mọi ngày tiêu công chỉ độ vài xu, không đủ tiền mua gạo. Gia đình tại thành phố phải tiếp tế. con gái sống cô đơn thường bị sách nhiễu, dụ dỗ, thậm chí chịu hãm hiếp mà không ai biết. Có khi lỡ ra mang bầu, phải trốn về nhà hay tìm đường tuyệt lộ, tự kết liễu một đời. Lấy chồng ở đó, vai u thịt bắp và thô lỗ, cũng là một con đường.

Trong tuyệt vọng, người ta thường mạo hiểm liều mạng. Hàng ngàn thanh niên không chịu đựng nổi, và cũng đã chán ghét chế độ tàn bạo ấy đến tận cùng, đã dùng mọi cách để vượt biên, đi Hong Kong, Áo Môn, Đài Loan, thậm chí cả Việt Nam.

Lần vượt biên quy mô nhất trước đây là những năm đầu đảng Cộng Sản chiếm được quyền lực. Lần này cũng đông đảo không kém. Họ không sợ vượt biên bị bắt trở về, đưa đi cải tạo, hay bị lính biên phòng bắn chết, hay khi vượt sông, vượt bể chết đuối không biết bao nhiêu dưới đáy nước, để đi tìm tự do ! Những thảm cảnh ấy xảy ra hằng ngày đã làm xúc động muôn ngàn trái tim; và đã có nhiều sách, báo kể về thời đó. Lại có cả những phim ảnh làm rơi nước mắt người xem Như chuyện một đôi nam nữ dắt nhau bơi qua eo biển, nhưng không may chỉ có người con gái lên được bờ bên kia, đứng vọng về mặt biển, nhưng sau đó chỉ thấy xác của

người con trai nổi lên mặt nước rồi dạt vào bờ dưới con mắt tuyệt vọng của bạn mình.

Những thảm cảnh đọa đầy, đau khổ, đói rét, cô đơn, nguy hiểm, chết chóc rùng rợn, tuyệt vọng, lưu lạc quê người, khiến cho người ta thương cảm và uất hận. Đích xác, đó là những ngày mà ta không thể nào quên được, không bao giờ có thể xóa mờ trong óc. Ta không thể không ghét hận chính sách đấu tranh giai cấp và chuyên chính vô sản tàn khốc dưới danh nghĩa cách mạng Mác - Lê mà Mao Trạch Đông. Cũng không thể quên được lòng cuồng tín, mê muội và vô nhân đạo của những kẻ đã thừa hành cái chính sách đó.

Đây là những giai đoạn tối tăm nhất do sự thống trị điên cuồng là thủ phạm gây nên. Điều nghiêm trọng nhất là, về sau, không bao giờ đảng Cộng Sản thành thực hồi lỗi và từ bỏ chính quyền, mà vẫn tự xưng là lãnh đạo duy nhất chính xác của toàn dân, vẫn coi dân chúng như những con cừu để dắt đi đâu tùy ý mình.

Những gia đình thuộc loại «bầy đen» giai cấp xấu, thì con cái bắt buộc phải đi. Đội công nhân, vệ binh đỏ đến tận nhà thúc giục, có khi còn vác cả gậy gộc đến dọa nạt, xua đi như xua gà. Tình cảnh thê lương này, người ta cũng đã quen rồi, chỉ còn đổ tội cho số phận hẩm hiu đã phải sinh ra trong những giai cấp phản động

như thế...

Trong cơn gió lốc như vậy, tất có người hỏi : gia đình chúng tôi cũng có mấy con tốt nghiệp trung học, vậy có phải lên núi xuống đồng không ?

Ngoại kiều ở đây nhân số rất ít ỏi. Không có một quy định rõ rệt nào về việc con cái ở đây. Chỉ nghe nói có văn kiện từ trung ương xuống nói là tùy theo tình cảnh có thể chiếu cố không phải đi. Đối với những gia đình bố mẹ đều là ngoại kiều, thì chắc cũng dễ xin miễn. Song gia đình tôi, mẹ chúng tôi lại là người Trung Quốc, nên xem ra khó khăn hơn, nhưng không phải là không được.

Chúng tôi bàn với nhau nhất định phải tìm cách để giữ các con ở lại. Một mặt, tôi kiên trì lý do là người ngoại quốc, không phải đi nông thôn theo tinh thần văn kiện. Hai nữa, làm bác sĩ ở đây đã lâu cũng quen biết những người có thẩm quyền, vợ tôi cũng có nhiều học trò giúp đỡ. Một điều tốt là chính ông bí thư thành ủy lại là người mà tôi cứu ra khỏi cảnh đầu tó nguy nan trước đây. Nên dần dần họ cũng làm nơ đi.

Chỉ có ông hiệu trưởng trường một đứa con chúng tôi, khi tôi đến nói chuyện với ông, thì sắc mặt của ông có vẻ nghiêm trang quá, và lên giọng dạy đời, mặc dầu ông cũng biết tôi :

- «Lên núi xuống đồng là một hành động cách mạng, để cải tạo tư tưởng của thanh niên. Lời nói của Chủ tịch Mao, không những nhân dân Trung Quốc phải nghe, mà nhân dân thế giới cũng nên nghe...»

Tôi vừa lầy làm tức, vừa buồn cười về luận điệu cực tả và quá hợm hĩnh của anh hiệu trưởng này. Nhưng tôi chỉ đáp :

- «Chúng tôi là người ngoại quốc, chúng tôi mong rằng nhà trường chấp hành chính sách của chính phủ, để giải quyết việc này cho hợp lý và chính xác...»

Trước thái độ điềm đạm nhưng kiên quyết của tôi, anh cũng chỉ có thể trả lời là sẽ làm theo chỉ thị của thành ủy. Sau đó, Sở Lao Động thành phố được ý kiến từ trên tỉnh xuống là có thể xử lý theo hoàn cảnh đặc biệt. Điều này có nghĩa là bật đèn xanh để Sở Lao Động có quyền phân phối mấy đứa con chúng tôi làm trong các xí nghiệp ở Phật Sơn. Lúc đó, số người được cho vào làm ở thành phố rất ít. Tuy những công việc đó rất xoàng và lương rất thấp, nhưng thế cũng đã đủ rồi.

Nghe nói một số con cái Việt kiều ở các nơi cũng đã đi lên núi xuống đồng, có lẽ vì họ không biết có văn kiện về việc này. Lại có một số nhỏ muốn tỏ ra tích cực hưởng ứng lời hiệu triệu của Mao, đã tự nguyện xung

phong để khỏi bị phê bình. Song, chúng tôi thấy đó là vấn đề nguyên tắc : không thể khuất phục trước những mệnh lệnh căn bản là sai lầm và độc đoán.

Phong Trào «Bác Sĩ Chân Đất»

Chắc nhiều bạn đã nghe qua về «bác sĩ chân đất» tại Trung Quốc. Trung Cộng cho là số bác sĩ, y sĩ hiện nay quá ít không đủ để giải quyết nhu cầu cho hàng triệu nông dân. Mặt khác, những bác sĩ, y sĩ hiện nay được đào tạo trong lối tư sản, quý tộc, xa rời công nông. Cho nên cần cấp bách đào tạo trong một thời gian ngắn những «bác sĩ chân đất» :

Kỳ thực, thời gian đào tạo rất ngắn, chỉ độ từ 6 tháng đến 1 năm, trình độ thực sự chỉ là những y tá nhưng có quyền khai đơn thuốc, để chữa chạy những bệnh giản dị hằng ngày. Với trình độ như thế, làm sao có thể chữa bệnh một cách đứng đắn được. Họ làm như là nếu nắm được tư tưởng Mao Trạch Đông là có bản lĩnh vạn năng!

Tất nhiên, tôi cũng được trao nhiệm vụ đào tạo «bác sĩ chân đất». Mình cũng cố gắng hướng dẫn những thanh niên ấy nắm được những kiến thức sơ đẳng về y học. Mặc dầu đa số các thanh niên ấy đều là con cái «gia thế», tức gia đình cán bộ được ưu đãi và chạy «cửa sau» - bác sĩ chân đất là một việc làm nhẹ nhàng, được

coi trọng, khác với những công việc tay chân ở nhà máy hay ở nông thôn - tôi cũng thấy trách nhiệm cần phải tận tâm giúp cho họ trở thành người có ích, nên có những học viên tranh đến theo tôi thực tập. Và điều không ngờ nữa là hai đứa con gái thứ tư và thứ năm lại được đơn vị cho đi học, chúng nó trở thành bác sĩ chân đất, và trở về làm việc ngay trong xưởng cũ. Công việc cũng nhàn nhã.

Về sau, cảm thấy thời gian học thực quá ngắn ngủi, các trường bác sĩ chân đất đổi ra thể chế y sĩ độ hai năm. Và khi làm được một thời gian rồi, học và thi thêm, thì trở thành y sĩ chính thức.

Sau năm 1973-74, năm đứa con gái của chúng tôi đều có việc làm ở thành phố cả. Chỉ có đứa con trai út còn đi học tiểu học. Về phần sinh hoạt, đã tạm ổn định, tuy vẫn còn eo hẹp.

Từ năm 1970 trở đi, cuộc đại cách mạng văn hóa bước vào phần cuối. Những cuộc vận động lớn và kịch liệt đã kết thúc, Mao Trạch Đông đưa toàn quốc vào giai đoạn «củng cố thành quả» và «kiến thiết xã hội».

Chương IX - Đại Hội Thứ 9 Đảng Cs Trung Quốc - Cái Chết Của Lâm Bưu, Kẻ Kề Vĩ Mao - Tình Hình Quốc Tế

1 970

Để tổng kết giai đoạn vừa qua, đảng CS mở đại hội thứ 9. Trong đại hội này, không còn ai dám phản đối Mao nữa. Lưu Thiếu Kỳ, Bành Đức Hoài, Hạ Long đã chết. Đặng Tiểu Bình, Bành Chân v.v... bị cho ra rìa. Trong ban trung ương, những người cũ còn lại là Lâm Bưu, Châu Ân Lai, Trần Bá Đạt, Khang Sinh.

Trong số ủy viên mới, tất phải có những người đã hăng hái lãnh đạo cách mạng. Đó là bang 4 người : Giang Thanh, Vương Hồng Văn, Trương Xuân Kiêu và Diêu Văn Nguyên.

Giang Thanh, vợ Mao Trạch Đông, phó tổ trưởng lãnh đạo cách mạng văn hóa. Vương Hồng Văn, một công nhân lãnh đạo vệ binh đỏ. Trương Xuân Kiêu và Diêu Văn Nguyên, hai kiện tướng trong việc phê phán những tư tưởng, sách báo «tư sản». Những tay này đều là cực tả.

Ban lãnh đạo mới được thành lập, tưởng là vững chắc. Ai ngờ chẳng bao lâu, Trần Bá Đạt bị giải chức vì tranh chấp quyền lực, Khang Sinh ốm nặng. Đến 1971, đột nhiên nghe tin Lâm Bưu và vợ bỏ mình trong tai nạn phi cơ tại thảo nguyên Mông Cổ.

Trên diện chính thức, Trung Cộng kết tội Lâm Bưu và Trần Bá Đạt âm mưu với nhau để đánh đổ Mao. Sau khi Trần bị truất, cảm thấy nguy cơ, Lâm cùng đồng bọn tính cách hành thích Mao. Song Mao, với sự cộng tác của Châu Ân Lai, đã phát giác và hạ mật lệnh bắt Lâm. Cùng vợ con, Lâm vội lấy một chiếc máy bay chạy sang Mông Cổ, định đi Liên Xô, nhưng đã rơi xuống gần biên giới Trung - Mông và tất cả đều tử nạn.

Tin này làm cả thế giới rung động. Vì Lâm là người số 2 trong đảng lại được công khai quyết định kế thừa Mao, thì tại sao lại làm phản và chạy trốn ? Lâm là người suốt ngày cầm cuốn sách đỏ và ca tụng Mao hết lời.

Mọi người ngơ ngác, sửng sốt. Đến cả phó thống soái cũng làm phản thì còn tin vào ai nữa ? Và tại sao Lâm lại làm phản ? Chưa ai biết rõ nguyên do, nhưng điều này chứng tỏ cái gọi là «Tư lệnh bộ vô sản» chẳng qua là một nhóm người cấu kết với nhau để tranh giành quyền lực, chẳng phải là cách mạng gì hết, mà là một

tập hợp ma quỷ !

Đến nay, việc đó vẫn là một nghi vấn bất giải. Theo một số tài liệu mật được tiết lộ, thì Lâm Bưu bề mặt ủng hộ Mao, song trong bụng không đồng ý với đường lối quá khích của Mao. Như Lâm chỉ trích việc đưa thanh niên học sinh lên núi xuống đồng, hay cán bộ đi trường 5-7, là «lao động cải tạo», một thứ trại tập trung được che đậy, Mao đã thành công trong việc gạt bỏ những người có thể uy hiếp đến quyền lực tối cao, song đã thất bại nặng nề trong việc đoàn kết ban trung ương, và nghiêm trọng hơn cả là một mặt chia rẽ nội bộ, một mặt đã làm mất tin tưởng của đa số dân chúng.

Vì muốn làm nhân vật số 1 trong lịch sử và số 1 trên cả thế giới, trên cả Stalin, Mao đã tỏ ra ngông cuồng bất chấp bao nhiêu đau thương, tang tóc. Và cái «mê tín cá nhân» đã lên đến tột điểm ở Trung Quốc, dẫn đến chỗ tàn hại lẫn nhau một cách vô song trong lịch sử loài người.

Ồi ! Những nạn nhân của chủ nghĩa cộng sản đã lên đến hàng trăm triệu, vượt hơn cả tội ác của Hitler, Nhật Bản, hơn cả những Tần Thủy Hoàng lớn nhỏ của nhân loại. Chủ nghĩa Mác - Lê, vốn có mục đích giải phóng con người, xóa bỏ bóc lột, áp bức, bất công, để tiến tới một xã hội vô giai cấp, không có bóc lột, bình đẳng và

hạnh phúc nhất, đã đưa tới thảm họa khủng khiếp mà chắc Marx cũng không lường tượng nổi ?

Lênin, Stalin, Mao Trạch Đông, Hồ Chí Minh là những bạo chúa khét tiếng. Nhưng đến bao giờ người dân Tàu, Việt Nam, Bắc Hàn, Cuba mới thức tỉnh triệt để để vứt chủ nghĩa cộng sản và những «thần tượng» ma quái đó vào sọt rác lịch sử. Đến tận nay, hàng tỉ con người vẫn còn sống quằn quại dưới ách cùm kẹp phong kiến độc đảng. Ta thấy rõ rằng những bạo chúa gieo rắc cuồng tín đó, còn tồn tại đến bây giờ, chính là nhờ ở chỗ thụ động của dân chúng bị trị.

Đại hội thứ 10 đảng Cộng Sản được mở vào năm 1973. Một ban Thường vụ Trung ương mới được thành lập, với mấy phó chủ tịch là Châu Ân Lai, Vương Hùng Văn, Khang Sinh, Diệp Kiếm Anh, Lý Đức Sinh, với ba người nữa là Chu Đức, Trương Xuân Kiêu và Đồng Tất Vũ.

Giang Thanh cũng được vào Bộ Chính Trị. Đặng Tiểu Bình được khôi phục chức Ủy viên trung ương.

Trạng Thái Quốc Tế

Qua cuộc cách mạng văn hóa, Trung Cộng đã đứng đôi lập hẳn với Nga Sô, đặc biệt giữa Mao và Khrouchev,

Breznev. Không những phản đối Liên Xô vì vấn đề chủ nghĩa xét lại mà còn hi vọng chiếm ngôi lãnh tụ trong hàng ngũ cộng sản quốc tế. Nhưng trên thực tế, chỉ có vài đảng, như ở Albany là theo Trung Cộng, ngoài ra còn những bọn cực đoan tại các nơi, gọi là «mao ít» (Maoist) theo chủ nghĩa Mao, chủ trương bạo lực cách mạng. Việt Nam vẫn giữ địa vị lừng khừng, muốn lấy lòng cả hai nước đàn anh, để lấy viện trợ cho mình trong cuộc chiến.

Lượn điệu chống cả «đế quốc tư bản» và «đế quốc xã hội» của Mao, dẫn đến sự xô xát, bất hòa và chiến tranh cục bộ để giành đất đai ở biên giới, đặc biệt trên con sông Amour. Cuộc đụng độ này cho thế giới biết là thế giới cộng sản không phải là vững chắc như ta tưởng, mà đã nứt rạn nghiêm trọng. cũng như việc Liên Xô mang quân đến dẹp cuộc nổi dậy của dân chúng Tiệp Khắc năm 68. Thần tượng quốc tế vô sản đã sụp rã dần. Và việc này đã dẫn tới sự kiện Mỹ thừa nhận nước Trung Hoa Cộng Sản, để chia rẽ thêm hai nước Nga - Tàu, làm suy yếu sức mạnh của cộng sản.

Với những sự kiện trên, không những phong trào quốc tế cộng sản mà cả chủ thuyết Mác - Lê cũng bị những vết thương nặng nề không cách chữa. Song, một mặt, với sự bỏ rơi Đài Loan và miền Nam Việt Nam,

thế lực của Trung Cộng và Cộng Sản Việt Nam đã được tăng cường.

Với số dân tới hơn một tỉ người, với vị thế thường trực trong Hội Đồng Bảo An của Liên Hiệp Quốc, với sự bang giao lũng đoạn với các quốc gia khác, Trung Quốc đã được phát triển về mọi mặt và bành trướng về mọi phía. Người ta thấy rằng, Nga Sô đã suy yếu, nhưng về tương lai, sự giúp cho Trung Cộng phát triển là một thất sách với hậu quả nặng nề đè lên số mệnh của hàng trăm triệu con người, là thêm nanh cho hổ, hậu hoạn vô cùng.

Bàn cờ quốc tế thực là phức tạp và mâu thuẫn. Song hậu quả nặng nề nhất, và bi đát nhất sẽ đè trên đầu người dân Việt Nam bất hạnh, cho mãi tới tận ngày nay, khi bước sang thế kỷ 21.

Chính sách của Cộng Sản Trung Quốc chắc là phải xoa dịu dần những vết thương gây ra trong thời kỳ cách mạng. Những học sinh lên núi xuống đồng được dần dần gọi về nhà, và phân phối công việc tại thành phố. Trong các cơ quan, nhiều người bị quản thúc, hay đuổi về quê ở, nay được gọi trở lại làm việc. Một số cán bộ cũ hay trí thức được trọng dụng, người cộng sản theo lối quen, vẫn giải thích những việc trước kia là để giáo dục, rèn luyện theo chủ trương chính xác của đảng v.v...

Nhưng có những sự không thể nào giải thích nổi đối với những người đã từng bị đấu tố, quản thúc, hay tổng đi lao động cải tạo. Tuy vậy cũng phải đành chịu cho yên thân, biết làm sao khác. Số phận cũng chỉ như con cừu, khi cần lợi dụng thì vỗ vai, bá cổ, thân mật, khi không cần thì đá dít đuổi đi - đó là theo lời của một ông Hoa kiều nghe tuyên truyền trở về góp sức xây dựng Tổ quốc !

Nói là cách mạng văn hóa, nhưng thực sự là hủy diệt văn hóa. Chủ trương tiêu diệt văn hóa tư sản, và xây dựng một nền văn hóa vô sản, nghe thì rất hay, nhưng kết quả chẳng xây dựng được cái gì cả, ngoại trừ những khẩu hiệu chính trị rỗng tuếch và những tác phẩm văn nghệ, điện ảnh sắc mùi giáo điều, ca tụng đảng, ca tụng lãnh tụ, với những nhân vật điển hình nhân tạo cứng nhắc, rập khuôn. Tất cả mọi sinh hoạt văn hóa đều trở thành nghèo nàn, buồn tẻ. Các báo chí cũng đều giống hệt nhau. Nguồn tin thì tới từ một chỗ duy nhất là Tân Hoa Xã.

Ấy thế, mà Trung Cộng, qua miệng bọn «Tứ Nhân Bang» vẫn tự khoe mình là đã tạo ra một nền văn hóa, nghệ thuật tuyệt đỉnh của nhân loại.

Tiếng Vang Về Cục Thế Việt Nam

Ở ngoài, theo dõi chiến cục Việt Nam, chúng tôi chỉ được biết qua báo chí trên điện đài Trung Quốc. Các đài ngoại quốc như BBC, đài Pháp, rất khó bắt được vì bị cấm nghe.

Vào cuối thập niên 60, chỉ biết cuộc chiến ngày càng leo thang với số quân Mỹ đổ bộ lên miền Nam càng ngày càng nhiều và những đợt ném bom cũng gia tăng. Với tình hình như thế, tôi nghĩ hai bên sẽ phải cầm cự lâu, hay sẽ đi đến một cuộc đình chiến như ở Cao Ly. Nhưng có mấy sự kiện sẽ khiến cho tôi thay đổi ý kiến.

Một là cuộc tấn công của Bắc Việt vào hồi Tết Mậu Thân năm 1968. Báo Trung Cộng đăng rầm rộ như là một chiến thắng lớn của Cộng Sản Việt Nam. Tuy chỉ trong một thời gian ngắn quân cộng sản đã phải rút lui, nhưng sự kiện này đã chứng tỏ Cộng quân đã có thể hoạt động mạnh ngay vào thủ đô Sài Gòn. Một điều phải chú ý nữa là dù có quân Mỹ cộng tác, miền Nam vẫn bị động, ngồi chờ Cộng quân đánh hơn là chủ động tấn công địch. Với 500 ngàn quân Mỹ và vũ khí tối tân, miền Nam cũng không sao đánh bại được quân địch với vũ khí thô sơ hơn. Về mặt dân sự, một phần dân chúng cũng có thái độ ủng hộ Bắc Việt với đường lối «chống Mỹ cứu nước» và sự cộng tác của Mặt Trận

Giải Phóng Miền Nam. Nội bộ miền Nam thường hỗn loạn, có nhiều phái chống đối, ảnh hưởng tới một sự lãnh đạo vững mạnh cần thiết trong chiến tranh.

Đối với hòa đàm ở Paris năm 1973, dư luận Việt Kiều ở Trung Quốc cũng phân vân. Đa số hi vọng hòa bình sẽ trở lại, từ nay hai miền đều được ổn định để tập trung vào hàn gắn một vết thương, xây dựng lại đời sống. Họ nghĩ rằng, nếu có một chính phủ trung lập, không cộng sản ở miền Nam cũng là một điều tốt.

Những người có cái nhìn xa hơn, thì kém lạc quan. Họ e rằng quân Mỹ rút đi, thì dù có hiệp định Paris, cũng không có sức cản trở được miền Bắc tìm cách xâm lấn miền Nam. Tình hình Việt Nam khác Triều Tiên ở chỗ sau việc đình chiến, tại miền Nam Triều Tiên vẫn có quân Mỹ trú đóng.

Việc Hoa Kỳ nhượng bộ trước Trung Cộng đưa tới một thời kỳ hòa hoãn giả tạo, trong đó Việt Nam Cộng Hòa và Đài Loan là hai vật hi sinh. Tình hình Đông Dương sau đó, càng ngày càng tỏ ra bấp bênh... Dân miền Nam tỏ ra hoang mang; chính phủ Nguyễn Văn Thiệu xem ra cũng không đưa ra được chủ trương kiên quyết đối phó với tình hình.

Ở nước ngoài, không ai đoán rõ được tình thế trong nước sẽ biến chuyển ra sao, và ở trong trạng thái chờ đợi. Tuy vậy, cũng không ai ngờ rằng cục thế lại chuyển biến nhanh đến như vậy, chỉ hai năm sau.

Trong thời kỳ hòa hoãn này, đời sống các Việt kiều ở Trung Quốc được yên bình hơn. Chúng tôi cùng mấy gia đình ở gần và ở Quảng Châu thỉnh thoảng gặp nhau, chuyện trò vui vẻ, ôn chuyện làm ăn, chuyện quê hương. Có khi tụ họp, nấu những món ăn Việt Nam như phở, chả giò, bún riêu, bún chả v.v... lại cao hứng đàn hát om sòm, để bớt sầu tha hương.

Đặc biệt là có mấy gia đình Việt kiều trong một nông trường, sống xa thành phố, hơi cô đơn, nên rất vui mừng khi chúng tôi kéo đến thăm. Họ khó di chuyển đi đến các nơi khác ở, vì không dễ đổi hộ khẩu.

Vui nhất có lẽ là một ngày tụ họp năm 1972. Mọi người quây quần quanh một bữa cơm thịnh soạn đủ cả gà, vịt, tôm cá - ở đây chỉ cần ra lách bắt là có một mớ to. Sau đó là đàn địch, ca hát, có sự giúp vui của mấy đứa con gái gia đình tôi, vì chúng nó cũng là những tay văn nghệ ở trường ra.

Mấy gia đình người Triều Tiên cũng ở trong nông trường này, cũng sang tham gia và chuyện trò rất thoải

mái. Họ rất vui và tỏ ý là từ mười mấy năm nay, chưa bao giờ có buổi tụ họp đông đảo và vui vẻ như vậy. Tuy là ngoại kiều, nhưng họ cũng thấy cô đơn và chán ngán về đời sống ở đây, đầy mùi chính trị nặng nề. Họ muốn về nước, nhưng không biết về đâu, về miền Bắc hay về miền Nam, và rất khó được phê chuẩn, có lẽ vì nghi kỵ. Họ cũng giống như các Việt kiều, như chúng tôi, chỉ khác là ở thành phố thì đông đúc hơn, đời sống dễ chịu hơn.

Thời gian cứ trôi qua, chỉ còn 2, 3 năm nữa là đến tuổi về hưu của tôi rồi. Ở đây, nếu là y sĩ, chức viên thì đến 60 tuổi là về hưu, công nhân thì 55 tuổi, nữ công nhân 50 tuổi, nếu công việc nặng nhọc thì 45 tuổi cũng được. Tức cười là có người đã về hưu rồi mà vẫn còn... đẻ con. Về hưu rồi, lương tuy ít, nhưng ra ngoài kiếm những việc lặt vặt để làm cũng đủ tiêu.

Có khi, ngồi nghĩ lẫn thân, vẫn chưa hiểu tại sao số phận mình lại kỳ cục, có lẽ vì kiếp trước mình không tu cho đúng, nên mới long đong, để rồi về hưu ở đây.

Còn một thắc mắc nữa, đối với gia đình. Thâm thoát chúng nó đã lớn cả. Con lớn đã quá 20 tuổi rồi, quá tuổi 25-26 sẽ là lỡ làng. Chúng nó phải đi lấy chồng chứ! Nhưng nếu lấy chồng thì tự nhiên phải ở lại Trung Quốc. Nếu có cơ hội mà gia đình trở về Việt Nam thì sẽ

ra sao ? Chia thành hai cũng buồn.

Hai vợ chồng tôi tuy không nói ra, nhưng trong bụng đều nghĩ như nhau. Ai cũng muốn về Việt Nam cho nó ổn định, nhưng cục thế Việt Nam lại hỗn loạn, không biết bao giờ mới yên. Xem như vậy, thì đành để chúng nó lập gia thất ở đây. Tìm được người bạn đường tốt, có thể nương tựa lẫn nhau lâu dài, tìm được hạnh phúc, thì trách nhiệm của cha mẹ cũng đã trọn vẹn.

- «Cứ thuận theo tự nhiên, tùy chúng nó tự quyết định là tốt hơn cả». Liên tỏ ý.

Cũng không còn cách nào khác. Chỉ còn đợi ông Trời quyết định. Cục thế tại Việt Nam còn tùy thuộc vào nhiều yếu tố quá, nào Việt, nào Trung, nào Mỹ, nào Nga, chưa dứt khoát được.

Dù sao, chúng nó cũng đã có công việc tương đối tốt ở đây, so với người địa phương. Mà chúng tôi cũng đã làm việc tới 25 năm, không xuất sắc lắm nhưng cũng đã gọi là có giúp ích cho dân chúng. Vả lại, chúng nó cũng không phải không có người theo đuổi... Đâu cũng có thể là nhà.

Cuộc sống dần trở nên bình thường hơn. Sau những năm tháng quá ư căng thẳng, người ta cũng phải tìm

những phút thoải mái, trong cảnh tha hương. Được rồi rồi hơn, chúng tôi thường đi dạo phố, mua sắm, ăn uống, hay đi du lịch vài nơi danh thắng. Gia đình chúng tôi vì thích âm nhạc, ca hát nên thường hấp dẫn nhiều bạn trẻ tới chơi. Còn thêm một số Hoa kiều Việt Nam trở về nước, chủ yếu để tránh bom đạn. Nhạc thì đủ các thứ đàn, kèn, trống, tiếng hát du dương cộng vào làm dậy nổi cả một vùng phố nhỏ, được chung quanh hoan nghênh, vì đời sống quần chúng lúc đó thực là hẹp hòi vì khô khan quá. Có thể nói, ở thành phố này, gia đình chúng tôi là nơi duy nhất có nhiều người đến thăm chơi vui vẻ; có thể các bạn bè cho là một nơi được thử một cách dễ chịu.

Tất nhiên, khi đàn hát, không thể chọn những bài «nhạc vàng» cũ, mà chọn những bài ca «cách mạng» vô sản, thanh thoát xen lẫn vào mấy bài cổ điển Tây phương, để tránh sự dòm ngó của những kẻ tò mò.

PHẦN IV

1973-1988

**NHỮNG BIẾN CHUYỂN TẠI VIỆT NAM
TRUNG QUỐC DƯỚI ĐẶNG TIỂU BÌNH**

**KẾT THÚC CUỘC LƯU VONG TẠI
TRUNG QUỐC**

Chương I - Cục Thế Việt Nam Biến Động - Cuộc Tổng Tấn Công Của Bắc Việt Và Sự Sụp Đổ Của Việt Nam Cộng Hòa

Sau 1973 là một thời kỳ lo âu và bồn khoăn nhất của chúng tôi tại ngoài nước. Vì sau khi ký kết Hiệp định Paris, quân Hoa Kỳ đã rút dần ra khỏi miền Nam. Viện trợ bằng Hải quân hay Không quân cũng chỉ còn rất ít. Vũ khí, đạn dược tất sẽ gặp khó khăn.

Câu hỏi đặt ra trong đầu người Việt hải ngoại là : nếu Nga Xô, Trung Cộng tiếp tục viện trợ cho miền Bắc thời Cộng Sản Bắc Việt có tấn công miền Nam không ? Thực ra hồi đó, không rõ lắm về tình thế, chúng tôi vẫn tin là tình hình sẽ không thay đổi nhanh, và nếu Bắc Việt vi phạm hiệp ước thì Mỹ sẽ trở lại can thiệp ngay. Và lại quân đội miền Nam cũng không phải là kém. Trận đánh thắng ở Quảng Trị chứng tỏ hùng hồn điều này, ngay các báo ở Trung Cộng cũng có đăng tin.

Tâm lý chúng tôi lúc đó thực ra không mong muốn có thêm chiến tranh giữa hai miền. Đổ máu, tang tóc, tàn tật và đói rét đã quá nhiều trên đầu dân tộc ta. Nếu có thêm chiến tranh, lâu hay chóng miền Nam có thể sẽ bại. Tuy có hứa hẹn một chế độ trung lập, nhưng kết cục cũng dễ đoán thôi.

Thêm vào đó, Bắc Việt có lợi thế vì đã có người, có quân ngay trong hình thể miền Nam. Trừ những khu căn cứ ra, ngay trong các thành phố đều có những ổ phá hoại, thậm chí những phần tử phản chiến có thể hoạt động công khai. Luận điệu tuyên truyền của Lãnh sự quán Bắc Việt tại Quảng Châu luôn luôn nhắc tới việc này.

Trên thế giới, có ba nước bị chia cắt vì ranh giới Quốc Cộng là Đức, Triều Tiên và Việt Nam. Ấy là chưa kể tới Đài Loan do Quốc Dân Đảng thống trị, nhưng Đài Loan quá nhỏ so với Trung Cộng.

Tại Triều Tiên hay Đức Quốc, không có nguy cơ bị cộng sản xâm chiếm. Đài Loan được che chở bởi Hoa Kỳ. Đó là bất hạnh cho dân tộc Việt Nam. Cộng sản không bao giờ muốn «đội trời chung» với người quốc gia. Họ tất phải tấn công, và đương đợi thời cơ.

Ở ngoài, chúng tôi cũng nghe được tin Hà Nội đã bắt đầu đánh tại một vùng không xa Sài Gòn lắm. Tin này làm chúng tôi giật mình vì Cộng quân có khả năng hoạt động ngay ở gần thủ đô Việt Nam Cộng Hòa. Tuy họ chưa chiếm được địa phương ấy nhưng đây là một tín hiệu cảnh cáo nghiêm trọng. Điều mà tôi lấy làm lạ là sự phản ứng của chính phủ Nguyễn Văn Thiệu có vẻ yếu ớt.

Khi nguy cơ đã tới gần kề thì không còn có thể tin tưởng vào một mảnh giấy hiệp ước. Cần phải có một chính phủ mạnh thời chiến, một lãnh đạo cương quyết để đoàn kết toàn dân và động viên, tổ chức tất cả lực lượng có thể có để đối phó với tình thế. Trong lúc chiến tranh sinh tử, tạm thời gác bỏ một số quyền tự do dân chủ để dồn sức vào việc bảo vệ lãnh thổ cũng là cần thiết.

Về mặt quân sự, không thể bị động ngồi chờ địch đến tấn công rồi ứng phó, mà cần phải có kế hoạch chủ động, lấy tấn công làm phương thức chính.

Về mặt chính trị, cần phải có khẩu hiệu hô hào mạnh quần chúng ngoài khẩu hiệu chống Cộng, phải đánh bật được luận điểm «chống Mỹ cứu Nước» nguy hiểm. Cần kiên quyết đối phó với nhóm như Mặt Trận Giải Phóng đưa ra chủ trương trung lập để chia rẽ hàng ngũ, hay đối những phần tử phản chiến nguy hại.

Tóm lại, theo chỗ tôi nghe được và biết được ở ngoài nước, có thể là lãnh đạo miền Nam quá yếu và thụ động, và đã chán nản muốn bỏ cuộc sau khi thấy quân Mỹ rút khỏi. Với tâm lý như vậy, thì dù còn hơn một triệu quân tinh nhuệ trong tay và những tướng tá có tài, binh sĩ có tinh thần, cục thế đã suy sụp nhanh chóng.

Ý lại vào ngoại bang là một lầm lẫn chí mệnh của người Việt Nam không cộng sản trong công cuộc chiến đấu với cộng sản. Nhìn lại, đứng bên cạnh mà phê bình, chỉ trích thì quá dễ dàng. Song, lịch sử đau thương của dân tộc không thể bị quên lãng. Tất cả chúng ta đều nên thống thiết nhớ tới những bài học bi đát, đều nên tự trách mình để tránh khỏi lỗi lầm tai họa một lần nữa.

Tâm tình những Việt kiều ở ngoài nước tại Trung Cộng, lúc đó cũng phức tạp. Phải nói rằng đại đa số không ưa chủ nghĩa cộng sản dưới chế độ Mao Trạch Đông, song ý kiến cũng phân chia đôi với việc miền Nam có thể sụp đổ và Cộng Sản Việt Nam sẽ ngự trị toàn cõi thống nhất.

Việc này cũng dễ hiểu. Cộng Sản Việt Nam nói đến cùng, cũng đã có thành tích lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Pháp, dù là khai thác tình tự dân tộc, che giấu bộ mặt quốc tế. Sau đó, lại tiếp tục làm cho quân Mỹ và Đồng Minh phải rút khỏi Việt Nam; trên thế giới, nhiều người đã nói dân tộc Việt Nam là đáng nể phục, mặc dầu biết là có Nga Sô, Trung Cộng đứng sau. Miền Nam đã đứng vững được hai mươi năm, và đạt được thịnh vượng trong dân chủ tự do tương đối, thực không phải dễ dàng trong hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Tuy vậy, do điều kiện khách quan, lúc đầu do Pháp nâng đỡ,

về sau có Hoa Kỳ viện trợ, tinh thần tự lập tự cường và đoàn kết nhất trí chưa đủ để ứng phó với sự tấn công đa dạng của Bắc Việt. Dư luận quốc tế nhiều khi bất công đối với Việt Nam Cộng Hòa.

Một số người Việt lúc ấy còn mơ hồ, cho rằng chiến tranh kéo dài đã quá dài rồi, nay kết thúc trong thống nhất đất nước dù sao cũng còn hơn là nồi da nấu thịt, cứ tương tàn và cày nát đất nước mãi. Có người hi vọng rằng chế độ ở miền Nam sau này sẽ có thể là trung lập và ôn hòa hơn, và đảng Cộng Sản sẽ áp dụng những chính sách mới. Khi đó, nhiều người chưa hiểu rõ tình hình thực tế trong các nước cộng sản, vẫn tin rằng có phát triển và cởi mở hơn trước.

Riêng chúng tôi, vì đã trải qua một phần tư thế kỷ dưới chế độ chuyên chế toàn diện và kỳ lạ do Mao Trạch Đông gây ra, thấy không thể chấp nhận được một sự kìm kẹp như thế. nhưng cũng chưa thấy có cách gì để thoát ra được.

Cho nên, dù ở ngoài, tôi cũng chú trọng theo dõi mọi biến chuyển trong nước, hi vọng rằng với những đảm bảo trong Hiệp định Paris, quốc tế sẽ duy trì một miền Nam Việt Nam cũng như là đối với Nam Triều Tiên, Tây Đức, và nếu có một miền Nam vững chắc và tự do thì là một giải pháp tốt nhất.

Những sự kiện dồn dập xảy ra, chỉ một năm sau ngày hiệp định, đã làm cho chúng tôi thất vọng. Tôi không ngờ cục thế lại biến chuyển nhanh chóng đến như thế, và miền Nam tỏ ra yếu kém hơn là người ta tưởng.

Tình hình chiến sự xuống dốc càng làm cho chúng tôi khó hiểu. Khi ký hiệp định, nghe nói miền Nam đòi rút hết quân Bắc Việt đi, thì Kissinger bảo là :

- «Các ông có hơn một triệu quân, mà quân Bắc Việt chỉ có 140,000 quân, có ăn thua gì ?»

Trong tay tướng Ngô Quang Trưởng, Tư lệnh Quân khu I, có tới 200,000 quân tinh nhuệ, chắc chắn có thể cô thủ khu ấy, mà còn có thể phản công, nếu vận động chiến thuật chủ động hơn. Lối dàn mỏng quân ra nhiều nơi để phòng thủ là một nguyên nhân quan trọng của thất bại. Tất nhiên, thiếu đạn dược, quân cụ, và viện trợ từ Không quân, Hải quân Mỹ lại là một nguyên nhân quân đội bị tê liệt.

Năm 1974, Cộng quân tấn công và chiếm được tỉnh Phước Long chỉ cách Sài Gòn không tới 200 cây số ! Mà quốc tế không có nước nào lên tiếng phản đối việc vi phạm Hiệp định Paris này. Ở ngoài, tôi cũng không rõ tại sao Cộng quân có thể đánh thắng tại một nơi xa Bắc Việt như vậy, và như thế sao không tìm cách ngăn

chặn từ trước ?

Vụ Watergate làm chấn động toàn cầu. Nixon phải từ chức buồn bã. Lời cam kết của ông về yểm trợ cho Nam Việt không còn ai thực hiện nữa.

Ở ngoài, tôi cảm thấy phản ứng của chính phủ miền Nam quá yếu ớt. Không còn như những ngày chiến đấu nảy lửa năm 1972 tại vùng Quảng Trị, chỉ hai năm trước đây. Tôi nghĩ thầm : tại sao còn nhiều quân trang mà không phản công một cách tích cực, chỉ nghĩ tới phòng thủ mà thôi ? Đây là một vấn đề quân sự hay chính trị ?

Tiếp sau đó là những tin tức sự xâm nhập càng ngày càng trắng trợn của miền Bắc. Rồi những tin về đánh nhau tại miền Cao Nguyên. Rồi đột nhiên, tin Ban Mê Thuột thất thủ vào đầu tháng 3 năm 1975. Rồi, nghe đài ngoại quốc báo tin Việt Nam Cộng Hòa quyết định bỏ miền Cao Nguyên, tập trung quân đội xuống những quân khu ở duyên hải.

Tôi lấy làm sửng sốt. Vì tôi nghĩ Ban Mê Thuột chỉ là một căn cứ nhỏ tại Cao Nguyên, mất đi còn có thể chiếm lại, nhưng việc rút bỏ cả miền Cao Nguyên là một triệu chứng suy sụp nguy hiểm. Tôi lại sức nhớ tới gần 30 năm trước, chúng tôi phải rút khỏi Việt Trì để lên Yên Bái, bắt đầu sự suy sụp của toàn Đệ Tam Khu

của Quốc Dân Đảng, nhưng lúc đó lực lượng hai bên quá chênh lệch.

Cuộc rút lui từ Cao Nguyên quả thực là khốn đốn. Đoàn quân rút về tới Nha Trang thực chất chẳng thành một quân đội nữa. Quân sĩ, vợ con, nhân viên hành chánh, rồi đến dân chúng cũng kéo theo hoảng sợ bỏ chạy, khiến tinh thần chung xuống dốc nhanh chóng.

Tuy vậy, tôi cũng không ngờ được là miền Nam lại sụp đổ nhanh chóng như vậy. Còn bao nhiêu quân khu, quân đội tướng tá, còn cả một chính phủ, quốc hội... Chúng tôi nghĩ là còn có thể cầm cự một thời gian.

Nhưng theo tin ở ngoài, tất cả các nơi đều rơi vào tán loạn. Thảm thương nhất có lẽ là tàn quân Khu I Ngô Quang Trưởng còn hơn 200 ngàn quân trong tay. Nghe nói tướng Trưởng nói là còn có thể giữ vững vùng Quảng Trị, Huế, Đà Nẵng trong vùng nửa năm, nhưng do lệnh trên bắt nhất của tướng Thiệu, ông phải bỏ Huế, đi bộ rồi đáp canô của Hải quân ra tàu lớn, thoát nạn.

Năm 1988, tôi có gặp lại tướng Trưởng ở Washington D.C. (tướng Trưởng là cháu rể của tôi, lấy con gái anh Thạch Lam). Nhưng dù có gặp nhau, cùng ngồi uống rượu, tôi và anh Trưởng cũng không ai muốn đề cập tới chuyện cũ, song chắc cùng một nỗi ngậm ngùi.

Lịch sử sắp buông màn trên cõi đất Việt Nam. Những ngày quan trọng hàng đầu đối với dân tộc, rồi sau sẽ đi tới chỗ nào dưới chế độ chuyên chế vô sản ? Trên thế giới, sự kiện này sẽ làm cán cân lực lượng nghiêng về phía hệ thống Cộng Sản, và mặt tâm lý, làm cho người ta hoài nghi về thực tâm và lực lượng của Hoa Kỳ và của thế giới tự do.

Trận Xuân Lộc. Cộng quân bao vây Sài Gòn. Nguyễn Văn Thiệu từ chức, rồi chạy ra ngoài nước. Quan chức, dân chúng xô đẩy để chạy ra khỏi nước. Cảnh hỗn loạn tại Tòa Đại Sứ Mỹ.

Ngày 30 tháng 4 năm 1975, Dương Văn Minh tuyên bố bàn giao cho cộng sản. Ai cũng biết chỉ là đầu hàng. Người Mỹ rút chạy hoàn toàn khỏi Việt Nam. Cả thế giới đứng im trước tấn bi kịch để đời. Số phận những con cừu bị chó sói vồ được sẽ ra sao đây ?

Con người nhiều khi tâm lý khá phức tạp. Trong những lúc bối rối, bế tắc về tương lai, thường vẫn dựa vào ảo vọng, vào những mong ước chủ quan để mà tìm một con đường đi, theo đúng hoài bão xưa.

Cái mà mình theo đuổi từ khi còn trẻ, đó là gì ? Nếu không là độc lập cho dân tộc, tự do cho quốc dân và một đời sống tốt đẹp hơn về vật chất cũng như về tinh

thần. Gông cùm thực dân đế quốc, trói buộc của quân chủ, phong kiến, là đối tượng tiêu diệt những người mới hướng về một nền dân chủ phóng khoáng lối Tây phương, một nền kinh tế tự do, dù là tư bản. Mục đích này không hề thay đổi. Trong chủ nghĩa Mác Lê, điều tiêu diệt, sự bóc lột của tư bản xem ra còn nghe được, nhưng điều chuyên chính vô sản rõ ràng là không thể chấp nhận.

Từ toàn diện chuyên chính bước sang giai đoạn bớt dần quyền uy để đi tới một xã hội hoàn toàn dân sự, tất phải trải qua một giai đoạn rất dài. Một đảng Cộng Sản nắm quyền không thể bỏ rơi quyền lực một cách dễ dàng trong giai đoạn mà họ gọi là chủ nghĩa xã hội. Song, tuy vậy, một đảng Cộng Sản nào đó có thể thực thi một chính sách ôn hòa hơn, nhân đạo hơn không ? Lịch sử chế độ Trung Cộng chứng tỏ có những phần tử cực đoan hung bạo như Mao Trạch Đông, Giang Thanh, nhưng cũng có người kém hung ác như Lưu Thiểu Kỳ, Chu Đức, chú trọng vào kiến thiết hơn là vào cách mạng, đấu tranh giai cấp, thì dân dễ thở hơn.

Người Việt sống ở hải ngoại không phải không hiểu về chế độ cộng sản, nhưng nay chính quyền đó đã ngự trị toàn quốc, chưa có khả năng chuyển động trong thời gian ngắn, thì cũng chỉ còn đặt chút hi vọng vào nhà

cầm quyền. Nếu lấy đoàn kết dân tộc, có chính sách bao dung để cho dân chúng làm ăn, hàn gắn vết thương chiến tranh, thì quốc gia có cơ phát triển, và Việt kiều sẽ trở về nước, như tại Trung Quốc hồi 1956-57 sau đại hội thứ 8, một chính sách đoàn kết, ôn hòa đang được chấp hành và kinh tế đang phát triển. Người dân Trung Quốc ngày đó chịu nhận chế độ tuy còn nhiều vấn đề. Nhưng sau đó, Mao đã phá hoại tình hình ấy với những vận động quá khích hao người tổn của, làm dân chúng sợ và xa lánh.

Cần phải đợi qua một thời gian, xem xét tình thế ra sao, mới có thể quyết định một thái độ về tương lai. Về mặt này, còn một yếu tố khiến người Việt hải ngoại chú ý tới và đặt hi vọng vào, đó là chương trình mười điểm, ôn hòa và cải cách dần dần của Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam, có thể thực hành trong giai đoạn đầu.

Những hi vọng hiền lành như thế có thực hiện được hay không ?

Chương II - Từ Những Biến Đổi Tại Đông Dương Đến Những Chuyển Động Tại Trung Cộng

Không biết có phải là luật nhân quả không, song đến năm 1976, mấy tay lãnh đạo Trung Cộng kẻ bước nhau ra đi vĩnh viễn. Họ cũng đã già cả rồi, nhưng có thể trong cuộc cách mạng văn hóa, những áp lực và lo nghĩ nặng nề chắc đã khiến họ suy yếu nhiều.

Năm nay thực là năm hạn của Trung Quốc, theo lời một nhà tướng tinh nổi tiếng. Tình thế ổn định đôi chút, thì một nhân vật khét tiếng là Châu Ân Lai qua đời vì ung thư ruột. Châu có lẽ là nhân vật được dân chúng mến nhất, vì ông ta không đến nỗi quá ác, và biết trọng đạo đức riêng, không lung tung như Mao. Kỳ thực, Châu là người rất khôn khéo, biết đi sát với Mao nhưng lại có bề mặt hiền từ, công bình. Song Châu không có đủ khí khái để phản đối những công việc làm quá cực đoan, hay bên vực những «chiến hữu» bị Mao kết tội, như Lưu Thiếu Kỳ, Bành Đức Hoài và làm ngơ với cái chết thảm thương của họ.

Dân chúng Trung Quốc tuy đã trải qua bao thử thách, bao tai nạn, nhưng đa số vẫn còn chút tin tưởng ở đảng Cộng Sản và ở những người như Châu, và ghét bọn «tứ

nhân bang» vì họ cho đây là thủ phạm chính. Kỳ thực về bản chất Châu cũng như bọn bốn người - duy trì chuyên chính vô sản. Những cái «nhân nghĩa» cộng sản chỉ là để che giấu bạo tàn.

Sau khi Châu chết, tới ngày Thanh Minh tháng 4-76, một số thanh niên lợi dụng ngày đó để tới quảng trường Thiên An Môn tế liệt sĩ cách mạng, với mục đích ngầm là than phiền về sự bế tắc hiện thời, về những bất công đầy rẫy, rồi cuối cùng đưa ra những khẩu hiệu, một mặt tán tụng Châu, một mặt chỉ trích bạo chính hiện nay giống như đời Tần Thủy Hoàng.

Cuộc biểu tình càng ngày càng đông đảo, gồm nhiều hạng người. Bọn «tứ nhân bang» ra lệnh cho công an và dân quân đàn áp thẳng tay, gây ra nhiều chết chóc và thương tích. Một số người bị bắt giam.

Đó là vụ tàn sát Thiên An Môn năm 1976. Tuy bị đàn áp, nhưng vụ này chính là triệu chứng cho thấy người dân Trung Quốc bất mãn và đã có hành động chống đối lại chính sách cực đoan của Mao và đảng Cộng Sản.

Vụ này tất dẫn đến một vận động chính trị khác, vừa để củng cố vị trí của Mao, vừa để răn những kẻ nào bất đồng ý kiến với bộ «Tur lệnh vô sản».

Vì Châu qua đời, đảng Cộng Sản đưa một nhân vật trung dung ra làm Tổng Lý. Thực quyền vẫn ở trong tay bọn tứ nhân. Mao đã yếu ốm, nằm trên giường, nghe nói bị Giang Thanh hành hạ đủ điều, và lợi dụng để truyền ra «thánh chỉ» theo ý muốn mình. Đặng Tiểu Bình một lần nữa lại bị gạt ra một bên.

Họa vô đơn chí. Tháng 7 năm ấy, một phó chủ tịch đảng - Chu Đức, tạ thế. Chu không còn thế lực gì, bản tính là một người ôn hòa, không ưa đấu tranh chính trị kịch liệt, và đời sống giản dị. Nghe nói khi còn là quân phiệt ở Tứ Xuyên, Chu có tới chín người vợ !

Ai cũng còn nhớ, cũng trong tháng 7, một tai họa thiên nhiên khủng khiếp bỗng rơi trên đầu người Trung Quốc. Một cơn động đất khủng khiếp, cấp 8.0, đã phá hoại cả thành phố Đường Sơn, gần Thiên Tân, gây ra hơn 300,000 người chết và 600,000 người bị thương. Cuộc động đất này lớn nhất trong thế kỷ 20. Cả nước sợ đến nỗi, đâu đâu cũng phải chuẩn bị tránh nạn. Ngay tại chỗ chúng tôi ở, rất xa Đường Sơn, mọi người đều lo sợ. Chúng tôi phải đục tường trước mặt để lánh sang một bãi đất hoang, để tránh nhà đổ ! Đến bây giờ, nghĩ tới cũng phải tức cười.

Có một điều lạ, không hiểu tại sao đảng Cộng Sản Trung Quốc lại làm như thế ? Cuộc động đất với tổn

thất nặng nề như vậy, nhưng họ gạt bỏ tất cả mọi viện trợ quốc tế, đến nỗi lâu lắm về sau mới khôi phục được. Họ tự cho là nước Trung Hoa Cộng Sản không thể cúi mặt đi xin cứu giúp của ai hết ! Cái sĩ diện «cách mạng vô song» của Trung Cộng quả là to lớn và vô ý nghĩa.

Kỳ lạ nhất là sau mấy sự kiện đó, lại tới cái chết quan trọng nhất. Châu, Chu, hai bạn nổi khó đã bỏ ra đi, Mao Trạch Đông tất cũng cảm thấy buồn thảm và vô vọng. Thì đến tháng 9 năm đó, người đã lãnh đạo đảng Cộng Sản và Hồng quân trên nửa thế kỷ, đã sáng lập ra nước Trung Hoa Cộng Sản, đã làm mưa làm gió trên đầu 1/4 dân số trên thế giới, đã làm chết hàng triệu người vô tội, đã đưa Trung Quốc tới thời kỳ đen tối nhất trong lịch sử - một con người có một không hai trên thế giới, kết cục cũng đã rời bỏ thế gian xuống Diêm Vương.

Phải công nhận Mao là một người đặc biệt và có đặc tài cả về lý luận với hành động. Các tác phẩm của Mao viết đều có kết hợp với thực tế, cho nên đảng Cộng Sản và Hồng quân đã dần dần chiến thắng bao địch thủ cường thịnh.

Tướng Giới Thạch và Quốc Dân đảng phải chạy ra Đài Loan dưới bóng dù che chở của Hoa Kỳ. Bao nhiêu lãnh tụ kỳ cựu của đảng Cộng Sản định chống lại Mao đều bị dẹp hết một cách vô tình. Những cách đấu tố đã

man ngay đối với những chiến hữu nổi khổ trong đảng chứng tỏ Mao là con người sắt đá không còn nhân tính. Ai còn có lương tri mà đã chứng kiến những cảnh đó thì không bao giờ có thể chấp nhận chế độ chuyên chính vô sản nữa.

Mao vượt hơn Stalin và bỏ xa Tần Thủy Hoàng. Hẳn là sự kết hợp độc đáo giữa tàn ác phong kiến cổ xưa Á-Âu và tàn ác hiện đại lối Hitler.

Xin mở một nét ngoặc. Đến tận bây giờ tôi vẫn không nguôi tấm tức trước bất công khủng khiếp của lịch sử loài người. Vì lẽ gì mà nhân loại cứ phải xung đột, chiến tranh, tàn sát, đầy đọa lẫn nhau ? Vì quyền lợi, vì quyền lực, vì chủng tộc, vì tín ngưỡng, hay vì đấu tranh giai cấp ?

Người ta thường nói «ác giả ác báo ở hiền gặp lành, «hoàng thiên có mắt», rồi làm thiện thì lên thiên đường, kẻ ác tất xuống địa ngục v.v... Có người luôn luôn khuyên nhủ phải thương nhau, lấy lòng thương mà cải hóa thiên hạ... Thực là tức cười. Biết bao kẻ đã phạm những tội ác tày trời đó mà vẫn được hưởng thụ trên biết bao nhiêu nắm mồ của kẻ vô tội, bao nhiêu gia đình cửa nát nhà tan và bao nhiêu dân tộc bị nô dịch đọa đầy ! Những bạo chúa như Stalin, Lenin, Mao Trạch Đông Kim Nhật Thành, Hồ Chí Minh v.v... vẫn được người dân tung hô

«vạn tuế» cho đến khi chết, cũng như các tên hoàng đế khát máu thuở trước - và còn được an táng linh đình như cứu tinh đất nước trong những lăng mộ đồ sộ cho người đến chiêm ngưỡng. Bọn đó sẽ có xuống địa ngục hay không, không thấy ai nói gì.

Trong khi đó hàng triệu người chết trong lao tù, chết trên đường vượt biên, chết đói chết rét, thì đâu là ác giả ác báo, ở hiền gặp lành ? Công lý ở đâu ?

Ngẫm nghĩ cho đến cùng, thì tội ác vẫn hoành hành, những kẻ độc tài chuyên chế vẫn ngồi vững đó, vì chúng phải bảo vệ quyền lực của mình. Nhưng sở dĩ chúng còn ngồi đó, một phần lớn cũng là do những kẻ bị áp bức bản thân vì lý do này hay lý do khác đã không dám đứng lên phản kháng với tội ác, thậm chí còn a tòng với tội ác, làm tay sai cho bạo quân, hay còn mê muội cuồng tín. Khi nào còn những kẻ này, thì vẫn còn bạo quân.

Không có việc «hoàng thiên có mắt» vì không có hoàng thân và hoàng thiên nếu có không biết có mắt không ? Đừng nên trông mong gì vào trên trời dưới đất cũng đừng đợi đến kiếp sau. Muốn giành được công lý công bằng, tự do thì chỉ có đứng lên phản kháng, bằng mọi cách.

Bài học này, không bao giờ nên quên, nhất là đối với những người đương bị chế độ độc đảng áp bức. Song gột bỏ được đầu óc nô lệ hay chịu đựng không phải là dễ dàng.

Hãy nhìn vào đám tang Châu Ân Lai, Mao Trạch Đông trên màn truyền hình, người đứng trên bờ hè rất đông, trong đó không ít người khóc lóc ! Chính những người khóc lóc này là trở ngại lớn cho cuộc cách mạng dân chủ, tự do !

Tất nhiên, có rất nhiều người vui mừng ngấm với cái chết của Mao. Họ không mong muốn gì hơn là được sống yên ổn dễ thở và dễ làm ăn hơn, dù dưới chế độ cộng sản. Chính một số lãnh tụ trong đảng Cộng Sản cũng thấy cần kết thúc những phương thức cai trị quá cực đoan và mất lòng dân.

Do đó, ngay trong lúc Mao bệnh nguy, sắp chết, thì mọi phe phái đều hoạt động ráo riết. Bọn «tứ nhân bang» đương đắc thế dự định nâng Giang Thanh lên làm chủ tịch đảng, đưa Trương Xuân Kiêu, Vương Hồng Văn làm phó, bọn «văn cách» vào Bộ Chính Trị để nắm toàn quyền. Kế hoạch thì hay lắm, song họ thiếu hậu thuẫn, nhất là trong quân đội.

Bọn tướng lĩnh ra tay mau lẹ và chớp nhoáng. Ngày 6-10-76, mấy tay nguyên lão, đứng đầu là Nguyên soái Diệp Kiếm Anh, áp lực trên Hoa Quốc Phong - lúc đó là chủ tịch đảng, nhưng không có vây cánh - hạ lệnh bắt Giang Thanh, Vương Hùng Văn, Trương Xuân Kiều, Diêu Văn Nguyên, Mao Viễn Tân (cháu ruột Mao). Đặng Tiểu Bình được phục chức. Ít lâu sau, Hoa Quốc Phong cũng tự rút lui và từ đó thực quyền nằm trong tay Đặng Tiểu Bình, nguyên Tổng thư ký đảng Cộng Sản.

Cuộc bắt bớ này có nghĩa là kết thúc giai đoạn cực đoan dưới thời Mao, và trở lại chính sách ôn hòa, tuy vẫn là chuyên chế độc đảng - dưới thời Lưu Thiệu Kỳ.

Trên thực tế, cái gọi là «đại cách mạng văn hóa» đã kết thúc. Nhìn lại mười năm vừa qua, những năm kỳ quặc và khủng khiếp nhất sau khi đảng Cộng Sản lên cầm quyền, thì cuộc cách mạng ấy đã có hậu quả gì đối với toàn dân, đối với xã hội Trung Quốc, hay đối với thế giới ?

Chương III - Những Cải Cách Của Đặng Tiểu Bình - Xung Đột Giữa Trung Cộng Và Việt Cộng - Các Con Gái Đi Lấy Chồng...

Nhận thức được những lầm lẫn tai hại do Mao Trạch Đông gây nên, những người cầm quyền mới đổ lỗi cho bọn Giang Thanh lộng quyền, lũng đoạn chính trị, nhưng không dă động đến Mao. Cho đến sau khi chết, họ vẫn không có can đảm vạch ra những sai trái của Mao và tự phê bình đã im lặng trước những tổn thất nặng nề đã gây ra. Họ cũng không hề xin lỗi với quốc dân về những tang tóc, thiệt thòi vô kể mà người dân đã phải chịu.

Nhưng Đặng Tiểu Bình cũng đã đưa ra những biện pháp cởi mở về chính trị để giảm bớt sự bất mãn và lôi kéo người dân. Cũng có thể cho là táo bạo trong thời kỳ ấy.

Một là «lột mũ» cho những phần tử đen trong xã hội, những phần tử giai cấp phản động, và những kẻ chống đảng Cộng Sản trước đây như địa chủ, phú nông, tư bản gia bất pháp, trí thức phản động, bọn phản cách mạng, mà hiện thời không có hoạt động gì chống đối. Họ được chuyển làm công dân thường, với quyền lợi như những người khác - cư trú, làm ăn, đi lại, tham gia học tập

chính trị. Gia đình họ nhờ thế cũng thoát nạn kỳ thị.

Hai là, đa số những người bị đầu tố, kết án trong thời gian đại cách mạng văn hóa, đều được khôi phục danh dự, khôi phục công việc. Chỉ hận cho bao nhiêu kẻ bất hạnh đã tự sát qua đời hay đã ngồi tù lâu năm, mà không rõ vì đã phạm tội gì.

«Công xã nhân dân» vì quá lớn, quá tập trung, gần như đều phá sản, nên đã bị thủ tiêu, chỉ còn lại hợp tác xã cấp ấp, làng, dễ quản trị. Sau đó, lại chia ruộng đất khoán cho nông dân tự trồng trọt, với điều kiện là phải bán một phần sản phẩm cho chính phủ theo giá công. Nông dân kiếm được, sản xuất dần dần phát triển. Thêm vào đó, một số buôn bán, kinh doanh cá lẻ nhỏ cũng được phép làm ăn. Kinh tế toàn quốc cải thiện. Vật chất không đến nỗi thiếu thốn như trước, giá cả cũng thấp hơn.

Về giáo dục, những nhà trí thức được trọng dụng hơn. Vào các trường đại học, không còn chỉ xem thành phần công nông, mà dựa trên số điểm cao, nên xuất thân từ các giai cấp hay gia đình đen, cũng dễ lên đại học hơn.

Những biến đổi kể trên đưa lại một giai đoạn ổn định mới, dân chúng được sống dễ chịu hơn, trong đó có cả Phật Sơn và hiền nhiên, gia đình chúng tôi.

Riêng về tôi, đến năm 1976, đã tròn 60 tuổi. Thâm thoát đã ba mươi năm trôi. Ba mươi năm, một nửa cuộc đời, ở đất này rồi, xa quê hương đất nước. Cục thế tại Việt Nam biến chuyển không theo ý muốn. Bây giờ, Việt Nam đã thống nhất dưới chế độ độc đảng Cộng Sản. Về hay ở, đã đến lúc phải chọn lựa, phải quyết định.

Chúng tôi luôn luôn phải suy nghĩ, phải cân nhắc. Nếu không quyết định, thì phải ứng phó với nhiều vấn đề rắc rối. Vậy cả hai bên đều là cộng sản, nên ở bên nào ?

Đối với tôi, chẳng lẽ lại cứ ở ngoại quốc mãi, làm một Việt kiều già vĩnh viễn ? Đâu có phải là mục đích của mình khi dấn thân vào con đường cách mạng dân tộc ? Những mắt thấy tai nghe ở Trung Quốc ít ra cũng cho thấy rõ là con đường Mác-Lê đã sai lầm và tai họa. Nhưng hiện nay, tại Việt Nam, cũng là con đường ấy. Nếu muốn về, cũng không phải là dễ dàng, mà nếu về được, có giúp ích được gì cho việc kiến thiết quốc gia không ? Lại cần phải quan sát cho rõ tình hình thực tế vì tuy cùng một chế độ, nhưng cách làm việc, chính sách cụ thể có thể khác nhau.

Hai là, đôi với mẹ các cháu, lại khác. Bà rất tự nhiên mà ở lại đây, hay tại Việt Nam. Con gái trên mức 25 tuổi, không thể trì hoãn được nữa. Nếu chúng nó đi lấy chồng, thì về sau, gia đình rất có thể chia làm đôi, một ở Quảng Đông, một ở Việt Nam. Là điều mà trong thâm tâm chúng tôi không muốn.

Sinh sống ở đây, từ nay trở đi, không còn nhiều trở ngại và khó khăn nữa, vì chính sách ôn hòa đã thay vào chính sách đấu tranh quyết liệt.... trừ phi lại có gì đột biến không lường được. Cuộc sống tại Việt Nam sau chiến tranh nghe nói - qua những người Hoa kiều đi lại kể - còn khó khăn lắm và cũng chưa được ổn định, lại đương vướng vào những bất hòa với Campuchia. Vì vậy, chính phủ Hà Nội cũng rất ít phê chuẩn những Việt kiều ở ngoài trở về nước, với dụng ý tránh khó khăn về kinh tế hay về mặt chính trị... Bao giờ họ cũng có óc «cảnh giác» cao độ và ở đâu cũng nhìn thấy những kẻ thù. những kẻ phá hoại.

Một hôm, tôi ra Quảng Châu tìm gặp một số người Việt để nói chuyện tâm sự. Có vài cô đã lấy chồng người ở đây, tự nhiên chỉ muốn về thăm quê hương mà thôi. Có hai người nữa do dự, sợ về nước không tìm được công ăn việc làm tốt. Một người muốn về nhưng chưa đủ tiền.

Cuối cùng, tôi gặp bà Linh. Bà này nhất quyết sẽ về, không muốn làm ngoại kiều nữa.

- «Anh ạ, tôi nghĩ, hai bên đều giống nhau cả, thì ở đâu cũng vậy. Nhưng tôi đã xin giấy về nước.»

- «Chị thấy có gì đáng chú ý trong việc về nước không? Các cháu, chị xếp đặt thế nào?»

- «Tôi để toàn quyền cho chúng nó, muốn ở đâu thì ở. Mình có ngăn cũng không được. Chúng nó nghĩ khác mình»

Bà quả quyết đáp. Bà bảo rằng hai đứa con gái một đã cưới rồi, một thì đã ăn hỏi. Còn đứa con trai thì lại thích về Việt Nam, nó bảo muốn thay đổi không khí, ở đây chán lắm ! Đứa con gái thứ hai có cách của nó, đã đính hôn với một chàng người Hoa có bố mẹ ở Mỹ, rồi di dân sang đó. Cũng là một cách làm. Cũng có người tìm đối tượng ở Hong Kong để ra đó sinh sống.

Trở về Phật Sơn, chúng tôi bàn với nhau thấy là không nên chần chờ nữa, và để cho các cháu tự nhiên chọn lựa là hơn cả. Việc về Việt Nam không dễ dàng mà chưa chắc đã là ổn thỏa.

Tôi mang ý kiến đó nói với các cháu lớn. Chúng nó cũng thông cảm, vả lại sinh ra, lớn lên ở đây, chúng đã quen thuộc với hoàn cảnh hiện tại. Việt Nam không chắc là thích hợp. Hạnh phúc, ái tình, hay cuộc sống ở đâu cũng tìm thấy được. Về thân phận, nó có thể làm người Việt hay người Hoa; theo luật ở đây nếu cha mẹ có một người là Hoa, và sinh ở đây, thì tự nhiên vào quốc tịch Hoa. Vậy tốt nhất là theo ý nguyện của mỗi người, định đoạt vận mệnh của mình.

Lấy chồng người Hoa hay người Việt, không phải là quan trọng nhất. Quan trọng là người bạn đời có tốt, thành thực và đáng tin cậy hay không. Chúng nó muốn tự chọn, theo khuynh hướng luyện ái tự do... Chọn lựa rồi, theo thói thường ở đây, thì nhà trai phải đến nhà gái để xin cưới. Nếu trịnh trọng thì làm lễ ăn hỏi trước, với một ít bánh ngọt, chè lá, một số tiền dạm thường là tượng trưng. Hiện có một điều tốt là chủ trương gạt bỏ hủ tục, tiết kiệm và giản dị hóa. Cô dâu chú rể tương lai có thể đi lại tự nhiên, nhưng đừng nên quá mức. Hồi đó vẫn còn rất bảo thủ, nếu có đưa nhau đi công viên hay bờ hồ cũng không nên quá khuya.

Mọi người đều nghèo như nhau, không chênh lệch nặng như về sau này khi cởi mở thị trường tự do. Đến ngày đón dâu, mọi người cố có bộ quần áo đẹp một

chút. Cô dâu có phần son cũng vừa vừa thôi.

Không có xe hơi để đón dâu vì không dễ thuê. Mà cũng không tiện ngồi xe xích lô, có vẻ «giai cấp» quá. Vậy thì, trong thành phố, gần thì cuốc bộ, đi diều phố, kể cả cô dâu, phù dâu và chú rể, phù rể. Xa chút thì xe đạp... Nếu quá xa thì có thể thương lượng xe công cộng. Chỉ có tại Quảng Châu, thỉnh thoảng mới có đám cưới bằng xe hơi kết hoa.

Trên đời có vui có buồn, nhiều khi vui buồn lẫn lộn. Đối với tôi, nhiều khi không biết là buồn hay vui, nhưng chắc buồn nhiều hơn vui.

*Măng tre nấu với ngạnh nguồn
Đến đây ta phải bán buồn mua vui*

(Ca dao)

Đám cưới đầu tiên trong gia đình tôi. Tất cả đã xếp đặt xong xuôi. Bố mẹ chú rể đã đến xin cưới. Theo lệ, hai ông bà, đều là công nhân viên thường, mang bánh trái chè, và thêm một số tiền nhỏ, tuy chúng tôi đã bảo là thời văn minh, những cái đó không cần thiết. Sau đó, chúng tôi «lại lễ», biếu lại lễ vật, không ai nợ ai.

Ngày đón dâu tới. Chú rể và mấy tay phù rể đến cửa nhà, nhưng cửa vẫn đóng, lấy làm lạ. Ngơ ngẩn một lúc

lâu mới thấy cửa mở, nhưng định bước vào thì lại gặp mấy cô phù dâu chắn đường, đòi tiền «mãi lộ» Hai bên đầu khấu kịch liệt, cho tới khi nhà trai phải nhượng bộ, ký «hiệp ước» hứa hẹn đãi tiệc và đãi đi xem kịch, xi nê đất tiền, rồi mới mở đường cho vào phòng khách.

Chú rể và cô dâu làm lễ vái bố mẹ vợ, theo tục lệ mới, chỉ cần đứng cúi đầu vái, không phải quỳ lễ như xưa. Chúng tôi chúc phúc chúng nó và đưa mỗi người một phong bao (là xì) để làm vốn. Kỳ thực đưa nào cũng có công ăn việc làm, lương tuy thấp, nhưng cũng không cần nhờ vào bố mẹ, chỉ là tượng trưng thôi.

Con gái về nhà chồng, là một sự vui mừng quan trọng trong cuộc đời của nó. Nhưng tôi thấy vừa vui mừng, vừa buồn ngủi xúc động. Vui là nó đã thành gia thất, đã có chỗ yên ấm, tương lai dù sao cũng ổn định, dù nghèo. Buồn ngủi là vì nó đã phải rời nhà, nơi đã sống hai mươi mấy năm, tới một nơi xa lạ. Lúc từ biệt cha mẹ, đôi mắt nó long lanh mấy giọt nước mắt tràn ra trên má. Tôi cũng phải quay mặt đi, để che giấu giọt lệ của mình. Giọt nước mắt để tiễn đưa con gái, hay vì cảnh ngộ chung ?

Lễ cưới giản dị, nhưng tiệc cưới thì cũng đầy đủ và náo nhiệt. Khách chọn lọc, thêm vào đó, có mấy thanh niên nam nữ Hoa kiều Việt Nam. Tiệc cưới thường phải

đủ chín món (chín có nghĩa là trường cửu, lâu dài) đủ cả gà, vịt, cá, bào ngư, chim ngói, nếu sang hơn thì có cả vây, bóng nữa. Tiếng chúc rượu, mùi rượu nồng, rồi đến ca hát đủ mọi bài Âu, Á làm cho chúng tôi choáng váng. Trong tiệc có nhiều tay đàn giỏi, lại có một số ca sĩ có tiếng tại thành phố này đến giúp vui.

Những tiếng đàn hát tuyệt vời cũng không làm cho tôi quên mất quê hương. Chúng nó đi lấy chồng, có nghĩa là sợi dây liên lạc với Việt Nam chỉ còn rất mỏng manh. Giấc mộng nhỏ nhoi, chứ không nói gì tới hoài bão, lý tưởng - một đất nước bình yên, tự do, êm ấm, để mà làm việc, để mà được sống bên con sông nhỏ êm đềm uốn quanh xóm làng im vắng, cũng vẫn không thành. Bao giờ chúng nó mới có dịp trông thấy nơi mà cha mẹ nó đã chôn nhau cắt rốn chào đời !

Đêm đã khuya, khuya lắm. Tôi vẫn trần trọc. Vợ tôi mệt nhọc mấy hôm, đã ngủ thiếp. Bà ta không nghĩ ngợi luẩn quẩn như tôi. Đối với bà, Trung Quốc không phải là nơi như ý muốn, song, còn chỗ nào để đi ? Con cái đều ở đây cả. Người chung quanh cho gia đình chúng tôi thuộc loại tốt, nhất định là hạnh phúc. Họ đâu có biết những nỗi éo le trong đời một gia đình người ngoại quốc. Song nếu so với cảnh ngộ những gia đình, kể cả ở hai nước, đã chịu nhiều khổ đau, ly biệt, tù tội, tang tóc

thì tôi nghĩ, mình lại quá bình yên, như một cái ao tù.

Độc giả tất có người sẽ hỏi : vậy cái gì đã thúc đẩy gia đình tôi đến chỗ quyết định để các con thành lập gia thất, với dự tính ở lại Trung Quốc trong thời gian này ?

Cần phải trở lại thời kỳ sau khi đảng Cộng Sản Việt Nam đã thống nhất toàn cõi. Thống nhất rồi đưa lại một thời kỳ tương đối ổn định, mặc dầu có những phong trào võ trang chống đối xảy ra tại miền Nam, nhưng không mạnh lắm. Dù là chế độ độc đảng cộng sản, người Việt ở nước ngoài, cũng hi vọng với hòa bình đã tái lập, đảng Cộng Sản có một chính sách ôn hòa, cởi mở, có thể đoàn kết các giai tầng để xây dựng quốc gia, được no ấm và tiến bộ. Họ mong rằng đảng CSVN không đi theo vết của Trung Cộng và đã thấy nguy hại trong chính sách Mao Trạch Đông, Stalin. Không ai có thể trách được họ quá nông nổi, ngây thơ, không hiểu rõ được bản chất của cộng sản.

Có nhiều điều làm cho người ta thất vọng. Chính sách nội ngoại của đảng CSVN đã tỏ ra quá khích, nhanh chóng giải tán Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam, lập ra nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam, và tiến hành tịch thu, lường đoạt, khủng bố tại miền Nam. Đối ngoại Việt Nam ỷ lại vào Liên Xô, địch đối với nhóm Khmer Đỏ và cả với Trung Quốc. Nghe nói nhiều người

đã vượt biên.

Chúng tôi đã nghe nói tới những xung đột đẫm máu tại biên giới Việt Miên... Khmer Đỏ được Bắc Kinh làm hậu thuẫn. Sự chia rẽ trong hàng ngũ cộng sản quốc tế càng ngày càng rõ rệt, mà cả bộ ba Việt Miên Trung cũng đều là những tay quen sát máu cả.

Gần gũi với chúng tôi nhất là vấn đề những người Hoa kiều ở Việt Nam. Do sự nghi ngờ giữa hai nước, thân phận người Hoa tại Việt Nam càng ngày càng khó khăn. Trước đây, họ có một chế độ đặc biệt. Nay thì CSVN đưa ra yêu cầu về quốc tịch : hoặc vào quốc tịch Việt, thì coi như người Việt, phải đi binh dịch; hai là giữ quốc tịch Hoa, thì phải đăng ký ngoại kiều và hạn chế đi lại, buôn bán làm ăn. Nhiều người sợ Hà Nội coi họ là «đội quân thứ năm» (gián điệp) của Trung Cộng. Dù dưới thời Mao, có nhiều Hoa kiều từ Việt Nam về đã bị kỳ thị, ngược đãi, tù tội, nhưng bây giờ thì lại thấy nhiều người Hoa kiều về nước. Tại Việt Nam, đời sống còn nghèo khổ quá, cái gì cũng thiếu thốn, về Trung Quốc sống chắc dễ thở hơn. Mà nếu chiến tranh xảy ra... thì rất khó lường.

Trong tình hình như vậy, bàn với nhà tôi, đều thấy tôi nên về Việt Nam một lần để thăm nước và cũng để quan sát tận mắt tình hình thực tế, rồi mới quyết định chung

cho tương lai. Cũng cần phải quyết đoán lúc này.

Tôi ra Quảng Châu tìm đến Lãnh sự quán Việt Nam ở Sa Điện, nằm gần ngay bờ Châu Giang. Lãnh sự quán có lính Trung Quốc gác. Xem thẻ Việt kiều của tôi rồi, người lính bấm chuông gọi cổng. Ở trong có người chạy ra đưa vào phòng khách.

Một người xưng là phó lãnh sự và bí thư ra tiếp, cũng lịch thiệp. Ông này nói rõ là hiện nay tình thế còn quá khó khăn, chưa thể phê chuẩn việc về nước định cư, trừ những trường hợp đặc biệt.

- «Đặc biệt là như gia đình ông» ông nói «tất cả tám người, nếu về cũng rất khó xếp đặt công việc, nhà cửa v.v... Đó là thực tế, ông nên thông cảm.».

Tôi ngỡ ý là muốn xin về thăm nước, theo như bản tuyên bố của chính phủ sau khi thống nhất đất nước, sẽ hoan nghênh những người Việt ở ngoài về thăm gia hương.

Lãnh sự quán đương nhiên cũng biết lai lịch của tôi, nên tôi nghĩ không chắc họ đã đồng ý. Mặt khác, hiện thời, hai quốc gia lại đương nghi kỵ, không biết có phải tôi có tiềm nhiệm quan niệm của Trung Cộng hay không, hay vẫn không tán thành chủ nghĩa cộng sản.

Dù sao họ cũng nhận đơn xin về thăm nước của tôi, cùng với cháu trai út, mới 15 tuổi. Hai tháng sau, lĩnh sự quán có giấy tới, đồng ý tôi và đưa con trai có thể về thăm nước với hạn kỳ ba tháng. Thì cứ về xem sao đã. Vì có cách gì khác ngoài một cuộc mạo hiểm nữa ?

Chương IV - Về Thăm Nước (10.1977)

Một ngày nắng ráo, mát mẻ tháng mười. Tôi cùng mấy cháu đáp xe lửa đi Hành Dương, tỉnh Hồ Nam. Tại đó, tôi và cháu trai sẽ chuyển sang chuyến xe tốc hành Mạc Tư Khoa - Bắc Kinh - Hà Nội. Còn ba cháu gái thì sẽ đi du ngoạn Quế Lâm, một nơi thắng cảnh nổi tiếng trên thế giới, có núi, có sông, có động nên thơ.

Xe lửa rộng rãi, có phòng ngủ êm ái, mà giá rất rẻ vì là chuyến quốc tế, chỉ chuyên chở những hành khách quốc tế. Qua Nam Ninh, thủ phủ Quảng Tây, thì tới biên giới Việt Trung, thị trấn Bằng Tường. Bên kia biên giới là trọng trấn Đồng Đăng, cách vài chục cây số, đó là đất tổ quốc, quê hương. Đã hơn 30 năm rồi, xa cách quê hương. Đứng ở sân ga, lấy hành lý xuống, tôi nhìn về xa xa, mấy rặng núi xanh.

Gần, gần quá. Nhưng sao thấy vẫn là xa, xa lắm. Vì lần này mới chỉ là về thăm. Hai tháng nữa lại phải trở về chốn ngụ cư, ở nước ngoài. Tương lai vẫn bất định. Nhiều yếu tố không thuộc về mình có khả năng quyết định.

Sắp phải chuyển sang đoàn xe Việt Nam đã đặt sẵn ở một bên ga. Cùng sang bên đó có một số hành khách độ bốn chục người, không đông lắm, trong đó có mười người da trắng có lẽ đi từ Âu Châu tới. Có sáu bảy người nói tiếng Việt, nhưng có giấy phép riêng lên thẳng những toa hạng nhì ở gần đầu xe hỏa. Số còn lại thì lần lượt được gọi theo thứ tự a, b, c. Chắc là những người nhân viên hải quan và hỏa xa đã biết rõ có những ai mua vé chuyến này, nên từ bên xe Trung Quốc sang xe bên Việt Nam cũng nhanh chóng.

Một điểm nổi bật, hiển hiện trước mặt chúng tôi là, đoàn xe Việt Nam trông nhỏ bé và cũ kỹ, khác hẳn với đoàn xe quốc tế đồ sộ. Lẽ giản dị là đường rầy xe Việt Nam chỉ có một thước tây, vào lối hẹp nhất trên thế giới. Trông đoàn xe nhỏ hẹp, và trông vào mấy nhân viên Việt Nam ăn mặc suềnh soàng, người cũng nhỏ nhoi, so với những nhân viên Tàu bên này cao lớn, ăn mặc lịch sự hơn, tôi thấy nao nao buồn. Nước mình sao nghèo đến thế ? Và luộm thuộm đến thế ? Sao không thể đưa một đoàn xe sang trọng hơn, và cho những nhân viên lịch sự hơn đến tiếp đón những người khách từ xa tới ?

Tôi và đứa con trai được đưa lên một toa xe cũng rộng rãi và sạch sẽ, nhưng quá đơn giản, không phải là

một toa xe lửa để đón khách quốc tế. Mỗi ngăn có hai ghế gỗ dài, trên trải một tấm chiếu hoa, có gối và chăn, ở giữa có ấm nước và chén. Tôi nghĩ, nghèo thực nhưng sao đến nỗi không có hai ghế dài có đệm bằng da, như bên Trung Quốc, cho những hành khách thường ?

Tuy nghĩ vậy, nhưng tôi cũng thấy không quan trọng. Quan trọng hơn là qua toa xe, người ta thấy Việt Nam Cộng Sản quá nghèo, và công việc quản lý cũng không giỏi. Cả đến nhân viên hải quan cũng ăn mặc quá sơ sài.

Khi ngồi xuống ghế rồi, một nhân viên hải quan - hay nội vụ không rõ - đến hỏi giấy má. Được cái thái độ ông này cũng hiền lành, khiêm tốn. Lúc đương xem hộ chiếu, tôi chợt nghĩ đến kinh nghiệm mà những người đi trước đã giới thiệu, vội vàng rút hai gói thuốc lá Camel ra mời. Đối phương rất vui vẻ, và ngồi xuống hút, rất tự nhiên hỏi chuyện về cuộc sống tại Trung Quốc. Khi biết tôi là bác sĩ, ông có nói đến tên một số bác sĩ ở Hà Nội. Tôi biết một số cùng lứa tuổi. Xem ra cũng dễ dàng, hành lý không bị khám xét. Khi xong, ông dặn tôi về tới Hà Nội phải tới Nha Công An trình giấy. Nhân tiện, tôi cũng biểu luôn ông hai gói thuốc từ trong túi ra, nói rằng tôi ít hút thuốc lá. Ông vui vẻ tiếp nhận. Nên nhớ lúc đó hai gói thuốc lá Anh, hay Mỹ là vật rất hiếm và đắt tiền ở Việt Nam.

Xe bắt đầu chuyển bánh, từ từ rời ga Bằng Tường. Đường sắt len lỏi giữa mây rừng đồi, rồi xe bỗng chạy chậm lại. Lòng tôi bắt đầu hồi hộp, vì đây sắp tới biên giới cửa Nam Quan; bây giờ gọi là Hữu Nghị Quan. Mấy thế kỷ trước, bên Trung vẫn quen gọi là Chấn Nam Quan. Nơi này là bãi chiến trường lịch sử, những kẻ phương Bắc xâm lược nước Nam thường qua đất này.

Ba mươi năm trước, tại Hà Khẩu, tôi và một số anh em đã từ già đất nước bước vào con đường lưu vong. Những tưởng rất nhanh có thể trở về để phục vụ quốc gia theo như ý nguyện, nhưng tình cảnh thực tế đã khiến cho tôi chưa thực hiện được. Những ý nghĩ, dự tính chủ quan đều bị khách quan trở ngại. Con đường tương lai bây giờ, thực ra là bế tắc.

Lần này, tôi lại cúi đầu bước qua biên giới.

Qua cửa ải Hữu Nghị, là bước vào đất nước Việt Nam. Đây là đồi núi, rừng Việt Nam, với những mảnh ruộng nằm bên sườn đồi. Thỉnh thoảng có bóng người mặc áo chàm cúi mình trên ruộng. Rừng bên này rậm rạp, xanh tươi hơn bên Quảng Tây, song những nơi nhà tranh nhỏ chứng tỏ bên này nghèo hơn, vì bên Tàu thường là nhà gạch, dù ở thôn dã.

Con đường sắt quanh co một hồi, rồi tới một vùng ruộng bằng phẳng hơn, cư dân đông đúc hơn : ga Đồng Đăng. Hai chữ Đồng Đăng từ nhỏ đã in vào óc tôi, như một nơi rừng núi xa lạ, nhưng lại quen thuộc. Khiến tôi xúc động :

*Đồng Đăng có núi Kỳ Lừa,
Có nàng Tô Thị, có chùa Tam Thanh*

Mỗi lần nhớ tới câu ca dao này, tôi lại tưởng tượng ra một vùng núi non, gần biên giới, xa vắng hoang vu.

Nhân xe dừng ở đây một thời gian ngắn, tôi bước xuống sân ga, để đạp chân lên đất nước nhà sau ba mươi năm. Cảnh tượng núi rừng nên thơ, nhưng sao thấy nghèo, nghèo quá. Nhà ga nhỏ, thấp tòi tàn khốc hẳn với nhà ga Bằng Tường, to lớn, cao ráo, sạch sẽ. Hành khách không ít, nhưng đa số gồng gánh, trong đó có vài người Kinh, một số người bản địa, quần áo đã cũ, sờn. Mà mấy con đường sắt hình như không ai săn sóc, chung quanh cỏ mọc um tùm.

Lạng Sơn xem có vẻ đông đúc hơn, song cũng điêu tàn. Những dãy nhà một tầng nhỏ hẹp. Từ ga trông ra, phố xá bụi bặm, lồi lõm. Phong cảnh càng ngày càng nên thơ, khi những đồi núi thấp xen lẫn với những thung lũng xanh rờn, những con sông nhỏ uốn khúc chung

quanh. Nhiều mái tranh đã ẩn hiện trong các xóm làng bọc lũy tre xanh, đầy màu Việt Nam.

Xe qua ga Bắc Giang, bắt đầu trời tối. Các toa xe đèn phải đóng cửa kính. Nhân viên trên xe giải thích nói là để phòng ngừa những kẻ lưu manh ném đá, đặc biệt tại vùng này. Trị an không được ổn.

Chỉ còn nửa tiếng đồng hồ nữa là tới Hà Nội. Dần dần nền trời trước mặt đã sáng lên một vùng. Hà Nội ! Sắp bước chân trở lại trên nơi mà ta đã lớn lên, đã học hành đã làm việc, đã qua những ngày không thể quên, Hà Nội bây giờ ra sao ? Mình sẽ gặp những gì khó lường ?

Nghĩ cũng lạ, thân phận mình hiện nay lại là một «Việt Kiều» ở nước ngoài về thăm nhà, thăm nước sau khi đã thống nhất. Muốn ra sao thì ra, nhưng ít ra cũng biết được tình hình quốc nội thực tế ra sao, rồi sau sẽ định đoạt con đường tương lai. Nghĩ đến đây, tôi cảm thấy trong lòng vững tâm, tin tưởng. Dù ở trong cảnh ngộ nào, ý nguyện của mình vẫn không thay đổi. Khó khăn, phiền não, nguy hiểm có xá gì ? Trong cuộc đời vật lộn, đã có bao lần biến chuyển, bao lần nguy cơ, cũng đã vượt qua, cũng đã quen rồi.

Mà nói cho đúng, dù có biến chuyển, nguy cơ lưu lạc, thì có thấm vào đâu so với bao nhiêu người đã chết đi,

đã chịu tàn tật hành hạ, đã chưa tù tội, hay đã lưu lạc tha phương ? Và còn bao nhiêu người sống cuộc đời vất vưởng, nô lệ dưới các chế độ gông cùm ? Làm sao cho con người trên thế giới thoát khỏi đau thương ? Trong đó có mấy chục triệu người Việt ?

Tiếng xe rần rần chạy trên cầu sắt khiến tôi tỉnh lại giấc mơ. Cầu Thăng Long vẫn như cũ, nhìn xuống dưới dòng sông Hồng vẫn như cũ, vẫn cuộn cuộn chảy. Chỉ có là đêm rồi, chỉ thấy ánh đèn lấp lánh trên mặt nước, và bờ bên kia, nhiều thuyền bè nằm như ngủ bên dòng nước. Những cảnh quen thuộc biết bao ! Trong ngực tôi thấy nhói lên. Rồi đây lại sẽ phải rời bỏ chốn này.

May mà xe đã ngừng ! Đây là ga Đầu Cầu, cái ga nhỏ thân thiết từ xưa, thường đưa người ta về phía Gia Lâm, Cẩm Giàng, Hải Dương. Từ cửa sổ toa xe, có thể nhìn xuống phố Bồ Sơn, phố Hàng Đậu, rộng, vắng dưới ánh đèn điện lơ mờ u ám. Những đường phố Hà Nội đêm nay vẫn buồn, vắng, lèo tèo - còn vắng, buồn hơn khi tôi rời khỏi năm nào.

Chuyến xe chạy chậm dần. Đã bước vào ga Hàng Cỏ. Sân ga đã sáng chói hắt lên. Toa xe từ từ dừng lại trước một tòa nhà mới làm, chỉ chiếm một phần của toàn bộ ga. Tôi và cháu Kiên vội vã thu xếp vali, theo mọi người xuống xe. Chuyến xe này là chuyến quốc tế

tốc hành đặc biệt, nên có cảnh sát đứng gác ở dưới.

Vừa xuống ga đã có vợ chồng bác Lợi và con, cùng mấy bạn cũ đứng đón. Mấy chục năm mới lại gặp nhau, tay bắt mặt mừng, nhưng trên đầu mọi người nay đã là hai thứ tóc, làm sao không thể bù ngùi. Nước mắt như đã muốn trào ra, nhưng tôi còn đủ nghị lực để ngăn ngừa.

Ra khỏi ga, tôi cố ý dừng lại trên thêm. Trên phố Ga, không có gì thay đổi, nhưng sao đây phố trước mặt nó thấp nhỏ, buồn tẻ thế ? Vẫn con đường xe điện ở giữa quảng trường. Vẫn con đường Gambetta xưa với nhiều bóng cây. Tôi có cảm giác như lùi lại nửa thế kỷ trước. Ôi ! Hà Nội sao mà nghèo nàn, u ám, buồn tẻ thế ? Những ngọn đèn vàng yếu ớt như không có linh hồn, hay giống như linh hồn hiu hắt sắp tàn.

Xua đuổi mọi ý nghĩ cảm thương, tôi cùng mọi người lên xe kéo trở về phố Hàng Bè. Cảnh tượng những con phố đi qua vẫn còn y nguyên mới như ngày hôm qua.

Xe đỗ ngay trước cửa một gian nhà hai tầng. Nhà này chính ở ngay bên cạnh nhà anh chị Tam trước đây, một cửa hàng buôn cau ngày trước. Trong một giây phút, hầu như những hình ảnh từ thuở xưa, những ngày còn nhỏ, còn đi học, làm báo, viết văn, tham gia hội kín,

những người thân - bà mẹ, anh chị, họ hàng, tất cả đều dồn rất nhanh trong óc tôi.

- «Đến rồi. Mời bác vào trong nhà. Chắc còn nhớ chỗ này chứ» Bác Lợi hỏi.

- «Vâng, nhớ chứ. Hai nhà bên cạnh nhau mà». Chỉ cách nhau một bức tường».

Chúng tôi được sắp xếp vào một phòng ở dưới nhà, có cửa sổ trông ra cái vườn con đằng sau, cũng rộng rãi.

Nghỉ qua một đêm, sáng hôm sau ăn cháo và bánh cuốn, rồi dắt nhau ra dạo chơi bờ hồ Hoàn Kiếm, chỉ cách đó một phố Cầu gỗ. Cảnh mặt hồ, đền Ngọc Sơn, cầu Thê Húc cũng như xưa, nay được sửa sang lại đôi chút. Nhưng tôi thích đi theo bờ cỏ bên hồ, dưới bóng những rừng cây cao, nhìn trên mặt nước xanh màu lục. Phố Tràng Tiền, Hàng Trống, rồi đến nhà Thủy Tạ cũ, nay đã làm thêm một tầng, bến xe điện, tất cả hầu như không có gì thay đổi. Vẫn cái xe điện cũ kỹ y như hồi Pháp thuộc, như lui về nửa thế kỷ trước. Hàng Đào, Hàng Ngang, vẫn là những dãy phố thấp hẹp nếu so sánh với Quảng Châu, Hong Kong, những cửa hàng nhỏ với hàng hóa lơ thơ. Người đi trên phố có vẻ đông đảo hơn trước kia, song nhìn cách ăn mặc thì quá suềnh soàng, toàn là quần áo vải. Ít thấy nét mặt vui tươi, phần

khởi, hay những tiếng cười vô tư lự.

Biến đổi, có chăng là rất nhiều xe đạp trên đường phố, và một ít xe gắn máy. Còn xe hơi thì vẫn là vật hiếm có. Xe công cộng chở khách cũng cỡ lỗ sĩ, không biết làm từ đời nào. Vì thiếu xe, nên trên xe một ghế ngồi hai chỗ, nay quy định ngồi được ba người, đàn ông đàn bà, già trẻ lẫn lộn chen chúc, lên xuống tranh giành hỗn độn.

Cảnh tượng bề ngoài là như thế. Nghèo nàn, buồn tẻ là ấn tượng đầu tiên. Chỉ có cảnh sát mặc áo vàng là đông đúc hơn trước, nhất là ở các ngã tư lớn.

Chúng tôi đến Nha Công An thành phố tại đường Gambetta cũ - tức là sở Mật Thám của Pháp trước đây - để làm thủ tục kiểm chứng hộ chiếu. Sau đó là những lời dặn dò cần chú ý những gì, cần tuân theo pháp luật ở đây, và theo thông thường, nếu rời Hà Nội thì phải xin giấy phép.

Thuận tiện, chúng tôi đến ga xe lửa để hỏi về hành lý, rồi rẽ về Cửa Nam, Hàng Bông, những phố ta ngày xưa nhưng có trồng nhiều cây cổ thụ. Bụng đã đói, bèn rẽ về phía chợ Đồng Xuân. Vẫn năm cái vòm cũ, vào trong vẫn u ám. Tới một dãy hàng quà đủ các món ăn vặt, tôi chọn một hàng bún, ngồi xuống ghế gỗ thấp. Bà

chủ hàng đơn đả mời chào, vì trông thấy chúng tôi có vẻ khác lạ.

Tôi gọi hai bát bún thang. Cửa Hà Nội có khác, vì mùi vị đầy đủ hơn, hay đúng vị hơn, khi chúng tôi tự làm tại Quảng Châu. Mấy hôm sau, tìm gặp được một số bạn cũ; tuy đã lâu không gặp và hoàn cảnh đã khác, song các bạn hữu đều rất cởi mở, nhiệt tình. Hầu như điểm chung cho gia đình họ là nghèo nàn, mặc dầu có người là bác sĩ, là công chức.

Anh Th... bác sĩ, một viện trưởng, mời tôi đến nhà ăn cơm. Phòng khách trên gác rất rộng, nhưng đồ đạc cũ kỹ, đã nhiều chỗ sờn, mấy chục năm vẫn còn phải dùng, toàn là những thứ từ thời Pháp còn lại... Bữa cơm cũng rất thanh đạm, tuy rõ ràng anh đã cố gắng hết mình, có thịt luộc, cá kho. Chúng tôi vẫn thấy tự nhiên và thân mật như xưa, và cũng hiểu thấu tình cảnh của nhau, một người xa nước, một người ở lại trong cảnh tồi tệ. Khi bữa cơm gần tàn, nốc ly rượu trắng, anh ngẫm nghĩ nói:

- «Cái gì cũng ù lì cả... người ta có làm gì ra hồn đâu?»

Tôi cũng ngậm ngùi. Sao mà nghèo thế, trì trệ đến thế. Vì chiến tranh ư ? Nhưng tại sao lại cứ đánh nhau trong khi tình hình đã kiệt quệ đến cực điểm ?

Tôi cũng đặt câu hỏi thành thực với anh : nếu bây giờ về nước, để giúp và xây dựng quê hương, thì anh thấy thế nào ? Không ngần ngại, anh lắc đầu. Lâu sau mới nói :

- «Còn nhiều khó khăn lắm, rồi anh sẽ biết. Anh có gia đình đông con, cũng không dễ dàng đâu».

Đó cũng là sự thực, và cũng là ý kiến của phần đông thân hữu, dù mỗi người nói một cách khác. Họ đều cho rằng, nếu ở bên Trung Quốc có đời sống tạm an định không gặp vấn đề gì lớn, thì cứ ở lại, qua một thời gian để xem sao đã.

Có một sự thay đổi : đường Cổ Ngư đã được mở rộng hơn trước kia, rộng rãi, bằng phẳng hơn. Ở quăng giữa có một gian hàng nhỏ, bán ít thức ăn và đồ uống. Bạn nói, bánh tôm Cổ Ngư khá ngon. Vậy thì tạm dừng chân, gọi đĩa bánh tôm và một chai bia, để hưởng thụ ngắm cảnh hai mặt hồ : hồ Trúc Bạch và hồ Tây. Những giây phút như thế có lẽ không bao giờ còn trở lại nữa.

Hồ Trúc Bạch, nhỏ hẹp hơn, mặt hồ nước xanh màu lá cây. Chung quanh nhiều xóm nhà. Bên kia bờ là nơi đã từng là căn cứ đấu tranh, Ngũ Xã. Các anh em Quốc Gia Thanh Niên Đoàn... quá khứ...

Còn bên này là chùa Trấn Quốc, mấy tòa nhà trường Bưởi dưới bóng cây, vẫn như xưa. Gần 50 năm đã qua, khi anh học trò ngơ ngác bước chân qua cổng để nghe huấn thị của hiệu trưởng Autigeon. Lúc đó, cậu đâu có ngờ con đường đi về sau lại ly kỳ và gian truân như vậy, đưa cậu tới hàng ngàn dặm xa xôi.

Bên bờ hồ có nhiều thuyền bơi. Ngoài khơi, mấy cánh buồm trắng phất phơ. Người ta cũng còn có đôi lúc thanh thoi, dù ở dưới chế độ nào.

Chúng tôi theo lên dốc, rẽ sang mặt đê Yên Phụ. Con đường gạch xuống đình làng vẫn như cũ. Có khác chỉ là những viên gạch lót đã mòn, vỡ nhiều. Con đường này quen thuộc, thân thiết biết bao ! Đã bao nhiêu ngày tháng đã sống ở bên con đường này ! Bao nhiêu khuôn mặt người thân, bao nhiêu kỷ niệm vui buồn, hào hứng, đau thương. Ôi ! Con đường Yên Phụ, đã từng gắn bó với cuộc đời mấy anh chị em trong gia đình Nguyễn Tường.

Chợt như tỉnh mộng, thoáng qua cái đình đã tới căn nhà cũ ngay đầu đường. Nhưng vật đổi sao dời. Không còn cái cây tre nên thơ ngày xưa nữa, mà thay vào là một cổng gạch vô duyên. Không còn là mái nhà tranh trước kia, mà đã thành một mái ngói xám xịt. Còn cây soan bên bờ cũng đã biến mất. Chỉ còn lại một rặng tre

ngơ ngác...

Chúng tôi dừng lại bên công. Tất cả bao nhiêu xúc cảm xưa, nay dồn lên ngực tôi. Chợt nhớ tới câu thơ của Huyền Kiều :

*«Tây Hồ có danh sĩ,
Nhà thì ở nhà tranh»*

Tự nhiên bóng dáng anh Thạch Lam, cao, gầy, đầu đội mũ dạ, mỗi khi về nhà chậm rãi bước trên con đường lát gạch này, lại hiện ra trước mắt tôi. Và còn bao nhiêu hình ảnh khác. Bây giờ, những người đó ở đâu ?

Những người trong gia đình, và những bạn hữu : Khái Hưng, Thế Lữ, Đoàn Phú Tứ, Huyền Kiều, Đinh Hùng, Nguyễn Gia Trí, Vũ Hoàng Chương, Xuân Diệu v.v... đã từng có mặt trong căn nhà tranh này. Bao nhiêu nhân vật lịch sử, đánh dấu một thời kỳ huy hoàng của văn nghệ Việt Nam. Căn nhà này là một căn nhà của quá khứ, nhưng hiện giờ, ai ở tại đây ?

Lúc trở xuống phố, chúng tôi theo con đường Hàng Bún, rồi rẽ xuống phố Quan Thánh... Tòa nhà của tờ báo Phong Hóa, Ngày Nay, Việt Nam trước đây dễ nhận ra, ở góc đường và có bao lớn bằng sắt rào xung quanh. Tôi ngạc nhiên vì nay đã khác hẳn, đằng sau chỉ còn lại

một con ngõ nhỏ, và sân đằng trước đã biến ra một tòa nhà mới, phải khó khăn lắm mới tìm thấy cổng trước và tấm bảng đề số 80. Tòa báo cũ đã tụt hẳn vào đằng sau.

Tang thương biến đổi. Tôi tần ngần đứng lại nhìn một lúc. Những người ở bên cạnh chắc cho là chúng tôi đang tìm nhà nào. Họ có ngờ đâu bọn này chính là chủ nhân ngôi nhà này, ba mươi năm trước, và bao nhiêu sự việc kỳ lạ đã từng xảy ra.

Đời, quả thật là một giấc mơ.

Chương V - Đời Sống Văn Hóa - Đi Thăm Các Nơi

Nam Định - Từ Biệt

Đời sống văn hóa cũng nghèo nàn không khác đời sống vật chất. Giống như ở Trung Cộng, chỉ có báo chí của nhà nước, với tờ báo Nhân Dân, tờ Hà Nội mới, tờ Quân đội Nhân dân, và vài tờ tạp chí in rất sơ sài. Máy cửa hàng sách thì lèo tèo một cách đáng thương. Cũng có một số sách dịch từ chữ Nga hay chữ Hán. Tất nhiên, là luận điệu trên các sách báo đều là một chiều.

Mấy rạp chớp bóng toàn là ngày trước để lại, tình trạng còn cũ kỹ, luộm thuộm hơn cả đời Pháp thuộc.

Chắc chắn sinh hoạt của các nhà văn nghệ sĩ cũng thiếu thốn và buồn tẻ. Một nhà thơ mời tôi đến nhà chơi, nói chuyện. Địa chỉ ở một phố tây cũ, đường rộng rãi nhưng vắng ngắt. Tôi không khỏi chú ý đến những nhà trên đường này. Toàn là những biệt thự, trước đây đẹp đẽ, khang trang nhưng nhìn kỹ, nay thì chỗ tường rào đã đổ nát, cổng đã xiêu vẹo, vôi trên tường đã loang lổ như lâu không ai để ý, cỏ dại mọc đầy sân, có chỗ quần áo phơi lung tung vô trật tự. Cả phố hiện ra một cảnh tượng điêu tàn khó tả.

Khi đến cổng nhà ông bạn, tôi nghĩ bụng ông này được ở một ngôi nhà lớn như thế này, thì cũng coi là trí thức được trọng đãi. Nhưng khi bước vào trong, qua cánh cửa long sơn tôi mới ngã ngửa : căn nhà đã bị chia ra nhiều phòng bằng những tấm ván đơn sơ, và mỗi phòng là nơi ở của một gia đình. Chỗ ngủ, chỗ tiếp khách, chỗ làm việc, đọc sách đều là trong đó !

Tuy không nói gì, nhưng ông bạn và tôi nhìn nhau một giây, thế là đủ.

May mắn về chỗ ở hơn, có lẽ là Huyền Kiêu và Thế Lữ.

Huyền Kiêu, người bạn văn đã kể trong cuốn I, vẫn cao lớn, mặt cũng còn hồng hào. Anh được ở một căn nhà riêng có phòng khách, có sân. Không ngờ căn nhà này lại chính là một nơi tôi đã ở hơn ba mươi năm về trước cùng với mấy người bạn học. Huyền Kiêu hiện đương phụ trách một tờ báo. Chúng tôi ôn lại nhiều chuyện quá khứ, kể cả chuyện tôi làm phù rể cho anh ngày trước.

Còn Thế Lữ và Song Kim thì ở trên tầng hai một tòa chung cư, cũng rộng rãi và sáng sủa. Anh hiện là chủ tịch Hội Kịch Nghệ. Nay có lẽ hai ông bà già rồi, nhưng vẫn còn hoạt động. Thế Lữ thường vào trong Nam vừa

vì công vừa vì tư. Chỗ ở này gần hồ Bảy Mẫu. Trong công viên, có nơi ngồi uống cà phê hay ăn kem cũng thoải mái.

Chúng tôi lấy giấy phép đi Nam Định để thăm họ hàng bên nhà vợ, nói cho đúng, mấy người em vợ. Lên xe hơi công cộng, không may lại gặp ngay cảnh ba người ngồi hai chỗ. Tôi và cháu phải nép sang một bên để cho một bà khá mập ngồi cùng ghế. Nhất định phải chịu cảnh khổ sở này trong suốt ba tiếng đồng hồ, vì xe chạy chậm như bò, lại hay đỗ dọc đường lấy khách... Mỗi khi lấy khách lại còn phải «đàm phán» về giá cả nếu có hành lý nặng.

Đường này là đường số 1, tốt nhất nước, nhưng lại lồi lõm, nhiều ổ gà, xe chạy quá sức. May mà ba người ngồi sát với nhau nên cũng đỡ.

Ra khỏi thành phố, hai bên đường bắt đầu là đồng ruộng chung quanh những xóm làng có lũy tre bao bọc. Thỉnh thoảng bên đường, có mấy quán nhỏ bán trà, nước, không khác gì bốn mươi năm trước đây. Cảnh đồng ruộng Việt Nam hình như lắng đọng qua mấy thế kỷ không thay đổi. Người nông dân Việt Nam vẫn suốt ngày còng lưng trên cánh đồng bạc bội này. Tới lúc nào họ mới thoát ra được tình trạng đó ?

Buổi chiều, xe vào tới thành phố Nam Định, một thành thị nhỏ êm đềm. Những con phố hẹp, vắng ít người đi lại, khác hẳn với những đường phố đông đúc, náo nhiệt bên Trung Quốc. Tới bến xe, đã có mấy người đứng đợi sẵn, niềm nở đón chào, tay bắt mặt mừng, rồi đưa về nhà nghỉ.

Thành phố này chỉ có chợ Rồng là đông vui nhất hàng hóa thức ăn cũng tạm đầy đủ. Do thịnh tình tiếp đãi của mấy người em, mấy ngày ở Nam Định rất nhanh qua đi. Chúng tôi không muốn rời tay, rời đất này, song cuối cùng cũng phải ra đi, trước mấy đôi mắt ướm đầm tình thân.

Trong lúc này, tôi nhận được mấy bức thư từ miền Nam gửi ra, giục tôi vào Nam gặp mặt. Nhưng đơn xin giấy thông hành của tôi vẫn chưa thấy trả lời. Cả nha Công An Hà nội hay Bộ Nội Vụ cũng chỉ là một chữ «đợi». Sau cùng, họ tiếp tôi một cách rất lịch sự và có lễ độ, còn có cả thuốc lá, cà phê, và với một câu trả lời rất văn nhã :

- «Chúng tôi rất thông cảm với ông, đã lâu mới về thăm nước, rất muốn xum họp với những người trong gia đình. Nhưng ông cũng nên hiểu rõ rằng, tại miền Nam, tình hình còn chưa ổn định, trị an không được tốt, nên cấp trên có ý kiến là...»

- «Nếu chính phủ đồng ý để tôi vào thăm gia đình thì tôi rất cảm ơn, và tôi tin rằng sẽ không có sự gì xảy ra đáng e ngại».

- «Chúng tôi sẽ trình ý kiến của ông lên cấp trên; trong lúc đợi, ông có thể đi thăm bất cứ chỗ nào ở miền Bắc».

Đó là câu trả lời, chỉ có nghĩa là không được. Vả lại, sắp đến hạn lưu lại tại đây. Cũng đành chịu thôi.

Vài tháng ở miền Bắc cũng đủ để thấy rõ tình hình về xã hội, kinh tế, chính trị. Những tin tức về miền Nam cũng không có gì lạc quan, về các cuộc cải cách xã hội, về một số người trong chế độ cũ bị đưa đi cải tạo. Bắt đầu có những xung đột giữa Việt Nam và Campuchia. Thêm vào đó, niềm xôn xao trong các giới Hoa Kiều; đã có ít người di cư về Trung Quốc, tôi cũng cảm thấy không khí căng thẳng giữa Việt Nam và Trung Quốc. Việt cộng ngả về phía Liên Xô. Bắc Kinh lại là hậu thuẫn của nhóm Khmer Đỏ, nhóm này đối địch với Hà Nội. Hoa Kỳ, các nước Tây Phương thích thú đứng nhìn hai ông Cộng Sản khổng lồ hục hặc với nhau. Cái được trịnh trọng gọi là tình anh em vô sản quốc tế nay đã đi đời. Còn lại là xung đột, chiến tranh giữa các nước «xã hội chủ nghĩa», và sự tàn sát lẫn nhau ngay trong nội bộ «giai cấp vô sản» ở các nước đó.

Trong thời gian cuối cùng ở lại đất nước, đêm nào tôi cũng suy nghĩ tới rất khuya. Từ lúc còn trẻ ôm nguyện vọng góp sức vào việc xây dựng một đất nước tự do, bình đẳng, giàu mạnh sau khi đánh đuổi được bọn thực dân, nhưng nay thời thế đã xoay đổi khác hẳn với những điều mơ ước. Một nhân tố ngày trước người Việt đã không ước lượng đúng mức, nay đã chi phối vận mệnh của mình - đó là nhân tố chủ nghĩa và hệ thống cộng sản.

Bao nhiêu dân tộc bất hạnh bị lôi cuốn vào trong vòng kiềm tỏa ấy, mệnh danh là theo lý thuyết Mác Lênin, chủ nghĩa xã hội, không còn giai cấp bóc lột và sẽ tiến tới thiên đàng hạ giới.

Thắng lợi của chủ nghĩa cộng sản không phải hoàn toàn không có căn nguyên. Chủ nghĩa tư bản tại thế kỷ 19, với những tệ đoan nghiêm trọng, đã thúc đẩy người ta tìm lối giải thoát với con đường chủ nghĩa xã hội. Marc - Engels cũng chỉ là một trong những người ấy. Song quyết liệt và đấu tranh giai cấp, và vạch ra được một con đường rõ rệt, trong khi các nhà lý thuyết xã hội khác chỉ đưa ra được những sách lược mơ hồ, yếu ớt.

Khẩu hiệu «Giai cấp vô sản quốc tế và dân bị đế quốc thực dân áp bức hãy kết hợp với nhau» đã quyến rũ được không ít người dân các nước thuộc địa. Nhưng cũng

chính chủ trương «chuyên chính vô sản» mà Lenin gọi là miếng đá thử vàng của chế độ cộng sản đã khiến cho người ta càng ngày càng nhận rõ bản chất của chủ nghĩa cộng sản. Chính Stalin, Mao Trạch Đông và Hồ Chí Minh đã là người đào mộ chế độ cộng sản, và những kẻ thừa tự tiếp tục đào nếu vẫn còn bám riết chuyên chính độc đảng, vì không thể không đẩy lên sự phản kháng của muôn ngàn con người bị đè nén.

Nhưng biết làm thế nào đây ? Giải trừ chế độ chuyên chế trên thế giới không phải là chỉ nghĩ, chỉ nói mà được. Những thế lực hung ác trên thế giới còn rất nhiều, cũng chưa đến chỗ cô lập, và còn nhiều kẻ a dua quá. Người có lương tâm làm sao không cảm thấy bất lực, không cảm thấy ân hận mệnh mông ?

Có người nói dùng lòng thương để cảm hóa những kẻ ác ! Nhưng những kẻ này đâu có biết lòng thương là cái gì ? Họ lấy độc ác, hành hạ, khủng bố, giết chóc làm lẽ sống, và cho đó là thương người, là cách mạng ! Họ đã làm ô nhục cả hai chữ «cách mạng»...

Như vậy, chỉ có cách mạng mới có thể khiến cho ma quỷ tiêu vong khỏi cõi đời này. Lòng thương, van xin, nước mắt, tất cả đều là thừa. Bao bài học đau thương, đắng cay còn chưa đủ ư ?

Tuy vậy, cuộc đời vẫn chảy qua bên cạnh những đau thương, những đắng cay. Một tuần trước khi trở về Trung Quốc, có người mời chúng tôi đi dự một đám cưới. Tuy đều là nghèo, nhưng đám cưới cũng khá long trọng, vui vẻ, náo nhiệt. Bữa tiệc cũng coi là thịnh soạn. Cũng đủ các thứ rượu, tây ta. Cô dâu, chú rể đặc biệt nâng ly cùng uống với chúng tôi, như khách quý, và rất ân cần chúc chúng tôi lên đường bình an. Gia đình này hãy còn nhớ đến những ngày chúng tôi ở Hà Nội. Trong hoàn cảnh khó khăn, nhiều người vẫn còn nhớ đến chúng tôi. Đây cũng là một sự an ủi.

Một buổi tối. Một số họ hàng và bạn hữu tụ tập tại sân ga tiễn đưa chúng tôi. Có cả mấy cháu từ Nam Định lên. Rung rung nước mắt, tay cầm tay. Chúng tôi ngập ngừng bước lên toa xe. Lại một lần nữa từ biệt những người thân, từ biệt Hà Nội, từ biệt Việt Nam. Lần này ly biệt, không biết có còn dịp nào nữa trở về cố hương không ?

«Biệt ly, nhớ nhung từ đây...»

Một tiếng còi tàu vang trên không. Xe từ từ rời khỏi sân ga. Chúng tôi ngó ra cửa sổ. Bóng những người vẫn còn đứng vẫy tay nhỏ dần trong bóng đêm..

Từ biệt Việt Nam ! Chuyến xe hỏa lại chạy từ từ trên cầu sắt Long Biên, nhưng lần này ngược lại, hướng về phía Bắc, càng ngày càng xa đất nước lui dần về phía sau.

Chương VI - Một Giai Đoạn Gay Go - Hoa Kiều Việt Nam Chạy Về Nước - Chiến Tranh Việt Miên-Việt Trung

Thành phố Phật Sơn vẫn y nguyên như cũ. Tôi lại trở về bệnh viện làm việc. Song nay đã hơn sáu mươi tuổi, đã quá hạn về hưu. Thành thử công việc cũng nhẹ nhàng hơn, có khi buổi chiều được nghỉ.

Liên vẫn đi dạy học. Các cháu gái khác đều đã lớn. Với quan niệm ở đây là đã quá lớn rồi. Trước đây, chúng tôi còn muốn đưa cả gia đình về Việt Nam, nhưng tình hình thực tế rõ ràng cho thấy là không thể thực hiện. Nay lại hăm vào cảnh xung đột trầm trọng giữa mấy nước anh em. Không có cách gì khác là ở lại đây : Chúng nó đều đi học, đã đi làm, có cơ sở, và đã quen với cuộc sống ở đây. Mẹ chúng lại là người Hoa. Ở đâu cũng là sống. Điều quan trọng là chúng nó sẽ là người tốt, yêu công bằng, tự do, biết thương yêu lẫn nhau.

Khi kết hôn, có thể làm lễ ăn hỏi trước. Lễ cưới cũng giản dị. Đón dâu không có xe hơi, tất cả phải đi bằng xe đạp, hay gần thì đi bộ trông cũng vui mắt và ngộ nghĩnh. Nhất là khi đi bộ, cô dâu nhất định thành mục tiêu cho khách qua đường chiêm ngưỡng, thành ra cứ phải cúi mặt hay lấy quạt che. Các cô phù dâu tất nhiên

được chú ý.

Con gái lớn của chúng tôi cũng cưỡi xe đạp về nhà chồng, vì cách nhau hơi xa. Đến tối thì mở tiệc cưới, không ra ngoài nhà hàng mà làm lấy ở nhà, vừa vui hơn vừa đỡ tốn tiền. Thêm vào, còn có ca hát nhiều bài Việt, Trung và Tây phương, có cả đàn địch réo rắt, do cả một ban nhạc của bạn bè hợp thành. Vài ca sĩ nổi tiếng của thành phố cũng đến góp vui. Ai cũng khen là một đám cưới kiểu tân thời, và đặc biệt - cuộc nhân duyên Việt-Trung, giữa một gia đình người bản xứ và gia đình người ngoại quốc. Những cuộc nhân duyên như thế không phải là duy nhất nhưng cũng hiếm có.

Sau đó, cũng đến lượt cháu gái thứ hai, và cháu thứ ba, đều thành gia thất. Đời sống công nhân cũng bình thường, nhưng hai vợ chồng hòa hợp góp sức với nhau thì có thể vượt qua các khó khăn. Vả lại, trong xã hội này, đại đa số đều là công nhân cả; chỉ có một số ít là phần tử trí thức không được coi trọng, và một số cán bộ để quản lý mọi sự.

Mặc dầu đảng CS kêu gào giai cấp công nhân là «giai cấp lãnh đạo», nhưng thực ra, công nhân là giai cấp bị bóc lột và áp bức bởi một thiểu số đảng viên, cán bộ. Trong các xí nghiệp, nhà máy Trung Cộng, chức viên (không làm việc chân tay), cán bộ chiếm một tỉ lệ rất

cao; đủ các thứ cán bộ như chi bộ đảng, hành chính, công đoàn, thanh niên, phụ nữ v.v... Người nhiều mà việc ít - người ta ví như là «cá vàng», vì cứ lượn đi lượn lại suốt ngày mà không thấy làm gì cả. Thường thường, ở Hong Kong, một nhà máy 200 người chỉ cần độ 10 người quản lý, nhưng ở Quảng Đông thì phải 40 - 50 người. Đã thế, bọn đó còn hưởng nhiều bổng lộc khác, được phối cấp nhà cửa tốt, đi du lịch không mất tiền... Đặc quyền và tham nhũng hầu như công khai.

Tình hình quốc tế càng ngày càng căng thẳng. Càng ngày càng nhiều Hoa Kiều Việt Nam chạy về nước, vì sợ có chiến tranh xảy ra. Tuy nhà cầm quyền Việt Nam không nói ra mặt là muốn họ trở về nước, nhưng qua cách đối xử, qua những lời tuyên bố về thời cuộc, và do những tiếng đồn càng ngày càng lan rộng, một phong trào vô hình đã thúc đẩy Hoa Kiều cảm thấy ở lại không ổn. Lại còn vấn đề quốc tịch, nghe đồn nếu không vào quốc tịch Việt Nam thì sẽ bị hạn chế tự do và làm ăn, buôn bán.

Đương sinh sống quen ở Việt Nam, nhiều gia đình đã sống từ nhiều đời, nhiều người đã trở thành như người Việt hay một nửa người Việt, nay bỗng nhiên phải rời bỏ đất nước này để về Trung Quốc - tuy là tổ quốc nhưng đã xa lạ quá, không biết sẽ ra sao ?

Đã có bao nhiêu người Việt phải lìa bỏ quê hương để vượt biên, vượt biển để đi tìm tự do, tìm yên ấm ở nước ngoài. Nay lại đến hàng trăm ngàn Hoa Kiều phải bỏ đất ngụ cư bao năm để chạy về Trung Quốc ! Đây là những sự kiện mà ngay trong thời Pháp thuộc bạo tàn cũng chưa từng xảy ra. Một chế độ tự xưng là xã hội chủ nghĩa, là vì nhân dân, là tốt đẹp nhất trong lịch sử mà sao đến nỗi bao nhiêu người phải liều chết để bỏ ra đi ?

Không những chúng tôi xúc động về những cảnh ngộ bất hạnh ấy, mà ngay những người chung quanh cũng vậy. Đây là những người bình thường, nhưng họ đã thấm mệt với những cuộc vận động chính trị quái gở giáng lên đầu người dân và đã tạo nên bao tai họa. Cho nên, không cần nói nhiều, cũng thấy những người bình thường đó tỏ ra rất ái ngại, rất bùi ngùi trước những cảnh điêu tàn mà không hiểu được nguyên nhân. Tại Trung Quốc, xưa nay đã có biết bao cảnh phải cầu thực tha phương ? Và gần đây bao cuộc vượt biên đầy mồ hôi và nước mắt từ đại lục ra khắp các nước.

Trong lòng tôi dồn dập bao suy nghĩ, bao ngậm ngùi, băn khoăn. Ở trên đời, ai cũng nói đến số phận, đến mệnh vận. Vậy một con người, một gia đình, một dân tộc, và cả nhân loại có thực có số phận hay không ?

Đến tận bây giờ, tôi cũng chưa hiểu hai tiếng «số phận» có nghĩa là gì ? Và ai đã phát minh ra hai tiếng đó ?

Việc hầu hết Hoa Kiều bỏ chạy về nước có ảnh hưởng tới quan hệ Trung Việt - Bắc Kinh lên tiếng trách Hà Nội vô ơn bạc nghĩa, và tuyên bố đình chỉ tất cả mọi viện trợ cho Việt Nam, rút hết cổ vắn, chuyên gia về nước. Nền kinh tế VN do đó càng thêm nguy ngập, chỉ còn trông vào Liên Xô và mấy nước Đông Âu.

Về chính trị, cái mộng lập Liên Bang Đông Dương bị Khmer Đỏ làm tan vỡ. Xung đột ở vùng biên giới Việt Miên ngày càng trầm trọng. Gây hấn với Trung Cộng lúc này thực là thất sách, chứng tỏ lòng hiếu thắng và tự kiêu của CSVN, bất chấp tình hình nghèo cùng, đau khổ của người dân.

Cuối cùng, Hà nội đã chọn con đường quyết liệt. Như mọi người đều biết, năm 1978, CSVN kéo quân vượt qua biên giới Miên, đánh đuổi được quân Khmer Đỏ ra khỏi Nam Vang, và dựng lên một chính phủ bù nhìn. Khmer Đỏ là một ác mộng cho người Miên, nhưng việc này vẫn là một việc xâm lược, và CSVN cũng chẳng hay ho hơn gì.

Quân Việt Nam vào chiếm Căm Bốt gây một tác động ngược lại : đó là người Miên lại kết thành một liên hiệp kháng chiến gồm ngay cả Sihanouk và Son Sann, lại được quốc tế ủng hộ. Và Trung Cộng, kẻ đỡ đầu cho Khmer Đỏ, tất nhiên phải có phản ứng.

Cuối cùng, Bắc Kinh đã can thiệp với danh nghĩa là «dạy cho Việt Nam một bài học», với một cuộc tấn công giới hạn, không có ý đồ chiếm lĩnh đất đai.

Chỉ vừa mới mấy năm trước đây, Việt - Trung là hai nước anh em, Đồng minh, «núi liền núi, sông liền sông» nay bỗng trở thành thù địch. Tin này làm chúng tôi hoang mang, lo âu. Những người Việt sống ở Trung Quốc cũng đều lo về tình thế, không biết chính phủ Trung Cộng đối đãi với mình ra sao ? Lối nghĩ thông thường là sẽ bị giám thị; nếu chỉ có thế thì cũng không ngại lắm. Chính quyền ở Quảng Đông cũng không thấy có thái độ chính thức về việc này. Chúng tôi chỉ nghe nói là tại Quảng Châu, có khuyên các Việt Kiều là nên tránh tụ họp đông đảo và tránh bình luận về quan hệ giữa hai nước.

Ở Phạt Sơn, Việt Kiều không nhiều, chỉ có mấy gia đình, ít liên lạc với nhau, cũng không thấy có gì lạ. Lúc này, Trung Quốc đã bắt đầu tuyển mộ lính nhập ngũ. Cũng ngộ, là tại xưởng máy đưa con thứ ba chúng

tôi làm việc, có một chàng thanh niên 19 tuổi, bị gọi vào đi lính. Anh ta trước đó thỉnh thoảng cũng đến nhà tôi chơi. Hôm đó anh lại đến, mang một bộ quần áo lính mới tinh để mặc thử, quần áo mới súng sinh thử đi thử lại trước tấm gương, trông vừa ngộ nghĩnh vừa tức cười. Tôi nghĩ thầm, một thanh niên chất phác như thế này mà sẽ bị tổng ra chiến trường thực là vô lý và đáng tiếc. Anh ta có biết là sẽ bắn nhau với ai không ?

Nửa tháng sau, anh đã phải đi Quảng Tây để huấn luyện, đó là vào hồi tháng 10 năm 1978. Chúng tôi cho là ít ra cũng phải một thời gian lâu dài rồi mới được ra mặt trận. Ai ngờ, một tin dữ được gửi về gia đình anh ta chỉ hơn 2 tháng sau : anh đã tử trận tại biên giới Việt Nam, làm bố mẹ anh sững sốt và đau thương vô hạn. Mặc dầu anh ta đi đánh trận chống Việt Nam, chúng tôi cũng thấy ngậm ngùi, vì lỗi không phải ở anh, mà bị người ta xô đẩy làm bia đỡ đạn. Làm sao lại đưa những người trẻ và không kinh nghiệm gì vào chỗ chết chóng như vậy ? Mà Trung Quốc có thiếu gì lính thực thụ ? Các tướng Trung Cộng lại thừa rõ quân đội CSVN có kinh nghiệm về chiến tranh tại những miền núi rừng ?

Lỗi lầm lớn nhất có lẽ là thuộc về tướng Hứa Thế Hữu, cậy đông quân, dùng chiến thuật trận địa dàn «bể người», nên thiệt hại nhân mạng lớn mà không tiến

được. Đặng Tiểu Bình phải đổi tướng chỉ huy, dùng lối đánh khác, chỉ cố chiếm và phá hoại một vùng biên cảnh, rồi hạ lệnh rút lui sau khi tuyên bố đã hoàn thành mục tiêu đã định trước...

Nhưng nhìn chung, vì bản chất độc đoán và hiếu thắng của người cộng sản coi trời bằng vung, nên cả hai cuộc chiến tranh Việt Miên và Việt Trung, cũng như xung đột biên giới Trung Xô trước kia, đã thể hiện những mâu thuẫn và suy đồi không thể tránh được trong hệ thống cộng sản. Những mâu thuẫn đó là một nguyên nhân chính đưa tới những biến động lớn lao vào thập niên sau.

Những cuộc chiến tranh đó cũng làm cho nội bộ các nước ấy càng ngày càng khó khăn, nghèo nàn. Chính quyền cộng sản Việt Nam đã tự hủy hoại tín nhiệm trước dân chúng, và từ những năm 80 trở đi, trên bề mặt thống nhất, đã hình thành sự đối chọi giữa phần lớn nhân dân và đảng CSVN.

Chiến tranh tuy kết thúc, song tình trạng quan hệ giữa hai nước vẫn còn là thù địch. Điều này khiến cho đại đa số người Việt tại Trung Quốc không còn tin tưởng ở cái gọi là chủ nghĩa xã hội nữa. Ai cũng thấy rõ chế độ cộng sản Trung Quốc là thế nào rồi, ai cũng ngán. Ai cũng biết tại Việt Nam nghèo nàn, lạc hậu, lại còn hung

hãng đem quân đi đánh nước láng giềng. Không nhìn thấy một chút hi vọng gì về một Việt Nam cởi mở, hòa bình, và no ấm hơn.

Chương VII - Quyết Định Về Hưu Tại Trung Quốc -
Con Gái Thứ Tư Lấy Chồng Hoa Kiều, Sang Mỹ - Tại
Qua Nạn Khỏi

1 980. Tuổi tôi đã 64 rồi, quá tuổi về hưu. Ba đưa con gái đầu đã thành gia thất.

Các con bảo tôi :

- «Sao ba không xin về hưu đi ? Tội gì mà cứ làm cho họ cho nó mệt ?» Vì ở đây, nếu làm đã hơn 30 năm, thì lương hưu trí sẽ lãnh đủ 100%.

Tôi cũng nghĩ như vậy. Làm đã lâu quá rồi mà cống hiến cho bệnh viện cũng đã nhiều rồi.

Thôi, cũng được. Tôi vẫn đi làm, nhưng chỉ đi nửa ngày; mãi đến năm 80 mới chính thức có giấy xuống và có thể về hưu. Được rồi, tôi lợi dụng thời gian để viết sách - một cuốn Hồi Ký để ghi lại quãng đời bôn ba đã qua, một cuốn tiểu thuyết, để làm một sáng tác văn nghệ phản ánh được cuộc sống muôn vẻ tại quê hương, của chính mình, của gia đình và cả xã hội Việt Nam. Viết văn vốn vẫn là ước vọng của tôi, chỉ vì vật lộn và hoàn cảnh nên đã bỏ quăng.

Chính trong lúc tình hình đã tương đối ổn định, lại có những sự kiện dồn dập đến làm thay đổi cuộc sống phẳng lặng và gần như bế tắc của chúng tôi, và sẽ đưa lại những tia sáng của một chân trời khác.

Làn sóng người tị nạn từ Việt Nam đến càng ngày càng lớn. Trong đó phần lớn là những người Hoa Kiều, song cũng có một số là người Việt thuần túy, gồm những người theo chồng, theo vợ, theo con, một số nhân cơ hội lẫn lộn vào đám đông; một số thực ra chỉ có quan hệ thân thích rất xa từ mấy đời. Những người Việt kẻ trên sang Tàu với mục đích là xin sang tỵ nạn tại các quốc gia khác, chứ không phải là muốn ở lại đây.

Có nhiều người không chịu ở lại các nông trường để làm nông dân, hay gia nhập vào các hợp tác xã, mà tự bỏ đi lên các thành thị tìm công việc làm. Đông nhất đổ xô về thành phố Quảng Châu, gần chỗ chúng tôi ở, vì ở đây nổi tiếng là giàu có nhất. Một điều tốt nữa là gần Hong Kong, có thể tìm được thân hữu cứu trợ, - và tìm cơ hội vượt biên ra đây.

Còn nhớ, một lần hàng trăm người Việt tỵ nạn kẻ trên đã xuống đường biểu tình trước nha tỉnh trưởng Quảng Đông để phản kháng việc bắt họ tập trung tại các nông trường. Viện có thân phận người tỵ nạn quốc tế, không phải người Hoa, họ yêu cầu Quảng Đông cấp giấy cho

đi Hong Kong hay can thiệp với Cao ủy tỵ nạn Liên Hiệp Quốc, mong được xếp cho đi Âu, Mỹ. Nhà chức trách Quảng Châu bèn tập trung họ vào những trại riêng để chờ quyết định ở trên. Thực ra, đợi lâu không thấy trả lời - vì cũng khó giải quyết, hãm vào vô vọng, đã có nhiều người liều mạng «đi chui», tức vượt biên ra Hong Kong, bất chấp rủi ro. Nghe nói, một số bất hạnh đã chết ở dọc đường - bơi qua biển, chết đuối - trên đường bộ, bị bắt và tống đi các nông trại; có thể bị quân biên phòng bắn chết.

Có người quen biết, đã đến thăm chúng tôi; ở lại vài ngày vui vẻ và xem như đây hi vọng được cho đi các nước khác. Nhưng sau đó, được tin là họ đã mất tích trên đường vượt biên. Nhiều người đợi lâu quá, cũng đành theo lệnh về sống tại các nông trại, ngày có hai bữa cơm và vác cuốc ra đồng, hay đi hái rau, cắt cỏ, chăn trâu. Đến tận bây giờ, gần hai mươi năm sau vẫn còn một số đông gia đình ở lại Trung Quốc, sống một cuộc đời âm thầm, eo hẹp. Mấy năm gần đây, nhờ chính sách cởi mở kinh tế, sinh hoạt đã khá giả hơn.

Đạo ấy, gia đình chúng tôi gần thành như một trạm liên lạc của những người tỵ nạn. Tuy có khó khăn, nhưng bao giờ họ cũng được tiếp đãi tận tình. Về sau này, dù định cư ở đâu, những người ấy cũng thường giữ

liên lạc, thư từ với chúng tôi.

Về một điều không ngờ - nhưng lại có ảnh hưởng quyết định tới tương lai gia đình sau này - là chúng tôi thêm được một chàng rể thứ tư, một chàng Hoa Kiều Việt Nam, họ Lý, con một ông bác sĩ trước ở miền Nam và nay đã di cư sang Mỹ. Anh chàng này sinh trưởng tại Hà nội, đã tốt nghiệp trường Bách Khoa, chạy về Vân Nam, rồi sau tới Quảng Đông. Vì có quan hệ họ hàng bên vợ tôi, nên đến tạm trú tại nhà chúng tôi trong khi đợi làm giấy má do bà mẹ bảo lãnh. Anh không muốn đi con đường vượt biên quá bấp bênh và nguy hiểm.

Lý quen với đứa con gái thứ tư chúng tôi - Anh, dần dần mến nhau và quyết định lấy nhau. Sau khi cưới, hai vợ chồng sẽ sang Hoa Kỳ ngụ cư.

Vào khoảng đó, làn sóng người tỵ nạn Việt Nam từ miền Bắc lại chuyển sang đường biển để đến Hong Kong, nơi đã có những trại tỵ nạn, từ đó có nhiều nước nhận họ. Họ không cần phải vòng quanh vào lục địa Trung Quốc nữa, chỉ cần ghé vào một hải cảng ở Quảng Tây -thành phố Bắc Hải. Vì thế, những người tỵ nạn đã từng trú tại Trung Quốc nay cũng đổ xô tới đó; mà nhà chức trách cũng làm ngơ để cho họ đi dễ dàng. Nhiều bạn bè của chúng tôi cũng đi sang các nước khác theo đường này, nếu có giấy chứng minh là nạn dân từ VN

tới.

Năm 80, chàng rể họ Lý được giấy di dân sang Mỹ, rồi độ một tháng sau, đến lượt vợ.

Thực là vừa mừng, vừa ngậm ngùi. Đây là lần đầu tiên một người trong gia đình phải lìa nhà để đi xa, qua cả một Thái Bình Dương. Đi Mỹ ở là một giấc mộng nhiều người ấp ủ bao nhiêu người liều mạng cũng vì nó. Một thiếu nữ, hơn 20 năm sinh trưởng yên ả tại thành phố êm đềm này, nay bỗng rời cha mẹ, chị em, bạn hữu thân mến để tới một nơi xa lạ, không khỏi bịn rịn và lo âu. Trong bữa cơm tiễn đưa, mọi người nâng cốc chúc mừng và từ giã. Rộn rịp, vui cười sao cũng không lấp được nỗi buồn ly biệt. Sáng hôm sau, tôi lặng nhìn Anh bước lên xe đi Quảng Châu, trong lòng xao xuyến trăm mối.

Sinh ly tử biệt. Đã biết bao tử biệt, bao nhiêu người thân đã bỏ đi rồi. Cầu sống một cuộc đời bình thường cũng không thể được nữa. Lưu vong, lại thêm một tầng lưu lạc nữa.

Năm 81, tôi bỗng nhận được một điện báo từ ngoài đến. Ký tên cũng không ngờ : chính là bác sĩ Trần Đình Đệ, bạn cùng học một lớp, nay ở thành phố Washington, thủ đô Hoa Kỳ. Hai vợ chồng sẽ đi cùng một phái đoàn

y tế tới Quảng Châu. Tôi nhớ lại đến những ngày cùng học cùng bơi thuyền trên mặt Hồ Tây. Từ 1945 trở đi, mỗi người một con đường, không còn gặp nhau nữa. Chúng tôi gặp nhau tại khách sạn Bạch Vân, gần Hoàng Hoa Cương và mộ liệt sĩ Phạm Hồng Thái. 40 năm đã qua, ai cũng già quá rồi. Song gặp nhau vui mừng và thân thiết, hẹn sẽ gặp lại nhau ở tương lai. Điều này không ngờ sẽ thành sự thật.

Năm 83, một nhân vật từ Hoa Kỳ đến ngỏ ý muốn gặp tôi, mà tôi chưa từng quen biết - vì đó là ông Phó B, ông tỏ ra rất cởi mở, và nói rằng rất đồng ý với chủ trương dân tộc dân chủ của tôi. Chúng tôi gặp nhau ở khách sạn Đông Phương. Ông muốn tìm nguồn gốc tại tỉnh Phúc Kiến.

Bất trắc nặng nề đã đến với cháu Anh khi nó mới đặt chân tới Hoa Kỳ. Vì thiếu giúp đỡ lúc đầu, hai vợ chồng phải vật lộn với đời sống, trong khi kinh tế nước Mỹ bước vào suy thoái và phải vừa đi làm, vừa đi học.

Song họa vô đơn chí. Không biết có phải vì quá độ lo âu và chật vật, người càng ngày càng yếu, mất mề đi. Đi khám bệnh, mới đột nhiên biết rằng mắc phải một thứ bệnh hiểm nghèo, cơ hồ vô phương cứu chữa. Chỉ còn một cách có hi vọng mong manh - ghép tủy, không những tìm được người được hiến tủy rất khó khăn, mà

máu người hiến tủy phải hợp với người bệnh.

Tin dữ về gia đình chúng tôi. Mọi người lo âu đau buồn, bàng hoàng. May mà nó có chị em ruột. Chúng tôi vội vàng cho hai người đi Thượng Hải để thử máu - ở Quảng Đông không có. Thì, thực là may. Kỳ tích đã xuất hiện, máu em gái nó phù hợp với chị.

Sau đó, cấp tốc làm thủ tục để xin sang Hoa Kỳ. Giấy má cũng phiền phức, vì Mỹ sợ là gian trá, không muốn phê chuẩn và không muốn cho thêm người vào. Cuối cùng, phải nhờ đến Hồng Thập Tự và bệnh viện chuyên khoa can thiệp với bộ Ngoại giao Mỹ mới lấy được giấy thông hành, vào đầu năm 1985.

Thế là lần thứ hai tiễn đưa một đứa con đi xa. Một mình Chân ra Hong Kong rồi đáp máy bay đi Los Angeles. Phải thử lại máu nhiều lần và rất cực, sau một thời gian chuẩn bị, hai chị em đều vào nằm tại một bệnh viện tân tiến có tiếng trên thế giới - Thành phố của Hi vọng (City of Hope) và tiến hành thủ thuật hoàn toàn miễn phí. Thực là may mắn vô cùng, vì phí tổn tổng cộng hơn 100 ngàn Mỹ kim.

Kỳ tích mà mọi người đương mong mỏi đã xuất hiện. Sau việc ghép tủy, mọi việc đều thuận lợi. Bệnh nhân đã dần dần khôi phục với những hạt máu mới, mà không

xảy ra biến chứng nào.

Cần phải biết rằng nhiều trường hợp ghép tủy dù đúng cũng không thành công. Trong vòng hai năm quan sát, tảng đá đè nặng trên tim chúng tôi mới dần dần cất nhẹ lên.

Phải trải qua có người chí thân mắc bệnh thập tử nhất sinh trong nhà mới biết thế nào là lo buồn, thế nào là may mắn. May mắn trước hết là mắc bệnh tại Hoa Kỳ, nơi có đủ phương tiện tối tân để chữa chạy. May mắn thứ hai là có người trong gia đình thử máu lại thích hợp hẳn. Thứ ba là không có phản ứng gì sau khi ghép tủy, và thứ tư là được miễn phí.

Tại đây, gia đình chúng tôi cần phải hết lòng cảm tạ những người đã tận tâm góp vào việc cứu được mạng sống của con gái, kể cả người Mỹ, bệnh viện, chính phủ - Không chỉ là vì khoa học và y thuật tân tiến, mà là vì tấm lòng nhân đạo chân thành của dân Mỹ. Những thứ mà không bao giờ tôi quên được, và cũng là một nguyên nhân tại sao dù ai muốn nói thế nào, chúng tôi cũng hướng về nước Hoa Kỳ tự do, dân chủ, nhân đạo.

Một hậu quả không ngờ nữa là thêm một người ở lại Mỹ, và thành di dân. Sau khi hiến tủy cho chị rồi, Chân không biết nên trở về Trung Quốc với gia đình hay cố

ở lại đây. Giấy thông hành chỉ có sáu tháng. Thì đây là một cuộc lương duyên không ai lường trước. Một chàng trai người Hoa, gia đình di cư sang Mỹ đã lâu, làm nghề mở tiệm ăn, và đã vào quốc tịch Mỹ.

Ở đất Hoa Kỳ, gặp gỡ nhau, quen nhau rồi có cảm tình, đâu có gì lạ ? Chỉ cần là người tốt, có thể nương tựa lẫn nhau là đủ. Mà dù xa gia đình, nhưng cả hai chị em đều ở một thành phố, săn sóc lẫn nhau được. Một lễ cưới giản dị đã được cử hành. Hai bên họ hàng đến dự cũng đông đủ, kể cả mấy người cháu của tôi sống ở California nữa, nơi đã có nhiều người Việt tỵ nạn trú ngụ. Dù có xa cách muôn trùng, chúng tôi cũng cảm thấy yên lòng. Đất lành chim đậu.

Một mặt cũng là cơ hội tốt, cho chúng tôi di dân. Ở đất Trung Cộng này cũng lâu quá rồi. Đổi sang một đất nước tự do, dân chủ để sống, có con cái, và thân hữu người Việt cũng như người Hoa, bớt cô đơn hơn, có nhiều cơ hội hơn.

Mái tóc xanh giờ đã điểm sương

Ngoảnh đầu lại, bây giờ đã gần 70 tuổi rồi. Thế sự đa đoan, cuộc đời đã bao nhiêu thử thách. Lại nhớ đến triết lý Nguyễn Du :

*Bắt phong trần phải phong trần
Cho thanh cao mới được phân thanh cao*

Cụ Nguyễn Du chủ trương định mệnh luận, có lẽ đúng. Mặc con người vùng vẫy thế nào, số phận cũng vậy thôi.

Chỉ đợi Anh vào quốc tịch Mỹ, là có thể xin cho cha mẹ sang. Vài năm nữa thôi. Nhưng, nghĩ lại, sang đó thì làm sao ? Vẫn là lưu vong, vẫn là một con thuyền chưa tới bến. Hơn bốn mươi năm về trước, tại một dạ hội của Tổng Hội Sinh Viên, tôi có nghe một cô nữ sinh hát bài «Con thuyền không bến» của Đặng Thế Phong. Bao giờ tôi mới tới bến đây ?

Tạm thời, mưa tạnh gió im, hãy yên lòng đợi chờ, để xem con Tào xoay vẫn đến đâu ?

Chương VIII - Thực Chất Về Chính Sách «Cởi Mở» Của Đặng Tiểu Bình

Trước uất hận của dân chúng đối với những cuộc vận động chính trị và chính sách thống trị cực đoan cá nhân của Mao Trạch Đông, Đặng Tiểu Bình tiến hành một số cởi mở về kinh tế và chính trị - như cổ vũ kinh tế thị trường và giải phóng cho một số phần tử bị quản thúc địa chủ, bất pháp tư bản gia, phái hữu, phần tử gọi là phản cách mạng cũ.

Nhưng nếu cho là Trung Quốc đã có tự do dân chủ thì hoàn toàn sai sự thực. Vì Trung Quốc vẫn là một đảng chuyên chính, hoàn toàn do đảng Cộng Sản quyết định, không ai có thể làm trái với một quyết định của đảng, hay nói ngược với chính sách của đảng. Không có quyền tự do ngôn luận, không có báo chí, điện đài tự nhân, không có quyền lập hội, tụ tập đông người, biểu tình, bãi công, hoạt động tôn giáo bị hạn chế, xuất nhập cảnh bị quản chế, văn nghệ đều phải theo một chiều đã định sẵn. Nói tóm lại con người chỉ là một nô lệ cho đảng.

«Nghịch với ta thì chết, thuận với ta thì sống» đó là câu châm ngôn của đảng Cộng sản.

Một số người thơ mộng tưởng là đã có dân chủ thực. Để chống lại với bọn kinh địch, Đặng Tiểu Bình lợi dụng cái gọi là «Bức tường Dân chủ» ở Bắc Kinh để tự đưa mình lên địa vị lãnh đạo tối cao trong đảng, với hào quang «khai phóng» và «anh minh». Thực sự, Đặng là một con cáo già, độc tài một cách khôn khéo nhưng nham hiểm và ác độc, đương ngồi rình mồi.

Thì ngày 5 tháng 12 năm 78, Ngụy Kinh Sinh viết một tờ bích báo tại bức tường ấy, nhan đề là «Hiện đại hóa thứ năm : dân chủ...» rồi đến tháng ba 1979, dán một tờ bích báo với nhan đề «Chúng ta muốn dân chủ hay muốn độc tài ? », trong đó cảnh giác về Đặng Tiểu Bình đương thi hành chính sách chuyên chế. Bài này được nhiều người hưởng ứng. Song chỉ bốn hôm sau, Đặng Tiểu Bình hạ lệnh bắt giam Ngụy Kinh Sinh và một số phần tử chủ trương dân chủ. Đặng sau đó tuyên bố cần giữ vững xã hội chủ nghĩa, vô sản chuyên chính và sự lãnh đạo tuyệt đối của đảng cộng sản.

Nhiều người Trung Quốc hoa mắt trước thành quả về kinh tế chạy theo thị trường tự do, được no ấm hơn trước và được đi lại rộng rãi, nên đã quên mất bản chất độc tài của Đặng và của đảng CS, và còn ảo tưởng là chế độ sẽ dần dần dân chủ hóa. Một số người Tây Phương cũng nông nổi tin là như vậy, và hết lời khen Đặng là

một lãnh tụ vĩ đại, biết cải cách.

Riêng tôi nhận thấy xã hội Trung Quốc có phát triển, sinh hoạt được cải thiện, làm ăn được dễ dàng hơn -đó là sự thực. Nhưng bản chất chuyên chế không có thay đổi. Chúng có là mọi quyền tự do căn bản, quyền làm người của người dân vẫn bị tước đoạt; không có ngôn luận tự do, không có bầu cử tự do. Việc gì cũng là do Đảng quyết định. Chính phủ, quốc hội chỉ là bù nhìn. Chỉ khác là nền chuyên chế khôn khéo hơn, lấy chút lợi lộc để xoa dịu bất mãn, lấy tình tự dân tộc giàu mạnh để lừa gạt thế gian.

Về Đặng Tiểu Bình, trước sau tôi cũng vẫn nhận như những vụ Hồ Diệu Bang, Triệu Tử Dương, và nhất là vụ Thiên An Môn là bằng chứng hùng hồn. Một bài học cho những người nào còn có ảo tưởng về lòng tốt của bọn độc tài, và còn mơ tưởng những bọn đó sẽ ban cho tự do và dân chủ một cách miễn phí.

Không khí chính trị vẫn ngột thở cộng với nhiều tệ đoan xã hội như tham nhũng, lạm quyền, hống hách cách giữa bọn trọc phú mới, tư bản đỏ lẫn trắng, và những người dân vẫn sống bằng số lương quá ít ỏi, nạn thất nghiệp v.v... đã đưa tới biểu tình của sinh viên tại nhiều trường đại học khắp nơi. Ảnh hưởng của trào lưu tự do dân chủ trên quốc tế, đặc biệt là phong trào cởi mở

do Gorbachev khởi xướng tại Liên Xô và tại các nước Đông Âu, đã thúc đẩy người dân Trung Cộng phải đứng lên.

Vì Hồ Diệu Bang là một nhân vật ôn hòa, không muốn trấn áp thẳng thừng, nên bị Đặng và phe cứng rắn truất chức. Hoạt động của sinh viên và giáo sư bị cấm chỉ. Trong đó, ông Phương Lệ Chi bị điệu về Bắc Kinh. Trung Cộng cử Triệu Tử Dương, một nhân vật trung dung lên thay Hồ.

Xem ra, Trung Cộng nhất định không đi con đường của Liên Xô. Họ chỉ cải cách về kinh tế, không chịu nhượng bộ về chính trị. Đối với họ, quyền lực tối cao của đảng CS không thể thay đổi. Họ sợ nếu có biến động, sẽ mang lại tai vạ không thể lường được cho đảng.

Nhưng nếu xét cho kỹ, thì ta thấy chính sách của Bắc Kinh đã để ra những mâu thuẫn kịch liệt trong nội bộ quốc gia. Với chính sách «lấy kinh tế cứu chính trị» này, cố nhiên có thể củng cố nền thống trị, nhưng đồng thời cũng đưa vào những nhân tố có thể làm xáo trộn xã hội bất lợi cho đảng.

Ngược lại, chính sách đó cũng gây khó khăn cho các phong trào tự do dân chủ, vì đa số dân chúng có thể bằng lòng với một đời sống vật chất ấm no hơn.

Chính những mâu thuẫn này đã đưa tới vụ biểu tình vĩ đại tại quảng trường Thiên An Môn vài năm sau. Vụ Thiên An Môn xảy ra khi chúng tôi đã rời bỏ Trung Quốc. Song nó đã kết thúc bi đát như thế nào cũng đã chứng tỏ bản chất của con người Đặng Tiểu Bình, bản chất ngoan cố nhưng thâm độc hơn Mao Trạch Đông. Qua vụ này, chúng ta cần suy nghĩ sâu xa trước những thủ đoạn của đảng Cộng sản, mới có thể tìm ra được sách lược tương ứng.

Chương IX - Mấy Năm Cuối Cùng Tại Trung Quốc

Cháu Anh sắp có thể xin vào quốc tịch Mỹ. Bệnh nó có thể coi như khỏi hẳn, thực là một kỳ tích. Một người thân trong gia đình mất đi, cái chết chẳng qua là một giấc ngủ trường miên, nhưng vết thương trong lòng mọi người sẽ vĩnh viễn không hàn gắn nổi.

Thời gian từ 85 - 86 trở đi là một thời kỳ đặc biệt cho gia đình chúng tôi. Tình hình sôi động ở Trung Quốc cùng những tin tức về cải cách, cởi mở ở Việt Nam đưa tới hi vọng về biến đổi chính trị ở cả hai nước. Viễn vọng tốt đẹp nhất tất nhiên là cả hai bên đều trở thành dân chủ, tự do, nổi hiềm thù tất sẽ tiêu tan, và sự đi lại giữa hai nước tất sẽ dễ dàng. Việc về Việt Nam tất sẽ dễ thực hiện.

Trong niềm hi vọng ấy, hai năm cuối cùng ở lại đất này cũng được bình yên. Lại có họ hàng và bạn hữu càng ngày càng đi lại nhiều hơn, một phần vì càng đông người Việt sang Mỹ ngụ cư, một phần vì Trung Quốc cởi mở hơn đối với những người đến du lịch.

Trước hết là hai người cháu ruột con anh Cả, một người từ Úc, và một người từ Canada tới. Lưu từ Úc

tôi, đời sống gia đình cũng được yên ả. Lúc chúng tôi rời Hà nội thì Lưu mới có 4, 5 tuổi. 40 năm sau, hai chú cháu lại gặp nhau, ở đất nước người. Một tuần sau, đã phải chia tay. Hai người bịn rịn bước trên ngõ vắng. Đôi mắt Lưu bỗng nhòa lệ. Có lẽ anh thương thân phận chúng tôi lìa nước đã mấy chục năm, và thương cho cả cho thân phận của mình nay cũng phải lưu vong. Tôi cố an ủi anh và đè nén nỗi xót thương vô hạn tràn trong lòng tôi, khi tiễn anh ra bến xe.

Còn một cháu nữa, cháu Vũ, làm việc cho Liên Hiệp Quốc trong một trại tỵ nạn ở Mã Lai. Cùng đưa con trai, khi qua Hong Kong, cháu ghé vào thăm tôi. Anh người cao, da sạm đen, lại để bộ râu mép, đi ở ngoài đường hấp dẫn người chú ý không ít, vì ở đây không ai để râu cả. Vũ thích uống rượu, một ngày nốc hàng chục chai bia... Hai chú cháu trò chuyện rất tâm đắc, anh tỏ ý không muốn về Canada vội, nhưng làm sao được... Sau này, tôi sang Canada và Hoa Kỳ, lại gặp gỡ nhau, rất vui vẻ. Anh có tâm sự với tôi về cảnh gia đình, đã ly dị. Song trong thân thể, anh đã mắc bệnh nặng. Không lâu sau, có tin dữ đến từ Phi Luật Tân : anh đã đột ngột từ trần, để lại bao thương tiếc cho người thân.

Rất nhiều bạn từ xa đến. như anh Nguyễn Quý Bổng, anh Trương, Khánh Tạo, anh Nguyễn Thành Vinh v.v...

Nhờ đó tôi được rõ thêm về tình hình trong nước và tình hình thế giới, được biết là ở trong nước vẫn có những phong trào chống đối quyết liệt; ở ngoài nước người Việt vẫn giữ vững lập trường và dùng mọi cách để đấu tranh giành tự do dân chủ cho Việt Nam. Những tin tức đó khiến tôi thêm tin tưởng vào tương lai của đất nước và tin rằng sẽ có dịp góp sức vào công việc chung.

Năm 1986, anh Phạm Ngọc Lữ từ Hoa Kỳ tới, có đến thăm tôi theo lời giới thiệu của bạn hữu. Chúng tôi bàn luận với nhau rất lâu. Tình hình hải ngoại lúc đó đáng chú ý, sau khi một phong trào đấu tranh đang xuống và gặp khó khăn. Cần phải có một sách lược hành động và một tập hợp mới các lực lượng đấu tranh. Các bạn hữu ý muốn tôi đưa ra nhận định về thời cuộc và một chương trình hành động; với mục đích giúp gây lại tin tưởng cho đồng bào và gây lại đoàn kết giữa các lực lượng dân chủ. Với kết quả của suy nghĩ về xã hội nhân loại, bản tham luận này đứng trên tư tưởng chủ chốt là «cách mạng tiến hóa luận»: nhân loại phát triển trên một con đường tiến hóa từ tiệm biến cho đến nhiều giai đoạn đột biến. Bản này sau đó đã được gửi ra ngoài và được phổ biến nhiều nơi trong các giới chính trị, và đã gợi ý cho những vận động kết hợp sau này, khi tôi mới sang Hoa Kỳ vào năm 88 - 89.

Về mặt đấu tranh, bản tham luận vạch rõ tính chất hiện nay là một cuộc cách mạng dân tộc dân chủ với mục đích là giải trừ chế độ độc đảng cộng sản Việt Nam và xây dựng một thể chế dân chủ tự do thực sự. Cuộc đấu tranh này phải là triệt để, toàn diện và trường kỳ mới có thể khắc phục được mọi khó khăn, thực hiện được mục đích.

Với bản tham luận này, tôi nghĩ đồng bào sẽ hiểu được về chủ trương, lập trường của tôi hơn. Dù sao việc ở lại Trung Quốc trong bốn mươi năm cũng không khỏi gây ra thắc mắc, hiểu lầm, thậm chí công kích từ một số người Việt quốc gia, trong đó có cả thân hữu. Tôi nghĩ, việc này cũng là tự nhiên thôi. Mỗi người trong những biến cố phức tạp của cuộc đời, có thể có những sai lầm nghiêm trọng. Chỉ cần, sau khi đã vượt qua những biến cố phức tạp ấy, có tìm thấy con đường sáng nào để sống một cách có lý tưởng và đúng với nguyện vọng giúp được cho đất nước, cho xã hội trong phần góp sức của mình.

Sống dưới chế độ Trung Cộng, ít ra cũng trực tiếp hiểu biết được chế độ đó như thế nào, và cũng có một số kinh nghiệm quý giá, đưa tới chỗ tôi thấy không thể chấp nhận một chế độ độc tài, bất cứ loại nào. Đây là ý niệm vững chắc của tôi. Cần phải công nhận rằng lý

thuyết Mác Lê có sức mạnh và hấp dẫn đối với những giai cấp bị bạc đãi và những phần tử trí thức thường ôm những lý tưởng không thực tế. Ngay những năm 1960 - 70, trên thế giới, đã có rất nhiều nhà trí thức hâm mộ chủ nghĩa Mác Xít.

Lenin nói rằng «giai cấp đấu tranh chưa phải là cốt lõi của chủ nghĩa Mác xít, chuyên chính vô sản mới là hòn đá thử vàng. Người Mác xít chân chính là người tán thành chuyên chính vô sản». Qua sự suy nghĩ của tôi và những điều đã trải qua tại Việt Nam rồi Trung Quốc, tôi cho chuyên chính vô sản là sai lầm và chính vì vô sản chuyên chính mà các nước cộng sản sẽ tiêu vong, vì nói theo lối của Marx, tự nó bản thân là sự mâu thuẫn chính không thể giải quyết được trong các nước xã hội chủ nghĩa.

Bản tham luận ấy tôi viết vào năm 1986, và có dự đoán là các nước cộng sản sẽ sụp đổ vì mâu thuẫn tự thân - cuộc phản kháng của chính nhân dân trong nước. Nhưng tôi không ngờ là chỉ ba năm sau cả hệ thống xã hội chủ nghĩa Đông Âu và Liên Xô đã sụp đổ và cũng không ngờ hệ thống xã hội chủ nghĩa Á Châu vẫn đứng vững được rất lâu, cho tới tận nay. Làm thế nào để giải thích điều này ?

Vấn đề tiến hóa của nhân loại còn cần phải nhiều quan sát và nghiên cứu khoa học mới có thể thấy rõ quy luật của nó. Đây không phải là vấn đề ý thức hệ mà là một vấn đề khoa học, dựa trên yếu tố khách quan chứ không phải dựa trên ý muốn chủ quan.

Năm sau, 1987 là một năm vui trong đời sống gia đình. Chúng tôi có điện thoại từ hai con gái từ Mỹ gọi sang, báo là sẽ về thăm nhà, Phật Sơn.

Ra ga xe lửa đón, thực là vui mừng.

Anh và Chân mỗi đứa bông một đứa con. Anh, đứa con gái, và Chân, một con trai, cùng với chồng. Trong gia đình thế là đầy đủ cả. Họ hàng, bạn hữu đi lại náo nhiệt. Nhất là hai đứa trẻ càng được hoan nghênh, vì chúng nó trắng trẻo, bụ bẫm dễ thương. Chúng nó ở lại chơi hai tuần rồi bịn rịn rời tay.

Tuy vậy, không đến nỗi buồn quá, vì biết rằng chẳng còn bao lâu nữa, vợ chồng tôi cũng sẽ sang Hoa Kỳ định cư. Về việc này, chúng tôi cũng đã suy nghĩ rất nhiều. Các con cho biết rằng ở bên Mỹ, đời sống rất khác ở Trung Quốc. Dân chủ, tự do thì đã đành rồi, nhưng về đời sống vật chất, có những khó khăn cho người già. Già yếu, không thạo tiếng Anh, thì khó mà kiếm được việc gì để làm. Thuê nhà, y tế đều mắc mớ; việc đi lại

phải nhờ xe hơi mới tiện. Song, với tuổi của chúng tôi, nếu đã ở ba năm và quá 65 tuổi, thì có thể xin được tiền phụ cấp người già và phụ cấp y tế. Tuy nhiên, nếu lỡ ra mà có mắc bệnh nặng, phải vào bệnh viện thì y phí kinh khủng, có khi phải bán cả nhà đi cũng không đủ...

Đâu cũng có những khó khăn, mạo hiểm. Nhưng việc sang Mỹ có thể mở ra một chân trời mới, ít ra cũng thoát khỏi những nơi bị ách độc tài đè nén, ít ra cũng biết thế giới dân chủ phát đạt; dù là thế giới tư bản như thế nào. Đã quen mạo hiểm, phiêu lưu rồi. Lưu vong đâu nữa cũng là lưu vong. Bao nhiêu người đã phải liều cả tính mạng để tìm tới đất ấy. Nỗi buồn thương của mình có thấm vào đâu, so với bao cảnh tù tội, tang tóc, gia đình ly tán, bao cảnh nghèo cùng dưới ách chuyên chế, những đau thương vô tận.

Cả một thế kỷ là một thế kỷ đau thương cho người Việt Nam, cho dân tộc Việt Nam. Người dân Việt Nam nhỏ bé, cần cù, nhẫn nại, đâu có muốn làm hại ai ? Họ chỉ muốn sống một cách yên ổn, đủ ăn đủ mặc, không bị ai áp bức. Tại sao tai họa triền miên vẫn giáng lên đầu những người vô tội ? Tại sao vẫn có những kẻ nhẫn tâm tàn hại đồng bào ?

Và tại sao có nhiều người, nhiều gia đình Việt Nam không muốn gì hơn là cống hiến khả năng của mình

cho xã hội, không tranh quyền đoạt lợi, nhưng đã chịu bao nhiêu tai họa. Trong đó, gia đình Nguyễn Tường - không thể không coi là có lòng, có chí và chút tài hoa, cũng đã gặp tang tóc liên miên và đại đa số nay cũng đã phải bỏ nước mà đi; đến những chân trời xa lạ.

Đời có sao lại lắm u sầu ? Một câu trong bài hát nào đó thực là bình thường, tôi chợt nghĩ đến. Song, vĩnh viễn cũng không tìm ra được câu trả lời.

Thời hạn ở lại đây cũng không còn bao lâu nữa. Trước khi đi xa, cùng mấy đứa con, tôi đi thăm vài nơi danh thắng, cổ tích ở Bắc Kinh.

Chỉ hơn hai ngàn cây số, nhưng xe hỏa phải chạy mất hai đêm hai ngày, vượt qua hai con sông lớn : Sông Dương Tử và Hoàng Hà, qua vùng Trung Nguyên, cái nôi của nền văn minh cổ.

Bắc Kinh, có tên trong lịch sử là Yên Kinh, Bắc Bình..., một trung tâm chính trị và văn hóa, tiêu biểu cho Trung Hoa. Đường phố mang vẻ cổ kính. Đáng chú ý nhất là cung điện nhà vua cũ, Tử Cấm Thành hùng vĩ, lộng lẫy với mấy lớp cổng thành và các lầu đài, Điện Càn Chánh vẫn nguy nga với những cột gỗ cao vút, ngai vàng xưa kia Hoàng Đế ngồi vẫn còn y nguyên. Bao nhiêu thế hệ quân vương đã đi qua với thời gian, khiến

con người cảm thấy mình chỉ như là một hạt bụi bay qua trong không gian và thời gian vô tận. Những hoàng đế uy phong lẫm lẫm đời xưa nay đã trở về với cát bụi và những chủ nhân của cung điện bây giờ cũng đã lần lượt đi vào hư không. Bên cạnh một điều lớn nhất, một cái giếng sâu, người ta bảo là chỗ Từ Hi Thái Hậu sai người đem Châu Phi -một Quý Phi- quẳng xuống, và về sau thường thấy oan hồn quý phi hiện ra than khóc bên bờ giếng.

Đi hết trong thành, ra cổng sau, tới một sườn đồi, vẫn còn một cây táo lớn, với một cành ngang. Chúng tôi đứng yên trước cây táo này, một cây táo lịch sử bi thương : mấy trăm năm trước đây, vị Hoàng Đế cuối cùng nhà Minh, vua Sùng Trinh, không còn chỗ trốn khi quân của Lý Tự Thành phá thành tràn vào, đã chạy tới gốc cây này; ngửa mặt lên trời than rồi tự treo trên cành cây thắt cổ tự tử.

Đứng trước lịch sử phong trần, bi đát, tôi cảm thấy vô cùng buồn ngủi : Đời người quả là một bể khổ, quá nhiều bất hạnh. Chợt nhớ tới một câu thơ của Mao Trạch Đông.

«Nhân gian chính đạo thị tang thương»

Con đường chính của đời người là dâu bể. Ý nghĩa triết lý và biện chứng của câu này cũng có phần nào phù hợp với trần gian và không khỏi mang vẻ bi quan.

Vì, chính Mao Trạch Đông hiện thời ở đâu ? Và Giang Thanh, Châu Ân Lai ? Chu Đức ? Công lao cái thế như Lưu Thiếu Kỳ, Bành Đức Hoài, Hạ Long, Lâm Bru và cả Đặng Tiểu Bình nữa... Vật lộn trong suốt nửa thế kỷ rồi làm bao nhiêu triệu người tử vong.

Bể dâu, đích xác là quy luật của đời người.

Đến Bắc Kinh, tất nhiên phải nếm các món ăn ở đây, đặc biệt là món vịt quay Bắc Kinh. Món vịt quay này cần phải đến tận thủ đô mới thực đúng vị và ngon.

No bụng để chuẩn bị kéo nhau đi Vạn Lý Trường Thành. «Bất đáo Trường Thành bất hảo hán». Con đường từ Bắc Kinh tới Trường Thành rất nên thơ, núi non, lãng tâm cũ, công viên lớn đẹp rất nhiều. Thực ra, muốn thấy rõ hùng vĩ nguy nga của Trường Thành, phải từ xa nhìn tới và từ dưới nhìn lên bức tường vắt vẻo lượn trên đỉnh núi hay lưng chừng đồi núi trùng điệp. Đứng trên một chòi canh cao của bức tường, nhìn xuống những làng mạc nhỏ ẩn nấp dưới chân, tựa hồ như nghe thấy tiếng người tiếng nhạc ngựa vắng tới từ bao nhiêu thế kỷ, từ đời Tần Thủy Hoàng, Hạng Võ,

tiếng hò reo của chiến tranh. Lịch sử, ba mươi thế kỷ từ trên thành nhìn xuống chúng ta theo như lời Napoleon khi đứng trên Kim Tự Tháp ở Ai Cập.

Quảng trường Thiên An Môn rộng mênh mông. Ảnh Mao Trạch Đông vẫn treo ở giữa. Đài kỷ niệm Mao vẫn còn, và cũng còn những kẻ ngây thơ đến chiêm ngưỡng di thể của một nhà độc tài đã gây bao nhiêu tang tóc cho người dân vô tội.

Người ta thường nói «ác giả ác báo». Câu nói này chỉ có tác dụng lừa gạt. Trên thế gian, biết bao kẻ quyền quý, bao vua chúa bạo quân, bao kẻ ác vẫn sống lâu, trong khi biết bao người dân chết non vì đói, vì bệnh tật, vì chiến tranh. Những nhà độc tài khét tiếng như Stalin, Mao Trạch Đông, Hồ chí Minh, Kim Nhật Thành... chẳng đã trường thọ ư ? Những kẻ chuyên chế khác chẳng vẫn sống nhăn răng khắp thế giới trên sự đau khổ của muôn nghìn quần chúng ?

Công lý chẳng qua là một quan niệm của con người để tự an ủi. Tại nhiều nơi, sức mạnh bạo lực vẫn ngự trị và núp dưới những chiêu bài đẹp đẽ như xã hội chủ nghĩa, chính nghĩa dân tộc, ổn định xã hội, tôn giáo thiêng liêng v.v... Công lý chỉ thực hiện khi nào con người dám đứng lên tự gỡ gông cùm.

Chương X - Từ Biệt, Trung Quốc !

Vào một ngày cuối năm 1987, bức thư phê chuẩn di dân của chính phủ Hoa Kỳ đã quyết định tương lai của chúng tôi. Hộ chiếu đã có, vậy chỉ còn đợi giấy gọi ra lĩnh sự quán Mỹ tại Quảng Châu để được phỏng vấn và cấp giấy nhập cảnh.

Không có cuộc ra đi nào mà không hồi hộp, băng khuâng. Rồi, một buổi sáng sớm, chúng tôi đến Lãnh sự quán. Đã có rất đông người ngồi đợi. Đủ các hạng người; nhiều nhất là những người ở Đài Sơn, Quảng Đông, vì trước đây có nhiều người từ đó sang Mỹ làm ăn theo lời mộ phu, nay đã phát đạt hơn. Trường hợp như tôi thì là độc đáo.

Trông vào ánh mắt của những người ở trong phòng phỏng vấn ra đủ biết họ đã được giấy nhập cảnh hay chưa. Nước Mỹ quả là một thiên đàng mong ước đối với nhiều người dân trên thế giới, nhất là thế giới thứ ba.

Tới gần trưa, đến lượt chúng tôi. Một bà phó lãnh sự còn trẻ và có vẻ hiền hậu tiếp chúng tôi một cách lịch sự - khi thấy tôi nói được tiếng Pháp và bà đã từng dạy Pháp văn. Chúng tôi nói chuyện bằng tiếng Pháp. Bà

xem hồ sơ xong, đứng dậy chúc chúng tôi may mắn và hẹn đến chiều tới lấy giấy nhập cảnh. Tôi nhận thấy, tuy là lãnh sự, nhưng tỏ ra lịch thiệp, dịu dàng, khác với những viên trợ lý người bản xứ.

Như trút gánh nặng, vì công việc xem ra thuận lợi, chúng tôi ra ăn trưa rồi lại trở lại lãnh sự quán. Được giấy nhập cảnh rồi, chúng tôi tỏ ý cảm tạ thì bà lãnh sự tỏ vẻ rất niềm nở, còn thân tiễn chúng tôi ra tận cửa phòng, mỉm cười nói một câu cả tiếng Anh lẫn tiếng Pháp.

«Welcome to America ! Docteur et Madame !»

(Hoan nghênh ông bà bác sĩ vào Hoa Kỳ !)

Có thể đó là thói quen của bà, nhưng chúng tôi cảm thấy rất dễ chịu, và nước Mỹ quả có truyền thống cởi mở đối với những người mới tới.

Còn nhiều trở ngại nữa, nhưng việc chính đã xong. Tối hôm đó, chúng tôi kéo nhau ra ăn mừng ngay tại khách sạn Đông Phương này - lãnh sự Mỹ, Nhật đều thuê phòng ở đây - giá một bữa cơm ở đây khá mắc, song cũng đáng. Đâu có mấy dịp như thế này ?

Nhớ lại 42 năm trước, một ngày đầu thu, tại thị xã Lào Kai, một phái đoàn chúng tôi gồm tám người, mỗi người một túi dết, đi bộ qua cầu Hà Khẩu, để rời bỏ đất nước và bước vào đất Trung Hoa, bắt đầu cuộc đời lưu vong dài đằng đẵng.

Những ngày chờ đợi lên đường - nói cho đúng lên máy bay - là những ngày đầy xúc động khó quên. Dù sao, tôi cũng đã sinh sống, đã lập gia đình, đã làm việc ở chốn này, và đã hòa mình vào xã hội với những người dân chất phác, siêng năng và chịu đựng ở đây. Trừ một số «quan» hay một số cực đoan, sự tiếp xúc lâu năm đã gây nên cảm tình chân thật giữa mọi người và chúng tôi. Thậm chí, có người bày tỏ với chúng tôi những nỗi tâm sự mà họ không thể bày tỏ với người khác. Hai chúng tôi lại đều làm những nghề dễ được người ta mến chuộng.

Một người đã nói lên : bác sĩ Nguyễn có «y đức» - tức là đạo đức về y tế - cao, ai cũng mến. Bệnh nhân, bạn hữu, học trò, đều tỏ ý buồn tiếc khi biết chúng tôi di dân sang Mỹ. Có người đã khóc. Đó là phần thưởng và an ủi quý báu nhất cho chúng tôi trong quãng đời cư ngụ không bình thường và nhiều cay đắng ở chốn này. Và ở đây không ít người thẳng thắn, trung thực, có khí khái, ghét bất công, đặc quyền. Chỉ phải cái họ

không thể nói lên ý nghĩ trong lòng họ. Chúng tôi rất hiểu nhau. Uất ức là tâm trạng chung của dân chúng các nước chuyên chế.

Còn bọn cầm quyền tất không ưa lời nói thực, dù đúng với thực tế. Mồm họ lúc nào cũng nhai nhải «phê bình và tự phê bình», nhưng ai đụng đến họ đều bị rập nát. Thành thử cả xã hội đều biến thành một xã hội «nói dối» và «nói phét». Nếu không có nói dối thì xã hội cộng sản sẽ sụp ngay.

Tôi nghĩ, trước khi rời bỏ đất nước này, tốt nhất là quên hết những kỷ niệm đau buồn về nơi đó. Quên tất cả đi là tốt nhất, chỉ nên giữ lại những cảm xúc êm đềm, vui vẻ. Thực ra, sống ở chỗ nào người ta cũng có những phút vui tươi, êm ái, nếu không thì làm sao sống nổi ? Đến đâu, người ta cũng phải bán buồn mua vui... Tôi không theo chủ nghĩa lạc quan, lúc nào tôi cũng cố gắng sống với đầy đủ ý nghĩa, theo hoàn cảnh khách quan. Tôi đã phạm nhiều sai lầm, nhiều thiếu sót không thể biện bạch, nhưng ít ra tôi cũng đã không làm điều gì trái với lương tâm một người dân Việt Nam, một người thầy thuốc, không đến nỗi hổ thẹn với những người đã đi trước.

Một mình, tôi đi dạo lại trên những đường phố quen thuộc, những con phố hẹp, quanh co, những căn nhà thấp bé rên phong, vườn hoa Tổ miếu, con sông nhỏ nước trong xanh từ từ chảy dưới cầu. Ra ngoại thành, những ruộng lúa nằm dưới chân đồi, những làng mạc cổ xưa... Lại nhớ tới, những ngày thu nắng cao, gió hơi lành lạnh, tôi giắt con nhỏ đi trên những con đường ngoại thành hai bên trồng thông cao vút, giữa những cánh đồng bát ngát, để tưởng nhớ lại đồng quê nơi miền Bắc. Mọi rồi tạt vào một quán nhỏ bên đường, uống ly trà nóng, tạm thấy trong lòng lâng lâng.

Đi, là chết ở trong lòng một chút. Càng đến gần ngày đi, càng thấy băng khuâng. Đi, cũng đã đi nhiều rồi. Bao giờ mới tới chỗ dừng chân ?

«Dừng chân trên bến sông xa vắng». Câu thơ của anh Thế Lữ lại vắng bên tai. Mình sẽ dừng ở đâu ? Không phải bến sông xa vắng, mà sẽ là trên bờ bên kia Thái Bình Dương, để tránh nhớ quê hương trong chốc lát.

Tháng ba năm 1988. Gió rét buốt. Mưa sa tầm tã. Giấy tờ đã đủ. Vé máy bay đã gửi tới. Ngày mai, sẽ phải lên đường, đáp xe lửa đi Thượng Hải, rồi từ đó bay đi Los Angeles, tiểu bang California.

Ngày hôm nay, thân thích, bạn hữu đến tiễn đưa. Chia tay, ly biệt, thực là buồn ngủi. Buổi tối, con cháu học trò lại càng đông đủ. Mãi tới khuya mới bịn rịn từ biệt nhau. Lần này đi, không dễ có dịp để gặp nhau nữa. Một đêm khó ngủ, mãi tới nửa đêm mới chợp được mắt.

Sáng sớm hôm sau, chúng tôi lên xe trên con đường quen thuộc ở đã bốn mươi năm. Không bao lâu thì tới Quảng Châu, một thành phố trứ danh miền Hoa Nam. Tại nơi này, đã để lại dấu chân của bao chí sĩ người Việt từ đầu thế kỷ, và hiện nay vẫn còn là chỗ trú ngụ của một số người Việt Nam.

Xe lửa từ Quảng Châu tới Thượng Hải phải mất hai ngày. Lần này, chúng tôi chỉ đi qua cầu sông Tiền Đường mà không có thì giờ để ghé vào Hàng Châu. Thượng Hải, thành phố lớn nhất và phồn thịnh nhất Trung Quốc, và cũng đông dân nhất. Trên đường phố lúc nào cũng lúc nhúc như kiến. Trên xe công cộng phải chen chúc, xô đẩy nhau mới lên được và có chỗ đứng. Được cái giá vé rất rẻ.

Đời sống hiện nay đã cởi mở hơn trước, đã đủ ăn, về mặt mọi người đã kém khắc khổ. Tuy vậy, vẫn còn có những khẩu hiệu chống «tự do vô sản», chống «tinh thần ô nhiễm» nhắc nhở mọi người đừng quên đây vẫn là xã hội chủ nghĩa, vẫn là đảng lãnh đạo tuyệt đối,

đừng có nói hay làm gì ra ngoài khuôn khổ. Mới gần đây thôi, sinh viên ở Thượng Hải, An Huy đã có tập hợp, biểu tình đòi mở rộng cải cách, song đều bị nhà cầm quyền cấm đoán.

Chúng tôi đến ngụ ở nhà anh Văn, người bạn cố tri đã cùng với tôi và một số anh em khác quyết tâm ở lại xứ này để mong tìm một con đường thoát. Do tốt nghiệp tại trường đại học Trung Sơn, Quảng Châu, vừa biết tiếng Việt và tiếng quan thoại, anh được gọi đi làm ở đài phát thanh Bắc Kinh, rồi sau chuyển đi dạy tại trường đại học ngoại ngữ ở đây. Bà vợ cũng là giáo sư ngoại ngữ. Hai vợ chồng trải qua các cuộc vận động chính trị, cũng không chịu ảnh hưởng gì nặng, vì anh Văn vẫn là ngoại kiều, bà vợ không có vấn đề gì để người ta tố cáo. Nhưng, trong giai đoạn đại cách mạng văn hóa, do mắt thấy tai nghe những cuộc đấu tố, đối đãi tàn tệ với các đồng sự trí thức, bà vợ mắc chứng tâm thần suy nhược, phải về hưu sớm. Khi chúng tôi đến, thì anh Văn đã đi Pháp và tạm thời kiếm được một chỗ dạy học, do đồng sự Pháp giới thiệu. Đây cũng là một dịp tốt cho anh để ra khỏi cảnh bế hãm ở đây.

Ngày mai là rời đất Trung Hoa. 42 năm đã qua. Chúng tôi không ngờ đã sống được lâu như thế. 42 năm, ngắn ngủi cũng như cuộc đời của anh Hoàng Đạo, sinh ở

Cầm Giàng, mất ở Thạch Long, Quảng Đông. 42 năm, còn dài hơn đời anh Thạch Lam, mất ở Hà Nội khi mới có 33 tuổi ! Anh Cầm, mất tích ở miền Bắc khi mới 44 tuổi. Anh Tam, 59 tuổi, mất ở miền Nam, và anh Cả 74 ở Sài Gòn, là những người có tuổi thọ cao hơn. Bây giờ, chỉ còn lại hai chị em tôi ở trên đời mà thôi. Chị Thế đã gần 80 tuổi, còn mạnh khỏe, tôi mong được gặp lại chị tại Hoa Kỳ, và còn được đưa sống mãi trong tương lai. Tôi cũng đã 72 tuổi rồi, hai chị em hẳn sẽ được ăn mừng thượng thọ, quá sức tưởng tượng...

Sân bay quốc tế Thượng Hải quy mô không rộng lớn, trang bị giản dị. Hành khách cũng không nhiều. Người Hoa thì ít, mà người Nhật thì nhiều. Các chuyến bay từ đây phần lớn là đi Nhật Bản, đủ biết ảnh hưởng về kinh tế của Nhật rất lớn đối với Trung Quốc. Nhật là một quốc gia rất thực tế, không có một quan niệm chính trị về ngoại giao rõ rệt, nên là cường quốc sớm nhất đặt quan hệ với Trung Cộng.

Đã đến giờ rồi. Cuối cùng chúng tôi cũng phải bước qua ngưỡng cửa, cách chúng tôi ra với thế giới cũ.

Chia tay, mấy câu từ biệt đối với những người thân hữu ra tiễn. Rồi đến giấy tờ. Thủ tục, khám xét hành lý. Cứ tưởng là họ phải khám hỏi kỹ càng, vì e mình có mang thứ gì bí mật ra ngoài không, nhưng ngược lại,

rất dễ dàng, chẳng khám xét mà cũng chẳng hỏi han gì thêm. Nhân viên hải quan rất lễ phép mời mình ra ngoài lên máy bay.

Chỉ tiếc rằng họ không nói được một câu an ủi như «Tin chắc là ông đã sống êm đẹp trên đất nước này... và chúc ông bà lên đường bình an...» hay ít ra cũng một câu «Tái hội» hay tạm biệt (good bye) !

Máy bay là một chiếc phi cơ B747 hiện đại và rộng rãi, ngồi rất thoải mái. Hành khách ngồi gần chật hết chỗ, đủ mọi giống người và đủ mọi hạng người.

Phi cơ bắt đầu cất cánh, rất nhẹ nhàng. Trời trong và đẹp. Vài đóa mây trắng bay vờ trên không. Dưới chân, là con sông Dương Tử uốn mình chạy ra biển, là thành phố mái nhà chen chúc, là những bãi cát vàng, những mỏm đá trồi ra khơi.

«Ngàn năm mây trắng lưng lờ còn bay»

Lại nhớ tới câu thơ lâu Hoàng Hạc. Thì ở đây mây trắng lưng lờ bay trên bờ Thái Bình Dương, có lẽ hơn là ngàn năm mà từ khi thế gian mới ra đời. Phi cơ nay đã bay trên một vùng mênh mông nước biển xanh lơ đến tận chân trời.

Trời, biển đều mệnh mang. Con người chỉ là một giọt nước, một hạt cát mặc cho gió táp lôi cuốn đi trên trái đất này. Thái Bình Dương đưa ta rời khỏi đất nước đã trú ngụ gần nửa đời người, cũng đưa ta càng xa cách đất nước Việt Nam. Mấy vạn dặm trường. Rồi sẽ bị lôi cuốn tới đâu, tới một tương lai vô định.

B. TẠI HOA KỲ

Chương I - Những Ngày Đầu Tiên Tại Los Angeles

Mười mấy tiếng đồng hồ trên máy bay, vượt qua Thái Bình Dương mênh mang. Một đêm dài trần trọc. Trông ra cửa sổ, chỉ thấy quầng trời không, mây mờ mịt, không trông thấy mặt nước. Tôi thiếp đi lúc nào không biết, song lúc tỉnh lại nhìn ra ngoài, trời đã sáng. Ánh nắng nhẹ lấp lánh. Vợ tôi cũng đã tỉnh.

- «Sắp tới Mỹ rồi, anh !»

Đây là bờ biển Thái Bình Dương, bên lục địa mới. Trong đầu tôi băng khuâng, như ở trong giấc mộng nửa tỉnh nửa mơ. Đã đến đích, đến chỗ để ngừng bước chân giang hồ. Hay tạm ngừng ? Thôi, tạm không nghĩ ngợi nữa. Đến đâu hay đó.

Có một nỗi vui, vì sắp tới đích, có chỗ dừng chân tốt, quá sức mình mong muốn. Nhưng tương lai sẽ ra sao. Máy bay càng xuống thấp, bờ biển càng thấy gần, nhưng vẫn có cái gì đè trên ngực, trên tim... Cảm giác định mệnh này, lúc nhẹ lúc mạnh, nhưng không bao giờ chịu rời bỏ tôi, trừ lúc ngủ say mê.

«San Francisco !» Có người reo lên. Trong máy bay ai này đều xôn xao. Hai tiếng San Francisco, vừa quen vừa lạ. Tôi đã được nghe mấy lần từ lúc còn trẻ. Trong một bài hát nào đó. Và về dịp một Hội nghị thế giới nào quan hệ với các nước nhược tiểu. Có ngờ đâu, hôm nay chúng tôi lại đặt chân lên đất Cựu Kim Sơn danh tiếng này. Thế giới thực là nhỏ hẹp quá.

Hành khách rộn rịp sửa soạn rời máy bay. Đây là những phút chờ đợi đặc biệt. Những người đến từ bốn phương trên chiếc máy bay này. Màu da, sắc mặt, mỗi người một trời tâm sự - có những người qua lại thường xuyên quen rồi, nhưng có những kẻ di dân, tương lai bất định. Trên chiếc máy bay này, có biết bao cảnh ngộ khác nhau, vui hay buồn ?

Đây là trạm đầu tiên khi bước chân vào đất Mỹ. Phải qua cuộc kiểm tra hộ chiếu và hành lý, rồi mới đi đâu thì đi. Sân bay San Francisco thực là lớn, và chia nhiều bộ phận, tùy theo các công ty hàng không. Mỗi công ty chiếm một tòa nhà. Lối làm ăn tư bản và hiện đại. Khác hẳn với trường bay ở Quảng Châu, nhỏ bé và toàn do nhà nước quản lý.

Lần đầu tiên phải tiếp xúc với những viên chức di dân và «nhà Đoan» Mỹ, chúng tôi cũng hơi ngạc nhiên, dù chưa rõ thái độ của họ ra sao, mà vốn liếng tiếng

Anh của mình lại quá nghèo nàn. Song, cũng phải gắng gượng, qua cửa ải cuối cùng này chứ !

Kỳ thực, những viên chức Sở Di Dân cũng không đến nỗi khó tính quá, và chúng tôi còn có thể đọc được tiếng Anh, khác với một số người khác không biết một câu nào. Tuy không được nhiệt tình như bà phó lãnh sự Mỹ ở Quảng Châu, nhưng xem ra cũng dễ dãi, và nhanh chóng làm xong giấy má. Từ nay, chúng tôi sẽ có thể xanh, sẽ là cư dân thường trú của Hoa Kỳ, không còn phải lo âu về những thủ tục phiền phức nữa.

Tại Trung Quốc, gần đây cư trú, đi lại của người ngoại quốc có dễ dàng hơn, song cứ hai năm cứ vẫn phải ra xin tăng hạn cấp «thẻ ngoại kiều», mặc dù như tôi, đã làm việc ở đó ba mươi năm.

Vấn đề hành lý thì cũng kiểm soát theo lệ mà thôi.

Xong việc, chúng tôi rời sang buồng đợi máy bay đi Los Angeles. Đi dạo qua những cửa hàng ăn uống nhỏ, hay tiệm bán quần áo, vật kỷ niệm v.v... cũng nhiều thứ lạ mắt. Rất nhiều hành khách già, trẻ đủ các sắc tộc gặp mặt nhau ở đây, tuy xa lạ với nhau, nhưng đều vội vã nhưng không khí chung ở đây là vui vẻ, tự nhiên, tự do - dù chúng tôi chỉ là những di dân mới. Đa số ở đây là người da trắng, song cũng lẫn không ít người giống Mỹ,

Trung Đông, Mỹ đen và nhiều khuôn mặt Á châu.

Thực là một thế giới đa dạng và cởi mở.

Vẫn là chiếc máy bay đó, nhưng nay nó bay tới Los Angeles. Lại gặp một số khuôn mặt chung chuyến trước. Cần hơn một tiếng mới tới đích.

Ngồi trên máy bay, nghĩ vơ vẩn. Từ đây, trước hết là vấn đề sinh sống. Đành rằng có các con và nhiều cháu tại Mỹ, nhưng không thể toàn ỷ lại vào người khác cung dưỡng, và như vậy cũng không thú vị lắm. Đời sống phải tự mình lo trước đã.

- «Trời sinh voi, trời sinh cỏ, lo gì ?» Nhà tôi phát biểu ý kiến, nghe ra cũng có lý. Nhưng tôi vẫn lo. Nghề bác sĩ, sang đây phải thi lại, kể cả tiếng Anh là một việc với tuổi trên 70, không thể thực hiện được. Còn nghề viết báo, sách, có lẽ mùa may cây bút còn có nơi dùng đến. Song nghe nói toàn là báo tự do (free) - tức là báo biểu, làm gì có tiền nhuận bút ? Đăng nào cũng phải xoay xở chứ ? «Hoàng thiên bất phụ hảo tâm nhân» tôi tự an ủi ? Chắc cũng có con đường sống, con đường để làm việc, nếu biết cố gắng - đất Mỹ mà !

Vừa thiếp đi một loáng, đã nghe tiếng báo sắp tới sân bay Los. Nhìn xuống dưới, nhiều rừng núi xanh,

những cánh đồng rộng, rồi thấp thoáng thấy mặt bể với những con tàu nhỏ, những thành phố nấp dưới rừng cây. Los Angeles thực ra là một thành phố rất lớn, hay đúng hơn là cả một tỉnh, với dân số chỉ kém Nữ Uớc, mỗi bề rộng hơn hàng trăm cây số. Chúng tôi tới vì có hai người con gái có nhà tại đây. Ngoài ra, Los là một nơi trú ngụ nhiều người Hoa, Việt; và đại đa số người Việt tỵ nạn ở quận Cam (Orange County), ngay ở phía Nam liền với Los Angeles. Một số trong họ hàng tôi cũng ở đây.

Máy bay từ từ hạ cánh xuống phi trường, rất rộng và có quy mô vào hàng đầu thế giới, với nhiều tòa nhà lớn. Từ bộ phận quốc tế, theo chỉ dẫn, chúng tôi xuống từng dưới để lĩnh hàng lý. Kỳ thực, hành lý chỉ có mấy túi rất đơn giản, nhưng lại rất lủng củng vì chất đầy những thứ tấp nham, như đồ công nghệ, đồ sứ, hay những quần áo đã lỗi thời so với ở Hoa Kỳ. Tất cả vốn liếng, tài sản của chúng tôi mang được sang, sau mấy chục năm càn cù làm việc ở Trung Quốc - cũng không bằng một, hai tháng lương trung bình của một người Mỹ.

Ở tầng cuối, người con rể thứ tư đã đợi sẵn. Lâu năm, bây giờ mới gặp, tay bắt mặt mừng. Từ trước đây, anh rời bỏ Hà Nội sang Vân Nam, rồi đến ở Phật Sơn một đoạn thời gian. Thực cũng là số phận giống nhau, chỉ có

khác là chúng tôi rời Việt Nam đã mấy chục năm trước, và nay, kết cục, lại cùng gặp ở đất này.

Lên xe ra khỏi sân bay, bước ngay ra đường phố Los Angeles. Trời nắng làm chói mắt, chiếu lên quảng trường trước mặt. Mấy dãy nhà cao tầng, trên đường xe hơi chạy như mắc cửi, rõ ràng là cảnh tượng một thành phố hiện đại.

Đáp chân lên đất Mỹ, một đất nước phồn hoa, sán lạn nhất thế giới, nơi mà bao người từ mọi góc trời đều hướng vọng về. Nhưng quan trọng nhất và đặc biệt nhất đối với chúng tôi, không phải là giàu sang, hiện đại, mà là một nơi tự do dân chủ, có bầu không khí phóng khoáng, không có những kẻ vô cớ đè ép, theo dõi, làm khó dễ nữa.

Khó khăn, nhất định sẽ có nhiều khó khăn đương chờ đợi. Nhưng những khó khăn này sao có thể so sánh với những khó khăn, gian khổ đã trải qua, những phút nặng nề không ngút, những phút sinh tử ? Và nếu so với cảnh ngộ của bao đồng bào - sinh ly, tử biệt, lặn lội khắp bốn phương trời, lạc loài tha hương, thì có thấm vào đâu ? Còn bao nhiêu người đã chết đi, đã mất tích, bao người trong ngục tù cộng sản, bao người dưới gót sắt bọn bạo quân.

Đến Hoa Kỳ, dù có khó khăn, chật vật, nhưng dù sao cũng còn có cơ hội, còn có bạn hữu, còn có đồng bào. Còn có đồng bào, bạn hữu, thì còn có hi vọng. Điều làm cho chúng tôi tin tưởng về tương lai nhất, là còn có nhiều người chung chí hướng. Lưu vong, nhưng phải lưu vong cho có ý nghĩa. Và tại sao cứ phải chấp nhận lưu vong mãi ?

Trời nắng trong, không khí khoáng đãng, đường phố rộng rãi, sạch sẽ. Điều mà tôi không khỏi ngạc nhiên là, trái với tưởng tượng, đáng lẽ toàn là những cao tầng chi chít, thì hai bên đường là những tòa nhà một hai tầng, chung quanh có sân cỏ, có vườn trồng hoa hay cây cỏ - trông như những biệt thự nhỏ. Ở đây, người ta thích nhà riêng, thích hoa cỏ, đủ biết mức sống cao, không chen chúc vào những chung cư đông người như ở các thành phố Trung Quốc, Hong Kong. Tại khu này, có một điều lạ nữa là trên đường phố không thấy một bóng người đi bộ. Người ở đã ít, lại đều ngồi xe.

Qua độ hai mươi phút, rẽ lên một con đường cao lộ, gọi từng có tại Trung Quốc, rộng rãi, chia làm hai ngã, xe chạy là «đường tự do» hay cao tốc công lộ. Những «freeway» chưa không ngừng, và không có đèn xanh, đỏ. Tôi chưa từng thấy nhiều xe hơi như thế bao giờ trên đường.

Nhà hai vợ chồng con gái thứ tư chúng tôi ở thành phố Santa Monica. Đây là một khu tốt, ở ngay bờ biển, rất mát mẻ. Căn nhà chỉ là một căn chung cư nhỏ, nhưng cũng đủ tiện nghi. Trong nhà có đủ tủ lạnh, máy giặt, truyền hình. Chồng đi làm tại một công ty, vợ may thuê ở nhà, thu nhập không cao nhưng đủ tiêu cho vợ chồng và đứa con gái nhỏ. Cuộc sống bình thường của một gia đình di dân tới không lâu là như thế.

Nghỉ ngơi vài ngày cho lại sức, rồi phải bắt đầu những thủ tục cần thiết cho đời sống di dân. Ra xếp hàng tại Sở Di Dân, Sở Xã Hội để lấy thẻ An Sinh Xã Hội, một cái thẻ tối cần thiết để sinh hoạt : xin đi làm, xin đi học, học lái xe, xin trợ cấp v.v... Có thể đó rồi thì có thể đi khắp nước Mỹ và muốn sống ở đâu cũng được. Có cái khác với Trung Quốc hay Việt Nam là, ở đây không có chế độ hộ khẩu, phải đăng ký vào một hộ khẩu nhất định tại một chỗ nào, do đó, đương cục kiểm soát hành tung của dân chúng.

Ở trung tâm thành phố thì đông đúc hơn, nhiều nhà chọc trời, đầy xe hơi trên đường, nhất là về buổi chiều, lúc tan sở làm. Tối đến, đèn sáng, lộng lẫy. Chúng tôi được đưa đi phố Tàu, mấy dãy phố nhỏ hẹp hơn, nhưng có một số kiến trúc lối Trung Hoa, nhiều cửa hàng bán đồ tạp hóa, quần áo, nhiều tiệm cao lâu giống như tại

Quảng Châu. Ở đây, chúng tôi vui được gặp hai vợ chồng con gái thứ năm, đã di dân sang đây từ lâu, với đứa con trai, cùng hai ông bà sui gia, cũng mở tiệm ăn ở dưới phía quận Cam.

Ngoài ra, một số họ hàng, thân hữu đến thăm, rất vui vẻ vì không ngờ gặp lại nhau ở đây. Vì thế, chúng tôi thường được đưa đi nếm những món lạ như pizza, hamburger, đồ ăn Nhật, Đại Hàn và cả phở bò nữa - lâu lắm mới được nếm lại, tuy mùi vị có hơi khác phở Hà Nội.

- «Phở đây cũng ngon, song đâu bằng những phở gánh Hà Nội !» Anh N.T. Quý nói. Bát phở ở Mỹ cũng khác thực, bát lớn và đầy thịt, nhất là những thứ như phở xe lửa, phở đặc biệt, nhưng dù sao nước dùng và miếng thịt cũng thiếu vị và sắc hương của những bát phở Hà Nội. Còn những tiệm uống trà, ăn tìm sấm thì cũng na ná như tại Đông Hưng Viên ngày xưa tại Hàng Buồm. Những bạn già đã từng ở Hà Nội chắc cũng còn nhớ cái tiệm cao lâu đó, với cái «thang gác vàng» và những bậc sơn son vàng chóa.

Đây cũng là một niềm vui, và lại vùng này, có cả một tập thể phố Hoa và phố người Việt tại khu Bolsa, cuộc sống sẽ bớt cô đơn. Tại Quận Cam (Orange County), có mấy cháu cư ngụ : Nguyệt, và chồng là Bác sĩ Tôn Thất

Niệm, Nguyễn Tường Yên, Nguyễn Tường Quý. Các gia đình cũng đông vui.

Chúng tôi nhận được nhiều cú điện thoại. Song phần khởi nhất là điện thoại do bà chị ruột tôi - bà Nguyễn Thị Thế ở tận Virginia gọi tới. Bà năm nay đã quá 70 tuổi, mới di dân sang đây mấy năm. Hai chị em nay là hai người còn lại trong thế hệ chúng tôi, và xa cách nhau đã hơn bốn mươi năm. Tôi còn nhớ, những ngày nguy ngập tháng 5, 6 năm 1946, chúng tôi mấy anh em đều quá bận rộn để ứng phó với thời cuộc. Anh Nhất Linh thì chuẩn bị rời Hà Nội, anh Hoàng Đạo bản xếp đặt việc tổ chức nội bộ, còn tôi phải thu xếp lên Đệ Tam Khu luôn luôn vắng mặt, nên khi chiến sự xảy ra, là phải đi thẳng, không còn thì giờ để đi từ biệt người nhà.

«Tráng sĩ một đi, không bao giờ trở về».

Lúc đi, tôi không phải là một tráng sĩ, mà sông Hồng cuộn cuộn đâu phải là con sông Dịch, gió thổi tê tê. Đã bao lần, những lúc đêm khuya im vắng, tôi lại nhớ tới những ngày ly biệt đắng cay, không còn gặp mặt bà mẹ già thân yêu nữa - bà đã mất năm 1963 ở trong Nam. Anh Nhất Linh cũng mất vào năm đó. Anh Hai - Cẩm - thì mất tích ở miền Bắc. Chỉ còn anh cả - Thụy, là sống lâu hơn, mất năm 1974 - Còn chị Thế thì vận mệnh lại đưa đẩy chị tới Hoa Kỳ, sống bên bờ sông Potomac tại

đất thủ đô. Có ai mà đoán được một gia đình tan tác bốn phương trong những ngày ở phố huyện Cẩm Giàng? Làm sao mà chị lại tránh được những biến cố động trời tại miền Nam, và tôi cũng vẫn còn sống được trong cuộc đời lưu lạc tại đất Cộng Sản, để mà gặp nhau ngày nay ? Nhưng bây giờ cũng vẫn còn cách xa nhau 5000 cây số.

Chị tôi nghe nói đương mệt nặng, nhưng khi nghe tin tôi sang được, bệnh chị bỗng giảm hẳn đi. Và chị gọi luôn điện thoại giục chúng tôi sang ngay để gặp mặt và cũng là để kịp thời xem được hoa Anh đào nở trên bờ sông ở Washington. Mỗi năm chỉ có một lần, rất đẹp, không thể bỏ qua.

Thế là chúng tôi lại vác khăn gói lên đường - nói cho đúng hẳn là hai cái vali nhỏ - đáp máy bay sang thủ đô Hoa Kỳ.

Cũng là một chuyến bay thú vị, vì xuyên qua cả nước Mỹ. 6 tiếng đồng hồ, từ Tây sang Đông, từ bờ Thái Bình Dương cho đến bờ Đại Tây Dương, nơi mà tôi chỉ thấy trên địa đồ. Một chuyến du hành nối liền hai đại dương trên thế giới, và được tự mắt mình ngắm phong cảnh - tuy chỉ thoáng qua - của một lục địa. Trên lục địa này, từ bao thế kỷ, đã có dấu gót chân của bao nhiêu nhân chủng - từ người da đỏ, người giống Á Châu, cho

tới những kẻ phiêu lưu da trắng, những nô lệ người da đen... Đây là nước Mỹ, quê hương của biết bao kẻ mạo hiểm, vong mạng từ các chân trời góc biển tới.

Vong mạng... có lẽ là hai chữ đích xác nhất để chỉ những kẻ phiêu bạt, «mất gốc» như chúng tôi.

Phi cơ bay lướt trên những cánh đồng mênh mang, những núi rừng bát ngát, những sa mạc vắng im, những đồi tuyết trắng xóa, và những dòng sông uốn quanh. Non sông nước Mỹ đẹp làm sao ! Và đây là chốn mà có lẽ chúng tôi phải ẩn thân trong một quăng đời.

Trùng phùng với bà chị và các cháu. Hình chụp tại phi trường Washington, D.C., 1988.

Chương II - Hoa Thịnh Đốn - Virginia - New York - Tượng Nữ Thần Tự Do

Sân bay National Hoa Thịnh Đốn, ngay cạnh sông Potomac, Washington D.C.

Phi cơ bay trên thành phố, nhưng như trên một cái rừng bao la, với những mái nhà thấp thoáng ở dưới. Đúng là một vườn hoa hơn là một thành phố.

Lòng tôi không khỏi hồi hộp, vì sắp gặp lại người chị thân yêu, đã cùng chia xẻ với nhau những năm thơ ấu tại căn nhà tranh bên phố huyện nghèo nàn. Biết bao nhiêu kỷ niệm khôn quên, những ngày còn nhỏ, nơi chôn nhau cắt rốn. Lúc chúng tôi còn ngồi ở bờ ao, bên cây sung già, nhìn cá đớp bèo dưới nước, nghe tiếng còi tàu từ xa vẳng tới, cùng mộng tưởng ở tương lai - giấc mộng gần nhất lúc đó là lên Hà Nội ở. Nhưng nay, còn xa hàng vạn dặm... Tất cả những thứ, những người trong thời đó, nay đều đã qua rồi, như một giấc mộng hời hững.

Vừa theo dòng người tiến qua cửa, bước vào phòng đợi, đã thấy một nhóm đông người Á châu tiến tới, không nhận được rõ mặt, nhưng trong đó tôi nhận được ra ngay bà chị. Đầu tóc đã bạc, nhưng xem ra còn tráng

kiện. Chung quanh, những khuôn mặt trẻ hơn, tất cả đều tươi cười. Nửa thế kỷ mà. Các cháu trong dòng họ nay đa số đã tụ tập ở đây. Thực không ngờ lại đông đủ đến thế. Và hôm nay, lại là một ngày họp đông đảo nhất. Hầu hết bà con nội ngoại đã di chuyển một cách kỳ lạ vì cơn giông tố cộng sản.

Vì thế, tối hôm ấy, khi mọi người đương tụ họp dùng cơm tối và trò chuyện tung bưng tại nhà một cháu, có người bỗng cất tiếng :

- «Hôm nay, chúng ta được đoàn tụ đông đảo, vui mừng, như thế này, thì phải cảm ơn ai ?»

Mọi người nhìn nhau.

- «Cảm ơn ông trời, chứ còn ai nữa ?» một người đáp.

- «Không phải, ta phải cảm ơn... đảng Cộng Sản Việt Nam...

Mọi người đều ồ lên phản đối, tuy biết là chỉ nói đùa. Nhưng trên thực tế, chính sách hung tàn của Cộng Sản Việt Nam đã xua đuổi biết bao người Việt vô tội phải bỏ nhà, bỏ cửa, rời bỏ đất nước để ra đi lưu vong. Vì sợ khủng bố và xua đuổi ấy sẽ tạo thành một cuộc di chuyển hiểm có trên lịch sử dân tộc - tạo thành một tập thể người Việt hải ngoại, vốn không có truyền thống di

dân.

Dù sao, người sung sướng nhất phải là bà chị tôi, đã trải qua bao phong trần và nay đã quá già. Sự gặp mặt và hội họp hôm nay là an ủi vô giá cho bà, và cho cả chúng tôi.

Nhà cửa ở Virginia còn đặc biệt hơn ở Cali. Gọi là thành thị thì không đúng hẳn, vì đường phố cứ như đi vào một khu rừng rậm. Mỗi căn nhà đều rộng rãi, kang trang, chung quanh đất, vườn cỏ rất rộng, lại trồng nhiều cây cối. Người ở rất thưa, im vắng. Những con sóc nhảy nhót trên cành; tiếng chim kêu thỉnh thoảng phá vỡ im lặng. Tôi nghĩ, thực là chỗ ẩn dật, để tĩnh dưỡng hay để viết lách. Mùa đông, tuyết xuống giá lạnh trùm lên tất cả, thì chắc sẽ quạnh hiu.

Một điều đáng mừng là hầu hết họ hàng ở đây đều có công ăn việc làm tốt, đa số có nhà của mình, một số ở nhà thuê. Có lẽ những gia đình này tới Mỹ sớm và phần đông là có học, có kỹ thuật; khác với một số tỵ nạn và di dân người Việt sang miền Tây, thường gặp nhiều khó khăn và cuộc sống cũng xô bồ hơn.

Những gia đình như Châu, Tuyết, Liễu, Sơn (con chị Thế), Lan Phương (con anh Hoàng Đạo), Nhung, Đăng (con anh Thạch Lam) đều ngụ tại vùng này.

Ngoài họ hàng ra, còn có một số bạn hữu đến thăm, trong đó có mấy anh em trước kia tại Hà Nội. Gợi nhớ tới những ngày hào hứng và gay go, nguy hiểm khi xưa, trong lúc còn là thanh niên, học trò bông bột, tại một thời kỳ độc đáo trong lịch sử, nhưng nay tất cả đều đã hai thứ tóc trên đầu, ở chốn quê người này, ai mà không xúc động ? Tạm lấy niềm vui trùng phùng để che lấp nỗi sầu khắc khoải. Ở đâu, thì cũng phải sống mà thôi.

Các cháu đưa chúng tôi sang thành phố Hoa Thịnh Đốn bên cạnh. Đây là một khu hành chính riêng, không lớn rộng như Los Angeles, nhưng xinh xắn, có nhiều phong cảnh và kiến trúc có tiếng : như nhà Bạch Ốc - chính phủ, và tòa nhà cao Capitol - Quốc Hội, với nhiều đài kỷ niệm.

Đến bờ sông Potomac, một con sông hiền lành nên thơ chảy từ tồn giữa những bãi cỏ và những vườn hoa đủ màu sắc. Chúng tôi may mắn tới vừa đúng lúc, mùa hoa Anh đào nở rộ bên bờ sông, màu hồng của hoa trùm lên cả một vùng rộng, thực là tuyệt mỹ. Nghe nói năm nay, ông đại sứ Nhật có tới dự lễ mừng hoa nở, hoa anh đào là hoa tượng trưng cho nước Nhật.

Trời nắng ấm, thanh niên nam nữ kéo nhau đến thưởng ngoạn, trẻ con xinh xắn chạy tung tăng bên cạnh pho tượng người nằm, nửa người chôn dưới đất. Vài ông

bà cao tuổi ngồi trên mấy ghế gỗ, nhìn những con chim tự do bay nhảy. Cảnh tượng thái bình thực là êm ả biết bao, tựa hồ không biết lo âu, sợ hãi là cái gì.

Trước tòa Bạch Ốc, là cả một vườn hoa, nhiều nhất là hoa tulipe (uất kim hương), một thứ hoa đặc biệt ở đây và Âu Châu, Trái với tưởng tượng của tôi, Bạch Ốc - nơi Tổng thống Hoa Kỳ ngự trị, không là một tòa nhà đồ sộ cao tầng, chỉ là một tòa nhà tương đối nhỏ. Bề ngoài cũng không có canh gác nghiêm lắm.

Ngược lại, tòa nhà Quốc Hội cao rộng, theo lối kiến trúc truyền thống, trước mặt là một hồ nước khá rộng, hình chữ nhật. Đối diện với nhà Quốc Hội là một tháp cao. Tất cả trông có vẻ hùng vĩ, nhưng không có gì đặc sắc lắm, vì theo kiểu bên Âu Châu.

Nếu chỉ nhìn vào những nơi trên, thì phải nói là Hoa Thịnh Đốn rất đẹp và uy nghi. Còn nhiều đền đài kỷ niệm Lincoln, Washington... và vùng Virginia ở bên cạnh thì rất nên thơ.

Song nếu có thì giờ sang bên cạnh hay ngay đằng sau tòa Bạch Ốc, thì lại có những khu phố khác hẳn, những chung cư nghèo nàn, cũ kỹ, không sạch sẽ lắm. Dân chúng các khu này phần nhiều là người da đen, một điều khiến cho người ta phải suy nghĩ.

Bác sĩ và bà Trần Đình Đệ, bạn học cùng lớp với tôi tại trường đại học Y Khoa Hà Nội, cư ngụ tại một căn nhà to, nằm ngay bên một hồ nước rộng, bên bờ trồng nhiều cây thông lớn.

Mỗi căn ở đây đều có một bến riêng. Chúng tôi cùng anh xuống một chiếc thuyền bơi trên mặt hồ vắng. Y như gần nửa thế kỷ trước tại Hà Nội, trên hồ Tây mênh mang. Lại nhớ tới đường Cổ Ngư quen thuộc, trường Bưởi, con đê Yên Phụ kéo dài tới Nghi Tàm, Quảng Bá. Trong đời sinh viên ngày trước, đây bận rộn và lo lắng, những phút nhàn rồi chèo thuyền trên mặt hồ, giữa những cánh buồm trắng, trong tiếng cười lạnh lạnh vô tư lự của thiếu nữ - là những phút hiếm có, không bao giờ trở lại nữa.

Hai tuần sau, từ biệt mọi người, chúng tôi lên xe đi Nữ Uớc, thành phố lớn nhất và nổi tiếng nhất ở nước Mỹ. Sự phồn thịnh, những tòa nhà chọc trời tuy có một không hai trên thế giới, nhưng chỉ có một nơi đã để lại xúc động và kỷ niệm sâu xa đối với tôi : đó là tượng Nữ Thần Tự Do tại bên đảo Trường Đảo.

Tượng Nữ Thần Tự Do là tượng trưng cho một lý tưởng của nhân loại, cho nên chúng tôi vội ra đáp tàu đến đó. Từ xa, đã nhìn thấy pho tượng cao đứng hiên ngang bên bờ biển, tay giong đuốc tự do như chỉ dẫn con

đường nhân loại phải đi, như là biểu tượng của một cái gì thiêng liêng cao cả, thấm vào tâm lòng của con người, và đặc biệt là những kẻ bị nô đòi, bị đàn áp trong đau khổ - như chúng tôi.

Đến chân bệ tượng, trời hơi mưa lấm tẩm, gió thổi lạnh. Đây là đất Mỹ, tự do, dân chủ. Nhưng còn bao nhiêu dân tộc còn đương bị áp bức, còn bao nhiêu người không may mắn bị xua đuổi ra khỏi nước, đâu đã có tự do ?

Nữ Thần Tự Do hiệu triệu tất cả những kẻ bị nô đòi trên thế giới hướng về một đời sống tự do và tự đứng lên giành lấy tự do lúc cần. Một con người với đúng ý nghĩa của con người tất phải không chịu khuất phục trước bạo lực. Tự Do, hiện nay là nguyện vọng chung của tất cả người Việt. Song làm thế nào để đạt tới mục đích, lại là một vấn đề nhức nhối.

Tại Trường Đảo, chúng tôi nghỉ ở nhà người cháu con nhà văn Thạch Lam - bác sĩ Nguyễn Tường Giang. Mấy hôm sau, tôi từ già New York, đáp máy bay trở về Los Angeles, để bắt đầu thu xếp sinh hoạt tại Mỹ.

Chương III - Los Angeles. Quận Cam - Boston - Canada - Về Hoa Kỳ

Nhờ các cháu ở quận Cam giúp đỡ và hướng dẫn, chúng tôi vì tuổi già, nên xin được chút trợ cấp. Do đó sinh hoạt tạm được ổn định, giảm bớt được gánh nặng của các con. Chúng tôi dọn đến gần khu Bolsa, lúc đó đương vận động lấy tên là Tiểu Sài Gòn.

Ở đây, gặp gỡ nhiều bạn cũ, lại thêm được nhiều anh em mới. Mọi người đều vui mừng, và tích cực trao đổi ý kiến về thời cục, vì toàn là những anh em sốt sắng với công việc chung; trong đó cũng có một số anh em đã từng sát cánh tại Hà Nội và tại chiến khu, cùng đã lưu vong sang Trung Quốc. Vì mất miền Nam, phải vượt biên và sang đến Hoa Kỳ. Mỗi người có một hành trình khác nhau - nhưng đều là gian truân, cay đắng, đau khổ. Dù vậy, sang tới đây, đều có một đời sống ổn định, và vẫn còn tìm cách xây dựng cộng đồng, tham gia cuộc đấu tranh cho tự do dân chủ tại Việt Nam bằng nhiều cách. Đảng Cộng Sản Việt Nam nằm mê cũng không ngờ rằng chính sách tàn ngược của mình lại đi tới chỗ tạo nên một tập thể người Việt phản kháng nguy hại cho mình tại ngoại quốc.

Do việc từ trước khi di dân, tôi có suy nghĩ về vấn đề Việt Nam và đã viết một bài bình luận về tương lai và đường lối đấu tranh cách mệnh. Bài viết tại năm 1986 này đã được một nhóm bạn hữu giúp phổ biến các nơi, đặc biệt là do bạn Phạm Ngọc Lũy đã rất cố gắng sau khi trở về Mỹ. Nhờ đó mà các bạn ở Mỹ đã hiểu rõ lập trường và chủ trương của tôi, mặc dầu tôi còn ở đất Trung Cộng, và rất nhiều người tán thành chủ trương ấy (tài liệu đăng trong sách này).

Từ ngay lúc còn trẻ, bước vào con đường cách mạng dân tộc, trải qua những bước đường gay go phức tạp, nhưng thủy chung ý niệm của tôi vẫn là một : dân tộc độc lập, một chế độ quốc gia có dân chủ, tự do, nhân dân được sung sướng, no ấm, quốc gia được giàu mạnh được kính nể trên thế giới.

Qua nhiều thất bại và trắc trở, qua những kinh nghiệm cay đắng, những suy nghĩ triền miên, thủy chung có một điểm là dù có phạm sai lầm nào, tôi cũng không bao giờ làm sự gì vì cá nhân, vì danh lợi, và vẫn cố gắng góp sức mọn vào việc tìm một con đường cứu quốc. Dù sống ở đâu, ở Việt Nam, hay Trung Quốc, hay tại Hoa Kỳ, mục đích của tôi cũng không thay đổi.

Tôi chủ trương, để chống lại với chủ nghĩa cộng sản, tiến hành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ cho đến khi giải thể được chế độ độc đảng cộng sản. Phương thức hoạt động có thể không giống nhau, nhưng mục đích vẫn là một. Và tôi nghĩ rằng, muốn vậy, không thể thỏa hiệp, không hòa hợp hòa giải với kẻ độc tài.

Đa số bạn hữu đều tán thành ý niệm của tôi. Rất nhiều thư từ các nơi đến, đồng ý với sách lược hoạt động toàn diện trong lúc này. Cơ sở tư tưởng cho những cuộc kết hợp sau này để hình thành, chỉ cần mọi người cố gắng thực hiện.

Tất nhiên, cũng có nhiều người không tán thành đường lối đấu tranh và chọn lựa những đường lối khác. Nhưng tôi và các anh em tin tưởng rằng đây là con đường chính xác hơn cả.

Nhờ ở sự giúp đỡ của các bạn hữu mọi nơi, tôi đã có dịp đi nhiều nơi để gặp gỡ và trao đổi ý kiến. Do nhã ý của Lực Lượng Việt Nam Tự Do, tôi lại sang miền Đông Bắc một lần nữa. Ở đây xin rất cảm kích các anh em, tuy chưa hề quen biết, nhưng đã dành cho tôi cả tấm lòng chân thành và niềm tin tưởng chung không lay chuyển mãi cho tới nay. Chung sống với các anh em tôi cảm thấy không cô đơn nữa, và thấy phấn khởi để làm việc. Dù sự cộng tác tới nay vẫn chưa đưa tới kết quả

mong muốn, nhưng chỉ sự cố gắng và kiên trì cũng là hiếm có rồi. Và lại, một công cuộc lớn lao như vậy đâu có phải là dễ dàng mà thành công ?

Rời Boston tôi đi Montreal cùng anh Phạm Ngọc Lũy. Vì chưa phải là công dân Mỹ, nên chúng tôi đều phải trình giấy má, làm thủ tục rất giản dị.

Xuống sân bay, đã có anh Nguyễn Tường Triệu ra đón. Anh Triệu là con anh Nhất Linh và là con nuôi của anh Khái Hưng. Chú cháu gặp lại nhau thực là vui mừng. Tôi đã có hai thứ tóc trên đầu mà anh đã tới trung niên. Nhớ lại những ngày cuối cùng năm 46 tại Hà Nội, anh là một đứa bé tinh nghịch tại tòa báo Việt Nam, và đã chứng kiến những cuộc xung đột gay gắt. Đa số anh em Việt Quốc phải rút lên Đệ Tam Khu; chỉ còn vài người ở lại bảo vệ.

Tiệm tạp hóa của vợ chồng anh Triệu nằm tại một phố trong trung tâm. Thành phố này nói tiếng Pháp, thành ra có vẻ quen thuộc với chúng tôi. Ở đây có mấy bạn quen đã sang thăm Trung Quốc và gặp chúng tôi. Anh Nguyễn Khắc Ngữ, nhà sử học, đã giúp tôi xuất bản cuốn Hồi ký nhỏ «Việt Nam những ngày lịch sử». Cuốn này viết tại Trung Cộng nên không thể hoàn toàn theo ý muốn của mình. Nhà giáo Nguyễn Quý Bổng cũng cư ngụ tại đây. Montreal yên tĩnh và hiền hòa.

Rời Montreal chúng tôi đi Ottawa, thủ phủ Canada, một thành phố nhỏ hơn và cũng tương đối êm đềm : gặp anh Nguyễn Tường Vũ và một số bạn thân. Vũ là con anh cả tôi, ông Nguyễn Tường Thụy (đã mất), làm tại Sở Xã Hội. Sống độc thân, trong phòng của anh đầy vỏ chai bia và bao thuốc lá... Sau này, khi đi công tác tại Phi Luật Tân, tại Palawan, anh đã mắc bệnh và qua đời.

Canada, một quốc gia ít dân và hiền hậu, không xô bồ như bên Mỹ, đất rộng vô biên. Ngồi trên xe lửa, khi lướt trên những cánh đồng cỏ mênh mông, những cánh rừng rậm bạt ngàn như không có tận cùng, và đằng sau là những dãy núi cao đỉnh phủ tuyết trắng, thỉnh thoảng mới có một nông trại lơ thơ, mấy đàn bò nằm trên cỏ, tôi lại thấy xa lạ vô cùng, buồn vắng vô cùng. Tâm hồn người lữ thứ thực là nặng nề, không biết tới bao giờ mới dứt cảnh cô đơn ? Bao giờ mới lại trở về sống với những đồng ruộng, những lũy tre xanh, những con phố chợ nghèo, những con sông nhỏ loanh quanh bên sườn núi Việt Nam ?

Toronto, thành phố đông dân và náo nhiệt nhất Canada. Rất nhiều dân Việt, Hoa sống ở đây, mức sống khá cao. Nhưng nơi hấp dẫn nhất là thác nước có tiếng, một trong bảy kỳ cảnh trên thế giới, thác Niagara... tại biên giới Canada - Mỹ.

Thác này có sự đặc biệt là, không giống như các thác nước khác từ trên núi cao đổ xuống, nó là cả một con sông ngang lưng đổ cả xuống dưới, rất rộng và tạo thành những cuộn sóng lớn tiếng vang âm âm, hơi nước tỏa lên như mây mù trên mặt sông ở dưới. Phải đứng phía bờ sông bên Canada mới trông rõ toàn cảnh. Mà cả một dải bờ sông này là một vườn hoa lớn cũng trồng cả cây quả rất đẹp, xen lẫn với những biệt thự nhỏ thơ mộng. Người ta có cảm giác như lạc vào một vườn Đào Nguyên, một thiên đàng hạ giới. Từ những nước nghèo nàn, lạc hậu Á Châu tới, khó mà tưởng tượng được có những nơi như thế. Nói về cảnh đẹp thì không phải là không có, nhưng làm sao có được hoàn cảnh, bầu không khí, những con người phóng khoáng, tự do, thanh thản như ở đây ? Đây là điều mà những kẻ độc tôn vĩnh viễn không bao giờ hiểu nổi ?

Tôi cảm thấy, tới đây, không phải là đến thưởng ngoạn cảnh hùng vĩ của thác Niagara, mà là để thấy sự cách biệt giữa những con người tự do và những kẻ bị nô đòi, nó thống thiết như thế nào ! Cũng nên biết rằng theo thống kê trên thế giới Canada là nơi sinh hoạt số 1 về mọi mặt, trên cả Hoa Kỳ và Âu châu.

Xe lửa đưa chúng tôi rời Canada về đất Mỹ, tới Chicago, thành phố có tiếng về những tòa nhà chọc trời,

nằm cạnh một Biển Hồ lớn. Chicago cũng có tiếng về các băng đảng ở đó. Có nhiều bạn hữu thân tình, những cảm tình chân thành mà tôi không bao giờ quên được. Cũng như sau đó tới Seattle, Tacoma thuộc tiểu bang Washington State. Ở đó có hai người cháu là Nguyễn Tường Thiết, con trai anh Nhất Linh, và Thế Uyên, tức Nguyễn Kim Dũng con bà chị tôi, cùng một số bạn hữu. Tất cả đều vui mừng và thân thiết. Lúc đầu gặp gỡ và cách xa nhau về cảnh ngộ, tất cả có những điểm không hiểu nhau, nhưng rồi sau cũng thông cảm được vì cùng một chí hướng. Nếu có tin tưởng vững vàng và tấm lòng thành thực thì rất dễ thông cảm, giải tỏa được mọi hoài nghi.

Gần Seattle, có núi lửa Saint-Helena lúc đó còn đang phun khói tỏa ra trên các xa lộ. Anh em dẫn tôi đi thăm cảnh núi tuyết Mont Rainier, cũng là một núi lửa đã tắt, rất đẹp, trông tựa núi Fuji Yama bên Nhật. Qua những rừng xanh bát ngát, đến chân núi, chúng tôi giẫm tuyết để trèo lên mấy bậc. Cũng lạ, tuy ở đây cao và lạnh, nhưng tôi thấy không đến quá rét như mình tưởng. Tại Việt Nam, thỉnh thoảng mới trông thấy tuyết trên những ngọn núi cao như Fansi Pan. Cảnh và đất, núi rừng ở Mỹ thực là mệnh mang. Nhưng có những bạn người Việt ở tận những nơi cực bắc, rét lạnh, nửa năm phủ tuyết, làm sao quen được đời sống ở đó ?

Tôi lại được sang Canada một lần nữa, lần này đi tàu tới Victoria, một thành phố tại bờ biển gần với Vancouver. Lại một thành phố nhỏ, êm đềm, phố xá y hệt như các thành thị nước Anh (trong tranh ảnh), và có một vườn hoa nổi tiếng trên thế giới bằng các thứ hoa cỏ đủ màu sắc. Đây là chỗ hấp dẫn nhiều khách du lịch từ mọi nơi trên thế giới.

Từ Canada trở về, tôi ghé San Jose, tại tiểu bang Califor- nia, một nơi nắng ấm và rất đông người Việt tụ tập, chỉ sau đất Bolsa. Anh Nguyễn Tường Bá, cháu tôi - con anh cả - gia đình vốn ở đây, nhưng anh đi làm việc ở thành phố Dallas, bên Texas. Ở đây cũng có một số trong họ Nguyễn Tường chi khác ở.

Sau đó, đáp lời mời của anh Bá và anh Trương Khánh Tạo, tôi sang thăm miền Trung Hoa Kỳ. Dallas, Oklahoma, Houston. Gặp nhiều anh em cũ và mới, trong đó có anh Lê Văn Nhân (Việt), Phạm Quân (nay đã mất). Lên tới Winchita, gặp các cháu Nhật, con gái anh cả và gia đình, cùng Nguyễn Tường Cường - con trai. Lúc tôi rời Hà Nội, thì Nhật còn nhỏ xíu và Cường hình như chưa ra đời... Vui mừng và cảm động. Các cháu bảo rằng «chú là người duy nhất trong họ mà đã gặp được tất cả họ hàng ở đây». Chính ngay trong số các cháu tôi sang tới Mỹ, Canada đã lâu mà vẫn có

người chưa gặp mặt nhau. Vì mỗi người một cảnh ngộ, và sang đây trong thời gian khác nhau; bận vì cuộc sống nên chưa tìm lại nhau được.

Tính ra, như thế, là cả dòng họ Nguyễn Tường đã bị thời thế xô đẩy ra ngoại quốc, để tìm những chỗ an thân. May mà, mọi người đều có công ăn việc làm yên ổn.

Những cuộc đi thăm các nơi và tiếp xúc với các bạn người Việt, một số người Hoa và người Mỹ, mặc dầu chỉ là đầu tiên, đã đưa đến cho tôi cảm tưởng lạc quan và phấn khởi. Phần lớn đồng bào ở các địa phương đều có đời sống tương đối tốt, buôn bán, học hành đều khá so với những sắc tộc khác; gây được cơ sở vững vàng tại Cali, Houston, Seattle v.v... Do đó quan niệm chung đối vấn đề đất nước, tinh thần chống chế độ độc tài cộng sản và giành tự do dân chủ nói chung rất mạnh. Nếu so với các cộng đồng sắc tộc - như người Hoa, thì sự đoàn kết của ta tốt hơn nhiều. Trong cộng đồng người Hoa, rất nhiều người công khai ủng hộ cộng sản, đón tiếp đại sứ, lãnh sự Bắc Kinh. Tại cộng đồng ta, việc này không thể xảy ra công khai được.

Bên cạnh, những hiện tượng đáng lo ngại là do sự chia rẽ trong các cộng đồng, trong các đảng phái, gây nên ảnh hưởng vào tin tưởng của đồng bào, cũng đưa

đến sự thờ ơ với công cuộc chung, một số người thậm chí đã thăm đi những con đường ám muội.

Tiếp xúc đầu tiên với cộng đồng người Việt hải ngoại dù sao cũng đã thúc đẩy tôi đi tới quyết định về tương lai, quyết định ấy đúng hay sai thì chưa biết, song tôi nghĩ, phải gắng lên làm một cái gì có ích cho đất nước.

Chương IV - Tình Thế Chung - Biến Động Trên Thế Giới - Hoạt Động Liên Lạc Sự Thành Lập «Ủy Ban Điều Hợp Các Tổ Chức Tranh Đấu Cho VN Tự Do»

Từ Los Angeles, dọn xuống một thành phố phía Nam, gần quận Cam hơn, chúng tôi thường có thể xuống vùng Bolsa, vùng Tiểu Sài Gòn. Đây có nhiều thương điểm mới mở, đường phố khang trang, đông đúc. Có một thương trường lớn làm theo kiểu Á Đông, cũng đặc sắc, gọi tên là Phước Lộc Thọ, trong đó có bán đủ thứ và có nhiều tiệm ăn món Việt Nam, quán cà phê, băng nhạc, vàng ngọc...

Mười mười năm trước đây, chỗ này còn hoang vắng, chỉ có những nhà ở đơn sơ và còn những vườn cam, nay đã thành một trung tâm buôn bán sầm uất của người Việt tỵ nạn - trong đó có người Việt gốc Hoa; và cũng là một trung tâm hoạt động về xã hội, văn hóa. Đây là kết quả của sự cố gắng và sáng tạo của người Việt, không kém gì đối với những khu phố Tàu ở Los, được xây dựng từ lâu. Đời sống của người Việt tại đây cũng khá yên bình, dù còn nhiều khó khăn về ngôn ngữ, về kỹ năng, còn có một số thất nghiệp.

Một điểm đặc biệt, khác với nhiều cộng đồng di dân khác, là tập thể người Việt ở đây không chỉ chú trọng và sinh sống, mà còn tập trung tinh thần vào hoạt động cho đất nước, mong giúp vào việc quang phục lại quê hương hay giành được tự do dân chủ, giải thể được chế độ độc đảng cộng sản. Ý thức chính trị của người Việt cũng giống như của người Cuba tỵ nạn vùng Miami, rất quyết liệt. Điều này đã thể hiện được qua nhiều phong trào đấu tranh dưới mọi hình thức và có liên hệ mật thiết với các phong trào quốc nội.

Những phong trào, tổ chức kháng chiến quốc nội nẩy lên ngay sau tháng Tư năm 75, vì tình thế còn hỗn loạn, có điều kiện để hoạt động bí mật và vũ trang. Đặc biệt, tình hình Cầm Bốt bị hãm trong chiến tranh, dễ thành lập những khu căn cứ. Vì vậy, cũng dễ hiểu tại sao đã có những phong trào kháng chiến xuất phát từ ngoại quốc. Tuy nhiên, đa số đã thất bại. Một phong trào đầu thập niên 80, Mặt Trận Giải Phóng Quốc Gia Thống Nhất do cựu đề đốc Hoàng Cơ Minh đứng đầu đã có tổ chức rộng rãi và được đồng bào ngoài nước hưởng ứng. Nhưng Mặt Trận này cũng đã phân tán. Một số đảng phái cũ nội bộ cũng chia rẽ và lực lượng cũng rất yếu ớt. Mặt khác, thế nào là đường lối tốt nhất để giải thể chế độ độc tài trong hoàn cảnh chế độ còn cả một tổ chức đảng, một bộ máy công an và quân đội hung hãn ?

Làm thế nào để xây dựng được một lực lượng mạnh để đương đầu với cộng sản ?

Những biến động trên quốc tế, đặc biệt tại các nước cộng sản, là dấu hiệu của một thời kỳ chuyển động mạnh. Cải cách là cởi mở do Gorbachev đề xướng là một sự không ngờ, một dấu hiệu nói lỏng, những phong trào chống đối đến tại Ba Lan, Tiệp Khắc, Hung... bùng phát triển. Ngay tại Việt Nam, đảng Cộng Sản với Nguyễn Văn Linh, theo gót Liên Xô, cũng đề xướng «đổi mới» và đã thực hiện một số điều cởi trói trên ngôn luận, báo chí, văn nghệ. Bên Trung Cộng, Tổng bí thư Hồ Diệu Bang đã tỏ ra dễ dãi, khoan dung về mặt tư tưởng, ngôn luận, đưa tới sinh viên biểu tình đòi cởi mở tại mấy trường đại học.

Một thời kỳ đầy hứa hẹn cho cuộc sống vận động dân chủ. Làm thế nào để thúc đẩy các biến động ấy theo con đường mà người Việt muốn đi tới dân chủ tự do thực sự? Trong đầu óc những phần tử hoạt động ở hải ngoại, vấn đề lại được đặt ra : sự đoàn kết của các lực lượng đấu tranh tại hải ngoại là cần thiết trong lúc này để cô động đồng bào và hỗ trợ cho các nỗ lực trong nước.

Bài bình luận của tôi về vấn đề cách mạng Việt Nam đã được phổ biến, trong đó đề cập tới sự kết hợp của mọi lực lượng trong một trận tuyến rộng lớn. Tôi nghĩ

rằng nói chung, theo ý kiến đông đủ từ nhiều nhân vật, đa số đã tán thành tiến tới một liên minh giữa các tổ chức đấu tranh hiện nay.

Quan niệm này được bàn luận giữa một số tổ chức đầu tiên là Lực Lượng Việt Nam Tự Do, Dân Xã Đảng (thuộc Hòa Hảo). Liên Minh Dân Chủ Việt Nam. Sự gặp gỡ và trao đổi giữa mấy vị đại diện : anh Nguyễn Long Thành Nam, anh Nguyễn Ngọc Huy, anh Trần Minh Công cùng với mấy cá nhân như anh Phạm Ngọc Lũy, anh Trần Đức Thanh Phong, anh Lưu Trung Khảo, anh Nguyễn Sĩ Hưng và nhiều vị có lòng khác không tiện kể trên ra ở đây đã giải tỏa được nhiều thắc mắc. Mọi người đều đồng ý là nên tiến hành công tác này, dù biết rằng sẽ gặp nhiều khó khăn. Nhưng nếu không làm, thì làm sao đẩy mạnh được công cuộc chung ?

Chúng tôi lại khăn gói lên đường, lần này lại tới Hoa Thịnh Đốn. Anh Bùi Diễm - cựu đại sứ - và một trong những người lãnh đạo Đại Việt Quốc Dân Đảng, rất sốt sắng trong việc liên lạc với các anh em. Một cuộc gặp gỡ thân mật giữa anh Hà Thúc Ký, anh Nguyễn Ngọc Huy và tôi đã rất nhanh đưa tới thông cảm và đồng thuận về nguyên tắc đoàn kết chân thành giữa các tổ chức. Ngay trước đó, trong nội bộ Đại Việt Quốc Dân Đảng, sự đoàn kết đã được củng cố lại. Các anh em trong tổ chức

Phục Hưng - và Nhóm Dân Quyền Canada, và sau nữa Việt Nam Quốc Dân đảng, Liên Minh Toàn Dân Việt Nam Quốc Gia, cũng ngỏ ý muốn gặp gỡ đại diện các tổ chức khác để thảo luận việc này.

Điều làm cho tôi phần khởi là, trong những lúc khó khăn, thiếu tin tưởng, các anh em đều tỏ ra hăng hái. Có thể có dị biệt về nhiều khía cạnh, nhưng tôi rất cảm động về lòng mong muốn chân thành chung, tỏ ra rằng những lời phê bình về một sự liên kết của đảng phái quốc gia không thể thực hiện được là quá bi quan. Bất cứ trong hoàn cảnh nào, muốn đạt tới nguyện vọng, con người ta phải lạc quan và cố gắng. Những thái độ bi quan và chỉ trích, hoài nghi suông chỉ có hại mà thôi.

Qua những phiên họp đầu tiên, một đại hội sơ bộ trang nghiêm lần đầu tiên với đại biểu của chín tổ chức quốc gia đã được họp tại Santa Ana, quận Cam, trong một khách sạn, trong hai ngày 12 và 13 tháng 12 - 1988. Tôi được chỉ định trình bày về mục đích và nguyên tắc của sự kết hợp. Tất cả các vị dự họp đều đồng ý cần thực hiện đoàn kết, và thành lập một «Văn Phòng Phối Hợp các tổ chức đấu tranh cho Việt Nam Tự Do» để nghiên cứu vấn đề và thảo ra kế hoạch thực tế.

Nguyên tắc không chấp nhận chế độ độc tài đảng trị, quyết tâm cộng tác để giải thể chế độ ấy và xây dựng một nền tự do dân chủ cho đất nước, và hợp tác trên nguyên tắc bình đẳng, chân thành và dân chủ, đã được tất cả chấp nhận.

Trong năm 1989, nhiều sự biến động lớn lao đã xảy ra trong thế giới cộng sản. Tại Đông Âu, luôn luôn xảy ra biểu tình, bãi công của sinh viên và học sinh. Chính quyền Ba Lan, Tiệp Khắc, Rumani đã lung lay đến tận rễ. Hung Gia Lợi thì biến đổi một cách ôn hòa hơn. Duy vụ chấn áp tàn bạo Thiên An Môn ngày 4 tháng 6 do đảng Cộng Sản Trung Quốc ra lệnh chứng tỏ đảng này không muốn thay đổi đường lối «vô sản chuyên chính» của họ, mặc dầu Đặng Tiểu Bình đã mở rộng về mặt kinh tế.

Đại hội chính thức của các tổ chức tranh đấu cho Việt Nam Tự Do được triệu tập vào ngày 16 tháng 9 năm 1989. Một buổi họp đông đủ các đại biểu của (theo thứ tự trong biên bản) : Việt Nam Quốc Dân Đảng, Việt Nam Dân Chủ Xã Hội Đảng, Mặt Trận Việt Nam Tự Do, Liên Minh Dân Chủ Việt Nam, Lực Lượng Việt Nam Tự Do, Liên Minh Toàn Dân Việt Nam Quốc Gia, Tổ Chức Phục Hưng, Cơ Sở Dân Quyền Canada, Tổ Chức Phục Việt Âu châu. Ngoài ra, còn có một số nhân

sĩ đã góp sức vào công tác.

Các đại biểu uỷ nhiệm tôi đọc diễn từ khai mạc. Anh Nguyễn Như Tấn báo cáo công tác của Văn Phòng Phối Hợp - Anh Nguyễn Long Thành Nam thuyết trình về vấn đề mô thức kết hợp - Anh Trần Đức Thanh Phong về vấn đề lập trường chính trị và nội quy tổ chức, anh Phạm Đình Đệ về kế hoạch công tác. Đại diện các tổ chức Hà Thúc Ký, Nguyễn Ngọc Huy, Lê Văn Nhân, Trần Minh Công, Hoàng Ngọc Cẩn, Trần Trọng Ngà, Trương Chí Vũ, Nguyễn Văn Trần, Phạm Ngọc Lũy và nhiều vị nữa đã phát biểu ý kiến.

Ngày hôm sau, đại hội đã biểu quyết lấy danh xưng của tổ chức kết hợp là «Ủy Ban Điều Hợp các tổ chức tranh đấu cho Việt Nam tự do».

Ngoài ra thiết lập một Văn Phòng Điều Hợp Trung Ương.

Cuối cùng, thông qua một bản Thông cáo chung.

Đây là lần đầu tiên ở hải ngoại có một tổ chức kết hợp nhiều đảng phái quốc gia chủ yếu trên một lập trường và cương lĩnh chung, một sự kiện đáng chú ý trong tình trạng chia rẽ trong cộng đồng. Việc này chứng tỏ các tổ chức Việt Nam có thể đoàn kết được, và gây lại tin

tưởng giữa đồng bào. Tuy chỉ là một bước đầu, nhưng tinh thần cởi mở và hợp tác giữa các anh em thực là đáng quý, vì đã vượt qua nhiều khó khăn thực tế. Các anh em đã hi sinh công sức, thời giờ và cả tiền bạc vào công việc chung. Dù có những lời hoài nghi này nọ, nhưng tuyệt đại đa số anh em đều chân thành muốn góp sức mình. Riêng mình tôi cũng được an ủi, vì đã gặp được bao bạn hữu chí thân; nhiều người vẫn hoạt động về sau này, không bỏ cuộc, không đổi ý.

Liên Minh này còn non nớt, còn nhiều thiếu sót. Công tác phối hợp đầu tiên là cổ động đồng bào giữ vững niềm tin, tham dự vào công cuộc chống chế độ độc tài, chống lại với mọi âm mưu phá hoại của cộng sản, và gây được ảnh hưởng đối quốc tế để ủng hộ cho mọi phong trào đấu kháng của dân chúng. Công tác liên hệ bí mật với quốc nội vẫn được duy trì.

Những năm 90-91, các nước cộng sản Đông Âu, rồi Liên Xô đã kế tiếp nhau sụp đổ, rồi cả Mông Cổ, như những con bài «domino» lần lượt đổ theo nhau. Bức tường Berlin bị dẹp bỏ, Đông Tây Đức được thống nhất. Vấn đề, khó khăn còn rất nhiều nhưng vấn đề cơ bản là dân chủ tự do đã thắng, độc tài cộng sản đã bị tiêu diệt. Điều này đưa lại bao nhiêu hi vọng cho các dân tộc còn bị áp bức, trong đó có Việt Nam.

Chúng tôi đều rất vui và đầy lạc quan, tin tưởng ở tương lai. Nhưng những kỳ tích kể trên đã ngừng lại ở Á Châu - từ Bắc Hàn, Trung Cộng cho tới Việt Nam, Lào - và ở Mỹ châu, với Cuba ngoan cố. Vì lẽ gì, những nước cộng sản còn lại này không sụp theo, khi mà mâu thuẫn, xung đột trong nội bộ cũng giống nhau cả ? Các chính quyền CS Á Châu cũng tàn bạo không kém. Người dân Á châu không phải là không bất mãn và cũng đã có nhiều trào lưu chống đối nổi lên, tựa như vụ Thiên An Môn ở Trung Cộng. Nguyên nhân tại sao luồng sóng dân chủ đã ngừng lại tại biên giới các nước này, là một vấn đề phức tạp đến tận nay vẫn chưa có câu trả lời đích thực.

Nhưng người Cộng Sản Việt Nam đã có câu trả lời dứt khoát : đóng cửa và thắt chặt lại, hủy bỏ tất cả những việc «cởi trói» trước đây, và quay lại chính sách chuyên chế khắc nghiệt cũ. Và Trung Cộng, Bắc Hàn, Cuba, Lào cũng vậy. Họ đã biến thành một thành trì khổng lồ tượng trưng cho sự hung bạo, hắc ám còn lại trong nhân loại. Thành trì này ngoan cố chống lại với mọi tiến hóa và tiến bộ của loài người, và là nguồn gốc của sự khó khăn to lớn mà các dân tộc, các giai tầng nhân dân bị đè nén, trong đó có người Việt Nam chúng ta.

Chương V - Đời Văn Bút - Xã Hội Westminster - Mặt Trận Dân Tộc Dân Chủ Việt Nam

Một khu phố nhỏ phía tây thành phố Westminster, một thành phố xinh xắn và gọn ghẽ, có tiếng về an ninh và hoàn cảnh tốt, lại cũng có tiếng là nơi trú ngụ nhiều người Việt tỵ nạn nhất. Đất lành chim đậu. Đây cũng là một nơi khí hậu ôn hòa, không nóng cũng không lạnh quá, và ít mưa. Một xã hội Việt Nam thu nhỏ lại, với đủ các hạng người, đủ các số phận, từ nhiều nơi ở Việt Nam tới rồi đến ẩn náu ở đây. Chúng tôi hơi khác, nhưng nói cho đúng, cũng chỉ là những cánh bèo rạt tới chỗ này.

Chúng tôi bắt đầu cuộc đời lang thang. Hai vợ chồng do bạn hữu giới thiệu, tìm phòng để «share» tức là thuê một phòng trong nhà người khác. Ở đây làm thế là thường, vì không đủ tiền thuê một căn nhà, dù nhỏ nhất, thì phải đến thuê một phòng ở chung với người khác cùng nhà. Nhiều cái bất tiện, nhưng đành chịu... Đất Mỹ là thế, có rất nhiều chuyện đặc biệt.

Lần đầu xuống Westminster, chúng tôi thuê một buồng trên gác hai một khu chung cư. Nhà ở đây cao ráo, đủ tiện nghi. Ở phòng bên kia trên gác là hai sinh

viên độc thân, rất trẻ và rất nhiệt tình. Dưới nhà có một buồng nhỏ, là một cô gái Việt Nam mới tới Mỹ không lâu, làm nghề điện tử, một nghề dễ kiếm nhưng khó nhọc, lương rất thấp không đúng với quy định. Mọi người tự nấu tự ăn. Chúng tôi đều chung sống hòa bình, rất hòa thuận và vui vẻ.

Ở không bao lâu, thì «gia đình lâm thời» này tan rã, vì có người phải rời đi tỉnh khác. Chúng tôi lại phải dọn nhà tới một khu khác gần đó. Mỗi lần dọn nhà đều có các bạn hữu giúp đỡ, thực là thân tình. Lần này, đến trong một nhà nhiều phòng, nhiều người ở hơn. Có một người đàn ông độc thân, làm việc bảo vệ ở một nhà máy; lại có một bà cụ không ở được với con cái, nên thuê một phòng ở riêng, cái gì cũng tự làm lấy. Bên cạnh, mấy gia đình người Việt, mỗi gia đình một cảnh ngộ, có những may mắn, vui cười, cũng có những đau buồn, cay đắng... «ngàn giọt lệ rơi»... Qua những nguy hiểm, vật lộn trên con đường vượt biên hay di dân, nhưng tới đất «thiên đàng» như ở đây, vẫn còn bị kịch khác.

Tiếc rằng tuy muốn, nhưng tôi không đủ thì giờ để đi sâu thêm vào đời sống hải ngoại, nếu không có thể sáng tác những chuyện dài, chuyện ngắn mà nội dung tất sẽ nhiều màu sắc. Và lại đầu óc quá ư khô khan rồi, dù nhiều đêm im vắng, tôi vẫn thầm xúc động về những

bi kịch của người ty nạn đồng bào.

Tôi đã gặp một số nhà văn, thi sĩ; như lúc đầu, đã gặp các anh Phạm Quốc Bảo, Duy Lam, Thế Uyên, Viên Linh, Nhật Tiến, Việt Dương v.v... Các nhà báo Giáng Kiều, trước đây trong ban kịch Thế Lữ - Đỗ Tiến Đức, Long An, Đỗ Ngọc Yến, Cao Thế Dung, và nhiều nhà báo khác.

Trong lúc hoạt động, và viết bài cho một số báo, tôi có cộng tác với tờ Thủ Đô Thời Báo do cô Bạch Hạc chủ trương cùng với các cháu tôi - Lan Phương, con anh Hoàng Đạo, để đưa lên chủ trương và ý kiến của tôi về đất nước và thời cục với bút hiệu Viễn Sơn. Đồng thời, cũng góp sức với một số anh em trong có Tổng Nhiệm, Phạm Gia Hùng, Phạm Gia Hòa... để ra tờ Người Dân, một nguyệt san, chuyên nghị luận về chính trị, xã hội. Tờ này có đặc điểm là không đăng quảng cáo thương mại và đạt được kỳ tích là sống dai dẳng cho tới ngày nay. Tiếc là về sau, vì bận nhiều thứ, nên tôi không có bài đăng trên Người Dân nữa, mà tờ Thủ Đô Thời Báo cũng chết sớm.

Riêng tôi rất đồng tình và thông cảm các anh em văn bút ở ngoài, vì sống và sáng tác trong một hoàn cảnh xa lạ và khó khăn, ít độc giả. Duy trì và phát triển được trong hoàn cảnh ấy không phải là dễ, tôi hiểu điều đó và

tôi cũng đã từng chủ trương mấy tờ báo thời tiền chiến. Những tranh cãi trên mặt báo cũng là dễ hiểu, do bất đồng ý kiến về mặt chính trị hay về xã hội; song nếu đi tới những tranh giành bè phái vô ý nghĩa; hoặc những quan niệm thỏa hiệp, đầu cơ có lợi cho chế độ độc đảng cộng sản và gây chia rẽ có hại trong người Việt hải ngoại, thì cần phải gạt bỏ.

Hơn hai năm sống trên đất Mỹ, nhìn lại con đường vừa qua, vừa thấy phấn khởi vừa ngậm ngùi. Dù là một con người thuộc loại «hoạt động» như các bạn hữu gán cho tôi, tôi cũng là một kẻ «đa sầu đa cảm» mang nghiệp văn chương và hơi... lãng mạn trong người. Phấn khởi là vì đã từ một nước chuyên chế nặng nề sang cư ngụ tại một đất tự do dân chủ, đã gặp được đồng bào và nhiều bạn hữu cùng chung chí hướng, đã cùng các anh em làm được một số công việc có ích, đã nói lên, được những nguyện vọng và ý kiến của mình một cách tự do không ai kiểm duyệt. Đời sống vật chất thực là eo hẹp, song cũng có chỗ ở, đủ ăn, chúng tôi không mong gì khác hơn là tạm ổn định để làm những công việc cần thiết. Phấn khởi là vì, tuy ở trong hoàn cảnh xa nước, nhưng đã có thể lên tiếng nói đối chọi với đảng Cộng Sản Việt Nam, có thể phê phán những tội lỗi của chế độ đó, có thể lên tiếng thay những người bị đàn áp, có thể giúp đồng bào trong nước hiểu biết thêm về thế nào là

dân chủ, nhân quyền và tự do.

Có nhiều người coi sự được cư trú tại Hoa Kỳ như một mục đích, một tâm nguyện đã đạt tới. Được sinh sống yên ổn, làm ăn khá, con cái đỗ đạt thành người, và tự mình có chút địa vị xã hội nào đó, là mãn nguyện và tự hào. Nhiều người chỉ theo đuổi giàu sang, hưởng thụ cá nhân, thậm chí ganh đua danh lợi mà quên cả thân thể của mình. Song, tôi không thể không ngậm ngùi vì thân phận lưu vong của mình, mà những bọn bạo quân vẫn còn ngoan cố nắm quyền lực, khủng bố nhân dân và tước đoạt mọi quyền tự do tối thiểu của người dân. Bạo lực vẫn thắng thế, công lý, bình đẳng bị chà đạp, một thiểu số ngang ngược vẫn cười đầu cười cổ mấy chục triệu con người khốn khổ.

Ngậm ngùi với chính mình bất lực trước tình trạng đó, vì tại sao mấy chục triệu con người lại chịu đựng như vậy, tại sao lại còn bao nhiêu kẻ ngang ngược, điên đảo trắng đen, bệnh vực cho chuyên chế và độc tài ? Và trên thế giới, vẫn còn kẻ bạo quân, cộng sản hay không, để cấu kết lẫn nhau trong tội ác ? Vậy các ông Trời, ông Thượng Đế đi đâu cả, để bao người vô tội phải chịu vùi dập ?

Xét cho cùng, muốn tự do, chẳng thể trông mong vào ai cả. Con người chỉ có thể trông vào chính mình. Người Việt chỉ có thể trông vào bản thân trước hết. ngậm ngùi, than thở không đưa tới gì cả. Trước hết, phải tự mình ngẩng đầu lên để gạt bỏ những thứ tiêu cực, sợ hãi ngay của chính mình, gạt bỏ những dục vọng nhỏ mọn ngăn trở ý chí của mình. Bị đánh ngã cũng chưa đáng sợ, đáng sợ nhất là bị đánh ngã rồi chịu nằm im, không có ý chí để đứng dậy nữa.

Đây mới chính là điều đáng ngậm ngùi nhất, và cũng là bị kích trầm trọng của người Việt; đồng thời là bị kích của rất nhiều dân tộc bị áp bức trên thế giới.

Sau năm 89, một khúc quanh lịch sử trọng yếu đã xuất hiện tại Âu châu. Các nước cộng sản Đông Âu lần lượt sụp đổ. Để phối hợp với sự đoàn kết các tổ chức đấu tranh, một Phong Trào Tranh Đấu cho Tự Do và Dân Chủ tại Việt Nam đã được thành gồm nhiều bạn trong đủ các giới. Bản Tuyên Ngôn ngày 11 tháng 2 năm 1990 đã được hưởng ứng rộng rãi và đã gom được đông đảo chữ ký của người Việt trên năm châu.

Thời cơ có lợi để đẩy mạnh phong trào chống đối thêm một bước nữa. Các anh em trong các tổ chức trao đổi ý kiến với nhau, đồng ý cộng tác trong một mô thức chặt chẽ và hữu hiệu hơn. Ngày 25 tháng 5 năm 1991,

một đại hội đã được triệu tập ở Santa Ana, đông đủ các đại biểu các đảng phái. Đại hội vẫn chỉ định tôi nói về mục đích của cuộc họp. Sau hai ngày làm việc, đại hội quyết định thành lập Mặt Trận Dân Tộc Dân Chủ Việt Nam, gồm 8 đảng và một số cá nhân.

Trong bản Tuyên Cáo, có câu :

«Các Tổ chức Tranh đấu cho Việt Nam Tự Do đã đi đến quyết định thành lập Mặt Trận Dân Tộc Dân Chủ Việt Nam.

Mặt trận tự nguyện cùng toàn dân tiến hành một cuộc đấu tranh triệt để, toàn diện và trường kỳ để loại bỏ chế độ chuyên chính cộng sản hầu xây dựng một nước Việt Nam tự do, dân chủ và phú cường»

Đại hội còn thông qua cương lĩnh, nội quy và kế hoạch công tác. Ngoài việc tới các địa phương cổ vũ đồng bào, vận động tại Quốc Hội Mỹ và Liên Hiệp Quốc, một công tác quan trọng là các tổ chức tăng cường việc làm trong nước và giúp đỡ lẫn nhau về mọi mặt. Mặt Trận ra một cơ quan ngôn luận lấy tên là «Tiếng Dân»

Sự ra đời của Mặt Trận Dân Tộc Dân Chủ Việt Nam đã có ảnh hưởng tốt tới tinh thần đoàn kết giữa các đoàn thể người Việt, và gây thêm tin tưởng ở tương lai.

Chỉ tiếc rằng tới 1994, do hành động đi sai với cương lĩnh của Mặt Trận của một tổ chức, Mặt Trận bắt buộc phải ngừng sự cộng tác của tổ chức đó (phải nói thêm là chính trong nội bộ tổ chức ấy cũng chia hai phe vì có người phản đối).

Cần nói thêm rằng, ngoài khuynh hướng đấu tranh triệt để, trong tập thể hải ngoại, có những khuynh hướng xu về thỏa hiệp, hòa hợp hòa giải với cộng sản, đối thoại vô nguyên tắc, đầu cơ... Đó là điều rất dễ hiểu vì trước những khó khăn, thất bại, nhiều người đi tìm những con đường ngoắt ngoéo. Họ không hiểu thế nào là «chuyên chính vô sản» cả.

Để tránh những xung đột vô ý nghĩa giữa các tổ chức, Mặt Trận Dân Tộc Dân Chủ đã ngừng hoạt động vào năm 1995.

Thời gian trôi qua, tâm lòng phản kháng của một số người Việt cũng đã mờ nhạt dần. Một số nêu ra nguyên nhân như «gạt bỏ quá khứ» và «xóa bỏ hận thù» dưới sự tán thưởng của một số nhà trí thức yếu bóng vía và người Mỹ ba phải. Họ không hiểu được vấn đề không phải là quá khứ - mà là hiện tại, là ách chuyên chế tàn bạo và thoái hóa cộng sản trên đầu dân Việt. Cũng không phải là bám lấy hận thù, mà là phẫn uất, bất bình trước độc tài, tàn ác, bất công, và nghĩa khí cần có của một con

người không thể khuất phục trước bạo tàn.

Sau một thời kỳ cố gắng thực hiện kết hợp, các anh em không khỏi thất vọng. Tuy nhiên, vẫn có thể tự hào là đã làm những việc có ích; đại đa số các đảng phái quốc gia đã ngồi chung và cộng tác với nhau trong tinh thần anh em, không hề xảy ra những xích mích, đả kích lẫn nhau vì lợi ích, địa vị cá nhân hay bè phái, mặc dầu có những dị biệt về đường lối hoạt động. Về sau, tuy đã chia tay, nhưng nhiều anh em vẫn tiếp tục hoạt động và phần lớn theo đường lối mà Mặt Trận Dân Tộc Dân Chủ đã đề xướng.

Riêng đối với tôi, góp sức được vào sự hợp tác của bao anh em hoạt động cho tự do dân chủ, được cùng chung sống và làm việc vô tư với bao nhiêu bạn các giới, tôi cảm thấy an ủi và phần khởi chưa từng có. Cảm tình của các anh em, các bạn hữu đã in sâu vào trong lòng tôi và khuyến khích tôi cố gắng thêm nữa. Cuộc đời là một cuộc đấu tranh. Thua cuộc này, bày cuộc khác, đó là quy luật của cách mạng. Bỏ cuộc, tức là chịu thua. Chúng tôi có thất bại, nhưng không bao giờ chịu thua. Nhiều anh em, bạn hữu và tôi đều đã làm như thế, và mãi mãi, dù biết có nhiều trở ngại.

Bài học quý giá nhất cho cá nhân tôi là vô luận trong tình thế nào, nếu kiên trì chân lý, kiên trì chống tội ác

và chân thành đối đãi với bạn hữu, thì sẽ được phần thưởng quý báu : Không bao giờ cô đơn.

Chương VI - Hoạt Động Nhân Quyền Và Dân Chủ - Viết Tiểu Thuyết Trên Sông Hồng Cuồn Cuộn

Từ quận Cam đi Las Vegas, thành phố cờ bạc, phải mất sáu tiếng xe hơi, qua vùng sa mạc khô nắng, thỉnh thoảng có những cây xương rồng hình thù lạ mắt. Anh bạn tôi, một người thường hay bén mảng chốn này, nói là ở đây có nhiều di tích lịch sử về chuyện người Âu Châu đến khai thác từ 2, 3 thế kỷ trước. Đi ngang qua Thung Lũng Chết (Dead Valley), nhưng không đủ thì giờ ghé vào. Đến tối, tại chân trời đã thấy một vùng sáng rực, rồi bắt đầu hiện ra những tòa nhà rực rỡ, đủ màu sắc, với hàng muôn vàn ánh đèn sáng chói. Thực như là trong Thiên Phương dạ đàm (Một ngàn lẻ một đêm), một thiên đường trôi lên trong bãi sa mạc mênh mông. Chưa bao giờ chúng tôi thấy nhiều đèn điện đủ màu như thế.

- «Đây chưa chính thức là Las Vegas, mà chỉ là tiền đồn» Anh bạn tôi bảo... và anh nói thêm : «đến Las Vegas phải đến vào bao đêm mới đẹp»

Tới Las Vegas, quả nhiên là không thể không chóc mắt trước cảnh cả một thành phố ánh sáng lộng lẫy. Có ai đếm được các bóng đèn và ống neon ở đây, còn nhiều

hơn sao sa gấp bội. Thực là phồn hoa phú quý, tiền rừng biển bạc. Những vương phi, hoàng tử và trọc phú ở tận bốn chân trời đều đổ về đây để ăn chơi, phung phí. Mỗi khách sạn lớn cũng là một sông bạc lớn, trong có đủ cửa hàng buôn, hàng ăn. Đồng thời cũng có những chương trình ca vũ, âm nhạc. Chúng tôi đương nhiên không phải là khách sộp, chỉ rút ở máy kéo qua loa, thua được vài chục Mỹ kim mà thôi.

Cách Las Vegas không xa là Thung Lũng Lớn (Grand Canyon), lại một kỳ cảnh thế giới. Thung lũng này do con sông Colorado tạo nên giữa hai rặng núi cao, sâu tới hàng mấy trăm mét và dài hàng trăm cây số, đứng trên bờ cao nhìn xuống không khỏi rùng mình.

Nhân được rồi, chúng tôi chuyển xuống vùng San Diego, miền cực nam Cali, tiếp giáp với nước Mexico. Con đường nằm bên bờ biển, thực đẹp với những bãi cát trắng vỗ sóng rất rào. Ngoài khơi, những con hải âu bay là là trên mặt nước. Thời tiết ở đây tuyệt vời vào bậc nhất thế giới, quanh năm nắng ấm ít mưa, không nóng cũng không lạnh quá, thích hợp với người Việt ta. San Diego, thành phố xinh xắn êm đềm, có mấy chục ngàn người Việt cư trú. Ở đây, bạn cũ, bạn mới cũng nhiều, rất nhiệt tình. Muốn qua thăm Mexico, cũng rất tiện, chỉ cần giơ thẻ thường trú ra là sang được Tijuana.

Dễ dàng như thế nhưng không có ai muốn trốn sang Mễ trú ngụ, mà chỉ có nhiều người Mễ vượt biên sang Mỹ một cách phi pháp. Cũng lạ là chỉ một vùng đất, mà hai bên khác hẳn nhau. Bên Mỹ giàu có, sạch sẽ, ngăn nắp, văn minh hơn, nhưng bên Mễ hiển nhiên nghèo nàn, luộm thuộm, lạc hậu hơn nhiều. Yếu tố con người rõ ràng là quyết định tất cả.

Có khi, dừng xe trên bờ biển hay chân núi êm đềm, tôi chợt nghĩ đến một ngày nào, nếu về được đây nghỉ ngơi, tĩnh dưỡng, thì cũng gần như lý tưởng rồi. Song, tương lai làm sao tiên đoán được ?

Từ Cali sang tiểu bang bên cạnh, Arizona, cũng phải qua sa mạc và nhiều dãy núi khô khan, ban ngày nắng gắt, ban đêm lại lạnh. Thủ phủ tiểu bang, Phoenix (Phụng Hoàng Thành) là một thành phố xinh xắn, an ninh, nhưng lại quá nóng, trong nhà lúc nào cũng phải mở máy lạnh. Không ít đồng bào cư trú ở đây. Tại phía nam, có thành phố Tucson gần biên giới Mexico, với một trường đại học có danh. Chúng tôi ghé đến Arizona, nói chuyện về vấn đề chính trị và nhân quyền, được các bạn hữu hoan nghênh. Lại có dịp tốt để gặp ông bà Phương Lệ Chi. Ông Phương sau vụ Thiên An Môn tại Bắc Kinh, phải trốn vào trong Đại sứ quán Hoa Kỳ, sau đó bị Trung Cộng trục xuất sang Mỹ rồi được giữ việc

ngiên cứu tại đại học này. Ông rất đồng ý với chúng tôi về việc đấu tranh giành dân chủ tự do cho nhân dân, và về tích cực hoạt động Nhân Quyền, và hẹn sẽ cộng tác với chúng tôi sau này. Lúc đó, tại Mỹ, đã có một số tổ chức «vận động dân chủ» hoạt động chống lại Bắc Kinh. Tình cảnh chúng tôi giống nhau, nên đồng tình lẫn nhau cũng dễ hiểu thôi. Muốn hoạt động cho mạnh, ta không nên phân biệt quốc gia, dân tộc, miễn là cùng một lý tưởng tự do, nhân quyền.

Về tới quận Cam, không khí ở đây có vẻ bận rộn và sôi nổi mọi mặt. Nhiều hoạt động về tổ chức cộng đồng, chính trị, văn nghệ, đặc biệt là nhân quyền.

Tại đây có mấy tổ chức nhân quyền hoạt động, như Nhân Quyền Năm 2000 với anh Nguyễn Thanh Hà, Ủy ban Nhân Quyền Nam Cali với các anh Đoàn Thế Cường, Ngô Văn Hiếu... Ủy Ban Đấu Tranh Cho Dân Chủ Và Nhân Quyền với các anh Trần Đức Thanh Phong, Nguyễn Ngọc Kỳ... và nhiều bạn khác. Trong thời gian này, còn có anh Nguyễn Huy Hân từ Pontiac xuống; chị Trần Thị Thức từ miền Minnesota (bà Đoàn Viết Hoạt), anh Phạm Ngọc Lũy, anh Lê Minh Chính v.v... cũng rất sốt sắng trong công việc.

Tôi có dịp đi thăm anh Nguyễn Huy Hân tại nhà anh tại một thành phố nhỏ gần Detroit. Anh mở một tiệm ăn nhỏ để sinh sống, một đời sống giản dị, nhưng cũng đề găng góp phương tiện vào hoạt động chung.

Trong giai đoạn này, không những có nhiều hoạt động tại vùng Nam Cali, mà tại nhiều nơi, kể cả bên Âu châu, Úc, cũng có nhiều đoàn thể, cá nhân người Việt tiến hành hoạt động về mặt tố cáo Cộng Sản Việt Nam nghiêm trọng vi phạm nhân quyền và yêu cầu CS thả tất cả tù lương tâm và trả lại mọi quyền căn bản cho người dân. Mặt đấu tranh về nhân quyền phối hợp với đấu tranh chính trị càng dễ đi vào lòng đồng bào và làm quốc tế càng đồng tình người Việt bị áp bức.

Nhiều lúc, suy nghĩ về phương cách nào có thể làm suy yếu chế độ độc đảng hay cùng các anh em tâm sự, đầu óc cũng rối bời. Ai cũng mang lý tưởng ấy, nhưng những chiến lược cũ thời chiến hiện nay không thể áp dụng nguyên như vậy. Và cùng lúc, người cộng sản ở trong nước cũng thấy không thể giữ nguyên chính sách khắc nghiệt và đóng cửa trước kia, cũng phải điều chỉnh để tự cứu. Chúng tôi cảm thấy trí óc của mình cần phải nắm được thời thế chuyển biến, và cần phải cố gắng nhiều hơn nữa để xác định đường lối hoạt động.

Song chính vì đầu óc bận rộn quá nhiều về hoạt động và suy tư chính trị, đất nước, mà thành ra quá khô khan. Tôi vốn có tâm hồn nhà văn, và coi viết văn như một lý tưởng chính, chỉ vì bôn ba trên đường đời quá nhiều, thiếu hoàn cảnh thích hợp nên chưa thể dùng chân để làm những cái mình thích. Trong gia đình, vợ tôi cũng như các cháu đều muốn thấy tôi lại cầm bút lên. Tôi cũng cần góp sức nhỏ mọn vào nền văn học Việt Nam - một việc mà cùng với các anh lớn, các bạn nhà thơ nửa thế kỷ trước đây tôi đã cùng sống những ngày hào hứng, cùng chung đắng cay. Bao nhiêu bạn văn đã theo nhau qua đời, nhưng người đời vẫn không quên.

Nửa thế kỷ đầu tiên tôi sống ở miền Bắc, tất cả những cảnh sống động từ thời thơ ấu cho đến thời thanh niên, thời đi học cho đến thời gian dự nghề viết báo, làm văn thơ, những làn sóng cách mạng tiếp nối nhau, cho tới khi tôi cũng gia nhập vào, cho tới những ngày kinh hoàng 1945-46, tất cả những cái đó như một bức tranh đầy màu sắc, đầy xúc động, khiến tôi quyết định viết một cuốn tiểu thuyết về thời kỳ đó. Tiểu thuyết chứ không phải hồi ký, tuy là dựa trên quá trình đời sống của tôi và gia đình, bạn hữu, trong bối cảnh xã hội. Đây là chuyện của những nhân vật hư cấu.

Với cuốn «Trên Sông Hồng cuộn cuộn», tôi muốn ghi lại cuộc sống của những thanh niên hồi đó trong những lớp sóng thời đại, với cả tốt xấu, vui buồn, hi sinh và đau khổ, ghi lại một phần của nền văn nghệ với Tự Lực Văn Đoàn, những nét đặc biệt trong cuộc đấu tranh chống thực dân, cũng như xung đột giữa các phe quốc gia, cộng sản và kết thúc với sự thất bại đau buồn của người quốc gia. Ngòi bút của tôi làm sao có thể miêu tả được những thứ đó ? Nhưng ít ra, cũng đã có một số bạn đọc thông cảm với tác giả, và tìm thấy xúc động và thương cảm những nhân vật trong đó, thông cảm với cả một thế hệ đi trước.

Song, chính trong lúc viết, gia đình cũng xảy ra biến cố, mẹ các cháu mắc một chứng bệnh hiểm nghèo, phải mổ, rồi dùng thuốc hằng năm trời. May nhờ trời cũng tai qua nạn khỏi; và dù bận rộn, tôi cũng cố gắng viết cho xong cuốn truyện. Tuổi về già, khó tránh được quy luật thiên nhiên. Chúng tôi sống được đến tận nay cũng là ít có lắm rồi. Chúng tôi vẫn khuyến khích lẫn nhau để vượt qua mọi trắc trở. Không phụ tấm lòng tin cậy của đồng bào, các bạn hữu và của gia đình, tôi gắng không ngừng hoạt động và theo lời yêu cầu của nhiều anh em, tôi viết cuốn hồi ký «Việt Nam một thế kỷ qua» ghi lại cuộc đời đã sống.

Cũng may mà tuy quá già, tôi vẫn còn đủ sức để đi lại, viết lách, hội họp khi cần, tôi cũng chưa mắc bệnh quái ác nào, cũng chưa phải vào nằm bệnh viện nào cả. Còn sức khỏe - hay ngay khi đã ốm yếu - con người ta cũng còn phải cố gắng làm cái gì có ý nghĩa mới không ân hận.

Để bày tỏ nhận định chung đối thời cuộc và đưa ra một đường lối làm việc thực tế, một số anh em trong Ủy Ban Đấu Tranh Dân Chủ và Nhân Quyền ra một tờ nghị luận lấy tên là «Chính Nghĩa - Diễn Đàn Của Người Việt Tự Do». Quan điểm chung đưa ra lúc đó là «Trước chủ trương ngoan cố của đảng CSVN, gạt bỏ ảo tưởng, thúc đẩy đấu tranh toàn diện» Chính nghĩa đề ra «10 điểm chính sách của người Việt hải ngoại» như tư tưởng chỉ đạo cho cuộc đấu tranh chống chế độ độc đảng CS.

10 điểm đó tới bây giờ vẫn được đại đa số thành phần kiên quyết chống độc tài, giành dân chủ tán thành.

Ngoài ra, còn hợp tác của anh Nguyễn Văn Kim, trong tổ chức Mặt Trận Việt Nam Tự Do, đề xuất bản tạp chí Nhân Quyền trong hai năm 1994-1995. Một điều khiến mọi người nuối tiếc là anh Nguyễn Văn Kim đã mất quá sớm, nên tờ Nhân Quyền phải đình bản và một số công tác chung cũng đã ngừng trệ. Anh Kim là một người đã

có nhiều đóng góp trong công việc đoàn kết.

Tôi nghĩ rằng, sự mất mát của những nhân vật đấu tranh như các vị Nguyễn Long Thành Nam, Nguyễn Ngọc Huy, và Nguyễn Văn Kim là tổn thất nặng cho hàng ngũ người Việt tự do ở hải ngoại. Mỗi người đều có những thiếu sót và lầm lỗi, không có ai là thánh cả, nhưng tìm được những người một lòng kiên trì đấu tranh chống bạo tàn không phải là dễ. Nhiều người tốt đã theo nhau mà đi rồi. Cảnh này nếu cứ tiếp tục thì sao đây ? Tôi lại chợt nhớ tới cảnh Việt kiều ở Trung Quốc, nay đã tan tác, mỗi người bỏ đi một chốn tha phương; cùng những người Bạch Nga chạy trốn làn sóng cộng sản, bơ vơ sống day dứt tại Thượng Hải hàng mấy chục năm. Không rõ tình trạng của họ hiện nay ra sao sau ngày Liên Xô tiêu vong. Cũng may mà đến ngụ tại đất Mỹ tự do phồn vinh trong lúc hệ thống cộng sản ở Âu Châu đã sụp đổ, gọi là được mở mày mở mặt với thế gian đôi chút.

Cuốn tiểu thuyết do nhà xuất bản Đỗ Thông Minh phát hành. Anh Đỗ Thông Minh là một nhà hoạt động và nghiên cứu về văn hóa tại Nhật Bản. Cuốn này ra đời được nhiều bạn hữu hỗ trợ, như nhà văn Nguyễn Sỹ Tế, Võ Phiến, Trần Hồng Châu, Duy Lam, Viên Linh, Cao My Nhân, Như Phong, v.v... các bạn, anh chị Tôn

Thất Niệm, Võ Đình Hữu, Lưu Trung Khảo, Trần Đức Thanh Phong, Nguyễn Ngọc Kỳ, Phạm Quốc Bảo, Tôn Nữ Quế Phương và nhiều bạn khác.

Chương VII - Tình Thế Chung - Viết Hồi Ký - Bà Chị Qua Đời

Tại quốc nội đã xảy ra nhiều sự kiện đáng chú ý, chứng tỏ là tình hình đã có biến đổi, dân chúng đã tỏ ra sự bất mãn của mình bằng nhiều mặt. Trước hết là một số nhà trí thức hay ngay cựu đảng viên. Đáng đề ý là người cộng sản đã ra ngoài nước tìm tự do, như Nguyễn Minh Cần, Bùi Tín, Vũ Thư Hiên v.v... là những đòn tâm lý đánh nặng vào chế độ cộng sản, và gây chú ý từ dân trong nước cho đến thế giới. Ngoài ra, 8 trong, có những người đã dám phản kháng với đảng CS, như Nguyễn Hộ, Hồ Hiếu, Hà Sĩ Phu, Hoàng Minh Chính, Nguyễn Kiến Giang, Bùi Minh Quốc, Dương Thu Hương v.v... Một số nhà trí thức chống đối vẫn còn ở trong tù như Đoàn Viết Hoạt, Nguyễn Đan Quế, Đoàn Thanh Liêm... và nhiều nữa. Có nhiều người ở hải ngoại không sợ hi sinh đã về trong nước để hoạt động.

Sự chống đối về mặt tôn giáo càng ngày càng mạnh với Phật Giáo Hòa Hảo, Phật Giáo, Công Giáo. Nền kinh tế càng ngày càng suy sụp, mực sống của dân chúng xuống rất thấp. Nền thống trị của chế độ chỉ còn dựa trên bạo lực công an và quân đội, cộng với những lời hứa hẹn xảo trá và bùng bít mọi tin tức, mọi tin

tướng dị biệt. Có một điều rõ rệt, là chế độ độc đảng bước vào một thời kỳ suy thoái và nguy cơ. Vì ba yếu tố quan trọng của một cuộc biến động lớn là nguy cơ kinh tế, dân chúng bất mãn lên cao và nội bộ tập đoàn thống trị chia rẽ. Hiện nay là một cơ hội tốt cho đấu tranh chống sự thống trị độc tôn của Cộng Sản Việt Nam. Cần vận dụng đủ mọi phương pháp để hoạt động cho đạt tới mục tiêu làm suy yếu chế độ.

Trên thế giới, nhìn chung, trào lưu tự do dân chủ đã tiến mạnh sau ngày suy sụp của Liên Xô, thành trì của chuyên chế độ tài. Rất nhiều nước trên hoàn toàn cần đã thiết lập chế độ dân chủ. Các nước độc tài lớn nhỏ còn lại phải cố sống cố chết bám lấy nhau. Và nay, đầu sỏ không ai khác là Trung Cộng đang nuôi mộng làm bá chủ thế giới, và Việt Cộng dù muốn dù không cũng phải chạy theo.

Trong lúc mưu cầu một chương trình hoạt động thích ứng với tình thế mới, theo lời yêu cầu của nhiều bạn hữu, tôi bắt đầu viết cuốn Hồi ký, lấy tên là «Việt Nam, một thế kỷ qua», với ngụ ý thuật lại cảnh ngộ riêng của chúng tôi trong bối cảnh chung của cả dân tộc, không có ý đồ miêu tả toàn diện tình trạng đất nước. Hồi ký chia làm hai phần : phần tại quốc nội và phần lưu vong quốc ngoại. Những ngày khôn quên từ thuở nhỏ cho tới

những năm quyết liệt 45-46, cần ghi lại những sự thực lịch sử chứ không «bay bướm» như trong cuốn «Trên Sông Hồng cuộn cuộn». Nhưng, cũng như khi viết cuốn tiểu thuyết một sự kiện đau buồn đã xảy ra khiến tôi phải ngừng trong một thời gian : đó là sự qua đời của chị tôi, bà Nguyễn Thị Thế vào năm 1997. Người chị thân yêu đã bỏ tôi mà đi, vì vậy, tôi đã thành người cuối cùng sống sót trong thế hệ đó của gia đình bảy người.

Bà chị cũng đã sống một cuộc đời gian truân, nghèo nàn tại miền Bắc. Vào trong Nam, đời sống mới dần dần khá hơn.

Chị em đã xa cách nhau hơn 40 năm, mới gặp lại nhau trên đất ngụ cư này. Nhưng bà đã già yếu quá. Biết tin bà mệt đã lâu, nhưng cả một niềm đau thương vô hạn vẫn tràn lên cả người khi được tin bà ốm nặng, đã bất tỉnh nhân sự. Bà đã gần 90 tuổi rồi, âu cũng là sống lâu. Và bà cũng đã có một tác phẩm viết về gia đình.

Tháng 9 năm 97, cùng hai cháu Duy Lam và vợ, tôi đáp máy bay đi Washington D.C. Bà đã nằm lặng trên giường không còn nhận ra ai nữa. Con cháu vây chung quanh rất đông. Vài hôm sau thì bà tắt thở. Tôi và đông đảo người nhà, thân hữu tiễn đưa chị đến chỗ yên nghỉ cuối cùng, một mộ địa vắng lặng gần thủ đô Hoa Kỳ. Quan tài chị được đặt từ từ xuống huyệt giữa tiếng khóc

bị ai của người đi tiễn. Trước khi lấp đất, tôi có nói vài câu giã biệt người chị. Chung quanh nhiều tiếng khóc làm tôi ghen lời. Làm sao mà chị em lại gặp nhau rồi lại từ biệt nhau ở đất này ? Gió rung rinh thổi qua cành lá những cây trong mộ địa. Những tấm bia đá xếp hàng dài trên bãi cỏ xanh. Cảnh tượng hiu buồn của những nghĩa trang Hoa Kỳ, man mác. Ôi ! Số phận con người là thế. Bao nhiêu người thân yêu đã rủ nhau tới nằm một giấc triền miên ở những nơi này ? Bây giờ chỉ còn lại một chiếc quan tài dưới mặt đất. Vài cành hoa héo. Một tấm bia mới tinh. Rồi sau, những con đường trong đây lại im vắng, thỉnh thoảng mới có một bóng người ngồi lặng bên mồ, cô độc.

Về sau, mỗi khi phải đặt chân tới những nơi như thế này, trong lòng lại băng khuâng một cách lạ lùng. Lại bỗng nhớ tới những người đã khuất trong nửa thế kỷ qua. Những anh em trong nước... anh Thạch Lam, anh Hoàng Đạo, anh Hai, rồi đến anh Tam, anh Cả, mẹ tôi, các chị. Gần đây, bên Pháp, cái chết của anh Vũ Văn Đức, người bạn cùng xông pha trong những ngày đặc biệt. Một người bạn học từ thời Pháp thuộc, cùng trong trường Albert Sarraut, anh Trần Trung Dung, cuộc đời cũng khá gian truân. Hai năm trước đây, nay lại gặp nhau tại đất Westminster, cùng ngồi nhâm cà phê, ôn lại chuyện đời xưa. Nhưng nay anh đã thành người thiên

cổ. Tôi đi đưa đám anh, trong lòng ngậm ngùi vô tả. Hai kẻ bạn già, nay lại âm dương đôi ngả.

Lại còn Châu, cháu tôi, con bà chị, cũng rất nhanh từ trần theo mẹ. Nhớ tới những lúc đông đảo họ hàng, bạn hữu thường tụ tập tại nhà Châu - Viên những ngày vui đã qua.

Lại nhớ tới anh Đặng Văn Sung, bạn học Y khoa, một người rất có lòng, hăng hái tham gia chống Pháp rất sớm. Trước khi mất, anh có tâm sự với tôi và cổ vũ tôi tiếp tục cố gắng, vì anh tự biết sức khỏe đã sút giảm nhiều. Lại một bạn già.. .

Còn nhiều người nữa. Như những quả chín dần dần rụng từ trên cành xuống. Lại nhớ tới câu :

«Vùi nông một nắm, mặc dầu cỏ hoa».

Đây là định mệnh chăng ?

Tâm tình nặng nề khiến cho việc hoàn thành cuốn hồi ký chậm trễ hơn. Gia đình và một số bạn hữu e ngại về sức khỏe của tôi, nói «Bác đã hơn 80 tuổi rồi, làm việc cũng đã nhiều rồi, nên chú trọng nghỉ ngơi». Nhưng có anh em khác lại bảo «Cứ để cho bác viết, nếu không thì quá muộn... vả lại, tính bác ấy không thể ngồi không được».

Dù mệt yếu, tôi cũng phải gắng hoàn thành phần I cuốn Hồi ký 1916-1946, nghĩa là từ thời còn thơ ấu cho tới những năm còn là học trò, sinh viên làm báo tới tham gia cách mạng và xung đột Quốc Cộng, rồi nước ra đi. Cuốn I này do nhà xuất bản Thạch Ngũ phát hành, do anh Nguyễn Tường Giang đảm nhiệm, các anh Nguyễn Tường Quý, Phạm Quốc Bảo giúp đỡ.

Theo lệ thường, lại tổ chức «ra mắt sách» ở Westminster, ở San Jose và ở San Diego. Do dự hỗ trợ nhiệt tình của rất nhiều bạn hữu các địa phương đó, «ra mắt» tương đương thành công - đặc biệt ở San Jose. Tôi rất cảm động trước sự nhiệt thành và thông cảm của thánh giả. Thông cảm với cuộc đời của tác giả cũng có, và càng quý báu hơn là sự quan tâm đến các thời lịch sử, đến vận mệnh của những người trong các thế hệ trước, thông cảm với những vui buồn và thăng trầm của dân tộc, và thông cảm với nhau. Mỗi người có thể có con mắt nhìn khác nhau về cuốn sách, hay về những sự kiện kể trong đó. Dù sao, ở đây tác giả cũng xin hết lòng cảm tạ tất cả các bạn đã vui lòng đến dự vào thảo luận nhiệt liệt về cuốn sách này. Ít ra, cũng có một sự đồng thuận : cuốn hồi ký này là một đóng góp nhỏ vào lịch sử thời kỳ phức tạp và quan trọng nhất là những ngày trước sau 1945 quyết định mệnh vận của dân tộc. Và qua những cuộc gặp gỡ, tôi đã tìm được nhiều bạn mới.

Tôi cố gắng viết nốt phần II cuốn Hồi ký - kể về giai đoạn sống ở ngoài nước từ năm 46 cho tới nay - năm 2000. Vì mệt nhọc và lại bận về công việc, nên tới bây giờ mới có thể hoàn tất. Dù chú trọng đến việc viết, nhưng cũng không thể quên được trách nhiệm chính yếu của mỗi người Việt Nam, góp sức vào công cuộc giành tự do, dân chủ và nhân quyền cho dân tộc.

Chương VIII - Hoạt Động Về Nhân Quyền Và Chính Trị - Mạng Lưới Nhân Quyền

Vào gần cuối thập niên 90, tình hình trong nước có biến động, nhưng chưa đủ để gây nguy cơ lớn cho chế độ. Chống đối của trí thức, nông dân, các nhóm tôn giáo chưa thành phong trào mạnh hay liên tục. Một đặc điểm của cục diện Việt Nam là hầu như không có sinh viên, thanh niên hay công nhân tham gia vào hoạt động chống đối. Điều này khiến cho phong trào thiếu bùng bột, đông đảo và thiếu cái gọi là xung kích tại ngay trái tim của nền thống trị : các thành phố. Đây là một nguyên nhân quan trọng. Ngày nay, lối hoạt động cổ truyền của các đoàn thể quốc gia là bí mật tổ chức kháng chiến, hoạt động nằm vùng, dùng bạo lực đã tỏ ra chưa đủ để giải quyết vấn đề.

Nhận thấy đấu tranh về mặt Nhân Quyền là có thể đẩy động được đông đảo quần chúng và huy động được áp lực của quốc tế, một số anh em sau khi đã suy xét kỹ, quyết định khởi xướng sự phối hợp của các tổ chức, cá nhân đương hoạt động trong một phong trào rộng rãi và có ảnh hưởng lớn hơn.

Từ năm 1996, qua nhiều buổi họp đề thảo luận và đặt liên lạc với các anh em trong Hoa Kỳ và tại Canada, Âu Châu, Úc, nhiều thành phần các nơi đã đồng ý nguyên tắc kết hợp với nhau. Tôi đã góp phần vào việc soạn thảo nguyên tắc hợp tác và nội quy của cơ cấu hợp tác. Một đại hội thế giới được triệu tập vào tháng 10 năm 1997. Các thành viên dự hội đã nhất chí lấy danh xưng «Mạng Lưới Nhân Quyền Việt Nam» Một ủy ban phối hợp đã được bầu ra để tiến hành công việc liên lạc và hợp tác giữa các tổ chức với trưởng ban là anh Nguyễn Thanh Trang.

Tôi được anh em đề cử làm cố vấn Mạng Lưới Nhân Quyền. Mạng Lưới Nhân Quyền tuy còn non yếu, song đây là biểu hiện của lòng đoàn kết giữa người Việt Nam trong lúc này. Trong Mạng Lưới không có tranh chấp gì về vấn đề cá nhân, địa vị, tuy rằng về phần đường lối hoạt động có những ý kiến khác nhau.

Mạng Lưới đã có tác dụng trong cuộc điều hợp những hoạt động đối cộng đồng người Việt, đối Quốc Hội và trong việc vận động quốc tế yểm trợ. Những cuộc vận động tại Liên Hiệp Quốc, tại Quốc Hội Hoa Kỳ và các nước dân chủ đã khiến cho thế giới chú ý nhiều hơn tới tình hình vi phạm nhân quyền nghiêm trọng tại Việt Nam.

Sự kết hợp trong hoạt động Nhân Quyền đã có tiền triển. Đại hội kỳ II đông đủ hơn năm 1997, rồi tới 1999, Đại hội kỳ III càng thành công hơn. Có nhiều đại diện từ các châu khác tới như ở Pháp, Đức, Úc, New Zealand, Canada v.v... Không kể từ New York, Washington D.C, Chicago, Florida, Louisiana, Houston, Dallas, Seattle, San Jose, San Diego, Arizona, và Nam Cali. Mà còn một số nhân vật hoạt động Nhân Quyền trong các dân tộc khác như người Hoa, Tây Tạng, Miến Điện v.v... tham dự.

Mấy năm trước, dưới áp lực về mặt Nhân Quyền, nhà cầm quyền cộng sản đã phóng thích một số tù nhân lương tâm, trong đó có bác sĩ Nguyễn Đan Quế, giáo sư Đoàn Viết Hoạt, luật sư Đoàn Thanh Liêm và một số chiến sĩ khác. Tháng 9- 98, anh Đoàn Viết Hoạt tới Los Angeles. Các anh em trong tổ chức đón tiếp. Chúng tôi có trao đổi ý kiến với nhau về thời cuộc và đồng ý rằng cần phải cố gắng cộng tác với nhau trong việc đấu tranh chung cho Tự Do, Dân Chủ và Nhân Quyền tại Việt Nam.

Trong thời gian ấy, tôi cũng có gặp những vị như Phạm Kim Vinh, Hoàng Duy Hùng, Trần Mạnh Quỳnh, Lý Tống, Phạm Văn Thành, Nguyễn Thanh Vân, và một số bạn trẻ khác. Tôi nghĩ những cuộc gặp gỡ để trao đổi

ý kiến về đường lối hoạt động là có ích và cần thiết, và tất cả các bạn hữu cũng đồng ý như vậy để tìm cách gây dựng lại tinh thần đấu tranh và đoàn kết không thể thiếu được nếu muốn đưa công việc tới chỗ thành công.

Một nhóm nhân sĩ tích cực và có khả năng phân tích các vấn đề Nhân Quyền ở Âu Châu và Hoa Kỳ, trong đó có những vị như Lâm Lễ Trinh đã ra một đặc san lấy tên là Nhân Quyền - Human Rights. Droits de l'Homme, viết bằng tiếng Pháp và tiếng Anh, là một công hiến có giá trị để truyền bá tư tưởng nhân quyền và gây sự chú ý của quốc tế.

Nhưng dù sao, hoạt động nhân quyền cũng chỉ là một mặt của cuộc đấu tranh chống chế độ độc đảng. Cần có những lực lượng chính trị mạnh có chủ trương thích ứng với thời thế. Điều này khó thực hiện được ở quốc nội do sự cùm kẹp của chế độ; tại hải ngoại cũng gặp nhiều trở ngại chưa vượt qua nổi. Một là, một phần người tỵ nạn cũng đã dần dần chán nản, bỏ cuộc, thậm chí còn đi vào con đường đầu cơ, bắt tay với cộng sản. Hai là trạng thái chia rẽ giữa các đoàn thể đấu tranh cho dân chủ của người Việt, và ba là vấn đề phương thức hoạt động nào mới có thể sớm giải thể chế độ ? Đó là những nan đề làm cho chúng ta bối rối, và gây nên thất vọng đối với những người thiếu ý chí kiên định.

Kỳ thực những khó khăn như thế không phải riêng cho người Việt tự do, mà là chung cho những người sống với những chế độ độc tài khác, đặc biệt là những nước cộng sản còn lại. Trung cộng, Bắc Hàn, Cuba, và ngay nước Lào nhỏ bé bên cạnh cũng vậy. Dữ dội nhất phải kể Bắc Hàn. Cộng đồng người Hoa ở Hoa Kỳ càng ngày càng phân hóa dưới sự đe dọa và mua chuộc của Bắc Kinh.

Một cuộc biểu tình lớn lao như trong vụ phản đối Trần Trường treo ảnh Hồ Chí Minh và cờ Việt Cộng tại Bolsa, quận Cam - không thể có được trong cộng đồng người Hoa. Dù có một số người Mỹ không ưa việc này, nhưng vụ biểu tình đã tỏ ra niềm phấn uất của người Việt lưu vong còn rất mạnh, còn rất nhất chí. Nếu không có tâm tình nhất chí ấy, thì Cộng Sản Việt Nam đã thâm nhập vào cộng đồng người Việt hải ngoại từ lâu và cộng đồng đã tan rã tự bao giờ.

Trong những cuộc tập hợp lớn như vậy, không khỏi có những thiếu sót này nọ, nhưng không quan trọng. Quan trọng nhất là người Việt Nam đã tỏ ra cho thế giới biết rằng ta vẫn kiên quyết chống mọi khiêu khích của bọn độc tài CS, ta vẫn dương cao chính nghĩa, trong khi bao nhiêu kẻ trên thế giới khúm núm, ve vãn, bắt tay với những bạo chúa, vì lợi hay vì sợ.

Ngoảnh đi ngoảnh lại, thâm thoát gia đình chúng tôi đã ngụ cư ở Mỹ đã mười hai năm. Đời sống tạm ổn định, con cháu được tụ họp dưới một mái nhà, tuy nhỏ nhưng là một cái nhà. Một cái nhà nhỏ, ghép bằng gỗ, có lẽ là chỉ có tại Hoa Kỳ, gọi là nhà di động (mobile home), rẻ tiền tốt cho những gia đình có thu nhập kém hay cao tuổi. Nhà không to đẹp, nhưng cũng ở được, thường chung trong một khu vườn yên tĩnh, trồng nhiều hoa cỏ đẹp mắt. Xem ra rất tốt cho người ta tĩnh dưỡng - và cho cả chúng tôi nữa, nếu thực lòng muốn ngồi yên, tĩnh dưỡng cho qua ngày tháng ở đây, như bao nhiêu người già khác.

Cuốn hồi ký 54 năm lưu vong này, đến đây xin tạm dứt. Xin lỗi đã làm mất thì giờ quý báu của bạn đọc, nhưng cũng xin hẹn sẽ gặp lại trong những cuốn sau.

Tác giả

Mấy Cảm Nghĩ Cuối Sách

Đến đây kết thúc cuối II Hồi ký «Việt Nam một thế kỷ qua». Quãng đời 54 năm cá nhân tôi đã sống, cùng với gia đình và nhiều anh em, bạn hữu, tại hai bên bờ Thái Bình Dương, tuy không có gì là đặc biệt lắm, nhưng cũng có thể giúp cho bạn đọc hiểu biết thêm về những sự kiện đã xảy ra trong thời kỳ ấy.

Chúng tôi đã sống 4 năm dưới thời Quốc Dân Đảng Trung Quốc. 38 năm dưới chế độ đảng Cộng Sản Trung Quốc, và 12 năm dưới chế độ dân chủ tại Hoa Kỳ. Những cảnh ngộ đã trải qua và những điều mắt thấy tai nghe có thể làm cho các bạn suy nghĩ và tham khảo. Tôi nghĩ, đó là chuyện quá khứ, nhưng cũng còn là vấn đề hiện tại đối với chúng ta.

Giá trị của cá nhân không đáng kể, nhưng qua cuộc đời của những cá nhân, người ta có thể hiểu về lịch sử hơn, có thể hiểu hơn về những nguyên nhân đưa tới sự thăng trầm của các dân tộc. Có thể rút được kinh nghiệm dù thành công hay thất bại, dù phấn khởi hay đắng cay, để thực hiện lý tưởng ngàn xưa của người Việt : đạt tới tự do dân chủ và hạnh phúc chân chính.

Sự bất hạnh triền miên của dân tộc ta thực là bi ai. Đã hàng thế kỷ không biết thế nào là tự do, hạnh phúc. Hết thực dân lại tới cộng sản chuyên chế. Lịch sử thực là vô tình. Chúng ta cùng số phận với Trung Quốc, Bắc Hàn, Lào, Cuba. Ngay một nước nhỏ bé và lạc hậu lảng giềng như Căm Bốt nay cũng có một nền dân chủ, tuy què quặt.

Những con dân Việt may mắn chạy ra được ngoại quốc cũng đâu có hạnh phúc thực sự, vì là những phần tử lưu vong, hoặc thua chạy hoặc bị xua đuổi, không phải là tự mình muốn làm di dân. Không có gì để tự hào cả, khi có người hỏi đến việc tại sao mình tới đây, và Việt Nam hiện thời thế nào.

Những lầm lỗi trong khoảng trước sau 1945 của người Việt quốc gia, không cộng sản, đã tạo nên một thời kỳ hỗn tạp, trong đó hai thế lực tai họa - thực dân và cộng sản tranh đoạt quyền lực..., với kết cuộc là đất nước chia thành hai miền Bắc (cộng sản) và Nam (quốc gia). Chiến tranh xâm lược do miền Bắc gây ra lại gây nên biết bao tang tóc và đau thương, và rút cục miền Nam vong quốc. Thời kỳ lịch sử này đương cần các học giả, sử gia thận trọng nghiên cứu, phân tích quá trình chân thực và rút ra kinh nghiệm quý báu để cung cấp cho những phong trào đòi tự do dân chủ.

Tác giả mong rằng những chuyện đã qua ở Việt Nam, Trung Quốc và Hoa Kỳ gọi được chút hứng thú nào cho bạn đọc, và giúp ích được phần nào cho các bạn muốn nghiên cứu lịch sử và quá khứ, hay trong hoạt động. Các bạn thường giục già tôi về mọi mặt, về ý kiến, về bình luận thời cuộc, về hoạt động chính trị, nhân quyền. Tôi rất cảm động trước sự tín nhiệm của các anh em, dù tôi đã cao tuổi, và lúc nào tôi cũng cố gắng để đáp lại sự tín nhiệm ấy. Rất lấy làm tiếc đã không vừa lòng tất cả, vì sức người có hạn.

Trong suốt cuộc đời, riêng tôi đã gặp nhiều thất bại và đã phạm nhiều lầm lỗi, cho nên ngày nay phải ngụ cư ở đất Hoa Kỳ này, chưa biết đến bao giờ. Mặc dầu có hoạt động, có cố gắng, nhưng cùng với các anh em, tôi cảm thấy chưa biết bao giờ mới có thể thấy cục thế xoay chuyển. Lầm lỗi cố nhiên là của cả tập thể, và khó khăn cũng vậy. Tôi nghĩ điều cần nhất là chúng ta biết sửa đổi sai lầm, biết khắc phục chán nản, bi quan.

Thành công hay không về một cuốn sách không phải là quan trọng, đó chỉ là việc cá nhân. Nó chỉ thành công khi nào giúp ích một điều gì cho người đọc, cho xã hội.

Tác giả

Lời Bạt - Lưu Trung Khảo

Sau ngày 30 - 4 - 1975, ở hải ngoại có nhiều cuốn hồi ký xuất hiện. Các tác giả những cuốn hồi ký này hầu hết chỉ tay vào người khác để quy trách nhiệm làm cho miền Nam sụp đổ hay kể lại những năm tháng tù đầy trong các trại cải tạo. Trong các trại tù cải tạo này, nạn đói rét, bệnh tật, bạo hành, sự ngu dốt của các cán bộ quản giáo là những đề tài quen thuộc được diễn tả dưới nhiều dạng thức khác nhau.

Nổi bật trong mấy cuốn hồi ký với phong cách khác, có cuốn của bác sĩ Nguyễn Tường Bách (Việt Nam Một Thế Kỷ Qua). Cuốn Việt Nam Một Thế Kỷ Qua gồm có hai quyển. Quyển thứ nhất tác giả tự thuật thân thế từ lúc chào đời, qua thời niên thiếu cho đến lúc tham gia vào các cuộc đấu tranh chính trị để rồi phải giã từ đất nước xuất bôn qua Trung Hoa (1916 - 1946). Quyển thứ hai gồm hai phần : phần thứ nhất thuật lại thời kỳ ngụ cư ở Trung Hoa (1946 - 1988). Phần thứ hai thuật lại thời kỳ ngụ cư ở Hoa Kỳ (1988- ngày nay). Năm nay tác giả được 84 tuổi. Gần trọn đời người, vì quốc vận tác giả phải sống lưu vong nơi đất khách (54 năm). Tuy vậy, ý chí đấu tranh nơi người chiến sĩ lão thành này không vì tuổi đời mà phai pha. Trái lại theo năm tháng

ý chí đó được tôi luyện như thép cứng trong lò. Trong suốt 42 năm tá túc ở Trung Hoa, Nguyễn Tường Bách đã là một nhân chứng lịch sử Trung Hoa ở bên trong mà nhìn sâu vào cuộc chiến Quốc Cộng, thắng lợi của Hồng Quân Trung Hoa, sự thiết lập chế độ độc tài toàn trị trên một lãnh thổ rộng lớn với 800 triệu dân (1949). Tác giả cũng đã chứng kiến phong trào Thổ Địa Cải Cách, Ba Chống Năm Chống, Bước Tiến Nhảy Vọt, Cải Tạo Tư Sản, Phản Hũu cũng như cuộc Đại Cách Mạng Văn Hóa với phong trào Hồng Vệ Binh. Từ bên trong nội địa Trung Quốc, tác giả đã tai nghe mắt thấy những cuộc vận động chính trị để tiêu diệt các gia cấp và phân tử đối lập như thế nào. Người cầm đầu chỉ huy giàn nhạc đầu tở, kẻ tội, trấn áp, hành quyết các tội nhân đó không ai khác hơn là Mao Trạch Đông, tên bạo chúa tân thời mà nếu đem so sánh với Tần Thủy Hoàng thì sợ rằng cha con Hồ Hợi (cha con Tần Thủy Hoàng, Tần Nhị Thế) còn phải để đầu tôn làm sư phụ. Rất nhiều bài học đã được tác giả rút ra từ những biến cố kinh thiên động địa đó để người đọc thấy rõ bộ mặt thật của cái chế độ độc tài toàn trị, tôn thờ chủ nghĩa cá nhân. Bốn mươi hai năm ở Trung Quốc là một thời gian quá dài để tác giả chiêm nghiệm sự không tương của cái chủ nghĩa được gọi bằng «Xã Hội Chủ Nghĩa»

Qua Hoa Kỳ Nguyễn Tường Bách gặp được môi trường thuận tiện hơn nên người chỉ huy Quốc Gia Thanh Niên Đoàn năm nào lại lao mình vào cuộc đấu tranh mới hầu góp phần vào việc giải trừ chế độ độc đảng toàn trị ở bên nhà. Những bài bình luận chính trị sắc bén với những bút hiệu Viễn Sơn, Nhất Việt..., những vận động để hình thành và liên kết các tổ chức đấu tranh như Lực Lượng Việt Nam Tự Do, Dân Xã Đảng, Liên Minh Dân Chủ Việt Nam, Đại Việt Quốc Dân Đảng, Tổ Chức Phục Hưng, Tổ Chức Phục Việt... để cùng đứng chung trong Mặt Trận Dân Chủ Việt Nam. Sự hình thành Mạng Lưới Nhân Quyền, Ủy Ban Tranh Đấu cho Dân Chủ Và Nhân Quyền cũng là những bằng chứng cụ thể nhất. Không những thế, phần lớn nếu không nói là hầu hết các đoàn thể đấu tranh ở hải ngoại đều coi Nguyễn Tường Bách như một cố vấn lão thành đáng tin cậy. Gặp những chuyện khó khăn, họ đều đến gặp để vấn kế. Nguyễn Tường Bách như một cây tùng đứng sừng sững thách đố với thời gian như hình ảnh cây thông của Nguyễn Công Trứ :

*Kiếp sau xin chó làm người
Làm cây thông đứng giữa trời mà reo
Giữa trời vách đá cheo leo
Ai mà chịu rét thì trèo với thông.*

Little Sài Gòn ngày 25 - 10 - 2000

Lưu Trung Khảo

Phụ Lục

Trích Trong Cuốn Hồi ức Gia Đình Của Bảo Liên

Nguyễn Tường Bách Và Tôi - Mấy Dòng Tâm Sự

Năm 1988, chúng tôi sang định cư tại Hoa Kỳ. Do đó có dịp may mắn gặp lại nhiều người thân trong đại gia đình Nguyễn Tường cùng nhiều bạn bè cũ và mới, cho nên trong đời sống yên bình ở đây, chúng tôi cảm thấy đầm ấm và thân mật.

Từ khi tới Hoa Kỳ, anh Bách vẫn không ngừng hoạt động và có viết nhiều bài bình luận trên các báo. Một hôm ông C., một người bạn già của anh, ngỏ ý với tôi :

- «Anh Bách toàn viết những bài về chính trị. Nhưng về mặt sinh hoạt, mấy chục năm trong cuộc đời bôn ba, chắc cũng có nhiều thứ độc đáo, chị nghĩ xem có nên viết ra không ?»

Tôi cũng muốn kể lại những năm sống lưu lạc đã qua, nhưng còn ngần ngại, vì tôi đâu phải là văn sĩ, vả lại cũng không biết nên kể về gì đây ?

Có những người cháu thân tình, trong khi tâm sự, thường hỏi tôi về quá khứ, hơn nửa thế kỷ qua :

- «Hồi còn là sinh viên trường Thuốc, tại Hà Nội, tại sao chú thím lại gặp nhau ? Chuyện của chú thím, không những chúng cháu muốn biết, mà cả những người quen biết chú cũng muốn rõ».

- «Hồi đó chú vừa học giỏi, viết văn, làm thơ, lại cũng dễ thương, chắc hẳn có nhiều người thầm mến, nhưng sao chú chỉ thương thím ?»

«Cuộc đời của chú thím cũng nhiều gian truân, thăng trầm, nhưng chú thím đều vượt qua được. Cho tới ngày nay, cảm tình riêng vẫn không phai nhạt, thím nên viết ra, để mọi người hiểu biết thêm, đó là những kinh nghiệm sống động, để các con cháu có thể suy nghĩ»

Vì có nhiều người khuyến khích và cổ vũ, nên sau một thời gian ôn về quá khứ, tôi mới cầm bút viết. Ban đầu, tôi viết có vài ba chục trang, nhưng sau khi đưa cho một số người thân đọc, thì đều cho rằng, tôi viết quá ngắn ngủi, sơ sài, nên viết cụ thể hơn, và nên thêm vào những nhân vật có quan hệ mật thiết mà tôi đã gặp, và nên kể về mình nữa.

Tôi đang cố gắng định viết lại, thì tai bay vạ gió, tôi mắc phải một căn bệnh hiểm nghèo, phải mổ và chữa chạy hơn một năm trời, phải tiêm thuốc, chiếu điện ròng rã thực là khổ sở. Nhìn vào những giọt thuốc, từ từ rỏ vào mạch máu, vì không muốn để phí thì giờ trôi đi lãng phí, tôi gắng cầm bút, có khi ngồi, có khi nằm nguệch ngoạc viết, tôi cố thuật lại những sự kiện đã qua. Cuối cùng tôi viết ra được cuốn Hồi ký nhỏ này, ít ra cũng là thành thực và khách quan.

Mục đích của tôi là thêm vào những khía cạnh trong đời sống lưu lạc với những cảnh ngộ đặc biệt và kỳ lạ. Là người, tất có khuyết điểm và sai lầm, nhưng dù sao, anh vẫn là một người không vì danh, không vì lợi, và là một người chồng, người cha tốt.

Đó là lý do tôi viết cuốn Hồi ký nhỏ này.

Bảo Liên

1998

13. Bạch Hạc Động

Năm 1947, vì muốn tiết kiệm tiền thuê nhà, nên chúng tôi cùng các anh Tam, Long và các anh em khác, dọn sang Bạch Lạc Động ở. Đây là ngoại thành thành phố Quảng Châu, muốn tới đây, phải đáp tàu qua sông Châu Giang, rồi còn phải đi một quãng xa mới tới. Ở đây, có hai căn nhà bỏ trống từ lâu, vì chủ nhà không có tiền sửa chữa. Chúng tôi bỏ tiền ra chữa rồi trừ tiền nhà. Một căn có hai buồng ngủ và một buồng khách nhỏ, có bếp và sân đủ cả. Còn một căn nhỏ hơn, chỉ có một buồng rộng, chúng tôi ngăn ra làm hai, có bếp và lối đi riêng. Tiền thuê nhà mỗi tháng chỉ có 5 đồng Hong Kong.

Dù ở vào trường hợp khó khăn gian truân như thế nào, anh Bách lúc nào cũng ham mê đọc sách, để tìm những tài liệu về những vấn đề mà anh đang nghiên cứu. Anh thường hay la cà vào những tiệm sách, kể cả những tiệm sách cũ. Anh rất vui mừng khi mua được một cuốn sách mà anh cần đến, dù là một cuốn sách cũ rẻ tiền.

Lúc mới tới Quảng Châu, anh không ngại về sự giao thông bất tiện, anh thường tới thư viện đọc sách đến chiều mới về. Thư viện Xã Điện trước đây là của Pháp,

nên có nhiều sách Pháp văn và Anh văn, nhiều sách chính trị và xã hội, mọi lý thuyết trên thế giới. Những quan điểm khác nhau, làm anh đã phải suy nghĩ nhiều, và đã giúp anh một phần nào về sự nhận xét xã hội, chính trị và văn hóa sau này, và mở rộng được kiến thức cần thiết.

Còn anh Long cũng thường tay không rời sách, anh có thói quen là vừa đọc sách vừa ghi bút ký. Theo lời anh nói chuyện thường ngày, tôi thấy anh có hứng thú về chế độ dân chủ của nước Anh, vừa có vua lại vừa có thủ tướng. Nhưng tôi không đồng ý, tôi thường hay tranh luận với anh về vấn đề này, vì tôi cho rằng, còn có vua, là còn có tính chất phong kiến ! Nhưng anh thì cho rằng, chế độ này thích hợp với dân chúng Việt Nam !

Anh Tam có thói quen ngủ sớm dậy sớm. Anh thích yên tĩnh, nên anh thường quen ở buồng riêng, dù là có khi buồng rất nhỏ hẹp, anh làm việc, đọc sách hay viết lách đều ở trong buồng cả. Ít khi tôi thấy anh ra buồng khách làm việc, mà cũng ít khi thấy anh nói chuyện về gia đình vợ con.

Một lần cùng anh Tam đi uống nước trà, anh toàn nói chuyện với tôi về những phong tục kỳ lạ ở đất này. Xem ra anh có ý nghiên cứu về những vấn đề này. Thí dụ nói đến một bà lớn tuổi ở ngay trước cửa nhà. Bà ta lúc trẻ

làm nghề dệt lụa, kiếm được nhiều tiền. Theo tục, ở quê bà ta, người đàn bà có tiền lại không thích đi lấy chồng, nhưng họ lại «búi tóc», nghĩa là lấy chồng để nương tựa khi về già thôi, nên khi vừa bước chân về nhà chồng, là lấy luôn vợ bé cho chồng, mà không ăn ở với chồng ?

Chúng tôi cùng đề cập đến trong làng gần chỗ chúng tôi ở, có một bà, khi ra ngoài, thường bị dân làng chú ý, nghe nói lúc trẻ vì nhà nghèo, bị bố mẹ bán cho một nhà giàu làm «con dâu» mặc dầu con nhà này đã chết. Họ lấy về cốt để hầu hạ bố mẹ chồng, suốt đời đã phải ăn nằm với một người gố ! Thế lực phong kiến ở đây đã giết hại biết bao hạnh phúc của người phụ nữ...

Nhiều khi tôi thấy các anh viết những bài bình luận để gửi đi các nơi. Lúc đầu viết lên trên giấy bóng, in bằng tay. Sau mua được một máy in nhỏ, nhưng khá nặng, có lẽ vì thế nên mới rẻ tiền ? Xếp chữ để in đẹp hơn viết tay nhiều, nhưng vẫn phải dùng tay kéo y âm vang cả nhà.

Có khi các anh từ Vân Nam sang, hay từ Hong Kong vào, tôi thấy các anh suốt ngày họp, nhiều khi còn nghe thấy các anh lớn tiếng tranh luận, nhưng đến khi tạm nghỉ, tôi thấy các anh lại vui vẻ như thường, nhiều khi còn chạy sang chơi đùa với đứa con của chúng tôi cho vui. Anh Long yêu trẻ nhất, anh thường sang bế cháu

Lan, trông rất thạo và gọn ghẽ.

Tôi còn nhớ, trước sau hội nghị Hong Kong, có các anh Vũ Hồng Khanh, Đỗ Đình Đạo và anh Phạm Khải Hoàn từ trong nước ra. Các anh họp suốt tuần, tranh luận rất dữ dội. Nói tóm lại, lúc thường thì các anh là đồng chí, vào sinh ra tử, nhưng trong những công việc chung, mọi người đều tự do phát biểu ý kiến mình, tranh luận để đi đến chỗ quyết định chung.

Các anh sống rất thanh đạm, ngày hai bữa cơm do một bà láng giềng thuê, mỗi bữa ăn có một nồi canh rau, một món rau xào với tí thịt hay cá. Lúc đó anh Tam vì mắc bệnh đau dạ dày, nên thường ăn mì.

Hè năm 1948 trước sau có chị Long và chị Tam sang thăm các anh. Các chị đem lại nhộn nhịp và vui mừng. Chị Long đi với cháu Ánh, Ánh lúc đó độ 12 tuổi, chị có mang quần áo rét cho anh Long và cũng không quên mang áo len cho cháu Lan. Chẳng bao lâu thì có chị Tam sang thăm, chị đi với cháu Thạch. Chị mang nhiều món quà vật, mà trong đó, tôi còn nhớ là có cả mấy chai nước mắm nữa, chị cũng không quên mang quà cho cháu Lan.

Bảo Liên

Phụ Lục

Sau đây là một số tài liệu có liên quan đến một số hoạt động của tác giả, xin chỉ để tham khảo.

Tác giả

7.2000

Thơ Tặng Viễn Sơn Nguyễn Tường Bách

«Việt Nam Một Thế Kỷ Qua»,
Viễn Sơn Tường Bách tài hoa một đời
Chép ghi suốt một đời người,
Thăng trầm vụn nước khóc cười nổi trôi.
Nghe tâm sự dạ bồi hồi,
Thời gian nước chảy hoa trôi bên cầu.
Bao nhiêu biết bấy nhiêu sâu,
Giật mình tóc trắng trên đầu rụng rơi.

Kính tặng những giòng cảm xúc này cho cụ Viễn Sơn Nguyễn Tường Bách.

Từ Đà Thành tại San Jose trong buổi ra mắt cuốn Hồi Ký phần I tại San Jose tháng 1-1999.

Cảm Nghi - Những Ánh Sao Mai Trên Bầu Trời Xanh Hải Ngoại

Hà Nhân Văn (Nhà văn)

(đọc Trên Sông Hồng Cuồn Cuộn)

Một ngôi sao khác, mọc lên từ bầu trời bão tố 53, 54 năm xưa trải dài hơn nửa thế kỷ, kinh qua bao nỗi đoạn trường dâu biển mà nay ở tuổi 80, ngôi sao ấy vẫn rực rỡ, một ngôi sao lý tưởng của tuổi trẻ không những 50 năm xưa mà ngay cả bây giờ, ngôi sao Nguyễn Tường Bách, một nhân vật đã đi vào lịch sử, một nhân vật đã tham dự vào các biến cố lịch sử, đã một thời dâng hiến trọn vẹn tuổi trẻ của mình cho đất nước và dân tộc. Qua tác phẩm «Trên Sông Hồng cuộn cuộn», 665 trang khổ lớn, hình bìa thực đẹp, tuy dưới dạng tiểu thuyết, nhưng tác phẩm lớn này lại là tâm, ký của một đời người, của một thế hệ của những anh em đồng chí, một cách riêng, của một dòng họ và những thân thể bị cuốn hút trong cơn bão tố lịch sử nhưng, một cách đầy khí phách, và vẫn một chữ tâm, vẫn với lòng thành, tâm huyết, hào sảng. Những thân thể ấy tuy long đong trôi nổi mà vẫn đứng thẳng, vẫn ngay ngắn, vẫn không đổi lòng thay dạ với đồng chí, với đất nước và dân tộc mà Nguyễn Tường Bách là một, gắn bó cả đời như chim liền cánh, như cây liền cành.

Đọc «Trên sông Hồng cuộn cuộn» của BS Nguyễn Tường Bách, phải đọc từ từ, đọc trong vắng lặng và như trong cõi tỉnh không, ta mới cảm thấy tiếng cuộn cuộn của giòng sông lũ lớp lớp tràn dâng trên sông Hồng. Đã 45 năm xa cố hương, vẫn cứ biền biệt, vẫn còn nghe đủ tiếng cuộn cuộn trên giòng nước lũ đỏ ngầu ở bên đò Tân Đệ, ở ven sông nơi Trần Tế Xương đã một lần vang lời thơ ca ngợi cụ bà «quanh năm buôn bán ở ven sông...»

Thuở thơ ấu, cũng như vừa hơn một thế kỷ, kể từ cách mạng mùa thu năm xưa, có dạo gần như hàng ngày vào những năm 45, 46, 47 tôi đã nhìn thấy những xác trôi sông, có khi hai ba xác trối chặt vào nhau, có những xác đã chương phình, hai chân vẫn còn gắn chặt vào nhau vì bị trối trước khi bị máy ông CSVN cho «hóa kiếp»... Những xác chương phình, màu da đen thui bắt nắng, dạt vào bờ, nằm gác trên ghè đá ở bên Đò Quan, ở khúc sông Tân Đệ. Xác vẫn cứ lênh bệnh trên giòng sông cuộn cuộn.

Vào thời gian ấy, chàng thanh niên Nguyễn Tường Bách vẫn cứ miệt mài quên cả đời mình, quên cả thân thể, lao vào bão tố và máu lửa quê hương. Tác phẩm «Trên sông Hồng cuộn cuộn» là một kiệt tác. Tác giả là một chứng nhân lịch sử, lại là người sống trong, sống

với từng giây, từng phút, từng ngày với biến cố ấy. Biến cố đã làm nên lịch sử và cũng là những biến cố nổi lên cuộn cuộn như giòng nước lũ sông Hồng, đổ một màu máu, tuy là màu phù sa, nhưng biến cố lịch sử, những năm 45, 46 sông Hồng lại cuộn cuộn màu máu của đồng chí, đồng bào, màu của lương dân vô tội...

Viết về giai đoạn 45, 46 và về phía người quốc gia, cần phải đọc từng trang, từng giòng. «Trên sông Hồng cuộn cuộn» mới có thể giúp sử gia nhìn vào sâu thẳm, nhìn từ dưới đáy tầng mà lịch sử đạo ấy cuộn cuộn dâng như giòng thác lũ «Trên sông Hồng cuộn cuộn».

Qua tác phẩm này, bằng một bút pháp trác tuyệt đầy chân thành, hồn hậu và tự nhiên, tác giả cho ta thấy cái nông nổi rất đoạn trường của thế hệ ông, của người quốc gia vào giai đoạn thập niên 40 - 50, không thể làm được gì khác hơn. Hy sinh cho đất nước, tận tụy với lý tưởng như thế đã là quá sức. BS Bách là một thể hiện. Tốt nghiệp bác sĩ với tuổi ngoài 24, ông đã xếp gọn nếp áo trắng một nơi, khoác chỉnh y của một chiến sĩ dân tộc, đứng hơn là một lãnh tụ của một tập thể thanh niên Quốc Dân Đảng vào lúc bấy giờ. Thế rồi trôi nổi theo vận nước nổi trôi, cho đến ngày người lương y ở Phật Sơn Trung Quốc từ giã Phật Sơn qua Mỹ, từ giã một nơi mà dân ở đó coi BS Bách là một ân nhân. Cụ đến

xứ này, ngay những tháng năm đầu chưa ổn định, cụ đã tham gia vào các hoạt động đấu tranh. Cụ rất được anh em thanh niên mến mộ tôn kính. Lập trường quốc gia dân tộc của cụ vẫn sáng rõ như mặt trời trên đỉnh non cao. Một số tổ chức đấu tranh, trong đó có hệ thống VNQDD trước đây, khấn khoản mời cụ đứng ra lãnh đạo dù chỉ là tượng trưng. Cụ Bách từ nan cụ chỉ muốn làm một chiến sĩ. Cụ quả là một chiến sĩ kiên trì, đến giờ phút này, cụ vẫn âm thầm, nhưng tích cực với đại cuộc như một thanh niên 53 năm xưa.

Bầu trời VNHN là bầu trời xanh, lấp lánh nhiều vị sao hiếm quý như Kim Y nữ sĩ, như Hoàng Toại đại lão, như Nguyễn Tường Bách, người chiến sĩ cách mạng dân tộc tiên phong của những năm 45-46... Bầu trời xanh hải ngoại vẫn bừng sức sống đang thêm nhiều ánh sao mới lung linh.

(Bài này đăng trên 14 tờ báo tại Hoa Kỳ và Canada)

Ý Kiến Về Con Đường Tương Lai Và Phương Châm Đấu Tranh Của Cách Mạng Việt Nam

Viễn Sơn, 1986

(Trích lục một phần bài viết)

Một chế độ chuyên chế cực đoan theo chủ nghĩa Mác Lê Stalin được tập đoàn Hanoi cuồng nhiệt vận dụng một cách chủ quan và hiếu thắng, bất chấp cả thực trạng dân tộc dưới sự chi phối của Liên Xô, đó là nguyên nhân trực tiếp của thảm cảnh ngày nay, đồng thời cũng là sự thảm bại của chính họ và sự phá sản của chủ nghĩa đó tại Việt Nam. Đáng lẽ, nếu còn có chút lương tâm và lòng trách nhiệm trước dân tộc, họ đã phải xuống ngôi để nhường chỗ cho những người khác xứng đáng hơn lên phụng sự cho đất nước, nhưng người Cộng sản không bao giờ làm thế, không bao giờ chịu nhận tội lỗi của họ, nên họ chỉ có thể thay đổi một số người cầm đầu, thi hành một vài cải cách hời hợt để xoa dịu dân chúng với mục đích giữ vững địa vị của mình, nhưng chính sách chuyên chế và tai họa vẫn không thay đổi về gốc.

Có áp bức thì tất có phản kháng, có bạo ngược thì tất có đấu tranh. Chân lý này không những đúng tại Việt Nam, mà cả trong các nước Cộng sản, và trong tất cả

các chính thể độc tài khác. Vấn đề chỉ là phản lực yếu hay mạnh, biểu hiện dưới hình thức nào và sẽ đưa đến hậu quả thế nào mà thôi.

I.- Nguyên Nhân Của Tình Trạng Bế Tắc Hiện Thời : Những Thiếu Sót Cần Phải Khắc Phục

Ở đây chỉ xin khái lược những nguyên nhân chính về hai mặt khách quan và chủ quan, song quan trọng nhất là mặt chủ quan. Vì cuộc đấu tranh nào cũng phải tự do mình làm ra, nếu tự mình còn nhiều thiếu sót lại đổ lỗi cho khách quan thì không thể có tiến bộ. Người Quốc gia phải nhìn thẳng vào khuyết điểm của mình để sửa chữa, phải khắc phục cái bệnh không ưa phê bình, ai cũng tự cho mình là chính xác hoàn toàn của các phe Quốc gia, một nguyên nhân quan trọng của trạng thái chia rẽ.

A.- Nguyên Nhân Khách Quan là do hiện trạng mà ra; ta cần đánh giá đúng cách những khó khăn to lớn về quốc nội cũng như quốc tế. Tuy trong nội bộ đảng CSVN đã có chia rẽ, nội bộ hủ hóa, kỷ luật rời rạc, tập đoàn thống trị quan liêu cùng thói nát và vô năng, nhưng đảng CS và tập đoàn quân đội công an, hành chính v.v... vẫn còn là một khối cứng rắn để đối phó với những thế lực nào uy hiếp đến họ.

Đông đảo quần chúng đã bất mãn, căm phẫn, hy vọng thay đổi chế độ, nhưng chưa đến mức thành hình được một phong trào quy mô hay những khu căn cứ vững chắc. Hoạt động cách mạng trong dân chúng còn gặp nhiều khó khăn. Hà Nội tuy đã mất nhân tâm song còn bộ máy vũ lực, bộ máy chuyên chế để duy trì thống trị.

Đảng CSVN còn được cả Khối Liên Xô làm hậu thuẫn và viện trợ. Việt Nam còn không chế được Lào và có quân đội đang xâm chiếm Căm bốt, mong chi phối cả tài lực nhân lực toàn Đông Dương.

Trên quốc tế, như đã nói ở trên, vì VN đã đứng trong khối CS Liên Xô, nên có thể đương đầu với đe dọa từ các cường quốc khác đến, như Mỹ hay Trung quốc. Trong tình thế tay ba này, xem ra cả Mỹ hay Trung quốc cũng chưa muốn can dự thẳng vào nội bộ VN. Mục tiêu trước mắt của họ là ép VN rút quân ra khỏi Căm bốt và không làm rối ren tại Đông Nam Á, nên chỉ dùng áp lực gián tiếp bằng quân sự hay kinh tế, ngoại giao. Chính sách các nước Đông Nam Á chủ yếu cũng là tự vệ. Viện trợ quốc tế cho Phe Quốc gia Việt Nam có thể nói là chưa có gì.

B.- Về Mặt Chủ Quan : Tuy đã có cố gắng, nhưng chúng ta vẫn còn nhiều thiếu sót căn bản, nguyên nhân của thất bại :

1.- Chưa có đoàn kết rộng rãi và vững chắc thành một khối có lực lượng và ảnh hưởng lớn : Nguyên nhân chính là do mỗi phe nhóm, mỗi cá nhân đã không chịu rời bỏ thành kiến hẹp hòi hay lợi ích riêng tư để xây dựng một môi chung, hay nếu có, thì cũng dễ tan rã.

2.- Chưa có một chủ trương cách mạng có tính chất toàn diện. Khách quan và rộng rãi để làm cơ sở chung được đại đa số chấp nhận, có thể dung hòa được mọi quan niệm khác nhau và có thể làm sợi dây gắn bó được mọi phần tử đấu tranh, có thể mang tin tưởng lại cho quốc dân và chỉ dẫn về mục tiêu cùng Phương châm chiến đấu, làm cho người ta có thể tin vững ở tương lai trong bất cứ hoàn cảnh nào. Cơ sở của đoàn

kết phải dựng trên chủ trương, mục tiêu chung, chứ không phải theo cá nhân nào hay phe phái nào.

3.- Chưa có lãnh đạo chính xác, thống nhất và hữu hiệu. Do những nguyên nhân kể trên, nên chưa thể hình thành lãnh đạo tốt, tuy rằng không thiếu nhân tài. Hiện nay người ta thấy hiện tượng có rất nhiều lãnh đạo, và lãnh tụ, nhưng lại không có lãnh đạo và lãnh tụ chung có đủ tầm vóc và năng lực.

4.- Có nhiều tổ chức đấu tranh, nhưng phần nhiều không có tổ chức vững chãi, kỷ luật nghiêm cách để

đảm bảo hành động thống nhất và hữu hiệu. Có khi đông người ồ ạt, nhưng cũng chóng rời rã là vì ô hợp.

5.- Cũng không thể phủ nhận có một số phần tử không vì sự nghiệp chung, mà vì lợi ích riêng của bè phái hay cá nhân; không trung thực trước đồng bào mà chỉ muốn lợi dụng lòng tin của đồng bào; tuy số này rất ít song gây tổn hại nhiều cho công cuộc vì làm cho đồng bào hoài nghi và chán nản.

6.- Chưa đi sâu vào trong dân chúng trong nước để cổ động mạnh và tổ chức đồng bào tham dự vào đấu tranh. Cũng như trong thời Pháp thuộc xưa kia, không đi sâu và tổ chức rộng rãi quần chúng là một nguyên do chính của sự bó tay của Phe Quốc gia hồi tháng 8-45.

Thiếu sự đoàn kết rộng rãi, thiếu chủ trương Phương châm chung, thiếu lãnh đạo chính xác và tổ chức vững chắc, lại thiếu Phương pháp động viên đông đảo dân chúng, thiết tưởng đó là nguyên nhân chính của sự bế tắc hiện thời.

II.- Tính Chất Và Nhiệm Vụ Cuộc Cách Mạng Việt Nam Hiện Nay : Cách Mạng Dân Tộc Dân Chủ Mới

Theo những nhận xét ở trên về truyền thống và trào lưu tiến hóa chính của dân tộc, cùng trào lưu chính của nhân loại ngày nay, căn cứ trên thực trạng đất nước và nguyện vọng mãnh liệt sâu xa của toàn dân, tính chất cuộc cách mạng VN hiện nay là Một Cuộc Cách Mạng Dân Tộc Dân Chủ Mới. Mới ở đây có ý nghĩa là tại trong một thời đại, hoàn cảnh mới khác hẳn với trước kia, và mang nội dung mới.

Khái niệm dân tộc dân chủ phù hợp với yêu cầu khách quan và chủ trương của các nhóm đấu tranh hiện nay. Đây là một khái niệm không những chính xác, mà còn toàn diện và có hệ thống. Khái niệm dân tộc đáp ứng với truyền thống dân tộc và yêu cầu chân chính độc lập, tự chủ, bình đẳng và tiến bộ. Khái niệm dân chủ đáp ứng với nguyện vọng hủy bỏ chuyên chế, xây dựng một chế độ thực sự tự do, dân chủ, đảm bảo quyền làm người và quyền sống yên ấm cho dân ta đã chịu đau khổ trong hàng thế kỷ. Khái niệm dân tộc dân chủ là một, hai mặt phải gắn liền với nhau, thiếu một cũng không được.

Khái niệm dân tộc dân chủ là Một Khái Niệm Cách Mạng vì dân tộc và dân chủ phải do đấu tranh tích cực của muôn vàn quốc dân mà nên, chứ không phải do sự van xin hay nhờ vả bất cứ ai. Muốn thắng, người Việt phải tự lập, tự cường, tự mình chiến đấu trước hết, ta cần tranh thủ sự giúp đỡ của quốc tế, song phải gạt bỏ tính ỷ lại vào người khác.

1986 tại Trung Quốc

Hoạt Động Kết Hợp

Biên Bản Hợp Của «Văn Phòng Phối Hợp»
(Các tổ chức đấu tranh cho Việt Nam Tự Do)

Địa điểm : Trụ Sở Văn Phòng Phật Giáo Hòa Hảo
Tại thành phố Santa Ana, California
Ngày giờ : 7g30 tối ngày 10 tháng 12 năm 1988

Thành phần tham dự :

Ông Nguyễn Văn Tại - Liên Minh Dân Chủ

Lý Văn Bảo - Liên Minh Dân Chủ

Thành Nam - Dân Xã Hòa Hảo

Trần Đức Thanh Phong - Ủy Ban Liên Lạc Kết Hợp

Nguyễn Tường Bách - Ủy Ban Liên Lạc Kết Hợp

Nguyễn Như Tấn - Lực Lượng Người Việt Q. Gia

Trần Văn Vui - Đại Diện Dân Xã

Trần Minh Công - Đại Diện Lực Lượng VN Tự Do

Các thành phần hiện diện thảo luận và đồng ý các điểm sau :

I. Xác nhận lại nhiệm vụ của Văn Phòng Phối Hợp :

1) Liên lạc, thông tin

2) Nghiên cứu

3) Thảo kế hoạch hoạt động chung phối hợp

4) Thảo kế hoạch thực hiện việc kết hợp rộng rãi hơn

Đại Hội Các Tổ Chức Tranh Đấu Cho VNTD

Biên Bản

Địa điểm : Tại Santa Ana, California Thời gian : Ngày 16 tháng 9 năm 1989, từ 9 giờ đến 19 giờ

Ngày 17 tháng 9 năm 1989, từ 9 giờ đến 18 giờ.

Thành phần tham dự :

Việt Nam Quốc Dân Đảng : Ô. Lê Văn Nhân, Võ Văn Kỳ, Lê Duy Việt, Viết Hưng, Nguyễn Hòa Quang, Trần Phước Thành, Phạm Quân.

Việt Nam Dân Chủ Xã Hội Đảng : Ô. Lê Phước Sang, Huỳnh Hoàng, Huỳnh B. Thanh, Huỳnh Chính.

Mặt Trận Việt Nam Tự Do : Ô. Hà Thúc Ký, Nguyễn Nguyên Ân, Nguyễn Văn Đức.

Liên Minh Dân Chủ V.N : Ô. Nguyễn Ngọc Huy, Lý Văn Bảo, Hoa Thế Nhân.

Lực Lượng V.N.T.D : Ô. Trần Vũ Bản, Trần Minh Công, Tr.H.Châu, Phạm Đình Đệ, Phạm Văn Chung.

Liên Minh Toàn Dân V.N.Q.G : Ô. Hoàng Ngọc Cẩn, Trần Văn Nam, Lê Thái.

Tổ Chức Phục Hưng VN : Ô. Trần Văn Sơn, Trần Trọng Ngà, Nguyễn Như Tấn.

Nhóm Dân Quyền Canada : Ô. Trương Chí Vũ, Nguyễn Nhật Phương, Từ Uyên, Đinh Vũ, Châu Võ Thành Tường.

Tổ Chức Phục Việt Âu Châu : Ô. Nguyễn Văn Trần.

Nhân Sĩ Tranh Đấu : Ô. Nguyễn Tường Bách

Ô. Nguyễn Long Thành Nam

Ô. Trần Đức Thanh Phong

Ô. Hà Thế Ruyệt

Ô. Nguyễn Sĩ Hưng.

Ô. Đặng Đình Khiết.

Ô. Lưu Trung Khảo

Ô. Phạm Ngọc Lũy

Ô. Bùi Diễm

Ô. Nguyễn Từ Quân

Ô. Nguyễn Tiến Đại

Cụ Nguyễn Tường Bách đại diện VPPH đọc diễn văn khai mạc.

Sau khi Đại Hội đóng góp ý kiến một cách tích cực về vấn đề danh xưng để làm sao cho phù hợp với mô thức trung hòa. Cuối cùng Đại Hội đã đồng ý một danh

xung lấy tên là :

«Ủy Ban Điều Hợp Các Tổ Chức Tranh Đấu Cho Việt Nam Tự Do» và kế tiếp Đại Hội bàn thảo đến Văn Phòng Phối Hợp Trung Ương...

9.89

Phong Trào Tranh Đấu Cho Tự Do Và Dân Chủ Tại Việt Nam

Tuyên Ngôn (Trích)

Tháng 2-1990

Trước nỗi thống khổ của nhân dân và cao trào tranh đấu cho tự do dân chủ đang lan rộng khắp thế giới, chúng tôi, những người dân Việt Nam không chấp nhận chế độ Cộng Sản ký tên dưới đây, thành khẩn kêu gọi toàn thể đồng bào trong cũng như ngoài nước, không phân biệt thành phần xã hội, quá khứ chính trị hay màu sắc tôn giáo, cùng kết hợp lại thành một lực lượng quần chúng mạnh mẽ và phối hợp hành động nhằm mục đích:

1. Rút ngắn tiến trình suy sụp của chế độ Cộng sản tại Việt Nam hầu sớm chấm dứt nỗi thống khổ của nhân dân và sự tàn hại của đất nước.

2. Sau khi dẹp bỏ chế độ Cộng sản, xây dựng lại đất nước trên nền móng dân chủ đa nguyên, theo đường lối kinh tế tự do, trong đó nhân quyền, quyền tư hữu và các tự do căn bản của con người được tôn trọng. Đối với việc thăng tiến hoàn cảnh xã hội và kinh tế, mọi người được hưởng cơ hội đồng đều. Tất cả quốc dân đều có quyền tham dự vào các cơ cấu và sinh hoạt quốc gia.

Đề đạt được hai mục đích đó, chúng tôi đề nghị một số công việc cụ thể sau đây :

1. Tạo áp lực buộc tập đoàn lãnh đạo Cộng sản Việt Nam phải gấp rút từ bỏ độc quyền chính trị, trả quyền lại cho toàn dân qua các cuộc bầu cử tự do;

2. Vận động dư luận quốc tế yểm trợ phong trào tranh đấu đòi tự do, dân chủ và nhân quyền tại Việt Nam. Liên kết với các phong trào tranh đấu tại những nước Cộng sản để trao đổi kinh nghiệm và phối hợp hành động.

3. Nghiên cứu những biện pháp ổn định tình thế và chuẩn bị kế hoạch tái kiến thiết đất nước trong giai đoạn hậu Cộng sản.

Chủ thuyết Cộng sản đã hoàn toàn sụp đổ. Các chế độ độc tài Cộng sản đã hoặc sắp hoàn toàn tiêu vong. Chúng tôi kêu gọi những đảng viên Cộng sản, những nhân viên trong guồng máy cai trị hiện tại và quân đội các cấp ý thức rõ hướng tiến tất yếu của lịch sử, gấp rút tìm tới hợp tác với những người yêu nước để tự cứu và cùng cứu đất nước. Sau khi tỉnh cơn ác mộng Cộng sản, mọi người Việt đều có quyền có một chỗ đứng trong việc xây dựng lại một nước Việt Nam tự do, dân chủ trong tương lai. Tuy dẹp bỏ chế độ Cộng sản chậm hơn một số dân tộc trên thế giới, nhưng với ý chí sắt đá của

hơn 60 triệu khối óc tinh anh, dân tộc ta sẽ mau theo kịp bước tiến chung của nhân loại.

Làm tại quốc ngoại ngày 11 tháng 2 năm 1990

California : Nguyễn Tường Bách, Mai Thái Bằng, Phạm Quốc Bảo, Trần Huy Bích, Nguyễn Văn Canh, Trần Huỳnh Châu, Phạm Văn Chung, Nguyễn Văn Chuyên, Trần Minh Công, Phạm Cao Dương, Việt Dzũng, Đường Thiện Đồng, Lm Đỗ Thanh Hà, Nguyễn Thanh Hà, Phạm Khắc Hàm, Trần Đức Hiếu, Nguyễn Hữu Hòa, Nguyễn Mạnh Hoàn, Phạm Quân Hồng, Trần Phi Hùng, Đặng Bá Huy, Nguyễn Tiến Ích, Lưu Trung Khảo, Hoàng Văn Kim, Nguyễn Ngọc Kỳ, Trần Hoàng Lan Đài, Tô Thế Liệu, Nguyễn Thành Long, Ung Quốc Nam, Nguyễn Thị Ngọc Dung, Trần Văn Nhựt, Vũ Quang Ninh, Trần Hữu Phúc, Dương Phục, Nguyễn Ngọc Quỳnh, Phạm Văn Quỳnh, Sơn Rotha, Đỗ Anh Tài, Nguyễn Tấn, Đặng Cao Thắng, Lm.Lê Văn Thắng, Nguyễn Thanh, Nguyễn Phương Thanh, Trần Đức Thanh Phong, Vũ Thanh Thủy, Nguyễn Thị Thế Thủy, Lê Tinh Thông, Trịnh Y Thư, Lê Duy Thuần, Mai Văn Tim, Trần Đức Trung, Vũ Ngọc Tuyền, Trần Văn, Nguyễn Thượng Vũ.

Georgia : Nguyễn Đức Liên

Illinois : Việt Dương Hoàng Văn Giang

Louisiana : Đỗ Kiểm, Nguyễn Như Nguyên

Maryland : Lê Văn Ba

Michigan : Toàn Phong Nguyễn Xuân Vinh

New Hampshire : Phạm Đình Đệ

Oregon : Bùi Văn Anh

Virginia : Phạm Cát, Nguyễn Thị Hoàng Bắc, Đặng Đình Khiết, Phạm Ngọc Lũy, Ngô Vương Toại.

Miền Đông Canada : Nguyễn Văn Công, Nguyễn Văn Cường, Võ Kỳ Điền, Nguyễn Thị Hiền, Trần Trung Lương, Hth. Thích Tâm Châu, Nguyễn Văn Thời, Trần Phương Thu, Hoàng Văn Thuận, Tôn Thất Tuệ, Lâm Thu Vân, Trương Trí Vũ.

Miền Tây Canada : Lê Minh Đức, Võ Ngọc Khôi

Tuyên Cáo - Thành Lập Mặt Trận Dân Tộc Dân Chủ Việt Nam

Tám tổ chức chính trị và chính đảng, cùng các chiến sĩ cách mạng dân tộc có tên dưới đây nhận định rằng :

Sau gần nửa thế kỷ cầm quyền tại miền Bắc và 16 năm kiểm soát trọn lãnh thổ, tập đoàn lãnh đạo Cộng Sản Việt Nam đã đưa đất nước và dân tộc vào một tình trạng cực kỳ bi đát. Trong khi các nước Đông Á và Đông Nam Á, sau thế chiến thứ hai, đã phục hưng mạnh mẽ, ổn định về chính trị, thịnh vượng về kinh tế, thì Việt Nam trở nên một trong những nước nghèo đói và chậm tiến nhất trên thế giới. Ngày nào Đảng Cộng Sản còn cầm quyền cai trị ở Việt Nam, ngày đó đất nước và dân tộc còn điêu linh thống khổ. Mọi người dân Việt có quyền và có bổn phận kết hợp lại lật đổ hệ thống cai trị tàn bạo, bất lực và bất xứng đó hầu mang lại tự do, dân chủ và ấm no cho toàn thể dân chúng.

Để tạo sức mạnh đấu tranh, việc kết hợp các tổ chức có chung một mục đích, cùng chung một lập trường là một điều kiện tất yếu.

Tiến trình kết hợp đòi hỏi kiên nhẫn và thời gian để thống nhất ý chí và hành động. Ngày 10 tháng 12 năm 1988, các chính đảng, tổ chức đấu tranh và một số chiến sĩ cách mạng dân tộc đã khởi sự đặt nền tảng cho việc kết hợp. Ngày 17 tháng 9 năm 1989, Ủy ban Điều hợp các Tổ chức Tranh đấu cho Việt Nam Tự Do chính thức ra đời. Sau hơn hai năm âm thầm hoạt động, ngày 26 tháng 5 năm 1991, tại California (Hoa Kỳ) các Tổ Chức Tranh Đấu cho Việt Nam Tự Do đã đi đến một quyết định quan trọng.

Thành lập Mặt Trận Dân Tộc Dân Chủ Việt Nam.

Mặt Trận Dân Tộc Dân Chủ Việt Nam (MTDĐTDCVN) tự nguyện cùng toàn dân tiến hành một cuộc đấu tranh triệt để, toàn diện và trường kỳ để loại bỏ chế độ chuyên chính cộng sản hầu xây dựng một nước Việt Nam tự do, dân chủ và phú cường.

Đi ngược lại trào lưu tiến hóa của nhân loại và khát vọng của toàn dân, CSVN nhất định thất bại.

Với ý chí đấu tranh sắt đá của toàn dân Việt, cuộc Cách Mạng Dân Tộc Dân Chủ nhất định thành công.

Làm tại California

Ngày 26 tháng 5 năm 1991

- Cơ Sở Dân Quyền
- Liên Minh Dân Chủ Việt Nam
- Liên Minh Toàn Dân Việt Nam
- Lực Lượng Việt Nam Tự Do
- Mặt Trận Việt Nam Tự Do
- Tổ Chức Phục Việt
- Việt Nam Dân Chủ Xã Hội Đảng
- Việt Nam Quốc Dân Đảng
- Một số Chiến Sĩ Cách Mạng Dân Tộc

Chính Nghĩa - Mười Điểm Chính Sách Của Người Việt Tự Do Hải Ngoại

Trước tình thế mới về quốc nội và quốc tế, trước cảnh hỗn loạn về mọi quan niệm trong đường lối hành động đối với chế độ độc đảng chuyên chính Cộng Sản hiện nay, người Việt tự do ta cần xác định mười điểm then chốt sau đây để làm chính sách chỉ đạo cho mọi hoạt động đấu tranh.

1. Kiên quyết đấu tranh để thực hiện mục tiêu giải trừ chế độ độc đảng chuyên chính, thiết lập một chế độ Tự Do Dân Chủ thực sự, tiến tới xây dựng một quốc gia Việt Nam hòa bình, thịnh vượng và tiến bộ.

2. Đường lối hoạt động chung là đấu tranh toàn diện, trường kỳ và không thỏa hiệp. Đấu tranh chính trị và vận động toàn dân, gây dựng phong trào quần chúng đủ rộng lớn để thực hiện mục tiêu chung là trọng tâm công tác trong giai đoạn hiện tại. Phong trào này gồm tất cả mọi giai tầng, mọi chủng tộc, mọi tôn giáo tín ngưỡng.

3. Trong chế độ Tự Do Dân Chủ tương lai, các chính đảng kể cả đảng Cộng Sản Việt Nam đều có thể hoạt động với điều kiện là triệt để tuân thủ Hiến Pháp Dân Chủ mới, và pháp luật Quốc Gia.

4. Không thể hợp tác với đảng Cộng Sản và chính quyền hiện tại khi chế độ chuyên chính độc đảng còn được duy trì. Chủ trương «hợp tác ôn hòa» để cùng xây dựng đất nước không những chỉ là ảo tưởng, mà còn sai lầm và có hại, vì thực chất chỉ là một sự đầu hàng trá hình, phủ nhận mọi sự đấu tranh chống áp bức.

5. Chủ trương «đổi thoại vô điều kiện» với CSVN cũng là sai lầm và có hại vì dựa trên lập luận của CS đã sút kém lắm, đương muốn tìm lối thoát qua đổi thoại với người Việt Quốc Gia. Ta không thể van cầu đổi thoại, và đổi thoại chỉ nên có khi ta có hậu thuẫn mạnh, và với điều kiện có lợi cho công cuộc đấu tranh Dân Chủ.

6. Cũng vì vậy, chủ trương «hòa giải hòa hợp dân tộc» với CSVN chỉ có thể đưa ra trên nguyên tắc họ chấp nhận một thể chế dân chủ thực sự, và từ bỏ chuyên chính độc đảng. Không có lý gì hòa giải hòa hợp với một chính quyền độc tài chuyên chế, vì như thế chỉ là thừa nhận chính quyền đó và tổn hại đến công cuộc chung.

7. Luận điệu «CS nay đã chết» hay «đương chờ chết», và sớm muộn «CS cũng sẽ tự đổi sang dân chủ» là một luận điệu phi lý có hại, gieo ảo tưởng trong đồng bào và làm lu mờ công cuộc đấu tranh, lu mờ bản chất CS. CSVN gần đây vẫn đàn áp mọi chống đối hay bất đồng

chính kiến.

8. Lập luận phát triển về kinh tế nhất định sẽ đưa tới dân chủ mà không cần đấu tranh chính trị, không cần cải cách về chính trị là sai lầm và có hại, vì giúp cho CSVN hợp lý hóa nền độc tài chuyên chế, hóa giải mọi nỗ lực chống đối. Không có một quốc gia nào đã đạt tới tự do dân chủ mà không qua đấu tranh của nhân dân.

9. Truyền thống dân tộc Việt không bao giờ chủ trương lấy hận thù làm căn bản của đấu tranh, nhưng việc «xóa bỏ hận thù» phải do chính người CS thực hiện bằng cách từ bỏ chính sách chuyên chế, đàn áp, khủng bố.

10. Trong tình hình hiện tại, tiếp tục vận động Hoa Kỳ không thiết lập bang giao với CSVN như một áp lực với Hà Nội, đồng thời chuẩn bị đáp ứng thích nghi với mọi tình thế một khi chính sách của Hoa Kỳ thay đổi về quan hệ ngoại giao với CSVN.

Ủy Ban Đấu Tranh cho Dân Chủ và Nhân Quyền tại
Việt Nam, 12/94

Quyết Định Của Đại Hội Nhân Quyền

Tại Santa Ana California, Hoa Kỳ Ngày 1 và 2 tháng 11 năm 1997

Trước tình trạng vi phạm nhân quyền ngày càng trầm trọng tại Việt Nam cũng như để đáp ứng nhu cầu liên lạc và phối hợp các nỗ lực đấu tranh nhân quyền, chúng tôi gồm một số cá nhân và đoàn thể đấu tranh cho nhân quyền đến từ Montreal (CAN); Alexandria (VA); Baltimore (MD); Dallas (TX); Miami (FL); New York (NY); Phoenix, Glendale, và Tucson (AZ); Washington DC, Los Angeles, Orange County, San Diego, San Francisco, và San Jose (CA) đã gặp nhau để hội thảo về nhân quyền trong hai ngày 1 và 2/11/1997 tại Santa Ana, California, Hoa Kỳ.

Sau hai ngày tích cực thảo luận và trao đổi các kinh nghiệm đấu tranh nhân quyền, chúng tôi đồng thanh quyết nghị :

1. Thành lập «Mạng Lưới Nhân Quyền» như một phương tiện liên lạc, trao đổi tin tức và phối hợp hành động giữa các cá nhân và tổ chức nhân quyền để gia tăng hiệu năng đấu tranh chung.

2. Kêu gọi các tổ chức đấu tranh cho nhân quyền Việt Nam trên khắp thế giới tham gia «Mạng Lưới Nhân Quyền» để các nỗ lực đấu tranh được phối hợp nhịp nhàng và đồng loạt tại nhiều nơi.

3. Kêu gọi đồng bào mọi giới tham gia và tiếp tay «Mạng Lưới Nhân Quyền» trong nỗ lực tố cáo vi phạm nhân quyền tại Việt Nam trước công luận thế giới và cùng chúng tôi liên tục đấu tranh cho tới khi nhân quyền được thật sự tôn trọng tại Việt Nam.

4. Kêu gọi các quốc gia tự do trên thế giới, các tổ chức nhân quyền, các cơ quan truyền thông Việt Nam và quốc tế tích cực yểm trợ công cuộc đấu tranh cho tự do, dân chủ và nhân quyền tại Việt Nam. Các thành viên tham dự Đại Hội đồng thanh nghị quyết.

Làm tại Santa Ana, California, Hoa Kỳ, ngày 2-11-1997

Tiểu Sử Tác Giả

Nguyễn Tường Bách, sinh năm 1916 tại huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương, miền Bắc Việt Nam.

Con út trong gia đình 7 người : Nguyễn Tường Thụy, Nguyễn Tường Cẩm, Nguyễn Tường Tam (Nhật Linh), Nguyễn Tường Long (Hoàng Đạo), Nguyễn Thị Thế, Nguyễn Tường Lân hay Vinh (Thạch Lam), Nguyễn Tường Bách (Viễn Sơn).

Từng theo học trường Bưởi, trường Albert Sarraut, đại học Y Khoa Hà Nội, tốt nghiệp năm 1944.

Từ trẻ viết báo, làm thơ, truyện ngắn trên các tờ Phong Hóa, Ngày Nay.

Năm 1939, tham gia đảng Đại Việt Dân Chính cùng Nguyễn Tường Tam, Nguyễn Gia Trí, Khái Hưng, Nguyễn Tường Long v.v... Năm 1942, Thạch Lam qua đời, tác giả phụ trách nhà xuất bản Đời Nay.

1943, Đại Việt Dân Chính hợp nhất với Việt Nam Quốc Dân Đảng; 1945, VNQDD kết hợp với Đại Việt Quốc Dân Đảng dưới danh nghĩa chung Quốc Dân Đảng.

3-1945, sau khi Nhật đảo chính Pháp, làm Giám Đốc tờ Ngày Nay bộ mới với sự cộng tác của Khái Hưng, Hoàng Đạo, hô hào độc lập, dân chủ.

8-1945, Việt Minh cướp chính quyền. Cùng với Việt Nam Cách Mệnh Đồng Minh Hội, Việt Nam Quốc Dân Đảng ra hoạt động công khai. Tác giả là ủy viên trung ương, phụ trách tờ Việt Nam chống đối chính sách của đảng Cộng Sản, rồi phụ trách công tác tuyên truyền, công tác tổ chức đảng.

Sáng lập Quốc Gia Thanh Niên Đoàn, nhiệm đoàn trưởng.

Tháng 5-46, tình thế cấp bách, lên Đệ Tam Chiến Khu (gồm từ Vĩnh Yên tới Lao Kay), phụ trách Chỉ Huy Bộ cùng với Vũ Hồng Khanh. Tháng 6-46, Việt Minh tăng cường võ trang công kích; tháng 7, phải rút lên Yên Bái, Lào Kay. Tháng 8-46, sang Trung Quốc hoạt động ngoại viện và liên lạc với các tổ chức người Việt ở hải ngoại.

Cuối 46, lập gia đình tại Côn Minh, với Hứa Bảo Liên.

1947 từ Vân Nam sang Hong Kong, Quốc Dân Đảng không tán thành giải pháp Bảo Đại với những điều kiện

Pháp đưa ra, và chủ trương tiếp tục hoạt động bí mật.

8-1948, Hoàng Đạo đột nhiên mất trên xe lửa từ Hong Kong về Quảng Châu.

Tình thế Trung Quốc biến chuyển. Một số anh em trở về quốc nội. Vì không muốn trở về khu Pháp, tác giả cùng một số anh em ở lại Trung Quốc. Từ 1950, hành nghề bác sĩ tại Phật Sơn, Quảng Đông, cho tới khi về hưu.

Cùng gia đình sinh sống tại Phật Sơn cho tới năm 1988 di dân sang Hoa Kỳ, định cư tại Nam California. Tác giả tiếp tục hoạt động cho tự do, dân chủ và nhân quyền tại Việt Nam, góp sức vào việc đoàn kết và tổ chức một số phong trào liên minh và mặt trận. Hiện là cố vấn của Mạng Lưới Nhân Quyền Việt Nam. Tác giả cuốn tiểu thuyết «Trên Sông Hồng cuộn cuộn» và tập Hồi ký «Việt Nam một thế kỷ qua» phần I (1998) và phần II (2001). Viết nhiều bài bình luận dưới bút hiệu Viễn Sơn.